TẠ THANH SƠN
TS.NGUYỄN NGỌC HÀ - TS.THÁI THÀNH VINH
TS.PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

162 Đề và BÀI LÀM VĂN CHỌN LỌC 9

Dùng để:

- TỰ ĐỌC VÀ TỰ HỌC
- ÔN LUYỆN NÂNG CAO CẢM THỤ VĂN HỌC
- VƯƠN LÊN HỌC KHÁ VÀ GIỎI NGỮ VĂN
- ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TẠ THANH SƠN
TS. NGUYỄN NGỌC HÀ - TS. THÁI THÀNH VINH
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

162
ĐỀ VÀ BÀI LÀM VĂN
CHỌN LỌC
9

Dùng để:

- TỰ ĐỌC VÀ TỰ HỌC
- ÔN LUYỆN NÂNG CAO CẢM THỤ VĂN HỌC
- VƯƠN LÊN HỌC KHÁ VÀ HỌC GIỎI NGỮ VĂN
- ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Các em học sinh quý mến.

162 đề và bài làm văn chọn lọc 9 là cuốn sách thứ tư trong bộ sách cùng loại về Ngữ văn Trung học cơ sở.

Cấu trúc cuốn sách gồm có 5 phần: *Văn thuyết minh, Văn tự sự, Văn nghị luận văn hóa, chính trị, xã hội, Văn nghị luận văn học, Văn thơ nước ngoài*. Trong đó, Văn nghị luận văn học là phần trung tâm, trọng tâm của cuốn sách.

- *Văn thuyết minh*	: 32 bài
- *Văn tự sự*	: 14 bài
- *Văn nghị luận văn hóa, chính trị, xã hội*	: 7 bài
- *Văn nghị luận văn học*	: 97 bài
- *Văn thơ nước ngoài*	: 12 bài

Các thao tác, kĩ năng như: bố cục, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, phân tích – trích dẫn, giải thích, chứng minh, bình luận, giới thiệu - được thể hiện một cách cụ thể tường minh. Chất văn và tính biểu cảm được đặc biệt quan tâm trong tất cả các bài văn chọn lọc hiện diện trong cuốn sách.

162 đề và bài làm văn chọn lọc 9 là tài liệu để tự đọc và tự học, nhằm giúp các em học sinh lớp 9 ôn luyện và vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã học tập được ở lớp, ở trường trong năm học. Nó không chỉ giúp các em tích luỹ kiến thức, rèn luyện kĩ năng Ngữ văn để làm tốt các bài Tập làm văn định kì trong năm học mà còn là tài liệu thiết thực, hữu ích và đáng tin cậy để các em ôn tập có thể làm bài tốt, giành được điểm ưu thắng trong kì thi lên lớp 10 Trung học phổ thông sắp tới.

Hi vọng ***162 đề và bài làm văn chọn lọc 9*** sẽ trở thành người bạn nhỏ thân thiết đối với các em học sinh lớp 9 gần xa. Mong các em sử dụng cuốn sách một cách sáng tạo để tự đọc, tự học và ôn luyện Ngữ văn.

Chúc các em vươn lên học giỏi và sớm thành đạt.

Nhóm Văn học Thuận Hóa
Chủ biên
Tạ Thanh Sơn

PHAN THU NHAT
VĂN THUYẾT MINH

BÀI SỐ 1

Đề bài: Thuyết minh một loài hoa, quả.

Quả phật thủ

Phật thủ là là loại cây thuộc *họ cây vân hương*. Mỗi năm cho trái một lứa; chí vào mùa đông. Trái phật thủ có hình dáng kỳ lạ: phía dưới gần cuống hình tròn, phí trên mọc như hình bàn tay mở ra có các ngón. Phật thủ nghĩa là tay phật.

Trái phật thủ chưa chín có màu xanh, khi chín chuyển màu vàng tươi, vỏ ngoà nổi lên các núm vú, không có múi và hạt.

Trái phật thủ chín cũng không ăn tươi được, nhưng rất thơm, hương dìu dịu lân lâng. Quả chín đem thái thành miếng nhỏ, đem sấy hoặc phơi khô, càng để lưu niê càng tốt, gọi là trần phật thủ. Trần phật thủ đem hãm, hoặc sắc thành vị thuốc để tr đờm, giảm ho, chữa trị chứng buồn nôn, tức ngực.

Phật thủ được trồng nhiều ở miền Nam nước ta. Mân ngũ quả ngày Tết trên bà thờ tổ tiên không thể không có trái phật thủ. Nó được bày ở vị trí trung tâm. Màu vàn tươi, mùi thơm ngát của phật thủ như làm đẹp làm thơm lên nhiều lần cam, quý hồng, bưởi... trên mâm ngũ quả.

Chọn phật thủ phải chọn quả to, có dáng hình xinh đẹp, mềm và dai, vỏ xan hoặc vàng...

BÀI SỐ 2

Đề bài: Thuyết minh một loài hoa, quả.

Quả xoài

Cây xoài thuộc *họ cây sơn*. Ở miền Nam nước ta trồng rất nhiều xoài.

Xoài thuộc thân cây gỗ, lưu niên; có cây xoài cao to, sum suê như cây đa, câ dề. Các nhà làm vườn dùng cách chiết cành có thể tạo ra những cây xoài chỉ cao hơ đầu người đã cho hàng trăm quả mỗi vụ.

Hoa xoài trăng trắng, nở thành từng chùm. Ong rất thích hoa xoài. Mùa ho ong kéo đến dập dìu hút mật, lúc nào cũng nghe tiếng vù vù trên các vòm lá, chùi hoa. Quả xoài có nhiều tên: *quả vọng, quả mật vọng, quả lương cái*.

Xoài chín rộ vào mùa hè, mùa thu. Quả tròn dẹt hoặc hình quả thận. Lúc chí màu vàng bóng; thịt xoài vàng tươi, nhiều nước, hương thơm, vị ngọt. Hạt xoài to dẹ có xơ trông tựa như cái mõ chùa bé xíu.

Xoài được tôn vinh là "*vua của các loài quả*" trong vườn cây ăn trái. Quả xoà chứa nhiều vi- ta- min C, B1, B2, ca- rô- ten, đường, prô- tít, v.v...

Xoài tượng, xoài cát, xoài thanh ca, xoài voi, xoài cơm, xoài quéo,... thứ nà cũng quý và thơm ngon.

BÀI SỐ 3

Đề bài: Thuyết minh một loài hoa, quả.

Quả vải

Vải là loài cây thuộc *họ vô hoạn tử*. Quả vải còn gọi là quả tu hú. Tháng 6, áng 7 hằng năm, tu hú kêu tha thiết bồi hồi trên đồng quê cũng là mùa vải chín rộ. Mùa vải, trên những vùng đồi Bắc Giang, vải chín đỏ đất trời. Vải thiều Thanh Hà uộc tỉnh Hải Dương là thơm ngon nhất.

Quả vải hình cầu hoặc hình trứng, vỏ trông sần sùi như có gai trên bề mặt, khi hín chuyển thành màu đỏ. Thịt quả vải tươi gần như trong suốt, màu trắng mềm, ọng nước, vị ngọt, mùi thơm. Quả vải càng nhỏ hạt càng quý.

Cành vải giòn, nếu quả nhiều quá sẽ làm gãy cành nên cần phải dùng cây chống đỡ.

Cùi vải có thể ăn tươi, sấy khô, hoặc làm vải hộp, có giá trị kinh tế cao. Vải ươi, quả to, múi dày trắng, có vị ngọt thơm là vải quý. Vỏ và hạt vải, phơi khô, tán ột làm thuốc chữa trị bệnh lị, bệnh mẩn ngứa, đái dắt, đái nhiều.

Vải là đặc sản của phương Nam được các vua chúa đời Đường hết sức trọng ọng coi là "*Vua của các loại quả*". Nhà thơ Bạch Cư Dị đã ca ngợi như sau: "*Bóc ra úi trắng như thuỷ tinh, ăn lại mềm như tuyết xốp, mùi vị thật tuyệt vời, thật không hổ anh*". Nhà văn Vũ Bằng trong tác phẩm "*Thương nhớ mười hai*" coi quả vải là thời rân của Bắc Việt.

BÀI SỐ 4

Đề bài: Thuyết minh về một loại cây ăn quả.

Cây dừa

Dừa là cây thuộc họ cọ, có nguồn gốc ở vùng Đông Nam Á, ở Ma-lai-xi-a. Miền Nam nước ta trồng nhiều dừa; ở Bến Tre dừa trồng thành rừng. Dừa xiêm to quả, ừa lửa nhiều quả.

Gốc dừa to, mốc thếch, có nhiều khoanh nhiều ngấn. Tàu dừa uốn cong, lá dài, ứng và bóng, có thể lợp nhà. Hoa dừa trắng phau như hoa cau, mỗi năm có hai lứa. Mỗi cây dừa có nhiều buồng; mỗi buồng dừa có thể trên dưới mười quả. Quả dừa hình ròn, hình trứng hoặc có dáng ba cạnh, quả dài độ 20- 35cm, đường kính có thể từ 20- 5cm. Khi non màu xanh lục, khi già màu cọ vàng đậm; vỏ ngoài mềm, mỏng và hẫn, có thể bảo vệ quả khi rơi không bị vỡ nát. Vỏ giữa là tầng chất xơ, dày và mềm, ất nhẹ, chịu được ẩm ướt, làm cho quả nổi, không thể bị chìm. Vỏ trong cùng (vỏ ừa) có chất sừng rất cứng.

Cơm dừa màu trắng nõn, béo ngậy, thơm và bùi. Nước dừa, sữa dừa trắng trong, gọt, rất bổ, một thứ nước thiên nhiên giải khát tuyệt vời.

Dừa có giá trị kinh tế cao. Xơ dừa, vỏ dừa là nguyên liệu quý. Cơm dừa, nước ừa để ăn, để uống, ép thành dầu dừa, làm mứt dừa, kẹo dừa, làm thuốc bổ dưỡng, trị ược nhiều thứ bệnh, nhất là bệnh sán dây. Kẹo dừa Bến Tre là hàng đặc sản xuất hẩu nổi tiếng.

BÀI SỐ 5

Đề bài: Thuyết minh về một loại hoa, trái

Cây mơ, quả mơ

Cây mơ thuộc họ tường vi, lá nhỏ, đài màu xanh nhạt. Trên thế giới, rất ít nước trồng được mơ. Ở nước ta nơi nào cũng trồng được mơ, nhưng ngon, thơm và giòn đặc biệt là mơ Hương Tích.

Giêng, Hai mơ nở hoa trắng cành. Hương hoa toả lâng lâng. Quả mơ hình cầu, phía đầu lõm vào, phía cuối chụm lại như cái vuốt nhọn rất xinh. Khi chưa chín, quả mơ màu xanh, bao bọc bởi một lớp lông trăng trắng, lúc chín chuyển màu vàng, dậy hương thơm.

Vào đầu mùa hè, mơ chín rộ. Quả mơ nhỉnh hơn đầu ngón tay cái người lớn; quả tươi ăn chua chua, thơm giòn.

Mơ tươi ướp đường là một trong những thứ đồ uống giải nhiệt, giải khát được nhiều người yêu thích. Mơ đem phơi khô, sấy khô, chế biến thành ô mai, thoại mai, mai trần bì hoặc rượu thanh mai. Mơ ngâm muối rồi đem hong, đem phơi, đem sấy, phía ngoài có lớp phấn trắng, gọi là bạch mai, mai sương, mai muối, vừa làm thuốc vừa để ăn để giải khát, chống ho...

Mơ dễ trồng. Quả mơ rất quý. Vài quả ô mai ngậm miệng lúc ho, lúc khát, một chén rượu thanh mai thết khách quý....càng cho ta thấy giá trị đặc biệt của cây mơ, quả mơ nơi vườn quê.

BÀI SỐ 6

Đề bài: Thuyết minh về một loại cây trồng nơi vườn quê.

Cây cau, quả cau

Cây cau thuộc họ cọ. Cau là loại cây lưu niên, một đời người, một đời cau. Trước nhà, dọc hai bên ngõ, hàng cau cao vút. Thân cau tròn có từng khoanh; có cây cau cao trên mười mét. Tàu cau như tàu dừa, ngắn và nhỏ hơn, đu đưa trước gió, tựa như đuôi con chim xanh biếc.

Hoa cau trắng ngần, hương đưa thoang thoảng. Quả cau kết thành buồng; mỗi buồng có vài chục quả đến vài trăm quả. Quả cau hình trứng hoặc tròn hơi dài, màu cọ, bên trong có một hạt. Cau kết trái mỗi năm hai vụ. Cau lưu niên ra hoa, kết trái quanh năm. Khi bổ quả cau ra, hạt có hoa văn rất đẹp.

Có cau phải có trầu. Dân gian gọi trầu, cau là tân - lang. Tục ăn trầu của dân ta đã có từ lâu đời. Truyện cổ tích *Trầu cau* rất cảm động. Khách đến nhà theo phong tục cổ truyền, chủ nhà mời khách ăn trầu, nên mới có câu: "*Miếng trầu là đầu câu chuyện*". Bà Chúa thơ Nôm có bài thơ "*Mời trầu*". Cụ Tam Nguyên Yên Đổ có câu thơ:

"Đầu trò tiếp khách trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta"

(Bạn đến chơi nhà)

Gái trai ngày xưa ướm duyên, tỏ tình bằng cách mời trầu. Sính lễ nhất định phải có buồng cau, chai rượu. Số người ăn trầu ngày một ít đi, nhưng buồng cau trong lễ cưới hỏi không thể thiếu.

Cau được bổ làm bốn, làm sáu, phơi khô để ăn dần. Hạt cau là vị thuốc để diệt trừ giun, sán, tiêu đờm, khử độc.

Khi mua cau nên chọn buồng sây quả, quả tròn to, xanh bóng, loại cau bánh tẻ ăn vào vị chát hơi đắng là cau ngon.

"Vào vườn hái quả cau xanh
Bổ ra làm sáu, mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi tầu
Giữa têm cát cánh, hai đầu quế cay"

Ca dao

Câu hát của thôn nữ ngày xưa, hỏi ai trong chúng ta ngày nay còn nhớ?

BÀI SỐ 7

Để bài: Thuyết minh về một loài ngũ cốc

Cây lúa

Hạt gạo, củ khoai, bắp ngô... là nguồn lương thực chính của nhân dân ta đã bao đời nay. Màu xanh lúa con gái, màu vàng tươi của cánh đồng lúa chín là hình ảnh thân thuộc quê hương đất nước chúng ta.

Nước ta có nghề trồng lúa đã lâu đời. Hầu như ở miền quê nào cũng có đồng lúa, ruộng lúa, nương rẫy trồng lúa. Bình nguyên sông Hồng, bình nguyên sông Cửu Long là hai vựa lúa lớn nhất ở nước ta.

Có hai vụ lúa chính: vụ chiêm và vụ mùa. Nước ta có hàng trăm giống lúa như: lúa gié, lúa ba giăng, lúa di hương, lúa mộc tuyền, lúa móng chim,... Quý nhất là lúa tám xoan, lúa dự, gạo trắng, dẻo và thơm. Cơm tám giò chả, ăn mãi không biết no. Lúa nếp cũng có nhiều loại: nếp cái, nếp rồng, nếp mỡ, nếp nàng tiên,v.v...

Nghề trồng lúa là nghề căn bản của nhà nông. Dân cày cần cù, một nắng hai sương, quanh năm bám lấy ruộng đồng: cày bừa, cấy hái, tát nước, bón phân, làm cỏ:

- *"Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,*
  Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa".
- *"Ruộng thấp tát một gầu dai,*
  Ruộng cao thì phải tát hai gầu sòng".

(Ca dao)

Miền Bắc quen gieo mạ, cấy lúa. Miền Nam lại sạ lúa. Lúa sau khi sạ, mạ sau khi gieo độ 10 ngày đã xanh rờn bát ngát. Lúa con gái xanh ngắt một màu. Những cơn mưa rào cuối xuân đầu hè được gọi là cơn mưa vàng, làm cho đồng lúa tươi tốt bời bời:

"Lúa chiêm đứng nép đầu bờ,
Nghe ba tiếng sấm phất cờ mà lên".

Lúa đứng cây rồi, lúa có đòng đòng. Lúa trổ dâng hương thoang thoảng. Hoa lúa trắng nõn. Rồi lúa ngậm sữa, lúa uốn câu. Độ nửa tháng sau, đồng lúa ửng vàng, lúa chín rộ. Cánh đồng quê như một tấm lụa mỡ gà khổng lồ căng rộng, trải dài đến tận chân trời xa. Lúa reo rì rào như cất tiếng hát. Đồng quê vui náo nức trong mùa gặt. Tiếng xe chở lúa, tiếng máy dập lúa, tiếng hát vang rộn xóm thôn. Những năm bội thu, mùa gặt là ngày hội của đồng quê. Cơm gạo mới, mẻ cốm ngọt ngon, đĩa xôi gấc dẻo thơm cứ quyện lấy hồn người.

Cây lúa thật quý giá vô cùng. Rạ rơm làm được bao việc. Để đun bếp, làm phân, để lợp nhà, làm thức ăn cho trâu bò. Nhà nghèo dùng lót ổ trong mùa đông tháng giá: *"No cơm tấm, ấm ổ rơm"* Rạ rơm là nguyên liệu để trồng nấm xuất khẩu. Vỏ trấu để ủ bếp, để độn phân chuồng. Cám để nuôi heo, để ép thành dầu cám. Bát cháo cám năm

đói 1945 nhiều người già còn nhắc lại. Hạt lúa là hạt vàng. Hạt gạo là hạt ngọc. G
để nấu cơm ăn ngày 3 bữa:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần".
(Ca dao)

Gạo xay giã thành bột để làm bún, làm bánh đúc, bánh cuốn, bánh đa:

"Bánh đúc thiếp đổ ra sàng,
Thuận thiếp thiếp bán, thuận chàng chàng mua".
(Ca dao)

Bánh chưng, bánh giầy, bánh ú, bánh gai, bánh xèo, bánh rán, bánh cốm, l
chè cốm,... trăm thứ bánh, trăm thứ quà. Hương vị quê nhà mới đậm đà biết bao !

Nghề nông ngày một phát triển. Điện, máy, thuốc trừ sâu đã về làng. Nước
trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới. Người nông dân Việt Na
mang bao phẩm chất tốt đẹp: cần cù, kiên nhẫn, bền bỉ, dẻo dai, thương người, thươ
nhà và thương nước. Cây lúa nhân hậu như người dân cày nên lúa không thoái h
thành cỏ dại. Mùa xanh của lúa gợi lên vẻ đẹp ấm no thanh bình. Hương sắc của l
tượng trưng cho vẻ đẹp dịu dàng, đằm thắm của người thôn nữ quê ta.

Nâng bông lúa, ngắm nhìn đồng lúa mà lòng bâng khuâng. Tình yêu đồng q
dâng lên dào dạt trong lòng ta. Màu xanh của lúa trường tồn trong dòng chảy thời gi
với quê hương xứ sở. Câu ca xưa vấn vương mãi hồn người:

"Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn".

BÀI SỐ 8

Đề bài: Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích:
Con ong

Ong có nọc độc, nhất là ong vò vẽ. Ong làm mật có mấy chục loài. Mật o
ngọt đậm và thơm. Sữa ong chúa ngào ngạt. Mật ong có tác dụng kháng khuẩn, ch
lành vết thương và được dùng để làm sạch cũng như chữa mùi hôi răng, miệng.

Sữa ong chúa để tăng lực, hồi sức. Nọc ong được dùng chữa viêm khớp, đ
lưng, đau nửa đầu. Sáp ong dùng được nhiều việc.

Con ong là biểu tượng cho các đức tính như cần lao, tích luỹ, kiến tạo. Ở vù
U Minh Hạ có nhiều người sống bằng nghề nuôi ong, mỗi năm thu được hàng trăm
mật ong rừng. Nghề nuôi ong có đã lâu đời, là một nguồn lợi lớn. Ong mật là kỹ
nông học, người bạn tận tụy của nhà nông.

BÀI SỐ 9

Đề bài: Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích:
Con rết

Rết còn được gọi là con rít. Sách cổ gọi là *bách túc trùng* (con trùng trăm châ
Tên y học của rết là *ngô công*.

Nọc rết rất độc có thể làm chết người.

Bắt những con rết to, béo, rồi đập chết, đem phơi hoặc sấy khô, tán bột. Dư
liệu *ngô công* rất quý, có tác dụng tiêu mụn nhọt, giảm đau, chữa lành vết rắn cắn,
giật và tiêu sưng độc. Rết tươi đem ngâm rượu để xoa bóp, để làm thuốc uống.

Đề bài: Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích:

Con rắn

Có hàng trăm loài rắn độc: hổ mang chúa, hổ mang lửa, hổ mang gấm, cạp ›ng, cạp nia,... Bị rắn độc cắn, nếu không chữa trị kịp thời sẽ bị chết ngay. Có con n độc dài 2-3 mét, nặng trên mười ký, không bé nhỏ đâu!

Thịt rắn có nhiều chất dinh dưỡng, có thể chế biến thành nhiều món ăn thơm, ;on. Rắn ngâm rượu theo bộ (tam xà, ngũ xà) là vị thuốc quý.

Từ nọc rắn người ta chế tạo ra một số vị thuốc đặc trị như ngừa máu đông, trị ic cơn đau tim, điều trị chứng parkinson, cao huyết áp, hen suyễn. Ngoài ra nọc rắn ›n có khả năng ngăn ngừa sự phát triển của các tế bào ung thư.

BÀI SỐ 11

Đề bài: Thuyết minh về một loại cá nước ngọt

Cá lòng tong nấu đọt cóc

Khi mùa nước nổi bắt đầu dâng ở các tỉnh đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, thì miệt ı lưu sông Cửu Long dòng sông như mênh mông hơn. Khi con nước dâng cao bờ bãi là ời điểm bắt đầu của mùa cá lòng tong. Mùa này kéo dài cho đến cuối năm âm lịch.

Để đánh bắt cá lòng tong, người nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long áp ıng hai cách. Thứ nhất là *chặn ụ*. Người ta đào một cái ao rộng khoảng mười mét ıông, mở một cửa có rãnh nhỏ, ngắn dẫn ra sông (hoặc kinh, rạch). Nơi rãnh tiếp áp kinh, rạch được chặn lại bằng phương tiện nào đó mà họ có được, nhưng phải đạt ều cầu là cá vào rất thuận lợi mà ra thì... không bao giờ. Cách thứ hai là *làm mùng*. ụng cụ là một miếng vải mùng khá rộng, mắc vào bốn thanh tre, ấn xuống sông ıoặc kinh, rạch), bên trên rắc cám rang dụ cá đến ăn. Dụng cụ đánh bắt này giống ư những chiếc vó mà nông dân ta đã làm từ nhiều chục năm nay. Nhưng để có được ững con cá lòng tong nhỏ nhắn, xinh xinh một cách thú vị không gì hơn bằng câu. hỉ cần một chiếc cần câu cùng một ít cơm nguội là người ta có thể tiêu khiển một ich... ích lợi bên bờ sông trong một trưa, một chiều nước lớn. Móc cơm vào lưỡi câu, ıăng xuống nước. Lưỡi câu vừa chạm mặt nước, nhanh tay giật lên. Tòng teng cuối ây câu là một chú cá lòng tong đang vặn mình, lấp lánh ánh bạc trong nắng. Cứ thế ıà câu một cách thích thú, chẳng mấy chốc cá đầy một giỏ mang về.

Cá lòng tong xưa nay thường được người dân đem kho, kho khô hoặc kho nước ới tiêu bột ăn cơm nóng. Nhưng nếu cá được kho khô với chút mỡ cùng một ít tiêu ột thì cái ngon "*thị giác*" tăng hẳn lên, do mình cá bóng nhẫy những mỡ một cách ấp dẫn. Cá lòng tong đá (loại lòng tong to con) được dùng để chiên hoặc nướng rồi *ăn suông*" chấm cá với nước mắm mặn nguyên chất giầm chút ớt hiểm xanh, ăn kèm ới nhúm rau thơm. Vị ngọt của cá, mùi thơm của rau hòa quyện, hít một hơi gió chầu ổ... thì còn gì bằng.

Nhưng lòng tong còn được chế biến thành một món ít ai biết được. Món này tuy gon độc đáo nhưng thực hiện lại rất đơn giản. Đó là món cá lòng tong nấu canh đọt ốc. Bắc nồi nước lên bếp. Cá làm sạch, để ráo. Khi nước sôi, cho cá và một nhóm đọt cóc đã được rửa sạch vào. Nước sôi vài dạo, nêm mắm muối, bột ngọt vừa ăn, nhắc uống, múc ra tô, rắc chút tiêu bột. Gắp cá lòng tong chấm nước mắm ớt, thêm vị

chua độc đáo của đọt cóc thật hấp dẫn. Không giống như vị chua của me, tă me, tà giang hay vị chua của bần..., vị chua của đọt cóc lâng lâng cảm khoái lan dần khắp người khi ta húp một muỗng nước canh. Bữa cơm này nếu được ăn chung với cá lòng tong kho mỡ trong một chiều mưa gió lành lạnh thì còn gì thích thú bằng.

Phương Kiều

BÀI SỐ 12

Đề bài: Thuyết minh một loại hoa, trái

Quả bưởi

Quả bưởi còn gọi là quả bòng. Bưởi Đoan Hùng, bưởi Diễn (miền Bắc), bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh), bưởi Năm Roi (miền Nam) ngon nổi tiếng, tất cả đều là thứ quả xuất khẩu có thương hiệu.

Bưởi là cây *họ vân hương*. Giêng, Hai bưởi ra hoa; hoa trắng phau như cúc bạch ngọc, hương thơm ngào ngạt. Tháng 8, tháng 9 là mùa thu hoạch bưởi. Mâm cỗ trung thu của trẻ em không thể không có bưởi. Nhà thơ Nguyễn Duy viết: "*Bao giờ cho tới mùa thu- trái hồng, trái bưởi đánh đu giữa rằm*".

Quả bưởi to, dài, hình quả lê hay hình tròn bằng đầu đứa trẻ con lên một tuổi. Có quả bưởi hình tròn nhưng hơi dẹt, vỏ màu vàng nhạt hoặc màu vàng chanh, bóng, dày, khó tách. Tép bưởi trong, múi màu vàng nhạt hoặc màu đào; mỗi quả có từ 12 – 18 múi, các múi dễ tách rời nhau, trong mỗi múi có vài hạt.

Múi bưởi dùng để ăn, vỏ và hạt dùng làm vị thuốc chữa trị các bệnh như ăn không tiêu, chướng bụng, buồn nôn, ho nhiều đờm.

Bưởi có múi to, tép dày, vị ngọt lẫn chua là bưởi ngon. Trên mâm ngũ quả bày trên bàn thờ gia tiên không thể thiếu quả bưởi

BÀI SỐ 13

Đề bài: Thuyết minh về một bãi tắm đẹp trên đất nước ta

Biển Nha Trang

Có thể nói, Nha Trang là một trong những thắng cảnh đẹp của đất nước ta, là viên ngọc biếc bên bờ biển đẹp. Tuy gần Đà Lạt, nhưng thành phố lại có cái nắng rực rỡ của miền nhiệt đới nóng ẩm. Hình ảnh đầu tiên khiến em chú ý là những tòa nhà đồ sộ trong những vườn cây xanh nằm bên những đại lộ lớn. Đây là một thành phố trẻ trung, tươi mát. Nhưng cuốn hút khách du lịch đến đây chính là những bãi biển ven thành phố, những khu nghỉ mát hiện đại.

Bãi cát trải ra mênh mông, óng ả dưới ánh nắng mặt trời, những rặng thông, phi lao rì rào với gió biển suốt ngày đêm. Từ sáng sớm, bầu trời đã quang mây, xanh ngắt. Trên bãi cát khách du lịch đông đúc, đi lại nhộn nhịp. Những chiếc dù đủ màu sắc rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời. Trên mặt biển, nước trong xanh, bập bềnh những chiếc phao bơi. Tiếng reo hò náo nức hòa với tiếng sóng biển ì ầm dập vào bãi cát tung bọt trắng xóa. Những khi mặt trời mọc, tia nắng chiếu xuống vỡ ra thành muôn vàn đồng tiền óng ánh. Buổi trưa những ngày đẹp trời, nước biển trong veo như màu mảnh chai. Mặt trời sau một ngày lao động vất vả từ từ lặn xuống tỏa ánh sáng tím hồng xuống mặt biển.

Bờ biển Nha Trang bằng phẳng không nhiều đá ngầm như Đồ Sơn ở Hải Phòng Từ trên bãi cát, em phóng tầm mắt ra xa, có thể nhìn thấy những hòn đảo nhỏ như những chấm xanh, nhô lên trên mặt biển, đó là Hòn Én, Hòn Tre.

Nha Trang thật xứng đáng với niềm yêu mến của khách nước ngoài và trong nước. Em nhớ mãi những ngày đẹp được sống ở Nha Trang. Khi em viết những dòng này nói về Nha Trang, trong lòng em lại ngân nga những câu thơ của nhà thơ Sóng Hồng:

"Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi trời quang tuyệt vời.
Xanh xanh mặt biển da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.
...
Đây rồi Hòn Én, Hòn Tre,
Xa xa Hòn Khói đi về thuyền ai.
Mặt trời vừa mọc ban mai,
Mênh mông cát trắng hồng phai mịn màng.
...
Đẹp thay non nước Nha Trang,
Người đi hồn vẫn mơ màng đâu đây.

Nguyễn Thanh Hà

BÀI SỐ 14

***Đề bài:** Hãy thuyết minh một di tích văn hoá, lịch sử hay một danh lam thắng cảnh trên quê hương đất nước thân yêu*

Tam Cốc - Bích Động

Tam Cốc - Bích Động thuộc cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, cách thủ đô Hà Nội khoảng 100km về phía Nam.

Tam Cốc - Bích Động là danh thắng được ngợi ca là "*Nam thiên đệ nhị động*". Cảnh sắc ở đây không chỉ đượm mùi Thiền mà còn gợi nhớ, còn ghi những dấu tích lịch sử hơn nghìn năm về trước: nơi trú quân của Đinh Bộ Lĩnh trong những năm tháng đánh dẹp "*nhị thập sứ quân*", nơi Thái hậu Dương Vân Nga du xuân cùng Thập đạo tướng quân Lê Hoàn.

Thiên nhiên Tam Cốc - Bích Động là điểm du lịch nổi tiếng cho những du khách muốn tẩy sạch "*bụi trần*". Cái thú là đến với Tam Cốc bằng thuyền con. Tam Cốc gồm có ba hang: *hang Cả, hang Hai và hang Ba*. Hang nào cũng lung linh huyền ảo sắc màu với hàng nghìn nhũ đá với bao huyền tích. Cảnh rồng cuộn hổ quỳ, cảnh tiên nga tắm mát, cảnh tiều phu gánh củi, cảnh ngư ông râu tóc bạc phơ ngồi trên thạch bàn câu cá, cảnh đàn công vũ hội, v.v... thấp thoáng, ẩn hiện trên vòm hang vách động, như dẫn hồn du khách vào thế giới Bồng Lai. Sóng vỗ nhẹ vào mạn thuyền, vào vách hang lúc nghe rì rào róc rách, lúc lao xao rì rầm hòa cùng tiếng gió thì thầm thì thào như tiếng thần Núi từ cõi linh thiêng từ ngàn xưa vọng về.

Hang Cả là hang đẹp nhất của Tam Cốc. Con thuyền nan nhỏ nhẹ luồn vào *hang Cả* dài 127 mét, nằm trong lòng một trái núi lớn; hai bên hai dãy núi tựa dãy trường thành che chắn dòng sông uốn khúc, nước xanh trong. Cửa hang rộng hơn 20 mét, vách hang uốn vòng cung vòm hang. Về mùa hè, không khí trong hang mát lạnh, ai cũng cảm thấy khoan khoái, thư thái cả tâm hồn.

Qua *hang Cả*, ta nhìn thấy một màu xanh bao la của đồng lúa. Xa xa bên sườn non, từng đàn dê hiền lành nhởn nhơ ăn lá cây. Vách núi cheo leo, lủng lẳng những nhành phong lan, hoặc đỏ hồng, hoặc tím biếc, hoặc trắng phau như đàn bướm sặc sỡ đang đập dờn bay.

Đi tiếp ta sẽ đến *hang Hai, hang Ba*, như lần bước vào cõi thâm u, tĩnh lặng của thần Sông, thần Núi. Du khách bâng khuâng tự hỏi: "*Có phải nơi đây Thái hậu Dương Vân Nga mừng đón Lê Đại Hành đại phá giặc Tống từ ải Bắc trở về..?*" Suối Tiên chính là đây, cách *hang Cả* non 4km. Dòng suối trong vắt có thể nhìn thấu đến tận đáy. Từng đàn cá nhỏ và dài nối đuôi nhau bơi lượn, ẩn hiện giữa bao lớp rong rêu. Tắm nước suối Tiên, da thiếu nữ sẽ ánh lên màu ngà ngọc. Hoa súng tím hồng lơ thơ nhô lên làm cảnh Suối Tiên thêm hữu tình, thơ mộng.

Từ suối Tiên ta đến thăm Bích Động. Nam thiên đệ nhị động là đây. Bích Động nghĩa đen là Động Xanh. Xanh trời, xanh ruộng, xanh suối, xanh núi, xanh hang, xanh động mênh mông.

Bích Động có ba ngôi chùa được xây cất, tôn tạo trên sườn non vách núi: chùa Hạ, chùa Trung, chùa Thượng. Qua Thạch Kiều uốn cong, du khách nhìn thấy một cây si xanh biếc bốn mùa mọc trên một mỏm đồi, được gọi là Bánh Dày. Theo truyền thuyết, ai đói khổ đến ôm gốc cây si này sẽ được ấm no.

Từ chùa Hạ leo qua khoảng 60 bậc đá thì đến chùa Trung, ngôi chùa bán mái. Chính điện nằm thụt vào vách núi, hang sâu. Tường chùa được xây toàn bằng đá. Một chiếc khánh đá rất to có từ xa xưa.

Vượt qua hơn 30 bậc đá nữa, ta sẽ tới chùa Thượng. Tể tướng Nguyễn Nghiễm, thân phụ của thi hào Nguyễn Du, từng lưu lại vần thơ: "*Níu đá, vin cây tới đỉnh chùa*".

Các chùa ở Bích Động có nhiều mộ tháp bằng đá nhấp nhô trong vườn chùa. Có rất nhiều tượng Phật rất cổ kính quý giá. Vườn chùa xanh um, cây ăn trái, hàng trăm loài hoa đẹp đua sắc khoe hương quanh năm. Bích Động có 5 ngọn núi bao quanh, chầu về gọi là Ngũ Nhạc Sơn. Chỉ một tiếng chuông chùa ngân lên tức thì có năm tiếng chuông từ vách núi Ngũ Nhạc Sơn vọng lại.

Du khách nào may mắn đến vãn cảnh Bích Động hái được vài đoá Sơn Kim Cúc bé xíu như chiếc cúc vàng; đem về nhà ướp vào trà, pha nước suối Tiên, chỉ một chén nhỏ mắt sẽ sáng lên. Món quà Trời cho ấy đâu dễ có?

Lê Phan Quỳnh

BÀI SỐ 15

Đề bài: Thuyết minh về một thắng cảnh của đất nước

Yên Tử - miền đất thiêng.

Yên Tử thuộc loại "*danh sơn*" (núi đẹp) cao 1068 m, đột khởi trên dãy núi trùng điệp của vùng đông bắc nước ta.

Yên Tử cách thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh 14 km về phía tây bắc. Núi Cánh Gà phía nam, dãy núi Bảo Đài ở phía bắc như những thành quách cổ xưa mở rộng cánh cửa dẫn khách hành hương bước vào thế giới Yên Tử. Suối Giải Oan nước trong veo uốn khúc, sỏi trắng và đá cuội rải đều. Đầu xuân, rừng Yên Tử nẩy lộc đơm hoa, hoa dành và hoa bướm vàng tươi, hoa hải đường và hoa thủy tiên nở bung những cánh mỏng phớt tím.

Dân gian gọi núi Yên Tử là núi Voi; sách xưa gọi là Bạch Vân Sơn (núi mây trắng) vì quanh năm đỉnh núi bao phủ một lớp mây mù. Phạm Sư Mạnh đã từng vịnh thơ cảnh sắc Yên Tử hữu tình nên thơ: "*Lối đi có trúc, khe suối đầy hoa*".

Vào thời Ngô Quyền và dưới thời Lý, Yên Tử đã có chùa Yên Kì Sanh, Huệ Quang Thiền Sư đã từng tu luyện nơi đây. Phải đến năm 1299, vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng, thoát vòng tục lụy đến Yên Tử tu hành, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm của Đại Việt, thì nơi đây mới trở thành cõi linh thiêng của xứ sở.

Vượt dốc núi, men theo bờ suối cheo leo, ta đến với suối Vàng và Thác Tử uốn òng theo chùa Vân Tiêu, hợp lưu dưới gốc cây sung già, rồi đổ vào suối Giải Oan. Những linh hồn các cung nữ ngày xưa như đã nhập thiền vào chùa Giải Oan. Những ây cổ thụ xòe tán che rợp mái chùa, hoa loa kèn trắng mịn phơn phớt màu hoàng yến, những khóm hoa rừng nở xòe năm cánh với màu xanh, chùm nhị tím bao bọc lấy 6 ngọn tháp, trong đó có tháp mộ vua Trần Nhân Tông; cảnh suối, chùa Giải Oan càng rở nên u huyền, trầm tịch.

Vượt qua một sườn núi độ 400m, ta dừng lại am Lò Rèn, leo qua những bậc đá a vươn tới Hòn Ngọc. Trải qua hơn 700 năm, am xưa chùa cũ đã trở thành phế tích, chỉ còn lại những hàng tùng cổ thụ. Hai trăm bảy mươi tư cây tùng với ba loại chính: hành tùng, thủy tùng và xích tùng, thân cây bạc phếch mà lá cành vẫn sum suê, đứng rầm mặc như những chứng nhân của cửa Thiền qua năm tháng.

Cao hơn Hòn Ngọc độ 100 mét là khu tháp Tổ thờ Huệ Quang Thiền Sư. Ở đây có cây thông già trên nghìn tuổi. Thân cây to, tròn, ba người ôm không xuể. Những cây đại già, nở hoa bốn mùa, hương hoa tỏa ngào ngạt bao lấy 45 ngọn tháp với nhiều quy mô, kiểu dáng sắc màu tựa như những bông sen xòe cánh. Bạch Liên cư sĩ đến văn cảnh mấy trăm năm về trước, đã xúc động đề thơ:

"Tháp biếc trăm tầng cao chất ngất,
Lầu son mấy nóc rộng thênh thênh."

Chùa Hoa Yên ở phía sau Tháp Tổ trên độ cao 8 m. Cúc vạn thọ nở vàng rực, hoa long đỏ tía nở khắp sân chùa, vườn chùa và bờ suối. Cây dại gốc sù sì đã có dư 700 tuổi nở bung những chùm hoa trắng dâng hương. Cuối thế kỉ 15, vua Lê Thánh Tông lên chơi, nhìn thấy rừng hoa nở mà cảm khái đổi tên chùa từ Vân Yên thành Hoa Yên. Chùa Hoa Yên có hơn 10 pho tượng lớn bằng đồng, có quả chuông đúc từ thời Lê mạt khắc bài minh hàng nghìn chữ nói về lịch sử phái Thiền Sư Trúc Lâm. Bên phải chùa là suối Ngự Dội (nơi vua tắm nước trong mát và có mùi thơm của các loài hoa rừng).

Đêm ở chùa Hoa Yên thật kì ảo. Tiếng suối róc rách mơ hồ, tiếng tắc kè thảng thốt, tiếng rừng trúc rì rào, mùi hoa nồng nàn. Du khách mơ màng, chập chờn trong giấc mộng.

Vượt lên ta tới chùa Phổ Đà có Tháp Độ Nhân và 4 cây lão tùng; tiếp theo là am Ngọa Vân và Thác Tử. Nước Thác Tử sôi réo trong các khe đá, mát lạnh về mùa hè, ấm nóng về mùa đông. Lội qua Thác Tử, ta đến am Ngọa Vân. Cả khu rừng trúc phủ mờ sương khói. Cảnh suối rừng, am chùa ẩn hiện trong làn mây trắng mỏng nhẹ, bồng bềnh như thực như mơ.

Dừng lại am Ngọa Vân chênh vênh bên sườn núi, ở đây còn có am Thung và am Dược, nơi các tăng ni ngày xưa giã thuốc và chế thuốc.

Vượt qua am Ngọa Vân khách hành hương leo lên chùa Bảo Sái. Dốc cheo leo gần như thẳng đứng. Với chiếc gậy trúc cầm tay, ai cũng cảm thấy lâng lâng. Sen đất nở xòe 5 cánh hồng tươi, phong lan trắng, phong lan tía, hoa loa kèn nở rộ hương hoa lan mát dịu. Những cây vạn tuế lá xanh biếc bốn mùa, xòe tán như những chiếc ô xinh xinh. Cạnh giếng Thiêng là cây gạo lớn, thân tròn cao vút, nở hoa đỏ rực vào tháng ba. Dưới gốc gạo có con hổ đá, quỳ hai chân trước, nhìn vào am đá, hiền lành và chăm chú như đang trầm mặc và kính cẩn nghe kinh.

Phía trên chùa Bảo Sái là chùa Vân Tiêu, suối Hàm Long và rừng trúc bao la. Về mùa xuân, dưới những cơn mưa bụi, măng trúc, măng mai, măng giang Yên Tử mọc lên tua tủa, nhọn hoắt như tháp bút. Giữa rừng trúc là thế giới của loài chim, nào là cu xanh, cu đất, chào mào, cà cưỡng, cò lửa, chim chích... bay lượn tìm mồi, tiếng

kêu chao chác inh ỏi. Thỉnh thoảng xuất hiện vài con hạc, mấy chú đại bàng đất, dă ba anh bồ nông hoặc đứng trên các mô đất cao, hoặc vắt vẻo trên ngọn thông, hi lành và tư lự.

Rời chùa Vân Tiêu ta luồn qua Cổng Trời, len lỏi trong rừng sú. Sú lộng cổ t cao chừng 2 m, gốc sần sùi cong queo kì dị, lưa thưa vài chiếc lá nhỏ. Ở đây có nhi loài chim vẹt, mỏ đỏ, đuôi xanh kêu cheo chét nghe rất vui tai. Khỏi rừng sú, du khá đặt chân tới Chùa Đồng, chỏm cao nhất của Yên Tử. Khi tiếng chuông Chùa Đồ ngân vang ba hồi, hàng trăm con chim nhạn bay lên lượn vòng; tức thì mây trắng ùn xô tới. Cuối canh tư đầu canh năm đứng trên Chùa Đồng, khi trời quang có t nhìn thấy một vùng đông bắc bao la. Thích thú nhất là được ngắm mặt trời đỏ rực l rạng đông nhô dần trên ngấn bể màu lam. Ai còn nhớ bài thơ của Nguyễn Trãi thì k ngâm lên. Có phút giây kì thú nào bằng:

Đền chùa Hoa Yên núi Yên Tử

Trên non Yên Tử chòm cao nhất,
Trời mới canh năm đã sáng tinh.
Vũ trụ mắt đưa ngoài biển cả,
Nói cười người ở giữa mây xanh.
Muôn hàng giáo ngọc tre gài cửa,
Bao dải tua châu đá rủ mành.
Dấu cũ Nhân Tông vẫn còn đấy,
Trùng đồng thấy giữa ánh quang minh. (*)

Đào Duy Anh *dịch*

Với những mái chùa rêu phong, những am cổ, những suối, những khóm tùng thụ, rừng trúc và trăm nghìn loài hoa,... mỗi bước chân của du khách khi leo lên su non vách động, tưởng như lạc lối vào cõi Phật Yên Tử mênh mông. Bao huyền tí Phật tích cùng hoa rừng như ướp hương hồn người.

Đến với Yên Tử càng thấy rõ tâm đức của ông cha, càng yêu thêm cảnh trí hù vĩ của giang sơn gấm vóc.

Hội xuân Yên Tử là một lễ hội rất lớn và đông vui; năm nào cũng có hàng v người trẩy hội. Ngày nay đã có cáp treo lên Yên Tử, nhưng leo núi lên chùa Hoa Y với tới Chùa Đồng... mới thật là thích thú.

* ***Trùng đồng:*** tương truyền Trần Nhân Tông có tướng lạ là mắt có hai c ngươi, chữ Hán là "*trùng đồng*". Hiện nay trên Chùa Đồng còn có tượng đá vua T Nhân Tông.

* ***Trần Nhân Tông viết***: "*Bách niên tâm ngữ tâm*" nghĩa là "*trăm năm ri lòng nói với lòng*". Đó chính là tâm đức của ông vua anh hùng, người sáng lập ra P phái Trúc Lâm Đại Việt.

BÀI SỐ 16

Đề bài: Thuyết minh về một chiến công của Giải phóng quân
Chiếc xe tăng 390 và bốn anh hùng Giải phóng quân

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, hải quân, không quân và ba cánh quân ta tiến cô như vũ bão, giáng đòn sấm sét vào cơ quan đầu não chính quyền tay sai của đế qu Mỹ ở Sài Gòn.

Xe tăng 390 sau khi tham chiến tiêu diệt căn cứ giặc ở Nước Trong- Long ıành, Đồng Nai, 5 giờ sáng cùng binh đoàn ào ạt tiến về nội đô Sài Gòn.

Nhiều xe tăng giặc chốt giữ ở cầu Sài Gòn. Những trận đấu pháo, đấu tăng diễn ác liệt. Xe tăng 390 sau khi bắn cháy hai xe M.41 của giặc, hành tiến lên phía ước. Đến ngã tư Hàng Xanh, lại bắn cháy tiếp hai xe M.113 của giặc. Hàng nghìn ıân địch vứt vũ khí, quân trang tháo chạy kinh hoàng.

Xe tăng 390 ào ào xông lên húc đổ cổng sắt tiến vào dinh Độc Lập, tiến theo ıu là xe tăng 843 do Bùi Quang Thận chỉ huy. Bùi Quang Thận vác cờ chạy lên; Vũ ăng Toàn nắm chắc súng A.K yểm trợ; Lê Văn Phượng quay súng 12 li 7 hướng lên óc dinh Độc Lập. Xe tăng 390, xe tăng 843, và nhiều xe tăng của Giải phóng quân,... ıo rú kinh thiên động địa. Lúc đó đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá ı Mặt trận Dân tộc Giải phóng nửa xanh, nửa đỏ tung bay phần phật trên nóc dinh ộc Lập, điểm phút cáo chung của ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn.

Chiếc xe tăng 390 và bốn anh hùng quân Giải phóng: Ngô Sĩ Nguyên, Lê Văn ıượng, Nguyễn Văn Tập, Vũ Đăng Toàn đã được nữ phóng viên Pháp Francoise emunder chụp trong giờ phút lịch sử oanh liệt, vẻ vang đáng nhớ đó.

BÀI SỐ 17

Để bài: Thuyết minh về một loài thú hoang dã:
Chó sói

Chó sói là một trong những động vật hoang dã, loài ác thú đáng sợ nhất. Sói có) lông đen hoặc xám, cái mõm nhọn, răng sắc và cứng như thép, cặp mắt sáng quắc, ói tai cực thính, cái đuôi dài, bốn chân cao, cứng cáp để phóng chạy như bay.

Sói là động vật cực khoẻ, khôn ranh, gan lì, thích nghi tốt với mọi điều kiện nh hoạt và chịu đựng giỏi cả đói và lạnh. Sói sống theo đàn, từ ba, bốn con đến trên ới mười con. Tiếng sói rú trên các thảo nguyên nghe thật rùng rợn.

Sói có thể săn bám mồi liên tục trong nhiều tiếng đồng hồ, có khi nó chạy với tốc) 80km/h. Chúng rất háu ăn, và sau mỗi buổi nhịn đói một con sói nặng ba, bốn mươi ın có thể nuốt một lúc 20 – 25kg thịt. Lúc đói sói trở nên liều lĩnh, tấn công vào những ın gia súc có người bảo vệ, dám sâm nhập vào truồng trâu, bò, cừu để bắt mồi.

Một vài số liệu đáng nhớ. Tại thành phố Các- ma- then, năm 1880, người ta ựng một đài kỉ niệm lạ lùng: con chó sói cuối cùng bị tiêu diệt. Đầu thế kỉ XX trên ıng thảo nguyên... bò, cừu bị sói ăn thịt. Tại Ka- đắc- xtan, chỉ trong vòng năm năm, gười ta đã giết được trên dưới 8 vạn con sói.

Cũng như hổ, báo, sư tử,..., các loài ác thú khác, sói đã và đang bị tiêu diệt dần. ờ đây, người ta đã hiểu rõ là ác thú rất cần thiết cho dời sống bình thường của các ống thú khác. Ác thú để cân bằng sinh thái, cân bằng tự nhiên và muôn loài. Giết ıch ác thú nghĩa là mang đến cho các giống thú khác tai họa to lớn hơn chính chúng ıy ra. Ác thú cũng cần được bảo vệ là vì thế.

BÀI SỐ 18

Để bài: Thuyết minh về một nhạc cụ dân tộc:

Đàn bầu

Đàn bầu là một thứ nhạc khí đem lại sự say mê cho người Việt Nam, sự thán ıục ngợi ca của bè bạn trên khắp thế giới.

Chưa có một cây đàn nào trên thế giới có âm thanh và cách diễn tấu như đàn ầu, chưa có ở đâu đàn một dây lại phát huy được khả năng thể hiện đa dạng như đàn ầu. Các nhà nghiên cứu Việt Nam cho biết đàn bầu bắt nguồn từ một nhạc khí cổ của lân tộc là trống quân. Một số người vẫn chơi đàn bầu như chơi trống quân, nghĩa là ấy một cái que chống vào điểm 2/3 của sợi dây rồi gõ vào hai phần có hai âm thanh ;hác nhau của sợi dây này.

Sở trường của đàn bầu là dùng tay phải lấy lên một âm gió rất gần với người, rồi ại dùng tay trái điều khiển cho âm gió ấy uốn lên, lượn xuống tuỳ theo ý muốn.

Các nhạc công đàn bầu ngày nay còn sáng tạo ra được nhiều thủ pháp biểu diễn khác àm cho đàn bầu có thể "*vê*" như đàn nguyệt, chạy ngón nhanh như đàn thập lục, v.v...

Hình dáng và cấu trúc đàn bầu có thể rất đơn sơ. Bộ phận không thể thiếu là sợi lây. Có người lấy răng cắn chặt một đầu sợi dây, còn đầu kia mắc vào mặt của chiếc ộp rỗng; rồi tay trái cầm cái hộp này vừa làm hộp cộng hưởng vừa làm vật điều khiển ;ho sợi dây căng thẳng, còn tay phải thì gảy.

Đầy đủ hơn thì dùng đoạn đầu tre dôi làm thân để căng sợi dây và quả bầu khô àm vật cộng hưởng - có lẽ đây là cách làm đàn phổ biến nhất, vì vậy mới dùng vật iệu quả bầu làm tên gọi cho cây đàn. Ngày nay, người ta làm những cây đàn bầu rất :ông phu và thường có lắp bộ khuếch đại âm thanh bằng điện tử.

Phó tiến sĩ âm nhạc
Nguyễn Xinh

BÀI SỐ 19

Đề bài: Thuyết minh về một lễ hội dân gian

Lễ hội Đồng Nhân

Đồng Nhân có Đồng Nhân Châu (Châu: bãi) và Đồng Nhân xóm Chùa, hai làng vốn cùng một cội nguồn, nằm sát hữu ngạn sông Hồng, nay thuộc quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đồng Nhân có đền thờ hai vị nữ anh hùng dân tộc là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Lễ hội Đồng Nhân có đã lâu đời, diễn ra trong 3 ngày từ mùng 4 đến mùng 6 tháng Hai âm lịch hằng năm.

Ngày mùng 4 làm *lễ tiên cáo.*

Ngày mùng 5 làm *lễ chính tịch* có *lễ rước nước* và *tế lễ.*

Sáng sớm mùng 5, dẫn đầu đám rước đông hàng nghìn người, các bô lão và chủ tế đưa thuyền ra giữa sông Hồng lấy nước đổ vào 2 cái chóe bằng sứ đem về đền để tắm tượng và dâng cúng. Hai bà lão đức hạnh nhất làng được cắt cử ra tắm tượng và thay áo mới cho tượng; số nước còn lại dùng dâng cúng suốt năm.

Tắm tượng xong thì tế lễ: dâng hương. Nến thắp sáng lung linh hàng trăm ngọn. Tiếng chiêng trống nổi lên trầm hùng. Lễ múa đèn diễn ra tưng bừng như lễ đăng quang của Hai Bà tại Mê Linh nghìn năm về trước. Đội múa đèn có 10 thiếu nữ mặc áo dài đen thắt lưng đỏ ở ngoài áo, múi buộc chéo cạnh sườn. Đèn là một cái đài chung quanh có dán những cánh hoa giấy rực rỡ. Giữa đèn là một ngọn nến đang cháy. Thiếu nữ múa đèn hai tay cầm hai đèn, lượn qua lượn lại, đi vòng đi chéo xung quanh bàn thờ, nhịp nhàng theo chiêng trống. Có lúc họ chụm lại rồi chia thành hàng đôi đối diện nhau trước bàn thờ. Ánh lửa nến lung linh làm cho đôi má thiếu nữ hồng lên thật đẹp.

Dẫn đầu đội múa đèn là một chàng trai đóng giả gái được hóa trang rất khéo thường gọi là *"con đĩ đánh bồng"*, vai đeo một cái trống cơm, vừa đi vừa vỗ vào mặ trống giữ nhịp, dáng điệu mềm mại ẻo lả, cảnh múa đèn thêm rộn ràng, linh hoạt.

Lễ múa đèn làm cho lễ hội Đồng Nhân mang màu sắc lịch sử bi hùng, cổ kính và thiêng liêng.

Ngày mùng 6 tháng 3 hàng nghìn người dân làng Đồng Nhân cùng với dân các làng kết nghĩa như Phụng Công, An Duyên làm lễ kết thúc hội và đóng cửa đền. Chén rượu mừng xuân mừng các bô lão trăm tuổi, xóm làng yên vui, hạnh phúc, thái bình Cuộc đánh cờ người diễn ra đến chiều tối.

BÀI SỐ 20

Đề bài: Thuyết minh về một lễ hội dân gian
Hội bơi trải Việt Trì, Bạch Hạc (Vĩnh Phúc)

Bạch Hạc, Việt Trì thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, một vùng quê sông nước mênh mông đồng lúa bát ngát. Đó cũng là một vùng quê có lễ hội thi bơi trải, đua trải kéo dà trong hai tháng, tháng 5 và tháng 6 âm lịch hàng năm, và được gọi là *"tiệc bơi"*.

Bơi trải gắn liền với hội làng, để tế thần cầu mong mưa thuận gió hòa, được mùa, an cư lạc nghiệp, thanh bình. Đào Xá thờ Lý Bôn, Kẻ Rau thờ Tam Giang Đại vương, Thổ Lệnh, Kẻ Hạc cũng thờ Tam Giang Đại vương là thủy thần Ngã ba sông Còn Kẻ Me lại thờ Đăng Đạo Song Nga và Đức thánh Tản Viên. Đức Bác thờ Bát Nàn công chúa. An Đạo thờ Long Xà Đại Vương và Út Soi Đại Vương, v.v...

Chỉ có xã Đào Xá tổ chức bơi trải vào ban đêm:

"Mồng chín có tiệc anh ơi,
Mồng mười hạ trải xuống bơi thờ thần.
Trai thanh tân bước vào đòn kiệu
Trống kiệu vào là trống canh ba
Trải bơi ra, ngọn cờ phe phẩy
Trải bơi vào, cờ phất trống rung..."
(Dân ca)

Các làng khác đều thi bơi trải vào ban ngày. Con thuyền đua rất dài, thon nhỏ, chia thành 24 khoang, có 48 tay chèo (24 x 2), một người cầm lái ngồi ở đuôi thuyền, một người đứng ở giữa thuyền phất cờ điều và đánh trống. Các tay chèo là trai tân (chưa vợ) rất lực lưỡng, cường tráng. Ở Lương Nha bơi trải có 5 thuyền con trai đua với 5 thuyền con gái, vui dáo dể.

Vùng Ngã Ba Bạch Hạc có bài ca nói về các hội bơi trải trong vùng:

"Rau gác, Hạc bơi,
Hạc gác, Me bơi
Me gác, Đức Bác bơi,
Đức Bác gác, Dạng bơi..."

Hội trải làng này vừa rã đám, thì hội trải làng khác lại cờ mở trống rung. Mùa lễ hội dân gian diễn ra tưng bừng náo nhiệt.

Ở Vĩnh Phúc, hội bơi trải Kẻ Hạc và Kẻ Mơ là đông vui nhất, năm nào cũng có hàng vạn người gần xa kéo về dự hội.

Sau Kẻ Rau là đến hội trải Kẻ Hạc, diễn ra vào ngày 20 tháng 5 âm lịch. Kẻ Hạc có 4 giáp, mỗi giáp mỗi màu cờ sắc áo riêng: màu trải, màu mái chèo, mũ, áo quần các tay chèo phải cùng màu theo luật lệ quy định: trải Tiên Hạc màu xanh, trải Thần Trúc màu đỏ, trải Đông Nam màu trắng, và trải Bộ Đầu màu vàng.

Buổi sáng ngày tiệc tế, các nam phụ lão ấu nhất là các thôn nữ mặc quần áo đẹp kéo ra đứng đông nghịt trên bờ, tiếng chiêng trống nổi lên vang dội xóm làng. Khi các tay chèo đã ngồi vào khoang, tay nắm mái chèo sẵn sàng; trải dàn hàng ngang đều tăm tắp, thì một hồi trống rung lên, cuộc thi bắt đầu. Trống mõ thúc liên hồi kì trận. Hàng ngàn hàng vạn người reo hò. Các tay trải cúi rạp người chém mái chèo xuống nước, cánh tay hối hả, miệng hô: *"Dô huych! Hô huych !"*. Những con trải lướt băng băng, như những mũi tên phóng về phía trước. Các trải xuất phát từ cửa đình Hạc qua bến Gút đến Tiên Cát cầu Việt Trì, quay trở lại bến Gút về đỗ trước bến Hạc giữa tiếng trống, tiếng hò reo như sấm dậy. Ánh mắt các thiếu nữ sáng ngời lên...

Hội bơi trải Kẻ Me diễn ra 3 ngày sau đó, từ 25 đến 27 tháng 5 âm lịch. Kẻ Me có 3 giáp: Phù Yên, Bồ Thôn và Hạc Đình. Mỗi thôn có một thuyền rồng bằng gỗ chò, hai đầu sơn đỏ, giữa sơn đen. Mỗi thuyền chỉ có 40 người, 38 tay chèo, 1 bẻ lái, 1 cầm cờ. Ngày 24 hạ trải ở sông Phó Đáy, sáng 25 đua trải từ đình tới làng Diệm Xuân; chiều 26 bơi tới Bến Cả làng Nghĩa Yên; sáng 27 đua tới đình làng Hội Chữ. Chiều 26, cuộc bơi thi *"cướp cờ"* là háo hức, sôi động nhất. Chiều 27 bơi rước kiệu về Ngã Ba Chạ để *"tiễn thánh về"*.

Hội bơi trải ở vùng Bạch Hạc, Việt Trì đã có hàng nghìn năm nay. Một lễ hội dân gian đậm đà màu sắc văn hóa - văn minh sông Hồng, cái nôi của nền văn minh Lạc - Việt.

BÀI SỐ 21

Đề bài: Thuyết minh về một cảnh quan của đất nước

Vịnh Bái Tử Long

Cùng với vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long là một thắng cảnh tuyệt vời của đất nước ta. Nằm ở vùng Đông Bắc, cách thủ đô Hà Nội gần 200 km, vịnh Bái Tử Long, Quảng Ninh cho đến nay chưa được nhiều người biết đến.

Vịnh Bái Tử Long có hàng trăm đảo nhấp nhô trên mặt nước xanh biếc với hàng trăm cây số bờ biển, với những bãi cát trắng mịn ở Minh Châu, Quan Lạn, Ngọc Vừng...

Nơi đây có bao huyền tích gắn liền với các đảo gần, đảo xa. Một số đền, chùa cổ được xây dựng từ thời nhà Lý. Vườn Quốc gia Bái Tử Long có nhiều loài chim, loài thú quý hiếm. Giếng nước ngọt Nàng Tiên nước xanh ngăn ngắt ở Cái Làng - một làng Việt cổ trên đảo Minh Châu.

Hang Thông Thiên đẹp mê hồn, nhũ đá long lanh. Đảo Phất Cờ huyền diệu với dải san hô lấp lánh. Những vệt rừng sú, rừng vẹt chắn sóng như những dải lụa xanh viền quanh các đảo. Đảo Bản Sen có thứ *trà trăm tuổi* ngát hương đậm đà. Bãi biển Uyên Ương cát trắng phau, nước trong như pha lê, ai đã một lần tắm mát và bơi lội ở đấy sẽ không bao giờ quên.

Du khách đến thăm thú vịnh Bái Tử Long nên đến thăm quan đền Cửa Ông, đi chơi cảng Vạn Hoa, đi xuyên rừng hay đi thuyền thăm các bản làng của người Tày, người Dao đỏ, người Sán Dìu mộc mạc mà mến khách.

Hương vị biển có nhiều loài hải sản tươi ngon như cá song, cá giò, cá sùng, tu hài, cù kì... sẽ làm cho ta nhớ mãi. Cá giò được chế biến thành 12 món ăn tuyệt ngon như chiên, hấp, nướng, lòng cá xào, da cá chiên giòn, và tuyệt nhất là ăn gỏi cá với mù tạt. Chính gỏi cá giò này mà cô gái làng chài đen giòn ngày xửa ngày xưa đã từng làm đắm đuối Tiên ông.

Những đêm thu biển xanh óng ánh trăng vàng, đảo gần đảo xa trên vịnh Bái Tử Long như đàn rồng vẫy đuôi nô nức vũ hội. Ánh trăng sao càng làm cho Bái Tử Long thêm huyền ảo mênh mông. Tiếng sóng vỗ, tiếng cá đớp mồi hay tiếng đuôi rồng cuộn sóng nghe lao xao, rì rầm bất tận...

BÀI SỐ 22

Đề bài: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

Thác Trắng quê em

Dãy núi Trường Sơn trập trùng chạy dài theo *"khúc ruột miền Trung"* có hàng trăm con thác hùng vĩ:

Trập trùng Thác Lửa, Thác Chông,
Thác Dài, Thác Khó, Thác Ông, Thác Bà...

(Nước non ngàn dặm – Tố Hữu)

Bao con thác, bao huyền thoại, gắn liền với chiến tích hào hùng của anh bộ đội Cụ Hồ thời đánh Mĩ *"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"*.

Trong hàng trăm con thác ấy có Thác Trắng nằm gần Tịnh Đố một bản của người Hơ rê, thuộc huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi. Thác Trắng cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi trên 30 km. Đến thị trấn Minh Long, du khách có thể đi xe máy, đi xe đạp hoặc đi bộ vượt qua đoạn đường núi dài độ 7 km là đến chân Thác Trắng. Cảnh núi đồi trập trùng xanh ngắt một màu bao la, những ô ruộng bậc thang nhấp nhô trải dài, trải rộng uốn quanh sườn núi, càng ngắm càng thích thú vô cùng.

Thác Trắng từ độ cao hơn 50m, nước chảy xuống theo ba dòng lớn trắng xoá như dát bạc trên sườn núi đá dốc đứng. Lúc hoàng hôn hay giữa canh khuya, nhất là sau những cơn mưa rừng, tiếng Thác Trắng dội ầm ầm vang động như tiếng sấm, như tiếng trống thúc quân của Thần Núi. Những đêm trăng, những buổi sớm bình minh, Thác Trắng như ba dải lụa màu lấp lánh hiện lên giữa màu xanh của bầu trời và ngàn cây vắt ngang sườn núi.

Dưới chân Thác Trắng có hồ nước sâu tự nhiên rộng hàng trăm mét vuông, nước xanh biếc và mát lạnh. Có thể bơi dọc theo các dòng suối trong vắt mà đến hồ. Mùa hè đến thăm Thác Trắng, leo núi và tắm mát, thật không có niềm vui thú nào bằng.

Cá niêng là đặc sản của núi, hồ Thác Trắng. Câu được vài ba con cá niêng to bằng bàn tay, đem nướng trên than hoa, chấm với nước mắm làm từ loại cá cơm nổi tiếng của xứ Quảng, nhâm nhi với chén rượu quê sẽ nhớ đời!

Quảng Ngãi có bao danh lam thắng cảnh như bãi biển Mỹ Khê, bãi biển Sa Huỳnh, núi Thiên Ấn, sông Trà Khúc, biển Sa Cần, núi Răng Cưa... Nếu du khách chưa một lần đến thăm thú Thác Trắng quê em có thể nói chưa biết nhiều về hồn thiêng sông núi Quảng Ngãi, một miền quê anh hùng, nơi chôn nhau cắt rốn của các chiến sĩ du kích Ba Tơ một thời oanh liệt.

BÀI SỐ 23

Đề bài: Thuyết minh về một cảnh đẹp trên đất nước ta

Hồ Thác Bà

Hồ Thác Bà là một viên ngọc quý của miền Tây Bắc nước ta. Năm 1961, công trình thuỷ điện Thác Bà bắt đầu xây dựng, đến năm 1971 mới hoàn thành, hồ Thác Bà có từ đấy. Nó nằm trong lưu vực sông Chảy thuộc hai huyện Yên Bình và Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Là một trong ba hồ nước nhân tạo to lớn nhất của Việt Nam, rộng gần 20.000 ha, với trên 80 km chiều dài, chiều rộng từ 8-10 km, có chỗ sâu tới 45m. Hồ Thác Bà có tới 1331 hòn đảo lớn nhỏ, xen kẽ những dãy núi đá vôi xanh thẫm, trong đó có khá nhiều đảo trồng cây ăn quả như bưởi, quýt, hồng,... Cảnh quan thiên nhiên vừa kì vĩ vừa thơ mộng.

Ai đã một lần lên Tây Bắc và ghé chơi hồ Thác Bà? Từ cảng Hương Lý, sau khoảng một giờ ngồi ca nô, du khách đã tới nhà máy thuỷ điện Thác Bà rồi lên thắp hương cầu may tại đền Thác Ông, lần lượt vào thăm các hang động đá vôi như động Thuỷ Tiên, động Xuân Long, động Bạch Xà,...

Động Thuỷ Tiên hun hút dài khoảng 100m, nhũ đá lấp lánh muôn hồng nghìn tía, đặc biệt có hình tiên nữ trong bộ xiêm y lộng lẫy thướt tha đang múa hát, mỗi nàng một vẻ, gắn với cổ tích li kì. Động Xuân Long nằm ẩn trong dãy núi đá trập trùng; càng đi sâu vào khách tham quan không khỏi ngỡ ngàng trước những tượng đá nhũ đá có màu sắc và hình dáng kì lạ. Núi Cao Biền là dãy núi lớn và dài nhất của thắng cảnh hồ Thác Bà. Những buổi sáng sớm hay buổi chiều mùa hè, những đêm trăng thu, du khách leo lên đỉnh núi phóng tầm mắt ngắm cảnh hồ bao la, mênh mông trong màn sương với vẻ đẹp lung linh huyền ảo; càng ngắm càng đắm càng say.

Ngược dòng sông Chảy, du khách tới thăm khu di tích lịch sử đền Đại La, hang Hùm, chùa Lãi, núi Vua áo Đen; nơi đây còn lưu giữ bao dấu vết văn hoá thuộc nền văn hoá Bắc Sơn của người Việt cổ. Câu ca ngày xửa ngày xưa còn vọng theo thời gian làm bồi hồi xao xuyến du khách gần xa:

Nhiều tiền chợ Ngọc, chợ Ngà,
Không tiền lơ lửng Thác Bà, Thác Ông.

Xung quanh hồ Thác Bà nhấp nhô những mái nhà lá, nhà sàn của đồng bào Dao, Tày, Nùng, Mông, Mán, Phù Lá, Cao Lan. Tiếng mõ rừng chiều, tiếng cá đớp mồi vẫy trăng, tiếng máy ca nô, tiếng thuỷ điện rì rầm, tiếng gió lồng hang động, tiếng sóng vỗ tiếng rít của đàn vịt trời, cái hợp âm trầm hùng ấy càng lắng nghe càng thú vị.

Đúng như dân gian đã nhắc: *"Đi một ngày đàng học một sàng khôn"*. Đến thăm hồ Thác Bà, lúc trở về xuôi, ta khẽ nhẩm lời ca:

"Ai về ai có nhớ không?
Ta về ta nhớ Thác Ông, Thác Bà
Nhớ Xuân Long, nhớ Bạch Xà
Chợ Ngọc, chợ Ngà nhớ mãi không nguôi..."

BÀI SỐ 24

Đề bài: Thuyết minh về một thắng cảnh của đất nước

Ngũ Hành Sơn

Phan Bội Châu từng ca ngợi văn vật Quảng Nam - Đà Nẵng là do linh khí non sông chung đúc nên: *"Tú dục Nam châu, linh chung Đà hải"*. Đó là quê hương của

Hoàng Diệu, Phan Châu Trinh và biết bao anh hùng hào kiệt, mà thời đại nào cũng có, có rất nhiều.

Chỉ nói về thiên nhiên hùng vĩ cẩm tú, xứ Quảng có Sơn Trà, Hàn Giang, Ngũ Hành Sơn,... Du khách xa gần ai có thể quên được sông Thu Bồn, phố Cổ Hội An với bao chùa chiền, hang động phủ mờ huyền tích huyền thoại. Ca dao như vẫy chào, mời gọi:

"Quê em có dải sông Hàn,
Có hòn Non Nước, có hang Sơn Trà".

Đứng trên đèo Hải Vân là nhìn thấy Sơn Trà cao 693m, còn gọi là núi Tiên Sa, sớm chiều mây phủ; là nhìn thấy sông Hàn Giang uốn lượn như dải thắt lưng xanh của cô gái Hội An.

Đến Quảng Nam - Đà Nẵng ai chẳng không đến tham quan Ngũ Hành Sơn, nơi dân gian gọi là hòn Non Nước. Cách Đà Nẵng khoảng 8km về phía đông - nam, Ngũ Hành Sơn tọa lạc giữa một màu xanh bao la đất nước, biển trời, những nương dâu, ruộng lúa, bờ tre bốn mùa tươi tốt.

Ngũ Hành Sơn gồm có 5 ngọn núi: Kim, Mộc, Hỏa, Thủy, Thổ. Thủy Sơn là ngọn núi cao nhất, đẹp nhất. Trong núi này có nhiều hang động và chùa chiền kì thú, ảo huyền: hang Vân Nguyệt, hang Thiên Long, động Linh Nha, động Tàng Chơn,... Du khách sẽ ngẩn ngơ tưởng như *"Đào nguyên lạc lối"* trước nghìn dáng trăm màu của những nhũ đá long lanh, trước những lối đi thật bất ngờ. Hãy đến thăm động Vân Thông, còn gọi là Hang Trời, một động lộ thiên kì ảo, du khách xúc động tưởng như bước vào thế giới chín tầng mây xanh, mọi bụi trần được phủi sạch. Ngước nhìn lên có thể thấy những đám mây lơ lửng. Rời Vân Thông ta lần bước tới động Thiên Long (còn gọi là Hang Gió) vì bao giờ cũng có những luồng gió vù vù giữa hang sâu. Hãy đến thăm Động Huyền Không, có vòm cao, trên chóp đỉnh có 5 lỗ trống gọi là Cửa Trời, vách đá có đủ khối hình, dân gian gọi là *"Vú đá nàng tiên"*, giọt nước rơi thánh thót, trong suốt và mát ngọt như sữa. Trong những hang động ấy, người Chàm, người Việt cổ xưa đã đặt lên bao bệ thờ, xây dựng nên bao chùa chiền để thờ cúng. Mỗi một bệ đá, mỗi một mái chùa như đang dẫn hồn người tới thăm thú vào miền cổ tích.

Anh và chị, cô và cháu đã vãn cảnh chùa Tam Thai rồi chứ ? Còn nhớ chùa đặt trên một đám đất bằng ở ngay đầu núi. Khói trầm ở đây ngào ngạt và huyền ảo suốt đêm ngày. Khi anh em Ngô Đình Diệm điên cuồng *"tố cộng diệt cộng"*, lê máy chém khắp miền Nam, thì ở đây, chùa Tam Thai, Hang Gió, Cửa Trời... của Ngũ Hành Sơn vẫn là nơi đi, về của nhiều cán bộ trung kiên đất Quảng. Trong những tháng ngày đen tối máu chảy đầu rơi đó, những chiến sĩ cách mạng kiên cường của Đảng, sống giữa hang sâu động vắng vẫn được nhân dân bí mật tiếp tế gạo, mì, trái bòn bon, nước mắm Nam Ô, thuốc lá Cẩm Lệ... và thanh quế Trà Mi phòng lúc ốm đau. Có đến đây mới cảm thấy xương máu và tình dân nghĩa Đảng làm nên một truyền thống cách mạng vẻ vang mà một câu tục ngữ đã nhắc đến: *"Thứ nhất Củ Chi, thứ nhì Gò Nổi"*.

Thăm Ngũ Hành Sơn nên leo tới Vọng Giang, để được mở rộng tầm mắt toàn cảnh xứ Quảng, xanh xanh kia là vịnh Hàn, tàu thuyền san sát, xa tít xa mờ là Đại Lộc, Duy Xuyên, Hội An, là sông Thu Bồn, Núi Thành, vịnh Dung Quất, v.v... Nhất là khi ta vươn tới Vọng Hải đài mới cảm thấy vẻ đẹp tráng lệ của giang sơn cẩm tú.

Ngũ Hành Sơn có nhiều loại đá đủ màu sắc. Qua bàn tay của những nghệ nhân chạm khắc tài hoa, những tượng Phật, sư tử, voi, cá, chim, những đồ thờ bằng đá đủ sắc màu, to nhỏ... làm vui thích du khách, món quà lưu niệm mĩ nghệ ấy không thể bỏ qua.

Xứ Quảng là một miền quê *"địa linh, nhân kiệt"* rất đáng tự hào. Ngũ Hành Sơn là một nét đẹp của xứ Quảng nơi *"Khu Năm dằng dặc khúc ruột miền Trung"*.

BÀI SỐ 25

Đề bài: Thuyết minh về một miền đất giàu tiềm năng của đất nước ta

Rừng U Minh

U Minh là một vùng đất sình lầy, chằng chịt kênh rạch, rừng xanh điệp trùng bao la, trải dài trải rộng trên một diện tích gần 2000 km^2.

Rừng U Minh tựa lưng vào miền tây Nam Bộ, mặt hướng ra vịnh Thái Lan, trải dài từ sông Ông Đốc phía Nam (tỉnh Cà Mau) cho đến sông Cái Lớn (tỉnh Kiên Giang) phía bắc. Sông Trèm Trẹm và sông Cái Tàu chia U Minh thành hai phần xấp xỉ nhau, đó là U Minh Thượng ở phía Bắc và U Minh Hạ ở phía Nam.

Thiên nhiên ở U Minh vô cùng hoang sơ và hùng vĩ. Trước năm 1945, hai tiếng U Minh gợi lên cái gì xa xăm và thăm thẳm, heo hút và mênh mông. Nhà văn Sơn Nam trong cuốn "*Văn minh miệt Vườn*" đã viết: "*U Minh có nghĩa là tối và mờ, u u minh minh, có lẽ ở đây cây cỏ quá dày và rậm rạp, nước ngập lênh láng, đất lại thấp nên thuở xưa còn gọi là Láng Biển, Láng U Minh*".

Có thể đến U Minh bằng đường thủy, hoặc đường bộ nhưng đường thủy thuận tiện hơn. Đi xuồng máy tới Cà Mau, theo sông Cái Tàu và sông Trèm Trẹm mà đi lên. Hoặc dùng tàu, thuyền từ Rạch Giá men theo bờ biển mà đi xuống.

Rừng ngập mặn ở Cà Mau là rừng đước. Còn rừng ở U Minh là rừng tràm. Cây tràm cao từ 10-20 m; từ xa nhìn chỉ thấy một màu xanh vô tận của rừng tràm nối tiếp với màu xanh bao la của da trời. Cây tràm là thứ gỗ quý của rừng U Minh. Ngoài ra còn có cây móp và dây choại. Dây choại dẻo và bền không kém gì song mây, để bện đăng hoặc làm nguyên liệu cho hàng thủ công mĩ nghệ. Rễ móp rất nhẹ, dai, xốp, để làm phao lưới cá, làm nút chai.

Mùa hè đến, rừng tràm nở hoa trắng xóa, dâng hương ngào ngạt. Hàng ngàn, hàng vạn... đàn ong kéo về hút nhụy hoa, mật hoa. Những người "*ăn ong*" kéo nhau vào rừng tràm "*gác kèo*" cho ong làm tổ. Mỗi tổ ong có thể cho vài lít mật; mỗi người "*gác kèo*" có thể lấy được hàng trăm lít mật ong sau mỗi mùa hoa. Mật ong rừng tràm U Minh có màu vàng óng, trong veo, để lâu không biến màu, biến chất, có hương vị ngát thơm ngọt ngào đặc biệt. Rừng tràm U Minh mỗi năm có thể cung cấp khoảng 50-60 tấn mật ong. Hoa tràm chứa 2% tinh dầu. Tinh dầu tràm màu vàng xanh trong suốt là một dược liệu quý hiếm.

Rừng U Minh là xứ sở của muỗi mòng và thú dữ, heo rừng, khỉ, kì đà, rắn, trăn, cá sấu, cọp. Ca dao còn truyền lại:

"U Minh, Rạch Giá, thị quán sơn trường,
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua."

Kênh rạch U Minh nhiều tôm cá. Rừng U Minh là một sân chim khổng lồ với hàng trăm loài chim. Tiếng chim xào xạc trong vòm cây lá. Chiều chiều, từng đàn chim che rợp bầu trời. Trong màn đêm vẫn có một số loài chim gọi nhau đi ăn đêm. Tiếng chim gọi đàn, tiếng lá reo, tiếng sóng vỗ trên sông Cái Tàu, sông Trèm Trẹm, trên vịnh Thái Lan... lao xao, rì rầm suốt đêm ngày tạo nên khúc nhạc rừng U Minh đã mấy ngàn năm qua.

Đến thăm thú sân chim U Minh, du khách ngạc nhiên và vô cùng thú vị khi nhìn thấy những con ngỗng trời có đôi cánh đồ sộ hàng sải tay, nặng bảy tám kí, đậu oằn cả những cành cây lớn, những con giang sen cao lêu nghêu, chàng bè cổ quái, mỏ

to bằng cổ tay người lớn. Nhiều loài cò, điên điển, cồng cộc, le le, ó biển, ... quy tụ về đây thành đàn, đẻ trứng, sinh con, sinh cháu, làm cho họ hàng nhà chim ngày một đông đúc, đàn dàn lũ lũ không kể xiết.

Những vỉa than bùn dày từ 2-5 m là kho vàng đen có trữ lượng hàng tỉ tấn mà rừng U Minh đã và đang làm giàu cho quê hương xứ sở.

Sau ngày 30.4.1975, U Minh được đầu tư và khai phá. Giao thông thủy bộ được mở mang. Nhiều thị tứ, làng mạc nối tiếp mọc lên theo bờ kênh rạch, sông ngòi. Cảnh quan ngày một thay đổi to lớn.

Rừng U Minh là một vùng đất giàu có với bao tiềm năng kì diệu. U Minh hứa hẹn. U Minh đang vẫy tay đón chờ những bàn tay, khối óc và lòng dũng cảm của tuổi trẻ chúng ta.

BÀI SỐ 26

Đề bài: Thuyết minh về một di tích văn hóa cổ của đất nước

Tháp Chàm ở Phan Thiết

Thành phố Phan Thiết thuộc tỉnh Bình Thuận, miền cực nam Trung Bộ nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Phan Thiết nổi tiếng với những ngôi chùa cổ rất quy mô và cổ kính như chùa Liên Trì, chùa Bà Đức Sanh, chùa Phật Quang,... Chùa Phật Quang còn gọi là Chùa Cát được xây dựng vào nửa đầu thế kỉ 18. Chiếc chuông đồng rất lớn được đúc năm 1750, bộ kinh Pháp Hoa với 118 bản khắc gỗ hoàn thành năm 1734. Chùa Ông uy nghi tráng lệ được xây dựng năm 1770 với hàng dãy cột chạm khắc tinh xảo treo hàng trăm câu đối sơn son thếp vàng cực kì lộng lẫy.

Phan Thiết còn rất nổi tiếng với những tháp Chàm cổ kính, kì vĩ, độc đáo. Cách thành phố Phan Thiết gần 7 km về phía Đông Bắc là nhóm tháp Chàm Pôshanư có niên đại trên 1200 năm của dân tộc Chăm, nằm trên đỉnh đồi Ngọc Lâm. Nhóm tháp này được tạo tác từ cuối thế kỉ thứ 8, là nơi thờ Pôshanư vị nữ vương Chiêm Thành. Cách đây trên 300 năm nhiều tháp Chàm đã bị vùi lấp, tới nay chỉ còn lại một tháp chính lớn nhất, một tháp nhỏ ở sát chùa, và một tháp nhỏ ở gần tháp chính.

Trong tháp chính có bệ thờ Linga-Yoni, biểu tượng của thần Shiva bằng đá xanh đen còn nguyên vẹn với những thớt đá đồ sộ được chạm khắc các biểu tượng thể hiện sự sinh tồn của dân tộc Chăm. Cuối thế kỉ 19, trong tháp nhỡ vẫn còn thờ con bò bằng đá rất lớn nhưng sau đó thì không thấy nữa (?). Có lẽ đó là thần Nadin như ta vẫn thấy thờ trong các tháp Chàm ở Phan Rang.

Ba, bốn thế kỉ trước, quanh tháp Pôshanư là các làng mạc trù phú của người Chăm. Do chiến tranh, do biến động của thiên nhiên và lịch sử nên phần nhiều đã di dời đi lập nghiệp ở những nơi khác. Nhưng hàng năm, người Chăm từ mọi nơi vẫn trở về tháp Pôshanư để thực hiện các nghi lễ tôn giáo truyền thống linh thiêng.

Tháp Chăm Pôshanư được xếp hạng di tích quốc gia với chế độ trùng tu, bảo vệ đặc biệt. Nó là di sản văn hóa vô giá của đất nước ta. Du khách gần xa đến với Phan Thiết không thể không đến chiêm ngưỡng những tháp Chàm, dấu tích một nền văn minh từ nghìn xưa đang trầm mặc cùng tuế nguyệt.

BÀI SỐ 27

Đề bài: Thuyết minh về một thắng cảnh trên đất nước ta

Hội An, phố cổ miền Trung

Thị xã Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam trên dải đất miền Trung. Ngà 4/12/1999, cùng với tháp Chàm-Mỹ Sơn, phố cổ Hội An đã được UNESCO công nhậ là di sản văn hoá thế giới.

Từ thế kỉ 17, 18 có hàng trăm hàng nghìn người Hoa từ Quảng Đông, Triề Châu, Hải Nam ... đến dôi bờ con sông Hoài sinh cơ lập nghiệp. Phố Hội An ngà một mở mang, đông vui. Ở đây hiện có những ngôi chùa cổ trên mấy trăm tuổi nhı chùa Phúc Kiến, chùa Long Tuyền, chùa Triều Châu, chùa Chúc Thánh, chùa Phướ Lâm,... Những lễ hội, những tập tục văn hoá xa xưa được lưu giữ mãi trong hồn ngườ Những chiếc áo vạt hò, quần chân què, nón mê, guốc gỗ... của những người bán hàn rong như gợi nhớ gợi thương. Đặc biệt chiếc đèn lồng đủ mọi kích cỡ, dáng hình, mà sắc treo dọc phố, treo trước cửa nhà, treo hai bên bàn thờ tổ tiên đã ăn sâu vào kí ức v làm nên một Hội An cổ kính, hưng thịnh và tấp nập xưa nay.

Đúng 17 giờ đêm 14 âm lịch hàng tháng, có hàng trăm hàng nghìn đèn lồn được thắp sáng lung linh như sao sa. Dọc theo các phố Trần Phú, Nguyễn Thái Họ Bạch Đằng, Nguyễn Thị Minh Khai,... Hãy tản bộ dọc bờ sông Hoài, ai cũng cả thấy tâm hồn mình thảnh thơi kì lạ. Hãy đến với một gánh hàng rong nhấm nháp mộ bát chè bắp Cẩm Nam thơm mát, nếm một bát mì Quảng béo ngậy, thưởng thức mộ tô Cao lầu đặc sản thơm đậm, ngọt ngào... Hương vị, sắc màu Hội An đó.

Hãy đến thăm Chùa Long Tuyền, Chùa Cầu, thắp lên một nén nhang, ngắ hàng trăm tượng Phật, câu đối, hoành phi sơn son thếp vàng. Những chiếc áo lam củ bà con đi lễ hội chùa Cầu trong ánh đèn lồng, dưới bóng trăng rằm gợi lên bao cả xúc dạt dào, lồng lộng trăng nước.

Phố cổ Hội An, một không gian cổ kính, thanh bình. Con sông Hoài thơ mộn Chùa Cầu tráng lệ, trang nghiêm. Màu thời gian nơi phố cổ gợi cho du khách tìm v giấc mộng ngàn xưa.

BÀI SỐ 28

Đề bài: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

Côn Sơn và Kiếp Bạc

Mời bạn hành hương về miền Đông Bắc của Tổ quốc, vùng đất thiêng của Đ Việt. Sông núi, rừng cây, bãi cỏ, cánh đồng... đã mấy trăm năm nay, đã nghìn nă qua còn lưu giữ bao dấu tích của Người xưa. Hồn thiêng núi sông tụ hội anh linh cı tiền nhân, của những anh hùng với bao chiến công chói ngời sử sách.

Núi Phượng Hoàng – Kỳ Lân, nơi Chu Văn An ở ẩn, chùa Côn Sơn, Giết Ngọc, Thạch Bàn, Bàn Cờ Tiên, Đền Kiếp Bạc,... mỗi một danh thắng, mỗi một tích lịch sử gợi nhớ gợi thương trong lòng ta về tổ tiên ông cha với bao tự hào. Ngl thông Côn Sơn reo, ta tưởng như nghe tiếng mài gươm của Nguyễn Trãi thuở "bì Ngô". Nghe tiếng sóng Lục Đầu Giang vỗ, ta tưởng như nghe tiếng reo của trăm v hùng binh dưới ngọn cờ người anh hùng Trần Quốc Tuấn đang ào ào xông tới V Kiếp tiêu diệt giặc Nguyên-Mông.

Khu di tích Côn Sơn nằm ở giữa hai dãy núi Phượng Hoàng-Kỳ Lân, xã Cộ Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, gần làng Chi Ngại quê hương của dòng l

lguyễn Trãi. Khu di tích này gồm có núi non, chùa, tháp, rừng thông, khe suối và các i tích nổi tiếng gắn liền với cuộc đời của nhiều danh nhân lịch sử, những dấu tích ıời Trần và các giai đoạn lịch sử kế tiếp.

Ta đến Chùa Côn Sơn. Chùa có tên là Tư Phúc tự, nhân dân địa phương thường ọi là chùa Hun, có từ trước đời Trần, nơi tu luyện của Trạng nguyên Lý Đạo Tái, háp danh Huyền Quang. Nguyễn Trãi có thời gian được vua giao chức "Đề Cử" hùa Côn Sơn. Trải qua biến thiên về lịch sử và thời gian, chùa Côn Sơn ngày nay chỉ òn lại ngôi chùa nhỏ ẩn mình dưới tán lá xanh của những cây cổ thụ. Trong chùa còn ầy đủ hệ thống tượng Phật, trong đó có tượng Di Đà Tam Tôn, tượng Trúc Lâm Tổ - ức Trần Nhân Tông, tượng Nhà sư Huyền Quang, tượng ông bà Trần Nguyên Đán, ai pho tượng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ. Hiện trong chùa còn nhiều di vật có iá trị được lưu giữ như 8 bia thời Trần – Lê.

Ta hãy soi hồn mình vào Giếng Ngọc. Nằm ở sườn núi Kỳ Lân, bên phải là lối ›n bàn cờ tiên. Tương truyền đây là giếng nước do thiền sư Huyền Quang được thần nh báo mộng ban cho chùa nguồn nước quí. Nước giếng trong vắt, xanh mát quanh ăm được các sư dùng làm nước cúng lễ của chùa.

Rồi đến Thạch Bàn: Bên suối Côn Sơn có một phiến đá lớn, mặt phẳng và nhẵn ọi là Thạch Bàn, nơi Bác Hồ tới thăm Côn Sơn (15/2/1965), Bác đã dừng chân nghỉ ại đây. Tương truyền khi xưa Nguyễn Trãi lấy làm "chiếu thảm" nghỉ ngơi, ngắm ảnh, làm thơ và suy tư việc nước.

Và ta ngắm nhìn *Bàn Cờ Tiên.* Từ chùa Côn Sơn leo lên các bậc đá đến đỉnh úi, là một khu đất bằng phẳng, tại đây có một phiến đá khá rộng, tục gọi là Bàn Cờ 'iên. Hiện Bàn Cờ Tiên có dựng nhà bia theo kiểu vọng lâu đình , hai tầng cổ, tám nái. Đứng tại đây, du khách có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn: Lục Đầu iiang-Côn Sơn-Kiếp Bạc.

Đền thờ Nguyễn Trãi: Năm 2002, tỉnh Hải Dương đã xây dựng đền thờ Nguyễn 'rãi trên một khu đất rộng trong quần thể khu di tích Côn Sơn. Trong đền thờ có ượng Nguyễn Trãi bằng đồng với kích thước hợp lý đặt trong nhà tưởng niệm rất 'ang trọng.

Hội Côn Sơn có hai dịp trong năm: hội Xuân từ ngày 16 đến 22 tháng Giêng âm ch nhằm tưởng nhớ vị tổ thứ 3 của thiền phái Trúc Lâm; hội Thu từ 15 đến 20 tháng Âm lịch tưởng niệm Nguyễn Trãi.

Đền Kiếp Bạc ở xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nơi đây là ıung lũng trù phú trông ra sông Thương và ngã sáu Lục Đầu Giang, xung quanh có ẫy núi Rồng bao bọc. Trần Hưng Đạo, người anh hùng dân tộc, vị chỉ huy tối cao 'ong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông hồi thế kỷ XIII đã đặt ản doanh ở đây, trên vị trí chiến lược này.

Đền thờ ông được xây dựng vào đầu thế kỷ XIV, trên một khu đất trung tâm ıung lũng, nơi đã diễn ra chiến thắng Kiếp Bạc lừng lẫy do ông chỉ huy và cũng là ơi ông về sống những năm tháng cuối đời. Trong đền hiện còn 5 pho tượng bằng ồng: tượng Trần Hưng Đạo, phu nhân, hai con gái, Phạm Ngũ Lão cùng 4 bài vị thờ con trai.

Hàng năm, hội đền được tổ chức vào ngày mất của Trần Hưng Đạo (20 tháng 8 m lịch) thu hút rất đông đảo khách thập phương về dự "Tháng 8 giỗ Cha".

BÀI SỐ 29

Đề bài: Thuyết minh về một làng quê đáng yêu, đáng nhớ
Chốn làng quê của bác Tôn

Mỹ Hòa Hưng là chốn làng quê thương yêu của Bác Tôn. Người thợ, người lính thủy, người chiến sĩ trung kiên ấy đã xa cố hương từ tuổi thanh niên, khi dấn thân vào con đường cách mạng đầy bão táp.

Mỹ Hòa Hưng với diện tích khoảng $15km^2$, một vùng quê hiền lành, trù phú nổi lên giữa lòng Hậu Giang thuộc đồng bằng sông Cửu Long mênh mông bát ngát.

Những cánh đồng lúa xanh rì, những dòng kênh hiền hòa uốn lượn, những miệt vườn xanh tươi hoa trái bốn mùa. Bà con dân cày ở đây cần cù và chất phác, bộc trực và dũng cảm, quen cầm cuốc, cầm cày, và đã bao phen cầm giáo cầm gươm, cầm tầm vông, mã tấu, súng ngựa trời kiên cường đánh Pháp rồi *"đồng khởi"* đánh Mỹ. Bao mồ hôi và máu đã đổ xuống trên cù lao này, để dòng kênh mãi mãi ăm ắp nước ngọt phù sa, để cau, dừa, mía đậu phộng, đậu xanh... ngọt ngào tươi tốt. Mía Chợ, mía Gò Cát là đặc sản, mềm và ngọt nức tiếng gần xa. Nghề dệt chiếu, làm hàng thủ công mĩ nghệ rất phát triển.

Ngoài việc sạ lúa gặt hái, làm vườn, ở Mỹ Hòa Hưng quanh năm còn rộn ràng nghề đánh bắt thủy sản:

"Bao phen quạ nhắn với diều
Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm".

Tháng Giêng Hai là mùa bắt ốc gạo ở các bãi cồn; tháng tư tháng năm là mùa giỏ chà cá trắng, cá đen roi rói đầy ắp khoang thuyền. Từ tháng tám đến tháng chạp là mùa tôm cá, lưới chài, vờn, đáy. Ban ngày, dọc theo sông cái, ghe xuồng đánh cá sai sát ngược xuôi. Tiếng gõ mái chèo, tiếng hò rộn ràng sông nước:

"Bớ cô má lúm đồng tiền,
Cho hun một chút đỡ ghiền khi xa".

hay:

"Thương chồng nấu cháo le le,
Nấu canh bông bí, nấu chè hột sen".

Những giàn lưới phơi giăng loáng nắng trên cồn nhỏ. Những ngọn đèn trên những chiếc xuồng câu tôm nhấp nháy, mờ tỏ trên dòng nước bạc. Tiếng búng tí tách của bầy tôm, tiếng cá nhảy, tiếng chim lạc đàn kêu đêm... Những hình ảnh, âm thanh thân thuộc ấy của quê nhà đã in sâu vào tâm hồn và luôn mang theo trong trái tim khi người thủy thủ lênh đênh bên trời Âu, khi người chiến sĩ cộng sản, chân tay mang nặng xích xiềng bị kẻ thù đẩy vào tù ngục...

Mấy chục năm xa cách cố hương, một chiều thu trở lại chốn quê, Bác Tôn người con Mỹ Hòa Hưng đầu tóc bạc phơ bâng khuâng ngắm trời mây sông nước. Đứng trên cù lao, đưa mắt nhìn các hướng: Thị xã Long Xuyên, cù lao Ông Chưởng những con tàu giòng ghe chài như thân một con rết khổng lồ xuôi ngược trên mặt sông lấp lánh bình lặng... Xóm nhỏ với mái nhà xưa, con đường làng và mái trường tuổi thơ,... lúc tỏ mờ, lúc thấp thoáng ẩn hiện... Nước mắt ứa ra...

Bầu trời xanh trong, những cánh chim chao nghiêng bay lượn, những cánh buồm nâu bạc phếch căng phồng, những con thuyền xuôi ngược... mỗi lần gặp người thân, bác Tôn lại thầm hỏi, thầm nhắc: *"Ơi... Mỹ Hòa Hưng, nhiều thương nhớ!..."*.

Người con yêu quý ấy, người chiến sĩ cách mạng ấy, nay đã đi xa. Nhưng dòng kênh, ghe xuồng, bãi cồn, cây mía, trái cây... quê mẹ vẫn nhắc hoài nhắc mãi, vẫn nhớ thương khôn nguôi, bồi hồi da diết...

BÀI SỐ 30

Đề bài: Thuyết minh về một chiến công chống ngoại xâm của dân tộc ta

Chiến thắng Vân Đồn đông xuân 1287 - 1288

1. Để phục thù, tháng 12-1287, Thoát Hoan lại mang 50 vạn quân thủy bộ sang đánh nước ta. Quân giặc chia làm 3 cánh ào ạt tiến sang: một cánh từ Quảng Tây tiến vào vùng Lạng Sơn do Thoát Hoan thống lĩnh, một cánh từ Vân Nam theo đường sông Hồng do Ái Lỗ (A-rúc) chỉ huy; cánh thứ ba gồm hàng nghìn chiến thuyền do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm tiên phong, Trương Văn Hổ đốc lương.

Vua Trần Nhân Tông hỏi Trần Quốc Tuấn: *"Thế giặc năm nay thế nào ?"*. Vị thống soái tài ba đã nói: *"Quân ta đã quen chiến trận. Thế giặc năm nay nhàn"* (dễ đánh).

Thoát Hoan và Ái Lỗ đánh chiếm Vạn Kiếp và Kinh thành Thăng Long. Thủy binh giặc tiến vào cửa sông Bạch Đằng, tướng Trần Khánh Dư chặn đánh nhưng bị thất bại. Ô Mã Nhi thừa thắng tiến thẳng về Thăng Long, Vạn Kiếp để hội quân với Thoát Hoan. Hàng nghìn thuyền tải lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy lúc bấy giờ mới vào đến cửa ải Vân Đồn. Chúng tưởng như đi vào chỗ không người. Trần Khánh Dư đã mưu trí lập trận địa mai phục. Một trận đánh lớn đã diễn ra: hàng vạn giặc bị tiêu diệt, hàng nghìn chiến thuyền và mấy chục vạn hộc lương bị quân ta cướp lấy, hoặc đốt cháy, nhấn chìm xuống đáy bể. Trương Văn Hổ thoát chết, bạt vía kinh hồn chạy về Khâm Châu trên một chiếc thuyền tơi tả.

Được tin cánh thủy quân đã bị tiêu diệt, và trước sức mạnh phản công như vũ bão của quân ta, mùa hè 1288, Thoát Hoan vô cùng hoảng sợ, vội vã bỏ Thăng Long chạy về Vạn Kiếp trong tình thế cực kì khốn quẫn.

2. Chiến thắng Vân Đồn là chiến thắng mang ý nghĩa chiến lược to lớn. Nó đã giáng một đòn trí mạng vào chiến lược hợp vây thủy bộ của Thoát Hoan, và làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của giặc, dồn chúng vào những khó khăn không thể nào khắc phục nổi về mặt lương thực.

Tên tuổi danh tướng Trần Khánh Dư đã gắn liền với chiến thắng Vân Đồn bất tử.

BÀI SỐ 31

Đề bài: Giới thiệu một vùng quê đẹp

Bạc Liêu một vùng quê đáng yêu và đáng nhớ

Bạc Liêu ở cực Nam đất nước, liền kề với Cà Mau. Từ thành phố Hồ Chí Minh, vượt sông Tiền Giang, qua sông Hậu Giang, du khách đi thẳng tới Bạc Liêu, một hành trình 280 km. Đó là một miền đất thoáng đãng, trù mật, với bao cảnh vật đáng yêu, với những con người tuyệt đẹp, chất phác, siêng năng, thẳng thắn và phóng thoáng, cởi mở.

Bạc Liêu có diện tích tự nhiên 2520,6 km^2. Dân số khoảng 800.000 người, có 20 dân tộc, đông nhất là người Kinh. Các thế hệ người Kinh, người Hoa, người Khơ me,... đã chung vai sát cánh qua nhiều thế kỉ, lấn biển, đào kênh, khai phá ruộng đồng, đánh giặc giữ làng mới có một Bạc Liêu giàu đẹp như ngày nay.

Ai đã từng thăm thú Bạc Liêu một đôi lần chắc sẽ không bao giờ quên cảnh sắc hương vị nơi đây. Chùa Xiêm Cán ở Vĩnh Trạch Đông, chùa Cái Giá ở xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi... lộng lẫy, uy nghi, với mái chùa uốn cong, gác chuông cao vút giữa trời xanh, với hàng trăm pho tượng thếp vàng tráng lệ.

Những ruộng muối vùng Kinh Tư bao la, muối trắng lấp lánh trong nắng chiều; những dụn muối trắng chạy dài như muôn ngàn gò đống nhấp nhô. Vườn chim Lập Điền có nhiều loại chim quý, hiếm, được nhắc đến trong sách Đỏ. Khu du lịch Phật Bà Nam Hải nổi tiếng linh thiêng... Nếu như nhãn lồng Hưng Yên là đặc sản của miền Bắc thì ở miền Nam Tổ quốc thân yêu nổi tiếng với vườn nhãn Bạc Liêu, trái tròn to, cùi dày trắng phau, ngọt ngào và thơm ngát. Đến thăm vườn nhãn, du khách còn được thưởng thức bánh xèo A Mật và nghe các tài tử đờn ca vọng cổ nổi tiếng *"Tứ là từ phu tướng..."* của cố nhạc sĩ Văn Cao Lầu. Ta hãy đến Phước Long và Hồng Dân thăm các làng nghề thủ công đan lát, dệt chiếu, làm nón... và đừng quên thưởng thức món bánh tầm bì hay bún bì ở Ngan Dừa, Hồng Dân.

Cảnh sắc và con người Bạc Liêu thật đáng yêu và đáng nhớ. Tiếng hát, tiếng hò của ai đó cất lên trên dòng kênh giữa màu xanh của rừng tràm, rừng đước như giăng mắc hồn du khách, lơ lửng đến mọi chân trời xa:

"Bớ chiếc ghe sau / chèo mau / anh đợi /
Qua khúc sông này / bờ bụi / tối tăm".

BÀI SỐ 32

Đề bài: Giới thiệu về những kì quan cổ đại

Bảy kì quan thế giới cổ đại

1. Kim tự tháp Ai Cập
2. Vườn treo Ba- bi- lon
3. Tượng thần vũ trụ sừng sững trên ngọn núi Ô- lim- pi- a, phía nam bán đảo Hi Lạp
4. Lăng mộ A- đi- mét trên bán đảo Xi- xin
5. Miếu nữ thần A- ta- mít (thần Mặt Trăng)
6. Tượng thần Mặt Trời Hê- li- ét bằng đồng.
7. Ngọn đèn biển A- lếch- xan- đơ trên bán đảo Hi Lạp

Bảy kì quan thể hiện sức mạnh và trí tuệ của con người cổ đại, là sự kết tinh văn minh nhân loại.

PHẦN THỨ HAI
VĂN TỰ SỰ

BÀI SỐ 33

Đề bài: Kể về một người thân yêu của em

Thầy giáo thương binh

Chỉ hai hôm nữa là trường tôi làm lễ kỉ niệm 40 năm ngày thành lập trường và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba - phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước tặng. Không khí lao động và học tập của trường thật sôi nổi và hào hứng. Nhiều thầy cô giáo cũ đã về hưu hay đang công tác ở xa đã lần lượt trở về thăm trường. Ngôi trường được quét vôi lại mang vẻ đẹp tinh khôi tuyệt đẹp. Cột cờ được thay bằng cột kim loại không gỉ. Sân trường, hội trường, các lớp học, các phòng chức năng... sáng bừng lên. Thư viện nhà trường được bổ sung nhiều sách mới...

Chiều hôm ấy, tôi vừa ra khỏi cổng trường thì gặp thầy Nguyên, thầy chủ nhiệm dạy mẹ tôi thời chống Mĩ, và dạy tôi năm tôi học lớp 6, ba năm về trước. Thầy dạy môn toán và làm chủ nhiệp lớp 6. Thầy đã về hưu, hiện sống ở quê nhà, cách trường trên 40 km. Thầy nhận ra tôi trước. Thầy cất tiếng hỏi rất ấm áp:

- Em Vinh đấy à? Trông em lớn quá! Học lớp 9 rồi chứ? Em còn nhớ thầy nữa không?...

Tôi sững người, nói ấp úng sau hai tiếng *"thưa thầy"* rồi nước mắt ứa ra. Trò chuyện một lát, tôi chào thầy ra về, vì biết thầy đạp xe đường xa mệt. Thầy nắm vai tôi, nhẹ nhàng nói: *"Em cho thầy gửi lời thăm sức khỏe cụ và bố mẹ em..."*.

Xã Bình Minh quê hương tôi có 3 thôn: thôn Thượng, thôn Trung và thôn Hạ. Ngoài nghề nông, bà con xã tôi còn có nghề làm hương, làm mộc mĩ nghệ nổi tiếng trong vùng. Trường cấp II Bình Minh trước đây từng là niềm tự hào của bà con làng trên xóm dưới, một vùng quê giỏi làm ăn và hiếu học.

Thầy Nguyên sau mấy năm dạy học ở Bình Minh đã đi bộ đội, đã chiến đấu ở chiến trường biên giới Tây - Nam. Thầy bị thương ở chân và bụng, bị mất cánh tay phải. Năm 1986, thầy trở lại trường. Ông tôi nói: *"Việc thầy Nguyên trở lại trường Bình Minh xã ta là một việc làm rất tình nghĩa..."*. Tôi vừa đi vừa bồi hồi nghĩ về thầy.

Sau 3 năm gặp lại, thầy vẫn như xưa. Dáng cao gầy, mắt hiền từ tươi sáng. Tóc có bạc thêm và vẫn cắt ngắn. Bộ quần áo ka-ki màu thẫm, ống tay phải cài kim băng. Có lẽ là ngày lễ nên thầy đi đôi giày vải còn mới. Vai trái khoác túi vải bạc màu, cái túi ngày xưa thầy vẫn đựng sách vở, tài liệu khi đến lớp. Vẫn chiếc xe đạp Phượng Hoàng cũ ấy... Thầy vừa dắt xe vừa bước khoan thai.

Thầy chỉ còn một tay mà làm gì cũng nhanh và khéo léo. Trước khi về trường, ở trại thương binh, thầy đã khổ luyện viết, vẽ, làm việc bằng tay trái suốt hai năm. Dạy toán, thầy không dùng được thước, chỉ vẽ bằng tay mà đường nét thẳng tắp. Chữ thầy phê vào bài, vào vở học sinh, hay viết lên bảng, trông đều tăm tắp và rất đẹp.

Ở trường Bình Minh lâu nay không có chuyện học thêm. Thầy Nguyên mỗi tuần 2 buổi, thầy đến với từng nhóm học sinh, chăm chút cho những em học yếu, những em học giỏi. Các vị phụ huynh coi thầy như người nhà. Các cụ già, các bác cán

bộ về hưu rất quý trọng thầy giáo thương binh của xã mình. Thầy vẫn đến thăm ôn nội tôi mỗi tháng đôi lần khi còn dạy học.

Sau khi 2 đứa con của thầy tốt nghiệp Đại học, ra trường đi làm, số tiền trợ cấ thương tật, thầy dành lại làm phần thưởng cho những học sinh vượt khó học chăm, học giỏi.

Các thầy cô giáo vẫn ca ngợi tấm gương tự học của thầy Nguyên. Thầy tự họ thi được bằng C tiếng Anh, rồi học tại chức, thầy tốt nghiệp Đại học tiếng Anh.

Thầy dạy giỏi, rất thương học sinh, nhất là những em gặp khó khăn. Thầy vẫ nói với học sinh trong giờ học Đạo đức: *"Thầy mồ côi bố. Nhà nghèo, nhờ mẹ thươn mà học hành nên người. Đi dạy học, đi bộ đội mà được giáo dục trưởng thành"*. Mấ năm liền, thầy là giáo viên giỏi cấp tỉnh, nhưng thầy vẫn sống giản dị, khiêm tố Ngày tôi thi học sinh giỏi Toán lớp 6 được giải Nhì toàn huyện, thầy tặng tôi quyển s tay rất đẹp với lời ghi: *"Chúc em Vinh cố gắng, ngoan ngoãn và học giỏi, vươn lên !"* Tôi vẫn giữ quyển sổ ấy như một kỉ vật quý báu của một tấm lòng vàng.

Về nhà tối hôm ấy, tôi khoe chuyện gặp thầy Nguyên ở cổng trường và chuyể lời hỏi thăm của thầy tới ông nội và bố mẹ. Trong bữa cơm, ông nhắc lại một vài k niệm về thầy, rồi nói: *"Sáng mai ông ra trường gặp thầy Nguyên và mời thầy vào nh chơi"*. Mẹ thì nói: *"Ngày thầy đi bộ đội, cả lớp đều khóc. Thế mà đã 35 năm trôi qu Chóng thật !"*...

Lê Phú Vinh – Lớp 9C
Trường THCS Bình Minh - tỉnh Hải Dương

BÀI SỐ 34

Đề bài: Kể về một người thương yêu của em

Người bạn yêu thương

Nguyễn Kim Sa là người bạn thân thiết, quý mến của tôi. Chúng tôi kết bạn t ngày học lớp Ba trường Tiểu học Kim Đồng. Suốt thời gian đó, năm nào hai chúng tớ cũng được học cùng một lớp, chung một trường, đi về sớm tối có nhau. Cả hai đều tr thành học sinh giỏi.

Sa là con út, bố mẹ cùng công tác ở sở Bưu điện thành phố. Anh trai là sĩ qua công binh. Chị gái đang học Cao đẳng Ngân hàng.

Sa người thấp, béo tròn. Tóc cắt ngắn. Cặp mắt sáng tinh anh. Sa học đều cá môn, khá nhất là các môn Toán, Lý, Hóa, tiếng Anh. Từ ngày lên lớp Bảy, Sa tr thành trung vệ của đội bóng *"Cóc Vàng"*. Trận đấu gần đây nhất với đội bóng *"C Heo"* lớp 9A. Sa đã sút thủng lưới đội bạn, đem lại tỉ số 3/2 cho đội *"Cóc Vàng"*. Bà thắng vàng của Sa hôm ấy đã đem lại niềm tự hào cho toàn đội và cả lớp 9C. Thầ Thái chủ nhiệm cứ tấm tắc khen mãi: *"Chỉ còn mấy giây nữa kết thúc trận bóng th mà Sa đã làm đảo thế cờ, đội "Cá Heo" chết lặng"*.

Sa là một người tốt bụng, thân ái và nhiệt tình với bạn bè. Ai gặp khó khă trong học tập, Sa giúp đỡ tận tình. Năm học lớp 8, tôi bị ốm phải nằm viện, nghỉ họ mất 10 ngày. Sa đã chép đủ bài cho tôi; suốt 2 tuần sau đó, ngày nào Sa cũng đến nh giúp tôi *"học đuổi"* cho kịp chương trình. Sa nói một cách thân tình: *"Chữ mình chu đẹp, mong cậu thông cảm; cách trình bày giảng giải của mình chắc còn nhiều sai só mong cậu vui lòng"*. Nói rồi Sa cười, trông cái má lúm đồng tiền thật ngộ nghĩnh.

Sa có nhiều việc làm rất cảm động. Sa đã làm trực nhật lớp một tuần thay bạ Lê khi bạn ốm đi viện. Sa đã giúp cậu Hưng (học sinh chuyển trường) học môn tiến Anh. Một hôm, tôi đang ở nhà thì Sa đến chơi. Sa xin phép mẹ tôi cho tôi được cùn

a vào bệnh viện thăm cô Sáu, giáo viên dạy chúng tôi thời Tiểu học. Sa mang theo nột gói quà 5 quả cam to. Nhiều lần hỏi chuyện lớp, chuyện trường, mẹ tôi vẫn nói: *Sa bạn con, việc gì cũng xử sự chững chạc như người lớn"*. Tôi vẫn thầm hứa với mẹ: *Mẹ ơi ! Con sẽ noi gương bạn Sa, để trở nên con ngoan trò giỏi..."*.

Sa rất khiêm tốn. Đầu năm học, Sa được nhiều bạn giới thiệu làm lớp phó. Nhưng Sa đã chối từ và nói: *"Rất cám ơn các bạn. Nhưng tôi đang làm tổ trưởng tổ 3, ôi lại có chân trong đội bóng "Cóc Vàng". Theo tôi, bạn Minh làm lớp phó là tốt hất"*. Ý kiến của Sa đã được thầy chủ nhiệm chấp nhận.

Với tôi, Sa thật đáng yêu và đáng mến.

Tình bạn của tôi và Sa rất đẹp và thủy chung.

Nguyễn Thái Anh - Lớp 9C
Trường THCS Tô Hoàng, Hà Nội

BÀI SỐ 35

Đề bài: Kể lại một kỉ niệm mà em không bao giờ quên

Thanh minh đi tảo mộ

Thanh minh năm nào cũng vậy, bố mẹ cho hai chị em được về quê ngoại tảo mộ ng bà và cậu Quang. Lần nào chuẩn bị đi, chị Hoa và em đều náo nức, đêm nằm ngủ hỉ mong trời sáng.

Chiều hôm trước, mẹ đã mua đủ hương hoa, gói thành 3 gói to kèm theo nhiều ánh trái. Ra đi từ mờ sáng. Bố lai chị Hoa, mẹ chở em, con gái cưng của mẹ. Còn 3 iôm nữa mới đến ngày Thanh minh, nhưng hôm nay là ngày Chủ nhật, nên người đi ảo mộ đông lắm. Con đường liên huyện kéo dài, đường nhựa thẳng tắp, xe ô tô, xe náy, xe đạp đi lại rộn ràng. Thỉnh thoảng lại nhìn thấy lố nhố người trên những nghĩa rang của các dòng họ ở trên những cánh đồng. Cuối tháng hai, trời ấm dần, mưa xuân ắc bụi, lúa xanh ngắt một màu. Mẹ nói với em: *"Năm nay thế nào cũng được mùa ớn. Bác Thanh sẽ làm nhà mới"*... Bác Thanh là chị gái mẹ em, làm giáo viên Tiểu ọc ở xã Bình Giang quê nhà.

Phải vượt qua nhiều cánh đồng, nhiều cầu xi măng bắc qua những con kênh ước trong xanh chảy hiền hòa; qua nhiều xóm làng. Cây đa, mái đình, nhà ngói đỏ ươi,... là những cảnh vật xóm thôn, đối với em vừa xa lạ, vừa thân thuộc.

Từ những nẻo đường làng, người đi chợ, đi làm ăn, người đi tảo mộ... xuất hiện lông vui. Nón trắng nhấp nhô. Đòn gánh tre kĩu kịt. Tiếng nói cười lao xao. Những ứa trẻ vắt vẻo ngồi trên lưng trâu, như những chàng kị mã, đối với em rất ngộ nghĩnh. Bức tranh quê thanh bình thật đáng yêu.

Người dông nên hơn một tiếng đồng hồ, xe máy của bố mẹ em mới về tới xóm Mai xã Bình Giang. Gia đình bác Thanh đã biết trước bố mẹ em về nên ở nhà đông vui chờ đợi. Chồng bác Thanh là sĩ quan Quân đội về hưu. Chị Nhật, anh Thành, anh Lý lều đang học phổ thông ở trường xã, trường huyện. Đã mấy lần, các anh các chị ra chơi nhà em, nên anh em chị em gặp lại nhau thật vồn vã, tíu tít vui mừng.

Bác Thanh và mẹ em bày một phần hoa trái lên bàn thờ ông bà. Hai bác và bố nẹ em thắp hương rồi khấn. Và cả nhà cùng đi ra nghĩa trang. Mấy chị em tranh nhau nang lễ phẩm. Anh Thành vác cuốc, anh Lý cầm dao. Từ nhà đến nghĩa trang của àng độ một cây số. Đường làng được xi măng hóa, rất sạch. Các mương máng đều lược xây thẳng tắp, chạy dọc ngang khắp các cánh đồng. Những cánh đồng lúa tám hơm - đặc sản của Bình Giang, bác Thanh nói, nổi tiếng khắp mọi miền đất nước. Đó à những cánh đồng cao sản 50 triệu trên một ha.

Nghĩa trang nằm ở giữa cánh đồng trên một khu đất cao, có một con mương hảy dọc phía bắc. Khu nghĩa trang khá rộng trên 3.000m². Lác đác có ngôi mộ xây ất hiện đại. Phần lớn là mộ xây chỉ viền xung quanh, phía trên vẫn có đất và cỏ. Hàng răm, hàng nghìn ngôi mộ bé nhỏ, nhưng được sắp xếp, bố trí có hàng lối rất quy củ, ghiêm trang. Nhiều cây tỏa bóng mát.

Mộ ông bà ngoại nằm cạnh nhau. Phía trước có bia đá. Mộ chí ghi rõ họ tên ng bà, năm sinh và ngày, tháng, năm mất. Chị Hoa cùng mẹ và bác Thanh bày biện oa trái lên mộ ông bà. Hai bác, bố mẹ em và mấy anh chị em cùng thắp hương khấn ái. Lần nào cũng thế, mẹ vừa khấn vừa khóc, cặp mắt đỏ hoe. Hương trầm phảng hất, ngọn khói u huyền cứ quấn lấy mộ chí. Em xúc động nhìn mộ ông bà rồi nhẩm ính: *"Ông mất đã 14 năm khi chị Hoa lên 3 tuổi; bà mất đã 6 năm khi em lên 8 tuổi... hời gian trôi quá nhanh"*. Gió thổi nhẹ. Nến vẫn cháy tỏa sáng lung linh.

Nắng xuân ấm áp tỏa trên khu nghĩa trang. Người đi tảo mộ mỗi lúc một đông. lương hoa cầm tay. Tiếng nói chuyện lao xao, tiếng gọi nhau í ới. Có rất nhiều người ừ xa đi xe máy về. Bố mẹ em gặp lại nhiều bạn cũ thời còn học phổ thông, chuyện trò ưu luyến mãi.

Hết một tuần hương. Một tuần hương nữa lại bắt đầu. Cả nhà cùng đến khu ighĩa trang liệt sĩ. Ở đây có 72 ngôi mộ, tất cả là con cháu họ Hoàng, họ Lê, họ Nguyễn hi sinh thời đánh Mĩ trên các chiến trường xa. Phần lớn các ngôi mộ không có ốt, chỉ là mộ chí tượng trưng. Thế nhưng ngôi mộ nào cũng có bia đá, tạc hình ảnh, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm hi sinh của liệt sĩ. Mộ cậu Quang cũng thế. Cậu là út à là con trai duy nhất của ông bà. Cậu đang học Đại học Nông nghiệp năm thứ hai thì li bộ đội. Cậu hi sinh tại chiến trường Đắc Tô năm 1974. Mẹ vẫn nói: *"Cậu cao to, học giỏi. Cậu hi sinh, ông bà cứ ốm đau mãi; bà như mất hồn, tê dại đi..."*. Mẹ bày hoa quả lên mộ cậu. Mẹ khóc và khấn. Ai cũng thắp hương lên mộ cậu và mộ các liệt ĩ trong nghĩa trang.

Độ 10 giờ cả nhà ra về với bao nỗi niềm thương nhớ. Người đến tảo mộ càng đông. Bao xúc động cứ nén chặt trong lòng em rồi dâng lên bồi hồi. Hình ảnh ông bà ngoại, hình ảnh cậu Quang cứ vương vấn mãi hồn em.

Đã gần một năm trôi qua, nhưng màu xanh của đồng lúa và những ngôi mộ trong khu nghĩa trang, mộ ông bà ngoại, mộ cậu Quang... đã khắc vào tâm hồn em bao kỉ niệm, bao nhớ thương một thời thơ bé.

Thanh minh đi tảo mộ là một phong tục đẹp. Những kẻ tha hương bên trời Tây, ai còn nhớ?

"Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh..."

(Nguyễn Du)

Nguyễn Thị Ngọc Phương - Lớp 9
Trường THCS Hải Dương

BÀI SỐ 36

Đề bài: Kể lại một giấc mơ hai mươi năm sau em về thăm trường

Về thăm trường cũ

Thế là tôi đã sang tuổi 35. Sau gần 2 năm trời đi làm ăn xa, lần này tôi mới được về dự hội trường, nhân dịp 40 năm trường được thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

Trường Trung học cơ sở thân yêu của chúng tôi mang tên Nguyễn Bỉnh Khiêm, vị trạng nguyên thời nhà Mạc, nhà thơ lớn của Đại Việt trong thế kỉ thứ 16.

Mẹ tôi đã học ở ngôi trường này hơn 40 năm về trước. Sau đó, anh chị em tô đều từ mái trường này bước vào đời. Có biết bao kỉ niệm đẹp một thời thơ bé.

Ngôi trường cũ 20 năm về trước chỉ có một nhà 2 tầng gồm 10 phòng học, dãy nhà ngói mái nhọn, mỗi dãy có 4 phòng. Suốt 4 năm, tôi vẫn học ở phòng số dãy nhà bên trái. Tuy không được học ở dãy nhà 2 tầng, nhưng tôi vẫn cùng các bạ Kỳ, Anh, Lục, Đại,... bước lên cầu thang đi dọc hành lang ngó vào các lớp.

Cả trường chỉ có 3 máy vi tính loại cũ. Thư viện trường chưa có nhiều sách. Ch có vài cuốn Từ điển Tiếng Việt, Tiếng Anh là niềm mơ ước của tôi. Tôi quên sao đượ lần đầu tiên, cô Hương dạy Văn, cô Hóa dạy Anh, bày cho chúng tôi cách tra Từ điể Tôi xúc động lắm khi được ngắm nhìn và nâng cuốn Từ điển Anh - Việt lên đôi ta nhỏ bé của mình. Tôi mơ ước bao giờ mua được một cuốn Từ điển như thế.

Sân trường rộng mênh mông. Xưa kia là sân cỏ nay được lát xi măng phẳng l Cột cờ xưa là cây bạch đàn bào nhẵn bóng nay là một ống thép không gỉ cao vút. Sán thứ hai nào, bạn Lê, bạn Quý, học sinh xuất sắc của trường, cũng được thay mặt họ sinh toàn trường kéo cờ trong lễ chào cờ đầu tuần. Tôi hằng mơ ước được vinh dự đó nhưng suốt 4 năm học chỉ là một giấc mơ đẹp mà thôi.

Sân trường nơi chúng tôi hay vật nhau, kéo co hay đá bóng... ngày nay đã c thêm nhiều cây bàng, cành lá sum suê, tỏa bóng mát. Cây bàng nhỏ bé ngày xưa cạn thư viện, quả chín chua chua, nhân hột nó ăn rất bùi. Bây giờ, thân cây to bằng ngườ ôm, lá xanh biếc. Nhìn cây bàng, tôi xúc động như gặp lại cố nhân. Tôi khẽ thốt lên *"Bàng ơi ! còn nhớ nhau chăng ?"*...

Vườn sinh vật cảnh, vườn hoa... xưa đã đẹp, nay lại đẹp hơn, khang trang hơn phong phú hơn.

Gặp lại bạn bè cũ, người nào cũng đã lập gia đình. Phần lớn đi công tác xa, làm ăn xa. Tổ 4 lớp 9c chúng tôi có 12 bạn đều về dự hội trường đông đủ. Bạn Lý, Quỳnh Tâm đi dạy học. Vũ, Tính, Công, Trường là sĩ quan Quân đội. Minh, Thăng là kĩ sư điện. Hà, Quế là bác sĩ. Và tôi là kĩ sư nông nghiệp. Như những cánh chim bay tớ mọi chân trời, lâu lắm mới gặp nhau chúng tôi vui mừng khôn kể xiết. Nhắc lại k niệm cũ. Cùng chụp ảnh và ghi địa chỉ cho nhau. Mới đó mà đứa nào trán cũng đã hằ nếp nhăn,, râu ria mọc lởm chởm !

Chúng tôi chỉ còn gặp lại 10 cô giáo, thầy giáo cũ. Nhiều thầy cô giáo đã v hưu hay vào công tác tại các tỉnh phía Nam. Thầy Lợi hiệu trưởng đã mất. Cô Yến ch nhiệm về hưu đã 4, 5 năm. Tóc cô bạc trắng. Cô vẫn dịu dàng như xưa... Chúng tô tặng cô một bộ vét bằng len, một bó hoa đẹp. Cô cảm ơn, nước mắt chảy ra. Mỗi khó học sinh đều có tặng phẩm tặng trường, tặng thầy cô giáo cũ.

Hội trường đông vui có đến mấy nghìn người, kéo dài trong hai ngày. Tình thầ trò, tình bằng hữu... ai cũng thấy mình trẻ lại.

Trường Nguyễn Bỉnh Khiêm hôm nay có một dãy nhà 3 tầng, hai dãy nhà 2 tầng t đẹp, khang trang. Hai phòng máy tính. Thư viện có 2 vạn đầu sách. Phòng thí nghiệm phòng bộ môn rất quy mô. Các thầy cô giáo đều rất trẻ, tất cả đều tốt nghiệp Đại học Trường đang dẫn đầu phong trào thi đua *"dạy tốt, học tốt"* trong toàn tỉnh Thái Bình.

Bạn Lý nói với tôi: *"Chúng mình ngày một già, nhưng mái trường cũ thân yê thì vẫn trẻ. Bài học uống nước nhớ nguồn và tình nghĩa thủy chung, bạn bè chún mình vẫn nhớ và sắt son giữ được... Đó là niềm vui và tự hào..."*.

Hai mươi năm trời đã trôi qua.

Ôi ! một giấc mơ đẹp.

Nguyễn Thiên Lý - Lớp 9 B
Trường THCS Tiền Hải, Thái Bình

BÀI SỐ 37

Đề bài: Kể lại một câu chuyện cảm động của gia đình em

Đêm nay mẹ lại thắp hương lên bàn thờ

Nhận được giấy báo điểm thi Đại học, anh Hùng buồn lắm. Cả nhà lặng đi. Mẹ em và em rất buồn. Anh Hùng chăm học và học giỏi, anh là học sinh lớp 12 trường THPT Hàn Thuyên. Anh đã đi thi học sinh giỏi toán, đã được giải Ba toàn tỉnh. Không hiểu vì sao điểm Toán thi Đại học, anh chỉ đạt 6 điểm.

Từ hôm đó trở đi, anh Hùng ít đi ra ngoài, ngại tiếp xúc bạn bè. Anh ngồi lặng lẽ trước ảnh bố. Có hôm anh bỏ bữa hoặc ăn rất ít. Mẹ rất buồn. Chưa bao giờ, em thấy mẹ buồn như thế !

Được tin hôm trước thì hôm sau ông ngoại đến chơi. Ông nói với anh Hùng:

- *"Đệ nhất buồn là cái hỏng thi"*, cháu ạ. Có điều phải nhớ, phải hiểu: Thất bại là mẹ thành công. Thua keo này ta bày keo khác ! Cháu còn trẻ, mới 17 tuổi. Ôn tập lại, sang năm thi tiếp cháu ạ. Cháu đã gửi đơn phúc tra chưa ?

Ông ở chơi hai ngày. Đã ngoài 70 tuổi mà ông vẫn ham đọc sách. Mái tóc bạc, nước da hồng hào. Ông kể nhiều chuyện vui thời lính tráng. Trước khi ra về, ông dặn riêng mẹ em gì đó. Ông nhắc anh Hùng chủ nhật tới sang giúp ông trồng mấy cây na.

Ông về hưu với quân hàm thiếu tướng, lương hưu nhiều. Lần nào mẹ con em đến thăm ông, hay ông đến chơi, ông đều cho mẹ em tiền. Lần thì nửa triệu, lần thì một, hai triệu đồng. Ông nói: *"Mẹ Hoa cầm lấy mà bồi dưỡng cho các cháu ăn học. Các cháu ngoan ngoãn, học giỏi và khỏe mạnh là ông vui lắm rồi..."*.

Thỉnh thoảng mẹ thở dài. Nhưng mẹ cố nén bao nỗi buồn, tìm đủ mọi cách để an ủi con trai. Chiều chủ nhật nào, mẹ cũng đưa anh Hùng đi thăm mộ bố. Đến bữa cơm, mẹ nhẹ nhàng nói: *"Hùng ạ, con ăn thêm một bát nữa đi. Món xào rau khoai lang này ngon lắm ! Món canh chua này, ông ngoại và bố con rất thích"*. Mẹ dặn riêng con gái cưng của mẹ là làm hộ anh trai một số việc, tìm cách động viên anh.

Hình như để quên dần đi nỗi buồn hỏng thi, anh Hùng hì hục sắp xếp, kê dọn lại mọi thứ trong gia đình. Anh lau bàn thờ, xếp lại tủ sách, kê lại bàn học. Anh làm cho ngôi nhà nhỏ bé của ba mẹ con trở nên gọn gàng, sạch sẽ rất đẹp mắt. Anh trồng thêm cây lựu có mấy chùm hoa đỏ rực. Anh buồn nhưng vẫn hi vọng chờ đợi.

Bố mất đã hơn ba năm, khi mẹ mới ngoài 40 tuổi. Tóc mẹ xanh mướt ngày nào thế mà nay đã có vài ba sợi bạc. Hơn tháng qua, mẹ ít ngủ. Nhiều đêm chợt thức giấc em thấy mẹ thắp hương lên bàn thờ và khấn. Tiếng mẹ khấn thì thầm: *"Anh ơi ! Con trai vợ chồng mình thi Đại học thiếu điểm. Con ngơ ngẩn hẳn đi. Em lo và buồn lắm. Anh nhớ về, phù hộ cho ba mẹ con em nhé !..."*. Tiếng gà gáy sang canh mà mẹ vẫn đứng lặng trước ảnh bố.

Trưa nay, tan học, em vừa ra đến cổng trường bất ngờ thấy anh Hùng đến đón. Anh nói là khao em gái kem sầu riêng Thiên Nga. Thấy anh vui, em hỏi trêu anh: *"Cô Liên con gái bác Nhàn gửi thư cho anh có phải không ?"*. Anh rút tờ giấy báo điểm phúc tra từ túi áo trên ngực đưa cho em. Điểm Toán được 9 điểm. Em reo lên. Anh nói: *"Anh đỗ rồi. So với điểm chuẩn, anh thừa 2 điểm. Thế là ông ngoại, mẹ và em cùng vui..."*.

Mẹ đi làm về muộn. Hai anh em ra đón mẹ từ ngoài cổng. Cầm lấy tờ giấy báo điểm phúc tra, tay mẹ run run. Mẹ ôm lấy anh Hùng, đứa con trai yêu quý của bố mẹ. Nước mắt mẹ chảy ra.

Mẹ nhắc đi nhắc lại: *"Hùng ạ, sáng mai con sang thăm ông và báo tin vui cho ông mừng..."*.

Đêm nay, mẹ lại thức khuya, mẹ lại thắp hương lên bàn thờ...

Lê Giang Thương - Lớp 9A
Trường THCS Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh

BÀI SỐ 38

Đề bài: Kể về một người thân thiết gần gũi với gia đình em

Người láng giềng quý hoá

Bác Lý là người bạn láng giềng của bà ngoại em. Bà em vẫn gọi một cách thân mật là "*Chú Lý*".

Cùng ở trong xóm "*Cây Bàng*" xã Đông Tiến, qua ngõ nhà bác Lý mới tới nhà bà ngoại. Gia đình bác có 3 người con. Anh Hùng là con đầu của hai bác đang học trường sĩ quan Đà Lạt. Chị Liên đang học lớp 11. Cậu Khanh 15 tuổi học lớp 10 Trung học Phổ thông Lý Thường Kiệt. Vợ bác là hộ lý bệnh viện Phụ sản huyện.

Một ngôi nhà ngói 5 gian, một sào vườn, một giếng nước tự đào, nước trong vắt. Cậu Khanh học trên em hai lớp. Cậu rất quý em. Hè nào đến chơi nhà bà ngoại, cậu cũng rủ em đi thả diều, rủ em sang tắm mát ở giếng bác Lý. Kéo gầu nước từ giếng sâu lên dội vào đầu, vào người, mát lạnh, thích thú lắm.

Bác Lý là sĩ quan công binh, 56 tuổi. Bác về hưu với quân hàm trung tá. Bác bị thương ở trận Đường 9 – Nam Lào. Lưng và vai bác đầy thương tích. Bác vẫn nói vui với mọi người: "*Thần Chết thấy người xấu đã tha cho. Nhờ thế mới được trở về, sống với vợ con và anh em làng nước, ...*"

Dáng người cao to, vạm vỡ. Khuôn mặt chữ điền phúc hậu. Tính tình bác vui vẻ, cởi mở. Về hưu được 2 năm, bác được bầu làm hội trưởng hội cựu chiến binh của xã. Bác rất có uy tín. Nhân dân, cán bộ trong xã, ai cũng kính trọng và quý mến bác. Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch xã vẫn gọi bác bằng "*chú*" rất thân tình; hễ gặp việc gì khó khăn đều đến hỏi ý kiến bác.

Nhờ bác Lý mà xóm Cây Bàng có đường sá đi lại sạch đẹp như ngày nay. Bác đứng ra lo liệu, tổ chức. Người góp công sức, người góp tiền của, gia đình nào cũng tích cực tham gia, đoàn kết nhất trí, chỉ sau 2 tuần, làm ngày làm đêm, các trục đường đã được xi măng hóa. Những ngày mưa gió cũng không phải đi lại vất vả trong cảnh bùn lầy nước đọng như ngày xưa nữa.

Bác giàu tình tương thân tương ái. Gia đình nào trong xóm có người đau ốm, hoặc gặp khó khăn hoạn nạn, bác đi lại thăm hỏi, an ủi động viên. Bà con vẫn nhắc lại chuyện anh Chuẩn. Nhà nghèo lại mê cờ bạc, anh Chuẩn dây vào vụ trộm cắp trâu bò, bị tù 3 năm. Bác Lý đã cho anh Chuẩn vay 3 triệu đồng để bồi thường cho gia đình mất bê. Bác Lý đã khuyên nhà chủ mất bê xin tòa giảm án tù ngồi thành án tù treo cho anh Chuẩn. Bác Lý đã cử anh Chuẩn đi học lớp kĩ thuật "*VAC*" và trồng hoa, cây cảnh. Bác giúp vốn, động viên hai vợ chồng vượt qua mọi khó khăn về kinh tế, vượt lên mặc cảm về cảnh ngộ. Hai sào vườn của anh Chuẩn trước đây chỉ có vài ba luống rau cằn cỗi lưa thưa, mọc toàn cỏ dại. Trong nhà lộn xộn đủ thứ: chăn chiếu áo quần vứt lung tung. Thế mà chỉ 5, 6 năm sau, vườn anh Chuẩn thay đổi hẳn. Rau xanh 4 mùa. Sáng nào chị Chuẩn cũng gánh một gánh rau non lên bán ở thị trấn. Anh Chuẩn trồng nhiều giống hoa và cây cảnh. Vườn anh trở thành một địa chỉ về cây giống rất

nổi tiếng trong huyện. Trong chuồng lợn, lúc nào cũng có 5, 6 con. Anh đã trả được nợ, xây được nhà, mua được xe máy,... Bà ngoại em nói:

"Không có bác Lý thì thằng Chuẩn đi tù mọt xương. Nhờ bác Lý mà vợ chồng con cái anh Chuẩn mới được như ngày nay..."

Nghe nhiều người nói, Tết nào vợ chồng anh Chuẩn cũng đem gà trống thiến và gạo nếp sang biếu bác Lý. Nhưng bác không nhận, chỉ cảm ơn và nói: *"Bao giờ vợ chồng cô chú trở thành triệu phú xóm Cây Bàng thì tôi đưa hai tay ra nhận quà..."*

Xóm Cây Bàng có 80 hộ thì tất cả đều là gia đình văn hóa mới; trong đó có gia đình anh Chuẩn.

Đối với bà ngoại em, bác Lý như người nhà. Bác giúp đỡ bà em từ việc lớn đến việc nhỏ. Bà em bị ốm, con cháu đi xa, vợ chồng bác Lý đã đưa bà em đi bệnh viện và săn sóc tận tình chu đáo. Sau đó, bác gọi điện cho bố mẹ em biết để sớm trở về chăm sóc bà.

Hè nào, em về chơi nhà bà ngoại, bác Lý và cậu Khanh cũng làm cho một con diều giấy, bay tới tận trời cao, nhiều lúc em bâng khuâng nhớ cánh diều tuổi thơ, nhớ bác Lý, nhớ cậu Khanh, con út của bác. Mỗi lần mẹ em về thăm bà, sang nhà bác Lý chơi, vợ chồng bác rất vui, đón tiếp chuyện trò thân tình. Vài quả mướp đắng, quả bầu, quả bí,... vợ chồng bác cho mẹ em và nói: "*Cây nhà lá vườn đấy cô Thoa ạ ...*"

Tục ngữ có câu như: "*Bán anh em xa mua láng giềng gần* ", hoặc "*Tắt lửa tối đèn có nhau*". Bác Lý là người láng giềng quý hóa của bà em. Quê bác ở miền Trung, bác đi bộ đội, lấy vợ rồi ở rể xóm Cây Bàng hơn 30 năm nay. Là dân ngụ cư nhưng ai cũng kính trọng và quý mến bác. Bác Lý là "*anh bộ đội cụ Hồ*", là người cán bộ chân đất nông thôn. Mỗi lần bác Lý ra thành phố chơi, bố mẹ, chị em em đều hết sức mừng rỡ.

BÀI SỐ 39

Đề bài: Kể về một người đáng kính, đáng yêu

Người thầy giáo cũ của bố em

Hai năm về trước vào một buổi chiều thứ bảy, em đi học về, thấy trong nhà có khách lạ. Đó là một cụ già ngoài 70 tuổi lần đầu tiên mới đến nhà em chơi. Em cất mũ, khoanh tay chào cụ và chào bố, rồi xin phép đi vào nhà đặt cặp sách lên bàn học và đi rửa mặt mũi chân tay.

Cụ già và bố em vẫn ngồi nói chuyện ở bộ xa lông nơi phòng khách. Tiếng "*thưa Thầy*" của bố em nói, em nghe rất rõ. Tiếng cụ nói nhỏ nhẹ, ấm áp. Một lát sau, mẹ em ở cơ quan và chị Hoa đi học cùng về. Lúc bấy giờ, bố em mới gọi 3 mẹ con lại và giới thiệu:

- Cụ là thầy giáo thời kháng chiến chống Pháp ở Thanh Hóa. Nửa thế kỉ sau thầy trò mới gặp lại nhau. Nghĩa tình thủy chung là vậy. Thầy đã đào tạo được nhiều lớp học sinh tài giỏi.

Bố em lần lượt giới thiệu với thầy về mẹ, về chị Hoa và em. Bố báo tin cho thầy biết là ông bà nội của em, người mà thầy từng quen biết, đã mất cách đây hơn mười năm.

Bố mẹ mời thầy ở lại chơi, nhưng thầy bảo phải về vì tối nay đã hẹn bạn già cùng gặp mặt. Bố mẹ em và hai chị em tiễn thầy ra tận xe tắc xi. Cụ xoa đầu em và nhắc bố em chủ nhật tới đưa vợ con lên chơi nhà thầy.

Buổi tối hôm ấy, vừa ăn cơm bố em vừa kể chuyện về những ngày tản cư vào Thanh Hóa. Đó là năm 1947. Các thầy học cũ nay đã mất gần hết. Thầy Trung dạy lớp Nhất. Thầy dạy giỏi và rất thương học trò. Khi nhận lời vào lớp, thầy nói với ông nội

các con: *"Chẳng cần giấy tờ gì. Thời buổi chiến tranh mà. Chỉ cần cháu có sức học và quyết tâm học tập là được..."*

Thầy Trung đậu Tú tài thời Pháp thuộc. Vì thế, những năm học cấp 2 và cấp 3, bố em là học sinh của thầy, do thầy làm chủ nhiệm. Thầy rất thương các học sinh tản cư về học ở trường, lớp thầy. Bố nhắc lại bao kỉ niệm sâu sắc về thầy và gia đình thầy. Thầy tổ chức cho học sinh đi thăm núi Nưa, đập Bái Thượng, đi tắm mát ở Sầm Sơn ngắm hòn Trống, Mái. Mấy lần thầy giữ lại ăn cơm. Có lần, bố em gặp vợ thầy đi chợ về, bố em đã xách hộ cụ một bị cói đựng đầy gạo và mấy quả dứa, v.v...

Cụ có 3 người con: hai trai, một gái và 8 đứa cháu nội ngoại. Cụ bà đã mất vào năm 1980. Hiện nay, cụ ở với người con trai út trong khu tập thể Quân đội tại phố Lý Nam Đế. Mấy lần em được theo bố mẹ mang hoa lên tặng cụ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam. Cụ đón tiếp niềm nở, thân tình; cụ coi bố mẹ em và hai chị em em như con cháu trong gia đình. Cụ hỏi rất kĩ về việc học ở trường, ở lớp, việc tự học của hai chị em. Cụ thích đọc báo, trong đó, có một số tờ báo tiếng Pháp. Nhiều học trò cũ vẫn đến thăm thầy. Ấn tượng sâu sắc nhất đối với em về người thầy của bố là hình ảnh một cụ già tóc bạc trắng, vầng trán cao, đôi mắt hiền từ, dáng người thanh tú. Lời nói, nụ cười, cử chỉ toát lên một sự ấm áp, tao nhã, chứa chan tình thương mến bao la. Một trí thức, một ông thầy cao nhã.

Lần nào cũng vậy, khi bố mẹ em bày hoa quả lên bàn thờ, thắp hương khấn rồi mới xin phép thầy về . Cụ tiễn ra tận ngoài cổng xa xa mới quay trở lại.

Đầu năm học mới 2004-2005, cụ gửi tặng chị Hoa một chiếc túi xinh xắn, tặng em một chiếc cặp rất đẹp, món quà cụ đi tham quan Trung Quốc mua về.

Cụ Trung, người thầy học cũ của bố em là hình ảnh tuyệt đẹp về nhà giáo Việt Nam: thông minh, nhân ái, thanh bạch và sang trọng. Mỗi lần được theo bố mẹ đến thăm cụ, lúc nào em cũng suy nghĩ mãi về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta. "*Phải có chí hướng trong học tập cháu ạ ...*" - câu nói ấy của cụ nhắc chị Hoa, nhắc em, em nhớ mãi.

Nguyễn Trọng Quang - Lớp 9 THCS
Trường THCS Tô Hoàng 2004 - 2005

BÀI SỐ 40

Đề bài: Kể về một người thương yêu của em

Bà ngoại của em

Nhà bà ngoại em ở làng hoa Ngọc Hà thuộc thành phố Hà Nội. Hè nào, mẹ em cũng đưa 3 con từ Ninh Bình lên thăm bà và ở chơi với bà một hai tuần lễ.

Bà ngoại năm nay tròn 70 tuổi. Bà là con gái làng hoa nên có nước da rất đẹp: trắng trẻo, hồng hào. Gương mặt hiền từ, phúc hậu. Tiếng nói của bà nhẹ nhàng, tình cảm. Mái tóc của bà nay đã đốm bạc, nhưng vẫn mượt mà, bà búi gọn trông rất ưa nhìn. Bà nói thời con gái tóc bà xanh mượt, dài chấm gót. Mắt bà vẫn tinh anh, chỉ khi nào đọc báo thì bà mới đeo kính lão.

Bà có đôi bàn tay khéo léo. Hái hoa, tỉa cành, bắt sâu cho hoa, đôi bàn tay bà làm nhanh thoăn thoắt. Bà bảo: *"Chăm hoa như chăm con trẻ, phải nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa chứ..."* Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà đã mấy lần đi Đà Lạt tìm mua giống hoa quý. Vườn hoa của bà có rất nhiều loài hoa, đẹp nhất, thích nhất là những luống hoa hồng, hoa cúc,... đúng là muôn hồng nghìn tía. Bà

huộc "tính nết" từng loài hoa. Nghệ thuật "hãm" hoa nở đúng kì, đúng dịp lễ tết, cả àng hoa Ngọc Hà ai cũng phục và nể.

Tính bà cần cù, thức khuya dậy sớm đã thành thói quen. Con trai, con gái, dâu, ể trong gia đình, ai cũng kính yêu, quý trọng bà. Bà có 12 đứa cháu nội, ngoại. Đứa ào bà cũng cho 20 triệu đồng để mua xe máy đi làm, hoặc làm quỹ học tập. Mẹ em là on út, lấy chồng xa, nên bà rất thương. Đôi hoa tai và dây chuyền vàng của bà, bà đã ho mẹ em. Mẹ em vẫn cất giữ nâng niu.

Hè nào lên Hà Nội thăm bà, bà cũng hỏi về chuyện học hành. Cả ba chị em đều ạt học sinh giỏi. Bà khen, bà cười, nước mắt bà chảy ra.

Thương bà và nhớ bà lắm. Chỉ mong được nghỉ hè lên Hà Nội ở chơi với bà, và ghe bà đọc bài ca dao:

"Giếng Ngọc Hà vừa trong vừa mát,
Vườn Ngọc Hà thơm ngát gần xa,
Hỏi người xách nước tưới hoa,
Có cho ai được vào ra chốn này?"

Khi ấy, thấy bà vui và như trẻ lại. Em chỉ cầu mong bà ngoại em được vui khỏe à sống lâu cùng con cháu.

Trần Thị Kim Tú

BÀI SỐ 41

Đề bài: Giới thiệu một miền đất, một miền quê đáng nhớ

Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt

Nước sông Hồng ở nơi đầu ngọn này đỏ lòm, ngầu đục, phù sa quánh lại tưởng như có thể xắt khúc như thạch đỏ vậy. Suối Lũng Pô vì chảy qua các mỏ quặng đồng ớn nên nước cứ xanh như vừa được nghiền ít nhiều lá tươi của rừng già Y Tý, A Mú Sung. Cái màu xanh ấy hòa lẫn vào màu đỏ của sông Hồng đúng cái nơi sông Hồng chảy vào Việt Nam tạo nên một hoạt cảnh trộn màu rất rõ rệt. Sự phối màu này khiến con dân đất Việt thấy nỗi xúc động, niềm vinh dự được đứng giữa ngã ba sông Mẹ nhập tịch đất Mẹ của mình không chỉ có biển, có mốc, có chiến sĩ biên phòng bồng súng đứng bên; mà còn có cả màu sắc khá lộng lẫy của hai nguồn nước.

Không biết con sông chứa nhiều phù sa đỏ đã tạo nên nền văn minh sông Hồng kia có biết được rằng mình đang gánh sứ mệnh thiêng liêng và kì diệu như thế nào cho người Việt Nam không nhỉ? Phần lớn lãnh thổ miền Bắc Việt Nam đều nằm trong lưu vực sông Hồng, thế nên người Việt đều gọi sông Hồng là sông Mẹ, sông Cái, đến con đê khổng lồ dọc sông Hồng cũng được trân trọng gọi là đê sông Cái. Dài đến 1.183 km và bắt nguồn từ dãy Ngụy Sơn gần hồ Đại Lý ở Vân Nam (Trung Quốc), đoạn đi qua Việt Nam của sông Hồng chỉ dài có 495 km (có sách viết 510 km), nhưng đây là phần quan trọng nhất của sông Hồng vì "khúc" này chứa cả trung lưu (từ Lào Cai đến Việt Trì) và hạ lưu (từ Việt Trì ra biển), chạy thẳng theo hướng tây bắc - đông nam rất điển hình. Hàng triệu năm qua, sông Hồng đã nhẫn nại tung những hạt phù sa bí ẩn của mình như một thứ vũ khí hồng hồng đỏ đỏ để giành giật bằng được từ biển cả cái vùng mà ngày nay chúng ta gọi là châu thổ Bắc Bộ (Việt Nam). Phải lãng mạn lắm thì thanh niên ngày nay mới có thể tin được rằng, ngày xưa cuộc chiến giữa biển cả và châu thổ sông Hồng đã từng diễn ra ở cửa sông chỗ thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chứ không phải cửa Ba Lạt, Thái Bình như hiện nay. Tức là cửa biển, nơi sông Hồng đổ ra biển cả, nằm dưới chân cầu Việt Trì bây giờ...

Nhìn lên bản đồ, tỉnh Lào Cai xòe ra như con bướm với hai cánh dang rộng th sông Hồng kẻ một đường bắt đầu từ đỉnh cao nhất, xa nhất của cánh bướm bên phí tây, sông xẻ dọc sải cánh, xuyên qua thân thể con bướm, kéo xuôi về phía Yên Bái Phú Thọ... và trổ đường ra biển. Trong hệ thống biên phòng ở "*thành phố biên phòn Lào Cai*" (Nguyễn Tuân), bao giờ đồn A Mú Sung cũng là đồn xa xôi, vất vả và quyế liệt nhất; thường được gọi một cách dân dã là A Mờ Sương. Ở đây, sương bao phủ suố đêm ngày, bốn mùa, năm tháng. Sương ở đây quánh đến mức, cứ mở cửa nhà ra l sương vón cục trôi vào trong nhà, mọi đồ vật đều ướt sũng sĩnh. Sương mờ thì đẹp, th mơ, nhưng sương đến mức véo được thành cục, đến mức chiến sĩ đi tưới rau phải cần theo cái áo vừa đi vừa vung vẩy xua sương để nhìn thấy rau... thì đúng là đáng sợ. Sa sương mù là sự cáu bẳn của sấm sét, bởi A Mú Sung là cái nôi của các mỏ đồng, m sắt lớn. Mỗi khi trời mưa, sấm chớp rất nhiều, sấm sét cứ nổ ngang tai người ta như c một trận chiến giữa ông Đùng và bà Đoàng gần lắm... Mùa đông đến, tuyết rơi trắn xóa, phủ bao la. Những cơn mưa đá bất thần ném rào rào, cây cỏ hoa lá xơ xác như b vò nhàu bớt nhựa để chuẩn bị... nấu canh. Đêm nằm đắp bốn, năm cái chăn dày m vẫn chỉ có cảm giác chăn đè lên mình rất nặng chứ tuyệt không thấy ấm.

Đất thì nâu đỏ màu quặng sắt, sông thì xanh lèo màu quặng đồng. Những qu núi mênh mông, những thung lũng tít hút, những tên làng, tên bản mơ hồ xa xôi: Nận Mít, Ngải Chồ, Bản Tối, Bạc Tà, Cửa Suối, Khoang Thuyền, Nậm Cáng, Phù La Chải, Ma Cò, Sa Pả, Thèn Pả, v.v...

Từ trạm Phình Hồ xã Y Tý vượt qua những đỉnh núi cao gần 2000m gió lạn buốt, năm nào cũng có tuyết rơi, mới đến được đồn A Mú Sung; từ đó phải băng rừng leo dốc, vượt suối hàng buổi mới đặt chân tới đồn biên phòng Lũng Pô - nơi con sôn Hồng chảy vào đất Việt.

Cũng giống như việc người ta cắm biển ở Đất Mũi (Cà Mau), xây cột cờ ở Lũn Cú (Hà Giang), dựng phù điêu ở bãi biển Trà Cổ (Móng Cái), dựng một biểu tượn hình tam giác kim loại lên nóc nhà Đông Dương Phăng-xi-păng, trạm biên phòn Lũng Pô xây hình bát giác như một ngôi chùa Bắc Bộ, những ngôi chùa kiểu này t thường gặp ở giữa những cánh đồng, giữa ao hồ ngợp sen hồng thân thuộc trên mọ làng quê ta, như khẳng định chủ quyền thiêng liêng dân tộc, như nhắc nhở lời ông ch "*hãy giữ vững từng tấc đất của giang sơn gấm vóc*" đến con cháu muôn đời mai sau.

Lũng Pô - xóm Lũng Pô, suối Lũng Pô, trạm biên phòng Lũng Pô, xa mà gần vì đó là một mảnh tâm hồn của Tổ quốc Việt Nam, của con người Việt Nam.

Anh em cán bộ chiến sĩ ở trạm biên phòng Lũng Pô toàn lính trẻ; tất cả để thuộc bài "Gửi em ở cuối sông Hồng". Họ tự hào vì nhiệm vụ của mình ở nơi co sông Hồng chảy vào đất Việt. Ai cũng đinh ninh chỉ dọc xuôi theo dòng nước m rằng: quê em ở dưới kia kìa... Vẫn là đất của sông Mẹ này thôi nào có xa xôi gì. Ch nên hằng sáng thức dậy, quân trang quân phục chỉnh tề, bồng súng đứng trước lá c Tổ quốc, ngắm nhìn núi đồi trùng điệp, sông Hồng cuồn cuộn, mà cảm thấy dậy lê trong tâm hồn mình vô hạn: "*Lũng Pô, nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt thâ yêu*"...

Theo Đỗ Doãn Hoàng
("*Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt*"
Báo An ninh cuối tháng 10 năm 2004)

BÀI SỐ 42

Đề bài: Giới thiệu một miền đất, một miền quê đáng nhớ

Làng chài Cửa Vạn

Ngày 20 – 11 năm nay, tôi được đến thăm làng chài Cửa Vạn. Một chuyến đi v cùng thú vị. Làng chài Cửa Vạn nằm trong vùng Tùng Sâu thuộc vùng lõi của khu vi di sản văn hóa thế giới Hạ Long, chếch về hướng Đông Nam, cách bến tàu khách B Cháy chừng 20km.

Làng chài Cửa Vạn thuộc phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quải Ninh. Cho đến thời điểm này, (2008), Cửa Vạn có 176 hộ, gồm 733 nhân khẩu. Tất đều sống bằng nghề chài lưới và nuôi trồng hải sản. Bà con sinh sống trên những nl bè, to nhỏ khác nhau, hoặc lợp ngói, hoặc lợp tôn, toạ lạc trên những chiếc phao n có diện tích ba bốn chục mét vuông. Nhà cửa của hộ nào cũng khang trang sạch s Nước thải, rác thải được bà con xử lí một cách khoa học, văn minh và vệ sinh, thể hi một nếp sống văn hoá tuyệt đẹp.

Nhiều gia đình có máy phát điện, có tiện nghi như bàn, ghế, tủ, ti vi,... sai trọng. Những đêm trăng, làng chài Cửa Vạn hiện lên trên mặt nước Hạ Long xai biếc tựa như một thị trấn nơi Thuỷ cung.

Đánh bắt thuỷ hải sản thì bà con Cửa Vạn dùng thuyền lớn. Đi lại thì dùi thuyền nan nhỏ. Nghề nuôi cá lồng ngày một phát triển. Người sống ở trên, cá nuôi dưới. Mỗi lồng cá có hàng trăm, hàng nghìn con cá song, con nào cũng to, nặng h ba kí. Một tấn cá song có thể bán được trên, dưới 200 triệu đồng. Nhiều gia đình t nên giàu có.

Cho đến nay, bà con làng chài Cửa Vạn vẫn còn một số người chưa biết ch Trẻ con chưa đi học đã biết bơi, biết chèo thuyền.

Nét mới ở Cửa Vạn là ngôi trường nổi có 4 phòng học với diện tích 150 m được neo đậu dưới chân núi Ngọc. Trường hiện có 7 lớp ghép. Các thầy, các cô giáo đ rất trẻ và nhiệt tình; tất cả đều tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm. Cảnh học trò đến lớp m sáng thật đông vui. Tiếng cười nói xôn xao.Tiếng mái chèo ào ạt cắt nước. Những em làng chài 7, 8 tuổi.... da ngăm đen, mắt sáng khoẻ mạnh, nhanh nhẹn,... từ những chi thuyền nan bé tẹo bước vào lớp học, trông thật đáng yêu. Tiếng chào ríu rít cất lên là nhộn nhịp cả một vùng biển lặng: "*Con chào thầy ạ...*", "*Con chào cô ạ...*".

Cụ Hưu đã 86 tuổi, một trong những ngư dân đầu tiên lập làng nổi Cửa Vạn nó "*Từ ngày có trường học cho con cháu làng chài, gia đình nào cũng đều cảm th hạnh phúc; người già như trẻ lại và khoẻ thêm ra...*".

Ra về, tôi nói với mẹ: "*Nghỉ hè tới, hai mẹ con ta lại đi chơi Hạ Long, đi thă làng Chài cửa Vạn một lần nữa, mẹ nhé!*".

BÀI SỐ 43

Đề bài: Kể lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi đối với bạn

Năm học lớp 6, lớp 7, tôi thi học sinh giỏi môn Toán toàn huyện, đều già được *giải khuyến khích*. Nhiều bạn chế giễu tôi là đạt được "*giải khúc khích*!".

Lên lớp 8, bố mẹ tôi chuyển nhà lên thị xã. Hai chị em tôi đều chuyển đ trường mới: trường Trung học cơ sở Phạm Ngũ Lão. So với các bạn học trong lớp tôi chỉ vào loại học khá môn toán, còn môn Ngữ văn, môn Tiếng Anh, tôi gồng mì

n mà chỉ được điểm trung bình. Tôi sinh ra tự ti, thậm chí có lúc tỏ ra hèn nhát. Giờ ọc Tiếng Việt, cô giáo lên giảng bài rất hay, nhưng tôi không dám giơ tay phát biểu. inh hoạt tổ học tập, sinh hoạt lớp, tôi ngồi im như thóc trong bồ. Các bài kiểm tra oán, tôi chỉ được 7, 8 điểm; cô Thanh vẫn phê là "*trình bày rối*" chưa khoa học. Thậm hí, có lần tôi còn làm trò cười cho cả lớp. Tôi gọi cây đàn ghi ta (Lục huyền cầm) là ây đàn "*chi - nha*" khi làm bài văn thuyết minh. Giờ ra chơi, tôi ít ra sân đá cầu, nhảy ây cùng các bạn, v.v...

Tôi trở nên vụng về khi bước vào phòng chức năng học vẽ, học đàn, học hát. uổi học hôm ấy, khi các bạn kéo ra sân chơi, tôi ở lại một mình trong phòng chức ăng. Không biết tôi hí hoáy thế nào đó mà làm đứt dây đàn vĩ cầm. Sự cố xảy ra, tôi ò cùng lo sợ. Tôi dặn mình: "*Chẳng ai biết mình gây ra. Cứ im lặng và tỉnh bơ...*". uổi tập hát tiếp tục. Cái Diệu kêu lên: "*Đàn đứt dây rồi!*" Cô Liên và cô Chi hỏi: "*Ai ım đứt dây đàn?*" Nhưng tất cả đều nhìn nhau im lặng! Cô Liên và cô Chi đều tỏ ý hông vui. Sau sự cố ấy, thầy chủ nhiệm lớp 8A, hạ mức hạnh kiểm của cái Diệu nhóm trưởng) cái Hoàn (nhóm phó) trong đội ca vũ xuống một bậc, từ loại tốt xuống oại khá. Năm học sắp kết thúc rồi. Diệu và Hoàn đều học giỏi, đàn ngọt, hát hay, ược các thầy cô giáo và bạn học quý mến.

Chuyện ấy làm tôi day dứt trong lòng mãi. Nhiều đêm tôi trằn trọc, và tự trách ình sao hèn nhát thế? Tại sao không dũng cảm tự nhận lỗi để Diệu và Hoàn mắc oan? hưng có lúc tôi lại nghĩ: "*Mọi chuyện rồi sẽ trôi qua. Nhắc lại làm chi cho mệt...*"

Lòng tự trọng đã nâng đỡ tâm hồn tôi. Tôi viết một bức thư dài gửi thầy chủ hiệm nói rõ sự việc, xin nhận kỷ luật; đề nghị thầy không hạ mức hạnh kiểm của hai ạn Diệu, Hoàn...

Thầy Cảnh gặp riêng tôi. Thầy nói về lòng tự trọng, sự hèn nhát và lòng dũng ảm. Thầy an ủi, động viên tôi. Lúc đầu, tôi cứ ngỡ các bạn sẽ khinh ghét tôi, xa lánh i. Nhưng thật không ngờ, các bạn lại yêu mến, quý trọng tôi hơn trước. Tôi thấy tâm ồn mình thanh thản. Cuối năm học lớp 8, thi kiểm tra, tôi được 5 điểm 10, xếp loại iỏi văn hoá, loại tốt hạnh kiểm.

Nhớ lại kỉ niệm thời non dại ấy, bài học ngụ ngôn về chuyện "*Đóng đinh lên ột và nhổ đinh*" mỗi lần mắc một khuyết điểm và mỗi lần sửa chữa được một lỗi ım... làm tôi cứ nao nao lòng.

Lê Mỹ Ái - 8B
Trường THCS Phan Châu Trinh- Quảng Nam

BÀI SỐ 44

Đề bài: Kể lại một câu chuyện đáng nhớ của bản thân, trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.

Đã lâu tôi chưa được về thăm quê. Bố đi công tác ở đảo xa. Ông bà nội đã mất.

Gần Tết mà bố tôi vẫn chưa về. Sáng 27 tháng Chạp, mẹ nói với hai con: "*Chiều ay ba mẹ con về quê, đi thăm mộ ông bà...*". Bé Lan reo lên, còn tôi thì nao nao, uồn vui khôn tả xiết. Tôi nhẩm tính: "*Ông mất đã hơn tám năm, bà đã đi xa gần 6 ăm...*". Hình ảnh ông nội mái tóc bạc phơ, chòm râu dài, gương mặt hồng hào phúc ậu ngồi uống trà với khách; hình ảnh bà nội ôm hai cháu vào lòng, kể cho các cháu ghe bao chuyện cổ tích,... tôi như thấy hiển hiện trước mắt mình. Tôi ứa nước mắt ra.

Đoạn đường dài hơn 30 cây số, xe máy mẹ đi chỉ hơn một tiếng đồng hồ là về tới quê. Làng Văn Xá quê nội trải rộng một màu xanh lúa chiêm xuân. Cò trắng ở đâu bay về sao nhiều thế? Cây đa cổ thụ xanh um, ngôi đình cổ mái ngói rêu phong, dòng sông Tam Thê lặng lờ trôi, trâu bò hiền lành gặm cỏ trên đê... Cảnh vật thân quen, đáng yêu lạ. Tôi càng ngắm nhìn càng bâng khuâng.

Ngôi nhà ngói năm gian của ông bà nội thương yêu vẫn còn đó. Tôi cảm thấy vắng vẻ. Chú, thím Lợi và ba em Nhân, Hoà, Thái vui vẻ, tíu tít đón ba mẹ con tôi. Nhân đã học lớp bốn. Hoà đã học lớp ba. Thái học lớp một. Cả ba đều học giỏi, rất vui mừng khi nhận quà và tiền mừng tuổi của bác Nga. Chỉ có một cái cặp sách, hai em đều nhường lại cho Nhân. Nghe bác nói: "*Bác sẽ gửi túi sách về cho hai cháu để đi học...*", hai em Hoà và Thái reo lên !

Sau bữa cơm tối ở nhà chú thím, ba em nhỏ đưa hai chị ra thăm vườn. Qua cây cau, cây cam, cây bưởi, tôi đứng lặng. Qua bờ ao, luống rau, tôi đi chậm lại. Tôi tưởng như ông bà đang nói khi nghe gió lao xao, thì thầm:. "*Cây cỏ cũng có tình, có nghĩa đấy cháu ạ!*"

Đêm đó, nằm ngủ trên giường bà, tôi thao thức mãi. Tám, chín năm về trước, bà vẫn ôm ấp và ru tôi ngủ trên chiếc giường này...

Sáng hôm sau, ba mẹ con tôi theo chú thím Lợi và ba em đi ra nghĩa trang thăm mộ ông bà. Mộ ông bà đã được xây vuông vắn, nhưng trên đỉnh mộ vẫn mọc nhiều cỏ xanh. Bố mẹ tôi và chú thím Lợi đã làm đúng lời căn dặn của ông bà trước lúc ông bà về lão: "*Xây đắp mộ ông bà cần giản dị, đừng có phô trương. Phải lo cho các cháu học giỏi và hiếu thảo. Được như vậy là ông bà ở thế giới bên kia sung sướng lắm rồi!*"

Khiêm tốn, giản dị, chất phác là nếp sống của ông bà nội. Cha mẹ tôi vẫn nhắc nhở chị em tôi thế.

Mẹ và chú thím Lợi bày hương hoa lên mộ ông bà, thắp hương và khấn vái. Mẹ khóc và chị em tôi cũng khóc. Cả ba đứa em cũng khóc theo.

Nắng lên. Cảnh nghĩa trang trong làn khói hương u huyền càng trở nên vắng lặng. Tôi man mác buồn khi cắm nén hương lên mộ ông bà. "*Bà ơi, ông ơi! Bố cháu đi công tác xa chưa về kịp. Ba mẹ con cháu về thăm ông bà, cháu chỉ mong ông bà vui...*"- Tôi thầm khấn. Nước mắt cứ chảy dài trên má....

Tết năm nay sắp đến. Bóng chiều xuống trầm trầm. Nhìn bàn thờ ông bà, tôi lại nhớ lần về thăm quê thời còn học lớp Bảy.

Nguyễn Ánh Duyên, lớp 9A
Trường THCS Thái Thịnh, Hà Nội

BÀI SỐ 45

Đề bài: Kể lại một tấm gương giàu nghị lực làm ta khâm phục và ngưỡng mộ.

Cô gái mù Pa Cô đoạt giải thưởng quốc tế

Ở bản A Máy, xã A Xing, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị có hai chị em người Pa Cô mù, mồ côi cha mẹ tên là Hồ Thị Cúc (15 tuổi) và Hồ Văn Kim (8 tuổi). Cúc vừa vinh dự đoạt *giải nhì* trong cuộc thi viết chữ Baraille Onkyo quốc tế lần thứ 6 (kỉ niệm 200 năm ngày sinh của Luis Braille – người phát minh ra chữ nổi dành cho người mù). Nghị lực và niềm tin yêu cuộc sống của cô gái là cả câu chuyện dài đầy xúc động.

Bản A Máy có đôi vợ chồng nghèo, sinh được hai người con thì cả hai đều bị mù bẩm sinh. Cách đây sáu năm, anh chị không may ngã bệnh và qua đời. Hai con the

mù loà dằng đặc khóc trong nỗi đau mất người thân. Bà con ở A Máy thay nhau cơm nước cho hai đứa trẻ mồ côi. Đến ngày thứ bảy thì gia đình ông Hồ Văn Khưm ở cùng bản đưa hai chị em Cúc về nuôi. *"Con thú trong rừng mất mẹ thấy đau, huống chi hai đứa trẻ vừa mồ côi vừa mù. Khi tôi nói ra cái suy nghĩ trong đầu cho vợ con nghe, ai cũng đồng ý. Rứa là tôi đi đón hai đứa nhỏ về"*- ông Hồ Văn Khưm kể lại.

Năm 2000, Hội Người mù huyện Hướng Hoá biết đến trường hợp của hai chị em Cúc, đã xin gia đình ông Khưm đưa các cháu về Hội để có điều kiện học hành. Hai năm sau, Cúc tiếp tục được đưa về Hội người mù tỉnh Quảng Trị, để học *lớp một tiểu hoà nhập*. *"Một thế giới mới dần mở ra trước cuộc đời của em; tất cả mọi suy nghĩ, hiểu biết đều đã thay đổi nhanh chóng. Ở đây, em được học chữ Braille, nghe các âm thanh lâu nay vốn xa lạ như tiếng xe ô tô, xe máy, rồi tiếng đàn trong tivi, tiếng hát trong radio..."* – Cúc tâm sự.

Đầu năm 2006, em Hồ Văn Kim cũng được đưa về hội người mù tỉnh Quảng Trị học chữ. Hiện em đang học *lớp 2 tiểu hoà nhập*. *"Suốt ba năm, mặc dù được các cô, các bác ở Hội Người mù Hướng Hoá chăm sóc, nhưng không có chị ở bên nên em rất buồn, thường khóc về đêm. Bây giờ được ở với chị, em mừng lắm"*- Kim nói.

Hỏi về cuộc thi, Cúc cho biết: *"Em nghe tiếng radio có cuộc thi dành cho người mù nên tham gia. Em chỉ nghĩ là mình có cơ hội viết ra những gì mình suy nghĩ và cảm nhận được, chứ không nghĩ sẽ giành được giải thưởng"*.

Trong bài tham dự cuộc thi, Cúc viết: *"Cuộc sống thật đẹp biết bao, phải không những người đồng tật của tôi? Bởi tôi nghĩ rằng cái đẹp của người khuyết tật nói chung, và của người mù nói riêng nằm ở sự nỗ lực vươn lên, vượt qua nghịch cảnh và thể hiện trong chiều sâu của tâm hồn. Khi biết biến điểm yếu thành điểm mạnh, chúng ta sẽ tìm ra hạnh phúc, tìm ra ánh sáng... Tôi mất đi đôi mắt nhưng vẫn còn một trái tim!"*.

Cúc tâm sự: *"Trước đây, em cứ tưởng những người mù sẽ không thể làm cô giáo. Nhưng sau này, khi cô giáo cho em biết cô cũng không may bị mù từ nhỏ, ước mơ trong em càng mạnh mẽ hơn. Nhất định sau này em sẽ trở thành cô giáo. Em cảm ơn cô giáo rất nhiều, bởi cô không chỉ dạy cho em biết đọc, biết viết, tình yêu thương, mà còn truyền cho em tinh thần và nghị lực sống là luôn luôn phải cố gắng vươn lên"*.

Hoàng Giang-Phan Thanh

(Trích báo *Phụ nữ* số 84, ra ngày 28-10-2008)

BÀI SỐ 46

Đề bài: Kể lại một truyện lạ mà em nhớ mãi

Vua là người như thế nào

Ngày xưa vua Hen ri IV nước Pháp hay cưỡi ngựa đi săn trong rừng. Có một lần nhà vua mải miết theo dấu chân thú đi sâu vào rừng xa. Đến cạnh con suối, Hen ri gặp một người tiều phu đang ngồi nghỉ. Vua thân mật hỏi:

- Anh làm gì đó ? Ngồi chơi hay chờ đợi ai ?

- Thưa ông, tôi đang chờ xem vua Hen ri đi qua.

Người cưỡi ngựa, cặp mắt nheo lại, nhẹ bảo:

- Tôi cũng muốn được xem Vua đây. Anh hãy cùng tôi đi tìm nhà Vua, may ra mới gặp được.

Tiều phu vui vẻ leo lên ngựa ngồi sau lưng người lạ mặt. Hai người chuyện trò thân mật lắm. Gã tiều phu băn khoăn hỏi:

- Nhưng làm sao để biết rõ ai là vua Hen ri ?

- Ồ, dễ thôi mà. Anh hãy để ý, trước đám đông, người đội mũ chính là nhà vua đó.

Chỉ một lát sau, hàng trăm kị mã kéo đến. Họ xuống ngựa, tất cả đều ngả mũ, cúi đầu. Bấy giờ, người lạ mặt ngoảnh lại, hỏi nhỏ gã tiều phu:

- Thế nào ? Anh đã biết ai là Vua chưa ?

Tiều phu thật thà nói:

- Đúng là ông hay tôi là vua. Vì ở đây chỉ có hai chúng ta còn đội mũ mà thôi.

- Đúng là anh và tôi đều đội mũ.

(Trích "*Chuyện vui văn học gần xa*")

Bài đọc tham khảo

Sự tích thần kì: Đường Hồ Chí Minh

Trong kháng chiến chống Mỹ, với xẻng tay thô sơ, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, hàng triệu chiến sĩ và nam nữ thanh niên xung phong đã *"viết nên trang sử vàng"* (Tố Hữu), đã làm nên con đường chiến lược Trường Sơn – con đường Hồ Chí Minh, một kì tích huyền thoại.

Đầu thập niên cuối thế kỉ XX, đường Hồ Chí Minh được mở rộng và hiện đại hoá thành *con đường xuyên Việt*, kéo dài từ Pác Bó, Cao Bằng đến tận Cà Mau.

Đường được hình thành 3 giai đoạn.

Giai đoạn 1, có điểm đầu là Hoà Lạc – Xuân Mai, Hà Tây (Hà Nội) và điểm cuối là ngã tư Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, hoàn thành vào năm 2005.

Giai đoạn 2, con đường được nối dài từ Hoà Lạc lên Cao Bằng, và từ Bình Phước đến Cà Mau, hoàn thành vào năm 2010.

Giai đoạn 3, con đường được mở rộng đủ mặt cắt ngang theo quy hoạch từ hai đến 8 làn xe, tính từ Hoà Lạc đến Bình Phước.

Đường Hồ Chí Minh là biểu tượng chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ và trong sự nghiệp xây dựng đất nước tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đường Hồ Chí Minh là niềm tự hào của đất nước và con người Việt Nam chúng ta.

PHẦN THỨ BA
NGHỊ LUẬN VĂN HOÁ, XÃ HỘI, CHÍNH TRỊ

BÀI SỐ 47

Đề bài: Bình luận về thói ăn chơi đua đòi.

Ăn chơi đua đòi là một hiện tượng ta thường bắt gặp trong cuộc sống; nó đã và đang diễn ra quanh ta, nhất là trong lớp trẻ. Nó đã trở thành *"thói"* rất đáng chê trách.

"Thói" nghĩa là lối, cách sống hay hoạt động thường không tốt, được lặp lại lâu ngày thành quen. Ta thường nói: *"thói hư, tật xấu; dở thói du côn đầu bò; mãi mới bỏ được thói hút xách nghiện ngập; thói ăn chơi đua đòi"*. Tục ngữ có câu: *Đất có lề quê có thói"*, hoặc *"Thói đời trâu buộc ghét trâu ăn"*.

Thói ăn chơi đua đòi là cách sống của một số người bắt chước nhau, đua đòi nhau về cách sống, cách xài sang, thích trưng diện, chạy theo *"mốt"*. Đó là, những người khoe sang, khoe giàu, ăn tiêu như phá. Xe máy, xe ô tô thích dùng loại *"xịn"*. Từ bộ váy, bộ vét, chiếc áo khoác đến đôi giày, chiếc cờ-ra-vét, đồng hồ, túi xách... phải là hàng Nhật, hàng Ý, hàng Mĩ,... mua bằng đô-la trong các siêu thị mới oách!

Ăn thì đặc sản, uống thì rượu Tây, mỗi cuộc nhậu phải chi vài *"vé"*. Chơi thì quán nhảy, vũ trường, karaokê thâu canh suốt sáng, dập dìu gái đẹp trước sau. Họ vênh váo vênh vang lắm!

Hiện tượng *"mắt xanh môi đỏ"*, nhuộm tóc vàng, móng chân móng tay nhuộm đỏ, trai đeo khuyên tai... ta thường thấy trong một số học sinh hư.

Là quý tử, tiểu thư, con ông này bà nọ, chức trọng quyền cao, bạc vàng đầy két,... đua đòi ăn chơi còn có nhẽ. Ta thường nghe họ nói: *"Chết cũng chẳng mang theo được của nả sang thế giới bên kia! Có tiền thì ăn chơi mua sắm cho sướng!"*. Nghe họ nói mà buồn cười.

Có một số kẻ, tiền bạc chẳng có nhiều thế mà cũng ăn chơi đua đòi, lười lao động, trốn học bỏ học. Có kẻ vì ăn chơi đua đòi mà sa ngã như trộm cắp, hút chích, cờ bạc, mại dâm, v.v... Có nhiều gia đình con cái ăn chơi đua đòi rồi nghiện ngập, trộm cắp, tù tội... mà bố mẹ mang tiếng xấu xa ê chề!

Nhân dân ta vốn cần cù, giản dị, tiết kiệm trong làm ăn, sinh sống. Thói ăn chơi đua đòi là một hiện tượng tiêu cực, trái hẳn với nếp sống và đạo lí của nhân dân.

Học được một điều hay, rèn được một tính tốt thì rất khó, nhưng đua đòi ăn chơi nhất định sẽ bị sa ngã. Câu tục ngữ: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"* và lời nhắc nhở của ông bà, cha mẹ: *"Chọn bạn mà chơi"* là bài học rất bổ ích để mỗi chúng ta tu dưỡng đạo đức tính tình.

Tóm lại, ăn chơi đua đòi, là một thói xấu. Ăn ngon mặc đẹp ai cũng muốn, nhưng phải hợp lí, hợp thời, hợp cảnh. Xung quanh ta có biết bao tấm gương sáng và đẹp về con người mới. Hình ảnh những học sinh giỏi ở trường ta, quê hương ta đã nêu lên cho ta bao bài học quý báu để noi theo.

Hay gì, đẹp gì thói ăn chơi đua đòi !

Rất đáng chê! Con đường ăn chơi đua đòi là con đường tội lỗi!

BÀI SỐ 48

Đề bài: Bình luận câu tục ngữ: "Có chí thì nên"

A. Lập dàn ý

* *Mở bài*

- Dẫn dắt: Sống phải có bản lĩnh.
- Câu tục ngữ nói về bản lĩnh sống: *"Có chí thì nên"*.

* *Thân bài*

a. Giải thích từ ***"chí"*** và từ ***"nên"***.

Rút ra ý nghĩa câu tục ngữ: bài học rèn luyện ý chí, quyết tâm, tinh thần bền b để giành được thành công, thắng lợi.

b. Phân biệt ***"chí"*** với ***"trí"***, chỉ rõ đó là 2 phẩm chất tốt đẹp của mọi tài năng.

c. Bàn luận về giá trị, sức mạnh của phẩm chất ***"có chí"*** trong đời sống con người.

d. Những câu tục ngữ nói về ***"chí"***.

* *Kết bài*

- Tuổi trẻ phải rèn luyện ***"chí"***.
- Liên hệ đến bài thơ của Bác Hồ: *"Không có việc gì khó..."*.

B. Bài làm

Sống phải có bản lĩnh. Nhờ có bản lĩnh mà ta có thể vượt qua mọi thử thách trê đường đời và đi tới thành công. Nói về bản lĩnh sống, dân gian có câu tục ngữ thật là chí l

"Có chí thì nên".

"Chí" là lòng quyết tâm, sự kiên trì nhẫn nại. Chí cũng là tự mình phấn đấu vươn lên, không ỷ vào người khác. Chí là chí khí, sự bền bỉ. *"Nên"* có nghĩa là thắn lợi, thành công, sự tốt đẹp mà ta thu được. *"Có chí"* là điều kiện, là nguyên nhân ***"nên"*** là hệ quả, kết quả. Câu tục ngữ thật cô đúc, ngắn gọn chỉ có 4 từ mà nêu lê một bài học sâu sắc, nhắc nhở mọi người hãy rèn luyện ý chí, tinh thần bền bỉ, lòn quyết tâm để vượt qua mọi thử thách, khó khăn, vươn lên giành nhiều thắng lợi và gi hái được nhiều thành công. Có chí tức là đã có bản lĩnh sống rất đẹp.

Không được nhầm lẫn *"chí"* với *"trí"*. *"Trí"* là trí tuệ, lí trí, trí khôn, sự hiể biết, trí thông minh. Nhờ học hỏi mà ta có trí. Nhờ rèn luyện trong thử thách và gia khổ mà ta có chí. Trí và chí là hai phẩm chất tốt đẹp nhất của con người. Mọi tài năn lỗi lạc xưa nay đều có chí và có trí hơn người.

"Có chí" thì mới có thể chịu đựng được, đứng vững được trước mọi thử thác khó khăn, không bị gục ngã trước thất bại tạm thời. Đi học, đi làm, sản xuất, kin doanh, v.v... đều cần có chí. Chí càng cao sức càng bền mới đi tới thành công. Đườn đời khó khăn (thế lộ nan) nên ta phải có chí. Đường xa, núi cao, dốc thẳm, sông sâu tuyết dày... phải có chí mới vượt qua được. Đi thi là phải có chí *"cá vượt Vũ Môn* Kéo pháo vào đánh Pháp ở Điện Biên, bộ đội ta đã thể hiện quyết tâm: *"Dốc núi ca cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi"*. *"Nước chảy đá mòn"*, *"Kiến tha lâu cũn đầy tổ"*, *"Có công mài sắt có ngày nên kim"*, tất cả đều nói lên cái chí.

Tuổi trẻ chúng ta trên đường học tập, tiến quân vào mặt trận khoa học kĩ thuật cũn phải có chí mới có thể thực hiện được ước mơ hoài bão của mình, mới có thể đem tài sứ góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Học tập câu tục ngữ *"Có chí thì nên"* ta càng thêm thấm thía lời dạy của Bác Hồ:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên".

BÀI SỐ 49

Đề bài: Bình luận về hiện tượng vứt bừa bãi các thứ rác thải khắp mọi nơi

Nói về văn minh công cộng, văn minh đô thị, vấn đề được nhiều người nói đến à giữ vệ sinh chung. Đi qua các bến xe, nhà ga, cổng bệnh viện, sân trường học, công 'iên, Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, nơi vui chơi giải trí, vv ... ta thấy một hiện tượng phổ iến là vứt bừa bãi các thứ rác thải ra khắp mọi nơi.

Báo chí đã nói đến tác hại của túi ni lông như làm xói mòn đất đai, làm nguy ại đến cây trồng và các loài thuỷ sản, làm tắc cống rãnh, gây úng, làm ô nhiễm môi rường, v.v... Uống nước mía xong thế là vứt ngay túi ni lông xuống đất. Ăn hết quà ánh, các thứ còn lại vứt xuống vệ đường. Đi dạo trong công viên, đi chơi quanh Hồ Gươm, Hồ Tây, ta vẫn nhìn thấy lềnh bềnh bao túi ni lông tím, đỏ! Sau trận đấu bóng làng chục nghìn khán giả ra về, trên sân cỏ, trên khán đài, lối ra vào bị các *"thượng lế"* vứt đầy mọi thứ rác rưởi: mẩu thuốc lá, vỏ chai nhựa, giấy bọc bánh kẹo, túi ni ông, ... Thượng vàng hạ cám đều có tất!

Xả rác bừa bãi là một thói quen rất xấu của nhiều người; thói quen ấy, việc làm ấy hản ánh nếp sống văn minh công cộng thấp kém, ý thức bảo vệ môi trường rất thấp kém.

Ai cũng hiểu câu tục ngữ *"Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm"* nhưng tại sao ại cứ xả rác bừa bãi vào nơi công cộng? Ruồi muỗi, chuột bọ có nơi để tung hoành, inh sôi, phát sinh bệnh dịch. Phải chăng ở nước ta chưa có hình thức xử phạt răn đe? Nghe nói ở Xinh-ga-po, người nào mà vứt bất cứ một thứ rác rưởi nào, dù đó là một nẩu thuốc lá cũng bị xử phạt 100đô-la.

Gần đây truyền hình đưa tin nhiều làng nghề, nhiều nhà máy đã xả nước thải ông nghiệp vô tội vạ vào các dòng sông. Nhà máy Vê- dan chỉ sau 10 năm xả nước hải đã *"giết chết"* sông Thị Vải ở Đồng Nai! Sông Đáy, Sông Tô Lịch, ... nước đen ngòm nhiều người đã biết, đã nhìn thấy!

Môi trường, môi sinh đã và đang bị ô nhiễm trầm trọng. Xanh, sạch, đẹp của nôi trường cần được toàn xã hội quan tâm và giữ gìn. Cảnh quan của đất nước, sức khoẻ của cộng đồng, nhắc nhở chúng ta phải biết bảo vệ và giữ gìn môi trường, môi inh ngày càng xanh, sạch, đẹp.

Học sinh chúng ta phải biết góp phần làm cho cảnh quan ngôi trường thân yêu ngày càng xanh, sạch, đẹp, trở thành một trung tâm văn hoá của địa phương mình.

Nguyễn Trọng Thìn, lớp 9D
Trường THCS Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

BÀI SỐ 50

Đề bài: Nêu lên suy nghĩ của em từ câu ca dao:

"Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".

Từ thời thơ bé, tôi đã thuộc câu ca dao nói về công cha nghĩa mẹ. Lên lớp Một, ôi đã nhiều lần được học, được tập chép câu ca dao này:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".

Tôi cứ thường tự hỏi: Ai là người đầu tiên đã sáng tác ra bài ca dao lục bát này? Bài ca dao đã ra đời mấy trăm năm về trước ?

Ý nghĩa của câu ca dao thật giản dị, dễ hiểu: công cha vô cùng to lớn, to lớn *"như núi Thái Sơn"*; nghĩa mẹ vô cùng sâu nặng bao la *"như nước trong nguồn chảy ra"*.

Người sáng tác ra bài ca dao này phải là một người con giàu lòng hiếu thảo với mẹ cha, đã từng mang ơn sâu nghĩa nặng của mẹ cha, người đã sinh ra mình.

Công cha to lớn lắm. Cha mẹ đã sinh ra con, nuôi nấng dạy bảo con nên người. Cha mẹ làm lụng vất vả để có cháo, cơm cho con ăn, may áo cho con mặc, nuôi cho con được học hành khôn lớn. Cha là trụ cột của gia đình, nên tục ngữ có câu: *"Con có cha như nhà có nóc"*. Mẹ mang nặng đẻ đau, *"đứa con là hạt máu cắt đôi của mẹ"*. Con thơ lớn lên bằng sữa mẹ, bằng lời ru, sự ôm ấp yêu thương của mẹ hiền. Cha mẹ mong con khôn lớn từng ngày: *"Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi"*... Những lúc con thơ bị ốm đau, cha mẹ lo lắng, chăm sóc thuốc thang. Người mẹ nhiều lúc phải thức trắng đêm khi con thơ ốm đau bệnh tật.

Núi Thái Sơn cao ngất chín tầng mây, trùng điệp hùng vĩ được so sánh với công cha vô cùng to lớn. Nước trong nguồn trong mát ngọt ngào, không bao giờ vơi cạn, khác nào dòng sữa ngọt ngào, tình thương bao la của mẹ hiền dành cho đứa con.

Câu ca dao không chỉ ca ngợi công cha nghĩa mẹ, mà còn thể hiện lòng biết ơn của con đối với mẹ cha. Con phải ngoan ngoãn hiếu thảo, biết vâng lời, biết chăm học chăm làm để trở thành con ngoan trò giỏi, làm cho cha mẹ vui lòng hạnh phúc. Lúc cha mẹ già yếu, ốm đau, con phải chăm sóc phụng dưỡng. Bát cháo, chén thuốc, sự chăm sóc sớm hôm của con cái đối với người đã sinh thành, nuôi nấng, dạy bảo mình nên người là sự đền ơn đáp nghĩa.

Nghe nói ở phương Tây, lúc cha mẹ về già, con cái đem gửi các cụ vào các trại lão dưỡng đường, lâu lâu đến thăm một lần. Đạo lí của nhân dân ta rất đẹp: con cái phụng dưỡng cha mẹ lúc già yếu. Thành ngữ *"Quạt nồng ấp lạnh"*, câu tục ngữ: *"Trẻ cậy cha, già cậy con"* đã nói lên rất rõ đạo lí tốt đẹp ấy. Vì thế đạo lí dân tộc đã coi trọng và đề cao *chữ hiếu.*

Câu ca dao đã nêu lên một bài học thấm thía cho mỗi người con trong gia đình. Nó đã gián tiếp chê trách kẻ bất hiếu. Nó đã trở thành lời ca, tiếng hát thấm sâu vào tâm hồn mỗi chúng ta.

Lê Thúy Lan - 9C
Trường THCS Trương Công Định, Hải Phòng

Học thuộc lòng

... Mẹ ta không có yếm đào
nón mê thay nón quai thao đội đầu
rối ren tay bí tay bầu
váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa.

Cái cò... sung chát đào chua
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
con đi trọn kiếp con người
vẫn không đi hết mấy lời mẹ ru.

... Mẹ ru cái lẽ ở đời
sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn
bà ru mẹ, mẹ ru con
liệu mai sau các con còn nhớ chăng...

(*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa* - Nguyễn Duy)

BÀI SỐ 51

Đề bài: Suy nghĩ của em về câu ca dao:
"Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần".

Trong những câu dân gian nói về lao động, em thích nhất câu ca dao:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần".

Câu ca dao như một lời nhắn nhủ chứa chan tình nghĩa *"ăn quả nhớ kẻ trồng cây"* mà ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo vẫn hằng nhắc nhở chúng ta.

Hạt gạo nuôi hết thảy chúng ta được gọi là hạt ngọc, hạt vàng. Bát cơm dẻo thơm ta ăn hằng ngày, các loại bánh như bánh cốm, bánh chưng, bánh giầy, bánh phở... những món ăn ngon đều được chế biến từ hạt gạo. Cốm Vòng dẻo thơm bọc trong lá sen xanh, ai đã được một lần thưởng thức cái thức dâng của Trời, cái ngọt ngon của đồng quê nội cỏ nước Nam.

Ai đã làm ra hạt gạo để mọi người được bưng những bát cơm đầy dẻo thơm, được no ấm? Chính là người dân cày Việt Nam đã một nắng hai sương, quanh năm vất vả cày bừa, cấy hái, làm cỏ, tát nước, bón phân, bắt sâu mới làm nên những mùa vàng. Trời mưa gió, lúc bão táp mưa sa, lúc nắng hạn, đồng khô nứt nẻ, làm ra bát cơm ngon lành, dẻo thơm, người nông dân phải đổ biết bao mồ hôi vật lộn với lo âu vất vả, nếm trải *"đắng cay muôn phần"*.

Câu ca dao đã ca ngợi đức tính cần cù, chịu khó và tinh thần sáng tạo của người nông dân Việt Nam. Họ là động lực, là nguồn sống của xã hội. Nhờ họ mà mọi người, mọi nhà được no ấm. Nhờ họ, mà đất nước ta có nhiều triệu tấn gạo xuất khẩu. Nhờ họ mà quê hương ta ngày một giàu có, thịnh vượng.

Câu ca dao còn ca ngợi và khẳng định giá trị của bông lúa, hạt gạo. Nó nhắc nhở mọi người khắc sâu trong trái tim mình lòng biết ơn người dân cày Việt Nam.

Từ câu ca dao, em nghĩ về đất nước, tự hào về nền văn minh sông Hồng, nền văn minh trồng lúa nước. Em nghĩ về nền nông nghiệp nước ta đang trên đà phát triển, hiện đại hóa. Điện và máy móc (máy cày, máy bừa, máy gặt đập liên hợp, máy bơm nước,...) đã đến với đồng quê. Mỗi năm đất nước ta sẽ sản xuất được 50 triệu, 100 triệu tấn lúa... là mơ ước của cả dân tộc.

Học câu ca dao: *"Ai ơi bưng bát cơm đầy - Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần"*, bài học *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"* càng trở nên sâu sắc, thấm thía.

Nguyễn Công Thăng
(Học sinh lớp 9 THCS Nga Sơn, Thanh Hóa)

BÀI SỐ 52

Đề bài: Em hãy bình luận câu tục ngữ: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

Tục ngữ là kho tàng vô giá về kinh nghiệm trong sản xuất, trong học tập và trong đấu tranh. Nó cho ta nhiều bài học hay, nhiều nhận xét sâu sắc trong ứng xử, giao tiếp. Trải qua bao đổi thay của thế sự, nhân tình, lớp bụi thời gian có thể phủ mờ lên nhiều thứ, nhiều điểm có thể bị lãng quên... nhưng kho tàng vô giá này vẫn có một sức sống lâu bền và có nhiều ý nghĩa đối với nhân sinh. Câu tục ngữ "*Gần mực thì đen*", "*Gần đèn thì sáng*"; hai biểu tượng tương phản nhau: "*mực*", "*đèn*". Do đó, tác dụng cũng trái ngược nhau: "*đen*" và "*sáng*".

Màu đen của mực (mực tàu), nguồn ánh sáng của đèn là hai biểu tượng về cái xấu và cái tốt, về dở và hay, cái lạc hậu, tiêu cực và cái tiến bộ, tích cực. "*Gần*" là bên cạnh, đặt bên cạnh, sống gần gũi. Đối lập với gần là xa, là tách biệt, cách ly. "*Mực thì đen*" nhưng có ở "*gần*" thì mới "*đen*". "*Đèn thì sáng*" nhưng có đặt gần, ở gần thì mới sáng. Câu tục ngữ chỉ ra mối tương quan gần gũi của hai sự vật. Nhân dân ta mượn hai biểu tượng đối lập (mực, đèn) để nói lên tầm quan trọng to lớn của mối quan hệ xã hội, của môi trường tác động đến con người.

Tóm lại, câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" nêu lên một bài học, một kinh nghiệm về cách sống, thái độ sống, khuyên bảo chúng ta nên biết gần gũi người tốt, xa lánh kẻ xấu, đặc biệt là biết chọn bạn mà chơi.

2. Câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" chứa dựng một kinh nghiệm sống, cách sống đúng đắn và hay. Con người ta sinh ra tính vốn thiện và lành nhờ sự dạy dỗ, giáo dục, học tập mà trở thành người hữu ích. Nếu sống trong một môi trường xấu thì dễ trở nên xấu như "*Gần mực thì đen*" vậy. Nhưng nếu sống trong một môi trường tốt, có quan hệ xã hội tốt, thì có thể trở thành người tốt, chẳng khác nào "*gần đèn thì sáng*". Sự nhiễm bẩn lây lan rất đáng sợ, khi sống "*gần mực*". Điều tốt đẹp, trong sáng, cái hay, cái tốt của người, của đời sẽ toả sáng tâm hồn ta, cảm hoá lòng ta nếu ở "*gần đèn*".

Mối quan hệ xã hội, môi trường sống..., đã tác động vào tâm hồn làm thay đổi tâm tính của mỗi người. Gần người hiền, xa kẻ dữ, chọn bạn mà chơi; học cách làm người, cách làm ăn của những gương cần cù, tài giỏi...là bài học quý báu hàm chứa trong câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*".

Đáng ngại biết bao khi ta phải sống gần gũi những kẻ bất lương, trộm cắp rượu chè, cờ bạc? Hạnh phúc biết bao khi chúng ta được ở gần, có mối quan hệ với những người bạn tốt, láng giềng tốt. Ta sẽ học được bao điều hay lẽ phải ở đời. Phương ngôn có câu: "*Bạn tốt quý hơn vàng*" là thế! Truyện cổ tinh hoa nhắc lại chuyện bà mẹ Mạnh Tử dời nhà nhiều lần; lần sau cùng bà chuyển đến trường học, bà mới yên tâm. Có bà mẹ vĩ đại như thế mới có người con Mạnh Tử ở đời.

3. Trong dân gian có nhiều câu tục ngữ nói về mối quan hệ xã hội. Mỗi câu là một khía cạnh sắc bén nói lên cách sống và mối quan hệ ở đời:

- *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài,*
- *Ở gần nhà giàu mỏi răng ăn cốm,*
  Sống gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn.
- *Ở dữ, giữ mình.*
- *Thói thường gần mực thì đen,*
  Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Cũng cần phải quan niệm câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" mộ cách toàn diện hơn, đầy đủ hơn. Sự tác động của con người đối với hoàn cảnh, vớ quan hệ xã hội rất lớn. Con người giàu bản lĩnh, tài năng có thể góp phần cải tạc hoàn cảnh, làm thay đổi mối quan hệ xã hội. Họ lấy tài năng, đạo đức, tình thương của mình, mà cảm hoá đồng loại, giáo dục kẻ bất lương. Câu ca dao "*Gần mực mà chẳng hôi tanh mùi bùn*" càng làm cho ta cảm nhận thêm sự thật ấy. "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*", chân lý ấy hiển-nhiên rồi. Nhưng nếu thiếu chí tiến thủ, không có ý thức tố trong học tập vươn lên, không khiêm tốn… thì "*gần đèn*" nhưng khó mà "*sáng*" lên được học thiếu cố gắng… thì không thể nào "sáng" hơn chúng bạn. Môi trường, quan hệ xã hộ - gia đình, nhà trường, xã hội - rất quan trọng. Bởi vậy, mỗi người phải luôn luôn có ý thức tốt trong học tập, tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên, tiến bộ không ngừng.

Tuổi trẻ có bạn bè. Chọn bạn tốt mà chơi. Không đua đòi kẻ xấu. Câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" giúp ta định hướng lộ trình đi tới tương lai tốt đẹp.

BÀI SỐ 53

Đề bài: Hãy bình luận câu tục ngữ: "Lá lành đùm lá rách".

Lao động tình thương, lẽ phải là vẻ đẹp tính cách của con người Việt Nam. Đặc biệt, tình thương là biểu hiện cao quý của đạo lý dân tộc. Kho tàng văn học dân gian có nhiều bài ca dao, tục ngữ tuyệt hay nói về tình thương người. Một trong những câu tục ngữ được cha ông nhắc nhở con cháu là câu:

"*Lá lành đùm lá rách*"

Chúng ta cần tìm hiểu câu tục ngữ trên thế nào cho đúng?

1. Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, rút ra ý nghĩa:

a. "*Lá lành, lá rách*" là hai trạng thái sống tương phản của cỏ cây trong thiên nhiên. "*Đùm*" nghĩa là đùm bọc, bao bọc, che chở, bảo vệ. "*Lá lành đùm lá rách*": *Lá lành*" đùm bọc, bao bọc, che chở, bảo vệ cho "*lá rách*" để cùng tồn tại trong một cơ thể sống của cây cỏ trước nắng gió, thời gian. "*Lá rách*" có được "*lá lành*" đùm bọc, chở che thì đất trời mới có màu xanh, mới có sự sinh sôi nảy nở của thực vật. Hình ảnh bình dị, đân dã mà xúc động lòng người: sự đùm bọc của những người bình dân.

b. Nhân dân ta mượn cây cỏ làm ẩn dụ nói lên mối quan hệ giữa con người với con người. "*Lá lành*" - biểu tượng nói về những con người có cuộc đời ấm no, hạnh phúc, vui tươi, khoẻ mạnh. "*Lá rách*"- biểu tượng chỉ những con người bất hạnh, đói rét, ốm đau, hoạn nạn'... Lấy biểu tượng "*Lá lành đùm lá rách*", nhân dân ta nhằm nhắc nhở mọi người biết thương yêu, đùm bọc đồng loại, biết tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau, vượt qua hoạn nạn khó khăn, cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc lâu dài.

Có thể nói, câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách*" nêu lên bài học đạo lý về tình thương nhằm giáo dục mọi người.

2. Bình:

Câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách*" là hoàn toàn đúng.

Nó biểu dương mối quan hệ tốt đẹp, gắn bó trong nhân dân ta từ bao đời nay. Cùng sinh sống trong một vùng quê, một đường phố, học chung một mái trường, với tình làng nghĩa xóm, lúc tắt lửa tối đèn có nhau, ngọt bùi đắng cay cùng chia sẻ. Vì tình người và nghĩa đồng bào mà mọi người đều biết yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, biết sống đẹp "*Lá lành đùm lá rách*".

Cuộc sống đầy rẫy khó khăn. Khi gặp thiên tai, dịch hoạ, lúc hoạn nạn ... mọi người biết dựa vào nhau trên tình thương yêu. Nhờ thế mà cuộc sống đẹp đẽ hơn, đầy màu sắc ý vị hơn. Nào ai sống biệt lập, sống cô đơn, ích kỷ mà được hạnh phúc thật sự bao giờ ?

Mọi người đùm bọc, che chở, thương yêu nhau... sẽ cho ta thêm sức mạnh, sống nhân đạo hơn, xã hội ngày một văn minh, tốt đẹp hơn. Mọi người trong cộng đồng phải biết tương thân tương ái để mưu cầu hạnh phúc và làm sáng đẹp đạo lý của dân tộc *"Thương người như thể thương thân"*.

Bài học mà câu tục ngữ " Lá lành đùm lá rách" nêu lên luôn luôn mới mẻ với mọi người. Nó nhắc ta biết hướng thiện và làm việc thiện.

3. Luận:

Tình nhân ái là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta được hun đúc qua hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Tình thương là thước đo phẩm chất, nhân cách của mỗi thành viên trong gia đình, ngoài xã hội.

Tình thương phải thể hiện được bằng việc làm cụ thể: săn sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, chi viện cho đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh. *Một miếng khi đói bằng một gói khi no; một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ; chị ngã em nâng... lá lành đùm lá rách* là như vậy. "Gia huấn ca" tương truyền là của Nguyễn Trãi(?) có những vần thơ đầy tình người:

"Tiếng rằng ngày đói, tháng đông,
Thương người bớt miệng, bớt lòng mà cho.
Miếng khi đói, gói khi no,
Của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng"...

Mấy chục năm chiến tranh, bão lụt cơ hàn triền miên... thế mà nhân dân ta vẫn vượt qua để đi tới. Phong trào giúp đỡ miền Trung bị bão lụt, quỹ giúp đỡ học sinh nghèo, trẻ mồ côi, phong trào xoá đói giảm nghèo... do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động đã được đông đảo nhân dân ta hưởng ứng nhiệt liệt. Một ngày công, một quyển vở, một chiếc áo... gửi tặng nói lên tấm lòng thơm thảo nghĩa tình, làm cho tình yêu thương đoàn kết dân tộc thêm keo sơn, gắn bó.

Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã viết:

"Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không".

Tình thương người được nhân lên dưới ánh sáng cách mạng:

"Thương nhau chia củ sắn lùi,
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng"

Đó không chỉ là câu thơ đẹp mà còn là tấm lòng đẹp, tình nhân ái, nghĩa đồng bào đồng chí, và biểu hiện sâu sắc nhất "Lá lành đùm lá rách".

Tóm lại, câu tục ngữ nêu lên một triết lý sống đẹp: người với người là bạn nên ai cũng phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Con người chỉ đẹp khi sống giàu tình thương. Xã hội không chỉ đẹp vì sự giàu sang vật chất mà còn vì văn minh, nhân ái.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta phấn đấu vì một mục tiêu cao cả: dân giàu nước mạnh. Đến với một ngày mai tốt đẹp ấy, mọi người Việt Nam càng yêu thương, giúp đỡ nhau hơn. Đời đã đẹp và tình người càng thêm đẹp.

PHẦN THỨ TƯ
NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

BÀI SỐ 54

Đề bài: Phân tích một cách ngắn gọn bài "Phong cách Hồ Chí Minh".

1. Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh vô cùng sâu rộng. Một cuộc đời đầy truân chuyên, lúc làm bồi tàu, lúc cuốc tuyết... Người đã đi đến nhiều hải cảng ở châu Á, châu Phi, châu Mĩ. Người dã sống nhiều năm ở Pháp, Anh. Người nói và viết nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Nga, Hoa... Người đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến mức khá uyên thâm, tiếp thu mọi cái đẹp, cái hay của các nền văn hóa.

Trên cái gốc văn hóa dân tộc, Người đã tiếp thu và nhào nặn những tinh hoa văn hóa thế giới để trở thành *"một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại"*...

2. Lối sống của Hồ Chí Minh rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông; lối sống ấy được biểu hiện rất sinh động, tự nhiên ở nhiều phương diện.

- Nơi ở, làm việc là một ngôi nhà sàn *"chỉ vẻn vẹn có vài phòng..."*.
- Đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ.
- Trang phục hết sức giản dị *"với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn"*, đã được một tác giả phương Tây ca ngợi *"như một vật thần kì"*. Tư trang ít ỏi: một chiếc va li con với vài bộ quần áo, vài vật kỉ niệm của cuộc đời dài.
- Cách ăn uống của Người *"rất đạm bạc"*: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa..., đó là những món ăn dân tộc *"không chút cầu kì"*.

3. Lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao. Người đã tiếp thu những nét đẹp của các vị hiền triết xưa như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, Nguyễn Bỉnh Khiêm sống ở Bạch Vân. Nếp sống của Bác *"giản dị và thanh đạm"* như của các vị danh nho xưa. Đó là một *"lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác"*. Lối sống đó *"không phải là một cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời"*.

BÀI SỐ 55

Đề bài: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em sau khi học bài "Phong cách Hồ Chí Minh" của Lê Anh Trà.

"*Phong cách Hồ Chí Minh*" rút trong bài "*Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị*" của Lê Anh Trà in trong cuốn sách "*Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam*" - năm 1990.

Luận điểm thứ nhất mà người viết nêu lên là tầm sâu rộng vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh. Do đâu mà có vốn tri thức văn hóa ấy? Hồ Chí Minh có một cuộc sống phong phú, sôi nổi. Người *"dã tiếp xúc"* với văn hóa nhiều nước ở phương Đông và phương Tây. Người *"dã ghé lại"* nhiều hải cảng, *"dã thăm"* các nước châu Phi, châu

Á, châu Mĩ. Người *"đã sống dài ngày"* ở Anh, ở Pháp. Lúc làm bồi, lúc cuốc tuyết, lúc làm nghề rửa ảnh... Chế Lan Viên cũng đã có lần viết:

"Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể,
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mĩ, châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi".

("Người đi tìm hình của nước")

Người *"nói và viết thạo"* nhiều ngoại ngữ như Pháp, Anh, Hoa, Nga... Cuộc đời Người *"đầy truân chuyên"*. Người *"đã làm nhiều nghề"*, và đặc biệt là *"đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm"*. Hồ Chí Minh *"đã tiếp thu"* mọi cái hay cái đẹp của các nền văn hóa, và *"đã nhào nặn"* với cái gốc văn hóa dân tộc đã thấm sâu vào tâm hồn mình, máu thịt mình, nên đã trở thành *"một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại"*. Cách lập luận chặt chẽ, cách nêu luận cứ xác đáng, lối diễn đạt tinh tế của Lê Anh Trà đã tạo nên sức thuyết phục lớn.

Luận điểm thứ hai mà tác giả đưa ra là lối sống rất bình dị, rất phương Đông, rất Việt Nam của Hồ Chí Minh. Lê Anh Trà đã sử dụng ba luận cứ (nơi ở, trang phục, cách ăn mặc) để giải thích và chứng minh cho luận điểm này. Cái *"cung điện"* của vị Chủ tịch nước là một chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao. Chỉ vẻn vẹn có vài phòng để *"tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ"*; đồ đạc *"rất mộc mạc, đơn sơ"*. Trang phục của Người *"hết sức giản dị"* với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp *"thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn"*. Cách ăn uống của Hồ Chí Minh *"rất đạm bạc"*: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa..., đó là *"những món ăn dân tộc không chút cầu kì"*. Những luận cứ mà người viết nêu ra không có gì mới. Nhiều người đã nói, đã viết, nhiều hồi kí đã kể lại mà ta đã biết. Nhưng Lê Anh Trà đã viết một cách giản dị, thân mật, trân trọng và ngợi ca.

Phần còn lại, tác giả đã bình luận phong cách Hồ Chí Minh. So sánh với cuộc sống của một vị lãnh tụ, một vị tổng thống, một vị vua hiền..., rồi ông ngạc nhiên khẳng định Hồ Chí Minh đã *"sống đến mức giản dị và tiết chế như vậy"*. Lê Anh Trà *"bất giác nghĩ đến"*, liên tưởng đến Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh Khiêm, trích dẫn hai câu thơ của Trạng Trình: *"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá - Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao"* để đi tới ca ngợi nếp sống giản dị và thanh đạm của Hồ Chí Minh, của các vị danh nho không phải là *"tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời"*, mà là *"lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc, thanh cao cho tâm hồn và thể xác"*.

Tóm lại, Lê Anh Trà đã lập luận một cách chặt chẽ, nêu lên những luận cứ xác thực, chọn lọc, trình bày khúc chiết với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ, ngợi ca *"Nhà văn hóa lớn, nhà đạo đức lớn, nhà cách mạng lớn, nhà chính trị lớn đã quyện chặt với nhau trong con người Hồ Chí Minh, một con người rất giản dị, một con người Việt Nam gần gũi với mọi người"*.

Đọc bài viết của Lê Anh Trà, chúng ta học tập được bao điều tốt đẹp về phong cách Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

BÀI SỐ 56

Đề bài: Bài đọc tham khảo

Ở đời và làm người

Với triết lí nhân văn hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Nghĩ cho cùng... mọi vấn đề là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức"*. Trong *"Di chúc"* thiêng liêng, Người đã viết: đầu tiên là vấn đề con người. Rõ ràng, đối tượng trung tâm trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới là *xây dựng con người mới*. Con người nói ở đây là mỗi một con người Việt Nam, là con người trong gia đình, trong xã hội, là người công dân của nước nhà, người đảng viên, người cán bộ của Đảng và Nhà nước, nói rộng ra là con người trên cả hành tinh của chúng ta. Cho nên, chiến lược con người là chiến lược số một. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp xây dựng con người, điều quan trọng bậc nhất là xây dựng *lí tưởng, đạo đức*. Lí tưởng nói ở đây là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đạo đức nói ở đây là suốt đời phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đặt công việc, đặt lợi ích của dân lên trên hết. Đạo đức nói ở đây là phải luôn gắn với tài năng, trí tuệ, coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài. Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thanh niên ta, cán bộ ta càng phải dốc lòng học tập, nâng cao vượt bậc trình độ khoa học kĩ thuật và quản lý, rèn luyện tác phong công nghiệp, trong lúc đó vẫn phải coi trọng đạo đức, lí tưởng, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết lịch sử, địa lí nước nhà.

Đạo đức nói ở đây là phải tôn trọng quyền làm chủ của người dân, là yêu hòa bình hữu nghị với các dân tộc. Đảng viên, cán bộ cần phải gương mẫu. Đạo đức là gốc của người cán bộ.

Người từng viết bài *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"*, coi chủ nghĩa cá nhân và những xu hướng cơ hội là những hành vi có hại đến sự nghiệp đoàn kết trong Đảng, trong xã hội, chẳng khác nào tiếp tay cho địch. Người đã coi trọng, biểu dương những *"người tốt, việc tốt"*, tạo nên phong trào rộng lớn từ những em bé đến các bậc lão thành, từ những đảng viên cho đến những nhân sĩ yêu nước.

Điều đáng tiếc, đáng lo là trong những năm gần đây, bên cạnh những người tốt, cán bộ tốt, ngày càng xuất hiện những con người, kể cả thanh niên, đảng viên, cán bộ đã bị tha hóa, nghiêm trọng nhất là không còn có lí tưởng, chỉ biết chạy theo lợi ích cá nhân, chạy theo đồng tiền bằng bất cứ giá nào. Những hiện tượng vi phạm pháp luật, xúc phạm quyền làm chủ của dân; tệ quan liêu, tham nhũng, những hành vi phi đạo đức mà Bác Hồ đã coi là *"giặc nội xâm"*, có nơi đã trở nên trầm trọng. Có thể nói rằng, bên cạnh những tệ nạn xã hội, chúng ta đang đứng trước một tình hình tha hóa về tư tưởng, làm cho những con người bị tha hóa ấy trở thành mảnh đất thuận lợi cho mưu đồ *"diễn biến hòa bình"* của những thế lực thù địch. Chúng ta cần nhìn vào sự thật và có quyết tâm lớn chặn đứng nguy cơ nói trên.

Trong lúc đó, càng phải nêu cao tấm gương của những điển hình tốt, những tấm gương sáng về đạo đức cách mạng. Bởi vì, như Bác Hồ đã nói: *một tấm gương tốt còn có tác dụng hơn một trăm bài diễn văn.*

Võ Nguyên Giáp

(Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa Việt Nam)

BÀI SỐ 57

Đề bài: Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Đấu tranh cho một thế giới hoà bình".

"Đấu tranh cho một thế giới hòa bình" mang ý nghĩa như một bức thông điệp của Mác-két, người Cô-lôm-bi-a, nhà hoạt động xã hội lỗi lạc, nhà văn được giả thưởng Nô-ben văn học năm 1982, gửi cho các dân tộc trên hành tinh chúng ta.

Để làm sáng tỏ luận đề *"Đấu tranh cho một thế giới hòa bình"*, Mác-két đã đưa ra 3 luận điểm đầy sức thuyết phục: một là, nhân loại đang đứng trước hiểm họa hạt nhân; hai là, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém; ba là, lời kêu gọi chống nguy cơ hạt nhân, đấu tranh cho hòa bình.

a. Nhân loại đang đứng trước hiểm họa hạt nhân; cái *"nguy cơ ghê gớm đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét"*. Với hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân bố trí khắp hành tinh, mỗi con người đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ. Với số vũ khí hạt nhân ấy có thể hủy diệt 12 lần mọi dấu vết sự sống trên trái đất; có thể *"tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt trời, cộng thêm 4 hành tinh nữa..."* Mác-két ghê tởm lên án nguy cơ hạt nhân là *"dịch hạch hạt nhân"* vì *"cái cảnh tận thế tiềm tàng trong các bệ phóng cái chết"*...

Những con số mà Mác-két đưa ra đã nâng cao nhận thức cho mọi người về nguy cơ chiến tranh hạt nhân, và sự hủy diệt khủng khiếp của vũ khí hạt nhân.

b. Tiếp theo, Mác-két đã chỉ ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém. Đây là những số liệu cụ thể mà tác giả đã đưa ra:

- Chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mĩ và cho dưới 7.000 tên lửa vượt đại châu là 100 tỉ đô-la. Số tiền ấy có thể cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh và tiếp tế thực phẩm, nước uống cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới.

- Giá 10 chiếc tàu sân bay Ni-mít mang vũ khí hạt nhân đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong 14 năm cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em ở châu Phi.

- Số lượng ca-lo trung bình cho 575 triệu người thiếu dinh dưỡng tốn kém không bằng 149 tên lửa MX...; chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền mua nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong 4 năm tới.

- Chỉ cần 2 chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới.

Nhà văn được giải thưởng Nô-ben đã nghiêm khắc cảnh cáo: *"Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí"*, - lí trí con người, cả lí trí tự nhiên. Sự sống trên Trái Đất phải trải qua 380 triệu năm thì con bướm mới biết bay; rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở; trải qua 4 kỉ địa chất (trên dưới 40 triệu năm), con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu. Nhưng chỉ cần *"bấm nút một cái"* là sẽ *"đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm, trở lại điểm xuất phát của nó"*, nghĩa là Trái Đất bị hủy diệt hoàn toàn.

Nghệ thuật lập luận của Mác-két rất sắc bén. Những con số về tiền bạc mà ông nêu lên đã cho thấy ngân sách quân sự, chi phí chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém! Tác giả sử dụng lối biện luận tương phản về thời gian: quá trình hình thành sự sống và văn minh nhân loại phải trải qua hàng triệu triệu năm, còn sự hủy diệt Trái Đất chỉ diễn ra trong nháy mắt, *"chỉ cần bấm nút một cái"* thì tất cả sẽ trở thành tr

ụi - ông đã chỉ cho mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia thấy rõ hiểm họa vũ khí hạt hân, chạy đua vũ trang hạt nhân khủng khiếp như thế nào!

c. Luận điểm thứ 3 là *lời kêu gọi của Mác-két.*

- Ông kêu gọi mọi người *"chống lại việc đó"* - cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân; ãy *"tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí à một cuộc sống hòa bình, công bằng".*

- Ông đề nghị *"mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ, có thể tồn tại được sau tai ọa hạt nhân"* để cho nhân loại tương lai biết rằng *"sự sống đã từng tồn tại"...*, để hân loại tương lai *"biết đến"* những thủ phạm đã *"gây ra những lo sợ, đau khổ"* cho àng tỉ con người, để *"biết đến"* tên những kẻ *"giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn ầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn"...*

Mác-két đã có một cách nói đặc sắc, độc đáo lên án những kẻ hiếu chiến đã và ang gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đe dọa cuộc sống hòa bình yên vui của ác dân tộc và nhân loại.

Văn bản "Đấu tranh cho một thế giới hòa bình" thể hiện trí tuệ và tâm hồn của Ấác-két. Ông đã sáng suốt và tỉnh táo chỉ cho nhân loại thấy rõ nguy cơ hạt nhân là nột hiểm họa đáng sợ- *"dịch hạch hạt nhân".* Tâm hồn của ông cháy bỏng một niềm hao khát hòa bình cho nhân loại.

Mác-két đã có một lối nói, lối viết rất độc đáo. Những số liệu của ông nêu ra có nột sức thuyết phục to lớn, làm cho mọi người, mọi dân tộc nhận thức một cách sâu ắc về sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình là sự sống còn của nhân loại.

BÀI SỐ 58

Đề bài: Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Tuyên bố thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em".

"Tuyên bố thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em" là văn bản rích trong *"Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em"* họp tại Liên hợp quốc ıgày 30.9.1990.

Văn bản được trích lục ở đây gồm có 17 điều:

- Điều 1 và 2 là *lời kêu gọi.*
- 5 điều tiếp theo (3 - 7): *sự thách thức.*
- 2 điều (8 - 9): *cơ hội.*
- 8 điều còn lại (10 - 17): *nhiệm vụ.*

Cấu trúc của văn bản rất chặt chẽ và hợp lí. *Lời kêu gọi mở đầu* hướng về những ıi, và vì đối tượng nào mà ra lời tuyên bố. *Sự thách thức* nói lên thực trạng, tình trạng sống, còn, đau khổ... của trẻ em thế giới. Hai điều cơ hội chỉ ra hoàn cảnh xã hội và ịch sử thuận lợi. Phần *nhiệm vụ* là nội dung chính của bản tuyên bố. Tính pháp lí, tính ộng đồng, tính nhân đạo bao trùm văn bản này.

1. Mở đầu Bản tuyên bố là lời kêu gọi "khẩn thiết" hướng tới *"toàn thể nhân loại"* vì mục đích *"hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn"* (điều 1). Điều 2 nói rõ vì ai, vì đối tượng nào, đối tượng ấy ra sao mà ra lời kêu gọi. Đó là tất cả rẻ em trên thế giới, một lớp người *"đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc".* Lớp người nhỏ tuổi ấy cần *"phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được*

chơi, được học và phát triển". Hòa bình, ấm no, hạnh phúc là điều kiện, là nhu cầu sống của trẻ em. Tính cộng đồng (rộng lớn), tính nhân đạo được thể hiện rất rõ và vô cùng sâu sắc.

2. Năm điều tiếp theo nói về sự thách thức, phản ánh thực trạng, điều kiện sống của tuổi thơ trên thế giới. Vô số trẻ em phải chịu bao nhiêu *"nỗi bất hạnh"*, là *"nạn nhân"* của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài. Có những cháu chịu cảnh tị nạn, tàn tật... bị *"đối xử tàn nhẫn và bóc lột"* (điều 4).

Có hàng triệu trẻ em ở các nước đang phát triển, chậm phát triển sống trong đói nghèo, vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. Nguyên nhân chính là do *"tác động nặng nề của nợ nước ngoài"*, hoặc tình hình kinh tế *"không có khả năng tăng trưởng"* (điều 5).

Điều 6 nêu lên những số liệu đáng sợ: mỗi ngày trên thế giới có 40.000 trẻ em chết vì suy dinh dưỡng, bệnh tật, hội chứng AIDS, hoặc do điều kiện sống: thiếu nước sạch, thiếu vệ sinh, và do tác động của vấn đề ma túy (điều 6).

Văn bản không chỉ nêu lên thực trạng của trẻ em thế giới, mà còn nói lên nguyên nhân. Nhưng không hề đụng chạm tới quốc gia nào. Đó là tính pháp lí thể hiện một cách viết sâu sắc, tế nhị.

3. Phần cơ hội chỉ có 2 điều. Sự liên kết của các nước và *"công ước về quyền của trẻ em"* đã tạo ra cơ hội mới để cho *quyền* và *phúc lợi* trẻ em *"được sự tôn trọng"* ở khắp nơi trên thế giới. (điều 8).

Bầu không khí chính trị quốc tế được *"cải thiện"* (cuộc chiến tranh lạnh được phá bỏ), sự hợp tác và đoàn kết quốc tế (khôi phục và phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường...), giải trừ quân bị, tăng cường phúc lợi trẻ em (điều 9).

Những cơ hội ấy đã được tận dụng trong 15 năm qua, làm cho sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em trên nhiều khu vực, nhiều quốc gia thu được nhiều thành tựu tốt đẹp.

4. Phần nhiệm vụ có 8 điều (10 - 17).

- Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng của trẻ em; cứu vãn sinh mệnh trẻ em, giảm tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh (điều 10).

- Chăm sóc nhiều hơn đối với trẻ em bị tàn tật và có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn. (Liên hệ: hàng chục vạn trẻ em ở nước ta bị chất độc màu da cam trong chiến tranh,..). (điều 11).

- Tăng cường vai trò của phụ nữ, đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ vì lợi ích của trẻ em toàn cầu; các em gái cần được đối xử bình đẳng (điều 12).

- Bảo đảm cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở (điều 13).

- Bảo đảm an toàn cho phụ nữ khi mang thai và sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình để trẻ em lớn khôn và phát triển (điều 14).

- Cần tạo cho trẻ em một môi trường sống, một xã hội tự do để trẻ em có nơi nương tựa an toàn, được khuyến khích tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội (điều 15).

- Khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở tất cả các nước; tìm ra giải pháp *"nhanh chóng, rộng lớn và lâu bền"* cho vấn đề nợ nước ngoài (điều 16).

- Điều 17 chỉ ra điều kiện để thực hiện *những nhiệm vụ* đã nêu ra cần *"những nỗ lực liên tục"*, *"sự phối hợp trong hành động"* của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế.

Đọc văn bản *"Tuyên bố thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em"* chúng ta mới cảm thấy ý nghĩa sâu xa của vấn đề nuôi dưỡng, dạy dỗ, chăm sóc trẻ em là một sự nghiệp vô cùng to lớn đối với mỗi dân tộc, mỗi quốc gia và toàn thế giới. *"Trẻ em là tương lai của Tổ quốc","Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai"*, những câu khẩu hiệu ấy trở nên thân thiết với mọi người.

Trong điều kiện được xã hội quan tâm săn sóc, mỗi thiếu niên nhi đồng trên mọi miền đất nước ta phải phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi.

BÀI SỐ 59

Đề bài: Tóm tắt tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ

Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương xinh đẹp, nết na. Trương Sinh cùng làng, mến vì dung hạnh, xin mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Biết tính chồng đa nghi, nàng giữ gìn khuôn phép không để xảy ra thất hòa.

Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải tòng quân đi đánh giặc Chiêm. Trong buổi tiễn đưa, Vũ Nương rót chén rượu đầy đưa cho chồng và nói chỉ mong ngày chồng trở về mang theo hai chữ bình yên.

Chồng ra lính được một tuần thì Vũ Nương sinh được đứa con trai đặt tên là Đản. Nửa năm đã trôi qua, bà mẹ chồng già yếu, buồn lo rồi đau ốm. Nàng hết lòng săn sóc cơm cháo thuốc thang, ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Bệnh mỗi ngày một nặng, mẹ chồng qua đời, nàng vô cùng thương xót, mọi việc ma chay tế lễ, nàng lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

Qua năm sau giặc tan, Trương Sinh được trở lại nhà, con vừa học nói. Chàng bế con đi thăm mồ mẹ, đứa trẻ không chịu và quấy khóc. Nghe Sinh dỗ dành, con ngây thơ nói: *"Thế ra ông cũng là cha tôi ư ? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít"*. Nghe Sinh gạn hỏi, đứa bé lại nói: *"Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả"*.

Vốn có tính ghen, nghe con nói, Trương Sinh đinh ninh là vợ hư. Chàng la um lên cho hả giận. Vợ khóc lóc phân trần, chàng càng mắng nhiếc đánh đuổi đi. Trước cảnh bình rơi trâm gãy, Vũ Nương tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than, mong thần sông linh thiêng chứng giám. Nàng nguyền, nếu đoan trang, trinh bạch xin được ngọc Mị Nương, làm cỏ Ngu Mĩ; nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con thì xin làm mồi cho tôm cá, làm cơm cho diều quạ...

Vũ Nương nhảy xuống sông tự tử. Chẳng bao lâu sau, một đêm vắng vẻ, ngồi dưới đèn khuya, bỗng đứa con chỉ chiếc bóng in lên vách mà nói rằng: *"Cha Đản lại đến kia kìa !"*. Lúc bấy giờ Trương Sinh mới thấu nỗi oan của vợ.

Lại nói chuyện Phan Lang người cùng làng, làm đầu mục ở bến đò Hoàng Giang. Một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, có người phường chài đem biếu một con rùa mai xanh; Phan chợt nghĩ đến chuyện mộng bèn đem thả con rùa ấy. Chẳng bao lâu sau, dưới thời Khai Đại nhà Hồ, giặc Minh sang cướp nước ta. Nhiều người sợ hãi chạy trốn, thuyền bè bị đắm, chết đuối đầy sông, trong đó có Phan Lang, xác dạt vào động Rùa ở hải đảo. Linh Phi là vợ vua Nam Hải chợt nhìn thấy, bèn nói: *"Đây là vị ân nhân cứu sống ta thuở xưa"*. Linh Phi lấy khăn dấu mà lau, thuốc thần mà đổ, một chốc sau Phan Lang hồi sinh.

Linh Phi rước Phan Lang vào cung nước, mở tiệc lớn ở gác Triêu Dương để đãi ân nhân. Trong bữa tiệc có nhiều mĩ nhân, áo quần thướt tha, tóc búi xế, trong đó có một người chỉ điểm qua son phấn rất giống Vũ Nương. Tiệc xong, người đàn bà ấy đến gặp Phan Lang. Vũ Nương nói lại tình cảnh mình được các nàng tiên trong cung nước thương tình mà cứu sống. Nghe Phan nhắc lại cố hương, mồ mả tiền nhân,... Vũ Nương khóc...

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng 10 hạt minh châu, sai sứ Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương cũng gửi Phan chiếc hoa vàng đưa về cho Trương Sinh và dặn lập đàn giải oan, đốt cây đèn thần trên bến Hoàng Giang thì nàng sẽ trở về.

Nhận được chiếc hoa vàng, Trương Sinh thốt lên: *"Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi..."*. Sinh làm đàn tràng, đốt cây đèn thần ba ngày đêm trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương đã hiện về, ngồi trên một chiếc kiệu hoa, theo sau có 50 chiếc xe cờ tán võng lọng rực rỡ đầy sông. "Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân *gian được nữa..."* tiếng Vũ Nương vọng vào, bóng nàng loang loáng mờ dần rồi biến mất.

BÀI SỐ 60

Đề bài: Cảm nhận của em về tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ

Nguyễn Dữ là nhà văn lỗi lạc của đất nước ta trong thế kỷ 16, vốn là học trò giỏi của Trạng Trình - Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ngoài thơ, ông còn để lại tập văn xuôi viết bằng chữ Hán, gồm có 20 truyện ghi chép những mẩu chuyện hoang đường lưu truyền trong dân gian; cuối mỗi truyện thường có lời bình của tác giả. Đằng sau mỗi câu chuyện thần kỳ, *"Truyền kì mạn lục"* chứa đựng nội dung phê phán những hiện thực xã hội đương thời được nhìn dưới con mắt nhân đạo của tác giả.

"Chuyện người con gái Nam Xương" trích trong *"Truyền kì mạn lục"* ghi lại cuộc đời thảm thương của Vũ Nương, quê ở Nam Xương thuộc tỉnh Nam Hà ngày nay.

1. Vũ Nương là một người đàn bà nhan sắc và đức hạnh *"có tư dung tốt đẹp"* tính tình *"thuỳ mị nết na"*. Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng cưới nàng về, sum họp gia thất. Thời buổi chiến tranh loạn lạc, chồng phải đi lính đánh giặc Chiêm, Vũ Nương ở nhà lo bề gia thất. Phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy con trẻ, đạo dâu con nghĩa vợ chồng, tình mẹ con, nàng giữ trọn vẹn, chu tất. Khi mẹ chồng già yếu qua đời, một mình nàng lo việc tang ma, phận dâu con giữ tròn đạo hiếu. Có thể nói Vũ Nương là một người đàn bà có phẩm chất tốt đẹp, đáng được trân trọng ngợi ca. Ước mơ của nàng rất bình dị. Tiễn chồng ra trận, nàng không hề mơ tưởng *"đeo ấn phong hầu"*, chỉ mong ngày đoàn tụ, chồng trở về *"được hai chữ bình yên"*.

2. Cũng như số đông người phụ nữ ngày xưa, cuộc đời của Vũ Nương là những trang buồn đầy nước mắt. Năm tháng trôi qua, giặc tan, Trương Sinh trở về, con thơ vừa học nói. Tưởng rằng hạnh phúc sẽ mỉm cười với đôi vợ chồng trẻ. Nhưng rồi chuyện *"cái bóng"* từ miệng đứa con thơ đã làm cho Trương Sinh ngờ vực, *"đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được"*. Vốn tính hay ghen, lại gia trưởng, vũ phu, ít được học hành, Trương Sinh đã đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã *"mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi"*. Vợ phân trần, không tin; hàng xóm khuyên can cũng chẳng ăn thua gì cả! Chính vì chồng và con - những người thân yêu nhất của Vũ Nương đã xô đẩy nàng đến bên bờ vực thẳm. Thời chiến tranh loạn lạc, nàng đã trải qua những năm tháng cô đơn, giờ đây đứng trước nỗi oan, nàng chỉ biết nuốt nước mắt vào lòng...Vũ Nương chỉ có một con đường

ể bảo toàn danh tiết: nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tử để làm sáng ngời *"ngọc Mị ương"*, toả hương *"cỏ Ngu Mĩ"*.

Vũ Nương tuy không phải *"làm mồi cho tôm cá"*, được các nàng tiên trong thủy ung của Linh Phi cứu thoát. Thế nhưng, hạnh phúc của nàng ở trần thế bị tan vỡ, *"trâm ãy bình rơi"*. Nàng tuy được hầu hạ Linh Phi, nhưng quyền làm mẹ, làm vợ của nàng ính viễn không còn nữa. Đó là nỗi đau đớn nhất của một người phụ nữ. Gần ngàn năm đã ôi qua, miếu vợ chàng Trương vẫn còn đó, đêm ngày *"nghi ngút đầu ghềnh toả khói ương"* (Lê Thánh Tông), nhưng lời nguyền về cái chết của Vũ Nương vẫn còn để lại hiều ám ảnh, nỗi xót thương trong lòng người. Nguyễn Dữ đã ghi lại câu chuyện cảm ộng thương tâm này với tất cả tấm lòng nhân đạo. Cái chết đau thương của Vũ Nương òn có giá trị tố cáo hiện thực sâu sắc. Nó lên án chiến tranh phong kiến đã làm cho lứa ôi phải ly biệt, người vợ trẻ sống vất vả, cô đơn; lên án lễ giáo phong kiến khắt khe với tệ ia trưởng độc đoán, gây nên bi kịch gia đình, làm tan vỡ hạnh phúc. Vì lẽ đó mà *"Chuyện người con gái Nam Xương"* có giá trị nhân bản sâu sắc.

3. Phần hai của truyện đầy ắp những tình tiết hoang đường: Phan Lang nằm ộng rồi có người đem biếu con rùa xanh; Phan Lang chạy giặc, bị chết đuối, được inh Phi cứu sống đặng trả ơn; Phan Lang gặp người làng là Vũ Nương trong bữa tiệc ơi cung Thuỷ tinh; Vũ Nương gửi đôi hoa vàng về cho chồng. Trương Sinh lập đàn àng trên bến Hoàng Giang, đợi gặp vợ, nhưng chỉ thấy bóng Vũ Nương với năm ươi chiếc xe cờ tán, võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện, v.v...

Chi tiết Trương Sinh gọi vợ, rồi chỉ nghe tiếng nói ở giữa sông vọng vào: *"Đa tạ ình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa"* - đó là một chi tiết, một câu nói ô cùng xót xa, đau đớn. Hạnh phúc bị tan vỡ khó mà hàn gắn được vì hai cõi âm - dương ì một khoảng trống vắng mênh mông, mù mịt. Trương Sinh ân hận vì mình nông nổi, vũ hu mà vợ chết oan, bé Đản mãi mãi mồ côi mẹ... Qua đó, ta thấy đằng sau cái vỏ hoang ường, câu chuyện về cái chết của Vũ Nương thấm đẫm tình cảm nhân đạo.

Nguyễn Dữ là một trong những cây bút mở đầu nền văn xuôi dân tộc viết bằng hữ Hán. Ông đã đi tiếp con đường của thầy mình: treo ấn từ quan, lui về quê nhà *"đóng cửa, viết sách"*. Ông là nhà văn giàu tình thương yêu con người, trân trọng nền ăn hoá dân tộc.

"Truyền kì mạn lục" là kiệt tác của nền văn học cổ Việt Nam, xứng đáng là *"thiên cổ kỳ bút"*. Người đọc mãi mãi thương cảm Vũ Nương, thương cảm những gười phụ nữ tài hoa bạc mệnh. *"Chuyện người con gái Nam Xương"* tố cáo hiện thực ã hội phong kiến Việt Nam trong thế kỷ 16, nêu bật thân phận và nỗi đau bất hạnh ủa người phụ nữ trong bi kịch gia đình.

Gần 500 năm sau, *"Chuyện người con gái Nam Xương"* mà nỗi xót thương đối ới số phận bi thảm người vợ, người mẹ như được nhân lên nhiều lần khi ta đọc bài hơ *"Miếu vợ chàng Trương"* của vua Lê Thánh Tông:

"Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Bóng đèn dầu nhẫn đừng nghe trẻ,
Cung nước chi cho lụy đến nàng.
Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt
Giải oan chẳng lọ mấy đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng".

BÀI SỐ 61

Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Dữ và tác phẩm "Truyền kì mạn lục".

1. Tác giả và tác phẩm

Nguyễn Dữ là nhà văn, nhà thơ sống trong thế kỉ XVI, không rõ năm sinh năm mất. Ông là con cả tiến sĩ Nguyễn Đình Phiêu ở Thanh Miện, Hải Dương.

Sau khi đỗ Hương cống (Cử nhân), ra làm quan được độ một năm, ông xin về quê, phụng dưỡng mẹ già, đóng cửa đọc sách, viết văn làm thơ. Ông còn để lại một số ít thơ và cuốn *"Truyền kì mạn lục"*, tất cả đều viết bằng chữ Hán.

2. Bố cục

Bố cục có thể chia làm 3 phần:

a. Phần thứ nhất: (từ đầu cho đến *"nhưng việc trót đã qua rồi !")*: giới thiệu về nhan sắc và những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương trong những năm tháng chàng Sinh ra trận (tiễn chồng, nhớ chồng, nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng). Chàng Sinh trở về chỉ vì chuyện chiếc bóng mà đánh đuổi vợ đi. Vũ Nương phải tự tử. Chẳng bao lâu sau, chàng Sinh tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ.

b. Phần thứ hai: (từ *"cùng làng với nàng"* đến *"đốt cây đèn thần chiếu xuống nước tôi sẽ trở về"*): Phan Lang và Vũ Nương gặp nhau trong bữa tiệc tại gác Triêu Dương của Linh Phi - vợ vua biển Nam Hải. Vũ Nương đã nhờ Phan Lang đem về cho chàng Trương một chiếc hoa vàng với lời dặn xin lập đàn tràng giải oan...

c. Phần thứ ba (phần còn lại): Trương Sinh nhận chiếc hoa vàng của vợ... rồi lập đàn tràng 3 ngày đêm ở bến Hoàng Giang.

3. Chủ đề

"Chuyện người con gái Nam Xương" nói lên sự xót thương đối với người phụ nữ tài sắc, đức hạnh mà chết oan trong bi kịch gia đình, giữa thời chiến tranh loạn lạc.

BÀI SỐ 62

Đề bài: Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ và nói lên cảm nghĩ của em.

"Chuyện người con gái Nam Xương" rút trong tác phẩm *"Truyền kì mạn lục"*, áng văn xuôi viết bằng chữ Hán của Nguyễn Dữ trong thế kỉ 16, một kiệt tác văn chương cổ được ca ngợi là *"thiên cổ kì bút"*.

Truyện kể lại một câu chuyện truyền kì có nhiều yếu tố hoang đường lưu truyền trong dân gian về bi kịch gia đình ở Nam Xương có dòng sông Hoàng Giang vào cuối thế kỉ 14, đầu thế kỉ 15, một thời loạn lạc, đầy biến động.

Nhân vật Vũ Nương là người con gái bạc mệnh đáng thương đó có bao phẩm chất tốt đẹp tiêu biểu cho đức hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa.

1. Tên của nàng là Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương, thuộc phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam ngày nay. Xuất thân trong một gia đình *"kẻ khó"*, nhưng Vũ Nương vừa có nhan sắc vừa có đức hạnh: *"tính đã thùy mị, nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp"*. Nàng là một cô gái danh giá nên Trương Sinh, con nhà hào phú *"mến vì dung hạnh"* đã xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Trong đạo vợ chồng, Vũ Nương là một người phụ nữ thông minh, đôn hậu, biết chồng có tính *"đa nghi"*, nàng đã *"giữ gìn khuôn phép"* không để xảy ra cảnh vợ chồng phải *"thất hòa"*.

Sống giữa thời loạn lạc, Trương Sinh phải tòng quân đi chinh chiến ở biên ải xa xôi. Buổi tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy chúc chồng *"được hai chữ bình yên"*; nàng chẳng mong được deo ấn phong hầu mặc áo gấm trở về quê cũ... Ước mong của nàng thật bình dị, vì nàng đã coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi công danh phù phiếm ở đời. Những năm tháng xa cách, Vũ Nương thương nhớ chồng khôn xiết kể: *"... mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được"*.

Tâm trạng nhớ thương dau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

... "Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong..."

(*Chinh phụ ngâm*)

Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

Vũ Nương là một phụ nữ đảm đang, giàu tình thương. Chồng ra trận mới được một tuần thì nàng sinh ra một đứa con trai đặt tên là Đản. Mẹ chồng già yếu, ốm đau, nàng *"hết sức thuốc thang"*, *"ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn"*. Vừa phụng dưỡng mẹ già, vừa chăm sóc nuôi dạy con thơ. Lúc mẹ chồng qua đời, nàng đã *"hết lời thương xót"*, việc ma chay tế lễ được lo liệu, tổ chức rất chu đáo *"như đối với cha mẹ đẻ mình"*. Qua đó, ta thấy trong Vũ Nương cùng xuất hiện 3 con người tốt đẹp: *nàng dâu hiếu thảo, người vợ đảm đang thủy chung, người mẹ hiền đôn hậu*. Đó là hình ảnh người phụ nữ lí tưởng trong xã hội phong kiến ngày xưa.

2. Qua năm sau, *"việc quân kết thúc"*, Trương Sinh từ miền xa chinh chiến trở về. Thế nhưng, Vũ Nương không được hưởng hạnh phúc trong cảnh vợ chồng sum họp. Chỉ vì chuyện chiếc bóng qua miệng đứa con thơ mới tập nói, mà Trương Sinh *"đinh ninh là vợ hư"*, dã *"mắng nhiếc"* và *"đánh đuổi đi"*. Vốn là một kẻ vô học lại hồ đồ vũ phu, Trương Sinh đã bỏ ngoài tai mọi lời *"bày tỏ"* của vợ, mọi sự *"biện bạch"* của họ hàng làng xóm. Vũ Nương đã bị chồng đẩy vào bi kịch, bị vu oan là người vợ *"mất nết hư thân"*. Vũ Nương phải nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tử để tỏ rõ là người phụ nữ *"đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng"*, mãi mãi soi tỏ với đời *"vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin là cỏ Ngu Mĩ"*. Bi kịch Vũ Nương là bi kịch gia đình từ chuyện chồng con, nhưng nguyên nhân sâu xa là do chiến tranh loạn lạc đã gây nên. Chỉ một thời gian ngắn, sau khi Vũ Nương tự tử, một đêm khuya dưới ngọn đèn, chợt đứa con nói rằng: *"Cha Đản lại đến kia kìa !"*. Lúc bấy giờ Trương Sinh *"mới tỉnh ngộ thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi !"*. Người đọc xưa nay cũng chỉ biết thở dài, cùng Nguyễn Dữ xót thương cho người con gái Nam Xương và bao phụ nữ bạc mệnh khác trong cõi đời. Vũ Nương tự tử, nàng cũng chẳng cần chồng con *"rảy xin chén nước cho người thác oan"* (Truyện Kiều).

3. Phần cuối truyện đậm dặc tính chất hoang đường. Nào là Phan Lang nằm mộng thấy người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Phan Lang được biếu một con rùa mai xanh nhưng không giết thịt mà đem thả con rùa xuống sông. Nào là Phan Lang bị chết đuối, xác giạt vào động rùa ở hải đảo. Linh Phi vợ vua biển Nam Hải lấy khăn đấu mà lau, thuốc thần mà đổ, Phan Lang sống lại. Linh Phi mở tiệc ở gác Triêu Dương để thết đãi Phan Lang, ân nhân cứu sống mình ngày xưa. Tình tiết Phan Lang gặp Vũ Nương tại bữa tiệc của Linh Phi, Vũ Nương khóc khi nghe Phan Lang nhắc lại nhà cửa, phần mộ của tiền nhân. Tình tiết Vũ Nương gửi Phan Lang chiếc hoa tai vàng

về và dặn chồng lập đàn tràng ở bến Hoàng Giang. Hình ảnh Vũ Nương ngồi kiệu hoa, phía sau có năm mươi chiếc xe cờ tán võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện... là những chi tiết hoang đường, nhưng đã tô đậm nỗi đau của người phụ nữ *"bạc mệnh... duyên phận hẩm hiu"*, và có giá trị tố cáo lễ giáo phong kiến vô nhân đạo. Câu nói của ma Vũ Nương giữa dòng sông vọng vào: *"Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa"* đã làm cho giá trị nhân đạo của truyện thêm phần bi thiết. Nỗi oan tình của Vũ Nương đã được minh oan và giải tỏa, nhưng âm - dương đã đôi đường cách trở, nàng chẳng thể trở lại dương gian, chẳng bao giờ còn được làm vợ, làm mẹ nữa. Bé Đản mãi mãi là đứa con mồ côi mẹ.

Tóm lại, Vũ Nương là một người con gái dung hạnh mà bạc mệnh. Nguyễn Dữ đã kể lại cuộc đời oan khổ của nàng với bao tình xót thương sâu sắc. Tuy mang yếu tố hoang đường, nhưng áng văn *"Chuyện người con gái Nam Xương"* giàu giá trị nhân đạo. Nhân vật Vũ Nương là một điển hình cho bi kịch của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Người đọc càng thêm xúc động khi nhớ lại vần thơ của vua Lê Thánh Tông trong bài *"Lại bài viếng Vũ Thị"*:

... "Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt,
Giải oan chẳng lọ mấy đàn tràng..."

BÀI SỐ 63

Đề bài: Phân tích tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" trong "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ.

Nguyễn Dữ, một học trò giỏi của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Thành tài, đỗ đạt, ông ra làm quan. Một năm sau, vì chán cảnh triều đình thối nát, ông đã lấy cớ phải nuôi mẹ già mà xin từ quan. Trong những ngày sống *"cảnh điền viên vui thú nguyệt"*, ông viết *"Truyền kỳ mạn lục"*, một tác phẩm văn xuôi đầu tiên của văn học cổ Việt Nam gồm những truyện có những chi tiết li kì, phần lớn ca ngợi phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam phải sống trong khuôn mẫu *"tam tòng, tứ đức"* của đạo đức phong kiến, mà *"Chuyện người con gái Nam Xương"* là một.

Truyện kể lại Vũ Thị Thiết vâng lời cha mẹ làm vợ Trương Sinh, một người kém học, đất nước gặp cảnh đao binh nên Trương Sinh phải ra trận. Một tuần sau, Vũ Nương sinh con đầu lòng. Một mình chị chăm lo mẹ chồng; lo tang ma khi mẹ chồng chết, nuôi dạy con và lo công việc đồng áng. Giặc tan, Trương Sinh về, nghe lời con mà nghi ngờ lòng chung thuỷ của vợ. Vũ Nương không minh oan được nên đành trầm mình. Nàng được hoàng hậu ở động Rùa giúp đỡ. Sau đó, nàng gặp Phan Lang, người hàng xóm đã cứu hoàng hậu ở động Rùa. Phan Lang về kể lại cho Trương Sinh nghe. Trương Sinh hối cải lập đàn cầu xin theo lời của nàng. Nàng hiện lên gặp chồng con nhưng lại quay về sống ở động Rùa vì hai người ở hai thế giới khác biệt.

Cũng như truyện cổ, những pho truyện của Trung Hoa có ảnh hưởng nhiều đến nhà Nho đương thời (thế kỉ XVI). *"Thiếu phụ Nam Xương"* cũ có hai tuyến nhân vật, có những hoàn cảnh điển hình, có người giàu kẻ nghèo ở trong xã hội đang thời loạn lạc, nhiễu nhương. Nhưng dữ sống trong hoàn cảnh nào thì người tốt vẫn không hề thay đổi bản chất của mình, mà Vũ Thị Thiết là nhân vật tiêu biểu. Vũ Nương nhà nghèo nhưng *"tư dung tốt đẹp"*, *"thuỳ mị, nết na"*. Thời phong kiến, con gái *"tại gia tòng phụ"* để có *"công, dung, ngôn, hạnh"*: Vũ Nương được như thế chứng tỏ nàng có sắc đẹp (dung) trời cho nhưng *"thuỳ mị, nết na"* thì ắt là do sự giáo dục của gia đình.

Nàng nghèo nhưng không mất nệ nếp gia phong. Trái lại "*Trương Sinh tuy con nh hào phú nhưng không có học ...*". Một loạt các nhân vật tốt xuất thân từ những hoà cảnh sống khác nhau như mẹ chồng, người láng giềng Phan Lang, hoàng hậu độn Rùa Linh Phi ... đủ chứng tỏ giàu nghèo tuy có ảnh hưởng đến hình thức sống như khó thay đổi được bản chất của họ.

"*Nam Xương từ nữ truyện*" không chỉ giới thiệu những nhân vật tốt, xấu ấy n còn thông qua họ, Nguyễn Dữ muốn đề cao sự chung thuỷ và lòng bao dung lu được nhân vật này thể hiện trong từng lời nói đến từng sự việc. Vâng lời cha mẹ ch lấy Trương Sinh làm chồng, nàng đã trước sau như muốn làm người con hiếu thả Không chỉ hiếu thảo với cha mẹ ruột, Vũ Nương còn hiếu thảo với mẹ chồng. Nà một mình đã lo toan đỡ đần mẹ chồng lúc ốm đau, rồi mẹ chồng chết lại lo chôn c Người phụ nữ có con mọn như nàng mà vẫn chu toàn những công việc nặng nhọc thay chồng mà không tiếng kêu than thì quả thật là hiếm có. Mẹ chết, một mình ở v nuôi con chờ ngày chồng trở về thì bảo nàng không chung thuỷ sao cho được?! Chồ với vợ như bóng với hình, nàng đã mượn chiếc bóng của mình để an ủi con, muốn đ con nhỏ dại luôn nghĩ rằng mình cũng là đứa trẻ có cha. Khi bị Trương Sinh nghi ng nàng đã bao lần hỏi rõ dù bị dằn vặt, chửi mắng, đánh đập. Nàng đã từng tâm sự v chồng: "*Thiếp vốn con nhà khó, được nương tựa nhà giàu ... Đâu có hư thân như l chàng nói*". Khi nhận thấy không thể nào xoá tan được mối nghi ngờ nhục nhã, l thấp phẩm giá một cách oan khốc, nàng đã quyết định tự trầm mình, mượn dòng nư trong rửa sạch những oan khiên. Xét cho cùng, kiên quyết bảo toàn danh dự của c người cũng là lòng chung thuỷ sắt son! Lại nữa, khi gặp được Phan Lang, người hà xóm tốt bụng ở động Rùa, Vũ Nương vẫn không quên chồng khi nàng tâm sự cù Phan Lang và nhờ Phan Lang về nói lại với Trương Sinh yêu cầu của nàng, điều vừa thể hiện sự chung thuỷ, vừa tỏ ra bao dung đối với Trượng Sinh.

Cả đến Phan Lang, hoàng hậu Linh Phi cũng đều là những người có lòng b dung, chung thuỷ. Chỉ riêng có Trương Sinh là có lòng ích kỉ, hẹp hòi, tối đa vì th nhỏ không lo chuyện sách đèn. Chỉ cần nghĩ đến công lao của vợ lúc chàng đang ngoài mặt trận, chỉ cần sống gần gũi với láng giềng, chỉ cần có niềm tin vào lờ chung thuỷ của vợ thì nghi vấn xuất phát từ lời nói của con thơ "*Trước đây, thường một người đàn ông, đêm nào cũng...*" đã được giải bày để rồi vợ chồng lại sống tro cảnh đầm ấm, thương yêu.

Một nội dung khác thật rõ ràng trong chuyện là ân oán phân minh. Vũ Nương người phụ nữ, có lẽ mang đặc tính ấy trong cuộc sống. Vì lẽ đó, khi nàng không còn kiên nhẫn chờ đợi chồng biểu lộ ấy thì nàng tự biểu lộ. Cái chết của nàng hàm chứa nghĩa ấy, làm cho Trương Sinh phải nhận ra ân tình nàng đã mang đến cho chàng và n oan khiên mà nàng phải chịu. Trường hợp giữa hoàng hậu Linh Phi và Phan Lang cũ vậy. Hoàng hậu đã được Phan Lang cứu nên khi Phan Lang gặp nạn khi lên thuyền ra bi tránh sự truy đuổi của quân giặc thì đã được Linh Phi hết lòng cứu chữa, lại thết tiệc đ tặng thêm ngọc ngà ... trước khi tiễn chân chàng trở về làng quê.

Như thế, ngay truyện ngắn thuộc văn viết, dù là chữ Hán trong buổi sơ kh cũng đang mang hoàn cảnh điển hình, con người điển hình của đời thường vào t phẩm; cũng có đầy đủ người giàu, kẻ nghèo, hỉ - nộ - ái - ố với kết thúc có hậu ở n dung là ở hiền gặp lành.

Truyện có rất nhiều chi tiết nhưng được liên kết bởi quan hệ nhân quả nên kết cấu khá chặt chẽ. Mở đầu truyện, Nguyễn Dữ đã khéo léo giới thiệu Vũ Thị Thi

và Trương Sinh, hai nhân vật chính có hoàn cảnh, tính cách trái ngược nhau để làm cơ sở cho việc khai thác nhân vật sau này. Tính tình, hoàn cảnh sống trái ngược nhau nhưng lại nên vợ nên chồng chỉ vì vâng lời cha mẹ. Quan hệ nhân quả thể hiện từ đầu. Từ đó, chuỗi quan hệ nhân quả của hai nhân vật diễn ra một cách tự nhiên, hợp lý. Vì nước có loạn binh đao nên chàng mới ra trận. Vì chàng vào nơi gió cát nên nàng phải nặng gánh giang san nhà chồng. Vì con thơ hỏi đến cha nên mẹ đã mượn cái bóng của mình thay thế cho con đỡ hổ thẹn với bạn bè. Vì nghe lời con trẻ nên Trương Sinh mới nghi ngờ vợ ... Chuỗi nguyên nhân và kết quả đầy kịch tính ấy đã dẫn đến đỉnh điểm là Vũ Nương quyết định trầm mình. Nếu chuyện kết thúc ở đây thì quả là bi dát, không có hậu. Có lẽ vì thế mà những chi tiết thần kỳ được thêm vào. Ấy là Phan Lang nằm mơ thấy con rùa xanh kêu cứu. Rồi Phan Lang nhớ lại và thả rùa để rồi sau đó là được rùa cứu mạng trả ân và gặp Vũ Nương ở động Rùa. Những chi tiết thần kỳ ấy ở vào thời buổi mà vua quan, thần dân đều tin vào sự hiện hữu của Trời, Thần, Quỷ, Ma... giống như trong những truyện cổ thì cũng là điều không mấy ngạc nhiên. Có những chi tiết đó, Vũ Nương mới gặp được chồng để giải mối oan khiên, nhục nhã nhất của đời làm vợ. Và dù ra đời sau "*Hịch tướng sĩ*" của Trần Quốc Tuấn ba thế kỷ, "*Nam Xương từ nữ truyện*" vẫn còn những câu văn biền ngẫu cổ xưa.

Dù có những hạn chế ấy nhưng truyện "*Người con gái Nam Xương*" không những có giá trị đạo lý, lịch sử (phản ánh sự rối ren của xã hội phong kiến) mà còn có giá trị nghệ thuật xây dựng truyện.

Cho tới nay, "*Người con gái Nam Xương*" vẫn còn lôi cuốn người đọc. Giữa xã hội nam nữ bình quyền thì nó là cột mốc để so sánh vai trò của người phụ nữ trong văn học xưa và nay. Giữa xã hội suy đồi về đạo đức, nhất là với nữ giới thì nội dung truyện là một bài học đạo đức truyền thống tốt.

Nguyễn Hữu Quang

BÀI SỐ 64

Đề bài: Giới thiệu một vài nét về Phạm Đình Hổ và tác phẩm "Vũ trung tuỳ bút".

Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) tự là Tùng Niên, hiệu là Đan Sơn, quê ở làng Đan Loan, phủ Thượng Hồng, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Ông xuất thân trong một gia đình quan lại cuối thời Lê - Trịnh.

Ông sinh ra và lớn lên tại Kinh thành Thăng Long, rất hào hoa và nuôi mộng văn chương từ thời thơ ấu. Khi bà bảo mẫu hỏi về chí hướng mai sau, ông đã nói: "*Làm trai thì phải lập thân hành đạo, đó là phận sự, không phải nói chi nữa. Nếu sau này trưởng thành mà được lấy thơ văn nổi tiếng ở đời cho người ta biết là con cháu nhà ấy, nhà nọ, chí tôi chỉ muốn như thế mà thôi*". (Tự thuật)

Từ 11-20 tuổi, ông liên tiếp gánh chịu 4 cái tang (cha, 2 anh, mẹ), cảnh gia đình ngày thêm sa sút, khó khăn, may được bạn bè an ủi giúp đỡ. Tuy chỉ đỗ sinh đồ nhưng ông rất tài giỏi. Năm 1821, vua Minh Mệnh mời ông ra làm quan, chỉ trong một thời gian ngắn được thăng đến chức Tế tửu Quốc tử giám (Giám đốc Trường Quốc tử giám).

Ông để lại nhiều văn thơ viết bằng chữ Hán có giá trị lịch sử, xã hội và văn học. Tiêu biểu nhất là hai tác phẩm: "*Vũ trung tùy bút*" và "*Tang thương ngẫu lục*" (cuốn sau viết chung với Nguyễn Án). Phạm Đình Hổ là một cây bút văn xuôi chữ Hán thời trung đại có tác phẩm được giảng dạy trong trường phổ thông.

BÀI SỐ 65

***Đề bài:** Phát biểu cảm nghĩ của em về tác phẩm "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" qua tác phẩm "Vũ trung tuỳ bút" của Phạm Đình Hổ.*

Nhắc tới Phạm Đình Hổ (1768-1839), người đời nhớ tới tác phẩm *"Vũ trung tùy bút"* của ông. Một bút pháp nghệ thuật tinh tế, tài hoa, một phong thái thư nhàn tao nhã, ông tiêu biểu cho cốt cách kẻ sĩ Bắc Hà cuối thời Lê-Trịnh và thời kì đầu nhà Nguyễn.

"Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh" là một trang tùy bút đặc sắc, rút trong *"Vũ trung tùy bút"* của Phạm Đình Hổ.

Tùy hứng mà viết, tùy bút mà viết, cảm hứng dào dạt, dâng trào. Cảnh ăn chơi xa hoa của Chúa Trịnh Sâm, cảnh bán hàng của bọn nội thần nội thị, cảnh tấu nhạc của bọn nhạc công cung đình tại chùa Trấn Quốc nơi Hồ Tây giữa thế kỉ XVIII, sự nhũng nhiễu của bọn hoạn quan khắp chốn dân gian... đã được tác giả *"Vũ trung tùy bút"* chấm phá qua một vài nét, thế mà ta chỉ đọc qua một lần là có thể nhớ mãi.

"Chuyện cũ..." đã xảy ra vào hai năm Giáp Ngọ - Ất Mùi (1774-1775), đó là lúc Đàng Ngoài *"vô sự"*, là những năm tháng hoàng kim của Thịnh Vương (Trịnh Sâm); khi mà người ngọc Đặng Thị Huệ được Chúa sủng ái trở thành nguyên phi. Trịnh Sâm sống trong xa hoa: *"thích đi chơi ngắm cảnh đẹp, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thúy. Chúa ra chơi cung Thụy Liên trên bờ Tây Hồ mỗi tháng ba bốn lần"*. Cảnh đón tiếp với các thứ nghi lễ thật tưng bừng độc đáo. Có *"binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ"*. Có tổ chức hội chợ, do quan nội thần cải trang *"đầu bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bách hóa chung quanh hồ để bán"*. Thuyền ngự đi tới đâu thì các quan hỗ tụng đại thần tùy ý ghé vào bờ mua bán các thứ... Gác chuông chùa Trấn Quốc trở thành nơi hòa nhạc của bọn nhạc công cung đình. Đình đài, cung điện được xây dựng *"liên tục"* nhằm thỏa mãn cuộc sống ăn chơi của vua chúa và bọn quan lại thời Lê - Trịnh. Bao nhiêu tiền của, vàng bạc, châu báu, nước mắt mồ hôi của nhân dân bị bòn vét đến kiệt cùng. Phạm Đình Hổ đã được mắt thấy tai nghe những *"chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh"* nên cách kể, cách tả của ông rất sống.

Để được sống trong xa hoa, hưởng lạc đế vương, từ chúa đến quan đều trở thành bọn cướp ngày ra sức hoành hành, trấn lột khắp chốn cùng quê. Chúa thì *"sức thu lấy"* trân cầm dị thú, cổ mộc, quái thạch và chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian *"không thiếu một thứ gì"*. Có những cây cảnh *"cành lá rườm rà... như cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng"* phải dùng đến một cơ binh mới khiêng nổi, từ bên Bắc chở qua sông đem về. Trong phủ chúa *"điểm xuyết"* bao núi non bộ trông lạ mắt như *"bến bể đầu non"*. Vượn ngự uyển, trong những đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm *"ồn ào như trận mưa sa, gió táp, vỡ tổ tan đàn"*. Nếu như trong *"Thượng kinh kí sự"* Lê Hữu Trác ngạc nhiên viết:

"Hoa cung thoảng ngạt ngào đưa tới,
Vườn ngự nghe vẹt nói đòi phen.
Quê mùa cung cấm chưa quen,
Khác gì ngư phủ đào nguyên thuở nào".

thì ở đây, Phạm Đình Hổ ái ngại nghĩ: *"kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường"*. Cuộc sống cực kì xa hoa ấy là nguyên nhân cho sự sụp đổ ngai vàng ngày một ngày hai sẽ nổ ra. Đó là năm 1782, Trịnh Sâm qua đời; loạn kiêu binh nổ ra, kinh thành Thăng Long bị đốt phá tan hoang; năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà lần thứ nhất,

cơ nghiệp họ Trịnh tan tành trong mấy mặt ? "Cái điều bạc mệnh" mà Phạm Đình Hổ nghĩ tới thật linh nghiệm. Quy luật cuộc đời vô cùng sòng phẳng, cay nghiệt:

"Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mổ nấm chung quanh.
Nghìn vàng khôn đổi được mình
Lầu ca viện hát, tan tành còn đâu ?"

("*Văn chiêu hồn*" - Nguyễn Du)

Bọn hoạn quan trong phủ Chúa vừa trắng trợn vừa xảo quyệt, như dân gian đã khinh bỉ chửi vào mặt: *"Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan"*. Chúng dùng thủ đoạn *"nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm"*. Chỉ bằng hai chữ *"phụng thủ"* biên ngay vào chậu hoa cây cảnh, chim tốt khiếu hay của bất cứ nhà nào là chúng cướp được. Chúng còn lập mưu *"đêm đến"* cho tay chân sai lính lẻn vào *"lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa dẫm lấy tiền"*. Chúng ngang ngược *"phá nhà hủy tường"* của dân để khiêng hòn đá hoặc cây cối gì mà chúng cướp được ! Đối với nhà giàu thì chúng lập mưu vu cho là *"giấu vật cung phụng"* để hành hạ, để làm tiền, nhiều người phải *"bỏ của ra kêu van chí chết"*, có gia đình *"phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ"*.

Gia đình tác giả thuộc hàng quan lại, quý tộc thời Lê - Trịnh. Trước sự nhũng nhiễu hoành hành, mẹ Phạm Đình Hổ là bà Cung Nhân phải sai người nhà chặt cây lê *"cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xóa thơm lừng"*, hai cây lựu trắng, lựu đỏ *"lúc ra quả trông rất đẹp"*. Chi tiết này, tình tiết này rất sống, rất thực. Tác giả đã kể lại một chuyện có thật của gia đình mình ở phường Hà Khẩu để vừa tạo nên niềm tin cho người đọc mai hậu, vừa phê phán bộ mặt tham lam, ghê tởm của bọn quan lại thời Lê - Trịnh, vạch trần sự thối tha trong phủ Chúa.

Trang tùy bút *"Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh"* của Phạm Đình Hổ có giá trị lịch sử sâu sắc, nó đã làm hiện lên cảnh vật và con người, cuộc sống xa hoa ăn chơi của vua chúa, hành động ăn cướp, làm tiền trắng trợn của bọn quan lại trong phủ Chúa.

Ngòi bút của Phạm Đình Hổ rất trầm tĩnh và sâu sắc. Mọi cảm xúc, ý nghĩ của ông về nhân tình thế sự được gửi gắm qua những chi tiết, tình tiết, mẩu chuyện rất sống, rất chọn lọc, đậm đà, nhã thú.

BÀI SỐ 66

Bài đọc tham khảo

Chuyện cũ trong phủ Chúa

Sau khi vạc đổi[1], có một viên hoạn quan về làm mướn cho tôi, vốn là chân nội thị đời chúa Tĩnh Vương, kể lại những chuyện cũ ở trong cung phủ rất tường. Mỗi năm đến Tết trung thu, từ trước mấy tháng, chúa phát gấm trong cung ra để làm hàng trăm hàng nghìn cái đèn lồng, cái nào cũng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lạng vàng. Đến ngày, chúa ngự giá ra chơi Bắc cung. Cung có ao gọi là Long Trì, rộng nửa dặm. Trong ao trồng rất nhiều hoa sen hoa súng. Ven ao đắp đất chồng đá làm núi. Chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt có hình thế. Có những chỗ khuỷu để cho nhạc công ngồi đàn sáo. Bờ ao trồng hàng mấy trăm cây phù dung, treo đèn ở trên. Sóng trăng dập dờn. Trông xa tựa hồ hàng vạn ngôi sao sáng. Nội thị từ tam phẩm trở lên, chít khăn mặc áo như đàn bà, bày hàng ở rìa đường, bán những tạp hóa cùng các đồ hoa quả, chả rượu, thức gì cũng có, chồng chất như núi. Cung nhân qua lại mua bán, vừa mua vừa cướp, không cần hỏi giá cả bao nhiêu, đua nhau đem những câu hát quê

đôi chơi với nhau, tiếng cười đùa vang cả trong ngoài. Nửa đêm chúa ngự kiệu đến xuống thuyền. Quan hầu và các phi thiếp gõ ván hò reo, đi lại vì vụt và lênh đênh ên sông. Chợt lúc lại đánh đàn, lại thổi sáo, lại ca hát, tiếng vang lanh lảnh, khiến gười ta tưởng như lên chơi cung Quảng hàn[2] mà nghe khúc nhạc Quân thiên[3]. Chúa ìn ngắm lấy làm vui sướng, đến mãi gà gáy mới về.

Nguyễn Án (1770 - 1815)
(Trích "*Tang thương ngẫu lục*")

1. Vạc đổi: Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua, vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ.
2. Quảng hàn: cung trăng.
3. Quân thiên: khúc nhạc trên trời.

BÀI SỐ 67

Đề bài: Giới thiệu một vài nét về tác giả, tác phẩm và chủ đề của "Hoàng Lê nhất thống chí"

1. Tác giả, tác phẩm

"*Hoàng Lê nhất thống chí*" là cuốn tiểu thuyết lịch sử chương hồi, kể lại, ghi lại ột giai đoạn lịch sử với bao biến cố dữ dội từ khi Trịnh Sâm lên ngôi Chúa đến khi ia Long chiếm Bắc Hà (1768 - 1802): loạn kiêu binh, triều Lê - Trịnh sụp đổ, guyễn Huệ đại phá quân Thanh, Gia Long lật đổ triều đại Tây Sơn.

"*Hoàng Lê nhất thống chí*" gồm có 17 hồi.

Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện ıanh Oai, tỉnh Hà Tây, nay thuộc Hà Nội, là đồng tác giả "*Hoàng Lê nhất thống chí*".

2. Chủ đề của "Hoàng Lê nhất thống chí".

- Phản ánh sự sụp đổ không cưỡng nổi của triều đại Lê - Trịnh và sự hỗn loạn ıa Đàng Ngoài cuối thế kỉ XVIII.

- Ca ngợi khí thế sấm sét của phong trào nông dân Tây Sơn và tài trí xuất chúng ıa người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

BÀI SỐ 68

Đề bài: Tóm tắt hồi thứ mười bốn trích trong tác phẩm "Hoàng Lê nhất thống chí"

Tôn Sĩ Nghị mang đại quân kéo thẳng một mạch đến Thăng Long "*không mất một ũi tên, như vào chỗ không người*". Y rất "*kiêu căng, buông tuồng*"; quan quân chỉ lo ăn ơi. Hễ ai nhắc đến tình hình giặc giã thì y nói: "*Ngày mùng 6 tháng giêng, nhân dịp đầu ıân sẽ xuất quân kéo thẳng đến sào huyệt của quân Tây Sơn. Bọn giặc ấy nhất định sẽ ı lượt bị bắt sống, không một tên nào lọt lưới. Người Nam Hà sẽ đến mà xem!*" Bọn iệt gian bán nước cầu vinh thì "*vui mừng*" vì được "*thấy lại bóng mặt trời*", đưa vào ổng đốc họ Tôn, sống trong tình trạng "*vỡ lẳng, văn im, thảy đều bê trễ*".

Vừa lúc ấy, có người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên tới, nói với Thái hậu về ıh hình trong nước, về mối lo: "*Nguyễn Huệ là tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh ı có tài cầm quân... ra Bắc vào Nam ẩn hiện như quỷ thần...*" Tổng đốc họ Tôn đem ứ quân "*nhớ nhà*" mà chống chọi thì "*địch sao nổi?*" Lê Chiêu Thống và Lê Quýnh ến gặp Tôn Sĩ Nghị để tâu bày, "*tha thiết xin xuất quân*" liền bị y quở trách.

Phần tiếp theo nói về quân Tây Sơn. Ngô Văn Sở lui binh về án ngữ Tam Điệp, sai guyễn Văn Tuyết chạy trạm vào Nam cáo cấp; ra đi từ ngày 20 thì ngày 24 đến Phú

uân. Nguyễn Huệ họp tướng sĩ, đắp đàn ở núi Bân tế trời đất, thần sông thần núi, lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung rồi đốc xuất đại binh ra Bắc. Ngày 29 tháng hạp Mậu Thân (1788) tới Nghệ An, tuyển thêm một vạn tinh binh, gặp cống sĩ Nguyễn hiếp, tổ chức duyệt binh, truyền hịch đánh quân Thanh, rồi kéo đại binh ra Tam Điệp hội uân với Ngô Văn Sở. Vua Quang Trung cho quân ăn Tết trước, hẹn với tướng sĩ đến ngày mùng 7 Kỉ Dậu thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng.

Nguyễn Huệ chia quân thành 5 đạo tiến đánh quân Thanh vào tối 30 Tết. Quân hanh và lũ tay chân bị bắt sống toàn bộ tại sông Gián và sông Thanh Quyết, đêm mùng 2 rạng ngày mùng 3 tiêu diệt đồn Hà Hồi, rồi tiến đánh Ngọc Hồi, giặc Thanh ị thảm bại "*thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối*", bạt vía kinh hồn vội trốn uống đầm Mực, làng Quỳnh Đô, bị voi quân ta "*giày đạp, chết đến hàng vạn người*". ùng lúc đó, đô đốc Long tiến đánh đồn Khương Thượng, quân Thanh bị tan vỡ, quân ta ến vào giải phóng kinh thành. Trưa mùng 5 tháng Giêng năm Kỉ Dậu, vua Quang Trung ùng đại quân tiến vào Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị và quan tướng hốt hoảng tháo chạy. Cầu hao bị đứt, hàng vạn giặc rơi xuống sông chết làm tắc nghẽn sông Nhị Hà. Lê Chiêu hống và bè lũ hoảng sợ chạy đến Nghi Tàm, cướp đò ngang vội chèo sang bờ bắc. Đến iên giới, Lê Chiêu Thống theo kịp Tôn Sĩ Nghị, đứa thì "*oán giận chảy nước mắt*", đứa ì "*lấy làm xấu hổ*". Tên Việt gian bán nước kính chúc tướng giặc về triều được hai chữ *vạn phúc*". Còn Tôn Sĩ Nghị vẫn khoác lác: "*Nguyễn Quang Trung chưa diệt, việc này òn chưa xong... không đầy một tháng, đại binh sẽ lại tới...*". Vua tôi, lũ bán nước lôi thôi, ếch thếch cùng đưa Thái hậu theo Nghị sang Trung Quốc.

BÀI SỐ 69

Đề bài: Cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ qua Hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí".

Nguyễn Huệ, vị chiến tướng dùng kì mưu hạ thành Phú Xuân. Nguyễn Huệ, vị hống tướng đã tiêu diệt 3 vạn quân Xiêm xâm lược tại Rạch Gầm - Xoài Mút trong một trận thuỷ chiến trời long đất lở. Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đã đạp đổ gai vàng Chúa Trịnh ở Đàng ngoài rồi kết duyên cùng công chúa Ngọc Hân làm hấn động Bắc Hà. Nguyễn Huệ - vua Quang Trung đã tiêu diệt 29 vạn quân Thanh âm lược, xây nên gò Đống Đa lịch sử bất tử.

Đọc Hồi thứ 14 "*Hoàng Lê nhất thống chí*", hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã để lại trong tâm hồn ta bao ấn tượng không phai mờ.

Những tác giả - người con ưu tú của dòng họ "*Ngô Thì*" ở Tả Thanh Oai đã mượn lời nói của người cung nhân cũ từ phủ Trường Yên tâu với Thái hậu, rất khách uan, để giới thiệu Nguyễn Huệ với sự tâm phục và kinh sợ. Vì là người ở phía bên ia, phe đối địch, nên đại từ "*hắn*" mà người cung nhân này dùng để chỉ Nguyễn Huệ ũng chẳng hề làm mờ đi *bức truyền thần vị chiến tướng trăm trận trăm thắng*.

"*Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có ài cầm quân. Xem hắn ra bắc vào nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường iết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn, không một gười nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Thấy hắn trỏ tay, đưa mắt là ai nấy đã phách ạc hồn xiêu, sợ hắn hơn sợ sấm sét*".

Nên biết lúc bấy giờ, Tôn Sĩ Nghị và 29 vạn quân Thanh đã đóng chặt Thăng Long, coi nước ta chỉ là quận huyện của chúng, Lê Chiêu Thống đã được Thiên triều

cho làm An Nam quốc vương, nhưng với cái nhìn sắc sảo, người cũng nhận cụ đã chỉ ra sự bại vong tất yếu của bọn cướp nước và bè lũ bán nước: "*E rằng chẳng mấy lâu nữa, hắn lại trở ra, tổng đốc họ Tôn đem thứ quân nhờ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi?*" Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789 đã cho thấy lời nói ấy là một dự báo linh nghiệm, một chân lí lịch sử rất hùng hồn.

Nguyễn Huệ là một con người "biết nghe và quyết đoán". Ngày 24 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788) nhận được tin cáo cấp do Nguyễn Văn Tuyết đưa vào, Nguyễn Huệ "*giận lắm*" định "*cầm quân đi ngay*" nhưng trước lời bàn "*hãy chính vị hiệu*", ông đã nghe theo để "*giữ lấy lòng người*" rồi mới xuất quân đánh dẹp cõi bắc. Việc đắp đàn ở núi Bân, tế Trời Đất, thần Sông, thần Núi, lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung chứng tỏ cái tầm nhìn chiến lược của người anh hùng áo vải khi Tổ quốc đứng trước họa xâm lăng.

Cứu nước như cứu lửa. Ngày 25 còn ở Thuận Hóa thế mà 29 đã hành quân tới Nghệ An: gặp cống sĩ Nguyễn Thiếp, mộ thêm một vạn tinh binh, tổ chức duyệt binh lớn và truyền hịch đánh giặc cứu nước để kích thích chí khí tướng sĩ và ba quân "*đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn*", nghiêm khắc cảnh cáo những kẻ "*ăn ở hai lòng ... sẽ bị giết ngay tức khắc*". (vạch trần thói tàn bạo tham tàn của người phương Bắc để kích thích lòng căm thù, kêu gọi tướng sĩ noi gương Trưng Nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ... để quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, hãy ...).

Chỉ hơn một ngày đêm, Nguyễn Huệ đã kéo quân tới Tam Điệp hội sư với cánh quân của Đại tư mã Ngô Văn Sở. Ông ra lệnh cho tướng sĩ ăn Tết trước, hẹn đến mùng 7 vào Thăng Long sẽ mở tiệc ăn mừng, rồi chia đại quân thành 5 đạo binh lớn "*giong trống lên đường ra bắc*".

Nguyễn Huệ thật "*lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân*". Ông đã lấy yếu tố bất ngờ để đánh thắng giặc: bắt sống toàn bộ quân giặc do thám ở sông Thanh Quyết và đồn Hà Hồi, bao vây tiêu diệt đồn Ngọc Hồi, hàng vạn giặc bị giết "*thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối*". Tại đầm Mực làng Quỳnh Đô, giặc Thanh bị hợp vây, "*quân Tây Sơn lùa voi cho giày đạp chết đến hàng vạn người*". Trong khi đó, một trận "*rồng lửa*" đã diễn ra ác liệt tại Khương Thượng, xác giặc chất thành 12 gò cao như núi. Nguyễn Huệ đã tiến công như vũ bão, khác nào "*Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên*", làm cho Tôn Sĩ Nghị "*sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp ... nhằm hướng bắc mà chạy*". Trưa mùng 5, Nguyễn Huệ và đại quân đã kéo vào thành Thăng Long trước kế hoạch 2 ngày.

Nhãn quan quân sự - chính trị của Nguyễn Huệ vô cùng sâu rộng và sáng suốt. Trên đường tiến quân đánh giặc Thanh, ông đã giao cho Ngô Thì Nhậm "*người khéo lời lẽ*" để "*dẹp việc binh đao*", đem lại "*phúc cho dân*".

Chiến thắng Đống Đa năm Kỉ Dậu (1789) là một trang sử chống xâm lăng vô cùng chói lọi của dân tộc ta. Nó thể hiện sức mạnh vô địch của lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Nó đã dựng nên tượng đài tráng lệ, hùng vĩ người anh hùng áo vải – vua Quang Trung để dân tộc ta đời đời tự hào và ngưỡng mộ:

"*Mà nay áo vải cờ đào,*
Giúp dân dựng nước biết bao công trình."

(*"Ai tư vãn"* - Ngọc Hân công chúa)

Xây dựng và khắc họa hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ là một thành công đặc sắc. Nó làm cho trang văn "*Hoàng Lê nhất thống chí*" thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng Đại Việt.

Đề bài: Cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ qua Hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí".

Nguyễn Huệ - người anh hùng áo vải ở đất Tây Sơn là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Người anh hùng áo vải ấy với thiên tài quân sự của mình đã đánh tan ba mươi vạn quân Thanh xâm lược, khiến cho bọn bán nước cầu vinh ê chề nhục nhã. Có thể nói hồi thứ mười bốn trong tác phẩm *"Hoàng Lê nhất thống chí"* của nhóm *Ngô gia văn phái* đã phản ánh khá đầy đủ chân dung người anh hùng Nguyễn Huệ. Càng đọc chúng ta càng khâm phục tài năng xuất chúng của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn ấy.

Chân dung người anh hùng Nguyễn Huệ, trước hết được miêu tả gián tiếp qua lời người con gái hầu hạ trong cung vua, tâu với bà Hoàng Thái hậu. Mặc dù vẫn xem Nguyễn Huệ là "*giặc*", gọi Nguyễn Huệ bằng "*hắn*" nhưng người cung nhân ấy cũng không giấu được sự thán phục của mình trước tài năng xuất chúng của Nguyễn Huệ. Đây là một đoạn trong lời tâu của cung nhân: "*... Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hắn ra Bắc vào Nam ẩn hiện như quỷ thần không ai có thể lường hết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn...*". Trong khi nói những lời ấy, chắc người cung nhân đã chọn lời lẽ vừa phải, thích hợp chưa dám bộc lộ hết ý nghĩ của mình về Nguyễn Huệ, nhưng một người vốn xem Nguyễn Huệ là "*giặc*" thán phục đến như thế đủ biết Nguyễn Huệ tài năng đến mức nào.

Ngay những người thuộc nhóm *Ngô gia văn phái* vốn theo "*chính thống*", phần nào bị quan điểm "*chính thống*" chi phối, trước thiên tài của Nguyễn Huệ vẫn phải ca ngợi Nguyễn Huệ một cách trung thực, khách quan. Qua việc miêu tả trực tiếp cuộc hành quân thần tốc, tác giả đã cho mọi người thấy tài năng quân sự xuất chúng của người anh hùng áo vải Tây Sơn.

Được tin quân Thanh kéo vào Thăng Long, Nguyễn Huệ giận lắm, định cầm quân đi ngay. Nhưng Nguyễn Huệ đã biết nghe theo lời khuyên của mọi người, cho đắp đàn ở núi Bân tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi, lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu Quang Trung. Lễ xong mới hạ lệnh xuất quân. Điều này chứng tỏ mặc dù tài năng hơn người nhưng Nguyễn Huệ rất biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác. Riêng phẩm chất ấy của ông cũng đáng để chúng ta kính nể, học tập. Việc Nguyễn Huệ tự mình đốc xuất đại binh tiến ra Thăng Long vào đúng thời điểm Tết Nguyên đán cũng chứng tỏ phần nào tài năng quân sự của ông. Bởi vì đó là thời điểm kẻ thù ít đề phòng nhất, dễ lơ là cảnh giác nhất. Nguyễn Huệ rất hiểu sức mạnh tinh thần, ông không chỉ có tài cầm quân mà còn có tài hùng biện. Trong lời dụ của mình, ông đã khích lệ được lòng yêu nước, căm thù giặc, truyền thống chống ngoại xâm cho tướng sĩ: "*...Quân Thanh sang xâm lược nước ta, hiện ở Thăng Long các ngươi đã biết chưa? ... Người phương Bắc không phải giống nòi nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vơ vét của cải người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các Ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc...* ". Lời dụ của Quang Trung có sức thuyết phục không kém "*Hịch tướng sĩ*" của Trần Quốc Tuấn. Một điều mà các tác giả "*Hoàng Lê nhất thống chí*" hết sức khâm phục Nguyễn Huệ là tài dùng người. Tiêu biểu là việc cài Ngô Thời

ậm ở lại làm việc với các tướng Sở và Lân. Sự việc diễn ra đúng như dự đoán của uyễn Huệ. Ngô Thời Nhậm đã phát huy vai trò của mình "*Biết nín nhịn để tránh i nhọn*", "*bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng*" Nguyễn Huệ còn dự đoán chính xác những sự việc sắp xảy ra. Ông là một người đầy tự : "*Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn, chẳng qua ời ngày có thể đuổi được người Thanh* ". Nhưng ông cũng luôn luôn đề phòng hậu hoạ: *uân Thanh thua trận ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế việc binh đao không) giờ dứt*". Và ông đã dự định chọn người "*khéo lời lẽ*" để "*dẹp việc binh đao*" đó cũng Ngô Thời Nhậm. Qua cách nghĩ của vua Quang Trung, ta thấy ông không chỉ nhìn xa ng rộng mà còn hết lòng vì dân. Ông không muốn dân phải luôn luôn chịu cảnh binh) xương rơi máu chảy. Trong khi tiến quân ông, cũng chọn cách tránh cho quân sĩ đỡ ii tổn thất: "*Vua truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên oài lấy rơm dấp nước phủ kín. Quân Thanh nổ súng bắn ra chẳng trúng người nào cả*". là cái giỏi, cũng là cái tâm của người cầm quân.

Đoạn thuật lại việc Quang Trung đại phá quân Thanh trong hồi mười bốn "*Hoàng nhất thống chí*" của nhóm Ngô gia văn phái hết sức sinh động. Qua đó, người đọc có hình dung được chân dung của người anh hùng áo vải. Quang Trung không chỉ là nhà ân sự thiên tài "*xuất quỷ, nhập thần*" mà còn là một vị tướng giàu lòng yêu nước, có ý ức dân tộc hết sức sâu sắc. Ông là hình ảnh đối lập với những tên vua bán nước, hèn át. Quang Trung mãi mãi được mọi người kính phục, yêu mến.

Linh Giang

BÀI SỐ 71

Đề bài: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí".

"*Hoàng Lê nhất thống chí*" là cuốn lịch sử chương hồi của một số tác giả trong 'gô gia văn phái". Tác phẩm đã khái quát một giai đoạn lịch sử với bao biến cố dữ i đẫm máu từ khi Trịnh Sâm lên ngôi Chúa đến khi Gia Long chiếm Bắc Hà (1868-02) như: loạn kiêu binh, triều Lê - Trịnh sụp đổ, Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, a Long lật đổ triều đại Tây Sơn,...

Sự sụp đổ không thể cưỡng nổi của triều đại Lê - Trịnh và khí thế sấm sét của ong trào nông dân Tây Sơn là hai nội dung lớn được phản ánh qua "*Hoàng Lê nhất ống chí*". Đặc biệt "*Hồi thứ XIV*" được thể hiện một cách hào hùng sức mạnh quật ởi của dân tộc trước thù trong giặc ngoài và khắc họa hình tượng Nguyễn Huệ, ười anh hùng dân tộc đã làm nên chiến công Đống Đa bất tử.

1. Ta như được sống lại những giờ phút lịch sử nghiêm trọng và hào hùng của n tộc vào cuối năm Mậu Thân (1788), đầu năm Kỉ Dậu (1789) khi Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, kéo sang xâm lược nước ta. Tác i "*Hoàng Lê nhất thống chí*" mở đầu hồi XIV đã viết:

"*Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận,*
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài".

Vị cứu tinh của dân tộc thuở ấy là Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đất Tây n. Ngày 22 tháng 11 năm Mậu Thân, Tôn Sĩ Nghị chiếm Thăng Long. Tướng Ngô ìn Sở lui binh về án ngữ tại Tam Điệp. Ngày 24, Nguyễn Huệ được tin cấp báo, và ày 25 lên ngôi hoàng đế "*tế cáo trời đất cùng các thần Sông, thần Núi*", lấy niên ệu là Quang Trung. Nguyễn Huệ đốc xuất đại binh ra Bắc. Ngày 29 đến Nghệ An

ıyên thêm một vạn quân tinh nhuệ. Nguyễn Huệ tổ chức duyệt binh, truyền hịch ính quân Thanh, vạch trần âm mưu xâm lược của bọn chúng *"mưu đồ lấy nước Nam ı đặt làm quận huyện; kêu gọi tướng sĩ đồng tâm, hiệp lực, để dựng nên công ın"*...Nhà vua chia quân làm 5 doanh (tiền, hậu, tả, hữu, trung quân) rồi thần tốc ra am Điệp hội quân với cánh quân Ngô Văn Sở. Quang Trung chia đại quân làm 5 đạo, ıo quân ăn tết Nguyên Đán trước, *"bảo kín"* với các tướng soái đến tối 30 thần tốc ính quân Thanh, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long *"mở tiệc ı mừng"*. Qua đó, ta thấy rõ Quang Trung có tầm nhìn chiến lược sâu rộng, sáng ıốt, giàu mưu lược, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng lũ xâm lăng. Các sự iện như lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, tuyển quân và truyền hịch ở Nghệ An, cho uân sĩ ăn tết Nguyên đán trước; đặc biệt, nhà vua đã tạo nên yếu tố bất ngờ đánh uân Thanh vào đúng dịp Tết khi chúng *"chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, hông hề lo chi đến việc bất trắc"* đã thể hiện tinh thần quyết đoán của một thiên tài uân sự khi Tổ quốc lâm nguy.

Tác giả mượn lời người cung nhân cũ để làm nổi bật tính cách anh hùng phi ıường của Nguyễn Huệ khi trận Ngọc Hồi chưa xảy ra:

"Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có ìi cầm quân. Xem hắn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường iết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn không một gười nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Thấy hắn trỏ tay, đưa mắt là ai nấy đã phách ıc hồn xiêu, sợ hơn sấm sét".

Nguyễn Huệ là một anh hùng có tài điều binh khiển tướng, trù hoạch quân mưu hư thần. Ra quân đánh thắng như chẻ tre. Bắt sống toàn bộ toán quân Thanh đi do ıám tại Phú Xuyên, dùng mưu gọi loa, vây kín làng Hà Hồi, quân Thanh *"rụng rời sợ ãi"* phải đầu hàng. Dùng kì mưu kết ba tấm ván thành một bức, bên ngoài lấy rơm ấp nước phủ kín, tất cả là 20 bức; mỗi bức có 20 dũng sĩ, lưng dắt dao ngắn dàn ıành trận chữ *"nhất"* xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi. Súng quân Thanh bắn ra đều vô iêu. Vua Quang Trung cưỡi voi đốc chiến. Sáng mồng 5, đồn Ngọc Hồi bị tiêu diệt, ầm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử, hàng vạn giặc bị giết *"thây nằm đầy đồng, máu hảy thành suối, quân Thanh đại bại"*. Vua đã đặt phục binh tại đê Yên Duyên và Đại ng, hợp vây quân Thanh tại Quỳnh Đô, giặc trốn xuống đầm Mực bị quân Tây Sơn *lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người"*. Thừa thắng, vua Quang Trung tiến ào giải phóng Kinh thành Thăng Long đúng trưa mồng 5 tháng Giêng năm Kỉ Dậu, rước kế hoạch 2 ngày. Có tài thao lược vô song, có tin vào sức mạnh chiến đấu và tinh hần yêu nước của tướng sĩ, của nhân dân ta mới có niềm tin tất thắng ấy. Chiến thắng Đống Đa 1789 đã làm cho tên tuổi người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ sáng ngời nãi ngàn thu.

Các tác giả *"Hoàng Lê nhất thống chí"* đã từng ăn lộc của nhà Lê, vốn có cảm ình với vua Lê nhưng trước họa xâm lăng và chiến công Đống Đa oanh liệt, họ đã ứng trên lập trường dân tộc, đã viết nên những trang văn đẹp nhất, dựng lên một ượng đài kì vĩ, tráng lệ về người anh hùng Nguyễn Huệ. Chỉ mấy năm sau, trong bài *'Ai tư vãn"* khóc vua Quang Trung băng hà, Ngọc Hân công chúa đã viết:

"Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước biết bao công trình".

Đó là hình tượng người anh hùng Quang Trung được thể hiện qua *"Hoàng Lê ıhất thống chí"* mà ta cảm nhận được với bao ngưỡng mộ.

2. Bằng biện pháp nghệ thuật tương phản đối lập, các tác giả *"Hoàng Lê nhất thống chí"* đã miêu tả và nêu bật sự thảm bại của quân Thanh xâm lược và số phận nhục nhã, bi đát của bọn vua quan phản nước hại dân.

Chỉ huy 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta là Tôn Sĩ Nghị. Sau khi chiếm được Thăng Long *"không mất một mũi tên, như vào chỗ không người"* hắn vô cùng *"kiêu căng buông tuồng"*. Bọn tướng tá chỉ biết *"chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân"*. Chúng huênh hoang tuyên bố là đầu xuân sẽ kéo quân thẳng đến sào huyệt của Tây Sơn để *"bắt sống, không một tên nào lọt lưới!"*.

Thế nhưng, trước sức tiến công như vũ bão của Nguyễn Huệ, bao đồn giặc bị đánh tơi bời. Đồn Hà Hồi phải đầu hàng. Đồn Ngọc Hồi bị đập nát, Sầm Nghi Đống phải tử tự. Hàng vạn giặc phải bỏ mạng ở đầm Mực. Tôn Sĩ Nghị *"sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp... nhằm hướng Bắc mà chạy"*. Quân tướng *"hoảng hồn, tan tác bỏ chạy"*. Chúng tranh nhau chạy xô đẩy nhau rơi xuống sông. Cầu phao đứt, hàng vạn giặc bị rơi xuống nước mà chết, đến nỗi nước sông Nhị Hà bị tắc nghẽn. Bọn sống sót chạy tháo thân về nước !

Bọn Việt gian bán nước cầu vinh như Lê Chiêu Thống, Lê Quýnh, Trịnh Hiến trên đường tháo chạy trở thành lũ ăn cướp. Chúng bạt vía kinh hồn chạy đến Nghi Tàm, *"thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá vội cướp lấy rồi chèo sang bờ Bắc"*.

Tại cửa ải, Lê Chiêu Thống và bọn cận thần *"than thở, oán giận, chảy nước mắt"* trông thật bi đát, nhục nhã. Còn Tôn Sĩ Nghị *"cũng lấy làm xấu hổ"*. Chết nhưng nết không chừa ! Lê Chiêu Thống hứa *"lại xin sang hầu tướng quân"*, nghĩa là tiếp tục rước voi về giày mả tổ ! Còn Tôn Sĩ Nghị vẫn khoác lác: *"Nguyễn Quang Trung chưa diệt, việc này còn chưa thôi !"*.

Có thể nói, hình ảnh lũ xâm lược và bọn bán nước được miêu tả bằng nhiều chi tiết châm biếm, thể hiện một thái độ khinh bỉ sâu sắc.

Đọc *"Hồi thứ XIV"* *"Hoàng Lê nhất thống chí"*, ta càng thấu rõ tim đen quân xâm lược phương Bắc và âm mưu của Thiên triều, và bộ mặt dơ bẩn của bọn Việt gian bán nước. Ta càng thêm tự hào về truyền thống yêu nước, anh hùng của dân tộc ta, vô cùng kính phục và biết ơn Nguyễn Huệ, nhà quân sự thiên tài của Đại Việt.

Nghệ thuật kể chuyện, bút pháp miêu tả nhân vật lịch sử (Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị) rất chân thực và sinh động tạo nên những trang văn hào hùng tuyệt đẹp vừa giàu giá trị văn chương, vừa mang tính lịch sử sâu sắc.

BÀI SỐ 72

Đề bài: Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Du, về nguồn gốc và giá trị của "Truyện Kiều".

1. Tác giả.

Nguyễn Du (1765-1820) tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc thời Lê - Trịnh. Cha là Nguyễn Nghiễm từng làm Tể tướng; anh là Nguyễn Khản đỗ Tiến sĩ, làm đại quan trong phủ Chúa, được Trịnh Sâm trọng vọng. Nguyễn Du chỉ đỗ *"Tam trường, nhưng văn chương lỗi lạc"*.

Quê hương ông vẫn lưu truyền câu ca:

"Bao giờ Ngàn Hống hết cây,
Sông Rum hết nước, họ này hết quan".

Nguyễn Du chỉ làm một chức quan nhỏ dưới thời Lê - Trịnh. Dưới thời Tây Sơn, Nguyễn Du lúc thì dạt về quê vợ ở Quỳnh Hải, Thái Bình; lúc thì lận lội về xứ Hồng Lĩnh quê nhà. Ông trải qua *"mười năm gió bụi"*, có lúc ốm đau không có thuốc, mái tóc sớm bạc. Ông tự xưng là *"Hồng Sơn liệp hộ"* (người đi săn ở núi Hồng), *"Nam Hải điếu đồ"* (Người câu cá ở biển Nam Hải):

"Hồng Sơn cao ngất mấy tầng,
Đò Cài mấy trượng là lòng bấy nhiêu!".

Năm 1802, Gia Long triệu Nguyễn Du ra làm quan. Chỉ trong vòng hơn 10 năm, ông đã bước lên đỉnh cao danh vọng: làm Chánh sứ sang Trung Quốc (1813-1814), giữ chức Hữu Tham tri bộ Lễ. Năm 1820, lần thứ hai, ông lại được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc, nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh, qua đời.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du vô cùng rạng rỡ, để lại nhiều thơ chữ Hán và chữ Nôm. Về chữ Hán có 3 tập thơ:

- *Nam trung tạp ngâm.*
- *Bắc hành tạp lục.*
- *Thanh Hiên thi tập.*

Về thơ chữ Nôm có:

- *Truyện Kiều.*
- *Văn chiêu hồn.*

Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, niềm tự hào của nhân dân ta, dất nước ta:

"Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày".

("Kính gửi Cụ Nguyễn Du" - Tố Hữu)

2. Nguồn gốc và giá trị "Truyện Kiều".

a. Nguồn gốc:

Nguyễn Du đã lấy cốt truyện từ "*Kim Vân Kiều truyện*" của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc mà sáng tạo ra "*Truyện Kiều*" bằng thơ lục bát dài 3254 câu thơ, đậm đà màu sắc Việt Nam.

b. Giá trị:

- "*Truyện Kiều*" thấm nhuần tinh thần nhân đạo cao đẹp và có giá trị tố cáo hiện thực sâu sắc.

- "*Truyện Kiều*" là một công trình nghệ thuật. Về ngôn ngữ, về thơ lục bát, về tả cảnh, tả tình, tả người, ... bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Du trở thành mẫu mực cổ điển vô song.

BÀI SỐ 73

Đề bài: Tóm tắt "Truyện Kiều" của Nguyễn Du

Dưới thời Gia Tĩnh triều Minh, ông bà Vương Viên ngoại ở Bắc Kinh sinh được 3 người con, hai gái, một trai:

"Một trai con thứ rốt lòng,
Vương Quan là chữ nối dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân".

Hai chị em Kiều có nhan sắc *"mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười"*, và d
đến *"tuần cập kê"*.

Mùa xuân năm ấy, 3 chị em đi thanh minh. Lúc ra về khi bóng chiều đã ngả, h
gặp chàng văn nhân Kim Trọng *"vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa"*. Sau cuộc l
ngộ ấy, Kiều và Kim Trọng yêu nhau, hai người thề nguyền *"Trăm năm tạc một ch
"đồng" đến xương"*. Kim Trọng nhận được thư nhà, chàng phải vội về Liêu Dương *"h
tang"* chú...

Sau đó, gia đình Kiều gặp tai biến, bị thằng bán tơ vu oan. Cha và em Kiều l
bắt, bị tra tấn dã man. Bọn sai nha, lũ đầu trâu mặt ngựa ập đến dập phá nhà cửa ta
hoang, cướp bóc tài sản *"sạch sành sanh vét cho đầy túi tham"*. Kiều phải bán mìn
cho Mã Giám Sinh với giá *"vàng ngoài bốn trăm"*, để đút lót cho bọn quan lại, cú
cha và em. Nàng đã trao duyên cho Thúy Vân. Mã Giám Sinh đưa nàng về Lâm Tr
Kiều biết mình bị đẩy vào lầu xanh bèn rút dao tự vẫn nhưng không chết. Nàng đượ
ma Đạm Tiên báo mộng là phải đến sông Tiền Đường sau này mới hết kiếp đoạ
trường. Mụ Tú Bà dỗ dành Kiều ra ở lầu Ngưng Bích; mụ thuê Sở Khanh đánh lừ
Kiều, đưa nàng đi trốn. Kiều bị Tú Bà giăng bẫy, mắc lận Sở Khanh. Thúy Kiều bị T
Bà đánh đập, ép nàng phải sống cuộc đời ô nhục. Tại lầu xanh, Kiều gặp Thúc Sinl
một khách làng chơi giàu có. Thúc Sinh chuộc Kiều ra lầu xanh và lấy Kiều làm vợ l
Hoạn Thư, vợ cả Thúc Sinh lập mưu bắt cóc Thúy Kiều đưa về Vô Tích để đánh ghen

Kiều bỏ trốn, nương tựa cửa chùa Giác Duyên... Kiều lại rơi vào tay Bạc B
Bạc Hạnh, bị đẩy vào lầu xanh lần thứ hai. Từ Hải, khách biên đình tìm đến gặp Kiề
Từ Hải chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh, cưới nàng làm vợ *"Phỉ nguyền sánh phượng, dẹ
duyên cưỡi rồng"*. Một năm sau, Từ Hải đã có 10 vạn tinh binh, rạch đôi sơn hà, lậ
nên một triều đình *"Năm năm hùng cứ một phương hải tần"*. Kiều báo ân báo oán.

Hồ Tôn Hiến *"tổng đốc trọng thần"* xảo quyệt lập kế *"chiêu an"*. Từ Hải mắ
lừa Hồ Tôn Hiến, bị giết chết. Hắn bắt Kiều hầu rượu đánh đàn trong bữa tiệc qua
Hắn ép gả Kiều cho viên thổ quan. Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử. Giá
Duyên đã cứu sống Kiều và đưa nàng nương nhờ cửa Phật.

Sau nửa năm về Liêu Dương... , Kim Trọng trở lại Bắc Kinh, tìm đến vườ
Thúy. Kim Trọng kết duyên với Thúy Vân. Kim Trọng và Vương Quan thi đỗ, đượ
bổ đi làm quan. Cả gia đình tìm đến sông Tiền Đường lập đàn giải oan cho Kiều. B
ngờ vãi Giác Duyên đi qua và cho biết Kiều còn sống, đang tu ở chùa.

Kiều gặp lại cha mẹ, hai em và chàng Kim sau 15 năm trời lưu lạc. Trong bữ
tiệc đoàn viên, cả nhà ép Kiều phải lấy Kim Trọng, nhưng rồi hai người đã đem tìn
vợ chồng đổi thành tình bè bạn:

"Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy".

BÀI SỐ 74

Đề bài: Phân tích hình ảnh Thuý Kiều qua đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều", rồi nêu lên nhận xét của em về nghệ thuật tả người của thi hào Nguyễn Du trong "Truyện Kiều"

Trong bài thơ *"Kính gửi Cụ Nguyễn Du"*, nhà thơ Tố Hữu viết:

... "Tiếng thơ ai động đất trời,
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu.
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày...".

Nguyễn Du là nhà thơ thiên tài của dân tộc ta. *Truyện Kiều* là kiệt tác của nền thi ca cổ dân tộc sáng ngời tinh thần nhân đạo. Về phương diện nghệ thuật, áng th này là mẫu mực tuyệt vời về ngôn ngữ, về tả cảnh, tả người, tả tình, tự sự, v.v... đem lại cho nhân dân ta nhiều thú vị văn chương.

Đoạn thơ giới thiệu chị em Thúy Kiều là một trong những đoạn thơ hay nhất đẹp nhất trong *"Truyện Kiều"*. Thúy Kiều là nhân vật trung tâm của truyện thơ, mộ thiếu nữ tài, sắc vẹn toàn đã được thi hào khắc họa một cách thần tình, mĩ lệ.

1. Đoạn thơ gồm 24 câu: 4 câu đầu giới thiệu chung hai chị em Kiều là *"hai ả T Nga"* của ông bà Vương Viên ngoại, 4 câu tiếp theo nói về sắc đẹp Thúy Vân, 12 câu tiế theo nói về tài sắc Thúy Kiều, 4 câu cuối đoạn ca ngợi đức hạnh của hai chị em Kiều.

Hai chị em Kiều mang vẻ đẹp thanh tao, trinh trắng như *"mai"*, như *"tuyết"*, mỗ người một vẻ đẹp riêng, toàn thiện, toàn mĩ:

"Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười".

Sắc đẹp của Thúy Vân là sắc đẹp của một thiếu nữ *"đoan trang"*, *"trang trọn khác vời"*; rất quý phái: khuôn mặt *"đầy đặn"* tươi sáng như vầng trăng, mắt phượn mày ngài, miệng cười tươi như hoa, giọng nói trong như ngọc;. Còn gì đẹp hơn v mái tóc, màu da của nàng ? - *"Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da"*. Nhà thơ đã s dụng bút pháp ước lệ tượng trưng để miêu tả sắc đẹp Thúy Vân, tạo nên những hìn ảnh ẩn dụ đầy gợi cảm. *Tả Thúy Vân trước, tả Thúy Kiều sau là một dụng ý nghệ thuậ của Nguyễn Du để khẳng định Kiều là một giai nhân tuyệt thế:*

"Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn".

Dung nhan Thúy Kiều đẹp lắm *"nghiêng nước nghiêng thành"*. Mắt đẹp tron như sắc nước mùa thu, lông mày thanh tú xinh xắn như dáng núi mùa xuân; một v đẹp đằm thắm, xanh tươi mơn mởn khiến cho *"Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kén xanh"*. Ngòi bút tả người của thi hào biến hóa, đa dạng: Kết hợp thần tình các biệ pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, thậm xưng với sự vận dụng tinh tế thi liệu c (nghiêng nước nghiêng thành) tạo nên những vần thơ đẹp gợi cảm. Hình bóng gia nhân được phác họa đôi ba nét chấm phá ước lệ nhưng hết sức thần tình, để lại ch người đọc bao cảm xúc, trân trọng:

"Làn thu thủy, nét xuân sơn.
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành".

Hóa công như đã ưu đãi dành cho Kiều tất cả *"Sắc dành đòi một, tài dành họa hai* Thông minh bẩm sinh *"tính trời"*, tài hoa lỗi lạc xuất chúng: thơ tài, họa giỏi, đàn ha môn nghệ thuật nào nàng cũng tuyệt giỏi, cũng thành *"nghề"*, *"ăn đứt"* thiên hạ:

"Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương".

Nguyễn Du đã không tiếc lời ca ngợi Thúy Kiều bằng một số từ ngữ biểu thị gi trị tuyệt đối: *vốn sẵn tính trời, pha nghề, đủ mùi... lầu bậc... nghề riêng ăn đứt...*

Khi tả tài sắc Thúy Kiều, thi hào không chỉ nói lên cái tuyệt vời của hiện tại m còn hàm ý dự báo về tương lai của nàng. Sắc đẹp kiều diễm *"hoa ghen... liễu hờn..* với bản đàn *"bạc mệnh"* mà nàng sáng tác ra *"lại càng não nhân"* như gợi ra trong tâ hồn chúng ta một ám ảnh *"định mệnh"* mà nhà thơ đã khẳng định: *Trời xanh que*

'hói má hồng đánh ghen",... *"Chữ tài liền với chữ tai một vần"*,... Gần hai thế kỉ nay, bức chân dung giai nhân này qua đoạn thơ *"Chị em Thúy Kiều"* đã để lại trong trái tim hàng triệu con người Việt Nam một sự cảm mến nồng hậu, một sự phấp phỏng lo âu đối với người con gái đầu lòng của Vương ông. Đó là tài năng đích thực của Nguyễn Du về nghệ thuật tả người.

Đức hạnh là cái gốc của con người. Thúy Kiều không chỉ có tài sắc mà còn có đức hạnh. Nàng được hưởng một nền giáo dục theo khuôn khổ của lễ giáo, của gia phong. Tuy sống trong cảnh *"phong lưu rất mực hồng quần"*, đã tới *"tuần cập kê"* nhưng nàng là một thiếu nữ có gia giáo, đức hạnh:

"Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai".

Tóm lại, Thúy Kiều là một nhân vật tuyệt đẹp trong *"Đoạn trường tân thanh"*. Thi hào Nguyễn Du với cảm hứng nhân đạo và tài nghệ thơ ca trác việt đã miêu tả Thúy Kiều bằng những vần thơ lục bát đẹp nhất. Ông đã dành cho nhân vật bao tình cảm yêu mến, trân trọng sâu sắc. Sự kết hợp tài tình bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng sáng tạo các biện pháp tu từ, nhất là ẩn dụ so sánh, một ngôn ngữ thơ tinh luyện, hàm súc, hình tượng và gợi cảm để vẽ nên bức chân dung mĩ nhân bằng thơ sáng giá nhất trong nền văn học cổ nước nhà. Thúy Kiều mang một *"lí lịch"* ngoại tộc nhưng dưới ngòi bút thiên tài của thi hào Nguyễn Du, nàng xuất hiện với bao phẩm chất tốt đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc. Vẻ đẹp nhân văn toát lên từ hình ảnh Thúy Kiều là vẻ đẹp văn chương của đoạn thơ này.

BÀI SỐ 75

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều".

"Chị em Thúy Kiều" là đoạn trích nằm ở phần mở đầu *"Truyện Kiều"* của Nguyễn Du, nhà thơ nhân đạo xuất sắc cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Tác phẩm thành công về giá trị nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả nhân vật mà đoạn trích này là một ví dụ tiêu biểu.

Sau khi giới thiệu về gia cảnh của Vương viên ngoại, nhà thơ nói tới vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều:

"Đầu lòng hai ả Tố Nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân...
... Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai."

Bút pháp tả người của Nguyễn Du là bút pháp ước lệ thường thấy trong thơ cổ điển: lấy những nét đẹp trong thiên nhiên để so sánh với vẻ đẹp của con người. Ở các nhà thơ khác, theo cách tả này, chân dung nhân vật thường trở nên chung chung, mờ nhạt; song cái công thức ước lệ ấy vào tay Nguyễn Du lại biến hóa khôn lường và đầy tài hoa sáng tạo, khiến nhân vật của ông rất có hồn.

Đầu tiên, nhà thơ giới thiệu chung về hai chị em Kiều. Qua cách gọi trang trọng: Tố Nga (người con gái đẹp), cách đánh giá khái quát: *Mai cốt cách tuyết tinh thần, Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười*, Nguyễn Du đã khẳng định hai chị em Kiều đều rất đẹp. Hình dáng thanh tú yểu điệu (*mai cốt cách*), tâm hồn trong trắng như sương tuyết (*tuyết tinh thần*). Rõ ràng họ là con nhà nền nếp, được hưởng thụ một nền giáo dục đầy đủ và tốt đẹp.

Nguyễn Du rất kĩ lưỡng trong việc chọn hình ảnh và từ ngữ để miêu tả. Thúy 'ân hiện lên trước mặt người đọc với vẻ đẹp đài các, kiêu sa:

"Vân xem trang trọng khác người,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang."

Gương mặt nàng đẹp phúc hậu, tươi mát, gợi sự đầy đủ, viên mãn. Nàng cười ıơi như *hoa* nở, tiếng nói trong như *ngọc* rơi trên mâm vàng. Tóc nàng đen mướt đến *ıây* cũng thua. *Da* nàng trắng đến *tuyết* cũng phải *nhường*. Dường như tạo hóa đã ban ho Vân những đặc ân mà không bị ai ganh ghét, đố kị với nàng. Vẻ đẹp căng đầy sức 5ng của Thúy Vân báo trước đời nàng sau này sẽ yên ổn, vinh hoa, nàng sẽ được ưởng mọi điều sung sướng của một bậc mệnh phụ mà chẳng phải gian lao, vất vả.

Không phải ngẫu nhiên Nguyễn Du lại miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước, 'húy Kiều sau. Dụng ý của ông là lấy vẻ đẹp của Vân làm nền cho vẻ đẹp của Kiều: 'ân đã *trang trọng khác vời*, đã đạt tới mức cao nhất của vẻ đẹp mà tạo hóa ban cho gười phụ nữ nhưng Kiều mới chính là đỉnh cao của sắc đẹp, phá vỡ mọi khuôn khổ ıường thấy từ trước tới nay.

Ngay từ câu đầu giới thiệu về Kiều, Nguyễn Du đã khẳng định:

"Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn."

Vân đã đẹp thế, Kiều lại đẹp hơn hẳn Vân. Sắc đẹp của nàng là sắc đẹp *sắc sảo ıặn mà*, gây ấn tượng rất mạnh, ai thấy một lần phải nhớ mãi. Tả Kiều, Nguyễn Du hông đi vào chi tiết như tả Vân mà nhà thơ đặc tả đôi mắt – cửa sổ của tâm hồn:

"Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh."

Mắt Kiều long lanh như nước mùa thu, dáng lông mày thanh tú như dáng núi nùa xuân. Ẩn chứa trong đôi mắt ấy là một tâm hồn đa cảm khác thường. Vẻ đẹp của ıàng *nghiêng nước, nghiêng thành*, khiến cho *hoa phải ghen, liễu phải hờn*. Tác giả tả Kiều đẹp tuyệt vời như vậy nhưng trong cách tả, ông cũng hé cho ta thấy cái dự cảm ıất an trong tương lai của Kiều. Theo thuyết *tài mệnh tương đố*, phàm cái gì tốt đẹp rên đời đều khó giữ được bền lâu. Thúy Kiều đẹp không ai sánh bằng, tất nàng sẽ bị ıgười đời ghen ghét và dày đọa.

Tả Vân, Nguyễn Du chỉ nói đến sắc, tuyệt nhiên không nhắc đến tài. Còn Thúy Kiều: *Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*. Nàng là người con gái tài sắc vẹn toàn:

"Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương làu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương."

Thúy Kiều quả thật đa tài: thi, họa, ca, ngâm, ... ít ai có được cùng một lúc nhiều tài lến như vậy. Nhất là tài chơi đàn đã thành *nghề riêng* của Kiều, không ai sánh nổi.

Có sắc, có tài, Kiều lại có thêm một tâm hồn mẫn cảm lạ lùng. Dường như nàng inh cảm được trước số phận bất hạnh của mình nên đã tự sáng tác nên khúc đàn *Bạc nệnh* mà ai nghe cũng phải não lòng.

Bốn câu thơ cuối đoạn tả hoàn cảnh sống của chị em Kiều:

"Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai."

Những chi tiết trên khẳng định thêm phẩm hạnh trong trắng, cao quí của chị er Thúy Kiều.

Một đoạn trích ngắn chỉ 24 câu thơ nhưng đã cho chúng ta thấy được tài năn nghệ thuật tuyệt vời cảu Nguyễn Du. Ông xứng đáng là một bậc thầy về sử dụng ngô ngữ để tả chân dung nhân vật. Mỗi nhân vật của ông đều có diện mạo riêng, tính các riêng rõ nét.

Tả vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, tác giả bày tỏ tình thương yêu trân trọng đ(với con người, đồng thời ông ngầm khẳng định: Một con người tài sắc vẹn toàn nh Kiều rất xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Cuộc đời nàng bị đọa đầy, bất hạnh thì đ chính là do tội ác của các thế lực đen tối trong xã hội gây ra. Đọc đoạn trích, chúng t có thiện cảm ngay với hai chị em Kiều và cùng tác giả, chúng ta hãy dõi theo từn bước chân của họ trên đường đời vạn nẻo đầy chông gai, sóng gió.

Trần Thị Thi

BÀI SỐ 76

Đề bài: Phân tích tài sắc của Thuý Vân và Thuý Kiều qua đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều

Đoạn thơ trích trong phần mở đầu của "*Truyện Kiều*" có thể nói đây là bú chân dung xinh xắn đẹp đẽ của hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân.

Bốn câu mở đầu là lời giới thiệu chung về hai nhân vật có nhan sắc lộng lẫ này, hai cô con gái đầu lòng của nhà Viên ngoại họ Vương. Hình ảnh mang ý nghĩ tượng trưng kết hợp với phép ẩn dụ là những biện pháp tu từ trong thơ văn cổ cho t thấy sắc đẹp hai chị em Thuý Kiều thật là thanh tao, trong trắng như mai như tuy(của thiên nhiên. Những người con gái vừa mới lớn dậy này đã được Nguyễn Du gi(thiệu thật súc tích nhưng đầy trân trọng mến thương:

"Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười"

Họ đẹp từ hình dáng bên ngoài cho đến tâm hồn bên trong.

Sau lời giới thiệu chung là bức chân dung của nàng Vân. Vẫn bút pháp ước l kết hợp với một hệ thống từ ngữ chọn lọc, bốn câu thơ tiếp theo như vẽ ra trước mắt t hình ảnh người thiếu nữ trong sáng, ngây thơ, rất đỗi đoan trang, phúc hậu để hoà lẫ với chung quanh. Đây là cái đẹp toàn bích của người con gái hiền dịu, trong sáng, v tư, không gợn một nét nhỏ bụi trần từ "*khuôn trăng*", "*nét ngài*" cho đến nụ cườ giọng nói. Nhưng nhà họa sĩ hình như không phải dụng công nhiều trong miêu tả nhâ vật này. Bút lực của ông còn dành cho nhân vật Thuý Kiều. Nhà thơ tả Thuý Vâ tưởng như sắc đẹp của Thuý Vân không ai hơn được nữa để rồi sau đó Thuý Kiều xu hiện thì Thuý Vân chỉ là cái nền làm tôn thêm vẻ đẹp của Kiều. Chỉ hai câu:

"Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn".

như là một phép đòn bẩy, nhà thơ đã nâng nhân vật chính lên một bậc cao hẳn cả t lẫn sắc trước mắt người đọc. Đến đây, tác giả không dừng lại ở hình thức bên ngo mà đi sâu vào tài năng, tính cách bên trong, vào sự "*sắc sảo mặn mà*", "*Một h nghiêng nước nghiêng thành*" của Thuý Kiều.

Nếu ở nàng Vân, cái đẹp phúc hậu, đoan trang dễ chinh phục chung quanh:

"Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da"

thì ở nàng Kiều, cái đẹp "*sắc sảo mặn mà*" để gây tạo vật ghen tuông, hờn dỗi: "*Ho ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*".

Các cụ ta xưa đã nhận xét về cái đẹp của hai chị em Kiều, một người là "*sắc trung chi hiền*", một người là "*sắc trung chi thánh*", kể cũng đã chí lí lắm vậy.

Thực ra vẻ đẹp bên ngoài là điều đáng chú ý, song đáng quan tâm hơn vẫn là tài hoa và tính cách của nhân vật. Tác giả đã dùng nhiều câu kiến trúc theo lối tiểu đối để cho tài và sắc của Thuý Kiều được giới thiệu đến mức độ tới hạn của nó:

- *Mai cốt cách/ tuyết tinh thần*
- *Mây thua nước tóc/ tuyết nhường màu da*
- *Làn thu thuỷ/ nét xuân sơn,*
  Hoa ghen thua thắm/ liễu hờn kém xanh.
- *Sắc đành đòi một/ tài đành họa hai.*

Chưa hết, Nguyễn Du đã không tiếc lời ca ngợi nàng bằng một loạt từ ngữ biểu thị giá trị tuyệt đối: "*Thông minh vốn sẵn tính trời!*", "*Pha nghề thi hoạ, đủ mùi ca ngâm*". "*Cung thương làu bậc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*". Không một chữ đưa đẩy, các chữ, các hình ảnh đối chọi nhau và các từ ngữ biểu thị giá trị tuyệt đối, đã thực sự tạo nên nhịp thơ trang trọng, đĩnh đạc càng tôn thêm tài sắc của Thuý Kiều.

Hai vẻ đẹp khác nhau nhưng bút pháp xây dựng lại giống nhau. Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật thuần đường cong: làn nước mùa thu, ngọn núi mùa xuân, khuôn trăng, nét ngài, tóc mây, đa tuyết, ... Nói là chị em Thúy Kiều, nhưng đoạn thơ chỉ nhằm giới thiệu nàng Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, tài hoa mà sắc sảo tài hoa đến mức "*hoa ghen*" "*liễu hờn*", trong đó tài hoa mới thực là điều đáng trọng.

Tóm lại, đoạn thơ ngắn gọn, bố cục hoàn chỉnh, chặt chẽ, nghệ thuật tả người bậc thầy, với bút pháp điêu luyện đã chỉ đúng thần thái, cốt cách của nhân vật, từ ngoại hình đã bộc lộ nội tâm, lưu ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc, đồng thời dự báo những gì sẽ đến với từng nhân vật: cuộc đời Thuý Vân sẽ chẳng biết đến "*sóng gió*" là gì, còn cuộc đời Thuý Kiều sẽ không tránh khỏi "*mệnh bạc*", kiếp "*đoạn trường*".

Tống Trần Ngọc

BÀI SỐ 77

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều" trích trong "truyện Kiều" của thi hào dân tộc Nguyễn Du

Thơ cổ viết về giai nhân thì đoạn thơ *"Chị em Thúy Kiều"* trích trong *"Truyện Kiều"* của thi hào Nguyễn Du là một trong những vần thơ tuyệt bút. 24 câu lục bát đã miêu tả sắc, tài và đức hạnh chị em Thúy Kiều, Thúy Vân - hai tuyệt thế giai nhân - với tất cả tấm lòng quý mến và trân trọng của nhà thơ thiên tài dân tộc.

1. Bốn câu đầu, Nguyễn Du giới thiệu vị thứ trong gia đình: *Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân"*, là con đầu lòng của ông bà Vương Viên ngoại. *"Hai ả tố nga"* là hai cô gái xinh xắn, xinh tươi. Cốt cách thanh cao như mai (một loài hoa đẹp và quý), tinh thần trinh trắng như tuyết. Hai chị em có nhan sắc tâm hồn hoàn mĩ *"mười phân vẹn mười"*, tuy thế, mỗi người lại có một nét đẹp riêng *"mỗi người một vẻ"*. Một cái nhìn phát hiện đầy trân trọng; lấy *mai* và *tuyết* làm chuẩn mực cái đẹp, Nguyễn Du miêu tả tâm hồn trong sáng, trinh trắng làm rõ cái thần bức chân dung thiếu nữ.

2. *Bốn câu tiếp theo tả nhan sắc Thúy Vân.* Mỗi câu thơ là một nết vẽ tài hoa về bức chân dung giai nhân. Cử chỉ, cách đi đứng... rất trang trọng quý phái. Cách ứng xử

thì đoan trang. Mày nở nang, thanh tú như mày con bướm tằm. Gương mặt xinh tươi như trăng rằm. Nụ cười tươi thắm như hoa. Tiếng nói trong như ngọc. Tóc mềm, bóng mượt đến nỗi *"mây thua"*. Da trắng mịn làm cho tuyết phải *"nhường"*. Cách miêu tả đặc sắc, biến hóa. Sử dụng ẩn dụ, nhân hóa tài tình:

"Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang"

Dùng thủ pháp so sánh, nhân hóa:

"Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da".

Từ ngữ: *"trang trọng"*, *"đoan trang"* là 2 nét vẽ tinh tế, gợi tả cái ***thần*** của bức chân dung ả tố nga: vẻ đẹp quý phái, phúc hậu. Một cái nhìn nhân văn đầy quý mến trân trọng của nhà thơ khi miêu tả Thúy Vân.

3. *Mười hai câu tiếp theo tả sắc, tài Thúy Kiều*. Nguyễn Du tả Thúy Vân trước, tả Thúy Kiều sau, chỉ dùng 4 câu tả Thúy Vân, dùng đến 12 câu tả Thúy Kiều. Đó là một dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Du, Kiều không chỉ đẹp mà còn giàu tài năng. Vẻ đẹp của Kiều là *"sắc sảo, mặn mà"*, đẹp *"nghiêng nước nghiêng thành"*. Kiều là tuyệt thế giai nhân *"sắc đành đòi một"*. Tài năng thì may ra còn có người thứ hai nào đó bằng Kiều: *"tài đành họa hai"*. Nguyễn Du dùng biện pháp tu từ ẩn dụ so sánh kết hợp với nhân hóa thậm xưng để ca ngợi và miêu tả nhan sắc Thúy Kiều:

"Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".

Mắt đẹp xanh trong như nước hồ thu, lông mày thanh tú như dáng vẻ, nét núi mùa xuân. Môi hồng má thắm làm cho *"hoa ghen"*; nước da trắng xinh làm cho liễu phải *"hờn"*. Vẫn lấy vẻ đẹp thiên nhiên (thu thủy, xuân sơn, hoa, liễu) làm chuẩn mực cho cái đẹp giai nhân, đó là bút pháp ước lệ trong thơ cổ. Tuy nhiên, nét vẽ của Nguyễn Du tài hoa quá, nét vẽ nào cũng có *thần* rất đẹp, một vẻ đẹp nhân văn.

Kiều *"thông minh vốn sẵn tính trời"*, nghĩa là thông minh bẩm sinh, cho nên các môn nghệ thuật như *thi, họa, ca, ngâm*, chỉ là các thú tao nhã nhưng nàng rất sành điệu, điêu luyện: *"lầu bậc"*, *"ăn đứt"* hơn hẳn thiên hạ:

"Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương".

Kiều giỏi về âm luật, giỏi đến mức *"lầu bậc"*. Cây đàn mà nàng chơi là cây đàn Hồ cầm; tiếng đàn của nàng thật hay *"ăn đứt"* bất cứ nghệ sĩ nào. Kiều còn biết sáng tác âm nhạc, tên khúc đàn của nàng sáng tác ra là một *"thiên bạc mệnh"* nghe buồn thê thiết *"não nhân"*, làm cho lòng người sầu não, đau khổ. Các từ ngữ: *sắc sảo, mặn mà, phần hơn, ghen, hờn, nghiêng nước nghiêng thành, đòi một, họa hai, vốn sẵn, pha nghề, đủ mùi, lầu bậc, ăn đứt, bạc mệnh, não nhân* - tạo nên một hệ thống ngôn ngữ cực tả tài sắc và hé lộ dự báo số phận bạc mệnh của Kiều, như ca dao lưu truyền:

"Một vừa hai phải ai ơi!
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen".

4. *Bốn câu cuối đoạn nói về đức hạnh 2 ả tố nga*: Tuy là khách *"hồng quần"*, đẹp thế, tài thế, lại *"phong lưu rất mực"*, đã tới tuần *"cập kê"* nhưng *"hai ả tố nga"* đã và đang sống một cuộc đời nền nếp, gia giáo:

Em đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai".

Câu thơ *"Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê"* là một câu thơ độc đáo về thanh điệu, về sử dụng phụ âm *"x"* (xuân xanh xấp xỉ), phụ âm *"t"* (tới tuần), phụ âm *"c-k"* (cập kê) tạo nên âm điệu nhẹ nhàng, êm đềm của cuộc sống yên vui, êm ấm của thiếu nữ phòng khuê.

Đoạn thơ nói về *"Chị em Thúy Kiều"* là một trong những đoạn thơ hay nhất, đẹp nhất trong *"Truyện Kiều"* được nhiều người yêu thích và thuộc.. Ngôn ngữ thơ tinh luyện, giàu cảm xúc. Nét vẽ hàm súc, gợi cảm, nét vẽ nào cũng có thần. Các biện pháp tu từ *ẩn dụ, so sánh, nhân hóa* được thi hào vận dụng thần tình tạo nên những vần thơ ước lệ mà trữ tình, đầy chất thơ. Hàm ẩn sau bức chân dung mĩ nhân là cả *một tấm lòng quý mến trân trọng.* Đó là nghệ thuật tả người điêu luyện của thi hào Nguyễn Du mà ta cảm nhận được.

BÀI SỐ 78

Đề bài: Cảm nhận của em về bức tranh "Cảnh ngày xuân" trong "Truyện Kiều"

Trang thơ của Nguyễn Du đang mở rộng trước mắt chúng ta. Có phải không, sau bức chân dung giai nhân là bức họa về cảnh sắc mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của trai tài gái sắc, của chị em Thúy Kiều ? Đoạn thơ "*Cảnh ngày xuân*" gồm có 18 câu, từ câu 39 đến câu 56 của *"Truyện Kiều"* tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật tả cảnh và tả tình của thi hào Nguyễn Du. Một vẻ đẹp thanh xuân, một niềm vui xôn xao, náo nức cứ dâng lên, cứ lan tỏa, rồi lắng dịu mãi trong lòng ta khi đọc đoạn thơ này.

1. Bốn câu thơ đầu, mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la mênh mông là những cánh én bay qua bay lại như *"đưa thoi"*. Cánh én mùa xuân thân mật biết bao. Hai chữ *"đưa thoi"* rất gợi hình, gợi cảm. Cánh én như con thoi vút qua, vút lại, chao liệng; thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh. Câu thành ngữ - tục ngữ: *"Thời gian thấm thoắt thoi đưa, như ngựa chạy, như nước chảy qua cầu"* đã nhập vào hồn thơ Tố Như tự bao giờ ?

Sau cánh én *"đưa thoi"* là ánh xuân, là *"thiều quang"* của mùa xuân khi *"chín chục đã ngoài sáu mươi"*. Cách tính thời gian và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân của các thi sĩ xưa nay thật là hay và ý vị. Nào là *"xuân hướng lão"* (Ức Trai), nào là cảnh mưa bụi, tiếng chim kêu trong Đường thi. Nào là cánh bướm rối rít bay trong thơ Trần Nhân Tông. Còn là *"xuân hồng"* (Xuân Diệu), *"mùa xuân chín"* (Hàn Mặc Tử), v.v... Với Nguyễn Du là mùa xuân đã bước sang tháng ba, *"Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi"*. Hai chữ *"thiều quang"* gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mênh mông bao la của đất trời *"Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên"* ("*Nguyên tiêu*" - Hồ Chí Minh).

Còn là sắc *"xanh"* mơn mởn, ngọt ngào của cỏ non trải dài, trải rộng như tấm thảm *"tận chân trời"*. Là sắc *"trắng"* tinh khôi, thanh khiết của hoa lê nở lác đác, chỉ mới hé lộ, khoe sắc khoe hương *"một vài bông hoa"*:

"Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa."

Vần cổ thi Trung Hoa được Tố Như vận dụng một cách sáng tạo: *"Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa"*. Hai chữ *"trắng điểm"* là nhãn tự, cách chấm phá

điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân trinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: trên cái nền xanh của cỏ non là một vài bông lê *"trắng điểm"*. Giữa điệu và điểm, giữa nền xanh và sắc trắng của cảnh vật mùa xuân là những cánh én *"đưa thoi"*, là màu hồng của ánh thiều quang, là *"khát vọng mùa xuân"* ngây ngất, say đắm lòng người:

"Nhìn hoa đang hé tưng bừng,
Khao khát mùa xuân yên vui lại đến".
(Ca khúc *"Khát vọng mùa xuân"* - Mô-da)

"Cảnh mùa xuân" là bức tranh xuân hoa lệ, là vần thơ tuyệt bút của Nguyễn Du để lại cho đời, điểm tô cho cuộc sống mỗi chúng ta. Phải chăng, thi sĩ Chế Lan Viên đã học tập Tố Như để viết nên vần thơ xuân đẹp này:

"Tháng giêng hai xanh mướt cỏ đồi,
Tháng giêng hai vút trời bay cánh én..."?
(Ý nghĩ mùa xuân)

2. Tám câu thơ tiếp theo tả cảnh trẩy hội mùa xuân: *"Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh"* trong tiết tháng ba. Điệp ngữ: *"lễ là... hội là..."* gợi lên những cảnh lễ hội dân gian cứ liên tiếp diễn ra đã bao đời nay: *"Tháng giêng là tháng ăn chơi - Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè"*... (Ca dao). Cảnh trẩy hội đông vui, tưng bừng, náo nhiệt. Trên các nẻo đường *"gần xa"* những dòng người cuồn cuộn trẩy hội. Có biết bao *"yến anh"* trẩy hội trong niềm vui *"nô nức"*, hồ hởi, giục giã. Có biết bao tài tử, giai nhân *"dập dìu"* vai sánh vai, chặn nối chân nhịp bước. Dòng người trẩy hội tấp nập ngựa xe cuồn cuộn *"như nước"*, áo quần đẹp đẽ, tươi thắm sắc màu, nghìn nghịt, đông vui trên các nẻo đường *"như nêm"*. Các từ ngữ: *"nô nức"*, *"dập dìu"*, các ẩn dụ so sánh (như nước, như nêm) đã gợi tả lễ hội mùa xuân tưng bừng náo nhiệt đang diễn ra khắp mọi miền quê đất nước. Trẻ trung và xinh đẹp, sang trọng và phong lưu:

"Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm."

Trong đám tài tử, giai nhân *"gần xa"* ấy, có ba chị em Kiều. Câu thơ *"Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân"* mới đọc qua tưởng như chỉ là một thông báo. Nhưng sâu xa hơn, nó ẩn chứa bao nỗi niềm: chờ trông mong đợi, ngày lễ tảo mộ, ngày hội đạp thanh đến để du xuân trong những bộ quần áo đẹp đã chuẩn bị, đã *"sắm sửa"*... Có biết bao *"bóng hồng"* xuất hiện trong đám tài tử, giai nhân ấy ? Ai đã từng đi hội chùa Hương, hội Lim, hội Yên Tử... mới cảm thấy cái đẹp, cái vui, cái tưng bừng, tươi trẻ trong hội đạp thanh mà Nguyễn Du đã nói đến.

Thơ là nghệ thuật của ngôn từ. Các từ ghép: *"yến / anh"*, *"chị / em"*, *"tài / tử"*, *"giai / nhân"* *"ngựa / xe"*, *"áo / quần"* (danh từ); *"gần / xa"* , *"nô / nức"*, *"sắm / sửa"*, *"dập / dìu"* (tính từ, động từ) được thi hào sử dụng chọn lọc tinh tế, làm sống lại cái không khí lễ hội mùa xuân, một nét đẹp của nền văn hóa lâu đời của phương Đông, của Trung Hoa, của Việt Nam chúng ta, và nếp sống *"phong lưu"* của chị em Kiều.

"Ngổn ngang / gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc / trọ tiền giấy bay."

Đời sống tâm linh, phong tục dân gian cổ truyền trong lễ tảo mộ được Nguyễn Du nói đến với nhiều cảm thông, san sẻ. Cõi âm và cõi dương, người đang sống và kẻ đã khuất, hiện tại và quá khứ đồng hiện trên những gò đống *"ngổn ngang"* trong lễ tảo mộ. Cái tâm thánh thiện, niềm tin phác thực dân gian đầy ắp nghĩa tình. Các tài tử,

;iai nhân, và ba chị em Kiều không chỉ nguyện cầu cho những vong linh mà còn gửi ;ắm bao niềm tin, bao ao ước về tương lai hạnh phúc cho tuổi xuân khi mùa xuân về. Có thể sau hai trăm năm, ý nghĩ của mỗi chúng ta có ít nhiều đổi thay trước cảnh *Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay"*, nhưng giá trị nhân bản của vần thơ Nguyễn Du ẫn làm ta xúc động !

3. Sáu câu thơ cuối đoạn ghi lại cảnh chị em Kiều đi tảo mộ đang dần bước trở ề nhà. Mặt trời đã *"tà tà"* gác núi. Ngày hội, ngày vui đã trôi qua nhanh:

"Tà tà, bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về."

Hội tan sao chẳng buồn ? Ngày tàn sao chẳng buồn ? Nhịp thơ chậm rãi. Nhịp sống ihư ngừng trôi. Tâm tình thì *"thơ thẩn"*, cử chỉ thì *"dan tay"*, nhịp chân thì *"bước dần"*. Một cái nhìn man mác, bâng khuâng: *"lần xem"*... đối với mọi cảnh vật. Tất cả đều nhỏ ›é. Khe suối chỉ là *"ngọn tiểu khê"*. Phong cảnh *"thanh thanh"*. Dòng nước thì *"nao nao"* iốn quanh. Dịp cầu thì *"nho nhỏ"* bắc ngang ở cuối ghềnh. Cả một không gian êm đềm, ắng lặng. Tâm tình của chị em Kiều như dịu lại trong bóng tà dương. Như đang đợi chờ một cái gì sẽ đến, sẽ nhìn thấy ? Cặp mắt cứ *"lần xem"* gần xa:

"Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh."

Các từ láy tượng hình: *"thanh thanh"*, *"nao nao"*, *"nho nhỏ"* gợi lên sự nhạt nhòa :ủa cảnh vật và sự rung động của tâm hồn giai nhân khi hội tan, ngày tàn. Nỗi niềm man nác bâng khuâng thấm sâu, lan tỏa trong tâm hồn của giai nhân đa tình, đa cảm.

Cảnh vật và thời gian được miêu tả bằng bút pháp ước lệ tượng trưng nhưng rất ›ống động, gần gũi, thân quen đối với bất cứ người Việt Nam nào. Không còn xa lạ ữa, vì ngọn tiểu khê ấy, dịp cầu nho nhỏ ấy là màu sắc đồng quê, là cảnh quê hương lất nước mình. Tính dân tộc là một nét đẹp đậm đà trong thơ Nguyễn Du, nhất là ıhững vần thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt tác.

Thi sĩ Xuân Diệu từng viết: *"Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi"*. Trong *Thương nhớ mười hai"*, Vũ Bằng không nén nổi cảm xúc của mình mà phải thốt lên: *'Mùa xuân của tôi... Cái mùa xuân thần thánh của tôi... Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến..."*. Và chúng ta muốn nói hêm: *"Đẹp quá đi mùa xuân của đất nước thân yêu ! Vui quá đi, trẻ đẹp quá đi cảnh nùa xuân, cảnh trẩy hội xuân trong "Truyện Kiều"*. Mùa xuân đem đến cho ta bao ước vọng. Sắc xuân, tình xuân như nở hoa, ướp hương trong lòng ta.

Hỡi những nàng Kiều gần xa có nghe thấy tiếng nhạc vàng của chàng Kim Trọng trong ngày hội xuân đẹp từ xa đang vọng tới ?...

BÀI SỐ 79

Đề bài: ***Cảnh chia tay giữa "người quốc sắc, kẻ thiên tài" trong hội Đạp thanh chiều xuân ấy được thi hào Nguyễn Du viết:***

"... Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha..."

Hãy phân tích hai câu thơ trên và nêu cảm nhận của em về nghệ thuật tả cảnh trong "Truyện Kiều".

"*Truyện Kiều*" của thi hào dân tộc Nguyễn Du là một công trình nghệ thu bằng thơ lục bát chứa chan tinh thần nhân đạo. Thiên diễm tình của "*người quốc sắ kẻ thiên tài*" với bao tình tiết đẹp đẽ, cảm động gieo vào lòng ta bao ấn tượng khó ph mờ. Có không ít vần thơ, câu thơ tả cảnh lung linh sắc màu chẳng khác nào mảnh tr xanh rủ bóng xuống hồn ta trên những nẻo đường nắng lửa. Thiên nhiên tror "*Truyện Kiều*" đẹp lắm, đọc qua một lần dâu dễ quên? Và đây là hai câu Kiều cho nhiều thú vị văn chương:

"...Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha"

Cái buổi chiều tà thanh minh ấy, hình ảnh "*Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa*" c làm cho Kim Trọng hào hoa "*chập chờn cơn tỉnh cơn mê*"... Cuộc chia tay không m lời hẹn ước mà sao đằm thắm nghĩa tình? "*Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy*" (Thế Li đã được thi hào Nguyễn Du ghi lại một cách thần tình:

"Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn nghé theo..."

Rất tế nhị và thanh tao, cái giây phút rạo rực trái tim Kim – Kiều dự cảm m tình yêu đắm say chớm nở, khiến Nguyễn Du đồng cảm viết nên những vần thơ tìr tuyệt bút.

Cuộc chia tay trong hội Đạp thanh đâu dễ quên? Bút pháp tả cảnh ngụ tình củ Nguyễn Du nâng cao cảm xúc nghệ thuật. Thời gian trôi nhanh, không gian trở nê trong sáng, tĩnh lặng. Hình ảnh chọn lọc, cụ thể nhưng xiết bao gợi cảm: chiếc cầ nho nhỏ xinh xinh, dòng nước trong veo lững lờ, cành liễu thiết tha trong bóng chiề nhạt ... Cảnh đơn sơ mà xinh xắn như bức tranh thuỷ mặc – chứng nhân cho một m tình đẹp đang nảy nở.

Cảnh vật đẹp và thơ mộng quá! Thiên nhiên như mang nặng tình người. Dòn nước trong veo chảy dưới cầu như tình cảm trong sáng của lòng người. Nhà thơ khôn hề nói đến gió mà có gió thổi:

"Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha"

Hình ảnh ẩn dụ "*tơ liễu*" và từ láy "*thướt tha*" gợi tả lá liễu, cành liễu dài v mềm bay trước làn gió nhẹ, mang theo bao tình ý xôn xao. Ngoại cảnh hoà nhập tron tâm cảnh, biểu hiện nỗi lòng bâng khuâng xao xuyến, thiết tha của Thúy Kiều và Kiı Trọng.

Hai câu thơ lục bát được viết theo cấu trúc "*bình đối*" không gian hai chiều "*dưới cầu*" và "*bên cầu*", có màu xanh "*trong veo*" của dòng nước chảy, có dáng liễı "*tơ liễu*" bay "*thướt tha*" trong bóng chiều xuân. Cảnh vật cân xứng, hài hoà và r hữu tình. Hai câu thơ lục bát tả cảnh đẹp như một bức tranh của một danh hoạ được v bằng những đường nét tinh tế, tươi tắn, gam màu nhẹ hoà hợp tạo cảm xúc thơ mộng màu xanh của dòng nước trong veo, màu vàng nhạt của bóng chiều tà mùa xuân, mà xanh lục của liễu, đường nét của "*chiếc cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*", của dòn nước "*nao nao*" uốn lượn quanh co ... Ngòi bút của thi nhân tả ít mà gợi nhiều. Cản vật thanh tao, sống động, ấp ủ hồn người. Ngoại cảnh như đang xao xuyến rung độn trước nỗi niềm bâng khuâng, man mác của lứa đôi. Cảnh vật in đấu tâm sự và tìn cảm; một tình yêu đẹp mới chớm nở trong lòng "*người quốc sắc, kẻ thiên tài*".

Trong "*Truyện Kiều*", tả cảnh cũng như tả người, Nguyễn Du vận dụng sáng tạ thi pháp cổ truyền thống, tả ít mà gợi nhiều. Chỉ một vài nét chấm phá mà nhà thơ v

lên một bức tranh thiên nhiên chứa chan thi vị. Bao trùm lên tất cả là bút pháp ước lệ tượng trưng. Người thì ngư, tiều, canh, mục. Cảnh thì có phong, hoa, tuyết, nguyệt. Cỏ cây hoa lá thì sen, cúc, trúc, mai,v.v... Tuy nhiên, thi hào với ngòi bút thiên tài và tâm hồn nghệ sĩ đã để lại ở câu thơ, vần thơ những dấu ấn đậm đà.

Đọc "*Truyện Kiều*", ta nhớ mãi bức tranh tứ bình về trăng, hoa, gió, tuyết:

"Đòi phen gió tựa, hoa kề
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu"

Ta quên sao được sự chuyển vần của bốn mùa trong nỗi buồn đau nặng trĩu lòng người:

"Sen tàn cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân."

Thiên nhiên trong "*Truyện Kiều*" rất đỗi quen thuộc với tâm hồn con người Việt Nam. Nhà thơ như một hoạ sĩ tài ba phối sắc, tạo hình, dựng cảnh ... đều thần tình dem đến cho người đọc nhiều rung cảm. Mùa xuân với "*Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*". Mùa hè với tiếng chim quyên và hoa lựu đỏ:

"Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè dâm bông."

Mùa thu với sắc màu rực rỡ:

"Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng."

Những hình ảnh "*Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia*", những nhánh liễu mềm "*Lơ thơ tơ liễu buông mành*", những con đường "*Lối mòn cỏ nhợt màu sương*", ... ta vẫn thấy quanh ta, thân thiết, gần gũi. Ta vốn mê say mảnh trăng xứ sở trong ca dao dân ca, cho nên ta yêu thêm vầng trăng ly biệt trong "*Truyện Kiều*":

"Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường"

Có lúc thi hào dựa vào thi liệu cổ Trung Hoa rồi chắt lọc, tái tạo, câu thơ Kiều trở nên cổ kính, trang nhã, cảnh sắc lại đậm đà một hồn quê:

"Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông"

Nguyễn Du đã từng nói: "*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu – Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*". Thiên nhiên trong "*Truyện Kiều*" không chỉ là cái nền, cái khung cảnh cho nhân vật, mà còn biểu hiện tâm trạng nhân vật. Ngoại cảnh hoà hợp với tâm cảnh. Tám câu thơ tả cảnh "*Trước lầu Ngưng Bích*" là những vần thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt diệu. Mỗi từ ngữ, mỗi hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong đoạn thơ đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng và một hoán dụ về số phận người thiếu nữ tài sắc mà bạc mệnh:

"...Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?"

Nguyễn Du đã dành cho thiên nhiên một tình yêu nồng hậu với tất cả trái tim đa cảm của người nghệ sĩ thiên tài. Thi hào có biệt tài nắm bắt được cái "*thần*" tiêu biểu nhất của mỗi cảnh vật riêng biệt, và chỉ vài nét phác hoạ, bức tranh thiên nhiên hiện ra hữu tình, hấp dẫn kỳ lạ:

"Song sa vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng."

Trong "*Truyện Kiều*", thiên nhiên cũng là một "*nhân vật*" trữ tình. Mỗi lần thiên hiên xuất hiện, câu thơ trở nên lung linh, huyền diệu. Nó phản ánh một hồn thơ tuyệt ẹp, một nghệ thuật tả cảnh diêu luyện vô song. Đẹp thay những câu thơ Kiều nói về thiên hiên. Qua những câu thơ ấy, ta yêu thêm tiếng Việt và thơ ca dân tộc. Đến với những vần ơ Kiều, tâm hồn người đọc rộng mở, thắm tươi mãi tình yêu tạo vật, yêu cảnh sắc bốn ùa của đất nước quê hương; đồng cảm với vần thơ của Chế Lan Viên:

"Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành văn"

BÀI SỐ 80

Bài đọc tham khảo

Thanh minh trong tiết tháng ba

Một cuộc du xuân - đây là sự kiện mở màn cho cuộc đời thiếu nữ phong lưu và uân sắc của Thúy Kiều. Cuộc du xuân mở đầu cho phần thứ nhất trong hệ thống ba iến cố thông thường của cốt truyện cổ điển: *"Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ"*. Chúng ta ẽ bắt gặp ở đoạn thơ này một bức tranh thiên nhiên sáng tươi xinh đẹp và hội đạp ianh tưng bừng náo nhiệt. Nhưng cũng chính ở phần *"Gặp gỡ"* mà thông thường sẽ hưa có bóng dáng của tai họa - lại đã xuất hiện một nấm mồ, một cuộc đời và một ét cảm xưa có màu sắc bi kịch về số phận của hồng nhan.

1. Một bức tranh thiên nhiên và một khung cảnh lễ hội.

Mặc dầu câu thơ thứ hai trong đoạn có thể đưa đến một liên tưởng, một ấn ượng nào đó về thời gian tuổi thọ, nhưng chủ yếu toàn bộ sáu câu thơ đầu tiên là một ức tranh thiên nhiên rực rỡ ánh sáng và màu sắc trong trẻo của bầu trời *"thanh minh"*, ủa hình ảnh đàn chim én bay qua bay lại linh hoạt, nhịp nhàng, của nội cỏ mênh iông một màu tươi sáng pha hòa giữa màu xanh lá cây và màu xanh cỏ non và của ıột cành lê thanh tú *"trắng điểm một vài bông họa"*...

Con người trong tiết thanh minh đi sửa sang phần mộ và tìm đến những bóng ình của quá khứ - đó là lễ nghi truyền thống. Nguyễn Du đã chứng tỏ tài năng bậc ıầy về ngôn ngữ ngay ở câu thơ tự sự ngắn gọn về một sinh hoạt thông thường: *"Lễ là ảo mộ, hội là đạp thanh"*. Nghi lễ vào hội hè có thể có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, hưng đó vẫn là hai hình thức sinh hoạt văn hóa có khác biệt: Hội đạp thanh là cuộc ui chơi trên dặm cỏ xanh của lứa tuổi xuân xanh... Hội đạp thanh là một cuộc sống iện tại và có thể tìm đến những sợi tơ hồng của mai sau... Trong tiết thanh minh, có ồi ức và tưởng niệm quá khứ (*"lễ là tảo mộ"*) nhưng cũng có khát khao và hoài vọng hìn về phía trước của cuộc đời (*"hội là đạp thanh"*).

Sau câu thơ mở đầu là một bức tranh *"đượm vẻ thiên nhiên"* diễm lệ và tươi áng. Vẫn chỉ là ngòi bút phác họa, chấm phá nhưng chủ yếu nhà thơ đã sử dụng từ gữ dân tộc (trong đó có những câu thơ có thể gọi là *"thuần Nôm"*), đã lựa chọn hững đường nét, những hình ảnh, những màu sắc đưa vào một tổng thể cấu trúc hội ọa hài hòa giữa bức phông màu thiên thanh và những cánh chim én đậm màu sắc, sắc ét, giữa cành lê trong trắng trên nền cỏ mùa xuân tươi xanh...

Tiếp theo hình tượng thiên nhiên là ngôn ngữ tự sự về cảnh lễ hội. Một hệ thống anh từ và động từ kép: *"gần xa, yến anh, chị em, tài tử, giai nhân... nô nức, sắm sửa, ập dìu, ngổn ngang"* biểu hiện những hoạt động nhộn nhịp, náo nhiệt, tươi vui của ọi người và đây lại là một dòng những con người trẻ tuổi *"nam thanh nữ tú"* với gựa xe, trang phục dông dúc, chen chúc... Lễ viếng thăm phần mộ tưng bừng, náo

nhiệt, xen kẽ ngày hội ngộ của tuổi thanh xuân đã hoàn chỉnh bức tranh mùa xuân khi cỏ cây hoa lá vẫn đang độ tươi xanh rực rỡ, khi không trung và ánh sáng đã trở nên trong trẻo và ấm áp hơn.

Dường như ánh sáng mùa xuân, niềm vui lễ hội đang bao trùm tất cả nhân gian (trong đó có ba chị em họ Vương). Thông qua sinh hoạt du xuân của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã khắc hoạ hình ảnh một truyền thống văn hóa lễ hội xa xưa và một cung cách sống của gia đình viên ngoại họ Vương.

2. *Một nấm mồ vô chủ và một số kiếp hồng nhan.*

Thời gian đã chuyển qua, bóng dương chênh chếch xế chều *"Tà tà bóng ngả về tây"*. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của cảnh vật, dường như con người cũng chìm trong một cảm xúc bâng khuâng khó tả. Trong văn học trung đại, chiều tà thường gợi lên ý niệm nhớ nhung, hoài niệm hoặc tàn tạ thê lương *"Quán thu phong đứng vũ tà huy - Ai đem nhân ảnh nhuộm màu tà dương..."* (*Cung oán ngâm khúc*). Cuộc du xuân ngoạn cảnh đã xong, đã chấm dứt lễ hội tưng bừng náo nhiệt... Tâm hồn con người dường như cũng *"chuyển điệu"* theo sự thay đổi của thời gian và tàn cuộc thanh minh để mang chút bâng khuâng thơ thẩn trên dặm đường về... Thời gian và tâm trạng đó báo hiệu sự biến đổi trong không gian. ở đây chỉ có ba hình ảnh để tả phong cảnh: một dòng suối nhỏ, chiếc cầu nhỏ và một nấm mồ nhỏ... Cũng vẫn chỉ là ngòi bút phác hoạ qua sáu câu thơ. Đối lập với cảnh đông đúc ồn ào của lễ hội ở trên là một không gian cô tịch với dòng suối nhỏ uốn khúc *"nao nao"* nhẹ nhàng, dòng suối bé nhỏ tội nghiệp đến mức chỉ cần một *"nhịp cầu nho nhỏ"* bắc ngang là đủ để con người đi qua... Miêu tả dòng suối hay là miêu tả nỗi niềm nao nao xao động của lòng người ? Giữa cảnh vật và lòng người dường như không có đường viền... Cũng như vậy, Nguyễn Du dùng những trạng từ kép: *"sè sè, dàu dàu..."* nấm đất thấp bé gợi hình ảnh một số phận nhỏ nhoi. Và riêng ngọn cỏ ở đây không hề mang một màu *"xanh tận chân trời"* như trên, mà lại chen màu vàng úa và *"dàu dàu"* héo hon, ủ rũ... Những từ ngữ *"thanh thanh, nao nao, dàu dàu..."* biểu đạt sắc thái cảnh vật nhưng đồng thời cũng bộc lộ tâm trạng của con người.

Một khung cảnh hoàng hôn báo hiệu ngày tàn đối lập với thiên nhiên trong tiết thanh minh tươi sáng, một nấm mồ cô quạnh thê lương đối lập với lễ tảo mộ đông đúc náo nhiệt... Một bức tranh đối lập khiến con người đa cảm phải thốt lên một câu hỏi ngạc nhiên (Rằng: *"Sao trong tiết thanh minh, Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?"*). Khung cảnh hoang vắng thê lương ấy minh chứng một câu chuyện thương tâm về một con người, một cuộc đời và một kết thúc đã bị cuộc đời lãng quên...

G.s Đặng Thanh Lê
(Trích "*Giảng văn Truyện Kiều*")

BÀI SỐ 81

Đề bài: Bình giảng đoạn thơ "Mã Giám Sinh mua Kiều"

"Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu li,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân?"

Kiếp của Thúy Kiều là kiếp đoạn trường, "*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*", là "*Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan!*"

Bị thằng bán tơ vu oan, cha và em trai bị tra tấn, tù đày, tài sản gia đình bị bọn sai nha *"sạch sành sanh vét cho đầy túi tham"*. Trước cảnh gia biến, Kiều đã quyết định: *"Dễ cho để thiếp bán mình chuộc cha !"*.

Đoạn thơ ghi lại *cảnh Mã Giám Sinh đến mua Kiều và nỗi đau khổ của nàng trước bi kịch gia đình và bi kịch tình yêu "trâm gãy bình tan"*.

Đoạn thơ tả cảnh mua bán người thời trung cổ được kể lại rất cụ thể, sống động. Người mua là Mã Giám Sinh. Kẻ bán là mụ mối. Người bị đem bán là Thúy Kiều. Khách viễn phương đến, mụ mối rước khách vào lầu trang. Mụ mối giục Kiều *"kíp ra"* cho khách gặp. Mụ mối *"vén tóc bắt tay"* món hàng mình; Mã Giám Sinh *"cân sắc cân tài"*. Khi khách đã *"mặn nồng một vẻ một ưa"* mới hỏi giá. Mụ mối thách: *"một nghìn vàng"*. Hai bên *"cò kè"* mua bán với cái giá *"vàng ngoài bốn trăm"*. Cuộc mua bán xong, hai bên làm thủ tục: *"đưa canh thiếp"* và hẹn ngày chồng tiền nhận hàng. Cuộc mua bán người lại được trang sức bằng những ngôn từ sang trọng như: *mua ngọc, sính nghi, đưa canh thiếp làm nghi, nạp thái vui quy* - Đúng như cảnh hỏi vợ, thách cưới của các gia đình quý tộc thời xưa.

Cảnh Mã Giám Sinh mua Kiều có giá trị tố cáo hiện thực sâu sắc. Trong xã hội có *bọn người buôn thịt bán người, có loại người làm mối*, sống bằng *nghề làm mối*. Tài sắc của người con gái như Thúy Kiều đã trở thành một món hàng để *"cò kè"* mua bán. Nhân phẩm của người phụ nữ bị chà đạp. Câu thơ *"Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong"* là lời bình luận cuộc mua bán, lên án đồng tiền hôi tanh, mặt trái đồng tiền trong tay bọn bất lương, bọn buôn thịt bán người.

Đoạn thơ thể hiện nghệ thuật tả người của Nguyễn Du.

Mụ mối: nhanh nhảu, đon đả hỏi họ tên, quê quán viễn khách, rồi *"rước vào lầu trang"*. Giục Kiều ra nhanh (kíp ra), *"vén tóc bắt tay"* Kiều, khôn khéo thách giá:

"Mối rằng: Đáng giá nghìn vàng,
Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài!"

Tác giả tả cử chỉ, ngôn ngữ mụ mối, làm hiện lên một loại người nhanh nhẹn, khôn khéo, giảo hoạt, kiếm ăn bằng nghề làm mối trong việc mua, bán người.

Mã Giám Sinh là *"viễn khách"* đến để *"vấn danh"* - khách đến hỏi vợ và xin cưới. Cách giới thiệu có vẻ trang trọng. Hai câu tiếp theo là *"hỏi - đáp"*. Cách trả lời cộc lốc, khiếm nhã. Hai chữ *"rằng"* làm cho khẩu ngữ thêm thô lậu:

"Hỏi tên, rằng: "Mã Giám Sinh",
Hỏi quê, rằng: "Huyện Lâm Thanh cũng gần".

Mã Giám Sinh chung lưng vốn với mụ Tú Bà mở ngôi hàng lầu xanh ở Lâm Tri nhưng nói đối là quê ở *"Lâm Thanh cũng gần"*. Hắn chỉ là một tên buôn thịt bán người nhưng mập mờ khoe hão là sinh viên trường Quốc tử giám, họ Mã, nghĩa là một trí thức phong kiến thuộc tầng lớp quý tộc. Nhân cách hé lộ dần. Ngoài bốn mươi tuổi mà vẫn trai lơ. *"Nhẵn nhụi"* và *"bảnh bao"* là hai nét vẽ châm biếm:

"Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao".

Cũng *"thầy"* cũng *"tớ"*, cũng *"trước"* cũng *"sau"*, có vẻ sang trọng lắm, đi đâu một bước là có kẻ hầu người hạ, nhưng thầy, tớ của ông khách viễn phương này sao mà *"lao xao"* chẳng có nền nếp, lễ giáo gì ! Cái cử chỉ *"sỗ sàng"*, không biết ý tứ gì, không biết giữ lễ phép, đám đường đột leo lên ghế cao ngồi *"tót"* ! Nếu là sinh viên trường Quốc tử giám thật, thì hắn ta rất kém *sĩ hạnh* !

"Trước thầy sau tớ lao xao,
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng..."

Một chữ *"tót"* đầy khinh bỉ, đã vạch trần chân tướng kẻ *"Quen mồi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa"*.

"Cân sắc cân tài", *"ép"*, *"thử"*,... những cử chỉ, cách thức mua người ấy của tên lái buôn họ Mã mới thật ghê tởm! Chỉ sau khi đã *"mặn nồng một vẻ một ưa"*, Mã Giám Sinh mới *"dặt dìu"* mua bán. Hắn là kẻ khôn ngoan đến róc đời, trong mọi mánh lới buôn thịt bán người. Cũng sang trọng kiểu cách như ai. Chẳng qua chỉ là hoa hòe hoa sói thớ lợ:

"Rằng: "Mua ngọc đến Lam Kiều",
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường".

Hai chữ *"cò kè"* đã bóc trần bản chất bủn xỉn của một kẻ *"Quanh năm buôn phấn bán hương đã lề"*.

Qua nhân vật Mã Giám Sinh, ta càng thấy rõ *bút pháp hiện thực* trong *nghệ thuật tả người* của Nguyễn Du. Nét vẽ nào cũng sắc sảo tạo nên tính cách xấu xa, đồi bại của nhân vật Mã Giám Sinh. Chi tiết nghệ thuật nào cũng rất sống, đằng sau nét vẽ là thái độ khinh bỉ của nhà thơ đối với loại người bạc ác tinh ma này! Bức chân dung phản diện về Mã Giám Sinh có giá trị tố cáo hiện thực đặc sắc, lên án bọn buôn thịt bán người vô nhân đạo, đạo đức giả trong xã hội phong kiến suy tàn, thối nát.

Kiều là một thiếu nữ hiếu thảo, giàu đức hi sinh. Trước cảnh gia biến nàng đã bán mình để chuộc cha, để cứu gia đình. Nàng tự xem thân mình như *"hạt mưa"* nhỏ bé, hèn mọn. Tất cả vì *"ba xuân"*, một lòng đền đáp công ơn sinh thành của cha mẹ:

"Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân".

Kiều sống trong tâm trạng bi kịch dữ dội giữa *tình riêng* với *tình nhà*, giữa chữ *tình* với chữ *hiếu*, *"nỗi mình thêm tức nỗi nhà"*. Nàng vô cùng đau khổ. Bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu *"lệ hoa"* đã tuôn rơi, cả người nàng như héo hon, rũ xuống: *"ngại ngùng",... "bóng thẹn",... "mặt dày", "nét buồn như cúc điệu gầy như mai"*. Vì là *người đẹp đau khổ* cho nên các ẩn dụ so sánh mà nhà thơ sử dụng đều gắn liền với cái đẹp: thềm *hoa*, lệ *hoa "nét buồn như cúc, điệu gầy như mai"*. Kiều bị mụ mối và Mã Giám Sinh *"ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ"*. Mã Giám Sinh đã *"đắn đo cân sắc cân tài"*. Con người Kiều, tài sắc Kiều đã trở thành món hàng đem ra mua bán. Nguyễn Du đã ca ngợi lòng hiếu thảo, đức hi sinh của Kiều trước gia biến, cảm thương cho nỗi đau khổ của nàng khi Mã Giám Sinh *"cân sắc cân tài"*, khi bị hắn *"cò kè bớt một thêm hai"*... Đoạn thơ chứa chan tinh thần nhân đạo là ở những chi tiết nội dung ấy.

"Mã Giám Sinh mua Kiều" là đoạn thơ *có giá trị tố cáo đanh thép và sâu sắc nhất* trong *"Truyện Kiều"*. Nguyễn Du đã dựng nên một bức tranh tả thực sắc sảo giúp chúng ta thấy rõ được bộ mặt tàn ác, ghê tởm của bọn buôn thịt bán người trong xã hội, ở đây là Mã Giám Sinh. Nhà thơ đã lên án, mặt trái đồng tiền hôi tanh *"Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong!"*. Đồng cảm, xót thương cho số phận nàng Kiều: phải bán mình chuộc cha. Thương tiếc tài sắc giai nhân bị dập vùi. Đó là *giá trị nhân đạo.*

Đoạn thơ thể hiện bút pháp nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Du trong *tự sự* (cảnh mua Kiều), trong *tả người*: tả Mã Giám Sinh, tả mụ mối thì sử dụng bút pháp hiện

thực, chi tiết hiện thực; tả Kiều thì thiên về ước lệ. Rất biến hóa, tài tình. Ngôn ngữ mang sắc thái biểu cảm đầy ấn tượng.

Cảnh *"Mã Giám Sinh mua Kiều"* có giá trị tố cáo hiện thực và chứa chan tinh thần nhân đạo. Đoạn thơ là sự khởi đầu tiếng kêu thương của một kiếp đoạn trường. Biết bao nhiêu nước mắt đã tuôn rơi cùng những tiếng thở dài não nuột đau đớn. Bi kịch "*bán mình...*" của Thúy Kiều là bi kịch hồng nhan giữa thời đen bạc, là nỗi đau "*muôn đời chưa quên*" của tình duyên, của số phận như tiếng khóc than của Vương ông thuở nào:

"Kiều nhi phận mỏng như tờ,
Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng!
Gặp cơn gia biến lạ dường,
Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.
Trót lời nặng với lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên..."

BÀI SỐ 82

Đề bài: Phân tích nhân vật Mã Giám Sinh trong đoạn thơ "Mã Giám Sinh mua Kiều"

Đoạn trích *"Mã Giám Sinh mua Kiều"* là đoạn mở đầu trong đoạn đời 15 năm trời lưu lạc đau khổ của nàng Kiều. Đoạn thơ dài 34 câu, từ câu 619 đến câu 652 trong "*Truyện Kiều*".

Đoạn thơ làm sống lại một cảnh mua bán người thời trung cổ, thể hiện bút pháp nghệ thuật tự sự và tả người của thi hào Nguyễn Du. Nét đặc sắc nhất là nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ nhân vật Mã Giám Sinh.

Trước cảnh gia biến, Kiều là đứa con chí hiếu quyết bán mình chuộc cha thoát khỏi vòng tù tội:

"Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ, quyết đền ba xuân".

Khách đến mua Kiều là *"người viễn khách"* được mụ mối đưa vào để *"vấn danh"*, để ăn hỏi và xin cưới! Cách giới thiệu có vẻ trang trọng. Phải chăng *"viễn khách"* đi tìm người đẹp để "*cầu hôn?*".

"Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh".

Khách tự giới thiệu mình là "*kẻ sĩ*" - sinh viên trường Quốc tử giám, chỉ nói họ không xưng tên, rất kiểu cách quý tộc; sau đó giới thiệu quê hương bản quán: *"huyện Lâm Thanh cũng gần"*. Hai chữ *"rằng"* nối tiếp nhau xuất hiện biểu lộ một thái độ kiêu kì coi thiên hạ bằng nửa con mắt. Khẩu ngữ đối đáp của *"viễn khách"* vừa hợm hĩnh vừa thô lậu, khiếm nhã:

"Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh",
"Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần".

Đọc "Truyện Kiều" ta mới thấu tỏ nguồn gốc *"viễn khách"*. Y với mụ Tú Bà là những kẻ *"Làng chơi đã trở về già hết duyên"*. Sống ở Lâm Truy *"Quanh năm buôn*

phấn bán hương đã lề". Sinh viên trường Quốc tử giám, *"huyện Lâm Thanh cũng gần"* mà Mã Giám Sinh tự giới thiệu chỉ là một sự khoe mẽ, bịp bợm. Viễn khách chỉ là một kẻ buôn thịt bán người *"Quen mối lại kiếm ăn miền nguyệt hoa"*.

Đây là bức chân dung truyền thần tên lái buôn họ Mã:

"Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao".

Nhân cách y hé lộ dần. Cái *"nhẵn nhụi"* của mày râu gợi lên một ấn tượng dung tục, tầm thường; cái *"bảnh bao"* của áo quần biểu lộ một tính cách giả dối. *"Mày râu nhẵn nhụi"* và *"áo quần bảnh bao"* là hai hình ảnh, hai nét vẽ châm biếm Mã Giám Sinh "vẫn là một đứa phong tình đã quen".

Lần đầu Kim Trọng gặp Thúy Kiều, người đẹp có bao giờ quên được hình ảnh văn nhân:

"Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau lưng theo một vài thằng con con".

"Vài thằng con con" là những chú tiểu đồng dáng yêu. Mã Giám Sinh cũng có *"thầy - tớ"*, cũng có *"trước - sau"*, ra vẻ sang trọng, lên bộ quan dạng, mỗi bước đi là có kẻ đón người đưa, có kẻ hầu người hạ. Nhưng giữa thầy và tớ của ông khách viễn phương này sao mà *"lao xao"* ồn ào, lộn xộn, không chút lễ giáo, thiếu nền nếp đáng khinh:

"Trước thầy sau tớ lao xao"

Mới được mụ mối *"rước vào lầu trang"*, cách ứng xử, cách đứng ngồi của Mã Giám Sinh càng bộc lộ tư cách của kẻ hạ lưu lại còn hợm mình lên mặt:

"Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang,
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng".

Cái lối *"ngồi tót"* là cách ngồi của bọn con buôn, của *"phường buôn thịt"*, của *"quân buôn người"*! Cái cử chỉ *"sỗ sàng"* là cử chỉ của những kẻ thiếu nhân cách vừa thiếu lễ độ, lịch sự vừa thiếu tự trọng. Hắn coi thường phẩm giá con người. Kẻ chỉ biết *"kiếm ăn miền nguyệt hoa"* mới có lối *"ngồi tót"* và cử chỉ *"sỗ sàng"* ấy!

Mã Giám Sinh là một kẻ buôn thịt bán người lọc lõi *"quanh năm buôn bán phấn hương đã lề"*. Khi mụ mối *"vén tóc, bắt tay"* món hàng thì hắn *"cân sắc"* rồi *"cân tài"*, hắn *"ép"*, hắn *"thử"*, hắn bắt Kiều đánh đàn, làm thơ một cách *"đắn đo"* suy tính kĩ càng. Người *"quốc sắc thiên hương"* đối với hắn chỉ là một món hàng:

"Đắn đo cân sức cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ".

Và chỉ sau khi đã *"mặn nồng một vẻ một ưa"*, Mã Giám Sinh mới *"tuỳ cơ dặt dìu"* mua bán. Tuy nói là *"mua ngọc"*, tuy lên giọng cao sang là *"sính nghi"*, nhưng vẫn "*cò kè*" lúc thì "*bớt một*", lúc thì "*thêm hai*". Thời gian mặc cả người đẹp đã kéo dài mãi đến "*giờ lâu*" mới "*ngã giá*":

"Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm".

Cảnh *"Mã Giám Sinh mua Kiều"* đã thể hiện cái tâm và cái tài của Nguyễn Du. Qua nhân vật Mã Giám Sinh, nhà thơ đã tố cáo, lên án và khinh bỉ *"phường bán thịt, quân buôn người"* trong xã hội thối nát. Tài sắc của người phụ nữ trở thành một món hàng, nhân phẩm họ bị chà đạp xuống vũng bùn nhơ! Câu thơ *"Tiền lưng đã sẵn, việc*

ì chẳng xong!" là một lời kết án đanh thép những kẻ bất lương làm giàu trên thân xác gười phụ nữ.

Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật hiện thực, lựa chọn những chi tiết êu biểu nhất, đặc sắc nhất về trang phục, dáng vẻ, cử chỉ, ngôn ngữ, cách mua án...để khắc hoạ tính cách nhân vật Mã Giám Sinh. Hắn là một kẻ phong tình, giả ối, bủn xỉn, thuộc *"Tuồng vộ nghĩa, ở bất nhân"* như Tú Bà đã hạ nhục hắn.

Chữ nghĩa dưới ngòi bút thi hào có một ma lực ghê gớm, tạo nên những nét vẽ ắc sảo như: nhẵn nhụi, bảnh bao, lao xao, ngồi tót, sỗ sàng, dặt dìu, cò kè... Hình ảnh hân vật Mã Giám Sinh trong "Truyện Kiều" đã trở thành một điển hình cho bọn *"buôn phấn bán hương"* trong xã hội, góp phần tô đậm giá trị hiện thực của áng thơ iệt tác này.

BÀI SỐ 83

Đề bài: Phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật Mã Giám Sinh qua đoạn trích "Mã Giám Sinh mua Kiều".

Sáu câu đầu đoạn là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật ồng hiện. Có *"non xa"* và *"tấm trăng gần"*; có *"cát vàng cồn nọ"* và *"bụi hồng dặm ia"*. Giữa một thiên nhiên vắng lặng và mênh mông, không một bóng người, Kiều chỉ òn biết *"Bốn bề bát ngát xa trông"*. Một cảm giác cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng cho hân phận mình, duyên số mình. Chỉ có một mình một bóng đối diện với *"mây sớm èn khuya"*, nỗi lòng người con gái lưu lạc đau khổ, tủi nhục và ngao ngán vô cùng:

"Bẽ bàng mây sớm đêm khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng".

Bốn chữ *"như chia tấm lòng"* diễn tả một nỗi niềm, một nỗi lòng tan nát, đau ương. Vì thế, tuy sống giữa một khung cảnh đẹp êm đềm, có non xa và trăng gần - hưng nàng vẫn thấy cô đơn, bẽ bàng, bởi lẽ *"Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"*. Kiều sao không khỏi cô đơn, bẽ bàng trong một cảnh ngộ đầy bi kịch:

"Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu".

BÀI SỐ 84

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích" và nêu cảm nghĩ

Đoạn thơ *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"* dài 22 câu trích trong *"Truyện Kiều"* là hững *"Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình"* (Tố Hữu). Bao biến cố khủng khiếp đã iễn ra: tai bay vạ gió, cha và em bị tù tội, gia sản bị bọn sai nha *"đầu trâu mặt ngựa"* ướp *"sạch sành sanh..."*, phải bán mình chuộc cha, trao duyên cho em, Kiều rơi vào ay Mã Giám Sinh - Tú Bà. Sau khi *"thất thân"* bởi Mã Giám Sinh, bị mụ Tú bà làm hục, Kiều tự vẫn nhưng đã được cứu sống. Tú Bà dỗ dành Kiều:

"Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà...".

Kiều được Tú Bà đưa ra lầu Ngưng Bích với lời hứa *"con hãy thong dong"*, nhưng hật ra là nàng bị giam lỏng. Lầu Ngưng Bích là một điểm dừng chân của Thúy Kiều trên on đường lưu lạc đầy máu và nước mắt, cay đắng và tủi nhục suốt 15 năm trời.

Đoạn thơ không chỉ biểu lộ tình cảm xót thương của Nguyễn Du đối với kiếp người ạc mệnh mà còn thể hiện một bút pháp nghệ thuật đặc sắc về tự sự, về tả cảnh ngụ tình, ề ngôn ngữ độc thoại để biểu đạt nỗi lòng và tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều.

1. Sáu câu đầu đoạn là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật ồng hiện. Có *"non xa"* và *"tấm trăng gần"*; có *"cát vàng cồn nọ"* và *"bụi hồng dặm ia"*. Giữa một thiên nhiên vắng lặng và mênh mông, không một bóng người, Kiều chỉ òn biết *"Bốn bề bát ngát xa trông"*. Một cảm giác cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng cho ıân phận mình, duyên số mình. Chỉ có một mình một bóng đối diện với *"mây sớm èn khuya"*, nỗi lòng người con gái lưu lạc đau khổ, tủi nhục và ngao ngán vô cùng:

"Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng".

Bốn chữ *"như chia tấm lòng"* diễn tả một nỗi niềm, một nỗi lòng tan nát, đau ıương. Vì thế, tuy sống giữa một khung cảnh đẹp êm đềm, có non xa và trăng gần - hưng nàng vẫn thấy cô đơn, bẽ bàng, bởi lẽ *"Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"*. Kiều sao không khỏi cô đơn, bẽ bàng trong một cảnh ngộ đầy bi kịch:

"Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu".

2. Tám câu thơ tiếp theo nói lên niềm tưởng nhớ người yêu và nỗi xót thương ha mẹ của Thúy Kiều khi sống một mình trong lầu Ngưng Bích. Với Kim Trọng thì Kiều *"Tưởng người..."*. Với cha mẹ thì nàng đã *"xót người..."*, mỗi đối tượng Kiều có ıỗi nỗi thương nhớ riêng.

Trên đường theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri, Kiều thương Kim Trọng cô đơn, au khổ *"Một trời thu để riêng ai một người"*. Đối với cha mẹ Kiều khắc khoải *"Nghe hìm như nhắc tấm lòng thần hôn"*. Lần này, Kiều tưởng nhớ chàng Kim, nhớ lời thề ưới trăng đêm tình tự *"dưới nguyệt chén đồng"*, thương người yêu đau khổ *"rày trông ıai chờ"* và *"bơ vơ"* cô đơn, sầu tủi. Đến bao giờ mới nguôi, mới *"phai"* được nỗi ıương nhớ ấy ? Những từ ngữ, hình ảnh chỉ không gian và thời gian cách biệt như: *dưới nguyệt chén đồng"*, *"tin sương"*, *"rày trông mai chờ"*, *"bên trời góc bể"*, *"tấm on gột rửa..."* đã diễn tả và bộc lộ một cách sâu sắc cảm động tình cảm thương nhớ gười yêu trong mối tình đầu, nay vì cảnh ngộ mà chia lìa đau đớn:

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai".

Các động từ - vị ngữ: *"tưởng"*, *"trông"*, *"chờ"*, *"bơ vơ"*, *"gột rửa"*, *"phai"* đã liên ết thành một hệ thống ngôn ngữ độc thoại biểu đạt nội tâm nhân vật trữ tình. Kiều hớ người yêu khôn nguôi, xót xa cho mối tình đã nặng lời thề son sắt mà bị tan vỡ !

Nhớ chàng Kim rồi Kiều xót thương cha mẹ. Các từ ngữ chỉ thời gian xa cách: *hôm mai"*, *"cách mấy nắng mưa"*, các thi liệu, điển cố văn học Trung Hoa như: *"sân ai"*, *"gốc tử"* và thành ngữ *"quạt nồng ấp lạnh"*, đặc biệt hình ảnh mẹ già *"tựa cửa ôm mai"* đợi chờ, trông ngóng đứa con lưu lạc quê người đã cực tả nỗi nhớ thương ha mẹ, nỗi đau buồn của đứa con gái đầu lòng không thể, không được chăm sóc hụng dưỡng cha mẹ, khi song thân đã già yếu, khi *"gốc tử đã vừa người ôm"*.

Nguyễn Du đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại kết hợp hài hòa giữa phong cách cổ iển và phong cách dân tộc, tạo nên những vần thơ biểu cảm thể hiện một tâm trạng bi

kịch, một cảnh ngộ đầy bi kịch của Thúy Kiều. Trong chia lìa *"trâm gãy gương tai* nàng vẫn dành cho *"người tình chung"* bao tình thương nhớ *"muôn vàn ái ân"*. Là m đứa con chí hiếu, giàu đức hi sinh, khi cha mẹ già yếu không được sớm hôm phụn dưỡng, Kiều càng nhớ thương càng xót xa. Giọng thơ rưng rưng lệ, nỗi đau của nàn Kiều như thấm vào cảnh vật, thời gian và lòng người bấy lâu nay:

"Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm".

3. Tám câu cuối đoạn, điệp ngữ *"buồn trông"* xuất hiện bốn lần, đứng ở vị t đầu câu 6 của mỗi cặp lục bát. Hai chữ *"buồn trông"* là cảm xúc chủ đạo của tâ trạng *"tê tái"* đau thương; thương mình và thương người thân, thương cho thân phận v duyên số. .. *"Buồn trông"* vì càng buồn thì càng trông, càng trông lại càng buồn. Đâ là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong *"Truyện Kiều"*. Cứ mỗi cặp lục bát là m nét tâm trạng *"buồn trông"*. Ngoại cảnh và tâm cảnh, khung cảnh thiên nhiên và biể diễn tâm trạng của nhân vật được diễn tả qua một hệ thống hình tượng và ngôn ng mang tính ước lệ, mở ra một trường liên tưởng bi thương:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa".

Cửa bể mênh mông lúc ngày tàn chiều hôm càng làm tăng nỗi buồn đau cô đơ của kiếp người lưu lạc. *"Thuyền ai"* lúc ẩn lúc hiện *"thấp thoáng cánh buồm xa xa* đầy ám ảnh. *"Buồn trông"* con thuyền *"ai"* xa lạ, cánh buồm xa xa *"thấp thoáng* Kiều càng nghĩ đến thân phận bơ vơ của mình nơi quê người đất khách.

Rồi nàng lại *"buồn trông"* về phía *"ngọn nước mới sa"*, dõi theo những cánh ho trôi dạt và tự hỏi *"về đâu"*, đến phương trời vô định nào. Cánh hoa trôi man mác tượng trưng cho số phận chìm nổi trên dòng đời không biết về đâu, đến đâu - Kiề nhìn hoa trôi trên ngọn nước mà cảm thương cho số phận của mình:

"Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?"

Sau hai câu hỏi tu từ về *"thuyền ai"*, về hoa trôi *"biết là về đâu ?"*, Kiều *"buồ trông"* về bốn phía *"chân mây mặt đất"* về nội cỏ, nàng chỉ nhìn thấy trên cái nề xanh xanh mịt mờ bao la là màu sắc tàn úa, vàng héo *"dầu dầu"* của nội cỏ. Màu sắ tê tái thê lương ấy đã phản chiếu nỗi đau tê tái của người con gái lưu lạc:

"Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh".

"Nội cỏ dầu dầu" tàn úa hiện lên giữa màu *"xanh xanh"* nhạt nhòa của *"châ mây mặt đất"* chính là tâm trạng lo âu của Kiều khi nghĩ đến tương lai mờ mịt, héo tà của mình. Sắc cỏ *"dầu dầu"* ấy, nàng đã một lần nhìn thấy mới ngày nào trên nấm m Đạm Tiên:

"Sè sè nấm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh".

Nhìn xa rồi nhìn gần, vừa *"buồn trông"* vừa lắng tai nghe. Nghe tiếng gió, g gào , *"gió cuốn"* trên mặt duềnh. Nghe tiếng *"ầm ầm"* của sóng, không phải là són reo mà *"sóng kêu"*. Gió và sóng đang bủa vây *"xung quanh ghế ngồi"*. Một tâm trạn

:ô đơn lẻ loi đang trải qua những giờ phút hãi hùng, ghê sợ, lo âu. Phải chăng âm hanh dữ dội ấy của gió và sóng là biểu tượng cho những tai họa khủng khiếp đang ủa vây, sắp giáng xuống số phận người con gái *"nhỏ bé"* đáng thương ? Kiều *"buồn rông"* mà lo âu sợ hãi:

"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

Bức tranh *"nước non người"*, cận cảnh là lầu Ngưng Bích, viễn cảnh là con huyền và cánh buồm xa xa trên cửa bể chiều hôm, là ngọn nước và hoa trôi, là nội cỏ lầu dầu giữa màu xanh xanh chân mây mặt đất, là gió cuốn và tiếng sóng ầm ầm kêu ươi mặt duềnh... mang ý nghĩa tượng trưng và giàu giá trị thẩm mĩ. Màu sắc ấy, âm hanh ấy của thiên nhiên vừa bao la mờ mịt, vừa dữ dội, tất cả như dang bủa vây người :on gái lưu lạc đau thương trong nỗi buồn đau hãi hùng, lẻ loi.

Những chặng đường đầy cạm bẫy, nhiều máu và nước mắt có *"ma đưa lối, quỷ lem đường"*,... đối với Kiều đang ở phía trước. Đoạn thơ *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"* như :hứa đầy lệ. Lệ của người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn lẻ loi, buồn thương chua :ót vì mối tình đầu tan vỡ, xót xa vì thương nhớ mẹ cha, lo sợ cho thân phận, số phận nình. Lệ của nhà thơ, một trái tim nhân đạo bao la đồng cảm, xót thương cho người hiếu nữ tài sắc, hiếu thảo mà bạc mệnh.

Các từ láy: *"bát ngát", "bẽ bàng, bơ vơ, thấp thoáng, xa xa, man mác, dầu dầu, :anh xanh, ầm ầm* kết hợp với diệp ngữ ***"buồn trông"*** đã tạo nên sắc điệu trữ tình hẩm mĩ và tô đậm cảm hứng nhân đạo. Đó là giá trị văn chương đích thực đoạn thơ *Kiều ở lầu Ngưng Bích".*

BÀI SỐ 85

Đề bài: Bình giảng đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích"

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã viết: "*Tiếng nói Việt Nam trong Truyện Kiều như àm bằng ánh sáng vậy, nó trong suốt như dòng suối, dòng suối long lanh đáy nước in rời*"... Dòng suối ấy hòa tan và làm trong trẻo cả những điển tích, những từ Hán Việt :a lạ để biến nó thành thơ, thành nhạc trong tiếng nói Việt Nam. Đặc biệt ở những loạn diễn tả trực tiếp tâm trạng, những tình cảm sâu sắc, chân thực của con người, lời hơ càng giản dị truyền cảm:

"*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,*
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng..."

Thiết tưởng không cần chú giải, chỉ đọc những câu thơ ấy, đã thấy tất cả cái heo ıút mênh mông của cảnh; cái cô đơn và những nỗi ngổn ngang, bề bộn của tâm tư con ıgười. Kiều ở lầu Ngưng Bích do sự sắp xếp của Tú bà, sau sự việc xảy ra ở lầu xanh, :hi Kiều tự vẫn vì biết mình bị lừa, không phải "*được*" mang về làm vợ lẽ Mã Giám inh mà chỉ là một món hàng mua bán và bị làm nhục. Ngay lúc Tú bà xưng với Kiều à "*mẹ*", bắt nàng gọi Mã là "*cậu mày bên kia*", Kiều đã ngơ ngác "*ngây thơ chẳng iết là danh phận gì?*" Đến bây giờ, dù Tú bà đã dỗ dành, lừa dối nàng ra ở lầu Ngưng ích là "*khóa xuân*" để đợi ngày lấy chồng, để "*tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà*",

nàng vẫn thấy ngơ ngác, dở dang về "*danh phận*", về thân phận của mình. Nàng ở lầ Ngưng Bích không phải là với tư cách một người "*con*" của Tú bà như mụ hứa – hẳ thế – mà cũng không phải là một tù nhân; nàng như một người bị giam lỏng, ở tron một tình cảnh trớ trêu, trước một tương lai mù mịt. Và nàng chỉ có một mình, hoà toàn cô đơn giữa quê người đất khách.

Hình như đây chính là một dụng ý, một âm mưu được tính toán trước của Tú b Kiều càng bị giam lỏng, cô đơn, cách biệt với mọi người, nàng sẽ càng khao khát tı về với cuộc sống bình thường và càng dễ bị rơi vào bẫy của Sở Khanh, chính là cỉ mụ. Vì vậy tâm trạng của Kiều thật là "*ngổn ngang trăm mối*" và ta có thể đọc thâ ngay từ những câu thơ khi mờ khi tỏ tả cảnh lầu Ngưng Bích đẹp đẽ và heo hút này.

Thiên nhiên có tác động rất lớn đến tâm hồn con người, là hình ảnh phản chiế tâm hồn con người – Nguyễn Du từ thời đó, đã nói với chúng ta như thế. Ở lầu Ngưn Bích, chỉ có mình Kiều với thiên nhiên. "*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*"... khôn phải là "*dãy núi và mảnh trăng như ở cùng trong một vòm trời, như trong cùng m bức tranh*" (Văn 9 – phần chú giải) mà là "*ở chung*" với nàng Kiều. Nói vậy có vẻ nh thô thiển, nhưng nếu phải tìm hiểu tận cùng ngữ nghĩa, thì đúng là nàng Kiều chỉ c thiên nhiên làm bầu bạn. Tất cả mọi dáng vẻ của thiên nhiên: xa mờ như sắc núi c thể nhìn thấy lúc ban ngày đẹp trời, gần gũi như mảnh trăng lúc ban đêm... sớm l chiều, ngày này qua ngày khác, nhìn thấy được nhưng không thể cùng nàng chuyệ trò, chia sẻ... Lầu Ngưng Bích hẳn ở một nơi hoang vắng, ít người qua lại, khắp "*bố bề*" và cho đến tận "*xa trông*", về phía nào cũng chỉ thấy bụi cây, cồn cát. Mỗi câu th là một cặp đối xứng: *vẻ non xa – tấm trăng gần mờ ảo; cát vàng cồn nọ – bụi hồn dặm kia* tầng tầng lớp lớp; *mây sớm - đèn khuya* vắng lặng cô đơn... Cái vẻ đối xứn tạo nên cảm giác trùng lặp của hình ảnh ấy, chính là những nỗi ngổn ngang, bề bộ trong lòng nàng Kiều, không dám hi vọng, tin tưởng mà cũng không hoàn toàn tuyệt vọng đớn đau. Vì nàng còn quá trẻ, vì dù gặp tai biến, cuộc đời cũng mới chỉ b đầu. Nhưng nếu nàng vừa hi vọng, dù chỉ mơ hồ, thấp thoáng, thì lại không tránh kh "*bẽ bàng*" tội nghiệp ngay trong vô vọng. "*Nửa tình, nửa cảnh*", buồn rồi nhớ, đ chờ, hi vọng rồi thất vọng "*như chia tấm lòng*", nối nhau đến rồi đi trong lòng nàn như thế.

Trong tình cảnh đó, người mà nàng nhớ đến trước hết là chàng Kim Trọn người đã cùng nàng gắn bó "*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng. Tin sương luố những rày trông mai chờ*". Sách Văn 9 đã chú giải rất đúng về câu thơ này. Khôn phải là nàng Kiều mong chờ "*tin sương*" của Kim Trọng, mà chính là nàng đang hìn dung ra Kim Trọng trong nỗi "*rày trông mai chờ*" nàng. Từ lúc phải cân nhắc "*bê tình bên hiếu*" và quyết định "*để lời thệ hải minh sơn*" sang một bên mà bán mìn chuộc cha, nàng đã xác định với mình để không bao giờ còn đợi chờ, hi vọng. Huốn chi bây giờ thân nàng đã rơi vào tay bọn Tú bà và họ Mã. Nhưng còn chàng Kin chàng đâu đã biết việc nàng gặp tai biến. Ở Liêu Dương xa xôi, chàng vẫn ngày đê trông chờ để sớm gặp lại nàng (mà dù có về nơi cũ, biết rồi, chàng chắc vẫn mong cl nàng như thế!). Trong tình yêu cũng như trong cuộc đời, bất cứ lúc nào nàng Kiề cũng *nghĩ đến người khác, nghĩ cho người khác* trước khi nghĩ đến mình. Riêng đ với chàng Kim, nàng còn mang nặng một nỗi lòng yêu thương, ân hận như mình c lỗi. Để chàng Kim phải nhớ mong, đau khổ, nàng cho là lỗi của mình... Trong suốt 1 năm, mỗi lần nghĩ đến chàng Kim, nỗi đau ấy vẫn làm nàng nhức nhối, và theo th gian, càng thấm thía những thăng trầm tủi nhục của chính mình, nàng lại càng thươı

ỗi lòng trông đợi của chàng Kim ("*Khi về hỏi liễu Chương Đài - Cành xuân đã bẻ ho người trao tay*"). Và như vậy, nàng biết rằng nàng sẽ không bao giờ quên được ối tình đối với chàng Kim, dù cuộc đời có lưu lạc nơi "*chân trời góc bể*", dù nàng có uốn "*gột rửa*", muốn quên lãng nó đi...

Cũng trong nỗi lòng thương nhớ luôn hướng về người khác ấy, nàng hình dung ha mẹ già "*tựa cửa*" hôm mai ngóng tin nàng. Nàng hình dung cuộc sống của cha mẹ à nàng không còn được ở gần để chăm sóc, "*quạt nồng ấp lạnh*", để làm cho mẹ cha ui lúc tuổi già. Duy nhất trong đoạn thơ, chỗ này có dùng điển tích ("*Sân Lai*...").

Nghĩ về cha mẹ, nghĩ về Kim Trọng, cuối cùng lại trở về với thiên nhiên mênh ông trước mặt: "*Buồn trông cửa bể chiều hôm*...". Đã bao lần Kiều "*buồn trông*" như ế, nhưng đến đây, những nỗi niềm của nàng trở nên nặng trĩu. Tám câu thơ, bốn cặp ục bát cùng một từ mở đầu, cùng một nỗi buồn, nhưng mỗi cặp câu là một vẻ buồn, ột nghĩa buồn khác nhau. (Đoạn thơ cuối này, thực chất là một bài thơ chính nàng iều viết, chính là nỗi lòng của nàng lên tiếng thành thơ - 2 câu liền sau đó mà ở đây hông trích, đã nói rõ: "*Xung quanh những nước non người. Đau lòng lưu lạc nên vài ốn câu*". Và từ đó mới dẫn đến việc Sở Khanh "*họa vần*" để làm quen với Kiều).

"*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*". Cửa bể chiều hôm vốn mênh mông oang vắng,cánh buồm thấp thoáng đi về chốn xa xôi, bao giờ cũng buồn, càng gợi uồn hơn trong cảnh quê người đất khách. Và bao trùm lên tất cả những hình ảnh điển ı nỗi buồn ấy, ta có thể đọc thấy một nỗi trông chờ tuyệt vọng, khắc khoải; một sự m kiếm, một lời kêu gọi: đi đâu, về đâu, có ai?... Hay tất cả chỉ là sự im lặng hoang ắng? Những vần thơ có sức lay động, khơi gợi sự đồng cảm của con người chính vì lẽ ó, vì nó diễn tả chân thật nỗi khát khao cuộc sống, nỗi khát khao tình người...

Trịnh Bích Ba

BÀI SỐ 86

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích"

Sau khi trải qua liên tiếp nhiều tai biến của gia đình và bản thân, Kiều đã dự ảm về những đắng cay mà nàng sắp phải chịu. Những ngày nàng "*ở lầu Ngưng Bích*" ı một khoảnh khắc yên thân tạm thời vì được Tú Bà hứa không phải tiếp khách và ở ột nơi biệt lập. Nhưng tâm trạng của nàng trong những ngày ở đây là một bi kịch nội ım đã được Nguyễn Du miêu tả tài tình, trở nên bất tử của loại thơ "*tả cảnh ngụ tình*" ong văn chương cổ điển. Thúy Kiều một mình đối diện với cảnh vật thiên nhiên và ối diện với lòng mình trong hoàn cảnh đất khách quê người.

Cả đoạn thơ là nỗi buồn, một nỗi buồn mênh mang vô tận, buồn từ lòng người hấm vào cảnh vật, nỗi buồn không thể gì làm vơi bớt, không có ai để chia xẻ.

Ta hãy hình dung lúc này Kiều đang ngồi trên lầu Ngưng Bích trước một hung cảnh thiên nhiên vắng lặng không một bóng người thân thuộc, không bầu bạn. âm trạng Kiều lại vừa trải qua những đau khổ tủi nhục mà dư vị vẫn còn đa diết:

"Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng."

Cảnh thiên nhiên trải rộng mênh mông, trùm phủ lên tâm hồn Kiều, vừa đối lập ừa hòa hợp:

"Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia."

Nàng chỉ thấy non xa với trăng gần, thấy cát vàng bát ngát và bụi hồng xa xô Bầu trời thì cao rộng vô tận. Cái vắng lặng và mênh mông của vũ trụ, thiên nhiên đố lập với cái bé nhỏ cô độc của số phận làm tăng thêm cảm giác chua xót, đau thươn trong lòng Kiều.

Cảnh thì như vậy, còn tình ra sao? Tình của Kiều là nỗi nhớ. Mà nhớ trước tiê của nàng lúc này là Kim Trọng, sau mới đến cha mẹ:

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ."

Nhớ đến Kim Trọng, Kiều nhớ đến cảnh "*dưới nguyệt chén đồng*", nhớ đến lờ thề nguyền dưới trăng đêm nao. Hiểu Kim Trọng, biết rõ tấm lòng chung thủy củ chàng, Kiều tin rằng chàng khắc khoải "*rày trông mai chờ*". Bây giờ nàng đã ở nơ "*chân trời góc biển bơ vơ*", nhưng nỗi nhớ thương Kim Trọng vẫn là "*tấm son*" khôn để gì thời gian hay xa cách có thể làm cho nó lạt phai đi. Đối với người yêu là "*tưởn nhớ*", còn đối với cha mẹ thì Kiều đã hi sinh đời mình để cứu cha khỏi tù ngục. Na phải lưu lạc nơi đất khách quê người để cho gia đình sum họp, Kiều đã "*xót*" thương:

"Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ?"

Cũng là "*người*" nhưng "*thi liệu, điển cố*" vận dụng ở đây đã phân biệt hai mố quan hệ khác nhau, hai tình cảm khác nhau. Đối với tình yêu, Kim Trọng thì "*dưc nguyệt, chén đồng*", "*tấm son gột rửa*". Còn đối với cha mẹ thì "*quạt nồng ấp lạnh*" "*sân lai*", "*gốc tử*". Đó là những điển cố ước lệ, một phương pháp ẩn dụ quen thuộ của văn học cổ. Cái tài của Nguyễn Du ở đây là sự kết hợp tài tình giữa các điển c với "*thành ngữ*": rày trông mai chờ, bên trời góc biển, tựa cửa hôm mai... càng diễn t sinh động, chân thực sâu sắc nỗi lòng tưởng nhớ người yêu, xót thương cha mẹ. Mấ lời độc thoại nội tâm hết sức tha thiết này cũng đủ cho ta thấy Kiều là hiện thân củ tình thương. Càng thương nhớ càng buồn vì nỗi xa cách phiêu dạt. Nỗi buồn xâr chiếm cả lòng Kiều. Nàng trông ra bốn phương trời, đâu cũng chỉ thấy buồn. Bốn bú tranh mà Kiều nhìn đến đều được Nguyễn Du bắt đầu bằng hai chữ buồn trông:

"... Buồn trông cửa bể chiều hôm,
... Buồn trông ngọn nước mới sa,
... Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
... Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,"

Từng cảnh vật đều nhuốm cái buồn của người ngắm cảnh. Cũng có hoa cỏ nhưng là hoa trôi cỏ héo. Cũng có trời nước, nhưng mây trời thì sắc màu nhàn nhạ còn dòng nước thì lạnh lẽo cuốn trôi những cánh hoa rơi. Cũng có gió, sóng nhưng l gió cuốn, sóng xô. Giữa cái thế giới của thiên nhiên ấy, có một nét sinh hoạt của co người; đó là một con thuyền, một cánh buồm. Nhưng những nét đó cũng thật mỏn manh: cánh buồm thì cô đơn, xa lạ, chỉ thấp thoáng chứ không hiện rõ ra. Phải chăn những hình ảnh "*hoa trôi man mác*" trên dòng nước mênh mông muốn nói đến târ trạng và số phận vô định của nàng Kiều. Nếu "*nội cỏ dàu dàu*" giữa "*chân mây mặ đất*" gợi cảm giác bi thương, buồn tẻ, thiếu sức sống thì cảnh "*gió cuốn mặt ghềnh*" "*ầm ầm tiếng sóng*"lại gợi nỗi hãi hùng về một cuộc đời đầy biến động.

Tiếng sóng âm vang khắp bốn phía vây chặt lấy Kiều, dội vang khủng khiế trong hồn Kiều. Phải chăng âm thanh xao động dữ dội này chính là dự báo cho mườ lăm năm lưu lạc đầy cay đắng mà Thúy Kiều sẽ phải trải qua.

"*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" là một đoạn thơ mượn cảnh để nói hộ tâm sự của nàng Kiều, đã tả tình bằng cách tả cảnh, đã thông qua bức tranh thiên nhiên để thể hiện tâm trạng. Đó là bút pháp tài tình của Nguyễn Du, và đạt đến đỉnh cao như vậy vì trước hết nhà thơ đã có cái tình lớn, nỗi niềm xúc động đối với nhân vật, đối với cuộc đời của những con người có tài hoa mà bất hạnh trong xã hội phong kiến.

Nguyễn Lộc

BÀI SỐ 87

Đề bài: Có ý kiến cho rằng đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Em hãy phân tích đoạn thơ để làm rõ ý kiến trên.

Sau khi Kiều bị Mã Giám Sinh lừa gạt, nàng rơi vào nanh vuốt mụ Tú Bà bán thịt buôn người. Hiểu ra tình cảnh nhục nhã, éo le của mình, Kiều đã liều tự sát. Sợ bị mất món lời to, Tú Bà hoảng hốt vội cứu sống Kiều và tạm cho nàng ra ở lầu Ngưng Bích, với lời hứa sẽ gả chồng tử tế cho nàng. Trong những ngày này, Kiều sống trong tâm trạng khôn xiết buồn bã, đau đớn. Bằng ngòi bút tài hoa, Nguyễn Du đã vẽ nên cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích thành một bức tranh tâm tình đầy xúc động:

"Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân

……………………………………

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"

Đoạn trích trên nói lên tâm trạng nàng Kiều ở lầu Ngưng Bích: *buồn tủi, thương nhớ người yêu, nhớ cha mẹ, xót thương thân phận cay đắng của mình.*

Đoạn thơ là một minh chứng cho quan điểm: *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* của thi hào Nguyễn Du. Cảnh vật thiên nhiên ở đây bị bao phủ một nỗi buồn trĩu nặng bởi Kiều nhìn cảnh bằng cặp mắt u uất, đau thương. Nỗi buồn từ lòng người thấm vào cảnh vật và cảnh vật hoang vắng, đìu hiu càng gợi mối sầu trong lòng người con gái bất hạnh là Kiều.

Đang sống trong không khí ấm êm, đùm bọc của gia đình; đang say sưa hạnh phúc với mối tình đầu ngọt ngào, trong sáng, Kiều bỗng dưng bị rơi vào cạm bẫy của cuộc đời. Nàng bị lừa gạt trắng trợn, bị đánh đập dã man, bị xúc phạm đến phẩm hạnh. Bao tai biến dồn dập đến với nàng trong một thời gian quá ngắn. Cả thể xác lẫn tâm hồn nàng bị những thế lực đen tối giày xéo, chà đạp không thương tiếc. Giờ đây, một mình ngồi trước lầu Ngưng Bích, giữa chốn đất khách quê người, Kiều hoàn toàn cô đơn, không một người thân thích để chia sẻ tâm sự đau thương. Bởi vậy, nỗi buồn đau càng lớn, càng sâu. Thuý Kiều chỉ còn biết san sẻ nỗi lòng cùng cảnh vật quanh nàng.

Sáu câu đầu là cảnh lầu Ngưng Bích. Cảnh được tác giả vẽ lên bằng những nét chấm phá: *vẻ non xa, tấm trăng gần, bốn bề bát ngát, cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.* Cảnh đẹp, nhưng thật buồn, mênh mông hoang vắng, lạnh lẽo. Nguyễn Du đã mượn cảnh để nói lên tâm trạng nàng Kiều:

"Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung."

Cha mẹ, các em, người yêu, ... tất cả đã xa xôi, cách biệt với Kiều. Sống giữa một lũ mặt người dạ thú như Tú Bà, Mã Giám Sinh, Kiều chẳng khác gì một chú cừu non giữa bầy lang sói. Có ai hiểu nỗi lòng nàng trong cảnh huống này? Nhìn một dáng núi xa, ngắm một vầng trăng gần, nàng cảm thấy đó là bè bạn. Nhưng những người bạn không lời này đâu có an ủi, chia sẻ được nỗi buồn đang chất ngất trong lòng nàng? Bởi thế, nỗi buồn không thể nào vơi cạn.

Dõi tầm mắt ra bốn phương, tám hướng, không hướng nào loé lên được một chút vui:

"Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia."

Không một bóng người, chỉ có không gian mênh mông, hoang vắng và buồn tẻ. Ướm vào thân phận nàng, nàng nào có khác chi hạt cát, hạt bụi nhỏ nhoi kia? Giữa người với cảnh vừa có nét tương phản, vừa có nét tương đồng. Nỗi buồn của Kiều dường như cũng mở ra đến vô cùng như không gian bát ngát trước mắt nàng. Càng cảm thương cho thân phận, cõi lòng nàng càng tan nát:

"Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng."

Cảnh buồn hay gợi nhớ. Kiều lặng lẽ, âm thầm gạt lệ khi hồi tưởng về bao điều tốt đẹp nay đã thành quá khứ.

Nàng nhớ người yêu cùng với mối tình đầu mãnh liệt và trong sáng:

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày mong mai chờ."

Hình ảnh hai người cùng uống chén rượu thề trăm năm gắn bó đêm nào dưới vầng trăng vằng vặc giữa trời giờ vẫn còn đậm nét, tươi nguyên trong kí ức nàng. Nàng thương chàng Kim giờ này đang sốt ruột chờ trông tin tức người yêu. Nghĩ về cha mẹ, lòng Kiều xót xa, đau đớn:

"Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai biết mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm."

Nàng đã đi xa biền biệt, lấy ai chăm sóc mẹ cha? Tuy đã cố dứt chữ tình để đền chữ hiếu nhưng nàng vẫn không khỏi băn khoăn, thổn thức khi nghĩ đến cảnh cha già mẹ yếu tựa cửa hôm mai, mòn mỏi đợi mong con trong vô vọng. Điều đó càng khẳng định rõ, nàng là người con hiếu thảo.

Mang một tâm trạng như thế nên Kiều nhìn đâu cũng chỉ thấy buồn:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây, mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."

Bốn lần, từ *buồn trông* được nhắc lại; mỗi lần mở đầu cho một cảnh. Kiểu kết cấu lặp này gây ấn tượng mạnh về nỗi buồn sâu sắc của Kiều. Tám câu thơ, bốn bức tranh phong cảnh nhỏ trong một bức tranh phong cảnh – tâm tình rộng lớn. Bức thứ nhất: *cửa bể chiều hôm* mênh mông màu xám bạc. Trên cái nền ấy nổi lên một cánh buồm đơn độc, thấp thoáng ẩn hiện, không biết về phương trời nào. Bức thứ hai: *ngọn nước mới sa* (nước đổ từ trên cao xuống), cuốn theo những cánh hoa bị sóng gió dập vùi, đẩy đưa vào cõi vô định. Bức thứ ba: *nội cỏ rầu rầu*, héo úa, không còn sức sống. Bức thứ tư: *gió cuốn mặt duềnh, ầm ầm tiếng sóng ...*

Chúng ta bắt gặp ở đây bút pháp quen thuộc của Nguyễn Du. Cảnh vật chỉ mang tính ước lệ nhưng phản ánh rõ tình người, cụ thể là nỗi buồn không giới hạn của Kiều. Mỗi cảnh ngụ một ý, tăng dần lên theo suy nghĩ và mặc cảm về thân phận con người: lẻ loi, cô độc, trôi nổi, dập vùi, héo tàn và linh tính báo trước về một tương lai đen tối đầy bão tố.

Trong đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*", thi hào Nguyễn Du tỏ ra rất tài hoa trong việc tả cảnh, tả tâm lí nhân vật. Ngòi bút của ông đi sâu vào từng ngõ ngách tâm tư sâu kín của nàng Kiều, khiến người đọc thực sự xúc động, xót xa cho số phận bất hạnh của người con gái tài sắc ấy. Cảnh và tình cứ đan xen, hoà quyện, bổ sung ý nghĩa cho nhau, làm nổi bật chủ đề của đoạn trích. Có thể nói, đây là một trong những đoạn hay nhất trong "*Truyện Kiều*".

Trần Thị Thin

BÀI SỐ 88

Để bài: Phân tích đoạn thơ 8 câu sau đây:
"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
... Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

... "Bỗng quý cô Kiều như đời dân tộc,
Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiền Đường..
Chàng Kim đã đến tìm, lau giọt khóc
Và lò trầm đêm ấy tỏa bay hương...".
("*Đọc Kiều*" - Chế Lan Viên)

Những vần thơ trên đây của Chế Lan Viên đã gợi thương gợi nhớ trong lòng ta về cuộc đời bạc mệnh của người con gái tài sắc Thúy Kiều, và ta cảm động biết bao trước tấm lòng nhân đạo bao la của Nguyễn Du, nhà thơ lớn của dân tộc.

"Buồn trông cửa bể chiều hôm..." đoạn thơ 8 câu như thấm đầy lệ làm vương vấn hồn ta *"Trạnh thương cô Kiều như đời dân tộc - Sắc tài sao mà lại lắm truân chuyên"*.

"Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một trong những đoạn thơ cảm động nhất trong *"Truyện Kiều"*, kiệt tác của thi hào dân tộc Nguyễn Du. Bi kịch nội tâm của Kiều trên con đường lưu lạc những ngày đầu đã được ngòi bút thiên tài của nhà thơ miêu tả qua hình thái ngôn ngữ nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Những vần thơ buồn thương mênh mang đã gieo vào lòng người đọc nhiều xót xa khôn nguôi về những kiếp người *"bạc mệnh"* ngày xưa...

Sau khi bị lừa, bị *"thất thân"* với Mã Giám Sinh, rồi lại bị Tú Bà làm nhục, Kiều dùng dao tự vẫn. Nàng đã được cứu sống. Tú Bà lập mưu mới, dỗ dành Kiều ra ở lầu Ngưng Bích.

Thân gái nơi đất khách quê người, lo âu, bơ vơ. Những ngày bão tố, hãi hùng vừa qua. Chặng đường phía trước mịt mờ, đầy cạm bẫy. Nàng cay đắng và vô cùng đau khổ. Giờ đây, nàng sống một mình trong lầu Ngưng Bích với bao tâm trạng *"bẽ bàng, chán ngán"*. Biết lấy ai, biết cùng ai tâm sự ? Nỗi nhớ thương như lớp sóng dâng lên trong lòng. Kiều nhớ thương cha mẹ già yếu, không ai đỡ đần nương tựa *"quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?"*. Nàng nhớ chàng Kim *"Bên trời góc bể bơ vơ..."*.

Sau nỗi nhớ là nỗi đau buồn tê tái, sự hoang mang và lo sợ triền miên... Nỗi đau buồn như xé tâm can, cứ xiết chặt lấy hồn nàng. Đoạn thơ 8 câu dầy ắp tâm trạng. Nhà

hơ đã lấy khung cảnh thiên nhiên làm nền cho sự vận động nội tâm của nhân vật trữ tình. Còn đâu nữa cảnh vật thân quen ở vườn Thúy? Tất cả đều trở nên xa lạ và hoang sơ: *"cửa bể chiều hôm"*, con thuyền và *"thấp thoáng cánh buồm"*, *"ngọn nước mới sa"*, một cánh *hoa trôi man mác"*, *"nội cỏ dầu dầu"*, màu xanh xanh của mặt đất, chân mây, gió cuốn và tiếng sóng vỗ ầm ầm... Chính những cảnh vật ấy, âm thanh ấy đã góp phần đặc tả tâm trạng Kiều; một bi kịch đang giày vò tan nát lòng nàng suốt đêm ngày.

Mỗi một hình ảnh, một ngôn từ xuất hiện lại gợi ra trong tâm hồn người đọc một trường liên tưởng chua xót về nỗi đau và số kiếp *"bạc mệnh"* của người con gái lầu lòng Vương Viên ngoại. Mỗi một hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho nỗi lo âu và sợ hãi của Kiều. *"Cánh buồm xa xa"* thấp thoáng trên *"cửa bể chiều hôm"* như gợi ra một hành trình lưu lạc, mờ mịt:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?"

Cánh *"hoa trôi man mác"* dồi lên dồi xuống giữa *"ngọn nước mới sa"* bao la, cũng là tâm trạng lo âu cho thân phận nhỏ bé trôi dạt trên dòng đời vô định:

"Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?"

"Nội cỏ dầu dầu" vàng úa hiện lên giữa màu xanh *"chân mây mặt đất"* nơi mờ mịt xa xăm hay là cuộc đời tàn úa của nàng:

"Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh."

Và biển trời dữ dội *"ầm ầm tiếng sóng"* đang vỗ, đang *"kêu"*, đang bủa vây, như nói lên sự lo âu, sợ hãi, nỗi khiếp sợ của Kiều:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

Mỗi câu thơ, mỗi hình ảnh, ngôn ngữ miêu tả thiên nhiên, miêu tả ngoại cảnh mang ý nghĩa và giá trị như một ẩn dụ, một tượng trưng về tâm trạng đau khổ và số phận đen tối của một kiếp người trong bể trầm luân.

Một hệ thống từ láy: *thấp thoáng, xa xa, man mác, dầu dầu, xanh xanh, ầm ầm* tạo nên âm điệu hiu hắt, trầm buồn, ghê sợ. Ở vị trí đầu dòng thơ, điệp ngữ *"buồn trông"* bốn lần cất lên như một tiếng ai oán, não nùng kêu thương, diễn tả nét chủ đạo chi phối tâm trạng Thúy Kiều làm cho người đọc vô cùng xúc động:

"... Buồn trông cửa bể chiều hôm,
"... Buồn trông ngọn nước mới sa,
"... Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
"... Buồn trông gió cuốn mặt duềnh..."

Tóm lại, *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"* là một đoạn thơ kì lạ về nỗi *"đoạn trường"*. Một bức tranh đa dạng, phong phú về ngoại cảnh và tâm cảnh đã khắc hoạ nỗi đau buồn, sợ hãi mà Kiều đang nếm trải, dự báo sóng gió bão bùng mà nàng phải trải qua trong 15 năm trời lưu lạc *"thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần"*, có lửa nồng, có dấm thanh, cười ra tiếng khóc, khóc nên trận cười...

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du vô cùng điêu luyện. Cảnh mang hồn người. Cảnh và tình hòa hợp, sống động, hình tượng, biểu cảm. Tả cảnh để tả tình, trong cảnh có tình, lấy cảnh để phô diễn tâm trạng *"người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!"*. Mỗi một cảnh vật là một nét đau, nỗi lo, nỗi buồn tê tái người con gái lưu lạc.

Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc. Nó dấy lên trong lòng mỗi chúng ta những xót thương về con người tài sắc bạc mệnh. Một thái độ yêu thương, một tấm lòng nhân hậu, cảm thông, chia sẻ của nhà thơ đối với nỗi đau của Thúy Kiều đã để lại ấn tượng sâu sắc trong trái tim người đọc qua hàng thế kỉ nay:

"Tố Như ơi! Lệ chảy quanh thân Kiều".

(Tố Hữu)

BÀI SỐ 89

Đề bài: ***Trong đoạn thơ nói về tâm trạng Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du có tả bốn bức tranh Kiều "buồn trông" rất hay. Em hãy phân tích cái hay đó.***

Trong "*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du, đoạn nói về tâm trạng của Thuý Kiều ở lầu Ngưng Bích vẫn được người đọc xưa nay coi là một trong những đoạn thơ tuyệt vời về nghệ thuật tả cảnh và tả tình. Thế nhưng cái hay của cả đoạn thơ như ngưng đọng lại trong những câu thơ cuối cùng, ở bốn bức tranh:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duyềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."

Tám câu thơ trên là cảnh nhưng thực sự là tình, Nguyễn Du tả cảnh nhưng thực sự là tả tình.

Bốn bức tranh đều được nhà thơ khởi đầu bằng hai tiếng "*buồn trông*" nghĩa là nỗi buồn đã sẵn tự trong lòng trước khi nhìn vào cảnh và ngắm cảnh cùng với nỗi buồn ấy, vừa ngắm vừa buồn, càng ngắm càng buồn, càng buồn càng ngắm. Nói như thế thật là hợp lí, thật đúng với tâm trạng Thuý Kiều lúc này. Vì sao vậy? Vì nỗi buồn của Kiều là nỗi buồn lớn, không phải là nỗi buồn thoáng qua vì một duyên cớ chốc lát, mà là nỗi buồn đeo đẳng suốt cả đời người. Quả thật, trong suốt phần đầu của "*Truyện Kiều*", chưa bao giờ Kiều buồn như lúc này, bởi chưa bao giờ Kiều kịp có lúc để nhìn vào chuyện buồn của mình, ngẫm cho kĩ, thấm cho sâu về chuyện buồn ấy. Xa Kim Trọng, phải bán mình chuộc cha, Kiều chỉ kịp đau đớn, nhưng gia biến nặng nề, nỗi đau của cha, nỗi đau của mẹ, nỗi buồn của các em, những điều ấy đòi hỏi Kiều phải đứng vững, tạm quên mình đi để giải quyết việc nhà cho trọn đạo một người con, một người chị, phải rời gia đình, cùng Mã Giám Sinh ra đi, trong nỗi buồn vì không vẹn tình với Kim Trọng, Kiều có niềm an ủi đã cứu được gia đình. Vừa đến Lâm Tri, bước vào nhà mụ Tú Bà, chưa kịp hồi sức sau một chặng đường dài "*Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh*", Kiều đã hoảng hốt vì quang cảnh nhà mụ, Kiều đã gặp ngay một trận "*tam bành*" của con mụ buôn thịt người ác độc ấy. Có lẽ Kiều đã đau, đã nhục, đã căm hờn, nhưng chưa kịp buồn.

Bây giờ mới thực sự buồn. Ta hình dung Kiều ngồi một mình trên lầu Ngưng Bích (thực chất là lầu rước khách của mụ Tú), bốn bề là mênh mông vắng lặng. Cảnh ấy dội vào lòng Kiều, xui nàng nghĩ về thân phận của mình. Nỗi buồn mỗi lúc một thấm thía. Nàng buồn vì nhớ tới Kim Trọng, người mới cùng nàng thề bồi tha thiết mà

.y thì vĩnh viễn cách xa. Nàng buồn vì nỗi xa cha mẹ, từ nay mỗi ngày một già yếu à không có nàng để hôm sớm đỡ đần chăm sóc. Nỗi buồn thật là vời vợi mênh ông, giờ đã đọng thành khối trong lòng Kiều. Nếu ban đầu nỗi buồn còn từ cảnh ột dội vào lòng thì lúc này nỗi buồn lại chính từ lòng buồn. Với hai tiếng "*buồn ông*", Nguyễn Du sao mà hiểu lòng người sâu sắc quá vậy!

Kiều trông gì?

Đây là bức tranh thứ nhất:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?"

Trông về "*cửa bể*" mà lại "*cửa bể chiều hôm*". Lúc ấy mặt trời sắp tắt, chỉ còn lại những ánh sáng thoi thóp cuối cùng trên mặt nước. Nhìn về cửa bể tức là còn ìn thấy cả một dải bể đang mất hút đi ở cuối chân trời. Phía ấy không có gì cả ngoài ột trống vắng mênh mông, một bầu trời đang dần tối. Thế mà trên cái nền trống ıng lại nổi lên hình ảnh "*thuyền ai*". "*Thuyền ai*" tức là chỉ có một chiếc thuyền, chứ ıông phải cảnh đoàn thuyền đông đúc tấp nập từ biển trở về để gợi lên một điều vui :. Con thuyền gần như mất hút cuối chân trời, vì Kiều chỉ nhìn thấy cánh buồm của), mà cánh buồm thì lại cũng chỉ "*thấp thoáng*". "*Thấp thoáng*", hai âm "*th*" gợi một ım giác lặp lại, với hai âm "*ấp*" và "*oáng*" một âm tắc, một âm vang – diễn tả hình ıh cánh buồm mờ mờ tỏ tỏ, chợt hiện rồi chợt ẩn, nhấp nhô trên sóng biển, như mơ), như ảo ảnh ở cuối biển xa xa. "*Thuyền ai ...*" thuyền ai đó, thuyền ai thế nhỉ? huyền đang đi về nơi quê nhà thân yêu của ta chăng? Hay thuyền đang đi về nơi vô nh, cũng cô đơn, cũng lưu lạc giang hồ như chính ta? Tâm sự này đã buồn, trông vào ınh ấy, sao có thể không thấm thía nỗi buồn hơn.

Như để tìm một chút lãng quên, Kiều ngoảnh mặt nhìn sang hướng khác. Thì đây:

"Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?"

Trước mắt Kiều là một ngọn nước từ trên thác cao đang đổ xuống. Mới từ lòng ıối chảy trôi khỏi đầu ngọn thác, ôi thôi, thế là tan tác đời trong trẻo với êm đềm của ıớc. Bây giờ là lúc bắt đầu của dập vùi, cuồn xoáy, sôi trào, xô đập, ngầu đục cát ın. Kinh hãi thay cái phút từ trên mỏm đá cao sa xuống thác! Cảnh ngọn nước đã ıồn, mà nhìn đến chân ngọn nước thì: hoa trôi man mác ... Giá nhà thơ viết "*tan ic*" thì cũng đành đi một nhẽ, cho nó tan vỡ đi, chìm lấp đi, những cánh hoa mỏng ıanh kia! Nhưng không, hoa rụng xuống dòng nước và bập bềnh trôi đi, bị đưa qua ıy lại, rồi lại trôi đi, lặng lẽ, buồn bã, để đến một nơi nào không làm sao có thể biết ıợc. Ngọn nước mới sa ấy, cánh hoa trôi ấy, có khác chi cuộc đời Kiều! Chính Kiều ĩng là một ngọn nước vừa mới đi qua lòng suối êm đềm và vừa mới sa xuống giữa gọn xoáy dập vùi. Chính Kiều cũng là đoá hoa đang man mác trôi đi, đơn độc và ıỏng manh trên một dòng nước vừa dài vừa rộng với bao nhiêu đe doạ chưa thể nào ình dung ra hết.

Lòng đã buồn, cảnh lại buồn quá. Thôi, hãy đưa mắt trông đi nơi khác.

"Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh."

Lại một cảnh mênh mông hoang vắng: một đồng cỏ phẳng lặng kéo mãi đến ıối tầm nhìn, không một bóng cây, không một dòng sông, không một gò núi, không

một mái nhà để phá vỡ bớt cái đơn điệu chán nản ấy đi. Chỉ có cỏ, cỏ và cỏ. Mà cỏ thì cũng có tươi tốt gì đâu! Từ "*dầu dầu*" không chỉ gợi lên ý "*rầu rầu*" buồn bã, mà còn cho ta hình dung thấy những ngọn cỏ lưa thưa ủ ê như đang dần héo hắt đi, đang mất dần sức sống. Đây không phải là đồng cỏ xuân đầy sức sống và niềm vui khi Kiều đi dự hội thanh minh:

"*Cỏ non xanh rợn chân trời ...*"

Đây là đồng cỏ cuối mùa, cũng đang buồn bã như chính lòng người ngắm cảnh. Thế mà cái đồng cỏ ấy, cái màu cỏ ủ ê ấy lại kéo dài ra vô tận, tiếp cả với nền trời thành một màu duy nhất: "*xanh xanh*". Nếu Nguyễn Du viết:

"*Chân mây mặt đất một màu xanh tươi*"

Thì hẳn nàng Kiều đã tìm được ở đó một niềm an ủi, đôi chút lãng quên. Nhưng "*xanh xanh*" thì chưa hẳn là xanh, chỉ có vẻ xanh thôi, một màu xanh nhợt nhạt, xa xôi, làm gợi lên một niềm ngao ngán. Và có lẽ cái màu "*xanh xanh*" ấy là cái màu của tâm trạng được nhìn từ đôi mắt đẫm ướt khổ đau.

Thế là Thuý Kiều đã ngoảnh nhìn hết ba hướng. Nàng chỉ còn một hướng cuối cùng. May ra có chút đổi thay chăng?

"*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"

Hóa ra cái buồn của ba cảnh trước tuy buồn mà chưa thực là buồn. Ba cảnh trên buồn đến thế còn là nhẹ quá. Cảnh này mới thực là buồn. Ba bức tranh trên chỉ là những bước chuẩn bị cho cảnh buồn cuối cùng này. Một vũng biển ăn sâu vào đất liền, ngoài kia là biển lớn. Gió biển hun hút chạy vào duềnh, gió cuốn ào ào khiến mặt biển nổi đầy sóng lớn, trắng xoá một màu. Sóng vỗ "*ầm ầm*" chứ không phải "*ì ầm*" như những ngày ít gió: sóng gào thét cuồng nộ, đập vào bờ, xô dập nhau, lớp sóng này chưa tan đã ào lên lớp sóng khác, liên tục, bất tận. Tiếng sóng lớn lắm, không chỉ vang âm trên biển mà vang đi rất xa, vang khắp bốn bể. Kiều tưởng như mình không còn ngồi trên lầu Ngưng Bích nữa, mà ngồi đâu chính giữa duềnh biển mênh mông ấy, bốn bên nàng là sóng vỗ. Mấy từ "*ầm ầm tiếng sóng*" nghe đã dữ dội bên tai nàng, dâng lên gào thét trong tâm hồn nàng, vây bủa lấy nàng.

Nếu trong ba bức tranh trên, giữa người và ngoại cảnh còn là hai đối tượng phân biệt, đâu là chủ, đâu là khách, thì đến bức tranh này, con người đã nhập vào ngoại cảnh; ngoại cảnh trùm phủ lấy con người, nỗi buồn thực đã đi đến mức cùng tột của cao trào. Lúc này, con người sẵn sàng tan đi cùng với ngoại cảnh, sẵn sàng làm bất cứ việc liều lĩnh nào để hoặc thoát khỏi nỗi buồn ghê gớm ấy, hoặc có thể chết đi cũng không cần. Chính tâm trạng này đã dọn đường cho việc Kiều gặp Sở Khanh, liều lĩnh theo y rồi bị lừa gạt.

Bốn bức tranh của Nguyễn Du thật ra thì không lạ lùng. Nhưng thật là lạ lùng cách của Nguyễn Du diễn tả những bức tranh ấy trong sự hoà hợp với hoàn cảnh và tâm trạng của Thuý Kiều. Bởi Nguyễn Du rất tinh tế khi nhìn cảnh, rất sâu sắc về tình người, nhưng còn bởi điều này nữa: Nguyễn Du rất tài tình trong ngôn ngữ.

Nguyễn Lê Tuyết Mai

BÀI SỐ 90

Đề bài: Cảm nghĩ của em về nhân vật Kim Trọng qua đoạn thơ "Kiều gặp Kim Trọng" trích trong "Truyện Kiều" của thi hào Nguyễn Du.

Kim Trọng là một trong ba nhân vật đẹp nhất trong "*Truyện Kiều*" thể hiện cảm ứng nhân văn về tình yêu tự do giữa đôi lứa "*Người quốc sắc, kẻ thiên tài*". Kiều gặp .im Trọng, Kiều – Kim tình tự, thề nguyền, Kim Trọng trở lại vườn Thúy, "*Bâng huâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa*" là 4 đoạn thơ đã để lại trong lòng người đọc hững ấn tượng đẹp về nhân vật Kim Trọng.

Đoạn thơ "*Kiều gặp Kim Trọng*" mãi mãi xanh non và ngào ngạt sắc hương ong lòng người, sắc hương của mối tình đầu. Nguyễn Du đã thể hiện một bút pháp ghệ thuật đặc sắc về tả người, tả cảnh, tả tình để xây dựng nên bức chân dung một ăn nhân lý tưởng trong con mắt và tâm hồn của giai nhân.

Mở đầu là tiếng nhạc vàng, khúc nhạc của tình yêu, ánh sáng của tình yêu, ở âu đó, nghe rõ dần; tiếng nhạc vàng làm rung động và xôn xao cảnh vật, lòng người:

"*Dùng dằng nửa ở nửa về,*
Nhạc vàng đâu đã tiếngnghe gần gần."

Nhân vật Kim Trọng được miêu tả từ xa đến gần, qua cái lắng nghe và sự bâng huâng dõi nhìn của người đẹp. Một phong thái trang nhã "*đề huề*" với "*lưng túi gió ăng*". Một sự cao sang có vài chú tiểu đồng "*sau chân theo*" hầu. Một con tuấn mã ức trắng như tuyết. Và màu áo xanh non của cỏ xuân với màu xanh thanh thiên của a trời hòa hợp nên. Sắc áo của tài tử văn nhân ngày xưa. Nhịp thơ chậm rãi khoan ıai. Cảnh vật và con người hiện hình qua một gam màu tươi sáng, thanh khiết:

"*Trông chừng thấy một văn nhân,*
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng.
Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau lưng theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu dòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời."

Cái nét đẹp khoan thai khi ngồi trên yên ngựa "*lỏng buông tay khấu*" hòa hợp ới phong thái ung dung lúc "*bước lần dặm băng*", khi "*lần bước dặm xanh*". Văn hân ứng xử rất trang nhã, lịch sự theo đúng lễ giáo và phong cách kẻ sĩ:

"*Nẻo xa mới tỏ mặt người,*
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình."

Mỗi bước đi của văn nhân, cảnh vật như sáng bừng lên; cỏ cây, không gian có ıột sự hóa thân kỳ diệu, trở nên diễm lệ ngào ngạt sắc hương:

"*Hài văn lần bước dặm xanh,*
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao."

Tình yêu của đôi lứa thanh tân nẩy nở từ màu xanh ấy trong sự giao hòa của cây uỳnh cành dao.

Sau khi Vương Quan ra chào, chị em Kiều "*e lệ nép vào dưới hoa*", văn nhân mới ıật sự xuất hiện. Từ xa đến gần, từ ngoại hình đến phong cách, nhà thơ mới từng bước ừng bước giới thiệu về họ tên, về gia thế, về học vấn, về tài năng của "*khách*". Văn hân trước mặt hai ả tố nga là một "*thiên tài*", một mẫu người lý tưởng của thời đại:

"Nguyên người quanh quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
Nền phú hậu, bậc tài danh,
Văn chương nết đất, thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tót vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa."

Kim Trọng, cả tâm hồn lẫn trí tuệ, tính cách là sự hun dúc tài năng của đất "*văn chương nết đất*", là sự hội tụ bao vẻ đẹp của trời "*thông minh tính trời*". Xuất thân trong một gia đình quyền quý, rất giàu có (phú hậu), tài năng lỗi lạc nổi tiếng trong thiên hạ (bậc tài danh), Kim Trọng mang vẻ đẹp tuấn tú "*tót vời*", vẻ đẹp "*hào hoa*", "*phong nhã*".

Nguyễn Du đã sử dụng một hệ thống từ ngữ Hán Việt để nói về Kim Trọng với tất cả sự quý mến, trân trọng, đồng thời thể hiện tính cách nhân vật trên bình diện xã hội: *trâm anh, phú hậu, tài danh, văn chương, thông minh, phong tư, tài mạo, phong nhã, hào hoa.*

Kim Trọng với Vương Quan là "*đồng thân*", bạn học thân thiết. Và đã bấy lâu nay từng khao khát mơ tưởng "*trộm dấu thầm yêu*" hai Kiều mà chưa một lần hội ngộ. Hội Đạp thanh này đối với chàng Kim là dịp "*thỏa lòng tìm hoa*". Một cái "*nhác thấy*" mà đã "*mặn mà*" biết bao:

"Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai."

Phải đa tình và có "*con mắt tinh đời*" nhạy cảm, Kim Trọng mới có thể cảm nhận được cái vẻ mơn mởn của lan mùa xuân, cái đằm thắm dịu dàng của cúc mùa thu từ "*bóng hồng*" ấy. Không hẹn mà nên:

"Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e."

Hai trái tim đa tình, đa cảm đã có một tiếng nói chung. Thế nhưng vẫn dịu dàng, e ấp và kín đáo: "*Tình trong như đã, mặt ngoài còn e*". Người đẹp đã làm cho chàng Kim choáng váng: "*Chập chờn cơn tỉnh cơn mê*". Trước tiếng sét ái tình, Kim Trọng vốn hào hoa, phong nhã đã làm chủ được tâm hồn trong một cuộc tình trường "*Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn*". Cuộc chia li không thể không diễn ra. Khoảnh khắc chia li của lứa đôi trong buổi đầu gặp gỡ mang theo bao tình lưu luyến. Hai vế tiểu đối mở ra hai phía chân trời, tình lưu luyến mến thương kéo dài vô tận:

"Khách đà lên ngựa // người còn ghé theo"

"*Kẻ thiên tài*" đã mang theo hình bóng "*người quốc sắc*" trở về nhà. Chiếc cầu và dòng nước trong veo, cành tơ liễu và bóng chiều thướt tha như những chứng nhân cho một thiên diễm tình giữa giai nhân và tài tử. Khách văn nhân hào hoa đa tình có bao giờ quên được "*nơi kỳ ngộ*" ấy:

"Dưới cầu nước chảy trong veo,
Trên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha."

Cảnh vật và hồn người đã để lại dấu ấn trong lòng mỗi chúng ta qua một vần thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút.

Nguyễn Du đã có những cách nói rất hay, rất đẹp về Kim Trọng: *văn nhân, bậc tài danh, phong nhã, hào hoa, kẻ thiên tài* ... Kim Trọng là hình ảnh đẹp nhất về khách tài tử, đa tình xuất hiện trong đoạn thơ đã làm nổi bật chủ đề tình yêu tự do và cảm

ứng nhân văn của Truyện Kiều. Nguyễn Du đã miêu tả nhân vật Kim Trọng bằng bút háp ước lệ, diễn tả bằng một hệ thống từ ngữ Hán Việt để làm nổi bật chất tài hoa hong tình của kẻ thiên tài. Cảnh vật thiên nhiên từ dặm xanh đến dòng nước trong eo, từ chiếc cầu, cành tơ liễu đến bóng chiều - đều đã trở thành cái nền thơ mộng, m hiện lên hình ảnh chàng Kim trong buổi đầu gặp gỡ người đẹp. Có thể nói bao ùm bức chân dung Kim Trọng là *một màu sắc lãng mạn đầy chất thơ.*

Kim Trọng là mẫu người thiên tài lý tưởng. Hấp dẫn hơn, chàng Kim là khách i tử đa tình tiêu biểu cho khát vọng tình yêu đôi lứa. Nhân vật Kim Trọng rất thực và ít mới, rất gần gũi với tuổi trẻ ngày nay, có lẽ vì thế.

BÀI SỐ 91

Đề bài: Cảm nghĩ của em về nhân vật Từ Hải qua đoạn thơ "Kiều gặp Từ Hải" trích trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du.

Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải là ba nhân vật đã gắn bó với số phận và đời ống tình cảm của Thúy Kiều. Mối tình Kim – Kiều là mối tình đầu tuyệt đẹp giữa *Người quốc sắc, kẻ thiên tài*", đã nặng tình thề nguyền "*Trăm năm tạc một chữ đồng ến xương*". Mối tình giữa Thúc Sinh và Thúy Kiều là quan hệ "*Trước còn trăng gió au ra đá vàng*". Từ Hải với Thúy Kiều đã gắn bó với nhau bằng mối tình tri kỷ giữa *'rai anh hùng, gái thuyền quyên*". Những nhân vật ấy đã được thi hào Nguyễn Du thể iện một cách tuyệt đẹp, làm cho cảm hứng nhân văn lung linh tỏa sáng trên những ang thơ "*Truyện Kiều*".

Đọc đoạn thơ "*Kiều gặp Từ Hải*" qua nghệ thuật tả người của một ngòi bút iên tài, qua nhân vật Từ Hải ta cảm nhận được ước mơ về tự do và công lý trong xã ội phong kiến.

Lúc bấy giờ Kiều đang sống ở Châu Thai trong tay Bạc Bà, Bạc Hạnh:

"Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!"

Trong cảnh ngộ ấy, "*khách biên đình*", nơi biên ải xa xôi đã đến với Kiều. Đó là một êm mùa thu "*gió mát, trăng thanh*". Hai chữ "*bỗng đâu*" nói lên sự bất ngờ, đột ngột:

"Lần thâu gió mát, trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi."

Không phải là một văn nhân với tiếng "*nhạc vàng*", với "*cỏ pha màu áo nhuộm on da trời*". Cũng không phải là người "*trăm nghìn đổ một trận cười như không*". Mà i "*một đấng anh hùng*" có cốt cách phi thường:

"Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao."

Những ẩn dụ, những số đo ấy tuy mang tính chất ước lệ tượng trưng của thi pháp ổ, nhưng với cách ngắt nhịp 2/2/2 ở câu lục và 4/4 ở câu bát, giọng thơ trở nên mạnh mẽ ầy ấn tượng về một tướng mạo phi phàm, uy nghi. "*Khách biên đình*" có võ nghệ cao ường vô địch, có trí dũng "*lược thao gồm tài*". Đó là một anh hùng xuất chúng:

"Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài."

Lai lịch bí mật của "*khách*" được hé lộ dần về họ, tên, quê quán, về chí khí *giang hồ*" của một khách cung kiếm, sống một cuộc đời tự do:

"Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thói vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo."

Nguyễn Du đã sử dụng một số từ Hán-Việt như : "*đấng anh hào*", "*côn quyền*", *lược thao*", "*giang hồ*", "*vẫy vùng*" để khắc họa tính cách anh hùng và khát vọng tự o của nhân vật Từ Hải. Các phụ âm "đ" trong các từ ngữ như : "*đường đường*", *đấng*", "*đội trời, đạp đất*", "*ở đời*", "*Việt Đông*", làm cho giọng thơ vang lên hùng ồn, mạnh mẽ. Sau này khi Từ công đã chết, Thúc Sinh còn nhắc lại đầy ngưỡng mộ:

"Đại vương tên Hải họ Từ,
Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.
.... Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động địa kinh thiên đùng đùng,
Đại quân đồn đóng cõi đông..."

Có thể nói, Nguyễn Du đã dùng những từ ngữ, hình ảnh tráng lệ nhất, giọng thơ ùng tráng nhất, để ca ngợi cốt cách phi thường, thói giang hồ tự do,chí khí anh hùng ủa Từ Hải.

Từ Hải còn là một anh hùng rất đa tình. Buổi gặp gỡ đầu tiên có thiếp danh ang trọng, nhiều tâm đắc tương tri: "*cùng liếc... cùng ưa*". Người đẹp đã làm cho ấng anh hào phải xiêu lòng. Cũng là khoảnh khắc "*ban đầu lưu luyến*" của lứa đôi:

"Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa."

Cuộc đối thoại tại "*lầu hồng*" giữa anh hùng và giai nhân đã làm nổi bật thêm hững nét đẹp trong tâm hồn Từ Hải. Đến "*lầu hồng*" gặp Kiều, Từ Hải kkhông phải ì tình "*trăng gió*" mà là "*tâm phúc tương cờ*", đi tìm "*tri kỷ*". Vì vậy khi nghe người ẹp nói lên niềm hy vọng "*Tấn Dương được thấy mây rồng có phen*", nghe Kiều gửi ắm sự trông cậy chở che: "*Rộng thương cỏ nội hoa hèn – Chút thân bèo bọt dám hiền mai sau*" thì Từ Hải "*gật đầu*" sung sướng:

"Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung nghìn tứ, cũng là có nhau."

Đó là một lời hứa như đao chém đá của trang anh hùng nghĩa hiệp. Chẳng cần ùng mưu kế như Thúc Sinh "*rước về hãy tạm dấu nàng một nơi*", Từ Hải đã chuộc íều ra khỏi lầu xanh, thái độ xử lý rất đàng hoàng: "*Tiền trăm lại cứ nguyên ngân hát hoàn*". Con người "*giang hồ quen thói vẫy vùng*", từng "*đánh quen trăm trận*" ấy ại có một tình yêu rất lãng mạn, Từ Hải là ân nhân của Kiều đã làm thay đổi số phận ủa một gái thanh lâu:

"Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng."

Qua đoạn thơ "*Kiều gặp Từ Hải*", ta càng thấy rõ nghệ thuật tả người của Iguyễn Du rất đặc sắc, độc đáo. Thi hào đã dành những câu chữ hay nhất, trang trọng hất để khắc họa *tính cách anh hùng phi thường, khát vọng tự do và chất đa tình lãng ạn của nhân vật Từ Hải*. Từ giọng điệu đến ngôn từ đều trang trọng, cổ kính: *nhân ật lung linh màu sắc huyền thoại sử thi.*

Nhân vật Từ Hải tựa như một ánh hào quang chiếu qua một quãng đời ngắn gủi của Thúy Kiều, nhưng đã để lại trong lòng người bao ấn tượng tốt đẹp. Chân ung anh hùng Từ Hải là một phương diện tuyệt đẹp về cảm hứng nhân văn của *Truyện Kiều*".

BÀI SỐ 92

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Thuý Kiều báo ân báo oán".

Từ Hải chuộc Kiều ra khỏi chốn thanh lâu, Kiều trở thành một mệnh phụ ph nhân. Chẳng bao lâu sau, Từ Hải đã có binh cường tướng mạnh:

"Trong tay mười vạn tinh binh,
Kéo về đóng chật một thành Lâm Tri"

Kiều đã dựa và uy thế Từ Hải để báo ân báo oán.

Trong *"Truyện Kiều"*, cảnh báo ân báo oán là một tình huống giàu kịch tính, th hiện ước mơ công lí ở đời. Cảnh báo ân báo oán được kể trong một đoạn thơ dài 16 câu thơ (từ câu 2289 đến câu 2450), Thúc Sinh, mụ quản gia, vãi Giác Duyên đượ báo ân. Hoạn Thư cùng 7 tên khác bị báo oán:

"Trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà,
Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh.
Tú Bà với Mã Giám Sinh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao?"

Ở đây, chúng ta chỉ nói đến hai tình tiết: Kiều báo ân Thúc Sinh và báo oá Hoạn Thư. Tâm lí và cách ứng xử của Thúy Kiều, tính sáng tạo của Nguyễn Du l những điều mà ta có thể tìm hiểu và cảm nhận trong đoạn thơ này.

1. Báo ân Thúc Sinh.

Sau khi mắc lận Sở Khanh, Thúy Kiều bị Tú Bà bắt ép làm gái lầu xanh. V Kiều đã gặp Thúc Sinh *"cũng nòi thư hương"*. Là con rể của quan Thượng thư, mộ con người phong tình *"quen thói bốc rời"*. Lúc đầu chỉ là *"trăng gió"*, nhưng về sau Thúc Sinh và Thúy Kiều trở thành *"đá vàng"*. Thúc Sinh đã chuộc Kiều, lấy làm vợ lẽ *"Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai"*. Mặc dù sau này có chuyện đánh ghen, bị làm nhục, nhưng Thúc Sinh trong điều kiện có thể, nói với Hoạn Thư đưa Kiều ra Qua Âm các *"giữ chùa, chép kinh"*, thoát khỏi kiếp tôi đòi. Tuy *"thấp cơ thua trí đàn bà* nhưng tình cảm của Thúc Sinh đối với Thúy Kiều, trong bi kịch vẫn *"nặng lòng"*:

"Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời nước non?".

Có thể chê trách Thúc Sinh này nọ, nhưng Thúc Sinh là ân nhân của Kiều, đ giúp Kiều hoàn lương. Kiều là một người phúc hậu, nên nàng không bao giờ có th quên ơn chàng.

Trong cuộc tầm nã của ba quân, gia đình Thúc Sinh đã được Kiều quan târ *"giữ giàng"*:

"Lại sai lệnh tiễn truyền qua,
Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên".

Cảnh báo ân diễn ra, Kiều đã dùng một chữ *"mời"* rất trọng vọng *"cho gươ mời đến Thúc Lang"*. Kiều nói về *"nghĩa"*, về chữ *"tòng"*, đề cao đạo lí thủy chung Thúc Sinh là *"người cũ"*, là *"cố nhân"* mà Kiều *"há dám phụ"*. Nàng khẳng định cá tình nghĩa của Thúc Sinh đối với mình ngày xưa là vô cùng to lớn, sâu nặng: *"nghĩ nặng nghìn non..."*. Kiều đã dùng một số từ như: *"nghĩa, nghìn non, Sâm Thương, ch tòng, người cũ, cố nhân..."* cùng với giọng điệu ôn tồn, biểu lộ một tấm lòng trâ trọng, biết ơn một người đàn ông đã từng yêu thương mình, cứu vớt mình. Trái tim củ Kiều rất nhân tình, nhân hậu; cách ứng xử của nàng đối với Thúc Sinh là giàu ân nghĩ thủy chung:

"Nàng rằng: "Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?"

Cái lễ vật chất mà Kiều báo ân Thúc Sinh cũng thật *"hậu"*, khẳng định cái nghĩa đối với *"cố nhân"* trong những năm tháng ở Lâm Tri là vô cùng sâu nặng:

"Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân.
Tạ lòng, dễ xứng báo ân gọi là."

Sau đó, Kiều dùng lời lẽ dân dã, sắc sảo để nói về *"vợ chàng"*. Bao năm tháng đã trôi qua, lòng Kiều vẫn chưa nguôi. *"Miếng ngon nhớ mãi, đòn đau nhớ đời"* có phải như thế không ? Vị thế đã đổi thay: kẻ là phạm tội, người là quan tòa đang ngồi trong trướng hùm giữa cảnh *"gươm lớn giáo dài"*:

"Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa."

Kiều đã có 2 cách nói khác nhau: nói về ân nghĩa thì trang trọng, ôn tồn; nói về oán thì nôm na, chì chiết. Nguyễn Du đã tạo nên hai giọng điệu, hai thứ ngôn ngữ trong *một lượt lời* của Thúy Kiều, điều đó cho thấy thi hào rất tinh tế, sâu sắc khi thể hiện tâm lí nhân vật.

Dù là được báo ân, nhưng đứng trước cảnh *"Bác đồng chật đất, tinh kì rợp sân"*, Thúc Sinh cực kì khủng khiếp: *"Mặt như chàm đổ, mình dường dẽ run"*, mồ hôi toát ra *"ướt dầm"*, không nói được một lời nào, sống trong tâm trạng vừa *"mừng"*, vừa *"sợ"*:

"Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai".

2. Báo oán Hoạn Thư.

Từ lần bị đánh ghen đêm ấy, đến nay đã bao năm tháng ? Gặp lại Hoạn Thư lần này, trong tư thế của người *"chiến thắng"* ra tay báo oán, Kiều đã *"chào thưa"* bằng những lời *"mát mẻ"*:

"Thoắt trông nàng đã chào thưa:
Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!"

Giọng nói trở nên chì chiết, đay nghiến. Các chữ *"mấy tay"*, *"mấy mặt"*, *"mấy gan"* như những mũi dao sắc lạnh:

"Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!"

Kiều nghiêm giọng cảnh cáo Hoạn Thư đã từng hành hạ mình, làm cho mình đau khổ: *"Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều"*.

Là *"thủ phạm"* đang đứng giữa pháp trường, xung quanh là bọn đao phủ đã *"gươm tuốt nắp ra"*, Hoạn Thư *"hồn lạc phách xiêu"*. Người đàn bà này tự biết tội trạng mình, cảnh ngộ mình, khó lòng thoát khỏi lưỡi gươm trừng phạt ? Vốn khôn ngoan, sắc sảo, đứa con của *"họ Hoạn danh gia"* đã trấn tĩnh lại, tìm cách gỡ tội. Một cái *"khấu đầu"* giữ lễ, khi chân tay đang bị trói. Trước hết nhận tội *"ghen tuông"* và lí giải đó là chuyện *"thường tình"* của đàn bà. Tiếp theo Hoạn Thư gợi lại chút *"ân tình"* ngày xưa: một là, đã cho Kiều xuống Quan Âm các *"giữ chùa chép kinh"*, không bắt làm thị tì nữa; hai là, khi Kiều bỏ trốn mang theo chuông vàng khánh bạc, đã bỏ qua.

Cách nói rất khéo, chỉ gợi sự thật và chuyện cũ ra, chỉ người trong cuộc mới biết. *"Nghĩ cho"* là nhớ lại cho, suy nghĩ lại cho:

"Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo."

Đối với Kiều, Hoạn Thư đã từng nói với Thúc Sinh: *"Rằng: tài nên trọng mà tình nên thương"*. Tuy *"Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai"*, nhưng trong thâm tâm, Hoạn Thư *"kính yêu"* Thúy Kiều. Hoạn Thư tự nhận tội và xin Thúy Kiều rộng lượng:

"Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng".

Lời gỡ tội của Hoạn Thư vừa có lí, vừa có tình. Lời cầu xin đúng mực, chân thành. Vì thế, Kiều phải *"khen cho"*: *"Khôn ngoan đến mức nói năng phải lời"*. Không thể là *"người nhỏ nhen"*, Kiều đã tha tội cho Hoạn Thư:

"Đã lòng tri quá thì nên:.
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay."

Sự việc diễn ra quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Vốn là một phụ nữ trung hậu, đã từng nếm trải bao cay đắng và ngang trái trong cuộc đời, vả lại Kiều cũng tự biết rằng mình đã xâm phạm đến hạnh phúc của người khác. Tha tội Hoạn Thư, Thúy Kiều càng tỏ ra vô cùng cao thượng.

Ai đã từng đọc bản dịch *"Kim Vân Kiều truyện"*, đem đối chiếu với *"Truyện Kiều"*, ta mới thấy hết tài sáng tạo của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du, nhất là trong cảnh báo ân báo oán. Cảnh pháp trường thời trung cổ được miêu tả ước lệ mà không kém phần uy nghiêm ! Lời thoại rất gọn mà sắc đã làm nổi bật tâm lí, tính cách nhân vật Thúc Sinh lành mà nhát sợ, Hoạn Thư thì khôn ngoan, sắc sảo. Kiều rất trung hậu, cao thượng, bao dung.

Nguyễn Du đã sáng tạo nên những lời thoại biến hóa để nói lên chuyện ân oán, cái lẽ đời xưa nay, ca ngợi sự thủy chung tình nghĩa, lên án bọn bạc ác tinh ma. Cảnh báo ân báo oán là một tình tiết rất đậm làm nổi bật tinh thần nhân đạo của *"Truyện Kiều"*.

BÀI SỐ 93

Đề bài: Bình luận ý thơ sau:

"Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

"Truyện Kiều" của thi hào dân tộc Nguyễn Du là kiệt tác của nền văn học cổ điển Việt Nam. *"Truyện Kiều"* là tình yêu thương, niềm say mê lớn trong hàng trăm năm của hàng triệu con người. Vút qua năm tháng *"đêm trường dạ tối tăm mù mịt"*, nhiều câu thơ Kiều đọng trong tâm hồn nhân gian bao ám ảnh:

"Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

1. *"Phận"* là thân phận, số phận. Theo quan niệm cũ, số phận của con người được sung sướng hay đau khổ là do một thế lực huyền bí, thiêng liêng định đoạt. Câu thứ nhất là lời cảm thán cho số phận đàn bà đau khổ.

"Bạc mệnh" hay mệnh bạc là số phận, số mệnh tiền định mỏng manh, đen tối, trải qua nhiều đau thương bất hạnh. *"Bạc mệnh"* không chỉ riêng ai mà là *"lời chung"*, là số phận đáng thương của hầu hết mọi người phụ nữ trong xã hội cũ.Hai câu thơ trên

là tiếng khóc của Thúy Kiều khi đứng trước nấm mồ Đạm Tiên một buổi chiều thanh minh. Đó là tiếng khóc của nàng cho mọi người phụ nữ tài hoa bạc mệnh ngày xưa, và cũng *tự khóc cho đời mình mai sau* (dự cảm). Ý thơ mang tính chất khái quát rất cao, biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua *"Truyện Kiều"*.

2. Hai câu thơ trên đã nói lên bi kịch về thân phận của người phụ nữ ngày xưa: đau khổ, bạc mệnh. Nguyễn Du đã sống trong một thời đại đen tối là lúc chế độ phong kiến suy tàn, đầy rẫy thối nát, bất công và dã man. *"Truyện Kiều"* đã phản ánh một cách sống động và chân thực cái hiện thực đen tối ấy của xã hội phong kiến:

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng".

"Phận đàn bà" trong xã hội ấy là *"đau đớn"*, là *"bạc mệnh"*, tủi nhục không kể xiết. Lễ giáo phong kiến khe khắt, cổ hủ nặng nề: trọng nam khinh nữ (nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô), đạo *"tam tòng"* như sợi dây oan nghiệt thít chặt vào cổ người đàn bà (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử). Thân phận bếp núc, không được học hành, không có chút quyền hành gì ngoài xã hội. Nam nữ *"thụ thụ bất thân"*. Người con gái và nhan sắc chỉ để *"mua vui"* cho bọn vua chúa, quan lại, kẻ quyền quý... Hai chữ *"bạc mệnh"* trong lời thơ đã cực tả nỗi *"đau đớn"*, tủi nhục của khách *"má hồng"*.

Nguyễn Du đã phản ánh một sự thật đau lòng trong xã hội phong kiến suy tàn, thối nát. Nạn mất mùa, dịch bệnh, tệ áp bức bóc lột nặng nề của vua quan, chiến tranh, loạn lạc triền miên đã dìm người dân lành trong máu, nước mắt và đói rét. Phụ nữ và trẻ em là lớp người đau thương nhất: góa bụa, côi cút... Có người phải ăn xin *"chết lăn rãnh đến nơi, thịt da béo cầy sói"* (Những điều trông thấy). Có giai nhân *"nổi danh tài sắc một thì"* nhưng bạc mệnh: *"Sống làm vợ khắp người ta, Hại thay thác xuống làm ma không chồng"* (Đạm Tiên). Có thiếu nữ hiếu thảo, tài sắc vẹn toàn nhưng phải trải qua số kiếp *"đoạn trường"* nên phải nếm đủ mùi cay đắng nhục nhã *"Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần"* (Thúy Kiều)...

Nguyễn Du bằng sự trải nghiệm của đời mình, đã từng mười năm trời lưu lạc, không thuốc men lúc ốm đau, vợ con chia lìa, anh em tan tác (Anh em tan tác nhà không có - Ngày tháng xoay vần tóc bạc rồi - Thơ chữ Hán), nên ông đã có sự đồng cảm sâu sắc, cảm thương vô hạn cho bao nỗi đau đớn của người phụ nữ bạc mệnh. Ông đã lên tiếng tố cáo những thế lực hắc ám, bạo tàn (quan lại, bọn lưu manh, lũ buôn thịt bán người, đồng tiền hôi tanh và bạo lực...) đã chà đạp lên quyền sống và hạnh phúc của con người, của người phụ nữ. *"Truyện Kiều"* là tiếng kêu thương thống thiết, ai oán, não nùng. Tiếng kêu thương ấy, nhà thơ đã gửi vào thân phận một người đàn bà *"Những là oan khổ lưu li - Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !"*.

Hai câu thơ: *"Đau đớn thay phận đàn bà,*
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

đúng như Tố Hữu đã nói *"còn đọng nỗi đau nhân tình"*; *"Tố Như ơi lệ chảy quanh thân Kiều !..."*. Nó chứa chan tinh thần nhân đạo cao đẹp.

3. Câu thơ của Nguyễn Du cho đến nay vẫn còn làm xúc động lòng người. Cách mạng đã xác nhận quyền nam nữ bình đẳng. Người phụ nữ đã có vai trò rộng lớn trong xã hội. Đảm đang việc nước, đảm đang việc nhà, người phụ nữ đã và đang phát huy tài năng, đức hạnh trong sản xuất, học tập và chiến đấu:

"Chị em tôi tỏa nắng vàng lịch sử,
Nắng cho đời nên cũng nắng cho thơ".

(Huy Cận)

Hai câu thơ của Nguyễn Du tuy không còn ý nghĩa phổ biến nữa, nhưng trong xã hội hiện nay vẫn còn không ít bất công, tàn dư của tư tưởng phong kiến, dã và đang làm cho người phụ nữ bị thiệt thòi, đau khổ. Vì thế cuộc đấu tranh để thực sự giải phóng phụ nữ phải được tiếp tục.

- Qua hai câu thơ:

"Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

ta thấy trái tim yêu thương mênh mông của thiên tài Nguyễn Du, ta cảm nhận sâu sắc giá trị nhân bản tuyệt vời của *"Truyện Kiều"*. Một lần nữa trong *"Văn Chiêu hồn"*, Nguyễn Du lại thống thiết kêu lên:

"Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu".

Hơn bất cứ nghệ sĩ nào, Nguyễn Du đã dành cho người phụ nữ những tình cảm thắm thiết, cảm động nhất. Nguyễn Du mãi mãi bất tử về tấm lòng nhân đạo mênh mông.

BÀI SỐ 94

Đề bài: Phân tích một số câu thơ trong "Truyện Kiều" để làm sáng tỏ giá trị nhân đạo của áng thơ kiệt tác này.

Trong "*đề từ*" tập thơ "*Đoạn trường tân thanh*", tiến sĩ Phạm Quý Thích dã viết:

"...Mặt ngọc lỡ sao vùi đáy nước,
Lòng trinh không thẹn với Kim lang.
Đoạn trường mộng tỉnh duyên dà đứt,
Bạc mệnh đàn ngưng hận vẫn vương ... "

(Nguyễn Quảng Tuân *dịch*)

Phạm Quý Thích là người cùng thời với Nguyễn Du. Lời *để từ* của nhà nho danh tiếng này đã khẳng định và ngợi ca giá trị nhân đạo của kiệt tác Truyện Kiều. Mười lăm năm trời lưu lạc của nàng Kiều là một thiên bạc mệnh thấm đầy lệ làm xúc động lòng người "*Cảo thơm lần giở trước đèn...* " 3254 câu thơ Kiều đào dạt một tình thương mênh mông của Nguyễn Du trước những bi kịch cuộc đời – "*những điều trông thấy mà đau đớn lòng ...* "

Tinh thần nhân đạo là cảm hứng nhân văn bao trùm lên toàn bộ "*Truyện Kiều*". Đó là tiếng nói ngợi ca những giá trị, phẩm chất tốt đẹp của con người như tài sắc, lòng hiếu nghĩa, vị tha, chung thuỷ trong tình yêu ... Đó còn là tấm lòng của nhà thơ đồng tình với những ước mơ và khát vọng về tình yêu lứa đôi, về tự do và công lý; là sự đồng cảm, xót thương với bao nỗi đau, bị vùi dập của con người, nhất là đối với người phụ nữ "*bạc mệnh*" trong xã hội phong kiến. Có thể nói, cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du là cảm hứng trân trọng và thương yêu con người bị áp bức, bị chà đạp.

Tinh thần nhân đạo trong Truyện Kiều, trước hết là tiếng nói ngợi ca những giá trị, phẩm chất tốt đẹp của con người. Kiều là hiện thân của cái đẹp và tài năng tuyệt vời. Nàng kiều diễm, rực rỡ "*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*". Kiều không chỉ đẹp "*nghiêng nước nghiêng thành*" mà còn có một tài năng toàn diện, lỗi lạc rất đáng tự hào:

"Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm."

Kim Trọng, một văn nhân, tài tử "*vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa*". Là một "*thiên tài*" hội tụ của tinh hoa thời đại "*văn chương nết đất, thông minh tính trời*".

Mỗi bước đi của chàng Kim đều đem đến cho đất trời cỏ cây hoa lá một sức sống đẹp tươi kỳ diệu:

"Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao"

Mối tình của "*Kim Trọng – Thuý Kiều*" là một thiên diễm tình. Đó là một tình yêu tự nguyện vượt ra ngoài khuôn khổ lễ giáo phong kiến, rất trong sáng và thuỷ chung của "*người quốc sắc, kẻ thiên tài*".

Kiều là một đứa con chí hiếu. Gia đình gặp tai biến. Tài sản bị bọn sai nha "*Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham*", cha bị tù tội. Kiều đã quyết hy sinh mối tình riêng, để cứu cha và gia đình. Hành động bán mình chuộc cha của Thúy Kiều thấm đượm một tinh thần nhân đạo cao đẹp, làm cho người đọc vô cùng cảm phục và xúc động:

- *"Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,*
Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân."
- *"Thà rằng liều một thân con*
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây."

Đọc "*Truyện Kiều*" lần theo con đường khổ ải của Kiều, ta vô cùng cảm phục trước tấm lòng đôn hậu, hiếu thảo, tình nghĩa của nàng. Kiều như quên hết nỗi đau của riêng mình mà dành tất cả tình thương nhớ thắm thiết cho cha mẹ và hai em. Nàng lo lắng cha mẹ già yếu, buồn đau, không ai chăm sóc đỡ đần:

"Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ ..."

Tình tiết "*trao duyên*" trong "*Truyện Kiều*" cũng là một nét rất đẹp của tình cảm nhân đạo. Trước bi kịch cuộc đời "*Hiếu tình khôn nhẽ hai đường vẹn hai*", Kiều đã "*cậy em*" và trao duyên cho Thuý Vân thay mình trả nghĩa "*nước non*" với chàng Kim:

"... Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.
Chiếc thoa với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ, vật này của chung..."

Tinh thần nhân đạo trong "*Truyện Kiều*" còn là tiếng nói đồng tình, đồng cảm của thi hào Nguyễn Du với những ước mơ về công lý, những khát vọng về tự do.

Từ Hải là một hình tượng mang màu sắc sử thi, một anh hùng xuất chúng có tài năng đích thực và sức mạnh phi thường. Một ngoại hình siêu phàm "*Râu hùm hàm én mày ngài – Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao*". Những chiến công hiển hách, lẫy lừng "*Huyện thành đạp đổ năm toà cõi nam*" Từ Hải là một anh hùng đầy chí khí "*Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!*" Người anh hùng ấy, khi lưỡi gươm vung lên là công lý được thực hiện:

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha."

Từ Hải đã đem uy lực của người anh hùng ra giúp Kiều "*báo ân báo oán*". Hình tượng Từ Hải là một thành công kiệt xuất của Nguyễn Du trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, là một biểu hiện sâu sắc về tinh thần nhân đạo. Vẻ đẹp nhân văn toát lên qua

hình tượng này, tựa như ánh sao băng lướt qua màn đêm giông bão tăm tối của đời nàng Kiều vậy. Tuy ngắn ngủi nhưng sáng ngời hy vọng và niềm tin.

Số phận con người - đó là điều day dứt khôn nguôi của Nguyễn Du. Trái tim nhân ái bao la của nhà thơ đã dành cho kiếp người tài sắc bạc mệnh sự cảm thông và xót thương sâu sắc.

Sau khi bán mình cho Mã Giám Sinh, Kiều đã trải qua mười lăm năm trời lưu lạc, nếm đủ mùi cay đắng, nhục nhã: "*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*". Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn Hiến, bị giết chết. Kiều phải hầu rượu đánh đàn trong bữa tiệc quan. ...uất ức quá, nàng phải nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn. Câu thơ của Nguyễn Du như một tiếng nấc cất lên não lòng. Những từ ngữ: "*thương thay*", "*hại thay*", "*làm chi*", "*còn gì là thân*" tựa như những giọt lệ chứa chan tình nhân đạo, khóc thương cho số đoạn trường:

"... Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi.
Những là oan khổ lưu ly
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân!"

Nhân vật Đạm Tiên mãi mãi là một ám ảnh đối với mọi người. Người kỹ nữ "*nổi danh tài sắc một thì*" nhưng mệnh bạc đau đớn "*Sống làm vợ khắp người ta – Hại thay thác xuống làm ma không chồng*". Kiều đứng trước mộ Đạm Tiên, cất lên lời đồng cảm thê thiết! Kiều khóc Đạm Tiên hay Nguyễn Du khóc thương cho nỗi đau của bao người phụ nữ bị vùi dập trong xã hội cũ?

"Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung."

Nguyễn Du, nhà thơ thiên tài của dân tộc thông qua số phận và tính cách nhân vật trung tâm – Thuý Kiều - đã biểu hiện trong áng thơ tuyệt tác "*Đoạn trường tân thanh*" cảm hứng nhân đạo sâu sắc, cảm động.

Tinh thần nhân đạo cao cả là nội dung tư tưởng đặc sắc tạo nên vẻ đẹp nhân văn của áng thơ này.Chúng ta vô cùng tự hào về Nguyễn Du, một tâm hồn nhạy cảm vẻ đẹp của thiên nhiên, một trái tim giàu yêu thương, đồng cảm với tâm tư và số phận của con người, một tài năng lớn về thi ca đã làm rạng rỡ nền văn học cổ Việt Nam.

Nguyễn Du và "*Truyện Kiều*" sống mãi trong tâm hồn dân tộc, như tiếng hát lời ru của mẹ. Cảm hứng nhân đạo của nhà thơ là tiếng thương muôn đời:

"Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày..."

(*"Kính gửi cụ Nguyễn Du"* – Tố Hữu)

BÀI SỐ 95

Đề bài: Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.

1. *Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Đình Chiểu*

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) sinh ở làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, xuất thân trong một gia đình quan lại nhỏ. Học giỏi, giàu lòng hiếu thảo, cả cuộc đời sáng ngời nhân nghĩa, tình yêu nước thương dân.

Cuộc đời riêng đầy bi kịch: bị mù, công danh dở dang... Tình chung đau xót đất nước ta bị giặc Pháp xâm lăng, đất Nam Bộ mất dần vào tay giặc.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của đất nước ta trong những năm dài đau thương nửa sau thế kỉ XIX.

Tác phẩm gồm có:

- Các truyện thơ: *"Truyện Lục Vân Tiên"*, *"Dương Từ Hà Mậu"*, *"Ngư Tiều y thuật vấn đáp"*.

- Nhiều bài thơ, bài văn tế tuyệt tác: "Chạy giặc", "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc", "Văn tế Trương Định", "Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh", v.v...

Tất cả văn thơ Nguyễn Đình Chiểu đều viết bằng chữ Nôm thấm đẫm tư tưởng nhân nghĩa, giàu lòng yêu nước thương dân và căm thù giặc sôi sục.

2. Tác phẩm

Truyện Lục Vân Tiên là một tác phẩm tiểu biểu, độc đáo của Nguyễn Đình Chiểu, gồm 2082 câu thơ lục bát (có dị bản dài 2246 câu thơ lục bát).

Qua cuộc đời nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, tác giả đã ca ngợi tư tưởng nhân nghĩa, lên án bọn lừa thầy phản bạn, lũ bất lương, đồng thời khẳng định *trung, hiếu, tiết, hạnh* là đạo lí cao đẹp.

"Trai thời trung, hiếu làm đầu,
Gái thời tiết, hạnh là câu trau mình".

BÀI SỐ 96

Đề bài: Tóm tắt Truyện Lục Vân Tiên

Ở quận Đông Thành, vợ chồng họ Lục sinh được đứa con trai rất tuấn tú, đặt tên là Lục Vân Tiên. Sau khi lên núi tầm sư học đạo, Vân Tiên trở thành một con người xuất chúng: văn võ kiêm toàn.

Trên đường xuống núi về kinh ứng thí, Vân Tiên đã đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu được Kiều Nguyệt Nga, một thiếu nữ vóc ngọc mình vàng. Cảm công đức chàng hiệp sĩ, nàng vẽ bức hình Lục Vân Tiên luôn luôn mang theo mình.

Vân Tiên ghé thăm gia đình Võ Công - người đã hứa gả con gái cho chàng. Vân Tiên gặp Hớn Minh, Vương Tử Trực (hai người bạn tốt) và Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, 2 kẻ xấu xa. Ông Quán đã nói với 4 sĩ tử về lẽ ghét thương ở đời.

Sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin nhà. Chàng vội trở về quê chịu tang mẹ. Quá đau khổ mà lâm bệnh, hai mắt bị mù. Vân Tiên bị bọn lang băm, phù thủy, thầy bói lừa gạt lấy hết tiền; Trịnh Hâm đẩy xuống sông hãm hại. Vân Tiên được con Giao Long và Ngư Ông cứu thoát. Vân Tiên trở lại nhà Võ Công, bị hắt hủi và bị bỏ vào hang sâu cho chết. Vân Tiên được Thần Núi và ông Tiều cứu ra, gặp lại Hớn Minh, người bạn nghĩa hiệp. Vương Tử Trực đỗ thủ khoa, tìm đến nhà Võ Công hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý gả con gái cho Vương Tử Trực, nhưng đã bị chàng mắng nhiếc, y quá nhục mà chết.

Kiều Nguyệt Nga nghe tin Vân Tiên gặp nạn đã qua đời, nàng vô cùng thương tiếc, nguyền sẽ thủ tiết. Tên Thái sư trong triều hiến kế cho nhà vua bắt đem Kiều Nguyệt Nga cống cho giặc Ô Qua. Nàng đã ôm theo bức hình Lục Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đã cứu sống Kiều Nguyệt Nga; sau đó nàng lại đạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Ông muốn nhận Kiều Nguyệt Nga làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Kiều Nguyệt Nga bỏ trốn, nương nhờ Lão Bà ở giữa rừng sâu.

Lục Vân Tiên nhờ thuốc tiên mà đôi mắt lại sáng. Chàng vội trở lại quê nhà: ıăm cha, viếng mộ mẹ, thăm Kiều Ông. Chàng lại đi thi, đậu Trạng nguyên; vua sai i dẹp giặc Ô Qua. Trên đường chiến thắng trở về, Lục Vân Tiên bất ngờ, gặp lại Kiều Iguyệt Nga, hai người mừng mừng tủi tủi.

Lục Vân Tiên trở lại Triều đình, tâu hết sự tình đầu đuôi. Tên Thái sư và bọn ian ác bị trừng phạt, những người nhân nghĩa được đền dáp. Lục Vân Tiên và Kiều Iguyệt Nga nên vợ nên chồng, sống cuộc đời hạnh phúc, vinh hiển.

BÀI SỐ 97

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" và nói lên cảm nghĩ của em.

Với Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn của đất Đồng Nai, bên cạnh những bài văn ế, bài thơ sục sôi quân cướp nước, chứa chan tình yêu nước thương dân trong cảnh li ɔạn, là những truyện thơ nêu cao nhân nghĩa, đạo lí làm người. "*Truyện Lục Vân 'iên*" đã làm cho tên tuổi Đồ Chiểu trở thành bất tử. Trung, hiếu, tiết, nghĩa đã chiếu áng lung linh những vần thơ đẹp:

"Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình".

Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga là hai nhân vật trung tâm của truyện thơ áng ngời trung hiếu, tiết hạnh.

Đoạn thơ *"Lục Vân Tiên đánh cướp"* là một trong nhưng đoạn thơ hay nhất của ic phẩm, tiêu biểu cho bút pháp tự sự của Nguyễn Đình Chiểu. Nhân vật Lục Vân 'iên được khắc họa thành mẫu người anh hùng lí tưởng tuyệt đẹp: *giàu lòng thương gười, dũng cảm và vị nghĩa cao cả.*

Lòng thương người là đức hạnh tốt đẹp nhất của Lục Vân Tiên. Từ giã thầy, hàng xuống núi, hăm hở về kinh đô ứng thí. Lộ trình đầy gian nan. Giữa dường, Lục 'ân Tiên bất ngờ gặp nhân dân dắt díu nhau chạy trốn, tiếng kêu khóc vang lên thảm ıiết. Chàng đã ân cần hỏi han sự tình đầu đuôi và quyết ra tay đánh cướp để cứu dân ình thoát khỏi cảnh đau thương, nước sôi lửa bỏng:

"Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này!"

Căm giận lũ bất lương, Lục Vân Tiên sôi sục lên án hành động dã man của húng. Chàng đã đứng về phía nhân dân, quyết bảo vệ dân:

"Kêu rằng: bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân".

Đạo lí của nhân dân ta rất đẹp *"Thương người như thể thương thân"*. Lục Vân 'iên đã hành động vì tình thương bao la ấy.

Tình thương người đã nâng cao chí khí và lòng dũng cảm cho người thư sinh họ ục. Lũ cướp rất đông và đáng sợ gươm giáo sáng ngời. Tướng cướp Phong Lai *"mặt 'ỏ phừng phừng"* đầy sát khí. Hắn dữ tợn và có sức khoẻ muôn người khôn địch! Giữa òng vây của lũ cướp, không một tấc sắt trong tay, một mình với cành cây làm gậy, ục Vân Tiên đã dũng cảm đánh cướp. Đột kích bên tả, xung phong bên hữu, chàng ung hoành giữa bọn cướp. Chúng bị đánh tơi bời. Bọn lâu la đã khiếp dảm quăng ươm giáo bỏ chạy tan tác. Tướng cướp Phong Lai bị tiêu diệt. Nhà thơ Nguyễn Đình

Chiểu đã so sánh Lục Vân Tiên đánh cướp với chiến công của hổ tướng Triệu Tử Long phá vòng vây Đương Dang thời Tam quốc để ca ngợi tinh thần quả cảm của người anh hùng vị nghĩa:

"Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong".

Giọng thơ hùng tráng vang lên diễn tả trận đánh cướp đầy kịch tính hấp dẫn.

Lục Vân Tiên là một anh hùng vị nghĩa cao đẹp.

Đánh tan lũ cướp sơn dài, Lục Vân Tiên đã giải thoát cho Kiều Nguyệt Nga và Kim Liên. Cuộc kì ngộ giữa người đẹp và trang anh hùng diễn ra cảm động và đầy tình người. Kiều Nguyệt Nga muốn mời chàng hiệp sĩ qua miền Hà Khê, để cha nàng *"báo đức thù công"*:

"Gẫm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người".

Nhưng Vân Tiên *"nghe nói liền cười"*. Một nụ cười rất tươi, biểu lộ một tâm hồn cao cả: *vô tư, hào hiệp, khảng khái*. Chàng xem việc đánh cướp của mình là một hành động nhân nghĩa. Người tráng sĩ phải ra tay cứu nhân độ thế, diệt trừ cái ác, chở che bênh vực người lầm than, bị áp bức. Nếu thấy việc nghĩa mà không làm thì còn đâu đáng mặt anh hùng nữa ?

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa nhân vật Lục Vân Tiên mang cốt cách tráng sĩ thời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài, sống và hành động theo phương châm: *"Lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ"*. Vân Tiên cũng như người anh hùng Từ Hải trong *"Truyện Kiều"*.

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!"

Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được khắc hoạ thần tình. Cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và cách ứng xử của chàng rất đẹp, mang phong thái người anh hùng, người tráng sĩ ngày xưa. Tuy nhiên hình tượng này rất chân thật vì lòng thương người, chí quả cảm, tinh thần vị nghĩa của Vân Tiên đậm đà màu sắc đạo lí nhân dân ta. Trên một trăm năm mươi năm qua, nhân vật Lục Vân Tiên được nhân dân ta yêu mến, hâm mộ. Tinh thần chiến đấu kiên cường của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống phong kiến và đế quốc trong hơn thế kỉ qua đã làm cho ta cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp lí tưởng của người anh hùng Lục Vân Tiên. Tấm gương sáng chói ấy mãi mãi là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh thẩm mĩ của thi ca, của truyện thơ Lục Vân Tiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho đời.

Tinh thần nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên như viên ngọc quý sáng bừng lên dưới ngòi bút sắc nhọn của Nguyễn Đình Chiểu:

"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà."

BÀI SỐ 98

***Đề bài:** Tính cách hiệp nghĩa của Lục Vân Tiên qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga".*

"*Lục Vân Tiên*" là tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn sáng tác trước khi thực dân Pháp xâm lược. Cuộc đời và tính cách Lục Vân Tiên có những nét trùng hợp với cuộc đời và tính cách của tác giả. Điểm nổi bật trong tính cách Lục Vân Tiên là tính nghĩa hiệp. Lục Vân Tiên là điển hình của con người nghĩa hiệp trong một xã hội đang suy thoái. Muốn hiểu con người nghĩa hiệp Lục Vân Tiên ta cùng nhau phân tích đoạn trích "*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*".

Đang trên đường lên kinh đô dự thi thấy dân tình than khóc thảm thiết, Lục Vân Tiên đã dừng lại hỏi han. Nghe dân tình kể: có một bọn cướp ở Sơn Đài không ai đương nổi hiện đang xuống cướp thôn hương "gặp con gái tốt qua đường bắt đi" Lục Vân Tiên bèn "ghé lại bên đàng":

"Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô."

Một người trong tay không có khí giới lại đơn độc vẫn "*bẻ cây làm gậy*" xông vào đánh bọn cướp. Chỉ riêng điều đó đã nghĩa hiệp lắm rồi. Vân Tiên không hề đắn đo, tính toán. Người khác chắc phải nghĩ ngợi suy tính trước khi hành động. Nên nhớ là chàng đang đi thi. Công danh phú quý đang đợi chàng ở phía trước. Lại nữa bọn cướp rất đông, ai ai cũng đều khiếp sợ chúng. Thế mà chàng quyết định một cách nhanh chóng. Điều đó chứng tỏ hành động vì việc nghĩa đã trở thành bản chất tốt đẹp của chàng.

Gặp bọn cướp, Lục Vân Tiên mắng ngay vào mặt chúng:

"Kêu rằng: Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân."

Lời mắng của chàng càng chứng minh cụ thể hơn tính cách nghĩa hiệp ấy. "Hại dân" là việc làm bất nghĩa. Vì dân diệt trừ lũ "*hại dân*" là việc làm nhân nghĩa. Chính nhận thức được điều đó mà Lục Vân Tiên đã "*tả đột hữu xông*":

"Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang"

Hình ảnh so sánh này càng làm nổi bật tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên. Tài năng của chàng được ví với Triệu Tử Long – một danh tướng thời Tam Quốc. Một mình chống lại bọn cướp cứu giúp dân lành, Lục Vân Tiên là hiện thân của con người luôn hành động vì nghĩa lớn.

Tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên còn được biểu hiện qua cử chỉ từ chối việc trả ơn của Kiều Nguyệt Nga – người mà chàng đã cứu thoát khỏi tay bọn cướp, Nguyệt Nga rất biết ơn chàng. Nàng muốn tạ ơn để đáp lại hành động nghĩa hiệp của chàng:

"Hà khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đang lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không.
Tưởng câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi."

Lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga rất phù hợp với đạo lí. Người chịu ơn bao giờ cũng mong muốn được trả ơn. Đó là tấm lòng thành của nàng. Nhưng "*Vân Tiên nghe nói liền cười*". Nụ cười của chàng thật vô tư, hồn nhiên. Và chúng ta hãy nghe chàng giải thích với nàng:

"Làm ơn há dễ trông người trả ơn
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai đã tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Nếu làm ơn mà trông người khác hoặc buộc người khác trả ơn theo Lục Vân Tiên thì không phải là con người nghĩa hiệp. Chàng không chấp nhận những kẻ như vậy. Chàng hành động không phải để được đền đáp. Việc từ chối sự đền ơn của Kiều Nguyệt Nga càng tô đẹp thêm con người nghĩa hiệp Lục Vân Tiên. Chàng vốn trọng nghĩa khinh tài. Cử chỉ ấy của chàng càng làm cho chúng ta thêm khâm phục và yêu mến. Quan niệm của chàng cũng chính là quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu. Sách xưa nói: "*kiến ngãi bất vi vô dũng giả*", Lục Vân Tiên coi đó là phương châm sống của chàng. Vì thế thấy việc nghĩa chàng không hề đắn đo, cân nhắc đã lao vào đánh tan bọn cướp cứu Kiều Nguyệt Nga, mang lại cuộc sống bình yên cho dân lành.

Có thể nói qua đoạn trích "*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*", nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã khắc hoạ khá đầy đủ chân dung người anh hùng lí tưởng. Lục Vân Tiên là con người nghĩa hiệp mà hành động một mình với chiếc gậy thô sơ, đã đánh tan bọn cướp Phong Lai là một minh chứng. Hình ảnh Lục Vân Tiên sống mãi trong lòng người dân Việt Nam qua các thế hệ như một tấm gương về tính cách nghĩa hiệp của chàng.

Mai Văn Hoan

BÀI SỐ 99

Đề bài: Bình luận ý thơ sau:
"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của đất nước ta, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam trong thế kỉ XIX. Ông để lại một số truyện thơ tiêu biểu nhất là truyện Lục Vân Tiên. Qua cuộc đời của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, nhà thơ khẳng định và ngợi ca một lẽ sống đẹp:

"Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình".

Lục Vân Tiên là một anh hùng lí tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Có biết bao tình tiết hào hùng và cảm động về trang anh hùng nghĩa hiệp này. Chiến công đánh cướp của Lục Vân Tiên mãi mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong một xã hội loạn lạc.

Sau khi giết chết Phong Lai, đánh tan lũ giặc sơn đài, trừ hậu họa cho nhân dân, giải thoát cho Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp băn khoăn về chuyện *"báo đức thù công"* thì Lục Vân Tiên *"liền cười"* rồi đĩnh đạc nói:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

"Kiến ngãi bất vi" nghĩa là thấy việc nghĩa mà không làm. *"Phi anh hùng"* là không phải anh hùng. Hai câu thơ nêu lên một phương châm, một lẽ sống: Thấy việc nghĩa mà không làm thì con người như thế không đáng mặt anh hùng, thậm chí đó là

kẻ tầm thường. Từ phủ định để đi tới khẳng định về một lẽ sống cao đẹp của người anh hùng ngày xưa: đề cao tinh thần nghĩa hiệp, hành động hướng tới nhân nghĩa; coi việc nghĩa ở đời là trách nhiệm cao cả thiêng liêng.

Tại sao lại khi thấy việc nghĩa mà không làm, như thế không phải là anh hùng? Việc nghĩa ở đây là nhân nghĩa, là tình thương người, chở che bênh vực người bị áp bức, bị hại. Là tinh thần cương quyết chống lại cái ác, chống lại hung tàn bạo ngược để bảo vệ hạnh phúc, tài sản và tính mệnh của nhân dân. Đã là người anh hùng thì phải xả thân vì việc nghĩa, coi việc nghĩa là lẽ sống cao đẹp của mình, sẵn sàng đem tài năng và lòng dũng cảm để làm cho việc nghĩa tỏa sáng trong lòng người. Đạo lí nhân dân đề cao và coi trọng nhân nghĩa. Bởi vậy, những kẻ thấy việc nghĩa mà không làm, dửng dưng trước nỗi dau buồn, bất hạnh của đồng loại, thì những kẻ ấy không đáng mặt là anh hùng, thậm chí đó là những kẻ đạo đức giả rất tầm thường. Anh hùng phải gắn bó với nhân dân, với nỗi lo, nỗi đau, niềm vui và sự mơ ước của nhân dân. Anh hùng phải bảo vệ và phấn đấu cho hạnh phúc của nhân dân. Có như thế mới xứng đáng là người anh hùng chân chính.

Hai câu thơ: *"Nhớ câu kiến ngãi bất vi - Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"* nêu lên một quan niệm về anh hùng rất đúng đắn, tích cực.

Nhân nghĩa là nội dung đạo lí nhân dân. Người có nhân nghĩa mới được nhân dân quý mến, kính trọng. Người anh hùng sống và chiến đấu vì lợi ích của nhân dân, đem tài năng bảo vệ nhân dân, đó là con người nhân nghĩa.

Bọn bất lương, lũ hung tàn bạo ngược thì bất nhân bất nghĩa. Vì nhân nghĩa mà phải chống lại bạo ngược hung tàn. Muốn chống lại cái ác, chống lại cường quyền, bạo ngược dễ mà ai cũng làm được? Phải có lòng dũng cảm và quyết tâm như sắt đá. Phải có tài năng mưu trí. Dám xả thân vì việc nghĩa coi cái chết nhẹ tựa lông hồng - Làm được thế, có phẩm chất như thế mới xứng đáng là anh hùng. *"Xả thân, thủ nghĩa"* là phương châm xử thế của tráng sĩ xưa nay.

Quan niệm về anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu mang tính nhân dân sâu sắc. Lục Vân Tiên xuống núi về Kinh ứng thí, giữa đường gặp cướp, chàng nói với dân chạy giặc:

"Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này".

Chàng đã *"bẻ cây làm gậy"*, căm thù lên án tên tướng cướp Phong Lai:

"Tiên rằng bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân".

Sau đó chàng đã *"tả đột hữu xông"* đánh tan lũ cướp ! Vân Tiên đã hành động theo đúng quan niệm người anh hùng nghĩa hiệp.

Người anh hùng nghĩa hiệp rất coi thường danh lợi. Họ trọng nghĩa khinh tài (tiền tài). Làm việc nghĩa không mảy may vụ lợi, rất coi trọng lời thề chung thủy sắt son. Tình *huynh đệ tâm giao, tình sư phụ cao cả, tình đồng loại bao la,* đối với họ là nghĩa nặng nghìn non, không gì có thể lay chuyển được.

Tóm lại, *quan niệm anh hùng* của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong truyện *Lục Vân Tiên* rất cao cả, rất đẹp. Vì anh hùng gắn với nhân nghĩa, nhân nghĩa gắn liền với trung, hiếu, tiết, hạnh. Sống giữa loạn lạc, rối ren, một xã hội đầy rẫy kẻ lừa thầy phản bạn, bất nghĩa bất nhân, mà Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao anh hùng nhân nghĩa, điều đó chứng tỏ cái *"tâm"* của ông rất sáng. Đúng như Bảo Định Giang đã ca ngợi: *"Nguyễn Đình Chiểu tuy bị mù lòa, nhưng tâm hồn ông vằng vặc như sao Bắc đẩu".*

Câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu bắt nguồn từ một câu nói bất hủ của người xưa: *"Kiến ngãi bất vi vô dũng giả"*. *"Dũng giả"* là con người dũng cảm. Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là con người dũng cảm. Người dũng cảm thì không sợ nguy nan, coi thường cái chết, ra sức cứu nguy phò đời. Với thanh gươm nghĩa hiệp họ sống và hành động theo phương châm: *"Lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ"*. Nghĩa là: Trên đường thấy việc nghĩa liền vung dao cứu giúp, bênh vực. Các anh hùng hảo hán ngày xưa đã thẳng tay trừng trị bọn ác bá quan lại gian tham độc ác... họ hành động theo phương châm ấy. Nhân vật Từ Hải trong *"Truyện Kiều"*, một con người khao khát tự do *"Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo"* đã từng tuyên bố:

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha".

Quan niệm về anh hùng của nhân dân ta rất sâu sắc. Chí bốn phương vẫy vùng là tầm vóc của đấng nam nhi, của trang anh hùng:

"Làm trai cho đáng nên trai,
Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng".

Quan niệm về anh hùng lại mang màu sắc thời đại. Mỗi thời đại lại có một mẫu lí tưởng về anh hùng. Trong lịch sử 4000 năm xây dựng và bảo vệ đất nước, dân tộc ta đã có bao tấm gương anh hùng sáng chói lưu danh sử sách. Với Trần Quốc Tuấn: "... *Chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng*". Với Nguyễn Trãi, người anh hùng phải là người nhân nghĩa, có tài năng và dũng lược, biết yêu ghét mạnh mẽ:

"Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,
Có nhân, có trí, có anh hùng".

Nguyễn Công Trứ là nhà nho văn võ toàn tài, sống trong nửa đầu thế kỉ XIX, là một con người có nhiều công danh: *"Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông..."* để lại nhiều bài thơ nói về *"chí nam nhi"*, *"chí anh hùng"* bằng một giọng điệu hào hùng, một chí khí hăm hở phi thường:

- *"Đã mang tiếng ở trong trời đất,*
  Phải có danh gì với núi sông".
- *"Cũng có lúc mây tuôn sóng vỗ,*
  Quyết ra tay buồm lái trận cuồng phong.
  Chí những toan xẻ núi lấp sông,
  Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tỏ".

Những quan niệm anh hùng, lí tưởng anh hùng của tiền nhân đều mang tính thời đại và lịch sử sâu sắc. Tổ tiên, ông cha ta đã nêu cao lí tưởng anh hùng, lẫm liệt hiên ngang xả thân vì nước vì dân, hướng về nhân nghĩa. Đó là vốn quý của dân tộc rất đáng tự hào.

Trong nửa thế kỉ qua, nhân dân ta đã tiến hành hai cuộc kháng chiến vĩ đại, đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược. Có biết bao anh hùng xuất hiện, đúng là *"ra ngõ gặp anh hùng"*. Người chiến sĩ cầm súng bảo vệ Tổ quốc thì *"Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng !"*. Ngày xưa *"Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh"*, ngày nay người phụ nữ Việt Nam mang tầm vóc thời đại mới: *"Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang"*.

Qua nhân vật Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu đã ca ngợi một lí tưởng anh ıng vị nghĩa cao đẹp:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Trong tâm hồn hàng triệu người Việt Nam hơn thế kỉ qua, hình ảnh Lục Vân iên hiện lên với nhiều ngưỡng mộ:

"Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô".

Nguyễn Đình Chiểu đã suốt đời dùng thơ văn làm vũ khí bảo vệ đạo đức, đạo lí, óp phần đánh giặc vì nước vì dân:

"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà".

Quan niệm anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu đã gắn liền với đạo lí làm người, ıớng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được. Trong thời đại mới *:ông nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*, chúng ta phải *khơi dậy trí tuệ Việt Nam để làm ên động lực mới cho sức mạnh Việt Nam, chủ nghĩa anh hùng Việt Nam.*

BÀI SỐ 100

Đề bài: Phân tích nhân vật Lục Vân Tiên qua đoạn thơ "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga".

Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước Nam Bộ. Ông sống trong thời kì loạn ıc, xã hội rối ren, chế độ phong kiến Việt Nam suy tàn, bọn vua quan nhà Nguyễn ıối nát. Xã hội đen tối, đau thương. Ngoài những thơ văn yêu nước, Nguyễn Đình hiểu nổi tiếng với *Truyện Lục Vân Tiên* dài 2082 câu thơ lục bát.

Truyện thơ đề cao *trung, hiếu, tiết, hạnh* theo quan niệm đạo lí của nhân dân ta. ạo làm tôi, đạo làm con, tình bằng hữu, nghĩa vợ chồng... được nhà thơ hết lời ca ngợi:

"Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình".

Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga là hai nhân vật trung tâm của truyện thơ ıng ngời trung hiếu, tiết hạnh.

Đoạn thơ *"Lục Vân Tiên đánh cướp"* là một trong nhưng đoạn thơ hay nhất của ıc phẩm, tiêu biểu cho bút pháp tự sự của Nguyễn Đình Chiểu. Nhân vật Lục Vân iên được khắc họa thành mẫu người anh hùng lí tưởng tuyệt đẹp: *giàu lòng thương gười, dũng cảm và vị nghĩa cao cả.*

Lòng thương người là đức hạnh tốt đẹp nhất của Lục Vân Tiên. Từ giã thầy, hàng xuống núi, hăm hở về kinh đô ứng thí. Lộ trình đầy gian nan. Giữa đường, Lục ân Tiên bất ngờ gặp nhân dân dắt díu nhau chạy trốn, tiếng kêu khóc vang lên thảm iết. Chàng đã ân cần hỏi han sự tình đầu đuôi và quyết ra tay đánh cướp để cứu dân ınh thoát khỏi cảnh đau thương, nước sôi lửa bỏng:

"Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này!"

Căm giận lũ bất lương, Lục Vân Tiên sôi sục lên án hành động đã man của húng. Chàng đã đứng về phía nhân dân, quyết bảo vệ dân:

"Kêu rằng: bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân".

Đạo lí của nhân dân ta rất đẹp *"Thương người như thể thương thân"*. Lục Vân ên đã hành động vì tình thương bao la ấy.

Tình thương người đã nâng cao chí khí và lòng dũng cảm cho người thư sinh họ ọc. Lũ cướp rất đông và đáng sợ gươm giáo sáng ngời. Tướng cướp Phong Lai *"mặt ỏ phừng phừng"* đầy sát khí. Hắn dữ tợn và có sức khoẻ muôn người khôn địch! Giữa ng vây của lũ cướp, không một tấc sắt trong tay, một mình với cành cây làm gậy, ục Vân Tiên đã dũng cảm đánh cướp. Đột kích bên tả, xung phong bên hữu, chàng ng hoành giữa bọn cướp. Chúng bị đánh tơi bời. Bọn lâu la đã khiếp đảm quăng ươm giáo bỏ chạy tan tác. Tướng cướp Phong Lai bị tiêu diệt. Nhà thơ Nguyễn Đình hiểu đã so sánh Lục Vân Tiên đánh cướp với chiến công của hổ tướng Triệu Tử Long á vòng vây Đương Dang thời Tam quốc để ca ngợi tinh thần quả cảm của người anh ùng vị nghĩa:

"Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong".

Giọng thơ hùng tráng vang lên diễn tả trận đánh cướp đầy kịch tính hấp dẫn.

Lục Vân Tiên là một anh hùng vị nghĩa cao đẹp.

Đánh tan lũ cướp sơn đài, Lục Vân Tiên đã giải thoát cho Kiều Nguyệt Nga và im Liên. Cuộc kì ngộ giữa người đẹp và trang anh hùng diễn ra cảm động và đầy ìh người. Kiều Nguyệt Nga muốn mời chàng hiệp sĩ qua miền Hà Khê, để cha nàng *áo đức thù công"*:

"Gẫm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người".

Nhưng Vân Tiên *"nghe nói liền cười"*. Một nụ cười rất tươi, biểu lộ một tâm ồn cao cả: *vô tư, hào hiệp, khẳng khái.* Chàng xem việc đánh cướp của mình là một inh động nhân nghĩa. Người tráng sĩ phải ra tay cứu nhân độ thế, diệt trừ cái ác, chở ie bênh vực người lầm than, bị áp bức. Nếu thấy việc nghĩa mà không làm thì còn ıu đáng mặt anh hùng nữa ?

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa nhân vật Lục Vân Tiên mang cốt cách tráng sĩ ời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài, sống và hành động eo phương châm: *"Lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ".* Vân Tiên cũng như người ıh hùng Từ Hải trong *"Truyện Kiều"*.

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!".

Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được khắc hoạ thần tình. Cử chỉ, hành động, gôn ngữ và cách ứng xử của chàng rất đẹp, mang phong thái người anh hùng, người áng sĩ ngày xưa. Hình tượng này rất chân thật vì lòng thương người, chí quả cảm, ıh thần vị nghĩa của Vân Tiên đậm đà màu sắc đạo lí nhân dân ta. Trên một trăm ım mươi năm qua, nhân vật Lục Vân Tiên được nhân dân ta yêu mến, hâm mộ. Tinh ần chiến đấu kiên cường của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống phong

kiến và đế quốc trong hơn thế kỉ qua đã làm cho ta cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp lí tưởng của người anh hùng Lục Vân Tiên. Tấm gương sáng chói ấy mãi mãi là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh thẩm mĩ của thi ca, của *Truyện Lục Vân Tiên* mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho đời.

BÀI SỐ 101

***Đề bài:** Bình giảng đoạn thơ sau đây trong "Truyện Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu:*

"... Thưa rằng: Tôi Kiều Nguyệt Nga"
Con này tì tất tên là Kim Liên.
..
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Nếu đọc *"Truyện Kiều"*, người đọc vô cùng sảng khoái với hành động khuấy nước chọc trời của Từ Hải thì đọc *"Lục Vân Tiên"* người đọc lại vô cùng hả hê với hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga của Lục Vân Tiên. Một anh học trò trên đường đi thi, *"giữa đường gặp sự bất bằng"*, *"bẻ cây làm gậy"* đánh tan bọn cướp cứu người lương thiện. Để cho cái thiện toàn thắng là một cách nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu biểu dương sức mạnh của chính nghĩa, của vì nghĩa.

Khi *"tả đột hữu xông"* đánh cướp, Lục Vân Tiên chỉ biết cứu dân, dẹp bọn *"lũ đó hại dân"*, hành động anh hùng của Vân Tiên thật là trọn vẹn (nếu Vân Tiên biết mình đánh để cứu người đẹp, thì lòng dũng cảm của người anh hùng bị hoài nghi). Nhưng gieo cái gì thì gặt cái đó. Sau khi *"dẹp rồi lũ kiến chòm ong"*, người được chàng cứu nạn lại là một giai nhân.

Đoạn thơ dưới đây, nhà thơ kể lại cuộc hội ngộ buổi đầu giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, anh hùng và giai nhân:

"... Thưa rằng: tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con này tì tất tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thư về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
Làm con đâu dám cãi cha,
Vì dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất bình,
Hay vầy cũng chẳng đăng trình làm chi.
Làm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi liễu yếu đào tơ,
Giữa đường gặp phải bụi dơ đã phần.
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,

Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.
Tưởng câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.
Vân Tiên nghe nói liền cười,
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn.
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến ngãi bất vi.
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Trước đoạn đối thoại này là thái độ ngạc nhiên của Lục Vân Tiên khi nhìn thấy rong xe hai tiểu thư đẹp như mộng. Chàng hỏi:

"Tiểu thư con gái nhà ai,
Đi đâu đến nỗi mang tai bất kì.
Chẳng hay tên họ là chi,
Khuê môn phận gái việc gì đến đây?
Trước sau chưa hãn dạ này,
Hai nàng ai tớ ai thầy nói ra?"

Nguyệt Nga trả lời ngay vào điều mà Vân Tiên cần biết ấy là tên tuổi của nàng:

"... Thưa rằng: tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con này tì tất tên là Kim Liên."

Lời thưa của tiểu thư lễ độ, tỏ ra là con nhà gia giáo. Nàng chọn đại từ "*tôi*", rung hòa về tình cảm, lịch thiệp mà không suồng sã. Lời lẽ của nàng chân thật:

"Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê."

Thì ra tiểu thư là con của một viên quan tri phủ. Tất nhiên là qua lời kể, Lục Vân Tiên mới hay. (Nếu Lục Vân Tiên biết trước là cứu con quan thì người ta cũng dễ nghi lòng dũng cảm của người anh hùng. Người ta có thể luận rằng vì cứu con quan nên anh chàng mới đánh hăng như vậy...)

Có một chi tiết rất khó nói, vậy mà Kiều Nguyệt Nga lại nói trôi chảy và tự nhiên:

"Sai quân đem bức thư về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia."

Nói ra lời đó, chứng tỏ nàng là một người chân thật. Lời thành thật của nàng gây ra một chút kịch tính trong buổi đàm thoại. Anh học trò Vân Tiên làm sao khỏi bị "*sốc*" trước sự "*định bề nghi gia*" của người cha như vậy. Kịch tính càng tăng lên thêm khi tiểu thư càng thành thật:

"Làm con đâu dám cãi cha,"

Trái tim người anh hùng cảm thấy êm ái là khi nghe Kiều Nguyệt Nga "*bình công*" xứng đáng cử chỉ dũng cảm của chàng:

"Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi."

Vân Tiên chưa kịp đáp thì Kiều Nguyệt Nga tiếp lời, tìm cách đền ân cho chàng:

"Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi liễu yếu đào tơ,
Giữa đường gặp phải bụi dơ đã phần.
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng."

Từ cách xưng hô nhún nhường (tiện thiếp) cho đến cử chỉ "*lạy*" rất thành kính chứng tỏ Kiều Nguyệt Nga hết sức thấm thía với cử chỉ nghĩa hiệp của Vân Tiên. Lời mời mọc của nàng cũng khéo léo:

"Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không."

Trong lời phân bua của Nguyệt Nga, cái gì cũng không "*của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không*", vậy mà có, có cái còn quí hơn của tiền, bạc vàng là tấm lòng thành của kẻ chịu ơn, là cái tình của nhi nữ.

Lục Vân Tiên nghe Kiều Nguyệt Nga giãi bày hẳn là mát lòng, mát dạ, nhưng với tư cách là một anh học trò, bụng đầy chữ của thánh hiền thì từng lời của Nguyệt Nga có chỗ không tránh khỏi nữ nhi thường tình:

"Vân Tiên nghe nói liền cười,
Làm ơn há dễ trông người trả ơn."

Nụ cười của Vân Tiên là nụ cười của một người anh hùng, hồn nhiên, vô tư, không vụ lợi. Lời nói "*làm ơn há dễ trông người trả ơn*" cũng chân thành. Hành động đánh cướp cứu dân của Vân Tiên là hành động cao cả, thể hiện lý tưởng của người anh hùng:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Người Nam Bộ thích Lục Vân Tiên chính là lý tưởng vì nghĩa này.

Đây là một đoạn truyện hay trong "*Truyện Lục Vân Tiên*" của Nguyễn Đình Chiểu. Bằng lối kể chuyện nôm na mà chân thật, tác giả đã dựng lên cuộc gặp gỡ sinh động giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, anh hùng và giai nhân. Lòng biết ơn chân thành của Kiều Nguyệt Nga và thái độ vì nghĩa của Lục Vân Tiên tạo ra sức hấp dẫn của đoạn thơ. Người đọc "*Lục Vân Tiên*", nếu còn một chút gì để nhớ thì chính là ở cái triết lý này đây:

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."

Nguyễn Đức Quyền.

BÀI SỐ 102

Đề bài: Phân tích nhân vật ông Ngư trong đoạn thơ "LụcVân Tiên gặp nạn"

Đoạn thơ *"Lục Vân Tiên gặp nạn"* một lần nữa cho thấy tư tưởng nhân nghĩa tỏa sáng *"Truyện Lục Vân Tiên"* và thể hiện niềm tin của nhà thơ mù đất Đồng Nai đối với nhân dân giữa thời loạn lạc.

Nhân vật ông Ngư được nói đến trong đoạn thơ thật đẹp, tiêu biểu cho đạo lý của nhân dân ta *"Thương người như thể thương thân"*. Nguyễn Đình Chiểu đã dành cho ông Ngư một tình cảm nồng hậu biết bao!

Trịnh Hâm là một kẻ độc ác, thâm hiểm, đố kị tài năng. Hắn đã lừa Vân Tiên lên thuyền (khi chàng đã mù) rồi đẩy xuống sông cho chết. Giữa *"đêm khuya lặng lẽ như tờ"*, hắn đã *"ra tay"* đẩy Vân Tiên xuống nước, thế nhưng hắn còn xảo quyệt, đạo đức giả cất *"tiếng kêu trời"*. Đối lập với kẻ độc ác ấy, những người cùng đi thuyền đều đau đớn kêu thương:

"Trong thuyền ai nấy kêu la,
Đều thương họ Lục, xót xa tấm lòng".

Thái độ, tình cảm ấy biểu thị tình thương người của nhân dân ta như ca dao đã truyền lại: *"Thấy người hoạn nạn thì thương..."*.

Trời đất cũng không thể phụ một con người tốt đẹp như Vân Tiên. Giao long là một loài thủy quái cũng đã đến cứu người bị nạn:

"Vân Tiên mình lụy giữa dòng,
Giao long dìu đỡ vào trong bãi rày".

Sự xuất hiện của giao long trong cảnh Vân Tiên gặp nạn tuy có tạo nên màu sắc huyền thoại của truyện thơ, nhưng đã làm nổi bật một sự thật cay đắng ở đời, đó đây có lúc con người còn ác độc hơn cả loài lang sói. Trong tình huống ấy, ông Ngư đã xuất hiện. Người bị nạn đã gặp được người nhân đức:

"Vừa may trời đã sáng ngày,
Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ".

Bốn chữ *"vớt ngay lên bờ"* thể hiện một tinh thần hối hả, khẩn trương, kịp thời cứu người chết đuối. Cả một gia đình xúm vào cứu chữa, săn sóc người bị nạn. Con thì *"vầy lửa"*, đốt lửa lên, sưởi ấm người chết đuối. Hai vợ chồng, người thì *"hơ bụng dạ"*, người thì *"hơ mặt mày"* cho Vân Tiên:

"Hối con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày".

"Hối" nghĩa là hối hả, giục giã; cách nói biểu cảm dân dã của người nông dân Nam Bộ. Trong văn cảnh, nó thể hiện sự lo lắng cho tính mệnh người bị nạn, biểu lộ tình thương người bao la của ông Ngư.

Vân Tiên hồi tỉnh, Ngư ông đã ân cần *"hỏi han"*, hết lời an ủi, chia sẻ nỗi đau buồn với người gặp nạn. Mặc dù nhà nghèo, nhưng ông Ngư đã chân tình mời Vân Tiên, một người mù lòa, đau khổ ở lại với gia đình ông, để được chăm sóc nuôi nấng:

"Ngư rằng: người ở cùng ta,
Hôm mai hẩm hút, với già cho vui".

Ở đời, có *"một lời nói một đọi máu"* (đọi: bát). Có *"một câu nói một gói bạc"*. Câu nói của Ngư ông là một tấm lòng vàng, chan chứa tình nhân đạo.

Cuộc đời Ngư ông là cuộc đời của một con người *"lánh đục tìm trong"* xa lánh con đường danh lợi, coi trọng tình người, phấn đấu cho lí tưởng nhân nghĩa cao cả:

"Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa, há chờ trả ơn.
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây".

Vân Tiên đánh cướp cứu dân, cứu Kiều Nguyệt Nga với ý thức: *"Làm ơn há dễ trông người trả ơn"*. Ngư ông cũng vậy: *"Dốc lòng nhân nghĩa, há chờ trả ơn"*. Những tấm lòng cao cả ấy đã gặp nhau, họ đã nêu cao tình nhân ái. Và đó cũng lã cái lẽ đời: *"ở hiền thì lại gặp hiền"* như một nhà thơ đã nói.

Ngư ông ngoài tình nhân ái mênh mông còn có một tâm hồn thanh cao. Ông đã chan hòa, gắn bó với thiên nhiên. Sông dài biển rộng, trời cao là môi trường thảnh thơi, vui thú của ông. Suốt đêm ngày, năm tháng, ông đã lấy doi, vịnh, chích, đầm, lấy bầu trời, lấy Hàn Giang làm nơi vẫy vùng, tìm nguồn vui sống. Ông đã lấy gió và trăng, con thuyền và dòng sông làm bầu bạn. Ông đã lấy công việc chài lưới để sống cuộc đời thanh bạch. Ngư ông là một con người tự do, thoát vòng danh lợi, thích nhàn.

Câu thơ vang lên như một tuyên ngôn đẹp về lẽ sống của một nhà nho, một kẻ sĩ chá chính đang sống giữa thời loạn lạc:

"Rày rơi, mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió, đêm nầy chơi trăng.
(...) Thuyền nan một chiếc ở đời,
Tắm mưa chải gió trong vời Hàn Giang".

Đây là những câu thơ hay nhất, đậm đà nhất trong *"Truyện Lục Vân Tiên* Giọng thơ nhẹ nhàng, êm ái. Cảm hứng thiên nhiên trữ tình dào đạt tạo nên sắc điệ thẩm mĩ sáng giá, biểu hiện một cách tuyệt đẹp tâm hồn trong sáng, thanh cao v phong thái ung dung của Ngư ông.

Cũng như ông Quán, ông Tiều, lão Bà, Tiểu Đồng, nhân vật Ngư ông tron đoạn thơ này vừa là người lao động chất phác, nhân hậu, vừa là hình ảnh một nho bình dân coi thường danh lợi, giàu lòng nhân nghĩa, yêu tự do và thanh cao. Sống giữ thời loạn lạc, nhân vật Ngư ông cũng là nhân vật lí tưởng phát ngôn lẽ sống và t tưởng nhân nghĩa của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Đẹp vậy thay một con người:

"Kinh luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế, vui say trong trời".

BÀI SỐ 103

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Lục Vân Tiên gặp nạn"

Phải chăng, để định hướng cho người đọc tập trung chú ý vào nhân vật chín của cuốn truyện thơ *"Lục Vân Tiên"* các tác giả sách giáo khoa đặt tên cho đoạn tríc từ câu 938 (Đêm khuya...) đến câu 976 (... trong vời Hàn Giang) là *"Lục Vân Tiên gặ nạn"* ? Nếu được phép góp ý, tôi chọn tên khác: *"Gặp nạn, Lục Vân Tiên được thần v dân cứu giúp"*, *"Người hiền gặp người hiền"*, hoặc *"Ngư ông cứu giúp Lục Vân Tiên* Gọi bằng những tên ấy vì tôi cảm nhận thật rõ ràng, ở đoạn truyện này, hình tượn Lục Vân Tiên mờ đi chút ít. Trái lại, hai nhân vật phụ: Trịnh Hâm - tượng trưng ch kẻ ác và ngư ông - tiêu biểu cho người thiện - đậm nét hơn. Tại đây, cuộc chiến đâ giữa cái thiện và cái ác diễn ra không sôi động như đoạn Vân Tiên đánh cướp. Nó nh nhàng mà thấm thía, đẹp như trong truyện cổ tích, trong những giấc mơ. Vẻ đẹp nh nhàng và thơ mộng đó tỏa ra từ nhân vật ngư ông. *"Thuyền nan một chiếc ở đời"*... C gia đình, cuộc sống, việc làm, những nỗi niềm buồn vui, tâm sự của người bình dân ả thu lại trên một chiếc thuyền nan nhỏ bé, đơn sơ mà sao nhân cách con người, qua niệm về cuộc sống của ông rộng lớn, thanh cao đến thế.

Trời vừa sáng, thấy người bị nạn, ông Chài nhanh nhẹn *"vớt ngay lên bờ"*, rồi:

"Hối con vầy lửa một giờ
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày".

Cả gia đình ông lão quây quanh nạn nhân. Mỗi người một việc, gấp gáp, khẩ trương, hết mình vì sự sống của nạn nhân. Khung cảnh ấy mới cảm động làm sa Việc làm ấy mới đẹp đẽ làm sao. Chưa biết nạn nhân là ai, chưa rõ nguyên cớ thế nà nhưng thấy việc là làm, thấy người là cứu. Đó là bản tính của những con người lươn thiện, những người lao động bình thường. Vì vậy, khi Vân Tiên - người bị nạn - tỉn dậy, xúc động kể mọi sự tình, tỏ lòng biết ơn, ngư ông đáp luôn:

"... lòng lão chẳng mơ
Dốc lòng nhân nghĩa, há chờ trả ơn".

Lời ông lão dứt khoát, bộc trực, đúng cách nói của người lao động, đúng giọng điệu của vùng quê Nam Bộ, nghe thấm thía tận cõi lòng. *"Lòng lão chẳng mơ"* là ông không ham muốn, ước mơ, mộng mị chút nào về tiền bạc, của cải. Ông chỉ *"dốc lòng nhân nghĩa"*, thương người, cố hết sức cứu giúp con người, luôn tìm việc nghĩa, hướng về điều thiện, thật hào hiệp, vô tư. Thấy Vân Tiên sống lại, nghe chàng kể những nỗi khổ đau, ông lão vừa vui mừng, vừa thương xót. Do đó lời ông mới chân thành cảm động đến thế. Cứu được Lục Vân Tiên, ngư ông đã giành lại sự sống cho một người lương thiện, đã làm một việc nhân nghĩa. Việc làm ấy hoàn toàn trái ngược với việc làm và dã tâm của Trịnh Hâm. Hành động của ông tuy lặng lẽ, âm thầm, trên một chiếc thuyền nan mỏng manh, nhưng có ý nghĩa lớn lao. Ông đã giúp cho điều thiện, người thiện chiến thắng cái ác, bọn người độc ác. Đáng kính, đáng trọng xiết bao !

Đáng kính đáng trọng hơn nữa là, cũng vẫn trên chiếc thuyền nan ấy, ngư ông đã sống một cuộc sống, và nghĩ suy, quan niệm về cách sống thật đẹp đẽ. Chúng ta hãy xuống thuyền cùng Lục Vân Tiên chuyện trò, tâm sự với người dân bình thường làm nghề vạn chài, sông nước ấy. Ngỡ như không phải ông nói, mà đang ngân nga cất tiếng hát. Trong âm thanh nhịp điệu của lời thơ, nghe như có tiếng phách tre, tiếng đàn kìm thong thả đệm theo. Hát rằng:

"Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.
Rày doi mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió, đêm nầy chơi trăng..."

Rũ bỏ mọi danh lợi, tìm về sông nước để *"rửa ruột sạch trơn"*, nay vào vịnh, mai ra khơi, ngày hứng gió mát, đêm bè bạn với trăng thanh, ngư ông đã chọn được một phong cách sống thật phóng khoáng, tự do. Tấm lòng ông trong sạch. Gia đình, nhà cửa, cả hình hài, thể xác lẫn tâm hồn như hòa nhập với biển trời, sông nước. Cặp từ *"hứng gió"*, *"chơi trăng"* dựng một hình ảnh con người đang mơ mộng, hệt như một thi sĩ vậy. Mơ mộng, nhưng không mơ hồ, tùy tiện. Trái lại ông rất chủ động, ung dung:

"Một mình thong thả làm ăn,
Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm".

Câu thơ ngắt nhịp 2/2/2 (dòng lục) và 4/4 (dòng bát) như những nhát chèo khỏe nước, nhặt khoan, khi mạnh mẽ, khi nhẹ nhàng. Lúc khỏe thì quăng chài, kéo lưới, mệt mỏi thì túc tắc buông câu. Thật là một tấm gương lao động cần cù, chăm chỉ, luôn luôn làm chủ công việc, làm chủ cuộc sống. Sống trong sạch, phóng khoáng, làm chủ trong mọi công việc, tha hồ hưởng gió mát, trăng thanh, bồng bềnh trên sông nước. Cuộc sống ấy hạnh phúc biết bao, vui sướng biết bao. Trò chuyện với Vân Tiên, ba lần ông chài nói đến chữ *"vui"*: *"vui vầy"*, *"vui thầm"* rồi *"vui say"*. Lúc nào cũng vui, mỗi lúc một vui. Đi đây đó, ra khơi vào vịnh, gặp bè bạn thì *"vui vầy"*; giữa trời đất thanh vắng, chỉ có một mình vẫn *"vui thầm"*, ý thức sâu sắc về lẽ sống đúng đắn của mình trong trời đất, giữa thế gian này, để *"vui say"*, sống lạc quan hơn, yêu sự sống hơn, đắm say, mơ mộng hơn. Càng về cuối, khúc hát cuộc đời của ngư ông càng bay bổng. Men rượu đã ngấm, hồn thơ đã cất cánh. Ngư ông hóa thành tiên ông, thành nghệ sĩ, nghệ sĩ dân gian của đất chín rồng, nhiều sông nước:

"Kinh luân đã sẵn trong tay
Thung dung dưới thế, vui say trong trời
Thuyền nan một chiếc ở đời
Tắm mưa, chải gió trong vời Hàn Giang".

Chiếc thuyền nan nhỏ bé, mỏng mảnh trôi nổi giữa dòng sông lớn rộng m không sợ đắm chìm. Cuộc đời ngư ông gắn với chiếc thuyền ấy. Chẳng những ôn không sợ, trái lại lúc nào cũng ung dung, lấy nước mưa để tắm rửa thân mình, mượ gió mát để chải tóc, vuốt râu. Hình ảnh chiếc thuyền nan, cũng như hình tượng nhâ vật ông Chài, đến đây, thấm đẫm cảm hứng lãng mạn, cảm hứng của nhân vật cũng l sự hứng khởi của tâm hồn nhà thơ. Dường như nhà thơ đã nhập thân vào nhân vật, vừ kể chuyện, ngợi ca, vừa dãi bày tất cả những suy nghĩ, quan điểm, cảm xúc của mìn về cuộc sống, về cách sống. Đó là cuộc sống thanh cao, trong sạch, cần cù lao độn tự chủ, tự tin, vui say hòa hợp với đất trời. Càng về cuối, âm điệu thơ càng dào dạ sóng sánh như trăng hòa nước, như nước được mái chèo khua động rung rinh.

Đọc truyện thơ *"Lục Vân Tiên"*, ngoài những con người trẻ tuổi biết sống hiếu trung, tiết, nghĩa, chúng ta bắt gặp rất nhiều nhân vật cao niên. Đó là những ông quán ông tiều, ông ngư - những tấm gương nhân nghĩa, tượng trưng cho bản chất người la động, chân dung cụ thể của đạo lí truyền thống dân tộc Việt Nam. Nhân vật - nhất l nhân vật tích cực - bao giờ cũng là những mảnh tâm hồn của tác giả. Tâm hồn Nguyễ Đình Chiểu chan chứa tình cảm nhân nghĩa. Ngư ông - nhân vật đẹp nhất trong đoạ trích *"Lục Vân Tiên gặp nạn"* phải chăng chính là một mảnh tâm hồn của nhà thơ ?

"Thuyền nan một chiếc ở đời...".

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu cũng mỏng manh, trôi nổi như chiếc thuyền củ ngư ông. Song cuộc đời ấy không phút nào ngơi nghỉ truyền bá đạo lí làm người, đấ tranh chống xâm lược. *"Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm. Đâm mấy thằng gia bút chẳng tà"*. Trong bài *"Than đạo"*, ông đã viết như vậy. Truyện Lục Vân Tiên phả chăng là chuyến mở đầu trên con thuyền chở đạo cần cù, kì diệu ấy. *"Trên trời c những vì sao có ánh sáng khác thường, con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn tl mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu là như vậy* (Phạm Văn Đồng).

Vũ Dương Quỹ
(Bình giảng Văn 9)

BÀI SỐ 104

Đề bài: Phân tích đoạn thơ "Kiều Nguyệt Nga bị bắt đi cống giặc Ô Qua".

"Vân Tiên anh hỡi có hay?
Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng."

"Tấm lòng ngay" của Kiều Nguyệt Nga là sự thể hiện trong sáng tuyệt đẹp củ một giai nhân lúc nào cũng hướng về lẽ sống với tất cả niềm tin son sắt: *"Gái thời tiế hạnh là câu trau mình"*.

Không thể nào mua chuộc, ép buộc Kiều Nguyệt Nga lấy con trai mình, qua Thái Sư đã trả thù một cách xảo quyệt, hèn hạ. Ăn không được thì phải đạp đổ. Kiề Nguyệt Nga trở thành vật hi sinh. Người đẹp trở thành cống phẩm dâng chúa Ô Qu để giặc lui binh.

Đoạn thơ *ghi lại tâm trạng đau khổ của Nguyệt Nga trên đường đi cống giặc v ca ngợi tấm lòng son sắt thuỷ chung trong tình yêu của nàng.*

Nguyệt Nga là một thiếu nữ xinh đẹp *"vóc ngọc mình vàng"* có thị tì Kim Liê hầu hạ. Nàng xuất thân trong tầng lớp quý tộc, là *"con quan tri phủ ở miền Hà Khê* Nguyệt Nga là một con người giàu lòng trung nghĩa; trước hành động nghĩa hiệp củ Lục Vân Tiên, nàng đã nói:

"Gẫm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người."

Cảm phục trước hành động anh hùng và hào hiệp của người con trai xa lạ vừa đánh cướp cứu mình, Kiều Nguyệt Nga đã khắc sâu trong trái tim mình hình ảnh Lục Vân Tiên, và nàng đã vẽ bức tượng hình chàng luôn mang theo bên mình. Con gái Kiều Công quả là một thiếu nữ đa cảm, đa tình. Mối tình đơn phương ấy thật đẹp và son sắt thủy chung.

Bị bắt đi cống giặc là một thử thách đầy bi kịch. Đã mười ngày trôi qua, Kiều Nguyệt Nga đã đi tới ải Đồng, bên này là quê hương mình, bên kia là xứ người, là đất giặc Ô Qua.

Dòng sông bao la "*mênh mông*", tiếng sóng vỗ "*dùng dùng*", trăng "*vằng vặc*", sao "*mờ mờ*" gần xa. Cả một bầu trời "*lặng lẽ như tờ*". Nguyễn Đình Chiểu đã lấy ngoại cảnh sông, nước, trăng, sao để diễn tả tâm trạng cô đơn của người đẹp trên đường đi cống; lấy tĩnh để tả động, trời thì "*lặng lẽ*" mà trong lòng kẻ bạc mệnh thì quặn đau tê tái và cô đơn. Sóng vỗ trên sông hay đang vỗ trong lòng nàng?

"Mười ngày đã tới ải Đồng,
Minh mông biển rộng, dùng dùng sóng xao.
Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trăng vằng vặc, bóng sao mờ mờ.
Trên trời lặng lẽ như tờ."

Trước cảnh xa lạ, bao la và mịt mờ ấy, Kiều Nguyệt Nga cất lời than. Vừa thương mình vừa thương người quân tử mà mình đã mang nặng ân sâu; chàng trai anh hùng hào hiệp mà mình đã yêu dấu sắt son, đã thủ tiết đợi chờ:

"Than rằng: "Nọ nước kìa non,
Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu?"

"*Người*" mà Kiều Nguyệt Nga nhắc đến chính là Lục Vân Tiên. Câu hỏi "*người còn về đâu*" chứa đầy tâm trạng đau đớn, cô đơn và sầu tủi.

Nếu như Nguyễn Du dùng hai câu tả cảnh vật giờ khắc quyết định tự tử của Kiều trên sông Tiền Đường: "*Cửa bồng vội mở rèm châu – Trời cao sông rộng một màu bao la*", thì ở đây, Nguyễn Đình Chiểu cũng đã viết cái phút đớn đau ấy của Kiều Nguyệt Nga bằng những vần thơ ứa lệ:

"Quân hầu đều đã ngủ lâu,
Lén ra mở bức rèm châu một mình."

Giai nhân mệnh bạc tự thương và tự than thân. Vầng trăng trên trời cao là chứng nhân cho lời thề son sắt thuỷ chung, cho quyết tâm "*giữ ngọc gìn vàng*" của người thiếu nữ, "*thủ tiết*" bằng cái chết để giữ trọn "*một tấm lòng ngay*" với tình nhân mà mình đã từng tôn thờ, đã từng ôm ấp:

"Vắng người có bóng trăng thanh,
Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.
Vân Tiên anh hỡi có hay
Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng."

Bao nhiêu nước mắt đã chảy xuống? Để giữ trọn "*tấm lòng ngay với chàng*", Kiều Nguyệt Nga đã hành động một cách quyết liệt:

"Than rồi lấy tượng vai mang,
Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy ngay."

Lúc xa cách thì vẽ chân dung người yêu để sớm tối được ôm ấp, ngắm nghía. úc sống trong lận đận khó khăn, hình tượng người yêu là nơi nương tựa tinh thần. úc nhảy xuống sông tự tử, Kiều Nguyệt Nga vẫn vai mang tượng Lục Vân Tiên đi ang thế giới bên kia với lời nguyền son sắt thuỷ chung.

Cũng là bi kịch giai nhân xưa nay, nhưng mỗi người một khác. Cũng là "*phận ồng nhan*", "*chôn đoạn trường*" nhưng nào ai giống ai? Sau khi Từ Hải vì mắc lừa lố Tôn Hiến mà bị giết chết, Kiều phải hầu rượu đánh đàn trong bữa tiệc quan, rồi bị p lấy viên thổ quan, nàng phải nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử:

"Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông."

. Kiều phải tự tử vì đau khổ và ân hận. Kiều Nguyệt Nga phải nhảy xuống sông ể "*gửi chút tình*" với trăng nước, để giữ tròn "*tấm lòng ngay*" với Lục Vân Tiên. Tiết ạnh của Kiều Nguyệt Nga vằng vặc như trăng sao. Hành động tự tử của Kiều Nguyệt Iga là để thủ tiết với Lục Vân Tiên, là để chống lại mọi âm mưu hèn hạ, xảo quyệt ủa tên Thái Sư, vị đại quan đầu triều.

Đoạn thơ đã thể hiện bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Đình Chiểu. Sự kết hợp hài hoà giữa miêu tả, tự sự và độc thoại trữ tình đã tô đậm tính cách Kiều Nguyệt Nga: *son sắt, thuỷ chung và tiết hạnh.*

Nhân vật Kiều Nguyệt Nga là một nhân vật lí tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, ã nêu cao tấm gương tiết hạnh của một giai nhân:

"Gái thời tiết hạnh là câu trau mình."

Phẩm giá của người con gái khuê các trong xã hội ngày xưa được thể hiện qua đoạn hơ này vẫn ít nhiều làm ta xúc động? Bởi đó là tấm lòng trinh nữ sáng trong như ngọc.

BÀI SỐ 105

Đề bài: Phân tích bài thơ "Chạy giặc" của Nguyễn Đình Chiểu.

Có những tác phẩm văn chương bất tử khi nó trở thành chứng nhân lịch sử, nó ắn liền với nỗi vui, buồn của một dân tộc. Bài thơ "*Chạy giặc*" là một bài thơ mang ý ghĩa như vậy.

Năm 1859, thực dân Pháp tấn công thành Gia Định. Trước họa xâm lăng, Iguyễn Đình Chiểu đã viết bài thơ "*Chạy giặc*". Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, phản ánh nỗi đau thương của dân tộc, căm thù lên án tội ác quân Pháp âm lược và thể hiện lòng thương xót nhân dân:

"Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
...Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

Hai câu đề nói lên một cục diện bi thảm của đất nước ta hồi bấy giờ. Giặc Pháp ổ súng đánh chiếm thành Gia Định. Trận đánh diễn ra như "*một bàn cờ thế*" phút hốc thay đổi bất ngờ "*phút sa tay*". Thành Gia Định thất thủ, Đồng Nai, Bến Nghé ơi vào tay giặc. Vần thơ cất lên như một lời than:

"Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay."

Các từ ngữ: "*vừa nghe tiếng súng Tây*", "*phút sa tay*" làm nổi bật thời gian, sự việc iễn ra bất ngờ, nhanh chóng và nói lên nỗi kinh hoàng của nhà thơ, của nhân dân khi

thành Gia Định bị giặc Tây nổ súng đánh chiếm. "*Một bàn cờ thế*" là một ẩn dụ, cách nói ước lệ, hàm súc về một cục diện chiến trường, một tình thế chiến tranh hồi ấy (1859).

Hai câu thực 3,4 tả cảnh chạy loạn, chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân. Các từ ngữ: "*bỏ nhà*", "*lơ xơ chạy*", "*mất ổ*", "*dáo dát bay*" đặc tả sự tan nát hoảng sợ, hãi hùng. Nhà thơ lấy thế giới con người là "*lũ trẻ*", lấy thế giới thiên nhiên là "*đàn chim*", hai hình ảnh ấy điển hình cho nỗi đau thương của nhân dân trước thảm họa đất nước quê hương bị xâm lược:

"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ đàn chim dáo dát bay."

Phép đảo ngữ đặt vị ngữ trước chủ ngữ để nhấn ý các chữ "*bỏ nhà*" và "*mất ổ*" tạo nên nỗi ám ảnh bi thương về cảnh chạy giặc của dân lành.

Hai câu luận 5,6 đối nhau làm hiện lên hai cảnh tang thương điêu tàn nơi Bến Nghé và Đồng Nai. Gần 200 năm về trước, Bến Nghé đã là cảnh đô hội, sầm uất, trên bến dưới thuyền buôn bán tấp nập. Đồng Nai là vựa lúa miền Nam. Thế mà chỉ trong chốc lát đã bị giặc Pháp bắn giết, đốt phá, cướp bóc rất dã man. Tài sản của nhân dân ta bị chúng cướp phá sạch sành sanh "*tan bọt nước*". Nhà cửa, phố phường, làng xóm của đồng bào ta bị quân xâm lược đốt phá tan hoang. Lửa khói ngút trời, bao phủ một vùng rộng lớn "*nhuốm màu mây*". Nhà thơ tả ít mà gợi nhiều. Chỉ bằng hai hình ảnh so sánh rất chọn lọc, đối nhau: "*của tiền tan bọt nước*", "*tranh ngói nhuốm màu mây*" đã căm thù lên án tội ác tày trời của quân xâm lược. Nỗi đau đớn và căm thù chứa đầy vần thơ:

"Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây."

Tội ác quân giặc không thể nào kể xiết! Nhà thơ tưởng như cất lời than uất hận trước tội ác ghê tởm của giặc Pháp:

"Bình tưởng nó hãy đóng sông Bến Nghé,
làm cho bốn phía mây đen;
Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai,
ai cứu một phường con đỏ."
(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

Sau khi hạ thành Gia Định, giặc Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Cả một vùng rộng lớn của đất nước ta chìm trong máu lửa. Phan Văn Trị, người bạn thân của Nguyễn Đình Chiểu đã căm giận viết khi nghe tiếng kèn giặc:

"Tò te kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sông Rồng mù mịt khói,
Vắng hoe thành Phụng ủ sầu hoa..."
(Cảm tác)

Hai câu kết, cảm xúc nghẹn lại bỗng trào lên, biểu lộ một tâm trạng đau đớn, lo âu. Lo âu cho tính mạng và tài sản của nhân dân ta đang bị giặc Pháp bắn giết, cướp phá dã man. Lo âu cho vận mệnh đen tối của đất nước. Câu hỏi tu từ thể hiện tình thương xót nhân dân đau khổ trước họa xâm lăng:

"Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

"*Chạy giặc*" là bài ca yêu nước thể hiện sâu sắc lòng căm thù giặc Pháp và nói lên tình thương xót nhân dân trước họa xâm lăng. Những cảnh mà nhà thơ nghe thấy (tiếng súng Tây), nhìn thấy, cảm thấy (*lũ trẻ lơ xơ chạy, đàn chim dáo dát bay, của*

ển tan bọt nước, tranh ngói nhuốm màu mây) là những chi tiết nghệ thuật rất hiện ực mang giá trị lịch sử sâu sắc. Bài thơ "*Chạy giặc*" là một chứng tích về tội ác giặc háp trong những ngày tháng đầu chúng xâm lược đất nước ta.

Ngôn ngữ hàm súc, nghiêm trang, chứa chan tình cảm, bài thơ thể hiện tâm hồn ung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu. Nó cho thấy tính mẫn cảm chính trị của nhà thơ êu nước "*đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*". Với ông, "*thơ là súng là gươm*". ("*Đọc ơ Đồ Chiểu*" - Lê Anh Xuân)

BÀI SỐ 106

Đề bài: Bình giảng bài thơ "Chạy giặc" của Nguyễn Đình Chiểu.

"Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ đàn chim dáo dát bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

Đừng nói đến cảnh dân ch ạy giặc vội, mà trước hết hãy chú ý đến "*tiếng súng ây*" rộ lên vào thời điểm tan ch Nghĩa là trước lúc súng nổ, chợ búa vẫn họp bình hường. Cuộc sống hoàn toàn th nh bình yên ổn. Lúc tan chợ là lúc bắt đầu sự sum ọp của gia đình. Những đứa em ngóng anh chị, con cái đợi cha mẹ, cháu chắt đợi ông à. Cảnh hạnh phúc đầm ấm đơn sơ sẽ diễn ra ở mọi nhà với những món quà giản dị ủa chợ vùng quê củ khoai, tấm bánh đúc ngô, dăm ba gióng mía, mấy nắm bỏng ang trộn mật... Cả nhà sẽ xúm quanh mâm cơm thanh đạm có bát canh chua, khúc cá kho, hay giản dị hơn chỉ có "*rau tôm nấu với ruột bầu*"...

"Tiếng súng Tây nổ đúng vào lúc đó,
Bất ngờ, đột ngột, dữ dội vô cùng."

Súng Tây thời ấy nổ ghê gớm lắm: "*súng giặc đất rền*". Nghe tiếng súng thì bọn giặc đã ở ngay bên cạnh. "*Vừa nghe*" thế mà cả bàn cờ thế đã hỏng "*phút sa tay*". Thất ại ập đến nhanh quá. Thời gian ngắn ngủi càng tăng thêm tính chất đột ngột, bất ngờ, căng thẳng của tình thế. Và vì thế, thay cho cảnh sum họp đầm ấm là cảnh tượng lộn xộn sẻ nghé tan đàn:

"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ đàn chim dáo dát bay."

Súng vừa nổ, giặc đã ập đến. Người lớn còn chưa kịp đi chợ về hoặc còn đang ở ngoài đồng. Cho nên hốt hoảng lũ trẻ dắt díu nhau chạy lơ xơ. Đặt chữ "*lơ xơ*" lên rước chữ "*chạy*" là rất gợi tả. Dường như ta chỉ nhìn thấy sự rã rời, hốt hoảng sắp kiệt ức của những em bé, rồi sau mới biết là các em chạy. Hình ảnh so sánh đàn chim mất ổ dáo dát với lũ trẻ bỏ nhà chạy lơ xơ thật là đặc sắc. Nhưng cũng phải thấy thêm rằng khi giặc đến, chẳng những con người khốn khổ mà chim muông cũng không được yên ổn. Giặc đến làm đau cả sông núi, đau cả chim muông, đau cỏ cây.

Tả chạy giặc, một cuộc chạy vội vã, đột ngột không hề được chuẩn bị, chỉ đặc ả lũ trẻ và bầy chim là rất thành công. Xa hơn cảnh tượng sống động, bối rối, hốt hoảng, lộn xộn của lũ trẻ và bầy chim là sự mất mát, thiệt hại của cả một vùng quê rộng lớn:

"Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây."

Của cải bị mất mát, nhà cửa bị thiêu cháy, con cái lạc cha mẹ, và chắc là sẽ không tránh khỏi sự chết chóc đau thương: *"Dân đen bầy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều. Não nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ"*. Giặc đến gieo bao tội ác lên đầu nhân dân, trước hết là những người dân lành, *"Dân đen"* côi cút làm ăn toan lo nghèo khó trong ấp trong làng.

Nguyễn Đình Chiểu cũng phải chạy giặc và ông thấu hiểu sâu sắc những cảnh đó. Ông cất lên tiếng hỏi và cũng là lời trách móc phê phán những người có chức, có quyền, có trách nhiệm của triều đình:

"Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

Không phải chỉ là một câu hỏi gay gắt và lời phê phán nghiêm khắc những trang dẹp loạn của triều đình. Hình như câu thơ còn là một tiếng khóc nghẹn tràn đầy nước mắt của con người mù lòa hết lòng yêu nước thương dân mà không thể làm gì cho dân trong cơn loạn lạc.

Vũ Nho

BÀI SỐ 107

Đề bài: Nhà thơ Bảo Định Giang đã ca ngợi: "Mắt Nguyễn Đình Chiểu mù lòa, nhưng tấm lòng ông vằng vặc như sao Bắc đẩu". Hãy giải thích và chứng minh ý kiến ấy.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của dân tộc ta cuối thế kỉ 19, là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là bài ca yêu nước tự hào dân tộc. Trong bài phát biểu nhân dịp kỉ niệm 75 năm ngày mất nhà thơ yêu nước Nam Bộ, Bảo Định Giang có nói:

"Mắt Nguyễn Đình Chiểu mù lòa, nhưng tấm lòng ông vằng vặc như sao Bắc đẩu". Câu nói ấy biểu lộ một tình cảm kính yêu và khâm phục của nhân dân ta đối với nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

"Mắt Nguyễn Đình Chiểu mù lòa" đó là một bi kịch của nhà thơ. Sau khi đỗ tú tài, ông ra Huế chuẩn bị cho một kì thi mới thì được tin mẹ mất. Ông bỏ thi, trở về quê chịu tang. Đi đường vất vả, bị cảm, lại thương khóc mẹ nhiều, ông bị mù. Không khuất phục trước số phận, ông mở trường dạy học, làm thuốc cứu người và sáng tác thơ văn. Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi là tấm gương sáng chói. *Truyện Lục Vân Tiên, Ngư Tiều y thuật vấn đáp, Dương Từ Hà Mậu* và hàng trăm bài thơ, bài văn tế chứa chan tình yêu nước của ông đã góp phần làm giàu đẹp nền văn học Việt Nam cận đại.

Sinh ra và sống trong xã hội loạn lạc, chế độ phong kiến Việt Nam suy tàn và thối nát cực độ, đầy rẫy chuyện đau lòng. Bọn bất lương, bọn lừa thầy phản bạn, bọn trộm cướp nổi lên như ong. Nguyễn Đình Chiểu đã lấy thơ văn đề cao đạo đức, *"đâm mấy thằng gian bút chẳng tà"*. Ông đã sáng tạo ra một thế giới nhân vật *"trung, hiếu, tiết, hạnh"*. Lục Vân Tiên là đứa con hiếu thảo, là người anh hùng vị nghĩa đánh cướp cứu dân:

"Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này".

Ông Ngư sống cuộc đời sông nước, coi thường danh lợi, giàu tình nhân ái. Vân Tiên chết đuối được ông cứu vớt. Cả nhà săn sóc cơm cháo thuốc thang:

"Ngư rằng: lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn".

Đọc truyện *"Ngư Tiều y thuật vấn đáp"*, hình ảnh Nhân Sư đã để lại trong tâm ồn chúng ta một ấn tượng rất sâu sắc. Tổ quốc bị quân thù chiếm đóng, là một trí ức đầy danh vọng, không thể để lũ giặc mua chuộc, dụ dỗ, ông xông mù đôi mắt, iữ trọn khí tiết, quyết không đội trời chung với giặc:

"Sự đời thà khuất đôi tròng thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương".

Vương Tử Trực, Hớn Minh nghĩa khí, cao cả trong tình bạn. Kiều Nguyệt Nga tiết ghĩa, chung thủy trong tình yêu, v.v... Trái lại, bọn Phong Lai, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm, cha on Võ Thái Loan, v.v... tiêu biểu cho bọn tà tâm, độc ác, đã bị trừng phạt. Qua đó, ta thấy ái độ yêu, ghét, phân biệt chính, tà của nhà thơ rất rõ ràng, dứt khoát, tiến bộ và sáng gởi niềm tin. Thật vậy, tấm lòng nhà thơ *"vằng vặc như sao Bắc đẩu"*.

Thơ văn yêu nước là lời tâm huyết của nhà thơ mù đất Đồng Nai. Giặc Pháp âm lăng nước ta, vua quan nhà Nguyễn đầu hàng nhục nhã, dâng nước ta cho giặc. Iguyễn Đình Chiểu đau đớn thương xót nhân dân lầm than. Ông trách móc và tha niết mong đợi:

"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ đàn chim dáo dát bay...
(...) Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

(Chạy giặc)

Tuy bị mù lòa, nhưng nhà thơ đã đứng về phía các lãnh tụ nghĩa quân, bàn mưu ính kế đánh Pháp. Ông ca ngợi lòng yêu nước, chí quả cảm của các nghĩa sĩ đã oanh iệt hi sinh vì đại nghĩa. Với ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, họ xung trận với khí thế *kẻ đâm ngang, người chém ngược làm cho mã tà, ma ní hồn kinh"*. Tấm lòng son sắt rung nghĩa của họ vằng vặc như ánh trăng rằm. Khí phách chiến đấu của nghĩa sĩ lẫm iệt vô song: *"Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn iếp nguyện được trả thù kia..."* (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc). Trong thế nước hiểm ghèo *"súng giặc đất rền"*, tiếng thơ của ông ngùn ngụt bốc lửa căm giận, tin tưởng nãnh liệt về một ngày mai tươi sáng, đất nước được giải phóng, nhân dân được sống ên vui thanh bình:

... "Bờ cõi xưa đà chia đất khắc,
Nắng sương nay há đội trời chung.
Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông".

(Xúc cảnh)

Chí căm thù giặc Pháp xâm lược, tình cảm yêu nước thương dân của nhà thơ đã àm cho nhân dân ta vô cùng kính phục. Đúng như Bảo Định Giang đã nói: *"Mắt Vguyễn Đình Chiểu mù lòa, nhưng tấm lòng ông vằng vặc như sao Bắc đẩu"*. Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ vĩ đại *"Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút"* (Tùng Thiện Vương). Niềm tin của ông vô cùng mãnh liệt và sáng ngời:

"Sau trời Thác Quý tan mây,
Sông trong bể lặng mắt thấy sáng ra".

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là bài ca nh... nghĩa và yêu nước tuyệt vời. Tên tuổi nhà thơ không bao giờ phai mờ trong tâm hồn dân tộc. Ông là tấm gương cao quý của kẻ sĩ trước mọi sóng gió cuộc đời, tận trung, tận hiếu với nước với dân. Vĩ đại thay nhà thơ mù yêu nước Nam Bộ. Nhân cách cao đẹp của ông là bài học lớn cho nhân dân ta.

BÀI SỐ 108

***Đề bài:** Đánh giá giá trị các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trong những năm thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ, có ý kiến khẳng định: "Sáng tác của ông sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu nước..."*

Phân tích bài thơ "Chạy giặc" của Nguyễn Đình Chiểu để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn của đất nước ta trong thế kỷ 19. Mắt bị mù lòa giữa thời trai trẻ, con đường công danh sự nghiệp dở dang, nhưng ông đã không chịu khoanh tay trước những bất hạnh cay đắng. Ông đã mở trường dạy học, làm thầy thuốc săn sóc sức khỏe của nhân dân, viết văn làm thơ, tiếng tăm lừng lẫy, trở thành ngôi sao sáng trong nền văn nghệ Việt Nam cuối thế kỉ 19.

Tên tuổi Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với những truyện thơ đậm đà màu sắc cổ điển như truyện "*Lục Vân Tiên*", truyện "*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*" ... Đỉnh cao về tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu là những bài văn tế, những bài thơ yêu nước như "*Chạy giặc*", "*Xúc cảnh*", "*Văn tế Trương Công Định*", "*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*", v.v...

Đánh giá giá trị các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu trong những năm thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ, có ý kiến khẳng định: *"Sáng tác của ông sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu nước..."*.

1. Nếu các truyện thơ "*Lục Vân Tiên*", "*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*", ... sáng ngời tư tưởng *nhân nghĩa* cao đẹp thì những bài văn tế, những bài thơ như "*Chạy giặc*" đã *làm "sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu nước..."*. Thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu "*ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả, thật là sinh động và não nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bỗng chốc trở thành người anh hùng cứu nước.*" (Phạm Văn Đồng).

Khi Tổ quốc bị xâm lăng "*súng giặc đất rền*", những người áo vải chân đất "*dân ấp dân lân*" đã quật khởi đứng lên đánh giặc với ý chí căm thù sôi sục:

"Bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan,
Ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ"

Họ đánh giặc là để bảo vệ "*tấc đất ngọn rau*", để giữ lấy "*bát cơm manh áo ở đời*". Vì thế, chỉ một lưỡi dao phay, một gậy tầm vông cũng ào ào xung trận. Tư thế chiến đấu vô cùng hiên ngang lẫm liệt:

"Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia,
Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ."

(*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*)

Đất nước quê hương bị giặc Pháp giày xéo, tuy bị mù lòa, ông vẫn dùng ngòi bút và tấm lòng tham gia đánh giặc. Ông gọi lòng trung nghĩa của mình là "*lòng đạo*" chung thủy, sắt son, sáng ngời:

"Sự đời thà khuất đôi tròng thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương"

Có thể nói, những câu văn, vần thơ của Nguyễn Đình Chiểu chứa chan tinh thần yêu ớc, đã làm *"sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu nước..."*. Vì thế mà ềm mơ ước của ông vẫn là niềm mơ ước của hàng triệu con người Việt trong thế kỷ qua:

"Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông"

Xúc cảnh)

2. Bài thơ *"Chạy giặc"* là một bài ca yêu nước c h ng xâm lăng. Năm 1859, thực n Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Đất n rơi vào thảm họa – Nguyễn nh Chiểu viết bài thơ *"Chạy giặc"* bằng thể thơ th ngôn bát cú Đường luật ghi lại kiện bi thảm này.

Hai câu *đề* nói lên thời cuộc và thế nước. Giặc Pháp tấn công thành Gia Định o lúc *"tan chợ"*:

"Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa t..."

Cảnh họp chợ, cảnh tan chợ là nhịp sống yên bình của nhân dân ta. Tiếng súng y bất ngờ nổ rền trời đã làm cho nhịp sống ấy bị đảo lộn. Cảnh chiến tranh đã bắt u. *"Một bàn cờ thế"* là hình ảnh ẩn dụ nói về thời cuộc, về cuộc chiến giằng co, ác t. Ba tiếng *"phút sa tay"* trong câu thơ *"Một bàn cờ thế phút sa tay"* nói lên sự thất i của quân Triều đình tại thành Gia Định diễn ra quá nhanh chóng. Hai câu thơ đầu ư một thông báo về sự kiện lịch sử bi thảm diễn ra vào năm 1859. Đằng sau câu thơ nỗi lo lắng và kinh hoàng của nhà thơ trước thảm hoạ quê hương đất nước thân yêu a mình bị giặc Pháp chiếm đóng và giày xéo.

Hai câu trong phần *thực* đối nhau, phép đảo ngữ được vận dụng sắc sảo: Vị ngữ *ỏ nhà"* và "mất ổ" được đặt lên đầu câu thơ nhằm nhấn mạnh nỗi đau thương tang c của nhân dân ta khi giặc Pháp tràn tới:

"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ, đàn chim dáo dác bay"

Nếu viết *"Lũ trẻ bỏ nhà lơ xơ chạy"* và *"Đàn chim mất ổ dáo dác bay"* thì ý vị câu ơ và giá trị biểu cảm sẽ không còn gì nữa! Cặp từ láy *"lơ xơ"* và *"dáo dác"* gợi tả sự ảng loạn và kinh hoàng đến cực độ. Cảnh trẻ con lạc đàn, chim vỡ tổ là hai thi liệu chọn c, điển hình theo cách nói của dân gian tả cảnh chạy giặc vô cùng thảm thương.

Hai câu *luận*, ý thơ được phát triển và mở rộng. Tác giả lên án tội ác của giặc áp càn quét, đốt nhà, giết người, cướp của tàn phá quê hương. Phép đối và đảo ngữ ược vận dụng sáng tạo. Nhà thơ không viết: *"Của tiền Bến Nghé tan bọt nước"* và *'ranh ngói Đồng Nai nhuốm màu mây"*, mà viết:

"Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây"

Câu thơ đã vẽ lên một vùng địa lý bao la và trù phú (Bến Nghé, Đồng Nai) phút ốc biến thành đống tro tàn. Bến Nghé, Đồng Nai trong thế kỷ 19 vốn đã là vựa lúa nơi buôn bán sầm uất trên bến dưới thuyền thế mà đã bị giặc Pháp cướp phá tan ang. Tiền của, tài sản của nhân dân ta bị giặc cướp phá sạch *"tan bọt nước"*. Nhà a xóm làng quê hương nhà thơ bị đốt cháy, lửa khói nghi ngút *"nhuốm màu mây"*. ai hình ảnh so sánh *"Tan bọt nước"* và *"nhuốm màu mây"* là cách nói cụ thể của dân an đặc tả cảnh điêu tàn do giặc Pháp gây ra.

Có thể nói hai cặp câu trong phần *thực* và phần *luận* là tiếng nói căm thù của ...à thơ lên án tội ác giặc Pháp xâm lược. Người đọc cảm nhận một cách sâu sắc bài ...ơ "*Chạy giặc*" đã làm "*sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu ...ớc...*". Các nhà thơ Việt Nam sau này đã học tập và kế thừa Nguyễn Đình Chiểu để ...ết nên những vần thơ căm giận quân xâm lược:

- "*Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới*
Ngõ chùa cháy đỏ những thân cau"
("*Núi Đôi*" – Vũ Cao)

- "*Giặc về giặc chiếm đau xương máu,*
Đau cả lòng sông, đau cỏ cây"
("*Quê mẹ*" – Tố Hữu)

Trong hơn một thế kỷ qua, có biết bao xương máu của nhân dân đã đổ xuống vì bom ...n lũ xâm lược. Cho nên tiếng nói căm thù là cảm xúc chủ đạo của các bài thơ yêu nước.

Trở lại hai câu *kết* bài "*Chạy giặc*", ta xúc động trước câu hỏi của nhà thơ:

"*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,*
Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

"*Trang dẹp loạn*" cũng là trang anh hùng hào kiệt. "*Rày đâu vắng*": hôm nay, ...ìa nay đi đâu mà không thấy xuất hiện? Nhà thơ vừa trách móc quan quân Triều ...nh hèn yếu, thất trận để giặc chiếm đóng quê hương, vừa mong đợi người anh hùng ...i giỏi ra tay đánh giặc để cứu nước cứu dân thoát khỏi cảnh lầm than.Câu *kết* chứa ...ựng biết bao tình yêu thương của Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân dân đang quằn ...ại trong bom đạn giặc! "*Chạy giặc*" là bài ca yêu nước mở đầu cho thơ văn yêu ...ước của dân tộc ta từ cuối thế kỷ 19.

Bài thơ "*Chạy giặc*" được viết bằng một thứ ngôn ngữ bình dị, dân dã đậm đặc ...àu sắc Nam Bộ (lũ trẻ lơ xơ, ổ, dáo dát, tan bọt nước, nhuốm màu mây, rày, nỡ, dân ...en). Phép đối, phép đảo ngữ, ẩn dụ so sánh là những biện pháp nghệ thuật được tác ...ả vận dụng sáng tạo để viết nên những vần thơ hàm súc, biểu cảm.

"*Chạy giặc*" là bài thơ mang giá trị lịch sử to lớn. Nó ghi lại sự kiện đau thương ...ủa đất nước ta cuối thế kỷ 19. Nó là bài ca yêu nước căm thù giặc "*sống dậy và ...ướng tới chúng ta khát vọng độc lập, tự do*".

BÀI SỐ 109

Đề bài: Cảm nhận về bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.

"*Đồng chí*" là bài thơ hay nhất của Chính Hữu viết về người nông dân mặc áo ...nh trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bài thơ ...ược viết vào đầu xuân 1948, sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, nó đã đi qua ...ột hành trình nửa thế kỉ, làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu.

Hai mươi dòng thơ, với ngôn ngữ bình dị, giọng điệu thủ thỉ tâm tình, cảm xúc ...ồn nén, hình tượng thơ phát sáng, có một vài câu thơ để lại nhiều ngỡ ngàng cho bạn ...ọc trẻ ngày nay.

Bài thơ "*Đồng chí*" ca ngợi tình đồng đội gian khổ có nhau, vào sinh ra tử có ...hau của các anh bộ đội Cụ Hồ, những người nông dân yêu nước đi bộ đội đánh giặc ...ong những năm đầu gian khổ thời 9 năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954).

a. Hai câu thơ đầu cấu trúc song hành, đối xứng làm hiện lên hai "*gương mặt*" ...gười chiến sĩ rất trẻ, như đang tâm sự cùng nhau. Giọng điệu tâm tình của một tình ...ạn thân thiết:

"Quê hương anh nước mặn, đồng chua.
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá".

Quê hương anh và làng tôi đều nghèo khổ, là nơi *"nước mặn, đồng chua"*, là x sở *"đất cày lên sỏi đá"*. Mượn tục ngữ, thành ngữ để nói về làng quê, nơi chôn nha cắt rốn thân yêu của mình, Chính Hữu đã làm cho lời thơ bình dị, chất thơ mộc mạ đáng yêu như tâm hồn người trai cày ra trận đánh giặc. Sự đồng cảnh, đồng cảm v hiểu nhau là cơ sở, là cái gốc làm nên tình bạn, tình đồng chí sau này.

b. Năm câu thơ tiếp theo nói lên một quá trình thương mến: từ *"đôi người xa lạ* rồi *"thành đôi tri kỉ"*, về sau kết thành *"đồng chí"*. Câu thơ biến hóa, 7, 8 từ rồi rút lạ nén xuống 2 từ, cảm xúc vần thơ như dồn tụ lại, nén chặt lại. Những ngày đầu dứ dưới lá quân kì: *"Anh với tôi đôi người xa lạ - Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau* Đôi bạn gắn bó với nhau bằng bao kỉ niệm đẹp:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!"

"Súng bên súng" là cách nói hàm súc, hình tượng: cùng chung lí tưởng chiế đấu; *"anh với tôi"* cùng ra trận đánh giặc để bảo vệ đất nước quê hương, vì độc lập, t do và sự sống còn của dân tộc. *"Đầu sát bên đầu"* là hình ảnh diễn tả ý hợp tâm đầ của đôi bạn tâm giao. Câu thơ *"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"* là câu thơ hay v cảm động, đầy ắp kỉ niệm một thời gian khổ. Chia ngọt sẻ bùi mới *"thành đôi tri kỉ* *"Đôi tri kỉ"* là đôi bạn rất thân, biết bạn như biết mình. Bạn chiến đấu thành tri kỉ, v sau trở thành đồng chí ! Câu thơ 7, 8 từ đột ngột rút ngắn lại hai từ *"đồng chí !"* diễn niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạ đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lí tưởng chiến đấ của những người binh nhì vốn là những trai cày giàu lòng yêu nước ra trận đánh giặ Các từ ngữ được sử dụng làm vị ngữ trong vần thơ: bên, sát, chung, thành - đã thể hiệ sự gắn bó thiết tha của tình tri kỉ, tình đồng chí. Cái tấm chăn mỏng mà ấm áp tình t kỉ, tình đồng chí ấy mãi mãi là kỉ niệm đẹp của người lính, không bao giờ có thể quê

"Ôi núi thẳm rừng sâu
Trung đội cũ về đâu
Biết chăng chiều mưa mau
Nơi đây chăn giá ngắt
Nhớ cái rét ban đầu
Thấm mối tình Việt Bắc..."

("*Chiều mưa đường số 5*" - Thâm Tâm)

c. Ba câu thơ tiếp theo nói lên hai người đồng chí cùng nhau một nỗi nhớ: nh ruộng nương, nhớ bạn thân cày, nhớ gian nhà, nhớ giếng nước, gốc đa. Hình ảnh nà cũng thắm thiết một tình quê vơi đầy:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay,
Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính".

Giếng nước gốc đa là hình ảnh thân thương của làng quê được nói nhiều tro ca dao xưa: *"Cây đa cũ, bến đò xưa... Gốc đa, giếng nước, sân đình..."*, được Chí Hữu vận dụng, đưa vào thơ rất đậm đà, nói ít mà gợi nhiều, thấm thía. Gian nhà, giến nước, gốc đa được nhân hóa, đang đêm ngày dõi theo bóng hình anh trai cày ra trận

Hay *"người ra lính"*,vẫn đêm ngày ôm ấp hình bóng quê hương ? Có cả 2 nỗi nhớ ở cả hai phía chân trời. Tình yêu quê hương đã góp phần hình thành tình đồng chí, làm nên sức mạnh tinh thần để người lính vượt qua mọi thử thách gian lao, ác liệt thời máu lửa. Cũng nói về *nỗi nhớ* ấy, trong bài thơ *"Bao giờ trở lại"*, Hoàng Trung Thông viết:

"Bấm tay tính buổi anh đi,
Mẹ thường vẫn nhắc, biết khi nào về ?
Lúa xanh xanh ngắt chân đê,
Anh đi là để giữ quê quán mình.
Cây đa bến nước sân đình,
Lời thề nhớ buổi mít tinh lên đường
Hoa cau thơm ngát đầu nương,
Anh đi là giữ tình thương dạt dào.
(...) Anh đi chín đợi mười chờ,
Tin thường thắng trận, bao giờ về anh?"

d. Bảy câu thơ tiếp theo ngồn ngộn những chi tiết rất thực phản ánh hiện thực kháng chiến buổi đầu. Sau 80 năm bị thực dân Pháp thống trị, nhân dân ta đã quật khởi đứng lên giành lại non sông. Rồi với gậy tầm vông, với giáo mác,... nhân dân ta phải chống lại xe tăng, đại bác của giặc Pháp xâm lược. Những ngày đầu kháng chiến, quân và dân ta trải qua muôn vàn khó khăn: thiếu vũ khí, thiếu quân trang, thiếu lương thực, thuốc men,... Người lính ra trận *"áo vải chân không đi lùng giặc đánh"*, áo quần rách tả tơi, ốm đau bệnh tật, sốt rét rừng, *"Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi"*:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày..."

Chữ *"biết"* trong đoạn thơ này nghĩa là nếm trải, cùng chung chịu gian nan thử thách. Các chữ: *"anh với tôi"*, *"áo anh... quần tôi"* xuất hiện trong đoạn thơ như một sự kết dính, gắn bó keo sơn tình đồng chí thắm thiết cao đẹp. Câu thơ 4 tiếng cấu trúc tương phản: *"Miệng cười buốt giá"* thể hiện sâu sắc tinh thần lạc quan của hai chiến sĩ, hai đồng chí. Đoạn thơ được viết dưới hình thức liệt kê, cảm xúc từ dồn nén bỗng ào lên: *"Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"*. Tình thương đồng đội được biểu hiện bằng cử chỉ thân thiết, yêu thương: *"tay nắm lấy bàn tay"*. Anh nắm lấy tay tôi, tôi nắm lấy bàn tay anh, để động viên nhau, truyền cho nhau tình thương và sức mạnh, để vượt qua mọi thử thách, *"đi tới và làm nên thắng trận"*.

e. Phần cuối bài thơ ghi lại cảnh hai người chiến sĩ - hai đồng chí trong chiến đấu. Họ cùng *"đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"*. Cảnh tượng chiến trường là *"rừng hoang sương muối"*, một đêm đông vô cùng lạnh lẽo hoang vu giữa núi rừng chiến khu. Trong gian khổ ác liệt, trong căng thẳng *"chờ giặc tới"*, hai chiến sĩ vẫn *"đứng cạnh bên nhau"*, vào sinh ra tử có nhau. Đó là một đêm trăng trên chiến khu. Một tứ thơ đẹp bất ngờ xuất hiện:

"Đầu súng trăng treo".

Người chiến sĩ trên đường ra trận thì *"ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan"*. Người lính đi phục kích giặc giữa một đêm đông *"rừng hoang sương muối"* thì có

"đầu súng trăng treo". Cảnh vừa thực vừa mộng. Về khuya trăng tà, trăng lơ lửng trên không như đang **treo** vào đầu súng. Vầng trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp đất nước thanh bình. Súng mang ý nghĩa cuộc chiến đấu gian khổ hi sinh. *"Đầu súng trăng treo"* là một hình ảnh thơ mộng, nói lên trong chiến đấu gian khổ, anh bộ đội vẫn yêu đời, tình đồng chí thêm keo sơn gắn bó, họ cùng mơ ước một ngày mai đất nước thanh bình. Hình ảnh*"Đầu súng trăng treo"* là một sáng tạo thi ca mang vẻ đẹp lãng mạn của thơ ca kháng chiến, đã được Chính Hữu lấy nó đặt tên cho tập thơ - đóa hoa đầu mùa của mình. Trăng Việt Bắc, trăng giữa núi ngàn chiến khu, trăng trên bầu trời, trăng tỏa trong màn sương mờ huyền ảo. Mượn trăng để tả cái vắng lặng của chiến trường, để tô đậm cái tư thế trầm tĩnh *"chờ giặc tới"*. Mọi gian nan căng thẳng của trận đánh sẽ diễn ra (?) đang nhường chỗ cho vẻ đẹp huyền diệu, thơ mộng của vầng trăng, và chính đó cũng là vẻ đẹp cao cả thiêng liêng của tình đồng chí, tình chiến đấu.

Bài thơ *"Đồng chí"* vừa mang vẻ đẹp giản dị, bình dị khi nói về đời sống vật chất của người chiến sĩ, lại vừa mang vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng, thơ mộng khi nói về đời sống tâm hồn, về tình đồng chí của các anh - người lính binh nhì buổi đầu kháng chiến.

Ngôn ngữ thơ hàm súc, mộc mạc như tiếng nói của người lính trong tâm sự, tâm tình. Tục ngữ, thành ngữ, ca dao được Chính Hữu vận dụng rất linh hoạt, tạo nên chất thơ dung dị, hồn nhiên, dậm đà. Sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và màu sắc lãng mạn chung đúc nên hồn thơ chiến sĩ.

"Đồng chí" là bài thơ rất độc đáo viết về anh bộ đội Cụ Hồ - người nông dân mặc áo lính, những anh hùng áo vải trong thời đại Hồ Chí Minh. Bài thơ là một tượng đài chiến sĩ tráng lệ, mộc mạc và bình dị, cao cả và thiêng liêng.

BÀI SỐ 110

Đề bài: Phân tích bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.

"*Đồng chí*"! Ôi tiếng gọi sao mà thân thương tha thiết quá. Nó biểu hiện thật đầy đủ tình đồng đội của anh chiến sĩ Cụ Hồ từ những năm 1948 của thời kì kháng Pháp. Cảm nhận được những tình cảm vừa thân quen vừa mới lạ trong cuộc sống chiến đấu ấy, Chính Hữu, nhà thơ - người chiến sĩ cầm súng đã xúc động viết bài thơ "*Đồng chí*". Với những lời thơ dạt dào tình cảm, bài thơ đã để lại bao cảm xúc trong lòng người đọc.

Cả bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ của thời kì kháng chiến chín năm. Họ là những người xuất thân từ nhân dân lao động chỉ quen việc "*cuốc cày*" ở những vùng quê hẻo lánh khác nhau, vì có chung tấm lòng yêu nước, họ đã gặp nhau từ xa lạ bỗng trở thành đồng đội thân quen. Chính Hữu đã kể về những con người ấy bằng những lời thơ thật cảm động:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau."

Ở đây, tác giả đã phát hiện được hiện tượng tình cảm kì lạ ở những người chiến sĩ. Đó là sự phát triển của tình cảm cách mạng trong quân đội ta. Từ những con người rất "*xa lạ*" trong đời sống lại trở thành những đồng chí rất thân thương trong chiến

đấu. Nhà thơ đã chọn lựa những chi tiết, những hình ảnh thơ rất chân thực để gợi tả về cuộc sống của người chiến sĩ. Họ đều xuất thân từ những vùng đất khô cằn, nghèo khó "*nước mặn đồng chua*", "*đất cày lên sỏi đá*". Thật là thú vị, nhà thơ không nói hai người xa lạ mà là "*đôi người xa lạ*". "*Đôi*" là chỉ hai đối tượng cùng đi với nhau. "*Đôi người xa lạ*" nghĩa là hai người cùng đi với nhau mà lại là xa lạ. Vì thế ý thơ được nhấn mạnh thêm. Hình ảnh những phương trời xa cách, những con người chẳng hẹn quen nhau nói lên cả một sự xa lạ trong không gian và tình cảm. Nhưng khi tham gia kháng chiến, những con người xa lạ ấy đã cùng nhau chiến đấu, cùng chịu đựng gian khổ, chung lưng đấu cật bên nhau. Vì thế, họ trở thành thân nhau, hiểu nhau, thương nhau và gọi nhau là "*đồng chí*":

"*Súng bên súng đầu sát bên đầu*
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!"

Câu thơ vừa tả thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng "*súng bên súng, đầu sát bên đầu*". Tác giả đã tả thực những giờ phút bên nhau cùng chiến đấu đồng thời hình ảnh ấy còn tượng trưng cho sự nghiệp chiến đấu chung, lí tưởng cách mạng chung của quân đội ta. Câu thơ giúp ta hiểu thêm "*đôi người xa lạ*" ấy đã nảy nở một tình cảm mới khi họ cùng chiến đấu vì một lý tưởng lớn lao. Tình cảm ấy thật thân thương, thật tha thiết. Giọng thơ đang tuôn liền mạch nhẹ nhàng bỗng bị ngắt nhịp đột ngột. Từ "*đồng chí*" lại được tách thành một câu riêng, một đoạn riêng. Với cấu trúc thơ khác thường ấy, tác giả làm nổi bật ý thơ. Nó như một nốt nhấn của bản nhạc, bật lên âm hưởng gây xúc động lòng người. Câu thơ chỉ có một từ: "*Đồng chí*" – một tiếng nói thiêng liêng. "*Đồng chí*", một sự cảm kích về nhiều đổi thay kì lạ trong quan hệ tình cảm. Thế là thành "*đồng chí!*".

Tình cảm ấy lại được biểu hiện cụ thể trong cuộc sống chiến đấu. Những lúc kề cận bên nhau, họ lại kể nhau nghe chuyện quê nhà. Chuyện "*ruộng nương gửi bạn thân cày*", "*gian nhà không mặc kệ gió lung lay*", cả chuyện "*giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính...* ". Từ những lời tâm tình ấy cho ta hiểu rằng – Các anh chiến sĩ mỗi người đều có một quê hương, có những kỉ niệm thân thiết gắn bó với quê nhà và khi ra đi hình bóng quê hương đều mang theo trong lòng họ. Các anh lại cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng chịu gian khổ bên nhau. Trong gian lao vất vả, họ lại tìm được niềm vui, niềm hạnh phúc trong mối tình đồng chí. Làm sao các anh có thể quên được những lúc cùng chịu với nhau "*từng cơn ớn lạnh*", những lúc "*sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*". Cuộc sống bộ đội nghèo vất vả nhưng không thiếu niềm vui. Dẫu "*áo anh*" có "*rách vai*", "*quần tôi*" có "*vài mảnh vá*", dẫu trời có "*buốt giá*" thì miệng vẫn cười tươi. Bằng những chi tiết rất thực, nhà thơ đã miêu tả rõ nét cuộc sống chiến đấu gian khổ và sự gắn bó của tình đồng đội keo sơn. Tình cảm chân thành tha thiết ấy không diễn tả bằng lời mà lại thể hiện bằng "*thương nhau tay nắm lấy bàn tay*". Thật giản dị và cảm động. Không phải là những vật chất của cải, không phải là những lời hoa mĩ phô trương. Những người chiến sĩ biểu hiện tình đồng chí là "*bàn tay nắm lấy bàn tay*". Chính đôi tay nắm chặt ấy đã nói lên tất cả những ý nghĩa thiêng liêng cao đẹp của mối tình đồng chí. Đoạn thơ với nhiều nét tả thực chi tiết mà không trần trụi, vẫn gợi cảm nhờ hình ảnh "*anh với tôi*" gắn bó dọc bài thơ và hình ảnh cảm động "*thương nhau*" nhưng không biết làm sao, chỉ biết lặng lẽ "*tay nắm lấy bàn tay*". Chỉ có những con người cùng chung ý chí và lí tưởng cao cả mới có những biểu hiện tình cảm đáng quý như thế.

Mối tình đồng chí lại được lắng đọng bằng hình ảnh đẹp rực sáng ở khổ cuối bài thơ:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."

Câu thơ vừa tả thực vừa mang nét tượng trưng. Tác giả tả cảnh những người lính đi phục kích giặc trong đêm trăng đầy sương muối. Súng hướng về phía trước, có ánh trăng lơ lửng giữa trời như treo trên đầu ngọn súng. Đồng thời hình ảnh "*Đầu súng trăng treo*" còn mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, vừa thực vừa mơ, vừa xa lại vừa gần, vừa mang tính chiến đấu lại vừa mang tính trữ tình. Vừa chiến sĩ vừa thi sĩ. Đây là hình ảnh đẹp tượng trưng cho tình cảm trong sáng của người chiến sĩ. Mối tình đồng chí, đang nẩy nở, vươn cao, tỏa sáng từ cuộc đời chiến đấu. Hình ảnh thơ thật độc đáo, gây xúc động bất ngờ, thú vị cho người đọc. Nó nói lên đầy đủ ý nghĩa cao đẹp lí tưởng chiến đấu và mối tình đồng chí thiêng liêng của anh bộ đội Cụ Hồ.

Qua ngôn ngữ cô đọng, hình ảnh chân thực gợi tả có sức khái quát cao, Chính Hữu đã cho ta thấy rõ quá trình phát triển của một tình cảm cách mạng trong quân đội. ở đây, nhà thơ đã xây dựng hình ảnh thơ từ những chi tiết thực cuộc sống của những người chiến sĩ, không phô trương, không lãng mạn hóa, thi vị hóa – Và chính những nét thực đó tạo nên sự thành công của bài thơ "*Đồng chí*" đánh dấu một bước ngoặt mới trong phương pháp sáng tác về cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ trong giai đoạn chống Pháp.

Đọc bài thơ "*Đồng chí!*", mỗi chúng ta đều lắng lại những cảm xúc dào dạt. Chúng ta đã cảm nhận được mối tình đồng chí đậm đà ấy qua những lời thơ nhẹ nhàng tha thiết như bài hát tâm tình của Chính Hữu. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi vẻ vang, trang sử vàng đã sang qua bao nhiêu giai đoạn mới, thế nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ "*Đồng chí*", ta như thấy rõ hình ảnh của anh bộ đội Cụ Hồ hiện lên sáng rực thật cao đẹp, thật thân thương trong những lời thơ của Chính Hữu.

Nguyễn Thị Út

BÀI SỐ 111

Đề bài: Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, những chiến sĩ lái xe trên đường chiến lược Trường Sơn đã đi vào văn học với tư cách là những anh hùng. "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật là một trong những bài thơ hay viết về những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn.

Mở đầu bài thơ đã thấy cái dữ dội của chiến tranh và nổi bật tư thế của người chiến sĩ lái xe:

"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi.
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng."

Phạm Tiến Duật thuộc vào loại những nhà thơ thích đùa. Giọng điệu tưng tửng "*Không có kính không phải vì...*" như nhà thơ được truyền tinh thần lạc quan của các chiến sĩ lái xe trước sự ác liệt của chiến tranh. Bằng giọng điệu bông đùa, nhà thơ giải thích lí do "*xe không có kính*":

"Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi."

Đối lập với hình ảnh dữ dội của chiến tranh là thái độ "*ung dung*" của người chiến sĩ lái xe. Hình ảnh "*ung dung*" được đảo ngược càng nhấn mạnh tư thế của người lái xe. Và nhà thơ đã dẫn đến phát hiện bất ngờ:

"Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng."

Phát hiện nào cũng gây ấn tượng, ấn tượng về nỗi gian khổ của người lính lái xe ra trận (*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*); ấn tượng về tình yêu đất nước của người chiến sĩ lái xe (*Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*); ấn tượng về tinh thần lãng mạn của họ:

"Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái."

Những hình ảnh "*như sa*", "*như ùa*" diễn tả sự vận động gấp gáp của đoàn xe ra trận. Tác giả lại thay đổi nhịp điệu, từ câu thơ nhịp 2/2/2 (*Nhìn đất/ nhìn trời/ nhìn thẳng*), nhịp 2/2/3 (*Như sa/ như ùa/ vào buồng lái*) đến câu thơ 3/1/3 (*Không có kính/ ừ / thì có bụi*). Và từng cặp đối lập vừa diễn tả nỗi gian khổ của người lính vừa diễn tả niềm lạc quan của họ:

"Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già.
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha!"

Cái hay ở đây là tác giả đã miêu tả được nét đặc trưng về nỗi gian khổ của người lính lái xe "*không có kính*". Câu thơ "*Bụi phun tóc trắng như người già*" gợi nhớ câu thơ của Quang Dũng "*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*". Thật đúng là một sợi tóc cũng làm ta kinh ngạc về hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mĩ.

Hai cặp đối lập này, tác giả vẫn tiếp tục phát hiện nỗi gian khổ của người lính lái xe không có kính và cốt cách của họ:

"Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi !"

Những hình ảnh "*Bụi phun tóc trắng như người già*" hay "*Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*" gợi lên tình thương đối với những người chiến sĩ lái xe ra mặt trận. Câu thơ Phạm Tiến Duật chẳng những hay về hình ảnh mà còn hay về âm điệu. Những thanh trắc (có kính, ướt áo, xối, lái ...) phô diễn được cái nghiệt ngã của người lái xe trên đoạn đường chiến tranh. Những thanh bằng, đặc biệt là câu kết của đoạn thơ gần như toàn thanh bằng êm ru, một phút yên ả trong tâm hồn người lái xe:

"Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi".

Tình đồng đội của người lái xe cũng được Phạm Tiến Duật phát hiện những nét riêng. Họ tập hợp lại "*từ trong bom rơi*", họ gặp bè bạn "*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*" (*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* - Chính Hữu), họ nấu ăn bằng bếp Hoàng Cầm (bếp gần như không có khói vì khói là tai họa đối với người lái xe Trường Sơn). Họ nghỉ ngơi bằng "*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*" và cũng không thiếu những phút thanh bình, thư thái. Chiến trường vẫy gọi, tiểu đội xe không kính lại lên đường:

"Lại đi, lại đi trời xanh thêm."

Tác giả phát hiện tất cả mọi khía cạnh của cái KHÔNG (xe không có kính) để dẫn đến một cái Có (có một trái tim) thế là chủ đề sâu sắc của bài thơ được phát triển trọn vẹn:

"Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim."

Tác giả lại thay đổi giọng điệu, lối nói "*tưng tửng*" trong những khổ thơ đầu đã nhường cho lối nói nghiêm trang đượm vẻ thiêng liêng:

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim."

Hình ảnh "*miền Nam phía trước*" vừa nói lên được nhiệm vụ nặng nề là tiếp viện cho chiến trường miền Nam của "*tiểu đội xe không kính*" vừa gợi lên tình cảm thiêng liêng của người chiến sĩ lái xe đối với miền Nam ruột thịt. Và tứ thơ cuối cùng (chỉ cần trong xe có một trái tim) đã cân bằng lại tất cả những gian khổ, những tàn phá của chiến tranh. Sức mạnh của tình yêu nước đã chiến thắng kẻ thù hung bạo.

"*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" là bài thơ hay và độc đáo. Phát hiện được đề tài, nhà thơ đã khai thác mọi khía cạnh bất ngờ và thú vị. Giọng điệu thay đổi thích hợp, nhịp điệu luôn luôn biến hóa. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe "*Vì miền Nam phía trước*" được khắc họa đậm nét, sinh động, nổi bật được cốt cách của những người anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Nguyễn Đức Quyển

BÀI SỐ 112

Đề bài: Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

"Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thẳm
Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây..."

(Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

Năm 1970, tập thơ *"Vầng trăng, quầng lửa"* của Phạm Tiến Duật ra đời. Tiếng thơ của người chiến sĩ hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn cất lên hào hùng, trẻ tráng và hồn nhiên kì lạ. Thơ Phạm Tiến Duật thể hiện tình cảm yêu nước và chí khí anh hùng của thế hệ thanh niên trong cuộc chiến tranh chống Mĩ qua những hình ảnh cô gái thanh niên xung phong và anh bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. *"Lửa đèn"*, *"Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây"*, *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*, *"Gửi em, cô thanh niên xung phong"*,... là những bài thơ rất nổi tiếng của chàng lính trẻ làm thơ này.

"Bài thơ về Tiểu đội xe không kính" được anh viết vào năm 1969 - khi cuộc chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Máy bay giặc Mĩ trút hàng ngàn, hàng vạn tấn bom đạn và chất độc hóa học xuống con đường chiến lược mang tên Bác Hồ. Các trọng điểm mịt mù lửa khói suốt đêm ngày. Những đoàn xe vận tải quân sự vẫn nối đuôi nhau đi lên phía trước. Bài thơ đã *ghi lại những nét ngang tàng, dũng cảm và lạc quan của người chiến sĩ lái xe trong binh đoàn vận tải quân sự, qua đó ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời đánh Mĩ"*.

Bài thơ làm hiện lên chiếc xe không kính đang vượt qua bom đạn băng băng tiến ra tiền phương. Một hình tượng thật độc đáo vì xưa nay ít có, ít thấy loại xe không kính qua lại trên mọi nẻo đường. Thế mà, trên con đường chiến lược Trường Sơn vẫn có loại xe như vậy, không phải đôi ba chiếc mà là hàng vạn chiếc xe *"không kính"* đang vượt qua mưa bom bão đạn, đi qua một địa hình: đèo cao, dốc thẳm, khe suối, ngầm sông, chạy trong mưa gió, đêm tối mịt mùng, để chở hàng, tiếp viện cho chiến trường miền Nam. Hình tượng độc đáo vì chiếc xe mang sức mạnh thần kì của một dân tộc đang chiến đấu vì một quyết tâm sắt đá *"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"*. Nó còn thể hiện cuộc chiến đấu diễn ra trên mặt trận giao thông vận tải, trên con đường chiến lược Trường Sơn là vô cùng ác liệt, dữ dội, *con người và binh khí kĩ thuật mang tầm vóc kì vĩ sử thi hào hùng.*

Hai câu thơ đầu nói rõ vì sao xe *"không có kính"*. Cấu trúc câu thơ dưới hình thức *"hỏi - đáp"*. Ba chữ *"không"* đi liền nhau, hai nốt nhấn *"bom giật, bom rung"* biểu lộ *"chất lính"* trong cách nói phóng túng hồn nhiên. Câu thơ đậm đặc chất văn xuôi, nhưng đọc lên nghe vẫn thú vị:

"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi".

Mười bốn câu thơ tiếp theo khắc hoạ hình ảnh những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua *một loạt hình ảnh hoán dụ: con mắt, mái tóc, tim, mặt, nụ cười...* Một tư thế ngồi lái *"ung dung"* tuyệt đẹp: thong thả, khoan thai. Những cái nhìn khoáng đạt, nhìn thấp, nhìn thẳng, nhìn cao, nhìn xa. Dũng mãnh và hiên ngang:

"Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng"

Hai chữ *"ta ngồi"* với điệp từ *"nhìn"* láy lại 3 lần: giọng thơ, nhịp thơ mạnh mẽ, đĩnh đạc.

Phạm Tiến Duật đã dành trọn một khổ thơ nói lên những gì người chiến sĩ *"nhìn thấy"*. Những câu thơ nối tiếp xuất hiện với bao hình ảnh chẳng khác nào một đoạn phim quay nhanh:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng,
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái".

Có gió thổi, có cánh chim chiều và cả ánh sao đêm. Gió được nhân hóa và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng: *"gió vào xoa mắt đắng"*. Xe chạy thâu đêm, xe lại không có kính nên mới có cảm giác *"đắng"* như thế. Con đường phía trước là con đường chiến lược cụ thể, nó còn mang hàm nghĩa, *"chạy thẳng vào tim", con đường chiến đấu chính nghĩa vì lẽ sống, vì tình thương, vì độc lập tự do của đất nước và dân tộc.* Các từ *"nhìn thấy"*... / *"nhìn thấy..."* / *"thấy..."* với các chữ *"sa"*, chữ *"ùa"* góp phần đặc tả tốc độ phi thường của chiếc xe quân sự đang bay đi, đang lướt nhanh trong bom đạn !

Nếu khổ thơ trên nói đến *"gió"* thì khổ thơ tiếp theo nói đến *"bụi"*. *Gió bụi* tượng trưng cho gian khổ, thử thách ở đời. Chữ *"ừ"* vang lên như một thách thức, một chấp nhận nhưng chủ động của người chiến sĩ lái xe:

"Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già,
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha!".

Với bao.chi tiết hiện thực đầy ắp vần thơ. Một mái tóc xanh của chàng trai qua ấy dặm trường có sự đổi thay đáng sợ: "Bụi phun tóc trắng như người già". Một hình ảnh so sánh hóm hỉnh, độc đáo ! Một kiểu hút thuốc rất "lính". Một nụ cười lạc quan :u dời và hồn nhiên "ha ha" cất lên từ một gương "mặt lấm" khi đồng đội gặp nhau: Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha !".

Sau "bụi" nói đến "mưa": "Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời". Thế là người lính ếm trải đủ mùi gian khổ: Gió bụi, mưa rừng. Mưa đã "tuôn" tất nhiên phải "xối". Bao iêu áo quần ướt sạch vì ngồi trong buồng lái mà "như ngoài trời". Chấp nhận, ngang ng, phơi phới lạc quan:

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi".

Nhiệt tình cách mạng của người lính không còn là trừu tượng nữa, được tính ằng những cung đường "lái trăm cây số nữa". Cung đường ấy trong bom đạn, mưa .ôn phải trả giá bằng bao mồ hôi, xương máu ! Câu thơ 7 từ mà có đến 6 thanh bằng .ễn tả cái phơi phới, thênh thênh đầy nghị lực, bất chấp mọi gian khổ: "Mưa ngừng, ió lùa khô mau thôi !".

Hai khổ thơ thứ 5, thứ 6 ghi lại hình ảnh tiểu đội xe không kính và cuộc trú .uân giữa rừng. Sau những chặng đường gian khổ, những tháng ngày mưa gió, bụi ù... và bom đạn, họ gặp lại nhau... Cái bắt tay cũng vô cùng độc đáo. Trong niềm vui ặp gỡ đã có niềm mất mát hi sinh:

... "Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"

Có bữa cơm hội ngộ. Tình đồng đội cũng là tình anh em gia đình ruột thịt. Có ảnh mắc võng dã chiến "chông chênh" bên đường. Rồi đoàn xe "lại đi, lại đi", nối ếp nhau ra tiền phương. Trên đầu họ, trong tâm hồn họ "trời xanh thêm", chứa chan i vọng, lạc quan dạt dào:

"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi, trời xanh thêm"

Khổ cuối bài thơ làm nổi bật cái dữ dội và khốc liệt của chiến tranh: Chiếc xe ận tải quân sự mang trên mình đầy thương tích. Đã có biết bao chiến sĩ lái xe dũng ảm hi sinh. Chiếc xe như một dũng sĩ kiên cường, 3 cái "không có" và chỉ có 1 cái có": "Không có kính, rồi xe không có đèn - Không có mui xe, thùng xe có xước".

Sau cái "thùng xe có nước", người chiến sĩ lái xe tự hào khẳng định cần "có một ái tim" trong xe. "Có trái tim" ấy là sẽ có tất cả: "Trái tim" - hình ảnh hoán dụ thể iện sức mạnh chiến đấu, ý chí kiên cường của người chiến sĩ lái xe trẻ vì sự nghiệp iải phóng miền Nam thân yêu, vì sự nghiệp thống nhất đất nước:

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước;
Chỉ cần trong xe có một trái tim"

"Trái tim" ấy là trái tim yêu thương, trái tim sục sôi căm giận ? Phải chăng câu hơ của Phạm Tiến Duật khơi nguồn cảm hứng từ câu nói nổi tiếng của Hồ Chủ tịch .ính yêu: "Miền Nam luôn luôn trong trái tim tôi"?

"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật là một bài thơ hay. Chất hiện thực ngồn ngộn về đời sống chiến đấu gian khổ mà hào hùng của các chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn thời đánh Mĩ đã kết hợp một cách hài hòa với cảm hứng sử thi tạo nên những vần thơ *"góc cạnh"* đầy ấn tượng. Nếu như có gió, bụi, mưa, cánh chim, ánh sao sa vào, ùa vào buồng lái chiếc xe không kính thì cũng có những câu thơ rất gần với lối nói thường đậm chất văn xuôi tràn vào bài thơ. Có nhiều câu thơ mang cái dáng vẻ thô mộc, bình dị rất lính tráng một thời trận mạc:

- *"Không có kính không phải vì xe không có kính,*
  Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi..."
- *"Không có kính, ừ thì có bụi,*
  Bụi phun tóc trắng như người già..."
- *"Không có kính, ừ thì ướt áo*
  Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời..."
- *"Không có kính, rồi xe không có đèn*
  Không có mui xe, thùng xe có xước..."

Nếu tước đi những câu thơ ấy, độn vào bài thơ bằng những câu óng ả êm xuôi, chắc chắn giọng điệu, chất thơ, hồn thơ của *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* sẽ chẳng còn gì nữa. Đúng như Vũ Quần Phương đã nhận xét: *"Chỗ đặc sắc của thơ Phạm Tiến Duật: lấy cuộc sống để nói tình cảm. Cái sâu sắc tình cảm trong thơ anh phải tìm trong cuộc sống, không tìm trong chữ nghĩa"*.

Hình tượng những chiếc xe không kính thật là li kì, độc đáo. Những chiếc xe không kính đã làm nổi bật hình ảnh những người lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Họ là những chiến binh sống và chiến đấu trong tư thế hiên ngang, quả cảm bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, lạc quan, sôi nổi yêu đời, hi sinh chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Ngoài các ẩn dụ, so sánh, điệp từ điệp ngữ, Phạm Tiến Duật rất thành công trong sáng tạo các hình ảnh hoán dụ (gió, bụi, mưa, mắt, tóc, tim,...) khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn và vẻ đẹp ý chí của người chiến sĩ lái xe tiền phương.

Con đường chiến lược Trường Sơn là một chiến tích mang màu sắc huyền thoại của dân tộc ta trong kháng chiến chống Mĩ. *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* của Phạm Tiến Duật đã làm sống lại một thời gian khổ, oanh liệt của anh bộ đội Cụ Hồ. Chất anh hùng ca dào dạt bài thơ. Bài thơ cũng là một chứng tích tuyệt đẹp của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn anh hùng.

Bài đọc tham khảo

Phân tích ba khổ thơ cuối trong
"Bài thơ về Tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

... *"Những chiếc xe từ trong bom rơi*
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.
Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.
Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim".

Từ mái trường Đại học Hà Nội, Phạm Tiến Duật bước vào đời lính chiến đấu và hoạt động trên con đường chiến lược Trường Sơn những năm tháng đánh Mỹ ác liệt nhất. Lửa khói chiến trường, chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, những cô gái thanh niên xung phong, những chiến sĩ lái xe dũng cảm... in dấu chói lọi, kỳ vĩ như những tượng đài trong thơ Phạm Tiến Duật.

"Bài thơ tiểu đội xe không kính" tiêu biểu cho hồn thơ Phạm Tiến Duật trong *"Vầng trăng- Quầng lửa"* những bài ca chiến trận thắm đẫm màu sắc lãng mạn. Đây là đoạn cuối bài thơ ghi lại cảnh trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính, ca ngợi tình đồng đội và lý tưởng chiến đấu cao cả của những chiến sĩ lái xe trên con đường mòn Hồ Chí Minh:

... "Những chiếc xe từ trong bom rơi
....
Chỉ cần trong xe có một trái tim".

1. Sau những tháng ngày chiến dịch chở vũ khí lương thực... chi viện cho tiền phương, vượt qua hàng nghìn hàng vạn cây số trong mưa bom bão đạn, tiểu đội xe không kính *"đã về đây..."*. Một cái bắt tay thắm tình bè bạn, tình đồng chí:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi".

Cũng là cái nắm tay, cái bắt tay của người lính, nhưng mỗi thời một khác. Anh Vệ Quốc quân trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp:

"Miệng cười buốt giá
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay".
(*"Đồng chí"*- Chính Hữu, 1948)

Anh Giải phóng quân trên đường chiến dịch, gặp bè bạn đồng đội *"bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"*. Tình thương yêu đồng chí đồng đội là bản chất, là sức mạnh của người lính không hề thay đổi. Từ cái *"nắm lấy bàn tay"* đến cái *"bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"* là một quá trình trưởng thành và hiện đại của quân đội ta trong chiến tranh giải phóng dân tộc và đất nước.

2. Cuộc trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính ngắn ngủi mà thắm tình đồng chí, tình đồng đội. Chỉ bằng ba chi tiết nhưng rất điển hình: *"bếp Hoàng Cầm"*, *"chung bát đũa"*, *"võng mắc chông chênh"*. Đời lính vốn giản dị, bình dị mà lại rất sang trọng. Giữa chiến trường đầy bom đạn mà họ vẫn đàng hoàng: *"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời"*. Giữa trời là giữa thanh thiên bạch nhật. Bữa cơm dã chiến chỉ có một bát canh rau rừng, có lương khô... thế mà rất đậm đà: *"Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy"*. Một chữ *"chung"* rất hay gợi tả gia tài người lính, tấm lòng, tình cảm của người lính. Tiểu đội xe không kính đã trở thành một tiểu gia đình chan chứa tình thương.

"Thơ là nữ hoàng nghệ thuật", có người đã nói như vậy. Nếu thế, thì ngôn từ là chiếc áo của nữ hoàng. Hai chữ *"nghĩa là"* chỉ dùng để *"đưa đẩy"* nhưng dưới ngòi bút của những tài thơ đích thực thì nó trở nên **óng ánh, duyên dáng, đậm đà.** Với Xuân Diệu, mùa xuân, tuổi trẻ thật đẹp, thật đáng yêu, một đi không trở lại:

*"Xuân đang tới **nghĩa là** xuân đương qua*
*Xuân còn non **nghĩa là** xuân sẽ già*
*Mà xuân hết **nghĩa là** tôi cũng mất..."*

("Vội vàng"- 1938)

Với Tố Hữu, người thanh niên cộng sản quyết chiến đấu và hy sinh vì một lý tưởng cách mạng cao đẹp thì hận, nhục, tranh đấu là lẽ sống thiêng liêng:

*"Tôi chưa chết **nghĩa là** chưa hết hận*
***Nghĩa là** chưa hết nhục của muôn đời*
***Nghĩa là** còn tranh đấu mãi không thôi*
Còn trừ diệt cả một loài thú dộc!".

("Tâm tư trong tù"- 1939)

Và Phạm Tiến Duật, 1969, tình đồng đồng đội cũng là tình anh em ruột thịt, vô cùng thân thiết:

*"Chung bát đũa **nghĩa là** gia đình đấy"*

Có yêu thơ mới tìm đến thơ. Tìm đến thơ, một phần là tìm đến ngôn từ chữ nghĩa. Thơ đâu là chuyện *"nhai câu nhá chữ"* (chữ dùng của Cao Bá Quát). Thi sĩ có thực tài mới có thể thổi hồn vào ngôn từ. Chỉ qua hai chữ *"nghĩa là"*, ta đủ thấy nhà thơ trẻ rất xứng đáng với các thi sĩ đàn anh. Cảnh đoàn viên tri kỷ: *"võng mắc chông chênh đường xe chạy"*. Sau một bữa cơm thân mật, một vài câu chuyện thân tình lúc nằm võng, những người lính trẻ lại lên đường. Tiền phương vẫy gọi:

"Lại đi, lại đi trời xanh thêm".

Điệp ngữ *"lại đi"* diễn tả nhịp bước hành quân, những cung đường, những chặng đường tiến quân lên phía trước của tiểu đội xe không kính. Hình ảnh *"trời xanh thêm"* là một nét vẽ rất tài hoa mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc: *lạc quan, yêu đời, chứa chan hy vọng.*

Là hy vọng, là chiến công đang đón chờ. Đây là một đoạn thơ thể hiện sinh hoạt vật chất và tinh thần người lính thời đánh Mỹ, rất độc đáo mà ta ít gặp trong thơ thời ấy:

"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm".

3. Khổ cuối bài thơ nói lên suy nghĩ của tác giả về tiểu đội xe không kính. Chiếc xe đầy thương tích, chiến tích. Không kính, không đèn, không mui xe, thùng xe bị xước. Chiếc xe vận tải quân sự mang tầm vóc những anh hùng lẫm liệt vô danh. *"Không"* mà lại *"có"*, có *"một trái tim"* của người lính. Trái tim rực lửa, sẵn sàng hy sinh chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc:

"Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim".

Các điệp ngữ *"không có"*, các từ ngữ tương ứng: *"vẫn ... chỉ cần có..."* đã làm cho giọng thơ, ý thơ trở nên mạnh mẽ, hào hùng. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có bom đạn nào của quân thù có thể làm lay chuyển được. *"Trái tim"* trong thơ Phạm Tiến Duật là một hình ảnh hoán dụ, tuy không mới mẻ nhưng đầy ý vị.

Đoạn thơ trên đây thể hiện rất thực, rất hay **cách sống, cách nghĩ, cách cảm** của những người chiến sĩ lái xe trên con đường mòn Hồ Chí Minh thời đánh Mỹ. Tình đồng đội, tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường vì sự nghiệp giải phóng miền Nam của người lính tỏa sáng vần thơ.

Ngôn từ, hình ảnh, vần thơ, giọng thơ... đều mang chất lính, thể hiện một hồn thơ trẻ trung phơi phới, tài hoa, anh hùng. Đoạn thơ trên đây là một tiếng ca của khúc tráng ca *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"*.

BÀI SỐ 113

Đề bài: Phân tích bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận.

Viết về đề tài lao động, bài thơ *"Bài ca vỡ đất"* của Hoàng Trung Thông và bài *"Đoàn thuyền đánh cá"* của Huy Cận,... được người đọc yêu thích nhất. Huy Cận viết *"Đoàn thuyền đánh cá"* vào năm 1958 tại vùng biển Quảng Ninh phản ánh không khí lao động sôi nổi của nhân dân miền Bắc trong xây dựng hòa bình. Nhà thơ ca ngợi tinh thần lao động phấn khởi và hăng say của những người dân chài trên biển quê hương.

Cảm hứng trữ tình được diễn tả theo mạch thời gian: hoàng hôn - đêm trăng - và bình minh. Cảnh bình minh như một biểu tượng mang ý nghĩa: một thời đại huy hoàng dang mở ra phía trước, cuộc sống cần lao của nhân dân ta đang nở hoa.

1. *Hai khổ thơ đầu* nói về cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá. Cảnh biển vô cùng tráng lệ lúc hoàng hôn. Mặt trời được ví von với hòn than đỏ rực *"hòn lửa"* từ từ lặn xuống biển. Bầu trời và mặt biển bao la như ngôi nhà vũ trụ trong khoảnh khắc phủ bóng tối mịt mùng. Những con sóng, như những chiếc *"then cài"* của ngôi nhà vĩ đại ấy. Cảm hứng vũ trụ, biện pháp tu từ so sánh ẩn dụ (hòn lửa, cài then) đã tạo nên những vần thơ đẹp, cho người đọc nhiều ấn tượng:

"Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa".

Ngày đã chuyển sang đêm. Vừa lúc đó, đoàn thuyền ra khơi:

"Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi".

Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ đi biển mà là cả một *"đoàn thuyền"*, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay. Chữ *"lại"* trong ý thơ *"lại ra khơi"* là sự khẳng định nhịp điệu lao động của dân chài đã ổn định, đi vào nền nếp trong hòa bình. Khúc hát lên đường vang động. Gió biển thổi mạnh. Cánh buồm no gió *"căng"* lên. Tiếng hát, gió khơi, buồm căng là ba chi tiết nghệ thuật mang tính chất tượng trưng diễn tả tinh thần phấn khởi, hăng say và khí thế ra khơi của ngư dân vùng biển.

Bốn câu thơ tiếp theo nói rõ về câu hát để làm nổi bật một nét tâm hồn của người dân chài. Tiếng hát cầu mong đi biển gặp nhiều may mắn:

"Hát rằng cá bạc, biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!"

Chuyện làm ăn thường có nhiều may rủi. Ra khơi đánh cá, họ cầu mong biển lặng sóng êm, gặp luồng cá, đánh bắt được nhiều. Niềm ước mong ấy phản ánh tấm lòng hồn hậu của ngư dân từng trải qua nhiều nắng, gió, bão tố trên biển. Giọng điệu thơ ngọt ngào, ngân dài và vang xa: *"Cá bạc ... đoàn thoi"*, *"dệt biển"*, *"luồng sáng"* *"dệt lưới"* là những hình ảnh so sánh ẩn dụ rất sáng tạo đem đến cho người đọc bao liên tưởng thú vị về vẻ đẹp thơ ca viết về lao động.

2. *Bốn khổ thơ tiếp* nói về cảnh đánh cá một đêm trăng trên vịnh Hạ Long. Mỗi khổ thơ là một nét vẽ về biển trời sông nước trong ... trong đó con người hiện lên trong dáng vẻ khỏe mạnh, trẻ trung và yêu đời.

Hạ Long là một thắng cảnh bậc nhất của đất nước ta. Hạ Long một đêm trăng mang vẻ đẹp thần tiên. Huy Cận, với bút pháp lãng mạn tả cảnh đánh cá trên Hạ Long một đêm trăng bằng bao hình ảnh tuyệt vời.

Đoàn thuyền có *gió* làm *lái*, có *trăng* làm *buồm* phóng như bay trên mặt biển. Đến ngư trường *"dò bụng biển"*, ngư dân khẩn trương lao vào công việc *"dàn đan thế trận lưới vây giăng"*. Cuộc đánh cá thực sự là một trận đánh. Mỗi thuỷ thủ là một *"chiến sĩ"*. Con thuyền, mái chèo, lưới, ngư cụ khác đều trở thành vũ khí của họ. Chữ *"lướt"* đặc tả đoàn thuyền ra khơi với vận tốc phi thường; thiên nhiên cùng góp sức với con người trên con đường lao động và khám phá. Nhịp thơ hối hả lôi cuốn:

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng".

Những câu thơ tả đàn cá là đặc sắc nhất. Biển quê ta giàu có với nhiều loại cá quý cá ngon nổi tiếng như tục ngữ đã nói: *"Chim, thu, nhụ, đé"*. Vận dụng sáng tạo cách nói của dân gian, ở phần trên, nhà thơ đã viết: *"Cá thu biển đông như đoàn thoi"*, ở đây lại miêu tả: *"Cá nhụ, cá chim cùng cá đé"*. Con cá song là một nét vẽ tài hoa. Vẩy cá đen hồng, lấp lánh trên biển nước lân tinh chan hòa ánh trăng *"vàng chóe"*. Cái đuôi cá quẫy được so sánh với ngọn đuốc rực cháy. Nghệ thuật phối sắc tài tình làm cho vần thơ đẹp như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Bầy cá như những nàng tiên vũ hội:

"Cá nhụ, cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe".

Nhìn bầy cá bơi lượn, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm, mắt nhìn về xa. Câu thơ huyền ảo lung linh: *"Đêm thở, sao lùa nước Hạ Long"*, như đưa người đọc đi vào cõi mộng. Phải có một tình yêu biển sâu nặng mới viết nên những vần thơ tuyệt bút như vậy.

Sung sướng nhìn đàn cá *"dệt lưới"*, những người dân chài cất lên tiếng hát ngọt ngào. Lần thứ hai tiếng hát vang lên trên biển. Tiếng gõ thuyền đuổi cá hòa cùng sóng biển. Vầng trăng soi xuống mặt biển, muôn ngàn ánh vàng tan ra theo làn sóng, vỗ vào mạn thuyền. *"Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao"*. Biển hào phóng cho nhân dân

ıiều tôm cá, muối và hải sản... Biển *"như lòng mẹ"* đã nuôi sống nhân dân ta từ bao ı̈i nay. So sánh biển với lòng mẹ để nói lên lòng tự hào của dân chài đối với biển quê ương. Giọng thơ ấm áp, chứa chan nghĩa tình:

"Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào".

Một đêm trôi nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng, hăng say. Trên bầu trời o đã thưa và mờ. Cảnh kéo lưới được miêu tả đầy ấn tượng. Những cánh tay rắn chắc o lưới *"xoăn tay"*. *"Kéo xoăn tay"* là một hình ảnh đặc tả động tác kéo lưới rất căng, ıóe và đẹp. Cơ man nào là cá mắc vào lưới như những chùm trái cây treo lủng lẳng. *'hùm cá nặng"* là một hình ảnh ẩn dụ gợi tả được mùa cá. Khoang thuyền đầy ắp cá. àu bạc của vẩy cá, màu vàng của đuôi cá *"lóe rạng đông"*. Một lần nữa cho thấy ghệ thuật sử dụng màu sắc của nhà thơ rất điêu luyện. Sắc cá dưới ánh trăng và sắc dưới áng rạng đông đều được miêu tả tuyệt đẹp:

"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông".

3. *Khổ thơ cuối* nói về cảnh đoàn thuyền trở về bến lúc rạng đông. Lần thứ ba, ;ư dân trên đoàn thuyền lại cất cao tiếng hát - tiếng hát thắng lợi hân hoan. Con uyền và mặt trời được nhân hóa. Thơ được cấu trúc song hành diễn tả nhịp sống ıẩn trương:

"Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời,
Mặt trời đội biển nhô màu mới".

Cảnh rạng đông với hình ảnh *"mặt trời đội biển..."* nhô lên, tỏa ánh sáng chan ɔa, một *"màu mới"* bao trùm biển khơi. Đoàn thuyền phóng như bay về bến như cướp y thời gian, giành lấy thời gian. Biện pháp thậm xưng kết hợp với nghệ thuật hoán ı trong việc tả *"mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"* đã vẽ lên cảnh được mùa cá và ıộc sống hạnh phúc ấm no của nhân dân vùng biển. Bằng lao động và mồ hôi, họ đã ết nên bài ca cuộc đời.

"Đoàn thuyền đánh cá" là bài thơ tiêu biểu của Huy Cận sau Cách mạng tháng ím. Nếu như trước đây, thơ Huy Cận thấm một nỗi buồn *"vạn cổ sầu"* vào vũ trụ và ng người thì những bài thơ của ông từ năm 1945 đến nay, đặc biệt là bài *"Đoàn uyền đánh cá"* mang âm điệu ngọt ngào, niềm vui say mê và phấn chấn của nhân ın lao động đang làm chủ cuộc đời.

Qua thơ Huy Cận, chúng ta như được sống những đêm trăng đẹp trên Hạ Long, tự hào đất nước ta có trên ba nghìn cây số bờ biển; biển ta giàu có, bao la tiềm ıng, dồi dào hải sản.

Cảnh đánh cá trên biển được miêu tả với cảm hứng lãng mạn. Lao động thật sự niềm vui cuộc đời. Trong xã hội ta, cái đáng quý nhất là lao động, người đáng quý ıất là người lao động. Hình ảnh người dân chài trong bài thơ là hiện thân của sức ıng cần lao. Họ cần cù, dũng cảm và chịu khó. Cuộc đời của họ đã gắn liền với sóng ó mưa nắng biển khơi, khai thác nhiều hải sản. Chính họ đã đem lại muối mặn và ương vị biển cho mọi gia đình gần xa, bữa cơm trở nên đậm đà với con tôm con cá. ùng với nhà nông *"một nắng hai sương"*, những người dân chài đã cho ta bài học về ức tính cần cù, tinh thần lạc quan trong lao động.

Thật vậy, *"Đoàn thuyền đánh cá"* là một bài thơ hay. Những nét vẽ về đàn cá ển, về người dân chài đánh cá, kéo lưới, ca hát... cho thấy một hồn thơ đẹp.

BÀI SỐ 114

Đề bài: Bình giảng hai khổ cuối bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận:

..." Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời,
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi".

Huy Cận viết bài thơ *"Đoàn thuyền đánh cá"* vào năm 1958, tại vùng biển uảng Ninh. Bài thơ ra đời trong một thời kỳ sôi nổi trên miền Bắc nước ta, xây dựng . phát triển kinh tế, văn hoá. Đây là một trong những bài thơ hay nhất viết về đề tài o động khi nhân dân làm chủ cuộc đời.

Bài thơ gồm bảy khổ thơ ghi lại hành trình của một đoàn thuyền đánh cá: ra ơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trăng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. ây là hai khổ thơ thứ 6 và 7 nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền ıồm căng gió lộng trở về:

"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng...
(...) Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi".

Cảnh kéo lưới diễn ra lúc *"sao mờ"* - lúc trời gần sáng. Chữ *"kịp"* trong câu ơ *"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng"* thể hiện tinh thần khẩn trương, hối hả của ngư .n lúc kéo lưới. Bao hồi hộp và hy vọng đón chờ. Cá mắc vào lưới thành những *'hùm cá nặng"* như chùm trái cây treo lủng lẳng. Phải là nhiều cá lắm mới mắc vào ới, phải là những bạn chài trẻ tráng có đôi cánh tay rắn chắc, có sức khỏe dẻo dai ới có thể *"kéo xoăn tay"*. Câu thơ *"Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng"* là một câu thơ .y và đẹp: hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo ca ngợi vẻ đẹp khỏe mạnh trẻ tráng trong lao ıng. Huy Cận hay sử dụng từ *"chùm"* để tả thế giới sinh vật, như gà, cá tạo nên hình ợng thơ ngộ nghĩnh, đầy ấn tượng:

"... Như cây sai mẹ đứng giữa chùm con
Chiền chiện thu vàng rực tâm hồn..."

(Chiều thu quê hương)

Nếu khổ thơ thứ tư, tác giả tả đàn cá biển đẹp như một bức tranh sơn mài lộng y trong đó có những con cá song *"lấp lánh đuốc đen hồng - cái đuôi em quẫy trăng ng chóe"*, thì ở khổ thơ thứ sáu này, những con cá biển tươi ngon mắc vào lưới cũng ı cũng rực rỡ: *"Vảy bạc, đuôi vàng lóe rạng đông"*. Có thể nói ở những câu thơ tả cá những câu thơ đẹp nhất, sáng tạo nhất ở cách phối sắc, ở cách sử dụng hình ảnh ıán dụ (vảy cá, đuôi cá, mắt cá...). Dưới ánh rạng đông "lóe" lên, cá nằm đầy khoang uyền được phản chiếu càng ánh lên màu *"vàng"*, màu *"bạc"* thể hiện một niềm vui ơi trong lao động của các bạn chài. Câu thơ *"lưới xếp / buồm lên / đón nắng hồng"* ı cách ngắt nhịp 2/2/3, với cách sử dụng liên tiếp ba động từ (xếp, lên, đón) diễn tả ọi công việc trên biển diễn ra tuần tự mà khẩn trương để trở về.

Khổ cuối tả đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Gió biển thổi căng cánh buồm đưa u hát của ngư dân vang xa trên biển cả. Đây là lần thứ ba, nhà thơ nhắc lại câu hát. ần thứ nhất tả tiếng hát ra khơi, tiếng hát phấn chấn, hồ hởi lên đường: *"Câu hát*

căng buồm cùng gió khơi". Lần thứ hai tả tiếng hát lúc đánh cá, tiếng hát say mê la động và ngợi ca biển với bao ân tình sâu nặng, thiết tha:

"Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào"

Lần thứ ba là tiếng hát mừng vui thắng lợi. Niềm vui của người dân chài hò nhập với thiên nhiên- một rạng đông đẹp tươi, một ngày vui mới bắt đầu. Con thuyề thì "*chạy đua...*", mặt trời thì "*đội biển*". Đoàn thuyền lướt sóng như cướp lấy th gian, giành lấy thời gian, để nhanh chóng trở về bến. Cảnh tượng tráng lệ, nhịp điệ cuộc sống khẩn trương vô cùng:

"Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới...".

Câu thơ "*mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*" là một câu thơ hay cho thấy b pháp lãng mạn của Huy Cận trong bài thơ này. Hình ảnh "*mắt cá*" (hoán dụ)- mu triệu mắt cá li ti được phản chiếu ánh rạng đông, càng trở nên huy hoàng. Sóng bi và cát lấp lánh cùng với muôn triệu mắt cá như trải dài, trải rộng trên "*muôn dặ phơi*". Câu thơ vừa tả cảnh biển tráng lệ lúc rạng đông, vừa tả cảnh được mùa (thậm xưng) đẹp.

Nói rằng lao động là niềm vui sáng tạo. Nói rằng biển quê ta giầu đẹp. Nói rằ khi người lao động làm chủ cuộc đời thì mới có ấm no hạnh phúc. Cả ba điều ấy, Huy C đã nói được rất hay trong bài thơ "*Đoàn thuyền đánh cá*", đặc biệt trong hai khổ này.

Với cách sử dụng màu sắc, với cách vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như dụ, hoán dụ, nhân hoá và thậm xưng, Huy Cận đã sáng tạo được nhiều hình ảnh đẹ đầy ý nghĩa. Một không gian tráng lệ tràn ngập niềm vui câu hát. Một rạng đông tr biển và một rạng đông trong lòng người vì "*đất nở hoa*" và "*biển đang hát*"...

BÀI SỐ 115

Đề bài: Bình giảng đoạn đầu trong bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt.

Đây là những vần thơ, câu thơ tha thiết của Bằng Việt gợi thương, gợi nhớ tro lòng tuổi thơ chúng ta:

"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
....
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?"...

Có một thời gian khổ mà không thể nào quên. Có những người đã gắn bó v tuổi thơ chúng ta, trở thành kỉ niệm, mang theo bao tình thương nỗi nhớ sâu nặ trong lòng ta. Bài thơ "*Bếp lửa*" của Bằng Việt với hình ảnh người bà đã đem đến c ta cảm xúc và nỗi niềm bâng khuâng ấy:

"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
....
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa"

Đây là phần đầu bài thơ *"Bếp lửa"* nói lên những kỉ niệm sâu sắc tuổi thơ với bao tình thương nhớ bà của đứa cháu đi xa.

1. Tràn ngập bài thơ, đoạn thơ là một tình thương nhớ mênh mông, bồi hồi. Ba câu thơ đầu nói lên hai nỗi nhớ: nhớ bếp lửa, nhớ thương bà. Bếp lửa *"chờn vờn sương sớm"* gắn bó với mỗi gia đình Việt Nam, với sự tần tảo chịu thương chịu khó của bà. Bếp lửa *"ấp iu nồng đượm"* được nhen nhóm bằng sự nâng niu, ôm ấp của tình thương. Nhớ bếp lửa là nhớ đến bà *"biết mấy nắng mưa"*, trải qua nhiều vất vả, khó nhọc. Điệp ngữ *"một bếp lửa"* kết hợp với câu cảm thán làm cho giọng thơ bồi hồi xúc động:

"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa."

2. Khổ thơ thứ hai nói về kỉ niệm tuổi thơ, kỉ niệm buồn khó quên: *"năm đói mòn đói mỏi"*, *"khô rạc ngựa gầy"*, *"khói hun nhèm mắt cháu"*, *"sống mũi còn cay"*. Bằng Việt sinh năm 1941, năm nhà thơ lên 4 tuổi, là cuối năm 1944 đầu năm 1945, nạn chết đói kinh khủng đã xảy ra, hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói. Đó là kỉ niệm về *"mùi khói"*, về *"khói hun"*, một cảnh đời nghèo khổ gắn liền với bếp lửa gia đình trước cách mạng. Vần thơ là tiếng lòng thời thơ ấu gian khổ, rất chân thực cảm động:

"Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay !"

"Nghĩ lại đến giờ" đó là năm 1963, đã 19 năm trôi qua, mà đứa cháu vẫn cảm thấy *"sống mũi còn cay !"*. Kỉ niệm buồn, vết thương lòng, khó quên là vậy !

3. Khổ thơ thứ ba nói về việc nhóm lửa suốt một thời gian dài 8 năm của hai bà cháu. Có tiếng chim tu hú kêu gọi mùa lúa chín trên những cánh đồng quê. Tiếng chim tu hú, những chuyện kể của bà về Huế thân yêu đã trở thành kỉ niệm. *"Tu hú kêu..."*, *"khi tu hú kêu..."*, *"tiếng tu hú"*..., cái âm thanh đồng quê thân thuộc ấy được nhắc đi nhắc lại nhiều lần càng trở nên tha thiết bồi hồi. Đó là tiếng vọng thời gian năm tháng của kỉ niệm về gia đình (bếp lửa), về quê hương (tiếng chim tu hú) yêu thương. Cháu thăm hỏi bà hay tự hỏi lòng mình về một thời xa vắng:

"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!"

"Cháu cùng bà nhóm lửa", nhóm lửa của sự sống, nhóm ngọn lửa của tình thương.

4. Tám năm ấy, đất nước có chiến tranh *"Mẹ cùng cha bận công tác không về"*, cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong tình thương và sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà. Hai câu thơ 16 chữ mà chữ *bà*, chữ *cháu* đã chiếm đúng một nửa. Ngôn từ đã hội tụ tất cả tình thương của bà dành cho cháu. Một tình thương ấp ủ, chở che:

"Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.".

Hay nhất, hàm súc nhất là những chuỗi từ ngữ: *"cháu ở cùng bà"*, *"bà bảo"*, *"bà dạy"*, *"bà chăm"*. Vai trò người bà trong mỗi gia đình Việt Nam thật vô cùng to lớn. Năm tháng đã trôi qua thế mà bà vẫn *"khó nhọc"* vất vả *"nhóm bếp lửa"*. Nghĩ về ngọn lửa hồng của bếp lửa, nghĩ về tiếng chim tu hú gọi bầy, đứa cháu gọi nhắn thiết tha chim tu hú *"kêu chi hoài"*. Câu thơ cảm thán và câu hỏi tu từ diễn tả nỗi thương nhớ bà bồi hồi tha thiết. Cảm xúc cứ trào lên:

"Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?"...

Năm chữ *"nghĩ thương bà khó nhọc"* nói lên lòng biết ơn bà của đứa cháu đã và đang mang nặng trong trái tim mình tình thương của bà dành cho.

Đoạn thơ đầy ắp kỉ niệm tuổi thơ và dào dạt cảm xúc. Cháu thương nhớ và biết ơn bà không bao giờ quên. Bằng thể thơ tự do 8 từ (có xen 7 từ), tác giả đã tạo nên một giọng thơ thiết tha, chất thơ trong sáng truyền cảm, hình tượng đẹp. Bếp lửa, tiếng chim tu hú, người bà là 3 hình tượng hòa quyện trong tâm hồn đứa cháu xa quê. ở đây, tình thương nhớ bà gắn liền với tình yêu quê hương. Câu thơ của Bằng Việt có một sức lay, sức gợi ghê gớm !

BÀI SỐ 116

Đề bài: Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài "Bếp lửa" của Bằng Việt:

... "Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
...
Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!".

Viết về người bà trong gia đình, với tình thương và đức hi sinh cao cả, bài thơ *"Bếp lửa"* của Bằng Việt là một trong những bài thơ lắng sâu trong tâm hồn tuổi thơ mỗi chúng ta. Hình ảnh người bà đôn hậu cùng với hình tượng ngọn lửa là hai nét vẽ biểu cảm của một hồn thơ đẹp được thể hiện một cách hàm súc qua đoạn thơ sau:

"Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
....
Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!".

1. Từ *"bếp lửa"* đã biến thành *"ngọn lửa"*. *"Bếp lửa bà nhen"* mỗi sớm mỗi chiều, ngọn lửa *"lòng bà luôn ủ sẵn"*, ngọn lửa của *"niềm tin"* về ấm no, hạnh phúc:

"Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng."

Vần thơ mang hàm nghĩa sâu sắc ngợi ca những phẩm chất cao cả của người bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam. Ngọn lửa của tình thương mà bà *"luôn ủ sẵn"* để dành cho con cháu. Ngọn lửa của niềm tin mãnh liệt, bền bỉ *"dai dẳng"* suốt cả đời bà, được *"bà nhen"* mãi mãi sáng bừng bất diệt. Lòng bà, tình thương của bà sáng bừng ngọn lửa ấy. Nghệ thuật sử dụng điệp ngữ: *"rồi sớm rồi chiều"*, *"bà nhen... bà ủ sẵn"*, *"một ngọn lửa... một ngọn lửa..."* có giá trị thẩm mĩ đặc sắc thể hiện niềm tự hào, lòng biết ơn đối với đức hi sinh, tần tảo bền bỉ của người bà kính yêu. Tình thương, đức hi sinh, tính kiên trì nhẫn nại của bà, của mẹ là nguồn nhiên liệu vô tận làm bừng sáng ngọn lửa vĩnh cửu truyền cảm ấy.

2. Bảy câu thơ tiếp theo nói lên những suy nghĩ của cháu đối với bà và việc bà nhóm lửa. Phần đầu bài thơ có câu: *"Cháu thương bà biết mấy nắng mưa"*, ở đây, cháu lại thổ lộ: *"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa"*. *"Lận đận... nắng mưa"* là một đời vất vả, tần tảo, khó nhọc. Cảnh nghèo nên bà suốt đời vất vả. Chữ *"lận đận"* thể hiện tấm lòng đôn hậu và đức hi sinh của bà.

Bà là chỗ dựa, là mái ấm tình thương của con cháu. Thức khuya dậy sớm vì hạnh phúc của cháu con đã trở thành *"thói quen"* của bà trong *"mấy chục năm"*, trong cả đời bà:

"Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm".

Cảm xúc dâng trào khi nhà thơ nghĩ về bà, về bếp lửa, và việc bà nhóm lửa. Một sự tổng kết và ngợi ca về đời bà, tình bà. Bà là suối nguồn của ấm no và hạnh phúc, là tình thương của tuổi thơ. Bếp lửa mà bà nhen nhóm một đời người là ngọn lửa *"kì lạ và thiêng liêng"*. Điệp ngữ: *"nhóm bếp lửa"*, *"nhóm niềm yêu thương"*, *"nhóm nồi xôi gạo mới"*, *"nhóm dậy cả những tâm tình"*... bốn lần vang lên qua vần thơ cảm thán đã khắc sâu hình ảnh người bà, tiêu biểu cho những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam, biểu lộ niềm tôn kính và biết ơn vô hạn, ý tưởng sâu sắc đẹp đẽ. Ngôn từ biểu cảm. Hình tượng người bà và bếp lửa kì vĩ, tráng lệ:

"Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

Các từ ngữ *"ấp iu nồng đượm"*, *"yêu thương"*, *"ngọt bùi"*, *"chung vui"* thể hiện sự tinh luyện của một ngòi bút nghệ thuật, đã diễn tả thật hay tình thương, niềm vui, sự no ấm hạnh phúc mà bà đã mang lại cho con cháu. Bà đã *"nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ"*, nuôi dưỡng và làm bừng sáng những ước mơ, những khát vọng của đàn cháu nhỏ. Bếp lửa được bà nhóm lên ngọn lửa của tình thương ấm áp. Nhà thơ sung sướng tự hào thốt lên: *"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !"*.

Đã có nhiều thơ ca viết thật hay về người mẹ hiền. Nhưng chưa có nhiều bài thơ viết về bà, và đạt tới độ đặc sắc như bài thơ *"Bếp lửa"* của Bằng Việt.

Hình ảnh người bà đôn hậu được thể hiện qua hình tượng *"bếp lửa"*, *"nhóm lửa"* và *"ngọn lửa"* rất gần gũi với tâm hồn mỗi chúng ta. Bà thương cháu bao nhiêu thì cháu lại kính yêu và biết ơn bà bấy nhiêu.

Bài thơ *"Bếp lửa"* đã nói lên thật xúc động, trong sáng một nét đẹp trong gia đình Việt Nam, trong đạo lí dân tộc, và trong tâm hồn mỗi chúng ta. Câu thơ: *"Cháu thương bà biết mấy nắng mưa"* đã trở thành câu thơ trong trí nhớ nhiều người gần xa...

BÀI SỐ 117

Đề bài: Phân tích bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt.

Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Ông viết bài thơ *"Bếp lửa"* vào tuổi 19, đó là năm 1963 khi còn là sinh viên đang học Đại học ở nước ngoài.

Cảm xúc dào dạt, lời thơ đẹp, giọng thơ thiết tha bồi hồi, hình tượng thơ độc đáo, sáng tạo, đặc sắc, đó là ấn tượng của nhiều người khi đọc bài *"Bếp lửa"* này.

Có 41 câu thơ, phần lớn là thơ 8 chữ (31 câu), còn có 7 câu thơ thất ngôn và 3 câu thơ 9 tiếng. Tất cả đều kết hợp một cách hài hòa, phong phú vần điệu, đọc lên ngâm lên nghe rất thích, rất thú vị.

Nhắc lại kí ức tuổi thơ một thời gian khổ - đói nghèo, chiến tranh, loạn lạc - qua hình tượng bếp lửa, ngọn lửa, đứa cháu *ca ngợi đức hi sinh, sự tần tảo và tình thương bao la của bà, đồng thời nói lên lòng biết ơn bà, thương nhớ bà khôn nguôi.*

1. *Ba câu thơ đầu* nói về bếp lửa và lòng cháu thương bà. Bếp lửa được nhóm lên trong sương sớm, ngọn lửa *"chờn vờn"* rung rinh, hắt ánh sáng lên tường nhà, liếp cửa. Bếp lửa ấm áp *"nồng đượm"* ấy còn mang tình thương chở che, ôm ấp, *"ấp iu"* của lòng bà. Bếp lửa của bà là bếp lửa của một cuộc đời đã trải qua *"biết mấy nắng mưa"*, nghèo khổ và vất vả. Nghĩ về bếp lửa, nhớ về bếp lửa gia đình, mà đứa cháu thương bà khôn xiết kể.

Hai câu đầu song hành làm hiện lên hình ảnh bếp lửa của bà. Các chữ: *"ấp iu nồng đượm"*, *"chờn vờn"* rất hình tượng, gợi tả; chữ *"thương"* dùng thật đắt qua vần thơ cảm thán, làm cho cảm xúc lan tỏa, thấm sâu vào hồn người:

"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa".

2. *Năm câu thơ tiếp theo,* tác giả nhắc đi nhắc lại: *"mùi khói"*, *"khói hun"*, đã làm *"nhèm mắt cháu"*, làm cho *"sống mũi còn cay"* đến tận bây giờ. Kỉ niệm thời thơ bé khi *"lên bốn tuổi"*, kỉ niệm một thời đen tối, đói khổ. Đó là năm *"đói mòn đói mỏi"*, năm Ất Dậu 1945, khi người chết đói như ngả rạ. Giọng thơ trĩu xuống, nao nao lòng ta:

"Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay !".

Cái vị xay xè của khói hun nơi bếp lửa những nhà nghèo sẽ mãi mãi bám lấy bao tâm hồn tuổi thơ; cho dù năm tháng trôi qua nhưng kí ức ấy trở thành một vết thương lòng đâu dễ nguôi ngoai.

3. *Đoạn thơ thứ ba gồm có 11 câu,* nhắc lại một vài kỉ niệm sâu sắc về bà trong suốt thời gian *"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa"*. Thật là hồn nhiên và trong sáng khi nhà thơ tâm tình với chim tu hú. Chim tu hú kêu trong những ngày hè, khi trái vải đã chín đỏ cành. Tiếng chim tu hú là âm thanh đồng quê nghe thật tha thiết. Tiếng chim tu hú trong bài thơ là một sáng tạo của Bằng Việt khi nói về bà:

"Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !".

Quá khứ và hiện tại đồng hiện. Tiếng chim tu hú trở thành một mảnh tâm hồn tuổi thơ. Cháu thương bà vất vả, lo toan, biết ngỏ cùng ai. Chỉ có thể tâm tình với chim tu hú. Nhẹ trách mà thương nhiều:

"Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?".

Tiếng chim tu hú gợi thương:

"Mẹ cùng cha bận công tác không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học".

Trong nhiều gia đình Việt Nam, do nhiều cảnh ngộ khác nhau, mà vai trò của gười bà - bà nội, bà ngoại - đã thay thế vai trò của người mẹ hiền. Các từ ngữ: *"bà ảo", "bà dạy", "bà chăm"* đã diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình thương ao la, sự chăm chút của bà đối với cháu nhỏ. Chữ *"bà"* và chữ *"cháu"* được điệp lại 4 n gợi tả tình bà cháu quấn quýt yêu thương.

Được sống trong tình thương là hạnh phúc. Em bé trong bài thơ *"Bếp lửa"* tuy hải sống xa cha mẹ, tuy gặp nhiều thiếu thốn khó khăn, nhưng em thật hạnh phúc khi ược sống trong vòng tay yêu thương của bà. Vì thế cháu mới cảm thấy một cách thiết a nồng hậu:

"Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc".

4. *Đoạn thơ tiếp theo có 10 câu* đã tô đậm thêm những phẩm chất cao quý của gười bà yêu kính. Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc. Sống trong những năm dài hiến tranh, khi *"giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi"* được sự *"đỡ đần"* của bà con hàng óm, hai bà cháu mới dựng lại được túp lều tranh, thế nhưng bà vẫn *"vững lòng"* trước ọi tai họa, thử thách:

"Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
"Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !".

Từ *"bếp lửa"*, đứa cháu nghĩ về *"ngọn lửa"*. Một hình tượng rất tráng lệ. *"Bếp ửa bà nhen"* sớm sớm chiều chiều đã sáng bừng lên thành ngọn lửa bất diệt, ngọn lửa ủa tình thương *"luôn ủ sẵn"*, ngọn lửa của niềm tin vô cùng *"dai dẳng"* bền bỉ và bất iệt. Cùng với hình tượng *"ngọn lửa"*, các từ ngữ chỉ thời gian: *"rồi sớm rồi chiều"*, ic động từ: *"nhen"*, *"ủ sẵn"*, *"chứa"* (chứa niềm tin dai dẳng) đã khẳng định ý chí, ản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời loạn lạc:

"Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng".

Điệp ngữ *"một ngọn lửa"* và kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên ạnh mẽ, đầy xúc động tự hào.

5. *Tám câu thơ tiếp theo* là những suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về gười bà yêu kính, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt Nam chúng ta. Cuộc đời của bà hiều *"lận đận"*, trải qua nhiều *"nắng mưa"* vất vả. Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu hó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Vần thơ chứa ựng bao nghĩa nặng tình sâu. Cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm".

Bà đã nhóm bếp lửa trong suốt cuộc đời bà, đã trải qua nắng mưa *"mấy chục ăm rồi"*. Bà không chỉ nhóm bếp lửa bằng đôi bàn tay già nua gầy guộc, mà là bằng

tất cả, tấm lòng đôn hậu *"ấp iu nồng đượm"* của bà đối với con cháu. Chữ *"nhóm* được láy đi láy lại 4 lần, đan kết với những chi tiết rất thực và gần gũi thân quen đố với mọi con người, đối với mọi gia đình chúng ta. Vị ngọt bùi của khoai sắn, hương v ngào ngạt của nồi xôi gạo mới,... đều do bàn tay tần tảo của bà *"nhóm"* lên. Bà đ nhen nhóm, nuôi dưỡng trong lòng con cháu bao *"niềm yêu thương"*, bao ước mơ hoà bão. Tâm hồn và khát vọng tuổi thơ đã sáng bừng lên từ ngọn lửa do bà *"nhóm"* suố mấy chục năm trời:

"Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ".

Ánh sáng bếp lửa gia đình đã chiếu sáng bức chân dung người bà yêu kính. Ngườ bà vĩ đại trở nên gần gũi yêu thương. Trong kí ức của đứa cháu, hình ảnh người bà phản phất màu sắc cổ tích. Nghĩ về bếp lửa, nghĩ về bà, nhà thơ thốt lên ngợi ca. Cảm xúc dồ nén bỗng ùa ra, trào lên. Cảm xúc thơ, chất trí tuệ của thơ qua câu cảm thán đem đến ch ta bao liên tưởng về bà, về mẹ, về mái ấm tình thương, về bếp lửa gia đình:

"Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa".

6. *Bốn câu thơ trong phần kết* thể hiện một cách đằm thắm tình thương nh(lòng kính yêu và biết ơn của đứa cháu bé bỏng nay đã đi xa. Cuộc đời mới thật vu thật đẹp, đã *"có ngọn khói trăm tàu"*, đã *"có ngọn lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả* nhưng cháu vẫn không nguôi nhớ bà, nhớ bếp lửa gia đình thương yêu. Giọng thơ tı nên đằm thắm ngọt ngào:

"Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?..."

Không gian và thời gian xa cách, và dù cuộc đời có đổi thay, nhưng tình thươn nhớ bà vẫn thiết tha mãnh liệt. Cảm xúc thơ như những lớp sóng cuộn lên trong lòn người. Đó là dư ba và âm vang tình bà - cháu.

"Bếp lửa" là bài thơ rất hay và độc đáo. Trong ca dao, trong thơ ca dân tộc, c rất nhiều bài hay nói về người mẹ hiền. *"Bếp lửa"* là bài thơ viết về người bà yêu kính tần tảo có tình thương mênh mông. Đó là sự độc đáo. Lời thơ đẹp, chất thơ trong trẻ trẻ trung. Hình tượng thơ: *"bếp lửa"*, *"khói hun"*, *"ngọn lửa"*, *"tiếng chim tu hú"*,... đa kết, xâu chuỗi, rất thơ, đầy ấn tượng.

Đọc bài thơ, chúng ta vô cùng xúc động về tâm tình tuổi thơ, về hình ảnh và v. trò người bà trong gia đình được nhà thơ nói đến. Qua đó, ta càng thấy rõ tình cảm g đình là một trong những tình cảm thiết tha nhất của con người Việt Nam.

Với Bằng Việt, tình cảm gia đình đã chan hòa và thấm sâu với tình yêu qu hương đất nước. Tiếng chim tu hú, bếp lửa *"chờn vờn sương sớm"*, vị ngọt bùi củ khoai sắn, của nồi xôi gạo mới,... những âm thanh ấy, hương vị đậm đà, ánh sár ngọn lửa và tình thương của bà... chính là hồn quê, là tình non nước. Có đi xa mới c diết nhớ.

Ai trong chúng ta còn bà, bà nội bà ngoại, ai trong chúng ta, bà đã khuất, hãy kh đọc bài thơ "*Bếp lửa*", và chắc chắn sẽ tìm được cái tình, cái đẹp được nhà thơ gửi gắm...

BÀI SỐ 118

Đề bài: Cảm nhận về bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm.

Bài thơ này được sáng tác rất nhanh trong một hoàn cảnh khá đặc biệt. Cuối b thơ ghi rõ ngày 25 tháng 3 năm 1971 - Trần Phương Trà kể lại *"một lần về đến nh chưa kịp đặt gùi gạo xuống, với chiếc khăn mặt lau mồ hôi. Điềm ngồi vào bàn g ngay bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" rồi đưa cho tôi. Tôi thì đọc bài thơ và sung sướng nói với Điềm. Đây là một bài thơ hay viết về đồng bào d tộc thiểu số. Xin chúc mừng Điềm."*

Bài thơ mang tên khác là *"Khúc hát ru"*. Điểm mới mẻ đầu tiên là có hai ngu ru em cu Tai. Tác giả và người mẹ Tà- ôi. Hai người ru, hai lời ru - Những lời ru quấn quýt, vừa nói về hiện thực, vừa nói về ước mơ, vừa ru em, nhưng cũng ca ng mẹ em. Đây là một cách tân trong kết cấu lời ru làm cho *"khúc hát"* có một sự h thanh mới lạ.

Theo những lời ru của tác giả, ta biết được mẹ em như một người lao động c mẫn. Những công việc của mẹ vừa có nét truyền thống: giã gạo, phát rẫy, lại vừa nét hiện đại đạp rừng chuyển lán. Nhưng đây không phải là công việc bình thường c người mẹ trong gia đình. Công việc ấy mang một ý nghĩa khác thường, đó là việc nh nhưng cũng là việc nước, việc kháng chiến, việc cách mạng. Giã gạo, phát rẫy, đ rừng để nuôi bộ đội, nuôi dân làng và đánh giặc. Vì thế người mẹ không chỉ là r riêng của em cu Tai, mà trở thành mẹ chiến sỹ, và cao hơn là mẹ Tổ Quốc.

Những lời ru của mẹ - *"tim hát thành lời"* đó là tình cảm của mẹ, là khát kh ước vọng của mẹ đối với con trai của mình. Điều mới ở đây là tình mẫu tử thiêng liê không phải chỉ dành cho một người con duy nhất của mẹ. Tình thương đó dành cho đội, cho dân làng, và cho đất nước. Hiện tại, tương lai gần, tương lai xa của con t đều gắn liền với dân làng với cuộc kháng chiến của cả dất nước, dân tộc.

Một khúc hát ru, nhưng là khúc hát ru hiện dại, nên không có những *"sung cl dào chua"*, không có những *"cánh cò đi đón cơn mưa"* trong cơn dông tối tăm mù m Cũng không có những hình ảnh tươi đẹp của cuộc sống thanh bình. Hiện ra trong kh hát ru là nỗi gian khổ, vất vả, nhọc nhằn: *mồ hôi mẹ rơi, vai mẹ gầy nhấp nhô.*

Hiện ra trong khúc hát ru còn là tấm lưng của mẹ. Lưng đưa nôi, và lưng chí là nôi. Tấm lưng trần của người mẹ Tà- ôi gắn chặt với con trai trong mọi công vi vất vả nặng nhọc, tấm lưng ấy nhỏ, không to như lưng núi, nhưng bền bỉ như lưng n và kiêu hãnh hơn lưng núi vì con trai - mặt trời của mẹ nằm ở trên lưng. Và sau l *"Từ trên lưng mẹ - em đến chiến trường"*. Đến đây ta bỗng hiểu vì sao Nguyễn Kh Điềm đặt tên cho khúc hát ru là *"Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"*. Pl chăng mẹ đã dùng tấm lưng làm nôi nuôi dưỡng những dũng sĩ cho cuộc kháng chi của dân tộc, và gánh chịu tất cả nỗi vất vả gian lao để giành chiến thắng. Người Tà- ôi, người mẹ Việt Nam mãi mãi là nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà thơ ngợi. *"Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"* là một giai điệu dẹp trong bản g hưởng lớn về người mẹ ấy.

Vũ Nho

BÀI SỐ 119

Đề bài: Phân tích bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm.

Viết về bà mẹ Việt Nam trong thời kì chống Mĩ, bài thơ *"Khúc hát ru những em lớn trên lưng mẹ"* của Nguyễn Khoa Điềm là một bài thơ độc đáo và rất hay. Nó đã ược phổ nhạc thành ca khúc từng làm rung động hàng triệu trái tim.

Bà mẹ được nói đến là bà mẹ người Tà-ôi có một tình thương mênh mông: ương con, thương làng đói, thương bộ đội, thương đất nước. Bài thơ có ba khúc ca ược sáng tạo theo âm điệu dân ca, điệu ru con của đồng bào Tà-ôi trên miền núi Trị iên. Mở đầu mỗi khúc ca là một điệp khúc ngọt ngào tha thiết:

"Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi !
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ..."

Có lúc như vỗ về yêu thương. Tình mẹ hay tấm lòng nhà thơ:

"Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi..."

1. Khúc ca thứ nhất là tiếng ru khi mẹ địu con giã gạo:

"Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời".

Tiếng ru con *"nghiêng"* theo nhịp chày làm cho giấc ngủ em cu Tai cũng *ghiêng"* theo. Con như đang chia sẻ sự vất vả của mẹ. Má em cũng *"nóng hổi"* vì o mồ hôi mẹ tuôn rơi. Hàng loạt hình ảnh hoán dụ (mồ hôi, má, vai, lưng, tim) được dụng rất *"đắt"* để thể hiện trái tim yêu thương mênh mông của người mẹ nghèo. ưng mẹ là chiếc nôi để con lớn lên. Tim mẹ dạt dào tình mẫu tử, đã *"hát thành lời"*. ạt gạo hậu phương là *"hạt vàng làng ta"*; hạt gạo của mẹ nặng tình nặng nghĩa, rất ing tự hào:

"Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội"

2. Khúc ca thứ hai là tiếng ru khi mẹ tỉa bắp trên núi Ka-lưi. Người mẹ cần cù đảm đang vừa địu con, vừa làm rẫy. So sánh *"lưng núi"* với *"lưng mẹ"* nhằm khẳng nh đức tính kiên nhẫn, chịu đựng gian khổ của người mẹ nghèo:

"Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ".

"Mặt trời" trong thơ Nguyễn Khoa Điềm là một hình ảnh ẩn dụ nói lên tình thương, ềm tự hào của mẹ đối với cu Tai, vì em là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mẹ:

"Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng".

Mẹ nhân hậu, lòng mẹ bao la mang nặng tình nhà nghĩa xóm:

"Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói".

Thời kháng chiến *"hạt gạo cắn đôi, hạt muối chia đều"* là thế.

3. Khúc ca thứ ba, nhịp điệu vang lên dồn dập. Đó là lúc *"Thằng Mĩ đuổi ta ải rời con suối"*, dồn đồng bào Tà- ôi vào chỗ chết, mẹ địu con khi đang *"chuyển n"* và *"đạp rừng"*. Cả gia đình mẹ cùng ra trận, mang tầm vóc anh hùng:

*"Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn".*

Khúc ca thứ ba là khúc ca chiến đấu. *"Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh"* là truyền thống anh hùng của người phụ nữ Việt Nam. ở đây, người mẹ địu con ra trận, đi tiếp tế, đi tải đạn vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước:

"Mẹ thương a-kay, mẹ thương đất nước".

4. Trong bài thơ, Nguyễn Khoa Điềm ba lần nói lên giấc mơ đẹp của con thơ:

*" - Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần.
- Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều.
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi.
- Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do..."*

Đó là giấc mơ tình thương, giấc mơ về ấm no, hạnh phúc, giấc mơ chiến thắng.

Bài thơ *"Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"* xứng đáng là bài ca lòng mẹ Việt Nam. Mọi đứa con chỉ có thể lớn lên bằng dòng sữa, bằng lời ru, tình thương của mẹ. Bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm là tượng đài tráng lệ về bà mẹ Việt Nam *"Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang"*. Nó nhắc nhở mỗi chúng ta ghi sâu trong lòng tình cảm kính yêu và biết ơn người mẹ hiền của mỗi chúng ta, tự hào về bà mẹ Việt Nam.

BÀI SỐ 120

Đề bài: Cảm nhận đoạn thơ sau trong bài "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm:

***..."Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!
...Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng...".***

Đây là khúc hát ru thứ hai trong bài thơ "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*" của Nguyễn Khoa Điềm. Hai câu thơ sau ba lần vang lên trong bài thơ; điệp khúc ấy là tiếng vỗ về yêu thương em Cu Tai:

*"Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi !
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ".*

Người mẹ Tà-ôi vừa địu con, vừa làm rẫy tỉa bắp. Núi Ka-lưi hùng vĩ thuộc dãy Trường Sơn, ở miền Tây hai tỉnh Trị - Thiên. Một so sánh tương phản: "*lưng núi thì to*", "*lưng mẹ thì nhỏ*" nhằm ca ngợi đức tính cần cù, tần tảo, đảm đang của người mẹ nghèo, người dân tộc:

*"Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ".*

Mẹ vất vả tỉa bắp nuôi con để phục vụ kháng chiến. Tình thương của mẹ bao la : "*Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói*". Như một lời nhắc khẽ vỗ về. Như một tiếng nói hồn hậu, cảm thông: "*Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ*"...

"*Mặt trời*" là một hình ảnh được nói đến nhiều trong ca dao, dân ca, trong thi ca dân tộc. Ở đây, Nguyễn Khoa Điềm đã so sánh, ẩn dụ sáng tạo qua cặp câu thơ song hành để nói lên một liên tưởng đẹp, giàu ý nghĩa thẩm mỹ:

"Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng"

"Mặt trời của bắp" là mặt trời của thiên nhiên vĩnh hằng, đem ánh sáng và sự sống cho muôn loài, đem lại sự tốt tươi cho lúa, ngô, khoai... Từ mặt trời vũ trụ, nhà thơ liên tưởng đến "mặt trời của mẹ", đó là em Cu Tai. Em là con yêu, là hạnh phúc, niềm tự hào của mẹ. Em là nguồn sống, nguồn hạnh phúc, niềm tự hào của mẹ. Ca ngợi lòng mẹ, tình thương con của mẹ, câu thơ Nguyễn Khoa Điềm bình dị mà thấm thía biết bao! Đứa con là "mặt trời của mẹ", một ẩn dụ rất sáng tạo làm rung động lòng người:

"Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng".

Thế mới biết, thơ hay là thơ nói được một tình cảm đẹp.

BÀI SỐ 121

Đề bài: Bình giảng bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.

Nguyễn Duy thuộc thế hệ làm thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Vừa mới xuất hiện, Nguyễn Duy đã nổi tiếng với bài thơ *"Tre Việt Nam"*. Bài *"Hơi ấm ổ rơm"* của anh đã từng đoạt giải thưởng báo Văn nghệ. Hiện nay, Nguyễn Duy vẫn tiếp tục sáng tác. Anh viết đều và khỏe. *"Ánh trăng"* là một trong những bài thơ của anh được nhiều người ưa thích bởi tình cảm chân thành, sâu sắc, tứ thơ bất ngờ mới lạ.

Hai khổ thơ đầu tác giả nhắc đến những kỉ niệm đẹp:

"Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ."

Trăng gắn bó với tác giả ngay từ thời thơ ấu. Trăng gắn với đồng ruộng, dòng sông, biển cả. Dù ở đâu, đi đâu trăng cũng ở bên cạnh. Nhưng phải đến khi ở rừng nghĩa là lúc tác giả sống trên tuyến đường Trường Sơn xa gia đình, quê hương vầng trăng mới thành *"tri kỉ"*. Trăng với tác giả là đôi bạn không thể thiếu nhau. Trăng chia ngọt sẻ bùi, trăng đồng cam cộng khổ.

Tác giả khái quát vẻ đẹp của trăng, khẳng định tình cảm yêu thương, quý trọng của mình đối với trăng:

"Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa."

Trăng có vẻ đẹp vô cùng bình dị, một vẻ đẹp không cần trang sức, đẹp một cách vô tư, hồn nhiên. Trăng tượng trưng vẻ đẹp thiên nhiên nên trăng hoà vào thiên nhiên, hòa vào cây cỏ. *"Vầng trăng tình nghĩa"* bởi trăng từng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, bởi trăng là người bạn, tri âm, tri kỉ như tác giả đã nói ở trên.

Ấy thế mà có những thời gian tác giả tự thú là mình đã lãng quên cái *"vầng trăng tình nghĩa"* ấy:

"Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường."

Trước đây, tác giả sống với sông, với bể, với rừng, bây giờ môi trường sống đã thay đổi. Tác giả về sống với thành phố. Đời sống cũng thay đổi theo, *"quen ánh điện, cửa gương"*. *"ánh điện"*, *"cửa gương"* tượng trưng cho cuộc sống sung túc, đầy đủ sang trọng... dần dần *"cái vầng trăng tình nghĩa"* ngày nào bị tác giả lãng quên. *"Vầng trăng"* ở đây tượng trưng cho những tháng năm gian khổ. Đó là tình bạn, tình đồng chí được hình thành từ những năm tháng gian khó ấy. *"Vầng"* bây giờ thành *"người dưng"*. Con người ta thường hay đổi thay như vậy. Bởi thế người đời vẫn thường nhắc nhau: *"ngọt bùi nhớ lúc đắng cay"*. Ở thành phố vì quen với *"ánh điện, cửa gương"*, quen với cuộc sống đầy đủ tiện nghi nên người đời không thèm để ý đến *"vầng trăng"* từng là bạn tri kỉ một thời.

Phải đến lúc toàn thành phố mất điện:

"Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn."

"Vầng trăng" xuất hiện thật bất ngờ, khoảnh khắc ấy, phút giây ấy.... tác giả, bàng hoàng trước vẻ đẹp kì diệu của vầng trăng. Bao nhiêu kỉ niệm xưa bỗng ùa về làm tác giả cứ *"rưng rưng"* nước mắt:

"Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông, là rừng".

Nguyễn Duy gặp lại ánh trăng như gặp lại người bạn tuổi thơ, như gặp lại người bạn từng sát cánh bên nhau trong những tháng năm gian khổ. Tác giả không giấu được niềm xúc động mãnh liệt của mình. *"Vầng trăng"* nhắc nhở tác giả đừng bao giờ quên những tháng năm gian khổ ấy, đừng bao giờ quên tình bạn, tình đồng chí đồng đội, những người đã từng đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi trong những tháng năm chiến đấu đầy gian lao thử thách.

Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về *"vầng trăng tình nghĩa"* một thời:

"Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình..."

Trăng vẫn thủy chung mặc cho ai thay đổi, vô tình với trăng. Trăng bao dung và độ lượng biết bao! Tấm lòng bao dung độ lượng ấy *"đủ cho ta giật mình"* mặc dù trăng không một lời trách cứ. Trăng tượng trưng cho phẩm chất cao quý của nhân dân, trăng tượng trưng cho vẻ đẹp bền vững của tình bạn, tình chiến đấu trong những tháng năm *"không thể nào quên"*.

"Ánh trăng" của Nguyễn Duy gây được nhiều xúc động đối với nhiều thế hệ độc giả bởi cách diễn tả bình dị như những lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc nhở chân thành. Giọng thơ trầm tĩnh, sâu lắng. Tứ thơ bất ngờ, mới lạ. *"ánh trăng"* còn mang ý nghĩa triết lí về sự thủy chung khiến người đọc phải *"giật mình"* suy nghĩ, nhìn lại chính mình để sống đẹp hơn, nghĩa tình hơn.

Linh Giang

Bài số 122

Đề bài: Phân tích bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.

"Cát trắng" và *"Ánh trăng"* là hai tập thơ của Nguyễn Duy, nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Một hồn thơ tươi trẻ tỏa mát bóng tre, như con sóng vỗ dòng sông thơ ấu phảng phất hương vị đồng quê:

"Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
Níu váy bà đi chợ Bình Lâm
Bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
Và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trấn".

(Đò Lèn)

"Tre Việt Nam", "Hơi ấm ổ rơm", "Ánh trăng", "Đò Lèn"... là những bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Duy. Bài thơ *"Ánh trăng"* rút trong tập thơ cùng tên, được tác giả viết vào năm 1978, tại thành phố Hồ Chí Minh, 3 năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Bài thơ như một lời tâm sự chân thành: *Vầng trăng không chỉ là vẻ đẹp thiên nhiên đất nước mà nó còn gắn bó với tuổi thơ, với những ngày kháng chiến gian khổ. Vầng trăng đối với mỗi chúng ta không bao giờ có thể quên và đừng vô tình lãng quên.*

Nếu như trong bài thơ *"Tre Việt Nam"* câu thơ lục bát có khi được tách ra thành 2 hoặc 3 dòng thơ để tạo nên hiệu quả nghệ thuật biểu đạt gây ấn tượng thì ở bài thơ *"Ánh trăng"* này lại có một nét mới. Chữ đầu của dòng thơ, câu thơ không viết hoa. Phải chăng nhà thơ muốn cho cảm xúc được dào dạt trôi theo dòng chảy của thời gian, kỉ niệm?

Hai khổ thơ đầu nói về vầng trăng của tuổi thơ và vầng trăng thời chiến tranh. Vầng trăng tuổi thơ trải rộng trên một không gian bao la: *"Hồi nhỏ sống với đồng - với sông rồi với bể"*. Hai câu thơ 10 tiếng, gieo vần lưng (đồng - sông); từ *"với"* được điệp lại 3 lần nhằm diễn tả một tuổi thơ đi nhiều, được hạnh phúc cảm nhận những vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên, từng được ngắm trăng trên đồng quê, ngắm trăng trên dòng sông và ngắm trăng trên bãi bể. Tuổi thơ của chúng ta dễ có mấy ai được cái cơ may ấy như nhà thơ ? Thuở bé nhà thơ Trần Đăng Khoa cũng chỉ được ngắm trăng nơi sân nhà: *"Ông trăng tròn sáng tỏ - Soi rõ sân nhà em... Chỉ có trăng sáng tỏ - Soi rõ sân nhà em..."* (Trăng sáng sân nhà em).

Tuổi thơ được ngắm trăng thích thế, như một chút hoài niệm xa vời. Hai câu thơ tiếp theo nói về hồi máu lửa, trăng với người lính, trăng đã thành *"tri kỉ"*:

"Hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ."

"Tri kỉ": biết người như biết mình; bạn tri kỉ là người bạn rất thân, hiểu biết mình. Trăng với người lính, với nhà thơ trong những năm ở rừng thời chiến tranh đã trở thành *đôi bạn tri kỉ* - Người chiến sĩ nằm ngủ dưới trăng *"Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm"* (Hồ Chí Minh). Giữa rừng khuya sương muối, người chiến sĩ đứng chờ giặc tới *"Đầu súng trăng treo"* (Chính Hữu). Nẻo đường hành quân của người chiến sĩ nhiều đêm đã trở thành *"nẻo đường trăng dát vàng"*. Trăng đã chia sẻ ngọt bùi hân hoan trong niềm vui thắng trận với người lính tiền phương. Đất nước trải qua những năm dài máu lửa, trăng với anh bộ đội đã vượt lên mọi tàn phá hủy diệt của bom đạn quân thù:

"Và vầng trăng, vầng trăng Đất nước
Vượt qua quầng lửa, mọc lên cao".

(Phạm Tiến Duật)

Các tao nhân ngày xưa thường *"đăng lâu vọng nguyệt"*, còn anh bộ đội Cụ H một thời trận mạc đã nhiều phen đứng trên đồi cao, hành quân vượt núi cũng say sư ngắm vành trăng cao nguyên. Thật là thú vị khi đọc vần thơ trăng Nguyễn Duy vì r đã mở ra trong lòng nhiều người một trường liên tưởng: *"hồi chiến tranh ở rừng - vầ trăng thành tri kỉ"*.

Khổ thơ thứ hai như một lời nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian la đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. L một vần lưng nữa xuất hiện - Một ẩn dụ so sánh làm nổi bật chất trần trụi, chất hồ nhiên người lính những năm tháng ở rừng. Đó là cốt cách của các anh:

"Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ

Vầng trăng là biểu tượng đẹp của những năm tháng ấy, đã trở thành *"vầng trăn tri kỉ"*, *"vầng trăng tình nghĩa"* ngỡ như không bao giờ có thể quên. Một ý thơ là động đến đáy tâm hồn, như một sự thức tỉnh lương tâm đối với những kẻ vô tìn *"Ngỡ không bao giờ quên - Cái vầng trăng tình nghĩa"*.

Sự thay đổi của lòng người thật đáng sợ. Hoàn cảnh sống đổi thay, con người thay đổi, có lúc dễ trở nên vô tình, có kẻ dễ trở thành *"ăn ở bạc"*. Từ ở rừng, sau chiế thắng về thành phố, được trưng diện và xài sang: ở buynh đinh, cao ốc, quen ánh điệ cửa gương... Và *"vầng trăng tri kỉ"*, *"vầng trăng tình nghĩa"* đã bị người *lãng quê dửng dưng*. Cách so sánh thấm thía làm chột dạ nhiều người:

"Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường."

Trăng được nhân hóa, lặng lẽ đi qua đường, trăng như người dưng đi qua, chẳn còn ai nhớ, chẳng còn ai hay. Người có lương tâm, lương tri mới biết sám hối. Bi sám hối để tự hoàn thiện nhân cách, tự vươn lên, hướng tâm hồn về ánh sáng và c cao cả. Không dao to búa lớn, không đại ngôn, mà trái lại, giọng thơ thầm thì như t chuyện, giãi bày tâm sự, nhà thơ đang trò chuyện với mình. Chất trữ tình của thơ trở nên sâu lắng, chân thành.

Cũng như dòng sông có thác ghềnh, có quanh co, uốn khúc. Cuộc đời cũng nhiều biến động lí kì. Ghi lại một tình huống *"cuộc sống thị thành"* của những co người mới ở rừng về thành phố, nhà thơ chỉ sử dụng 4 câu thơ 20 từ. Các từ *"thìn lình"*, *"vội"*, *"đột ngột"* gợi tả tình thái đầy biểu cảm. Có nhà triết học nói: *"Cuộc đ dạy ta nhiều hơn trang sách"*. Vần thơ của Nguyễn Duy nói với ta rất nhiều:

"Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn."

Trăng xưa đã đến với người, vẫn *"tròn"*, vẫn *"đẹp"*, vẫn thủy chung với mọi ngườ mọi nhà, với thi nhân, với người lính. Người ngắm trăng rồi suy ngẫm bâng khuâng:

"Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông, là rừng".

Nguyễn Tuân từng coi trăng là *"cố nhân"*, nhà thơ Xuân Diệu, trong bài *guyệt cầm"* viết cách đây 60 năm cũng có câu: *"Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng in"*. Trở lại với tâm trạng người lính trong bài thơ này. Một cái nhìn đầy áy náy xót *"Ngửa mặt lên nhìn mặt"*. Hai chữ *"mặt"* trong vần thơ: mặt trăng và mặt người ng *"đối diện đàm tâm"*. Trăng chẳng nói, trăng chẳng trách thế mà người lính cảm ìy *"có cái gì rưng rưng"*. *"Rưng rưng"* nghĩa là vì xúc động, nước mắt đang ứa ra, khóc. Giọt nước mắt làm cho lòng người thanh thản lại, trong sáng lại, cái tốt lành lộ. Bao kỉ niệm đẹp một đời người ùa về, tâm hồn gắn bó, chan hòa với thiên nhiên, vầng trăng xưa, với đồng, với bể, với sông, với rừng, với quê hương đất nước. Cấu c câu thơ song hành, với biện pháp tu từ so sánh, với điệp từ (là) cho thấy ngòi bút a Nguyễn Duy thật tài hoa:... *"như là đồng, là bể - như là sông, là rừng"*. Đoạn thơ y ở chất thơ bộc bạch chân thành, ở tính biểu cảm, ở tính hình tượng và hàm súc, từ ôn ngữ hình ảnh đi vào lòng người, khắc sâu điều nhà thơ muốn tâm sự với chúng ta ột cách nhẹ nhàng mà thấm thía.

Khổ thơ cuối bài thơ *mang tính hàm nghĩa độc đáo*, đưa tới chiều sâu tư tưởng ết lí:

"Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình"

"Tròn vành vạnh" là trăng rằm, một vẻ đẹp viên mãn. *"Im phăng phắc"* là im ư tờ, không một tiếng động nhỏ. Vầng trăng cứ tròn đầy và lặng lẽ *"kể chi người vô h"* là biểu tượng của sự bao dung độ lượng, của nghĩa tình thuỷ chung trọn vẹn ng sáng mà không hề đòi hỏi đền đáp. Đó cũng chính là phẩm chất cao cả của nhân n mà Nguyễn Duy cũng như nhiều nhà thơ cùng thời đã phát hiện và cảm nhận một ch sâu sắc trong thời kì chiến tranh chống Mĩ.

"Ánh trăng" là một bài thơ hay. Thể thơ năm chữ được vận dụng sáng tạo, tài a. Sự phong phú vần điệu, ngôn ngữ trong sáng, giọng thơ tâm tình vừa hướng nội a hướng ngoại. Nhà thơ tâm sự với người đọc những sâu kín nhất nơi lòng mình. ất triết lí thâm trầm được diễn tả qua hình tượng *"ánh trăng"* đã tạo nên giá trị tư ởng và nghệ thuật của bài thơ. Không nên sống vô tình. Phải thủy chung trọn vẹn. ải nghĩa tình sắt son với bạn bè, đồng chí, với nhân dân - đó là điều mà Nguyễn ıy nói thật hay, thật cảm động qua bài thơ này.

BÀI SỐ 123

Đề bài: Tóm tắt truyện "Làng" của Kim Lân.

Làng Dầu là quê hương bản quán của ông Hai. Là một nông dân nghèo khổ, ới thời Pháp thuộc, ông Hai đã từng bị bọn hương lí trong làng truất ngôi trừ ngoại, ải xiêu dạt lang thang kiếm sống, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn, mười ấy năm trước mới lần hồi trở về quê quán.

Ông Hai hay làm, không mấy lúc chịu ngơi tay, không đi cày đi cuốc, gánh ân tát nước thì ông đan rổ rá hay chữa lại cái chuồng gà, cạp lại tấm liếp.

Ông Hai lại có tính hay khoe cái làng Dầu của ông. Nào là nhà ngói san sát, m uất như tỉnh. Nào là đường trong làng toàn lát đá xanh... Nào là làng ông có cái ıh phần của viên tổng đốc, cái dinh cơ ấy *"lăm lăm là của; vườn hoa, cây cảnh nom ư động ấy"*.

Nhưng từ ngày khởi nghĩa, ông Hai không bao giờ đả động đến cái làng ấy nữa, ng thù nó. Xây cái lăng ấy, cả làng phải phục dịch, còn ông thì bị một chồng gạch đổ ım bại một bên hông, đến nay cái chân vẫn còn đi khấp khểnh. Bây giờ khoe làng, ng Hai lại khoe khác. Khoe những ngày khởi nghĩa dồn dập, những buổi tập quân sự ó các cụ phụ lão râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai. Khoe làng Dầu có hiều hố, ụ, những giao thông hào. Những công trình ở xóm Ba Khu, ở Ngõ Mái... hông để đâu hết. Ông khoe cái làng Dầu có phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa, ộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre.

Kháng chiến bùng nổ, bà con làng Dầu đi tản cư. Nhưng ông Hai vẫn ở lại làng ùng anh em đào đường, đắp ụ... Trong lúc hữu sự, ông không nỡ bỏ làng ra đi. Nhưng ồi gia cảnh gieo neo, ba đứa con dại, một mình bà Hai xoay xỏa nơi tản cư, vốn liếng ıi không có, ông Hai bất đắc dĩ phải nghe theo lời khẩn khoản của vợ để ra đi. Ông uồn khổ lắm, chỉ biết tự an ủi: "*Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được, thì tản ư âu cũng là kháng chiến*".

Đến nơi tản cư, ông Hai buồn khổ, bực bội vô cùng. Ông trở nên ít nói, ít cười, ay cáu gắt. Ông sợ mụ chủ nhà, một người đàn bà lành chanh lành chói, đã lấy đến a đời chồng, rất tham lam, tinh quái. Ông Hai nhớ làng, ông chỉ còn biết khoe làng ới bác Thứ; ông chỉ còn có niềm vui đi đến phòng thông tin nghe đọc báo. Ông giả ờ đứng xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Tin chiến sự đánh Tây, giết 'ây làm cho "*ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!*"

Nhưng rồi cái tin dữ "*cả cái làng Dầu Việt gian theo Tây*" từ miệng những gười đàn bà tản cư nói ra làm cho ông Hai "*nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân*". 'iệt gian từ thằng chủ tịch,... cả làng vác cờ thần ra hoan hô giặc,... thằng chánh Bệu huân cả tủ chè, đỉnh đồng, đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh... Ông Hai cay ắng nguyền rủa cái giống Việt gian bán nước. Có lúc ông lại băn khoăn, ngờ ngợ: hả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế... họ toàn là những người có tinh thần cả mà. lhưng thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi.

Chiều hôm ấy, bà Hai đi chợ về cũng uể oải, bần thần. Cả gian nhà lặng đi, hiu ắt. Suốt đêm ông Hai thao thức, nằm thở dài, chân tay nhũn ra. Ba, bốn hôm sau, ông lai không dám bước chân ra đến ngoài. Ông sợ mụ chủ nhà, nhất là khi nghe mụ đưa n về cái làng Dầu "*đi Việt gian theo Tây*", có lệnh "*đuổi hết những người làng chợ)ầu khỏi vùng này không cho ở nữa*". Vợ con khóc, ông Hai ngồi lặng ở một góc ıường. Ông lo lắng biết đem nhau đi đâu bây giờ? Ông nghĩ ngợi. Có lúc ông nghĩ *hay là quay về làng?*" Có lúc, ông lại phản đối: Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ lồ. Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Ông chỉ còn biết ôm on thơ vào lòng mà tâm sự. Khi nghe thằng cu Húc nói: "*ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!*" thì nước mắt ộng giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má.

Cái tin dữ được cải chính. Ông Hai đi từ chiều mãi đến sẩm tối mới về. Ông ıơi vui, rạng rỡ hẳn lên, mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy.)ng mua bánh rán đường cho các con. Gặp ai ông cũng nói về cái tin làng Dầu Việt ian theo Tây "*toàn là sai sự mục đích cả!*" Tối hôm ấy, ông lại sang bên gian nhà ác Thứ, ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng)ầu, chuyện Tây khủng bố, chuyện dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, huyện nhà ông bị Tây đốt,... rành rọt, tỉ mỉ như chính ông vừa dự trận đánh giặc ấy ong thật.

BÀI SỐ 124

Đề bài: Phân tích truyện "Làng" của Kim Lân.

Kim Lân là nhà văn hiện đại có một vốn sống vô cùng sâu sắc về nông thôi Việt Nam. Những thú chơi dân dã mang cốt cách *"phong lưu đồng ruộng"* như th diều, chọi gà, nuôi chó săn, thả chim bồ câu, chơi núi non bộ, gánh hát chèo, trẩy hộ mùa xuân, v.v... được ông viết rất hay và cho ta nhiều thú vị. Ông là một trong những cây bút truyện ngắn xuất sắc mang hương đồng gió nội qua hai tác phẩm: *"Con ch xấu xí"* và *"Nên vợ nên chồng"*.

Viết về đề tài nông dân và kháng chiến, truyện *"Làng"* của Kim Lân thành công hơn cả. Nhân vật chính của truyện là ông Hai đã để lại trong lòng em nhiều ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ.

Ông Hai là một lão nông, cần cù chất phác, giàu lòng yêu quê hương đất nước Ông gắn bó với cách mạng, quyết tâm đi theo kháng chiến, trung thành tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Cụ Hồ Chí Minh.

Cũng như hàng triệu người nông dân khác, ông Hai là một con người cần c chất phác rất đáng yêu. Ông hay lam hay làm, *"ở quê ông làm suốt ngày, không mấ lúc chịu ngơi chân ngơi tay"*. Đi cày, đi cuốc, gánh phân, tát nước, đan rổ, đan rá,. ông đều làm khéo, làm giỏi.

Ông Hai đã sống qua hai chế độ, trước kia ông mù chữ, sau nhờ Cách mạng m ông được học *"Bình dân học vụ"*, biết đánh vần. Kim Lân đã kể rất hay về tình yê làng của ông Hai. *"Làng ta phong cảnh hữu tình"*... không yêu làng sao được ? Cá làng Dầu vốn là nơi chôn nhau cắt rốn của ông, *"nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh"* *"đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa trời gió tha hồ đi khắp đầu làng cuố xóm, bùn không dính đến gót chân"*...Ông Hai yêu làng mình với tất cả tấm lòng củ một người dân quê chất phác.

Trước kia, ông Hai rất lấy làm tự hào về cái sinh phần quan tổng đốc làng ông Đi đâu ông cũng khoe, gặp ai ông cũng khoe *"cái dinh cơ cụ thượng làng tôi có lắm lắm là của. Vườn hoa cây cảnh nom như động ấy..."*. Ông yêu làng Dầu với tất cả s hồn nhiên, ngây thơ của người ít học. Ông đã mang thương tật trên mình khi bị bắ làm phu xây cái lăng ấy ! Đáng lẽ ông không nên khoe, không nên *"hả hê cả lòng"* Nỗi đau, nỗi nhục của một đời người nói làm gì nữa cho thêm phần nhục nhã ? Nhắ lại chuyện xưa, cũ ấy của ông Hai, Kim Lân đã viết với một giọng văn châm biếm nh nhàng. Từ ngày cách mạng thành công, ông Hai vẫn yêu làng, yêu với tất cả tình cả trong sáng, chân thành. Ông đã có nhiều thay đổi về mặt nhận thức. Ông không bao gi còn *"đả động"* đến *"cái sinh phần"* ấy nữa, ông biết *"thù nó"* đến tận tim gan. Ông yêu cá làng Dầu kháng chiến với tất cả niềm kiêu hãnh cao cả ! Cái làng Dầu của ông *"có cá phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằn ngọn tre, chiều chiều loa gọi cả làng đều nghe thấy"*. Ông khoe làng mình *"những ngà khởi nghĩa rầm rập"*, các cụ phụ lão râu tóc bạc phơ vác gậy đi tập quân sự, *"nhất l những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông thì lắm công trình không để dâ hết !"*. Có thể nói, từ ngày đi tản cư, phải xa làng thân yêu, bao nỗi buồn vui của quá kh và hiện tại chứa chất trong lòng ông bao tâm sự. Dưới ngòi bút của Kim Lân, ông Hai, mộ người nông dân *yêu làng, yêu nước, hiền lành, chất phác*... hiện lên một cách chân thực, t thấy gần gũi, bình dị và đáng yêu lắm. Tình yêu làng, tình yêu quê hương là một tron những tình cảm sâu sắc nhất của người dân cày Việt Nam.

Quyết tâm kháng chiến, tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch cũng là một nét rất đẹp trong tư tưởng, tình cảm của ông Hai. Kháng chiến thì khắp nơi *"Ruộng rẫy là chiến trường. Cuốc cày là vũ khí. Nhà nông là chiến sĩ!"*. Vợ con đi tản cư, nhưng ông Hai vẫn ở lại cùng với đội du kích *"di đào đường đắp ụ"* để bảo vệ cái làng Dầu thân yêu. Khi hoàn cảnh gia đình neo bấn, vợ con thúc bách, cực chẳng đã phải xa quê hương, ông tự an ủi mình: *"Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được thì tản cư âu cũng là kháng chiến!"*.

Xa làng rồi nhớ làng, tính nết ông Hai có phần thay đổi. Ông ít nói ít cười, lầm lầm lì lì, thậm chí cáu gắt, chửi bới vợ con. Ông vô cùng đau khổ: *"Chúng mày làm khổ ông ! Chúng mày làm khổ ông vừa vừa chứ ! Ông thì giết hết, ông thì giết hết!"*. Chúng ta cảm thông với *"tâm sự"* u ẩn của ông, thương ông lắm!

Trong lúc ông Hai đang hồ hởi với những chiến tích kháng chiến, những gương dũng cảm anh hùng của quân và dân ta thì ông như bị sét đánh về cái tin *"dữ"* cả làng Dầu *"Việt gian theo Tây"*..., *"vác cờ thần ra hoan hô"* lũ giặc cướp! Ông tủi nhục cúi gằm mặt mà đi, nằm vật ra giường như bị ốm nặng, nước mắt cứ tràn ra, có lúc ông chửi thề một cách chua chát ! Ông sống trong bi kịch triền miên. Vợ con vừa buồn vừa sợ. *"Gian nhà lặng đi, hiu hắt"*. Ông sợ mụ chủ nhà... có lúc ông nghĩ quẩn *"hay là quay về làng"*... nhưng rồi ông lại kiên quyết: *"Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù !"*. Kim Lân rất sâu sắc và tinh tế miêu tả những biến thái vui, buồn, lo, sợ... của người nông dân về cái làng quê của mình. Họ đã yêu làng trong tình yêu nước, đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng. Đó là một bài học vô cùng quý giá và sâu sắc của ông Hai đem đến cho mỗi chúng ta !

Cuộc đối thoại giữa hai bố con ông Hai là một tình tiết cảm động và thú vị:

... - *"À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?"*

- *"Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!"*

Nghe con ngây thơ nói mà nước mắt ông chảy ròng ròng trên hai má... Lòng trung thành của cha con ông, của hàng triệu nông dân Việt Nam đối với lãnh tụ là vô cùng sâu sắc, kiên định. Vẻ đẹp tâm hồn ấy của họ rất đáng tự hào, ngợi ca.

Vì thế, khi cái tin thất thiệt *"cả cái làng Dầu Việt gian theo Tây"* được cải chính thì ông Hai là người sung sướng nhất. Ông *"tươi vui, rạng rỡ hẳn lên"*, *"mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ..."*. Ông mua quà cho con. Ông chạy sang nhà bác Thứ để *"khoe"* cái tin làng Dầu đánh giặc, nhà ông bị Tây đốt. Tự hào lắm chứ ! Người đọc như được san sẻ niềm vui sướng cùng ông.

Gấp trang sách lại, chúng ta bồi hồi xúc động về tình yêu làng của ông Hai, về nghệ thuật kể chuyện tạo tình huống hấp dẫn, hồi hộp của nhà văn Kim Lân. Những phẩm chất tốt đẹp của ông Hai như cần cù lao động, chất phác, yêu quê hương đất nước... tiêu biểu cho bản chất cao quý, trong sáng của người dân cày Việt Nam. Chính họ đã đổ mồ hôi làm nên những bát cơm đầy dẻo thơm nuôi sống mọi người. Chính họ đã đem xương máu, đánh giặc *"giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín"*... (Thép Mới).

"Quê hương là chùm khế ngọt..." là niềm vui, nỗi buồn, là ước mơ đẹp của mỗi chúng ta. Quê hương đang đổi mới *"ngói hóa"*, no ấm, giàu có trong thanh bình.

Bài học sâu sắc nhất đối với em khi đọc truyện ngắn này của Kim Lân là *tình yêu quê hương đất nước, là lòng tự hào và biết ơn người dân cày Việt Nam.*

BÀI SỐ 125

***Đề bài:** Hãy nói lên cảm nghĩ về nhân vật ông Hai trong truyện "Làng" của Kim Lân.*

Kim Lân là nhà văn rất am hiểu cuộc sống của người nông dân ở nông thôn miền Bắc. Tất cả các truyện của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Truyện *"Làng"* được Kim Lân sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Nhân vật chính là ông Hai người làng chợ Dầu. Tác giả đã miêu tả khá thành công diễn biến tâm trạng của ông khi nghe tin đồn làng ông theo giặc. Qua đó, tác giả muốn ca ngợi tinh thần yêu nước của ông nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

Ông Hai là người rất tự hào về cái làng chợ Dầu của mình. Khi phải đi tản cư ông cứ nhắc đi nhắc lại với những người chung quanh cái không khí cách mạng của làng ông: *"Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai..."*. Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn mà nói liên miên về cái làng của ông. Ông nói cho sướng miệng và để cho đỡ nhớ làng chứ không chú ý người khác có nghe không ? Sau những giây phút làm việc mệt nhọc, nằm gác tay lên trán, ông lại nghĩ về làng. Ông cứ muốn về làng, muốn được *"cùng mọi người đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá..."*. Vì quá yêu, quá tự hào về cái làng của ông mà ông *"nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân"*, *"chết lặng đi tưởng như không thở được"* khi nghe tin cả làng mình theo Việt gian ! Lúc đầu ông không thể tin, ông hỏi đi, hỏi lại *"giọng ông như lạc hẳn"*: *"Liệu có thật không hở bác ?"*. Khi có người quả quyết vừa ở dưới ấy lên và nói chắc như đinh đóng cột ở làng ông *"Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi"*..., thì ông Hai không thể nghe thêm được nữa. Ông đánh trống lảng rồi đi thẳng. Văng vẳng bên tai ông tiếng người đàn bà cho con bú: *"Cha mẹ tiên sư chúng nó ! Đói khổ ăn cắp, ăn trộm bắt được người ta còn thương. Còn giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát !"*. Những lời nói ấy như những nhát dao chém vào ông, tim ông se thắt lại. Bao nhiêu câu hỏi giằng xé trong ông. Tức quá, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *"Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này !"*... Rồi ông nghĩ lại *"chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà..."*. Trong ông đang diễn ra sự giằng xé. Nửa tin, nửa ngờ.

Đêm đó, ông Hai không sao ngủ được, *"ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài"*. Khi mụ chủ nhà nói xa nói gần không chứa chấp người làng làm Việt gian, ông lão ngồi lặng đi. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn nối tiếp bời bời trong đầu ông, ông định quay về làng. Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông phản đối ngay: *"Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến"*. Nghĩ vậy nước mắt ông giàn dụa. Nhớ lại thuở xưa - thuở cuộc đời đen tối, lầm than, ông *"rợn cả người"*... Chỉ chừng ấy chi tiết, Kim Lân đã cho người đọc hiểu tình cảm của ông Hai đối với Cách mạng, đối với đất nước như thế nào. Nếu không yêu nước, không tin tưởng vào Cách mạng làm sao ông uất nghẹn, đau khổ đến như thế. Và cũng chính điều đó mà ông đã mừng rơn lên khi biết đích xác những lời kia chỉ là sự đồn đại láo toét. Ông đi tìm bác Thứ để thanh minh: *"Chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo ! Láo hết ! Toàn là sai sự mục đích cả !"*. Ông cứ lặp đi lặp lại câu *"láo hết, toàn là sai sự mục đích cả"*. Ông Hai còn múa tay lên mà khoe tin ấy với mọi người... Và tối hôm ấy, ông lại sang bên nhà bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông... Kim

Lân đã chọn được một tình huống khá độc đáo. Cách thể hiện lòng yêu nước của nhà văn cũng có nét riêng không giống với bất cứ nhà văn nào cùng thời.

Có thể nói *"Làng"* là một truyện ngắn khá hay. Thành công lớn nhất về mặt nghệ thuật là khả năng miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Đoạn ông Hai nghe tin đồn làng ông làm Việt gian đã thể hiện tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Kim Lân. Thông qua nhân vật ông Hai, tác giả muốn ca ngợi tình yêu quê hương, tình yêu đất nước, sự giác ngộ cách mạng của những người nông dân hiền lành, chất phác. Chính tình yêu quê hương đất nước, ý thức giác ngộ cách mạng ấy mà họ một lòng theo Đảng, theo Cách mạng, đứng lên giành quyền sống, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc trước mọi gian nan, thử thách.

Mai Văn Hoan

BÀI SỐ 126

Đề bài: Hãy tóm tắt truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long

Chuyến xe khách đường dài Hà Nội – Lào Cai hôm ấy có hai người khách được mời lên ghế đầu là một ông họa sĩ già và một cô kĩ sư trẻ mới ra trường. Ông họa sĩ già đi thực tế lên Lai Châu; ông đã xin anh em trong cơ quan hoãn bữa tiệc cuối tuần sau, bữa tiệc tiễn ông về hưu. Cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Ti Nông nghiệp Lai Châu. Bác lái xe đã có 32 năm công tác trên tuyến đường này, từng chở lên chở về bao nhiêu họa sĩ như Tô Ngọc Vân, Hoàng Kiệt... Câu chuyện giữa bác lái xe và ông họa sĩ già càng trở nên thân tình. Ông họa sĩ già coi cô gái như con, và hứa sẽ đưa cô đến Ti Nông nghiệp Lai Châu giao cho ông Trưởng ti hết sức giúp dỡ cô rồi mới quay về.

Khi nắng bắt đầu đốt cháy rừng cây, Sa Pa bắt đầu hiện ra với những rặng đào, những đàn bò lang cổ đeo chuông ở các đồng cỏ trong lũng, chiếc xe phải dừng sít lại, mọi người cùng kêu lên. Bác lái xe xướng to: xe nghỉ lấy nước, bà con lót dạ, nghỉ nửa tiếng. Bác lái xe nói với họa sĩ: "*Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn*". Đó là một anh thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m.

Sống một mình giữa mây mù lạnh lẽo nên anh ta rất "*thèm người*". Họa sĩ xúc động khi nhìn thấy anh thanh niên đi tới: tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ. Anh thanh niên đưa cho bác lái xe củ tam thất vừa đào được gửi biếu vợ bác lái xe vừa ốm dậy. Bác lái xe trao cho anh thanh niên gói sách mua hộ từ Hà Nội. Bác lái xe giới thiệu với anh thanh niên hai người khách quý và dặn đưa lên nhà đãi món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn.

Anh thanh niên xin phép chạy về trước. Anh đã hái một bó hoa dơn, hoa thược dược vàng, tím, đỏ... tặng cô kĩ sư trẻ. Anh giới thiệu về công việc đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây... của mình để dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Anh kể lại những đêm gió tuyết, vào lúc một giờ, một mình cầm đèn bão đi ra "*vườn*" lấy số liệu, như bị gió chặt ra từng khúc trong cái im lặng dễ sợ.

Họa sĩ dảo qua ba gian nhà sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, máy bộ đàm,... một chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách. Cô gái ngồi vào bàn lật xem bìa một cuốn sách... Anh thanh niên rót nước chè mời khách. Họa sĩ già thích thú nhấp chén trà nóng. Anh thanh niên nói lên tâm trạng của mình là rất "*thèm*" người, với bao nỗi nhớ, không phải là nhớ phồn hoa đô hội. Công việc tuy gian khổ, nhưng anh nghĩ: "*Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*" Anh cho biết thành tích của mình đã phát hiện một đám mây khô nên không quân ta hạ được nhiều máy bay phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.

Nhìn thấy họa sĩ hí hoáy kí họa, anh nói: "*Bác đừng mất công vẽ cháu!... Ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, bác hãy về Sa Pa vẽ ông ta đi, bác*". Hay anh kĩ sư lập bản đồ sét, trán cứ hói ra, đã mười một năm không một ngày xa cơ quan. Bác họa sĩ già thầm nghĩ: "*Người con trai ấy đáng yêu thật...*"

Chỉ còn lại 5 phút nữa. Anh thanh niên gửi tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Họa sĩ già hứa sẽ trở lại ở chơi ít hôm. Cô kĩ sư trẻ chìa tay cho anh thanh niên nắm với lời "*chào anh*".

Họa sĩ xách cái làn trứng, cô gái ôm bó hoa to, theo bậc cấp xuống đồi. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo. Cô gái hồi hộp, im lặng...

BÀI SỐ 127

Đề bài: Phân tích truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.

Nguyễn Thành Long (1925-1991) quê ở Quảng Nam, cây bút truyện ngắn xuất sắc, nổi tiếng với các tác phẩm như: *"Giữa trong xanh"* (1972), *"Ly Sơn mùa tỏi"* (1980)...

Truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* rút trong tập *"Giữa trong xanh"*. Truyện ca ngợi những con người sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi, hết lòng vì Tổ quốc, có trái tim nhân hậu rất đẹp.

1. *Một bức tranh thiên nhiên rất đẹp, đầy chất thơ.* Lào Cai miền Tây Bắc của Tổ quốc không hề hoang vu mà trái lại, rất hữu tình, tráng lệ. Khi xe vừa *"trèo lên núi"* thì *"mây hắt từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng"*. Trạm rừng là nơi *"con suối có thác trắng xóa"*. Giữa màu xanh của rừng, những cây thông *"rung tít trong nắng"*, những cây tử kinh *"màu hoa cà"* hiện lên đầy thơ mộng. Có lúc, cảnh tượng núi rừng vô cùng tráng lệ, đó là khi *"nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn"*. Sa Pa với những rặng đào, với đàn bò lang cổ đeo chuông... như dẫn hồn du khách vào miền đất lạ kì thú.

Trên cái nền bức tranh thiên nhiên ấy, cuộc sống của con người nơi miền tây Tổ quốc thân yêu càng thêm nồng nàn ý vị: *"nắng chiều làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo"*. Có thể nói đó là những nét vẽ rất tinh tế và thơ mộng.

2. *Con người đáng yêu nơi Sa Pa lặng lẽ.*

Bác lái xe vui tính, cởi mở, nhiệt tình với hành khách.

Ông họa sĩ già say mê nghệ thuật, *"xin anh em hoãn bữa tiệc đến cuối tuần sau"* để ông đi thực tế chuyến cuối cùng lên Lào Cai trước lúc về hưu. Lúc nào ông cũng trăn trở *"phải vẽ được một cái gì suốt đời mình thích"*.

Cô kĩ sư trẻ mới ra trường đã hăng hái xung phong lên Lào Cai công tác, bước qua cuộc đời học trò chật hẹp, bước vào cuộc sống bát ngát mới tinh, cái gì cũng làm cho cô háo hức. Cô khao khát đất rộng trời cao, cô có thể đi bất kì đâu, làm bất cứ việc gì...

Ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa suốt đời nghiên cứu và lai tạo giống su hào to củ và ngọt để phục vụ dân sinh và xuất khẩu. Đồng chí cán bộ nghiên cứu khoa học *"suốt ngày chờ sét"*, nửa đêm mưa gió hễ nghe sét là *"choáng choàng chạy ra"*, mười một năm không một ngày xa cơ quan, *"không đi đến đâu mà tìm vợ"*, lo *"làm một bản đồ sét riêng cho nước ta"*, cái bản đồ ấy *"thật lắm của, thật vô giá"*. Trán đồng chí ấy cứ hói dần đi!

Tiêu biểu nhất là anh thanh niên 27 tuổi, làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, *"một trong những người cô độc nhất thế gian"*. Anh có nhiệm vụ *"đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất"* góp phần dự báo thời tiết, phục vụ sản xuất và chiến đấu. Những đêm bão tuyết, rét ghê gớm, một mình một đèn bão ra *"vườn"* lấy số liệu vào lúc nửa đêm cả thân hình anh *"như bị gió chặt ra từng khúc"*, xong việc, trở vào nhà, *"không thể nào ngủ lại được"*. Anh đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với ý chí và nghị lực to lớn để vượt qua gian khổ và đơn độc giữa non xanh. Chí tiến thu là một nét đẹp ở anh: đọc sách, tự học. Cần cù và chịu khó: nuôi gà lấy trứng, trồng hoa... làm cho cuộc sống thêm phong phú. Rất khiêm tốn khi nói về mình, dành những lời tốt đẹp nhất ngợi ca những gương sáng nơi Sa Pa lặng lẽ. Rất hiếu khách, anh mừng rỡ, quý mến khi khách lạ đến chơi. Một bó hoa đẹp tặng cô kĩ sư trẻ, một làn trứng gà tươi biếu ông họa sĩ già, một củ tam thất gửi biếu vợ bác lái xe mới ốm dậy... là biểu hiện của một tấm lòng yêu thương, đối xử chân tình với đồng loại. Anh sống và làm việc vì lí tưởng cao đẹp, vì quê hương đất nước thân yêu, như anh thổ lộ với ông họa sĩ già: *"Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc ?"*. Vì thế sau khi vẽ xong chân dung anh cán bộ khí tượng, họa sĩ nghĩ về anh: *"Người con trai ấy đáng yêu thật..."*.

Tóm lại, những nhân vật trên đây là hình ảnh những con người mới đã sống đẹp, giàu tình nhân ái, hết lòng phục vụ đất nước và nhân dân. Sống nơi lặng lẽ non xanh nhưng họ chẳng lặng lẽ chút nào! Trái lại, cuộc đời của họ vô cùng sôi nổi, đầy tâm huyết và giàu nhiệt tình cách mạng. Đúng như Bác Hồ đã nói: *Mỗi người tốt, việc tốt là một bông hoa đẹp. Dân tộc ta là một rừng hoa đẹp.* Nhà văn Nguyễn Thành Long đã dành những lời tốt đẹp nhất nói về những con người đang sống và cống hiến giữa Sa Pa lặng lẽ. Mỗi người nơi non xanh ấy là một gương sáng, là một bông hoa ngát hương.

Truyện *"Lặng lẽ Sa Pa"* là một bài thơ bằng văn xuôi rất trong sáng, trữ tình. Trên cái nền tráng lệ của thiên nhiên rừng, suối Sa Pa hiện lên bao con người đáng yêu. Mỗi người chỉ một vài nét vẽ mà tác giả đã lột tả được tâm hồn, tính cách, dáng vẻ của họ. Nguyễn Thành Long rất chân thực trong kể và tả, nhờ thế mà ta thấy những nhân vật như bác lái xe, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, anh thanh niên... rất gần gũi và mến yêu.

BÀI SỐ 128

Đề bài: Cảm nhận về một số nhân vật đáng yêu được nói đến trong truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng có những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* của Nguyễn Thành Long là một truyện đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ.

Truyện không có những tính cách phi thường, những chiến công vang dội... như ta đã bắt gặp trong nhiều truyện kí viết về chiến tranh thời chống Mĩ.

Nguyễn Thành Long có một lối viết nhẹ nhàng nhiều chất thơ: thiên nhiên hiện hình dưới một màu áo trữ tình ấm áp lòng người đến lạ lùng. Đặc biệt là hình ảnh những người lao động bình thường mà vĩ đại rất đáng mến.

Bốn con người được nhà văn nói đến, già có, trẻ có, trai có, gái có, ngoài bác lái xe ra, ba nhân vật còn lại là những trí thức xã hội chủ nghĩa: ông họa sĩ già, anh cán

bộ khoa học và cô kĩ sư trẻ mới ra trường. Truyện hầu như không có cốt truyện; thế mà cuộc gặp gỡ giữa họ khó phai mờ trong tâm trí chúng ta.

1. Bác lái xe tốt bụng, vui chuyện như một nhân vật dẫn chuyện nên làm ta khó quên. Ông họa sĩ già từng trải, xin anh em cơ quan hoãn *"bữa tiệc"* để đi chuyến thực tế *"cuối cùng lên Tây Bắc trước lúc về hưu"*. *"Ngòi bút"* như là một quả tim nữa của ông suốt đời ông *"đi"* và *"vẽ"*, ông *"khao khát"* nghệ thuật vì thế mà ông *"yêu thêm cuộc sống"*, yêu thêm con người. Nửa giờ ông trò chuyện với anh thanh niên, và thái độ chân tình của ông đối với cô kĩ sư như tình *"cha con"*, làm ta cảm phục và yêu kính ông, vì ông là một nghệ sĩ chân chính, một trí thức lịch duyệt, một nhân cách đẹp có đời sống nội tâm phong phú.

2. Anh thanh niên là nhân vật được tác giả dành cho nhiều ưu ái, miêu tả sâu sắc, để lại nhiều ấn tượng đẹp. Về ngoại hình, anh có *"tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ"*. Anh sống và làm việc một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm sương mù lạnh lẽo. Lao động và hiệu quả là thước đo phẩm giá con người. Anh làm công tác khí tượng *"đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, tham gia vào dự báo thời tiết trước hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu"*. Anh lấy số liệu và báo cáo về *"nhà"* thật chính xác. Những đêm mưa tuyết, lạnh cóng, anh vẫn cầm đèn bão ra vườn lúc một giờ sáng, gian khổ không thể nào nói hết. Anh có công trong việc phát hiện ra một đám mây xốp trên bầu trời Hàm Rồng để không quân ta hạ được nhiều máy bay Mĩ. *"Người cô độc nhất thế gian"* mà như vậy ư?

Giá trị đích thực ở anh là lẽ sống đẹp. Anh rất *"thèm"* người, nhưng không phải là *"nỗi nhớ phồn hoa đô thị"*. Anh luôn tự hỏi mình: *"Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?"*. Một ý thức trách nhiệm làm ta cảm phục. Anh biết lấy sách để *"trò chuyện"*, để học tập tiến bộ, trau dồi kiến thức. Anh nói về mình hồn nhiên, khiêm tốn. Anh không muốn ông họa sĩ vẽ chân dung mình. Anh ca ngợi ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ khoa học lập bản đồ sét, và theo anh, đó là *"những con người làm việc và lo nghĩ... cho đất nước"*.

Anh còn có một tấm lòng nhân hậu cao đẹp. Anh gửi biếu vợ bác lái xe vừa ốm dậy củ tam thất. Anh tặng cô kĩ sư lên thăm *"nhà"* mình một bó hoa rõ to và đẹp. Anh gửi các vị khách một làn trứng để ăn trưa. Toàn là cây nhà lá vườn, nhưng đằng sau món quà ấy là cả một tấm lòng cao cả, đầy tình người. Anh là một trí thức có lối ứng xử lịch sự, ấm áp tình yêu thương.

3. Cô kĩ sư trẻ được tác giả phác họa một vài nét nhưng thật duyên dáng. Cử chỉ cô *"ôm bó hoa vào ngực"*, cô lắng tai nghe câu chuyện kể của anh thanh niên rồi trầm ngâm lặng lẽ, cô xúc động khi nhìn thấy trang sách anh thanh niên đọc để trên mặt bàn - Mới bước vào đời cô gặp anh thanh niên tựa như một tấm gương, tự soi để tự hiểu mình, nghĩ về mối tình nhạt nhẽo mà cô đã chối bỏ, *"về con đường cô đang đi tới"*. Cô đẹp như những đóa hoa cô đang cầm trên tay.

Đó là những nhân vật, những tâm hồn trong trẻo, bình dị, hồn hậu và tràn ngập tình thương. Nguyễn Thành Long không tô hồng, mà chỉ thoáng gợi lên *"một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra... những nhận xét nho nhỏ như nhắc khẽ người đọc"* (Tô Hoài) mà thấm thía vô cùng. Vì đó là sắc màu, ý vị cuộc sống.

Anh thanh niên đã tâm sự với nhà họa sĩ: *"Cháu thấy cuộc đời đẹp quá!"*. Quả vậy, truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* đã giúp ta yêu thêm cuộc đời, yêu thêm con người. Và câu thơ của Thanh Hải chợt ngân vang trong lòng, làm ta xúc động về *"Một mùa xuân nho nhỏ - Lặng lẽ dâng cho đời..."*.

BÀI SỐ 129

Đề bài: Hình ảnh anh thanh niên trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.

Trong truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa*" của nhà văn Nguyễn Thành Long có bốn nhân vật: Bác lái xe, ông họa sĩ già, cô gái trẻ và anh thanh niên. Anh thanh niên là cán bộ khí tượng kiêm vật lí địa cầu công tác tại Sa Pa. Anh là nhân vật trung tâm của câu chuyện. Nhà văn đã tập trung làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của anh. Đó là phẩm chất của những con người mới: hiến dâng tất cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp xây dựng đấ nước.

Sa Pa là nơi nghỉ mát nổi tiếng của nước ta. Đỉnh Yên Sơn ở Sa Pa cao 2.600 m. Trên đỉnh núi quanh năm mây mù bao phủ. Chỉ riêng chuyện anh thanh niên tình nguyện lên công tác ở trên đỉnh Yên Sơn một mình đã thể hiện phần nào con người của anh, phẩm chất của anh. Trong khi bao nhiêu người sau khi ra trường cố chạy chọt tìm bằng được một nơi làm việc "*ngon lành*" tại thủ đô, thì anh không quản đường sá xa xôi cách trở, không quản chốn đèo heo hút gió, đã khoác ba lô vui vẻ vượt suối, băng rừng. Ở Yên Sơn vắng vẻ đến mức anh phải dùng cây chặn đường để có cớ tiếp xúc với con người vì "*thèm người quá*" như anh bộc lộ. Công việc của anh ở trạm khí tượng thật là vất vả. Từng phút, từng giờ anh làm bạn với đủ loại máy móc. Anh "*đo gió, đo mưa, đo nắng, đo chấn động mặt đất dự vào việc báo thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*". Đây là lời anh tâm sự với ông họa sĩ già: "*Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và im lặng ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới...*". Điều đáng quý là anh thanh niên nói rất thành thật. Anh là con người. Có những phút giây anh cũng ngại khó, ngại khổ: "*Nửa đêm đang nằm trong chăn nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi*". Nhưng anh đã chiến thắng chính mình "*để chui ra khỏi chăn*". Qua lời anh nói, ta có thể hình dung được bao nhiêu vất vả, khó khăn mà anh đã chịu đựng.

Tuy làm việc một nơi heo hút như vậy nhưng anh vẫn không cảm thấy cô đơn mặc dù "*rất thèm gặp con người*". Bởi vì anh đã dồn tất cả thời gian, tâm sức mình cho nhiệm vụ. Sự say mê công việc đã giúp anh không cảm thấy cô đơn. Ngoài đo gió, đo mưa, đo nắng... anh còn trồng hoa, đọc sách. Sách trở thành ngời bạn thân thiết của anh. Khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh "*mừng quýnh*" như cầm được vàng. Anh nói với cô gái: "*Cô thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ*". Anh tự lo liệu xoay xở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khỏa trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

Không chỉ say mê công việc, say mê đọc sách anh thanh niên còn là một người khiêm tốn. Mặc dù ông họa sĩ già hết sức khâm phục anh, ông muốn vẽ chân dung của anh, nhưng anh một mực từ chối. Mọi người rất muốn nghe chuyện của anh. Anh tìm cách kể chuyện về người khác. Anh nói thành thực: những người khác đáng kể, đáng vẽ hơn anh: "*Một mình thì anh bạn trên đỉnh Phăng-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu*". Anh tâm sự với ông họa sĩ già: "*Không,*

ác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa ’a!... Hay là bác vẽ đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu...”. Và anh say sưa ể về thành tích của những người ấy. Đức tính khiêm tốn ấy của anh đã làm cho ông ọa sĩ, bác lái xe và cô gái hết sức yêu mến và khâm phục.

Ngoài ra anh còn là một người bộc trực, vô tư và hồn nhiên. Thái độ vui vẻ, niềm ở hiếu khách của anh cũng đã để lại trong lòng mọi người những ấn tượng khó quên.

Trong cái “*lặng lẽ*” của Sa Pa, trên đỉnh Yên Sơn bốn mùa mây phủ mấy ai biết lược có một chàng trai đang sống, đang âm thầm làm việc. Cảm ơn nhà văn Nguyễn ‘hành Long đã gửi đến tay bạn đọc bức thông điệp thẩm mĩ về anh thanh niên làm ông tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu ấy. Anh là hình ảnh của thế hệ trẻ đang ngày lêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước.

Linh Giang

BÀI SỐ 130

Đề bài: Tóm tắt truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

Tác giả ghi lại câu chuyện do một đồng chí già kể lại tại một trạm giao liên ;iữa rừng tràm:

Lần đó, đoàn chúng tôi từ trạm M.G đến trạm L.A đi trên chiếc xuồng máy đuôi ôm do một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây “các-bin” báng xếp của Mĩ, đầu chít :hăn, dáng điệu gọn gàng điều khiển và dẫn đường. Chặng đường phải vượt qua rất dễ bị rực thăng, dễ gặp biệt kích. Trước đó người ta đồn ở trạm này có một cô giao liên rất hông minh, mưu trí có cái mũi rất thính, có thể phân biệt được mùi địch, mùi nào là Mĩ, nùi nào là ngụy... Lúc lên đường, tôi mới gặp cô giao liên độ mười tám hai mươi là cùng, /à biết thêm ở trạm này chỉ có một chị nuôi và một nữ giao liên chính là cô gái ấy nên tôi ất mừng. Trước khi xuồng nổ máy cô căn dặn mỗi người có gì quan trọng nên để trong úi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Tôi chợt nhớ ra, mở bồng, lấy cây lược cho vào túi hái đựng giấy tờ bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Trong những ngày đầu hòa bình vừa lập lại, tôi và ông Sáu đôi bạn cùng về hăm quê, nhà chúng tôi ở cạnh nhau gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Đầu năm 1946, hai chúng tôi cùng đi bộ đội, khi đó bạn tôi đã có một đứa con gái lên một uổi. Khi về thăm quê, xuồng vừa cập bến bạn tôi thấy một đứa con gái độ 8 tuổi, tóc :ắt ngang tai, mặc quần đen... đang chơi trước sân nhà... Biết là con mình, anh Sáu vội bước tới kêu to: “*Thu! Con*”. Nhưng đứa bé ngơ ngác, lạ lùng, tròn mắt nhìn. Bạn tôi bị xúc động, vết thẹo dài trên má phải đỏ ửng lên. Anh run run gọi: “*Ba đây con!*” nhưng con bé tái mặt đi, vụt bỏ chạy và kêu thét lên! Mấy ngày phép ngắn ngủi ở nhà, con bé không kịp nhận ra ông Sáu là ba nó. Nó gọi trống không. Chắt nước cơm, nhắc nồi cơm,... nó cũng đáo để chẳng thèm nhờ ông Sáu. Lúc ăn cơm, ông Sáu gắp cho nó cái trứng cá to vàng thì nó bất thần hất cái trứng cá ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, bạn tôi vung tay đánh vào mông nó và hét lên: “*Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?*”. Đứa con gái bỏ sang nhà ngoại và khóc ở bên ấy.

Sáng hôm sau, hai anh em chúng tôi chuẩn bị lên đường trở về đơn vị. Bà con đến rất đông để đưa tiễn ông Sáu. Con bé Thu cũng từ nhà ngoại trở về, và mặt nó có cái gì hơi khác. Lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay mọi người bạn tôi đưa mắt tìm con, rồi khẽ nói: “*Thôi! Ba đi nghen con!*”. Bỗng con bé kêu thét lên: “*Ba... Ba!*” Nó chạy xô đến, dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó hôn tóc, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên mặt ba nó mà nó không nhận ra được ba nó. Nằm nghe bà giảng

giải, nó nằm im thở dài... Lúc nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc đi rồi... Nó ôm chặt lấy ba nó rồi đang hai chân câu chặt lấy ba nó, không cho ba nó đi. Mẹ nó vỗ về mãi. Anh Sáu hứa với nó thống nhất ba sẽ về... Ngoại dỗ nó: để ba cháu đi, ba sẽ mua cho cháu một cây lược. Con bé mếu máo: *"Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba"*.

Lần ấy, hai anh em tôi không đi tập kết mà trở lại miền Đông hoạt động bí mật. Sống và hoạt động ở rừng ở cứ, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, thiếu gạo ăn, toàn ăn bắp. Bạn tôi nằm võng, nhớ con và ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm dày vò anh mãi. Rồi sau đó, anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ cắt thành một cây cưa nhỏ. Anh tìm được một khúc ngà voi rồi thận trọng, tỉ mỉ làm thành một chiếc lược ngà dài hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, trên sống lưng lược có khắc dòng chữ: *"Yêu nhớ tặng Thu con của ba"*. Một ngày cuối năm năm mươi tám, trong một trận càn lớn, anh Sáu bị đạn máy bay Mĩ bắn trúng vào ngực, trước lúc nhắm mắt, anh đưa tay móc túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Mộ anh được chôn bằng giữa rừng. Gia đình chị Sáu cũng không còn ở làng nữa, nghe đâu chị chạy lên Sài Gòn, có lần lại nghe chị Sáu quay về miền Đông...

Ngồi trên xuồng, trong ánh sao đêm, nhìn gương mặt cô giao liên, tôi cảm thấy quen lắm, cố nhớ mà không nhớ ra. Chuyến đi ấy đụng giặc, cô giao liên ở lại chặn biệt kích. Sáng hôm sau, tôi mới gặp lại cô, vừa ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cô cứ phơi phới. Cặp mắt sáng ngây thơ, tai đeo bông tòn teng. Làm quen, tôi ướm hỏi mới biết cô tên Thu, ở Cù Lao Giêng quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa. Đoàn khách chúng tôi lại sắp lên đường, tôi hỏi lại: *"Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không?"* Trao lại chiếc lược ngà cho cô giao liên. Cô gái chớp mắt, lệ sắp rơi bỗng tràn ra đôi mắt. Lên đường, lúc chia tay tôi buột miệng nói: *"Thôi, ba đi nghen con!"* Đôi môi tái nhợt của cô gái mấp máy. Đi một quãng xa, tôi nhìn lại, thấy cháu đứng trên bờ mẫu, sóng lúa rập rờn chạy đến như vỗ về cháu. Sau lưng cháu, trong đám lá dừa bị chất độc hóa học cọng khô lủng lẳng..., những đọt non vừa đâm lên, xa trông như một rừng gươm...

BÀI SỐ 131

Đề bài: Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu trong truyện "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.

"Chiếc lược ngà" là truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết về tình cha-con và nỗi đau trong chiến tranh do quân giặc gieo rắc thời chống Mĩ. Ông Sáu là một trong những nhân vật thể hiện sâu sắc chủ đề ấy.

Ông Sáu, một nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đã tham gia 2 cuộc kháng chiến (đánh Pháp và đánh Mĩ), và đã anh dũng hi sinh. Ra đi đánh giặc từ năm 1946 mãi đến năm 1954, hòa bình lập lại, ông mới được về thăm quê một vài ngày. Ngày đi bộ đội, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới lên một tuổi, ngày về thì con đã 8, 9 tuổi. Cái khao khát của một người lính sau những năm dài vào sinh ra tử được trở lại quê hương, được gặp lại vợ con, được nghe con cất tiếng gọi *"ba"* một tiếng cũng không trọn vẹn ! Đó là bi kịch thời chiến tranh. Lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc khi đứa con gái ngây thơ *"nhận ra"* ba mình và kêu thét lên: *"Ba... ba!"*. Ông ôm con *"rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con"*. Ông Sáu đã ra đi với nỗi nhớ thương vợ con không thể nào kể xiết. Bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông. Vết thẹo dài trên má phải - vết thương chiến tranh - đã làm cho đứa con gái thương yêu, bé bỏng

không nhận ra bóng dáng người cha nữa! Ông đã ra đi, mang theo hình ảnh vợ con, với lời hứa mang về cho con gái chiếc lược cùng với nỗi ân hận day dứt *"sao mình lại đánh con"* cứ giày vò ông mãi. Nỗi đau, nỗi nhớ thương và mất mát... do quân giặc gây ra đã làm cho ông Sáu, cho bao người lính, cho bao bà mẹ, em thơ trên khắp mọi miền đất nước ta không bao giờ nguôi! Sự hi sinh của thế hệ đi trước để làm nên độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình là vô giá.

Sau năm 1954, ông Sáu không tập kết ra Bắc, ông nhận nhiệm vụ mới ở lại miền Nam *"nằm vùng"* hoạt động bí mật. Trong những ngày ở rừng, ở cứ bị giặc ruồng bố triền miên. Thiếu gạo phải ăn bắp. Gian khổ và nguy hiểm. Cái chết bủa vây cuộc chiến đấu thầm lặng. Ông Sáu vẫn không nguôi nhớ vợ con. Ông đã biến vỏ đạn 20 li của giặc Mĩ thành chiếc cưa nhỏ, đã tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo như một người thợ bạc chế tác khúc ngà voi thành một chiếc lược ngà xinh xắn có khắc dòng chữ: *"Yêu nhớ tặng Thu con của ba"*. Chiếc lược ngà với dòng chữ ấy mang theo bao tình cảm sâu nặng của người cha đối với đứa con bé bỏng. Tình thương con của ông Sáu thật vô cùng tha thiết. Điều đó cho thấy, ông Sáu cũng như hàng triệu chiến sĩ, đồng bào ta hi sinh chiến đấu vì đất nước và dân tộc, vì hạnh phúc gia đình, vì tình vợ chồng, tình cha con.

Chiếc lược ngà như một vật kí thác thiêng liêng của người lính về tình phụ - tử sâu nặng mà bom đạn quân thù không thể nào tàn phá được. Chính vì thế, khi bị trúng đạn máy bay Mĩ bắn vào ngực, lúc hấp hối, ông *"đưa tay vào túi, móc cây lược"* đưa cho bạn, nhìn bạn hồi lâu rồi tắt thở... Ông Sáu đã hi sinh trong những ngày đen tối và gian khổ. Ngôi mộ ông là *"ngôi mộ bằng giữa rừng sâu !"*. Nhưng chỉ có *"tình cha con là không thể chết được!"*.

Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong truyện *"Chiếc lược ngà"* sâu nặng về tình cha - con. Chiếc lược ngà với dòng chữ mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt đã để lại nhiều ám ảnh bi thương trong lòng ta. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng đi trước mở đường đã nếm trải nhiều thử thách, gian khổ và hi sinh.

Truyện *"Chiếc lược ngà"* và hình ảnh ông Sáu đã khơi gợi trong lòng ta bao ý nghĩa về sự hi sinh và hạnh phúc ở đời do các thế hệ cha anh đã đổ xương máu làm nên. Và bài học *"uống nước nhớ nguồn"* càng thêm thấm thía.

BÀI SỐ 132

Đề bài: Cảm nhận của em về nhân vật Thu - nữ giao liên trong truyện "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Thời chống Mĩ, nhà thơ Tố Hữu có viết:

"Tuổi gươm không chịu sống quỳ,
Tuổi xanh chẳng tiếc, sá chi bạc đầu.
Lớp cha trước, lớp con sau,
Đã thành đồng chí, chung câu quân hành".

(*"Tiếng hát sang xuân"* - 1965)

Vần thơ ấy gợi nhớ trong lòng ta thế hệ trẻ Việt Nam anh hùng thời đánh Mĩ. Hình ảnh nhân vật Thu - nữ giao liên trong truyện *"Chiếc lược ngà"* của Nguyễn Quang Sáng đã cho ta nhiều ngưỡng mộ.

Qua nhân vật ông già, Nguyễn Quang Sáng đã dành cho cô Thu, giao liên bao tình cảm quý mến và trân trọng. Ông cảm thông với cái ương bướng *"cứng đầu"* của

một em bé, chỉ vì vết sẹo chiến tranh trên gương mặt người lính từ mặt trận trở về mà một tiếng *"ba"* cũng không chịu gọi. Hình ảnh bé Thu *"hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba"*, cùng với cử chỉ *"dang cả hai chân rồi cấu chặt lấy ba nó"*, không chịu cho ba nó lên đường đi xa, mãi mãi là hình ảnh rất cảm động của tình cha-con giữa thời máu lửa. Giây phút giã biệt ấy đã trở thành vĩnh biệt. Nỗi buồn đau từ câu chuyện đã cứa một nhát dao ứa máu và tê tái vào lòng người bấy nay !

Năm anh Sáu đi bộ đội, bé Thu mới lên 1 tuổi. Năm hai cha con gặp lại nhau, bé Thu gần 9 tuổi. Năm 1958, ông giả Sáu hi sinh, con gái ông mới 13 tuổi. Năm 16 tuổi cô mới nhận được chiếc lược ngà của cha cô gửi lại, cô đã trở thành một nữ chiến sĩ giao liên *"rất thông minh, mưu trí"*.

Cô Thu giao liên có bao phẩm chất anh hùng. Lọt vào ổ phục kích giặc, cô vẫn mưu trí đánh lừa chúng, thoát hiểm. Cô có tài phân biệt từ rất xa *"thằng nào là thằng Mĩ, thằng nào là ngụy"* bằng *"cái mũi rất thính"* của mình. Chuyến công tác đưa đoàn cán bộ từ trạm M.G đến trạm L.A, giữa đường gặp bọn biệt kích, cô đã ở lại chặn địch. Sáng hôm sau, cô xuất hiện ở binh trạm *"quần áo bùn đất bê bết và đẫm ướt"*, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà gương mặt *"cứ phơi phới"* lạ thường ! Cặp mắt *"trong sáng"*, nước da rám nắng, đôi tai đeo bòng tòn teng, vừa duyên dáng, vừa hồn nhiên... đó là đứa con gái của ông Sáu. Chúng ta xúc động cảm thấy cô chiến sĩ giao liên đang đi tiếp con đường chiến đấu gian khổ, vô cùng oanh liệt, vẻ vang của cha anh.

Tình tiết cô giao liên gặp lại ông già, đồng đội của ba mình và nhận chiếc lược ngà nói lên vật kí thác thiêng liêng đã tìm đến đúng địa chỉ. Nhận được kỉ vật bố gửi lại, cô Thu *"đôi mắt tròn to hơn... xúc động đến thẫn thờ"*. Tuy biết ba mình đã hi sinh, nhưng xem dòng chữ: *"Yêu nhớ tặng Thu con của ba"*, cô cảm thấy được gặp lại bóng hình người cha thân yêu. Gần 10 năm đã trôi qua. Cô Thu đã khóc *"hai giọt lệ sắp rơi xuống bỗng vỡ ra tràn đầy qua đôi mắt"*. Tình đồng đội, tình đồng chí chiến đấu thủy chung đã giúp cho chiếc lược ngà đến tay cô giao liên. Và những giọt nước mắt của cô Thu là giọt khóc về tình phụ - tử sâu nặng.

Cảnh giã biệt giữa ông già và cô giao liên diễn ra trên một không gian nghệ thuật đầy ấn tượng. Những đợt sóng lúa xanh nối nhau rập rờn như chạy đến *"vỗ về"* chân cô giao liên. Từ rừng dừa bị chất độc hóa học, cọng tàu dừa khô như những chiếc xương cá khổng lồ, những *"đọt non vừa mới dâm lên, xa trông như một rừng gươm..."*. Đó là chất thơ trong văn xuôi của Nguyễn Quang Sáng. Cảnh sắc ấy mang hàm nghĩa: Thế trận nhân dân là một rừng cây, một rừng người; lớp người trước ngã, lớp người sau tiếp bước tiến lên *"như một rừng gươm"* dào dạt sức sống trẻ trung và dũng mãnh.

Nhân vật Thu, nữ chiến sĩ giao liên đã tô đậm chủ đề của tác phẩm "*Chiếc lược ngà*" của Nguyễn Quang Sáng. Qua đó, ta càng thấm thía sự nối tiếp của các thế hệ Việt Nam anh hùng đã làm cho dáng đứng Việt Nam thêm hào hùng, tráng lệ.

BÀI SỐ 133

Đề bài: Cảm nhận về bài "Tiếng nói văn nghệ" của Nguyễn Đình Thi.

"Tiếng nói của văn nghệ" được Nguyễn Đình Thi viết vào năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp. Văn bản nghị luận này có bố cục chặt chẽ. Mọi lí lẽ và dẫn chứng của tác giả nêu ra đều tập trung và xoay quanh ba luận điểm:

- Văn nghệ nảy sinh từ hiện thực cuộc sống, sáng tạo ra cái đẹp vì cuộc sống và con người.

- *Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm, của tâm hồn.*

- *Văn nghệ là tiếng nói của tư tưởng.*

1. *Văn nghệ phản ánh, thể hiện cuộc sống.* Nghệ sĩ không chỉ miêu tả hiện thực *"mà muốn nói một điều gì mới mẻ"*. Nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp, làm cho người đọc *"rung động với cái đẹp"*. Câu thơ Kiều nói về cỏ xanh non và hoa lê *"trắng điểm"*, mùa xuân đã làm cho chúng ta *"rung động với cảnh thiên nhiên mỗi mùa xuân lại như tái sinh, tươi, trẻ mãi, và cảm thấy trong lòng ta có những sự sống tươi trẻ luôn luôn tái sinh ấy"*.

Văn nghệ, những trang văn, câu thơ sáng tạo nên bao nhiêu *"hình ảnh đẹp đẽ"*, từ một ánh nắng, một lá cỏ, một tiếng chim, bao nhiêu bộ mặt con người, sự sống ở quanh ta, mà trước kia *"ta chưa biết nhìn thấy"*, bỗng làm ta *"ngạc nhiên tìm ra ngay trong tâm hồn"* mình. Mỗi một tác phẩm văn nghệ lớn *"rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng"* rất kì diệu, nó *"làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ"*. Sứ mệnh của những nghệ sĩ lớn là đem tới cho cả thời đại họ *"một cách sống của tâm hồn"*.

Nguyễn Đình Thi đã chỉ rõ: sáng tạo ra cái đẹp là thiên chức của nhà nghệ sĩ; cái đẹp là đặc trưng của văn nghệ - cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của con người, cái đẹp của cuộc sống.

2. *Chức năng của văn nghệ là vô cùng kì diệu.*

Tiếng nói của văn nghệ là tiếng nói của tâm hồn, tiếng nói tình cảm. Nó đem lại niềm khát khao sống, khát khao tự do cho những người tù chính trị trong các sở mật thám. Những câu thơ Kiều, những tiếng hát... đã làm cho những người bị giam cầm *"vẫn buộc chặt lấy cuộc đời thường bên ngoài, có cây, có phố, có ruộng, có người, có tình yêu, có những vui buồn khó nhọc hàng ngày; nói một cách khác, đó là sự sống.*

Những người đàn bà nhà quê lam lũ ngày trước, suốt đời đầu tắt mặt tối, nhưng khi họ ru con hay hát ghẹo, một câu ca dao, một buổi xem chèo đã gieo vào tâm hồn họ *"một ánh sáng, lay động những tình cảm, ý nghĩ khác thường"*; làm cho những con người tăm tối nghèo khổ ấy *"trong một buổi được cười hả dạ hay rỏ giấu một giọt nước mắt"*. Đúng, tiếng nói của văn nghệ, *"lời gửi của văn nghệ là sự sống"*.

Nguyễn Đình Thi đã chỉ rõ *"văn nghệ không thể sống xa lìa cuộc sống"*. Chỗ đứng của văn nghệ *"chính là chỗ giao nhau của tâm hồn con người với cuộc sống..."* Chỗ đứng của văn nghệ là *"tình yêu ghét, niềm vui buồn, ý đẹp xấu"* trong thiên nhiên và đời sống xã hội. Tác giả trích dẫn câu nói của Tôn-xtôi, văn hào Nga, để khẳng định kiến giải của mình: *"Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm"*.

3. *Tiếng nói của văn nghệ còn là tiếng nói của tư tưởng.*

Nghệ thuật không thể nào thiếu tư tưởng. Tư tưởng trong văn nghệ *"nảy ra"* từ trong cuộc sống, và *"thấm"* trong tất cả cuộc sống. Tư tưởng của văn nghệ mang tính đặc thù, *"không lộ liễu và khô khan"*. Một câu thơ, một trang truyện, một vở kịch, một bức tranh, một bản đàn, làm cho cảm xúc chúng ta *"rung động"*, rồi sẽ khơi dậy trong trí óc ta *"những vấn đề suy nghĩ"*. Tư tưởng trong nghệ thuật được thể hiện một cách tinh tế, *"nấp mình yên lặng"*. Vì thế, *"một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được"*, nó níu giữ mãi trong lòng ta.

Văn nghệ là một loại tuyên truyền *"rất đặc biệt"*. Văn nghệ *"truyền điện"* thẳng vào tâm hồn ta. Nó làm cho con người *"vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn"*. Nghệ

thuật *"giải phóng được cho con người"*, nghệ thuật *"xây dựng đời sống tâm hồn cho xã hội"*. Thật vậy, tư tưởng là nơi cao quý mà tiếng nói của văn nghệ hướng tới. Có điều *"văn nghệ là một thứ tuyên truyền không tuyên truyền nhưng lại hiệu quả và sâu sắc hơn cả"*. Văn nghệ là một thứ tuyên truyền bằng ngôn ngữ, hình tượng, cảm xúc..., nhưng nó *"không tuyên truyền"* bằng *"tri thức trừu tượng"*, nhà nghệ sĩ *"không mở một cuộc thảo luận lộ liễu và khô khan với chúng ta về một vấn đề khoa học hay triết học"*. Ví dụ, *"Truyện Lục Vân Tiên"* của Nguyễn Đình Chiểu đã lấy cuộc đời của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga để nói về trung, hiếu, tiết, hạnh, *"một thứ tuyên truyền không tuyên truyền"* là như vậy.

Sau hơn nửa thế kỉ, những ý kiến của Nguyễn Đình Thi trong bài *"Tiếng nói của văn nghệ"* không còn xa lạ với nhiều người. Một cách viết tài hoa, có duyên, lí lẽ và lập luận khá sáng tỏ, chặt chẽ, giọng văn nhiệt tâm, nhiệt thành là sức hấp dẫn của bài tiểu luận này.

BÀI SỐ 134

Đề bài: Hãy phát biểu cảm nghĩ của em khi đọc bài "Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" của Vũ Khoan.

"Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" là bài báo của Vũ Khoan, lần đầu được giới thiệu trên báo *"Tia sáng"* năm 2001. Tác giả là một trong những gương mặt mới của đội ngũ lãnh đạo đất nước ta trong thời kì đổi mới, hội nhập.

Đối tượng đối thoại của tác giả là *"lớp trẻ Việt Nam"*, những chủ nhân của đất nước ta trong thế kỉ XXI, thế hệ nối bước ông cha, gánh trên đôi vai mình sứ mệnh lịch sử vô cùng nặng nề là xây dựng Việt Nam trở nên giàu mạnh. Có thể xem câu văn đầu bài đã nêu lên ý tưởng chủ đạo của bài luận văn:

"Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới".

Tác giả đặt vấn đề và khẳng định: chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất trong những hành trang mà đất nước ta phải có và cần có. Bởi lẽ con người, từ cổ chí kim *"vẫn là động lực phát triển của lịch sử"*, *"vai trò con người lại càng nổi trội"* trong thế kỉ XXI khi nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ.

Phải chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới khi mà *"sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ..."*, khi mà *"dưới tác động của những tiến bộ về khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều!"*.

Vấn đề thời cơ và thách thức được Vũ Khoan nêu lên và giải thích một cách khúc chiết, sáng tỏ.

Tiếp theo, tác giả nêu lên 3 nhiệm vụ: một là, thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp; hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ba là phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức. Và Vũ Khoan chỉ rõ: *"Làm nên sự nghiệp ấy đương nhiên là những con người Việt Nam với những điểm mạnh và điểm yếu của nó"*.

Có thể nói: ý chí tự lực tự cường, tinh thần đổi mới hội nhập, và cái nhìn tỉnh táo là tư tưởng bao trùm phần đầu bản luận văn này.

Phần thứ hai, tác giả lần lượt nêu lên, giải thích và bình luận những điểm mạnh, những điểm yếu của con người Việt Nam.

- Cái mạnh của con người Việt Nam là *"sự thông minh sáng tạo"*, bản chất tốt ẹp ấy *"rất có ích"* trong xã hội mới, khi mà *"sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu"*. rong cái mạnh đó, dân trí ta lại có *"những lỗ hổng kiến thức cơ bản"*, *"khả năng thực ành và sáng tạo bị hạn chế"*. Nguyên nhân là do *"thiên hướng chạy theo những môn ọc thời thượng","do lối học chay học vẹt nặng nề"*. Nếu *"không nhanh chóng lấp hững lỗ hổng này"*, khắc phục những điểm yếu này *"thì thật khó bề phát huy trí ông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức ơ bản và biến đổi không ngừng"*.

- Cái mạnh nữa của dân ta là *"sự cần cù sáng tạo"*; nhưng trong cái mạnh ấy, ại ẩn chứa những khuyết tật" của con người sản xuất nhỏ như *"thiếu đức tính tỉ mỉ"*, ành động theo phương châm *"nước đến chân mới nhảy"* (thiếu nhìn xa trông rộng, ồn bị động), *"liệu cơm gắp mắm"* (làm ăn kiểu cò con, dễ dãi); *"chưa có được thói uen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc là cường độ khẩn trương"*. gay như bản tính *"sáng tạo"* cũng chỉ *"loay hoay cải tiến, làm tắt, không coi trọng ghiêm ngặt quy trình công nghệ"*.

Truyền thống lâu đời *"đùm bọc, đoàn kết"* của nhân dân ta đã làm nên sức ạnh Việt Nam để chiến thắng ngoại xâm, để bảo vệ và xây dựng đất nước. Nhưng do ảnh hưởng của nền sản xuất nhỏ, dân ta mang nhiều cái yếu cố hữu như: tính đố kị, lối ghĩ *"trâu buộc ghét trâu ăn"* (ghen ghét tài năng), tự do tùy tiện...

Con người Việt Nam còn có nhiều điểm yếu khác nữa như thái độ kì thị đối với ự kinh doanh, thói quen ảnh hưởng sự bao cấp, nếp nghĩ sùng ngoại hoặc bài ngoại uá mức. Không ít người lại có thói quen: *"khôn vặt"*, *"bóc ngắn cắn dài"*, không coi ọng chữ *"tín"*. Những cái yếu ấy, những thói quen xấu ấy, theo tác giả *"sẽ gây tác ại khôn lường trong quá trình kinh doanh và hội nhập"*.

Phần cuối bài báo, Vũ Khoan nêu lên hai điều kiện khi đất nước ta, nhân dân ta ước vào thế kỉ mới, muốn *"sánh vai cùng các cường quốc năm châu"* thì:

Một là, phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu.

Hai là, hãy làm cho lớp trẻ - những người chủ thực sự của đất nước - nhận ra iều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất.

"Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" là một văn bản độc đáo, đặc sắc. Tác giả ã dũng cảm chỉ ra những cái yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới, hi đứng trước vận hội mới, thách thức mới. Giọng văn sắc sảo, nhiệt thành, tâm uyết. Tác giả đứng trên tầm cao của thời đại mới, với ý chí tự cường để trao đổi với ế hệ trẻ những cái mạnh, những cái yếu của dân ta, động viên thanh thiếu nhi Việt lam vươn lên gánh vác sứ mệnh lịch sử.

Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, mang tính tranh biện đầy sức thuyết phục. lhững câu tục ngữ, câu ca dao được tác giả vận dụng tạo nên một lối nói dung dị, ậm đà, gợi cho người đọc bao liên tưởng thú vị. Bài văn của Vũ Khoan đã giúp ta có ột cái nhìn sáng suốt về nhân dân ta, về bản thân mỗi chúng ta. Thế kỉ mới là thế kỉ i vọng và bừng sáng đối với đất nước và con người Việt Nam.

BÀI SỐ 135

Đề bài: Phân tích bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên.

Chế Lan Viên viết bài thơ *"Con Cò"* vào năm 1962, in trong tập *"Hoa ngày ường, chim báo bão"* (1967). Bài *"Con Cò"* mang âm điệu đồng dao, nhịp thơ và

giọng thơ thấm vào hồn ca dao, dân ca một cách đằm thắm, nhẹ nhàng. 51 câu thơ tự do, câu ngắn nhất 2 chữ, câu dài nhất 8 chữ, đan xen, kết chuỗi thành lời ru ngân nga, ngọt ngào, biểu hiện tình thương và ước mơ của người mẹ hiền đối với con thơ!

1. *Đoạn 1*, người mẹ hiền bế con thơ trên tay, cất lời ru bài *"Con Cò"* bay lả bay la... *"Con cò mà đi ăn đêm..."*. Nhìn con thơ *"Con còn bế trên tay - Con chưa biết con cò"*, mà lòng mẹ dào dạt tình thương. Mẹ thương con cò trong ca dao lận đận; mẹ dành cho con bao chăm chút yêu thương. Con được sống yên vui hạnh phúc trong lòng mẹ:

"Cò một mình, cò phải kiếm lấy ăn,
Con có mẹ, con chơi rồi lại ngủ".

Mẹ đã dành cho con thơ tất cả. Cánh tay dịu hiền của mẹ. Lời ru câu hát êm đềm của mẹ. Dòng sữa ngọt ngào của mẹ. Những hoán dụ nghệ thuật ấy đã hình tượng tình mẫu tử bao la. Nhịp thơ cũng là nhịp võng, nhịp cánh nôi nhẹ đưa, vỗ về:

"Ngủ yên ! Ngủ yên ! Ngủ yên !
Cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng !
Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân !
Con chưa biết con cò, con vạc.
Con chưa biết những cành mềm mẹ hát
Sữa mẹ nhiều, con ngủ chẳng phân vân".

Điệp ngữ *"ngủ yên"*, *"con chưa biết"* và *"con cò"* láy đi láy lại nhiều lần làm cho giọng thơ trở nên đầm ấm, ngọt ngào, thiết tha dìu dịu chan chứa hạnh phúc yêu thương.

2. *Đoạn 2*, mẹ ru con ngủ yên, ngủ ngon: " *Ngủ yên ! Ngủ yên ! Ngủ yên!"*. Ngắm nhìn con thơ mà lòng mẹ dào dạt mong ước. Con sẽ lớn khôn, con đến trường đi học:

"Con khôn lớn, con theo cò đi học,
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân".

Mai sau lớn lên con sẽ làm thi sĩ. Cuộc đời con nhiều sáng tạo, mải miết chuyên cần *"bay hoài không nghỉ"*. Hình ảnh cánh cò trắng bay... thể hiện ước mơ đẹp của mẹ hiền về cuộc đời tương lai của con. Con sẽ nối chí cha. Một câu hỏi, khẽ thốt lên trong lòng mẹ hiền:

"Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì ?
Con làm thi sĩ !
Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn"...

3. *Đoạn thơ cuối*, tiếng ru con, tiếng hát của mẹ hiền cất lên dìu dặt, mênh mang. Mẹ nghĩ về cuộc đời của con mai sau, và tình thương yêu của mẹ. Như một lời nguyền của mẹ:

"Dù ở gần con
Dù ở xa con
Lên rừng xuống bể,
Cò sẽ tìm con
Cò mãi yêu con
Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con".

Chữ *"dù"*, chữ *"vẫn"* được điệp lại, ý thơ được khẳng định, tình mẫu tử bền chặt, sắ
son. Có gì cao hơn núi, có gì sâu hơn biển, và có gì bao la bằng lòng mẹ thương con.

Phần cuối, lời thơ thấm đượm chất triết lí trữ tình. Nghĩ về con cò trong ca dao nghĩ về cuộc đời con mai sau, người mẹ nghĩ về thân phận, số phận những con cò nhỏ bé, đáng thương, trong cuộc đời:

- "À ơi!
Một con cò thôi,
Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi".

Phải chăng người mẹ hiền đang bâng khuâng về câu hát: *"Có xáo thì xáo nước trong - Đừng xáo nước đục đau lòng cò con"* ? Thác trong còn hơn sống đục, ấy là ý v *"cuộc đời"* đáng thương, đáng trọng xưa nay.

Bài thơ *"Con Cò"* là một bài thơ có đề tài nhỏ nhưng mang ý nghĩa sâu sắc: c ngợi tình mẫu tử bao la và những ước mơ về con thơ của mẹ hiền, nói lên tình thương cuộc đời. Rất nhân hậu và nhân tình.

BÀI SỐ 136

Đề bài: Phân tích bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải.

Núi Ngự sông Hương là quê hương thân yêu của nhà thơ Thanh Hải. Ông là nh thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. *"Mồ anh hoa nở"*, *"Những đồng ch trung kiên"*, *"Mùa xuân nho nhỏ"*... là những bài thơ đặc sắc nhất của Thanh Hải.

Bài thơ *"Mùa xuân nho nhỏ"* được ông viết vào năm 1980, trong khung cảnh hòa bình, xây dựng đất nước. Một hồn thơ trong trẻo. Một điệu thơ ngân vang. Đấ nước vào xuân vui tươi rộn ràng.

1. Sáu câu thơ đầu như tiếng hát reo vui đón chào một mùa xuân đẹp đã về Trên dòng sông xanh của quê hương mọc lên *"một bông hoa tím biếc"*. Động từ *"mọc* nằm ở vị trí đầu câu thơ gợi tả sự ngạc nhiên vui thú, một niềm vui hân hoan đón chà tín hiệu mùa xuân:

"Mọc giữa dòng sông xanh,
Một bông hoa tím biếc".

"Bông hoa tím biếc" ấy chỉ có thể là hoa lục bình, hoặc hoa súng mà ta thường gặp trên ao hồ, sông nước làng quê:

"Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm
Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình tím cả bờ sông...".
(*"Trở về quê nội"* - Lê Anh Xuân)

Màu xanh của nước hòa hợp với màu *"tím biếc"* của hoa đã tạo nên bức tranh xuân chấm phá mà đằm thắm.

Ngẩng nhìn bầu trời, nhà thơ vui sướng lắng tai nghe chim chiền chiện hót Chim chiền chiện còn gọi là chim sơn ca, bạn thân của nhà nông. Từ *"ơi"* cảm thá biểu lộ niềm vui ngây ngất khi nghe chim hót:

"Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời".

Hai tiếng *"hót chi"* là giọng điệu thân thương của người dân Huế được tác giả đưa vào diễn tả cảm xúc thiết tha giữa người với tạo vật. Chim chiền chiện hót gọi xuân về. Tiếng chim ngân vang, rung động đất trời đem đến bao niềm vui. Ngắm dòng sông, nhìn bông hoa đẹp, nghe chim hót, nhà thơ bồi hồi sung sướng:

"Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng"

"Đưa tay... hứng" là một cử chỉ bình dị trân trọng, thể hiện sự xúc động sâu xa. *"Giọt long lanh"* là sự liên tưởng đầy chất thơ. Là giọt sương mai, hay giọt âm thanh tiếng chim chiền chiện ? Sự chuyển đổi cảm giác (thính giác - thị giác) đã tạo nên hình khối thẩm mĩ của âm thanh.

Tóm lại, chỉ bằng ba nét vẽ: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót..., Thanh Hải đã vẽ nên một bức tranh xuân đẹp tươi và đáng yêu vô cùng. Đó là vẻ đẹp và sức sống mặn mà của đất nước vào xuân.

2. Bốn câu thơ tiếp theo nói về mùa xuân sản xuất và chiến đấu của nhân dân ta. Cấu trúc thơ song hành để chỉ rõ hai nhiệm vụ chiến lược ấy:

"Mùa xuân người cầm súng,
Lộc giắt đầy quanh lưng.
Mùa xuân người ra đồng,
Lộc trải dài nương mạ".

"Lộc" là chồi non, cành biếc mơn mởn. Khi mùa xuân về cây cối đâm chồi nẩy lộc. *"Lộc"* trong văn cảnh này tượng trưng cho vẻ đẹp mùa xuân và sức sống mãnh liệt của đất nước. Người lính khoác trên lưng vành lá ngụy trang xanh biếc, mang theo sức sống mùa xuân, sức mạnh của dân tộc để bảo vệ Tổ quốc. Người nông dân, đem mồ hôi và sức lao động cần cù làm nên màu xanh cho ruộng đồng, *"trải dài nương mạ"* bát ngát quê hương. ý thơ vô cùng sâu sắc: máu và mồ hôi của nhân dân đã góp phần tô điểm mùa xuân và để giữ lấy mùa xuân mãi mãi.

Cả dân tộc bước vào mùa xuân với khí thế khẩn trương và náo nhiệt:

"Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao".

"Hối hả" nghĩa là vội vã, gấp gáp, khẩn trương. *"Xôn xao"* là có nhiều âm thanh xen lẫn vào nhau, làm cho náo động; ở trong câu thơ, *"xôn xao"* cùng với điệp ngữ *"tất cả như..."* làm cho nhạc thơ vang lên nhịp điệu vui tươi, mạnh mẽ khác thường. Đó là hành khúc Mùa Xuân của thời đại Hồ Chí Minh.

3. Đoạn thơ tiếp theo nói lên những suy tư của nhà thơ về đất nước và nhân dân:

"Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước".

Chặng đường lịch sử của đất nước với bốn nghìn năm trường tồn, lúc suy vong, lúc hưng thịnh với bao thử thách *"vất vả và gian lao"*. Thời gian đằng đẵng ấy, nhân dân ta từ thế hệ này qua thế hệ khác đã đem xương máu và mồ hôi, lòng yêu nước và tinh thần quả cảm để xây dựng và bảo vệ đất nước. Dân ta tài trí và nhân nghĩa. Bốn nghìn năm lập quốc tỏa sáng nền văn hiến Đại Việt, đã khẳng định sức mạnh Việt Nam. Câu thơ *"Đất nước như vì sao"* là một hình ảnh so sánh đẹp và đầy ý nghĩa. Sao là nguồn sáng lấp lánh, là vẻ đẹp bầu trời, vĩnh hằng trong không gian, và thời gian.

So sánh đất nước với vì sao là biểu lộ niềm tự hào đối với đất nước Việt Nam anh hùng, giàu đẹp. Hành trang đi tới tương lai của dân tộc ta không một thế lực nào có thể ngăn cản được: *"Cứ đi lên phía trước"*. Ba tiếng *"cứ đi lên"* thể hiện chí khí, quyết tâm và niềm tin sắt đá của dân tộc để xây dựng một Việt Nam *"dân giàu, nước mạnh"*.

4. Sau lời suy tư là điều tâm niệm của Thanh Hải. Trước hết là lời nguyện cầu được hóa thân:

"Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến".

"Con chim hót" để gọi xuân về, đem đến niềm vui cho con người. *"Một cành hoa"* để tô điểm cuộc sống, làm đẹp thiên nhiên sông núi. *"Một nốt trầm"* của bản *"hòa ca"* êm ái để làm xao xuyến lòng người, cổ vũ nhân dân. *"Con chim hót"*, *"một cành hoa"*, *"một nốt trầm..."* là ba hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho cái đẹp, niềm vui, cho tài trí của đất nước và con người Việt Nam.

Với Thanh Hải, hóa thân là để hiến dâng, để phục vụ cho một mục đích cao cả:

"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc".

Lời thơ tâm tình thiết tha. Mỗi con người hãy trở thành *"một mùa xuân nho nhỏ"* để làm nên mùa xuân bất tuyệt của đất nước. Ai cũng phải có ích cho đời. *"Mùa xuân nho nhỏ"* là một ẩn dụ đầy sáng tạo khắc sâu ý tưởng: *"Mỗi cuộc đời đã hóa núi sông ta"* (Nguyễn Khoa Điềm). *"Nho nhỏ"* và *"lặng lẽ"* là cách nói khiêm tốn, chân thành. *"Dâng cho đời"* là lẽ sống đẹp, cao cả. Bởi lẽ *"Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình"* (Tố Hữu). Sống hết mình thủy chung cho đất nước, đem cả cuộc đời mình phục vụ đất nước, cả từ lúc *"tuổi hai mươi"* trai tráng cho đến khi về già *"tóc bạc"*. Thơ hay là ở cảm xúc chân thành. Thanh Hải đã nói lên những lời *"gan ruột"* của mình. Ông đã sống như lời thơ ông tâm tình. Khi đất nước bị Mĩ - Diệm và bè lũ tay sai âm mưu chia cắt làm hai miền, ông hoạt động bí mật trong vùng giặc, gây dựng phong trào cách mạng, coi thường cảnh máu chảy đầu rơi. Cảm động hơn nữa là bài thơ *"Mùa xuân nho nhỏ"* được ông viết ra trên giường bệnh, một tháng trước lúc ông qua đời.

Thanh Hải sử dụng biện pháp nghệ thuật diệp ngữ rất tài tình: *"Ta làm... ta làm... ta nhập..."*, *"dù là tuổi... dù là khi..."* đã làm cho âm điệu thơ, giọng thơ tha thiết, sâu lắng, ý thơ được khắc sâu và nhấn mạnh. Người đọc xúc động biết bao trước một giọng điệu thơ trữ tình, ấm áp tình đời như vậy. Có thể xem đoạn thơ này là những lời trăng trối của ông.

5. Khổ thơ cuối là tiếng hát yêu thương:

"Mùa xuân ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế".

Nam ai và Nam bình là hai điệu dân ca Huế rất nổi tiếng mấy trăm năm nay. Phách tiền là một nhạc cụ dân tộc để điểm nhịp cho lời ca, tiếng đàn tranh, đàn tam

hập lục. Câu thơ *"Mùa xuân ta xin hát"* diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ lối với quê hương yêu dấu buổi xuân về. Quê hương đất nước trải dài ngàn dặm, chứa chan tình yêu thương. Đó là *"ngàn dặm mình"*, *"ngàn dặm tình"* đối với non nước và xứ Huế quê mẹ thân thương ! Câu thơ của người con đất Huế quả là *"dịu ngọt"* vậy.

Mùa xuân là đề tài truyền thống trong thơ ca dân tộc. Thanh Hải đã góp cho thơ ca dân tộc một bài thơ xuân đẹp, đậm đà tình nghĩa. Thể thơ năm chữ, giọng thơ lúc mạnh mẽ, lúc tha thiết ngân vang. Ngôn ngữ thơ trong sáng và biểu cảm, hàm súc và hình tượng. Các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, song hành đối xứng, điệp ngữ... được vận dụng sắc sảo, tài hoa. Tình yêu mùa xuân gắn liền với tình yêu đất nước, quê hương được Thanh Hải diễn tả một cách sâu sắc, cảm động. Mỗi một cuộc đời hãy là một mùa xuân. Đất nước ta mãi mãi sẽ là những mùa xuân tươi đẹp.

BÀI SỐ 137

Đề bài: Phân tích đoạn thơ sau trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải:

"Mùa xuân người cầm súng
... Cứ đi lên phía trước".

"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời..."

Mùa xuân trong thơ của Thanh Hải đem đến cho chúng ta nhiều xúc động. Từng vần thơ nhẹ nhàng trong sáng cứ ngân nga mãi trong lòng người nghe, lôi cuốn ta trước vẻ đẹp của đất nước vào xuân.

Bước đi của mùa xuân như đang hoà nhịp với bước *"đi lên phía trước"* của dân tộc trên hành trình *"vất vả"*, *"gian lao"* nhưng rất đỗi tự hào qua một đoạn thơ mà em yêu thích:

"Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao.
Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước..."

(*Mùa xuân nho nhỏ*)

Mùa xuân đến giữa hương sắc và âm thanh đất trời, lòng người vui *"xôn xao"*. Cả một dân tộc bừng bừng khí thế, một sức xuân dào dạt *"hối hả"* bước đi giữa mùa xuân. Mùa xuân mang đến cho nhân dân ta một sức sống mới, nhiệt tình cách mạng mới, hăng hái, khẩn trương lên đường. Cả một dân tộc ngập tràn niềm vui. Người người *"xôn xao"* đón chào một mùa xuân đẹp, một *"mùa xuân hồng"*:

"Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao".

Cặp từ láy *"hối hả"*, *"xôn xao"*, điệp ngữ *"tất cả"* như những nốt nhạc ngân nga trong ca khúc xuân hành, diễn tả niềm tự hào và khí thế cách mạng sôi nổi của nhân dân ta đang vững bước đi lên phía trước.

Sức xuân ấy của hàng triệu con người đang dồn vào hai nhiệm vụ chiến lược: Sản xuất và chiến đấu. Bốn câu thơ song hành từng đôi một, hô ứng nhịp nhàng, hài hoà như bước đi của dân tộc giữa mùa xuân:

"Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ".

"Lộc"- chồi non, cành biếc, non tơ, đầy nhựa sống, tượng trưng cho vẻ đẹp và sức sống mùa xuân. Người chiến sĩ ra trận với cành lá nguy trang *"lộc giắt đầy quanh lưng"* như mang cả một sức xuân căng tràn mà không một thế lực nào có thể ngăn cản được. Ở hậu phương, với bàn tay lao động cần cù, người nông dân đang phủ màu xanh lên đồng quê *"lộc trải dài nương mạ"*.

Câu thơ có nhạc điệu dồn dập hân hoan; hình ảnh vừa cụ thể gợi cảm, vừa mang ý nghĩa khái quát sâu sắc. Mùa xuân gắn liền với nhịp sống nhân dân *"vất vả và gian lao"* nhưng cũng rất vinh quang, vì nhân dân đang mang lại mùa xuân, đang làm ra mùa xuân.

Khổ thơ tiếp theo, nhà thơ nói lên những suy cảm của mình về đất nước và dân tộc. Cảm hứng lịch sử tạo nên những ý thơ sâu lắng, chan chứa tự hào. Một dân tộc đau thương và anh dũng, *"vất vả và gian lao"*, bao nhiêu máu, nước mắt và mồ hôi đã đổ xuống trên hành trình *"bốn ngàn năm"* lịch sử. *"Đất nước"* được lấy lại hai lần trong khổ thơ diễn tả thật ý vị và cảm xúc sung sướng tự hào dâng lên dào dạt. Đất nước tuy *"vất vả và gian lao"* nhưng dất nước đẹp vô cùng: *"Đất nước như vì sao"*. Một hình ảnh so sáng tuyệt dẹp diễn tả tình yêu dất nước và niềm tự hào dân tộc của nhân dân ta. Đất nước ta đẹp như *"vì sao"* vì dân tộc ta *"chưa bao giờ khuất"* (Nguyễn Đình Thi) có một truyền thống anh hùng chống giặc ngoại xâm chói ngời những trang sử oai hùng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên... *"Đất nước như vì sao"* có một nền văn hiến lâu đời như Nguyễn Trãi đã viết trong *"Bình Ngô đại cáo"*:

"Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu..."

Tự tin, tự hào khi nhà thơ nghĩ về hành trình *"đi lên phía trước"* của dân tộc đi chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng Tổ Quốc Việt Nam *"mười lần dẹp hơn"* như Bác Hồ mong muốn. Ba chữ *"cứ đi lên..."* làm toát lên ý chí mạnh mẽ, sáng chói niềm tin. Hình ảnh dất nước được nhân hoá diễn tả tình yêu nước vô cùng sâu nặng của tác giả. Phép dối được nhà thơ vận dụng sáng tạo làm cho câu thơ giàu hình ảnh và gợi cảm:

"Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước".

Đoạn thơ trên trong bài thơ *"Mùa xuân nho nhỏ"* của Thanh Hải để lại trong lòng chúng ta một ấn tượng sâu sắc.

Thể thơ năm chữ được tác giả vận dụng nhuần nhuyễn thành công. Lời thơ trong sáng, truyền cảm và giàu hình tượng. Phép đối, điệp từ, so sánh và nhân hoá

được sử dụng một cách điêu luyện diễn tả cảm hứng yêu nước, tự hào của nhà thơ, tạo nên những vần thơ có nhạc điệu tha thiết dạt dào.

Có gì đẹp hơn mùa xuân? Có tình yêu nào cao cả hơn tình yêu thiên nhiên, đất nước? Cảm ơn nhà thơ Thanh Hải để lại một đoạn thơ nói về mùa xuân. Chúng ta ước mong mỗi con người hãy trở thành *"một mùa xuân nho nhỏ"* để góp phần làm đẹp đất nước, quê hương hôm nay và ngày mai.

BÀI SỐ 138

Đề bài: Bình giảng đoạn đầu bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải.

Thơ là cái đẹp muôn đời, cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của con người. Có lẽ mùa xuân là thời gian hội tụ bao vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam nên thơ xuân mới hay và đậm đà như thế. Ta bâng khuâng một nét xuân trong thơ vua Trần Nhân Tông:

"Song song đôi bướm trắng
Phất phới phấn hoa bay".

(Buổi sớm mùa xuân)

Ta cảm một sắc xuân tươi xinh rực rỡ trong thơ của thi hào Nguyễn Du:

"Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa".

(Truyện Kiều)

Ta rạo rực dõi nhìn cánh đu bay trong ngày hội xuân của làng quê thân thuộc:

"Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,
Hai hàng chân ngọc duỗi song song".

(Đánh đu - Hồ Xuân Hương)

Và đây là thơ xuân của Thanh Hải:

"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng"...

Có người đã cho rằng: *"Đoạn thơ đẹp như bức tranh"*. Đó là bức tranh xuân của *"Huế đẹp và thơ"*, quê mẹ thương yêu của thi sĩ Thanh Hải.

Hai câu thơ đầu là một sắc xuân tươi xinh rực rỡ tắm mát tâm hồn chúng ta. Vần thơ như một tiếng nói thốt lên khi ngạc nhiên chợt thấy một cảnh đẹp mà lòng xôn xao xúc động:

"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc"

Có sông và hoa. Có màu *"xanh"* của dòng sông làm nền để tô điểm màu *"tím biếc"* của hoa, bông hoa xuân mới *"mọc"*, mới nở. Dòng sông hiện hữu trong bài thơ Thanh Hải không phải là con sông chung chung nào, mà người đọc dễ nhận ra, đó là sông Hương *"bài thơ trữ tình cố đô Huế"* như thi sĩ Tố Hữu tâm sự:

"Hương Giang ơi, dòng sông êm
Qua tim ta, vẫn ngày đêm tự tình"...

"Bông hoa tím biếc" mọc giữa dòng sông xanh chỉ có thể là hoa súng, hoa lục bình dân dã mà Lê Anh Xuân từng say mê ngắm nhìn sau những năm dài xa cách mới trở về quê nội:

"Hoa lục bình tím cả bờ sông".

Chữ *"mọc"* nằm đầu câu thơ *"Mọc giữa dòng sông xanh"* thể hiện một nét xuân đột hiện, một sức xuân mạnh mẽ xuất hiện xinh đẹp, non tơ, lộng lẫy như một nàng xuân trong sắc áo *"tím biếc"* kiêu sa trên cái nền xanh của dòng sông. Thanh Hải đã sử dụng hai gam màu tươi sáng để vẽ lên một nét xuân đẹp trên bức tranh xuân đẹp.

Ngắm dòng sông, bâng khuâng nhìn hoa xuân đẹp, nhà thơ khẽ reo lên khi bỗng nghe chim hót *"vang trời"*:

"Ơi! Con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời"

"Ơi" là từ cảm thán biểu đạt sự xúc động bồi hồi của nhà thơ khi nghe chim chiền chiện hót. Tiếng chim hót là khúc nhạc đồng quê. Chim chiền chiện làm tổ trên luống cày, nó là người bạn thân thiết của nhà nông. Nghe chiền chiện hót mà mừng vui, chim báo sẽ được mùa: *"Chiền chiện hót lúa tốt bời bời"*(Tục ngữ). Hai tiếng *"hót chi"* rất gợi cảm, là cách nói *"dịu ngọt"* của bà con *"xứ Huế chúng miềng"*. Qua đó, ta thấy nét xuân thứ hai được nhà thơ cảm nhận là một nét vui. Qua tiếng chim hót mà ta cảm được cái mênh mông trong sáng của bầu trời xuân. Ta cảm được tấm lòng hồn hậu của đứa con xứ Huế. Một cử chỉ rất tao nhã đáng yêu:

"Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng"

Không hề nói đến nắng mà ta vẫn cảm nhận được ánh hồng bình minh làm long lanh những giọt sương tròn như hòn ngọc bé tí treo trên đầu ngọn cỏ, lá cây. *"Từng giọt long lanh rơi"* cũng có thể là những chuỗi âm thanh, từng chuỗi tiếng chim chiền chiện từ trời cao vọng đến, *"rơi"* xuống? Cái cử chỉ *"đưa tay... hứng"* thể hiện một hồn thơ chan hoà với thiên nhiên, đất trời, tạo vật.

Thơ đích thực là một hữu hình mà mở ra trong lòng người đọc những sắc màu và chân trời bao la. Tiếng chim hót, giọt long lanh trong thơ Thanh Hải cũng vậy, nó mở ra bao thế giới về cảnh sắc ban mai trên đồng quê. Cảnh sắc thân thuộc đáng yêu biết bao:

"Mặt trời càng lên tỏ
Bông lúa chín thêm vàng
Sương treo trên đầu cỏ
Sương lại càng long lanh
Bay vút tận trời xanh
Chiền chiện cao tiếng hót"...

("*Thăm lúa*"- Trần Hữu Thung)

Đoạn thơ ngũ ngôn sáu câu ba mươi chữ của Thanh Hải quả là một bức tranh xuân đẹp và tươi vui. Có bầu trời và dòng sông. Có hoa khoe sắc và chim cất tiếng hót. Có giọt sương mai long lanh. Hình ảnh con người xuất hiện trên bức tranh xuân với cử chỉ tao nhã, ung dung, với tâm hồn trong sáng, lạc quan yêu đời và giàu tình yêu thiên nhiên.

"Mùa xuân nho nhỏ" là một bài thơ xuân kiệt tác của Thanh Hải. Ông viết bài thơ này vào tháng 11 năm 1980, một tháng trước lúc ông qua đời. Có thể nói, đoạn thơ trên đây là khát vọng mùa xuân muôn đời.

Một khổ thơ trong bài *"Mùa xuân nho nhỏ"* cho em nhiều ấn tượng đẹp.

"Mùa xuân ta xin hát...
Nhịp phách tiền đất Huế".

Nam ai và Nam bình là hai điệu dân ca Huế rất nổi tiếng mấy trăm năm nay. Phách tiền là một nhạc cụ dân tộc để điểm nhịp cho lời ca, tiếng đàn tranh, đàn tam thập lục. Câu thơ *"Mùa xuân ta xin hát"* diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu buổi xuân về. Quê hương đất nước trải dài ngàn dặm, chứa chan tình yêu thương. Đó là *"ngàn dặm mình"*, *"ngàn dặm tình"* đối với non nước và xứ Huế quê mẹ thân thương ! Câu thơ của người con đất Huế quả là *"dịu ngọt"* vậy.

Mùa xuân là đề tài truyền thống trong thơ ca dân tộc. Giọng thơ của Thanh Hải lúc mạnh mẽ, lúc tha thiết ngân vang. Các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, song hành đối xứng, điệp ngữ... được vận dụng sắc sảo, tài hoa. Tình yêu mùa xuân gắn liền với tình yêu đất nước, quê hương được Thanh Hải diễn tả một cách sâu sắc, cảm động. Mỗi một cuộc đời hãy là một mùa xuân. Đất nước ta mãi mãi sẽ là những mùa xuân tươi đẹp.

BÀI SỐ 139

Đề bài: Phân tích bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương.

Trong những bài thơ viết sau ngày Bác Hồ *"đi xa"*, bài thơ *"Viếng lăng Bác"* của Viễn Phương là bài thơ đặc sắc nhất. Bài thơ diễn tả niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với lãnh tụ bằng một ngôn ngữ tinh tế, giàu cảm xúc sâu lắng. Nó đã được phổ nhạc, lưu truyền sâu rộng trong nhân dân. Câu thơ mở đầu cho thấy xuất xứ của bài thơ:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"

1. Từ chiến trường miền Nam, nhà thơ Viễn Phương mang theo bao tình cảm thắm thiết của đồng bào và chiến sĩ ra viếng lăng Bác Hồ kính yêu. Đây là cuộc hành hương của người chiến sĩ. Từ xa, nhà thơ đã nhìn thấy hàng tre ẩn hiện trong sương khói trên quảng trường Ba Đình lịch sử. Màn sương trong câu thơ gợi lên một không khí thiêng liêng, huyền thoại. Cây tre, hàng tre *"đứng thẳng hàng"* trong làn sương mỏng, ẩn hiện thấp thoáng, mang màu sắc xanh xanh. *"Hàng tre xanh xanh"* vô cùng thân thuộc được nhân hóa, trải qua *"bão táp mưa sa"* vẫn *"đứng thẳng hàng"* như dáng đứng của con người Việt Nam kiên cường, bất khuất trong bốn nghìn năm lịch sử:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác,
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát,
Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam,
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng".

"Ôi !" là từ cảm, biểu thị niềm xúc động tự hào. Hình ảnh hàng tre xanh mang tính chất tượng trưng, giàu ý nghĩa liên tưởng sâu sắc. Tre mang phẩm chất cao quý của con người Việt Nam: *"mộc mạc, thanh cao, ngay thẳng, bất khuất..."* (Thép Mới). Có nhà thơ đã viết:

... "Bão bùng thân bọc lấy thân,
Tay ôm, tay níu, tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người..."

("*Tre Việt Nam*" - Nguyễn Duy)

2. Miêu tả cảnh quan (phía ngoài) lăng Bác, nhà thơ tạo nên những suy nghĩ sâu sắc về phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta. Khổ thơ tiếp theo nói về Bác. Bác là người con ưu tú của dân tộc, là *"tinh hoa và khí phách của nhân dân Việt Nam"* (Phạm Văn Đồng).

Hai câu thơ sóng nhau, hô ứng nhau với hai hình ảnh mặt trời. Một mặt trời thiên nhiên, rực rỡ, vĩnh hằng *"Ngày ngày... đi qua trên lăng"*, và *"Một mặt trời trong lăng rất đỏ"* - hình ảnh Bác Hồ vĩ đại. Màu sắc *"rất đỏ"* làm cho câu thơ có hình ảnh đẹp gây ấn tượng sâu xa hơn, nói lên tư tưởng cách mạng và lòng yêu nước nồng nàn của Bác:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ".

Hòa nhập vào *"dòng người"* đến lăng viếng Bác, nhà thơ xúc động bồi hồi...

Thành kính và nghiêm trang. Dòng người đông đúc, chẳng khác nào một *"tràng hoa"* muôn sắc ngàn hương từ mọi miền đất nước đến Ba Đình lịch sử viếng lăng Bác. Hình ảnh ẩn dụ *"tràng hoa"* diễn tả tấm lòng biết ơn, sự thành kính của nhân dân đối với Bác Hồ vĩ đại:

"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân".

Chữ *"dâng"* chứa đựng bao tình cảm, bao tình nghĩa. Nhà thơ không nói *"79 tuổi"* mà nói: *"bảy mươi chín mùa xuân"*, một cách nói rất thơ: cuộc đời Bác đẹp như những mùa xuân. Qua đó, ta thấy nghệ thuật lựa chọn ngôn từ của Viễn Phương rất tinh tế biểu cảm và hình tượng.

3. Khổ thơ thứ ba nói về sự vĩnh hằng bất diệt của Bác. Bác như đang nằm ngủ, một giấc ngủ *"bình yên"*, trong một khung cảnh thơ mộng. Bác vốn yêu trăng. Thời kháng chiến, giữa núi rừng chiến khu Việt Bắc, Bác đã từng có những khoảnh khắc sống rất thần tiên:

"Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm".

Giờ đây, nhà thơ cảm thấy *"Bác yên ngủ"* một cách thanh thản *"giữa một vầng trăng sáng dịu hiền"*. Nhìn *"Bác ngủ"*, nhà thơ đau đớn, xúc động. Câu thơ *"mà sao nghe nhói ở trong tim"* diễn tả sự đau đớn, tiếc thương đến cực độ. Viễn Phương có một lối viết hàm súc, đầy thi vị; câu chữ để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc.

Khổ thơ cuối nói lên cảm xúc của nhà thơ khi ra về. Biết bao lưu luyến, buồn thương. Nhà thơ muốn hóa thân làm *"con chim hót"*, làm *"đóa hoa tỏa hương"*, làm *"cây tre trung hiếu"* để được đền ơn đáp nghĩa Người. ý thơ sâu lắng, hình ảnh thơ đẹp và độc đáo, cách biểu hiện cảm xúc *"rất Nam Bộ"*. Đây là những câu thơ trội nhất trong bài *"Viếng lăng Bác"*:

"Mai về miền Nam, thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này".

Điệp ngữ *"muốn làm..."* được láy lại ba lần gợi tả cảm xúc thiết tha, nồng hậu của nhà thơ miền Nam đối với lãnh tụ.

"Viếng lăng Bác", bài thơ ngắn mà ý thơ, hình tượng thơ, cảm xúc thơ: sâu lắng, hàm súc và đẹp. Viễn Phương đã chọn thể thơ mỗi câu tám từ, mỗi khổ bốn câu, toàn

bài bốn khổ - một sự cân đối hài hòa để biểu hiện một giọng điệu thơ nghiêm trang kính cẩn.

Bài thơ là tấm lòng yêu thương, kính trọng và biết ơn Bác. Tâm tình của nhà th cũng là tâm tình của riêng em, của mỗi người Việt Nam và của cả dân tộc. Đó là gi trị lớn lao của bài thơ *"Viếng lăng Bác"*.

BÀI SỐ 140

Để bài: Em hãy phân tích một bài thơ viết về Bác Hồ đã gây cho em nhiều xúc động hơn cả.

"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha."

Nỗi mong chờ và ao ước của đồng bào miền Nam được Bác vào thăm khôn còn nữa! Người đã ra đi mãi mãi để lại bao niềm nuối tiếc trong lòng mỗi người dâ Nam Bộ, Viễn Phương - nhà thơ trẻ miền Nam - được vinh dự ra thăm lăng Bác. Tá giả đã thay mặt nhân dân miền Nam bày tỏ tình cảm của mình khi đứng trước ngườ cha già dân tộc. Xúc động tận đáy lòng, Viễn Phương viết bài "*Viếng lăng Bác*". Đâ là bài thơ gợi cho em niềm cảm xúc sâu xa nhất.

Cảm xúc đầu tiên mà em cảm nhận được từ bài thơ có lẽ vì bài thơ thể hiệ được tình cảm chân thành và giản dị của đồng bào Nam bộ muốn nhắn gửi, nhờ Viễ Phương nói hộ cùng Bác nỗi trông chờ và mong đợi Bác vào thăm.

Xúc động dạt dào, mở đầu bài thơ, tác giả viết:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre! Xanh xanh Việt Nam"

Tình cảm của nhà thơ rất chân thành và cũng rất gần gũi. Đối với người chiến s miền Nam được ra thăm lăng Bác là một điều rất vinh dự. Nhưng không vì thế m giảm mất tình yêu thương của tác giả đối với Bác. Câu thơ ấm áp tình người với các xưng hô thân mật "*con*". Bởi tất cả mọi người đều là những người con trung hiếu củ Bác, xem Bác như "*là cha, là bác, là anh*". Tình người bao la, giản dị, tình dân tộ đằm thắm mến yêu. Đoạn thơ đã tạo nên một không khí ấm áp, gần gũi. Tác giả khé léo chọn hình ảnh cây tre, hình ảnh thân thuộc của đất nước để mở bài thơ rộng hơ xa hơn nhưng cũng gần gũi hơn bao giờ hết. Nhắc đến hình ảnh cây tre, ta lại nghĩ tớ đất nước, tới dân tộc Việt Nam với bao đức tính cao quí. Tre anh dũng trong chiế đấu, tre yêu thương giúp đỡ dân tộc, tre hi sinh cho thế hệ mai sau và tre cũng rất an hùng bất khuất:

"Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường"

Tre đã vất vả, chịu nhiều nắng mưa nhưng vẫn hiên ngang đứng giữa trời xanh như dân tộc ta không bao giờ khuất phục bọn giặc cướp nước "*Bão táp mưa sa đứn thẳng hàng*".

Theo đoàn người, tác giả vào thăm lăng Bác, nhà thơ nhìn thấy:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ."

"*Mặt trời*" ngày ngày đi qua trên lăng là mặt trời của đất, nguồn sáng lớn nhấ rực rỡ và vĩnh viễn trên thế gian. Nhưng mặt trời ấy còn thấy và nhận ra một mặt trờ

ıác, một "*mặt trời trong lăng*" rất đỏ. Mặt trời trên cao được nhân hóa, nhìn mặt trời ong lăng bằng đôi mắt của mặt trời. Một hình ảnh chứa chan bao tôn kính đối với ác Hồ vĩ đại. Bằng hình ảnh ẩn dụ, nhà thơ đã ví Bác là mặt trời. Người là mặt trời đỏ ıc màu cách mạng sẽ mãi mãi chiếu sáng đường chúng ta đi bằng sự nghiệp cách ıạng vĩ đại của Người. Đây là nét nghệ thuật sáng tạo của tác giả. Độc đáo hơn, nhà ıơ còn sáng tạo một hình ảnh khác nữa để ca ngợi Bác:

"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

Hình ảnh những đòng người đi trong thương nhớ kết thành những tràng hoa hông chỉ là hình ảnh tả thực so sánh những dòng người xếp thành hàng dài vào lăng ác trông như những tràng hoa vô tận. Nó còn có nghĩa tượng trưng: Cuộc đời của họ ã nở hoa dưới ánh sáng của Bác. Những bông hoa tươi thắm đó đang đến dâng lên gười những gì tốt đẹp nhất. "*Dâng bảy mươi chín mùa xuân*". Đây là hình ảnh hoán ụ mang ý nghĩa tượng trưng. Con người bảy mươi chín mùa xuân ấy đã sống một ıộc đời đẹp như những mùa xuân và đã làm ra những mùa xuân cho đất nước, cho ɔn người. Nhà thơ vào lăng, được nhìn thấy Bác nằm trong giấc ngủ bình yên giữa ıột vùng ánh sáng nhè nhẹ dịu hiền. Ánh sáng ấy nơi Bác nằm được nhà thơ miêu tả hư ánh sáng một vầng trăng hiền dịu:

"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!"

Ánh sáng của những ngọn đèn mờ ảo trong lăng gợi nhà thơ sự liên tưởng thật ı thú vị "*ánh trăng*". Tác giả đã thể hiện sự am hiểu của mình về Bác qua sự liên ưởng kì lạ đó. Bởi trăng với Bác từng là đôi bạn tri âm tri kỉ. Ánh trăng bát ngát ngoài ời đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để ru iấc ngủ ngàn thu cho Người. Với hình ảnh "*vầng trăng sáng dịu hiền*" dụng ý nhà ıơ còn muốn tạo ra một hệ thống hình ảnh vũ trụ để ví với Bác. Người có lúc như mặt ời ấm áp, có lúc dịu hiền như ánh trăng rằm. Bác của chúng ta là vậy. "*Mặt trời*", *vầng trăng*", "*trời xanh*" đó là những cái mênh mông bao la của vũ trụ được nhà thơ í như cái bao la rộng lớn trong tình thương của Bác. Đó cũng là biểu hiện sự vĩ đại, ıc rỡ, cao siêu của con người và sự nghiệp của Bác. Biết rằng Bác vẫn sống mãi trong ự nghiệp cách mạng và tâm trí nhân dân như bầu trời xanh vĩnh viễn trên cao. Nhưng hà thơ vẫn không khỏi thấy nhói đau trong lòng khi đứng trước thi thể của Người: *Mà sao nghe nhói ở trong tim*". Nỗi đau như hàng ngàn mũi kim đâm vào trái tim ıổn thức của tác giả. Đó là sự rung cảm chân thành của nhà thơ.

Còn đứng trong lăng Bác, nhưng khi nghĩ đến lúc phải xa Bác, Viễn Phương ıấy bịn rịn không muốn dứt. Tình cảm của nhà thơ trong suốt thời gian trên luôn sâu ing, đau lặng lẽ nhưng đến giây phút này, Viễn Phương không thể nào ngăn được ữa, để cho tình cảm theo dòng nước mắt tuôn trào, dâng lên cao và tha thiết nhất *mai về miền Nam thương trào nước mắt*". Chỉ nghĩ đến việc về miền Nam, tác giả ũng đã "*trào nước mắt*", luyến tiếc khi chia tay, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.) câu thơ này, tác giả không sử dụng một nghệ thuật gì cả, chỉ là lời nói giản dị, là ıh thương sâu lắng tự tấm lòng nhưng lại làm cho ta xúc động, bài thơ thêm giàu ảm xúc. Một cách nói không hoa mĩ, chân thành như người dân Nam bộ, nhưng lại ing trong đó nỗi thương yêu đau đớn không có gì có thể nói và tả được. Tác giả thay ıặt cho nhân dân miền Nam bày tỏ niềm thương tiếc vô hạn đối với vị cha già dân

tộc. Câu nói giản dị ấy làm người đọc thêm hiểu và đồng cảm với cảm xúc của Viễn Phương, bởi lời nói đó đều xuất phát từ muôn triệu trái tim bé nhỏ cùng chung nỗi đau không khác gì tác giả. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút, nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá. Ước nguyện thành kính của Viễn Phương cũng là mong ước chung của những người đã hoặc chưa một lần nào gặp Bác:

"Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

Ngữ "*muốn làm*" được lặp đi lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ thể hiện được ước muốn, sự tự nguyện của tác giả. Hình ảnh cây tre lại xuất hiện khép bài thơ lại một cách khéo léo. Một mong ước chân thành của nhà thơ. Tác giả muốn làm con chim hằng ngày ca hót cho Bác yên ngủ, làm đóa hoa tỏa hương thơm ngào ngạt, cùng muôn đóa hoa khác làm đẹp nơi Bác nghỉ. Và vui sướng nhất khi được làm cây tre trung hiếu đứng mãi bên Bác canh từng giấc ngủ của Người. Cánh hoa ấy, tiếng chim hót và cây tre trung hiếu ấy giữ mãi cho Người giấc ngủ bình yên. Viễn Phương nói lên mong ước của mình cũng như là ước nguyện của tất cả chúng ta muốn được gần Bác để được lớn lên một chút:

"Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút."

Bác của chúng ta là vậy. Người giàu tình thương yêu, giàu đức hi sinh và đời Người thì vô cùng giản dị. Đất nước ta mất Bác như mất người cha vĩ đại, người cha luôn luôn dành cho nhân loại tình thương vô bờ bến.

Bài thơ "*Viếng lăng Bác*" thật giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, mấy ai đọc bài thơ mà không thấy rung động trong lòng. Bằng cách sử dụng điêu luyện những biện pháp tu từ một cách sáng tạo, tác giả đã thể hiện tình cảm ngọt ngào đằm thắm lại rất giản dị chân thành đối với Bác. Nhà thơ đã truyền được cảm xúc của mình đến với người đọc chính bởi cảm xúc của cả đồng bào Nam bộ nói riêng của dân tộc nói chung. Chúng ta những cháu ngoan của Bác Hồ cũng xin nguyện như Viễn Phương làm cây tre trung hiếu, làm bông hoa đẹp, làm tiếng chim hay và làm muôn ngàn công việc tốt để dâng lên Người.

Trần Thị Hoàng Cúc

BÀI SỐ 141

Đề bài: Phân tích bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh.

"*Sang thu*" là bài thơ ngũ ngôn của Hữu Thỉnh, từng được nhiều người ưa thích. Bài thơ gồm có ba khổ thơ, mỗi khổ thơ bốn câu là một nét thu đẹp êm đềm của đất trời, tạo vật trong buổi đầu thu - thu mới về, thu chợt đến.

"*Sang thu*" thể hiện một bút pháp nghệ thuật thanh, nhẹ, tài hoa, diễn tả những cảm nhận, những rung động man mác, bâng khuâng của tác giả trước vẻ đẹp và sự biến đổi kì diệu của thiên nhiên trong buổi chớm thu. Đối tượng được cảm nhận là cảnh sắc mùa thu nơi đồng quê trên miền Bắc đất nước ta.

Với thi sĩ Xuân Diệu thì tín hiệu đầu thu là sắc "*mơ phai*" của lá được bàn tay tạo hóa "*dệt*" nên giữa muôn ngàn cây:

"Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng."

(Đây mùa thu tới)

Nhưng với Hữu Thỉnh là "*hương ổi*" của vườn quê được "*phả vào*" trong làn gió hu se lạnh. Cái hương vị nồng nàn ấy nơi vườn nhà mà tuổi thơ mỗi chúng ta sẽ mang heo mãi trong tâm hồn, đi suốt cuộc đời:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió thu."

"*Phả*" nghĩa là bốc mạnh và tỏa ra thành luồng (Từ điển Tiếng Việt - Hoàng ?hê). Hữu Thỉnh không tả mà chỉ gợi, đem đến cho người đọc những liên tưởng về nàu vàng hươm, về hương thơm lựng, thơm ngát tỏa ra, bốc lên từ những trái ổi chín nơi vườn quê trong những ngày cuối hạ, đầu thu. Vì gió thu "*se*" lạnh, nên hương ổi nới thêm nồng nàn phả vào đất trời và hồn người.

Nhiều người đã biết: Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, Băng Sơn, Nguyễn Đình Thi,... đã viết thật hay về hương cốm Vòng (Hà Nội), một nét đẹp mến yêu về hương vị mùa thu của quê hương đất nước:

"Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới..."

("*Đất nước*" - Nguyễn Đình Thi)

"*Hương ổi*" được hữu hình trong bài "*Sang thu*" là một cái mới trong thơ, đậm đà màu sắc dân dã của Hữu Thỉnh.

Sau "*hương ổi*" và "*gió se*", nhà thơ nói đến sương thu. Cũng không phải là "*Sương thu lạnh... Khói thu xây thành*" trong "*Cảm thu tiễn thu*" của Tản Đà. Cũng chẳng phải là giọt sương lạnh và tiếng thu buồn những ngày xa xưa: "*Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun*" (*Chinh phụ ngâm*). Mà là sương thu chứa đầy tâm trạng "*chùng chình*" cố ý làm chậm chạp để kéo dài thời gian:

"Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về."

Sương thu đã được nhân hóa; hai chữ "*chùng chình*" diễn tả rất thơ bước đi chầm chậm của mùa thu về. Nếu các từ ngữ "*bỗng nhận ra*" biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên thì hai chữ "*hình như*" thể hiện sự phỏng đoán một nét thu mơ hồ vừa chợt phát hiện và cảm nhận.

Chữ "*se*" vần với chữ "*về*" (vần chân, vần bằng, vần cách) đã góp phần tạo nên sự phong phú về vần điệu và nhạc điệu, làm cho giọng thơ nhẹ nhàng, mênh mông gợi cảm.

Không gian nghệ thuật của bức tranh "*Sang thu*" được mở rộng, ở chiều cao, độ rộng của bầu trời với cánh chim bay và đám mây trôi, ở chiều dài của dòng sông qua khổ thơ thứ hai tiếp theo:

"Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu."

Sông mùa thu trên miền Bắc nước ta nước trong xanh, êm đềm trôi: "*Trắng xóa tràng giang, phẳng lặng tờ*" ("*Tức cảnh chiều thu*" - Bà Huyện Thanh Quan). Sông nước đầy nên mới "*dềnh dàng*", nhẹ trôi như cố tình làm chậm chạp, thiếu khẩn trương, để mất nhiều thì giờ... Chim bay "*vội vã*", đó là những đàn cu ngói, những đàn sâm cầm, những đàn chim đổi mùa, tránh rét, từ phương Bắc xa xôi bay về phương Nam. Trong số đàn chim bay "*vội vã*" ấy phải chăng có những đàn ngỗng trời mà nhà thơ Nguyễn Khuyến đã nói tới trong "*Thu vịnh*":

"Một tiếng trên không ngỗng nước nào?"

Dòng sông, cánh chim, đám mây mùa thu đều được nhân hóa. Bức tranh thu trở nên hữu tình, chứa chan thi vị. Hữu Thỉnh không dùng những từ ngữ như: lang thang lơ lửng, bồng bềnh, nhẹ trôi,... mà lại dùng chữ "*vắt*":

"Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu."

Mây như kéo dài ra, vắt lên, dặt ngang trên bầu trời, buông thõng xuống. Câu thơ tả đám mây mùa thu của Hữu Thỉnh khá hay và độc dáo; cách chọn từ và dùng từ rất sáng tạo.

Khổ thơ cuối nói lên một vài cảm nhận và suy ngẫm của nhà thơ khi nhìn cảnh vật trong những ngày dầu thu:

"Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi"

Nắng, mưa, sấm, những hiện tượng của thiên nhiên trong thời diểm giao mùa mùa hạ - mùa thu được Hữu Thỉnh cảm nhận một cách tinh tế. Các từ ngữ: "*vẫn còn*" "*đã vơi dần*", "*cũng bớt bất ngờ*" gợi tả rất hay thời lượng và sự hiện hữu của sự vật của thiên nhiên như nắng thu, mưa thu, tiếng sấm buổi đầu thu. Mùa hạ như còn níu giữ. Nắng, mưa, sấm mùa hạ như còn vương vấn hàng cây và đất trời. Nhìn cảnh vật sang thu buổi giao mùa, từ ngoại cảnh ấy mà nhà thơ suy ngẫm về cuộc dời. "*Sấm*" và "*hàng cây đứng tuổi*" là những ẩn dụ tạo nên tính hàm nghĩa của bài "*Sang thu*" Nắng, mưa, sấm là những biến động của thiên nhiên, còn mang ý nghĩa tượng trưng cho những thay dổi, biến dổi, những khó khăn thử thách trong cuộc dời. Hình ảnh "*hàng cây đứng tuổi*" là một ẩn dụ nói về lớp người dã từng trải, được tôi luyện trong nhiều gian khổ, khó khăn:

"Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi"

Hữu Thỉnh viết bài thơ "*Sang thu*" vào đầu những năm 80 của thế kỉ trước. Lúc bấy giờ, đất nước ta tuy dã được dộc lập và thống nhất nhưng dang dứng trước nhiều khó khăn, thử thách mới về kinh tế, về xã hội. Hai câu kết bài thơ mang hàm nghĩa khẳng định bản lĩnh cứng cỏi và tốt dẹp của nhân dân ta trong những năm tháng gian khổ, khó khăn ấy.

"*Sang thu*" là một bài thơ hay của Hữu Thỉnh, được in trong tập thơ "*Từ chiến hào tới thành phố*" xuất bản vào tháng 5.1985. Bao cảm xúc dâng đầy trong những vần thơ dẹp, hữu tình, nên thơ. Nhà thơ không sử dụng bút màu để vẽ nên những cảnh thu, sắc thu rực rỡ. Chỉ là một số nét chấm phá, tả ít mà gợi nhiều nhưng tác giả đã làm hiện lên cái hồn thu thanh nhẹ, trong sáng, êm dềm, mênh mang... dầy thi vị.

Nghệ thuật nhân hóa và ẩn dụ, cách chọn lọc từ ngữ khá tinh tế là những thành công của Hữu Thỉnh để lại dấu ấn dẹp và sâu sắc trong "*Sang thu*". Thơ ngũ ngôn trong "*Sang thu*" thể hiện một cách cảm, cách nghĩ, cách diễn dạt mới mẻ, hàm súc lắng đọng và hồn nhiên. "*Sang thu*" là một tiếng lòng trang trải, gửi gắm bao tình yêu mùa thu của quê hương đất nước; một tiếng thu nồng hậu, thiết tha.

BÀI SỐ 142

Đề bài: Bình giảng hai khổ thơ đầu "Sang thu" của Hữu Thỉnh

Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu bước vào trong thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây, Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ thu: "*Thu điếu*", "*Thu vịnh*", "*Thu ẩm*", sau này Xuân Diệu có "*Đây mùa thu tới*". Nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương sang thu:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu."

Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra là hương vị ổi phả trong gió. Mùi hương quê nhà mộc mạc được gió đưa trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: "*bỗng nhận ra*". Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi, để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi: giòn ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh. Có hương ổi. Và gió. Và sương. Những hạt sương thu mềm mại, ươn ướt giăng màn qua ngõ. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo hương quê và mang theo sương mờ ướt lạnh. Dường như có thêm sương nên thu dễ nhận hơn. "*Sương chùng chình qua ngõ*", "*chùng chình*" hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần dần như thế, cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế, thu đến tự lúc nào không hay. "*Hình như thu đã về*". Nhà thơ giật mình, hơi bối rối. Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi hay từ gió, hay từ sương ? Hữu Thỉnh cũng hơi ngỡ ngàng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con đường bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

Cái bỡ ngỡ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu:

"Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu."

Con sông quê hương *dềnh dàng* nước chở mùa thu. Những cánh chim bay *vội vã*. Thật lạ lùng mùa thu! Nơi thì "*chùng chình*", "*dềnh dàng*", mà nơi thì "*vội vã*", hối hả... Nhưng tất cả đều với một cảm giác mới mẻ, xôn xao khi mùa thu về. Không còn cái gay gắt của mùa hè nóng nực, chỉ còn lại một bầu không gian ấm ướt và se lạnh. Một thoáng rối lòng để rồi nhường lại cho thu. Mùa thu vừa chớm rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang rùng mình thay áo mới. Hữu Thỉnh không tả trời thu "*xanh ngắt mấy từng cao*" như Nguyễn Khuyến mà chỉ điểm vào bức tranh thu một chút mây vương lại của mùa hè vừa qua:

"Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu."

Mây trời vắt nửa mình sang thu. Lối diễn đạt của nhà thơ thật độc đáo. Hình thu trong đám mây đó còn lại một vài làn nắng ấm mùa hè nên mới "*vắt nửa mình*". Thu về làm cho bao cảnh vật đổi thay và đám mây cũng khác lạ.

Với một đoạn thơ ngắn vẻn vẹn hai khổ mà nhà thơ đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ ngữ láy: "*chùng chình*", "*vội vã*", "*dềnh dàng*", và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng. Hữu Thỉnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người.

"*Sang thu*" - một hình ảnh quê hương tự nó đã tôn thêm vẻ đẹp cho đất nước, cho quê nhà, cho đồng quê trong mùa thu chung của cả đất trời Việt Nam.

Nguyễn Thị Anh Trúc - Trường THCS Hà Tĩnh
Giải nhất bảng A, kì thi học sinh giỏi cấp quốc gia - năm học 1991-1992

BÀI SỐ 143

Đề bài: Bình giảng bài thơ "Nói với con" của Y Phương.

Y Phương, người con của dân tộc Tày là tác giả bài thơ "*Nói với con*". Nhan đề bài thơ rất bình dị, lời thơ và chất thơ rất hồn nhiên.

Hai mươi tám câu thơ tự do, câu ngắn nhất chỉ có hai chữ, câu thơ dài nhất là mười chữ, phần nhiều là những câu thơ bốn chữ năm chữ; lại có câu thơ cất lên như một khẩu ngữ, nhưng rất gợi rất đậm đà vì thấm đẫm tình cha, vì cách biểu cảm chân tình, mộc mạc.

Tràn ngập những vần thơ là tình thương con, là niềm tự hào đối với quê hương xứ sở. Các câu thơ:

- "*Người đồng mình yêu lắm con ơi*"
- "*Người đồng mình thương lắm con ơi*"
- "*Người đồng mình thô sơ da thịt*"
- "*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*"

đứng chốt ở bốn trọng điểm, như những luyến láy, những điệp cú, điệp khúc làm cho âm điệu, nhạc điệu thơ ngân vang, dào dạt.

Tôi đã sinh ra và lớn lên ở đôi bờ con sông Hương thơ mộng, thuở tấm bé đã được uống vào lòng những lời thiết tha, dịu ngọt: "*bà con miếng*", "*chị em miếng*", "*anh em miếng*",... của má tôi, của chị gái tôi, của bè bạn tôi. Rồi những năm dài chiến tranh trên những nẻo đường hành quân, tôi đã xúc động khi chợt nghe một tiếng ru buồn, đìu dịu cất lên từ một mái nhà gianh nơi xóm vắng xa lạ: ... "*Nàng về nuôi cái cùng con- Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*"... Và khi đọc thơ Y Phương, ba tiếng "*người đồng mình*" đã vương vấn tâm hồn tôi bao bâng khuâng man mác. Tôi bồi hồi nhớ về tuổi thơ, nhớ giọng nói dịu hiền của má tôi, nhớ về xứ Huế, và thật kì lạ, tôi bâng khuâng nghĩ về Cao Bằng, nơi "*gạo trắng nước trong*", nơi mà tôi chưa hề một lần đi tới. Thơ có hồn, có hay mới gợi nhớ gợi thương như thế. "*Người đồng mình*" đã kết tụ bao tình yêu thương, tự hào của Y Phương đối với "*nước non Cao Bằng*", nơi chôn nhau cắt rốn nặng tình nặng nghĩa của mình.

Hãy khẽ ngâm lên những vần thơ của anh:

"Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười"

Ta tưởng như đang được ngắm một bức tranh tứ bình có bốn hình ảnh: chân phải, chân trái, tiếng nói, tiếng cười của một em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói. Lúc thì sà vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha. Điệp ngữ *"bước tới"* và động từ *"chạm"* dùng rất khéo, làm nổi bật cái hồn bức tranh về gia đình hạnh phúc: đôi vợ chồng trẻ với đứa con thơ đầu lòng.

"Người đồng mình yêu lắm con ơi"!- Sao không yêu? Phải yêu nhiều, yêu lắm chứ!

"Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng".

Nhà văn Nguyễn Tuân từng ca ngợi ông lái đò sông Đà có *"bàn tay lái ra hoa"*. Một nhà thơ nọ, trước vẻ đẹp yêu kiều của cô văn công đã thốt lên: *"mười m[ột] hoa trắng ngần thơm ngát bàn tay em"*. Chữ *"hoa"*, chữ *"câu hát"*, chữ *"tấm lòng"* trong thơ Y Phương cũng rất ý vị. Đan lờ đánh cá, dưới bàn tay người Tày, những nan nứa, nan trúc, nan tre đã trở thành *"nan hoa"*. Vách nhà không chỉ ken bằng gỗ mà được ken bằng *"câu hát"*. Rừng đâu chỉ cho nhiều gỗ quý, cho măng, cho lâm sản quý giá mà còn *"cho hoa"*. Con đường đâu chỉ để đi ngược về xuôi, lên non xuống biển mà còn *"cho những tấm lòng"* nhân hậu bao dung, con đường tình nghĩa:

"Gập ghềnh xuống biển lên non,
Con đường tình nghĩa ai còn nhớ chăng?"
(Ca dao)

Với Y Phương, con đường mà anh nói với con là hình bóng thân thuộc của quê hương. Đường gần là con đường làng bản, đi vào thung vào rừng, đường ra sông ra suối... Là con đường đi học, con đường làm ăn. Đường xa, là đường đi tới mọi chân trời, đến mọi miền đất nước. Con đường tình nghĩa ấy được Y Phương nói lên một cách hàm súc, giản dị:

"Con đường cho những tấm lòng"

Sung sướng ôm con thơ vào lòng, nhìn con khôn lớn, suy ngẫm về tình nghĩa làng bản quê nhà, nhà thơ nghĩ về cội nguồn hạnh phúc:

"Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"

"Người đồng mình" không chỉ cần cù và khéo léo, tình nghĩa và tài hoa, yêu đời mà còn có bao phẩm chất tốt đẹp, đáng *"thương lắm con ơi"*. Trong bao gian khổ khó khăn thử thách, bao niềm vui nỗi buồn cuộc đời, trải dài theo năm tháng, bà con quê hương mình, *"người đồng mình"* đã rèn luyện, đã hun đúc chí khí, đã *"cao đo nỗi buồn - xa nuôi chí lớn"*, nâng cao tâm thế đẹp. Câu thơ bốn chữ, đăng đối như tục ngữ, đúc kết một thái độ, một phương châm ứng xử cao quý. Các từ ngữ: *"cao đo"*, *"xa nuôi"* đ[ã] thể hiện một bản lĩnh sống đẹp của dân tộc Tày, của con người Việt Nam.

Nếu người Kinh dùng lối nói: *"ăn chắc mặc bền, chém to kho mặn, chân đất lưng trần, niêu cơm quả cà, mần răng nói rứa..."*, để phản ánh bản chất giản dị, mộc mạc của người dân quê chân lấm tay bùn quanh năm, thì Y Phương cũng dùng các [lối] nói cụ thể, hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày như: *"thô sơ da thịt"*, *"chẳng mấy ai nhỏ bé"*, *"tự đục đá kê cao quê hương"* để khẳng định và ngợi ca tinh thần cần cù chịu khó trong lao động, sống giản dị chất phác thật thà, không hề *"nhỏ bé"* tâm

ưởng trước thiên hạ. Nếp sống tốt đẹp ấy đã tạo nên chất thơ trong sáng đáng yêu ủa Y Phương. Bản chất dân tộc, tinh thần nhân văn đã hoà quyện vào hồn thơ thi sĩ:

"Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục

Cha *"nói với con"* cũng là khuyên con bài học đạo lí làm người. Quê hương sau hững năm dài chiến tranh, chưa giàu chưa đẹp, con phải biết gắn bó với quê hương: *Không chê... không chê... không lo...".* Trước thử thách khó khăn, con không được ống tầm thường, sống hèn kém, sống *"nhỏ bé".* Phải lao động sáng tạo để xây dựng, ể *"kê cao"* quê hương:

"Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc"...

Nhuyễn vào lời thơ là những ẩn dụ so sánh, những thành ngữ dân gian. Điệp gữ *"sống"* ba lần vang lên đã khẳng định một tâm thế, một bản lĩnh, một đáng ứng..., điều mà cha *"vẫn muốn"*, cha mong con, hi vọng ở con. Lời thơ giản dị, chắc ịch mà lay động, thấm thía.

Lời cuối *"nói với con"* càng trở nên tha thiết. Cha nhắn con khi *"lên đường"* hộng bao giờ được sống tầm thường, sống *"nhỏ bé"* trước thiên hạ. Phải biết giữ lấy ốt cách giản dị, mộc mạc của *"người lao động".* Hai tiếng *"nghe con"* là cả một tấm òng cha bao la:

"Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con".

Một cảnh tượng cảm động đang diễn ra trước mắt chúng ta. Cha hiền từ âu yếm hìn con, xoa đầu con. Đứa con cúi đầu lắng nghe cha nói, cha dặn. Y Phương đã tạo ên một không khí gia đình ấm áp tình cha con.

Y Phương là một người cha rất thương con. Anh là một người tình nghĩa chung uỷ với quê hương. Thơ anh rất hồn hậu và đậm đà.

Y Phương là người đồng hương với Kim Đồng. Quê hương anh có hang Pắc Bó, nơi à hơn 60 năm về trước, Bác Hồ đã sống và hoạt động giữa lòng dân để *"nhóm lửa".*

Bạn đọc yêu quý gần xa có nhớ, có biết bài dân ca:

"Nàng về giã gạo ba giăng
Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm
Nước Cao Bằng ngâm thì trắng gạo..."

Theo tôi nghĩ, bài thơ *"Nói với con"* của Y Phương là một gáo nước Cao Bằng ấy, có thể làm trong, làm mát tâm hồn mỗi chúng ta.

BÀI SỐ 144

Đề bài: Bình giảng đoạn thơ sau trong bài "Nói với con" của nhà thơ Y Phương:

"Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
... Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con".

Y Phương là nhà thơ dân tộc Tày. Quê anh ở Trùng Khánh thuộc tỉnh Ca Bằng. Từ người lính thời chống Mĩ, anh trở thành nhà thơ.

Thơ của Y Phương mang một vẻ đẹp riêng, *"thể hiện tâm hồn chân thật, mạn mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi".*

"Nói với con" của Y Phương là một bài thơ hay, một bông hoa nghệ thuật đầ sắc hương của núi rừng biên giới phía Bắc. Đây là phần thứ hai của bài thơ:

"Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con".

Ở phần đầu, Y Phương dã viết: *"Người đồng mình yêu lắm con ơi"*, thì ở phầ hai, mở đầu đoạn thơ ông lại nhấn giọng. Lời cha nói với con nghe thật ngọt ngà thiết tha: *"Người đồng mình thương lắm con ơi"*. *"Người đồng mình"* là đồng bào qu hương mình, là bà con dân tộc Tày, dân tộc Nùng,... nơi *"nước non Cao Bằng"*, nơ *"gạo trắng nước trong"*. Phải yêu, phải thương *"người đồng mình"* rất đẹp, rất đáng t hào. Không bao giờ lùi bước trước mọi thử thách khó khăn. Tâm càng sáng, chí càn cao càng bền, tầm nhìn càng xa càng rộng:

"Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn".

Cha nói với con, dạy bảo con về đạo lí làm người. Trong bất cứ thời gian nà hoàn cảnh nào *"cha vẫn muốn"*, cha vẫn mong con biết ngẩng cao đầu và sống đẹ Quê hương sau những năm dài chiến tranh còn nhiều khó khăn chưa đẹp, chưa già Đường đến các bản còn *"gập ghềnh"*, còn nhà sàn vách nứa, thung còn *"nghèo đó* thiếu thốn khó khăn. Con nhớ là *"không chê... không chê..."*:

"Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói".

Con phải biết sống mạnh mẽ, kiên cường *"như sông như suối"*. Con phải giàu chí :hí và có bản lĩnh, dù phải *"lên thác xuống ghềnh"* vẫn *"không lo cực nhọc"*.

Các điệp ngữ: *"không chê... không chê", "sống trên... sống trong... sống như..."* lã làm cho vần thơ phong phú âm điệu nhạc điệu, lời cha dặn con vô cùng thiết tha. Cách ví von, cách vận dụng thành ngữ làm cho lời cha dặn vừa cụ thể mộc mạc, vừa ıàm nghĩa, sâu lắng, ân tình:

"Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc".

Các từ ngữ, hình ảnh: *"thô sơ da thịt", "nhỏ bé", "tự đục đá kê cao quê hương"* lã thể hiện bản chất, bản lĩnh sống của đồng bào mình, bà con quê hương mình. Ba iếng *"người đồng mình"* được nhắc di nhắc lại nhiều lần đã biểu lộ niềm yêu mến tự ıào quê hương không thể kể xiết. *"Người đồng mình"* sống giản dị mộc mạc *"thô sơ la thịt"*, chịu khó chịu khổ, kiên nhẫn trong lao động làm ăn. Chẳng bao giờ *"nhỏ bé"*, hẳng bao giờ sống tầm thường trong cuộc dời và trước thiên hạ. Cha nói với con là ıói về đạo lí làm người, cha nhắc con phải biết sống đẹp, sống mạnh mẽ, sống có ıhân cách. Con phải biết nêu cao lòng tự hào, biết giữ lấy và phát huy truyền thống :ao đẹp của *"người đồng mình"*, của quê hương mình:

"Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục".

Con chuẩn bị lên đường, như cánh chim bay tới chân trời xa (đi học, đi bộ đội, li làm ăn ?). Cha dặn con, cha khích lệ con, *"tuy thô sơ da thịt"*, nhưng không thể, :hông được sống tầm thường, sống *"nhỏ bé"* trước thiên hạ. Bài học làm người mà cha lạy con tuy ngắn gọn mà thấm thía và lay động biết bao:

"Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con".

Y Phương đã có một cách nói cụ thể, nói bằng hình ảnh mang phong cách dân tộc nình, *"người đồng mình"*. Lời thơ bình dị, tình cảm chân thành, giọng thơ tha thiết. Cha ıói với con, cha dạy con bài học làm người, biết giữ gìn phẩm giá và đạo lí: yêu mến tự ıào quê hương, sống có chí khí, sống đẹp như *"người đồng mình"* đã bao đời nay.

"Nói với con" là một bài thơ hay thể hiện tình thương con, niềm tin của người :ha đối với đứa con yêu quý. Kết thúc bài thơ là tiếng cha khích lệ con lên đường.

Đọc thơ của Y Phương, chúng ta bồi hồi nhớ lại lời ru của mẹ hiền thời thơ ấu:

"Con ơi muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha"...

BÀI SỐ 145

Đề bài: Tóm tắt truyện "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu.

Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, nhưng anh :hưa bao giờ đi đến cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa nhà mình.

Thế mà giờ đây, Nhĩ ốm nằm liệt giường. Phiến lưng đã có nhiều mảng da thị vừa chai cứng vừa lở loét. Đầu thu hoa bằng lăng đã thưa thớt và nhạt màu, bờ bã sông Hồng phô ra một màu vàng thau xen với màu xanh non trước khuôn cửa sổ củ gian gác nhà Nhĩ. Anh đang nằm trên tấm phản cho Liên, vợ anh bón thức ăn, và ch Tuấn, đứa con trai thứ hai cầm chiếc khăn bông tẩm nước ấm khẽ lau mệng.... Liê mặc áo vá, anh ngắm nhìn rồi khẽ thốt lên: *"Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm...mà en vẫn nín thinh"*. Sau câu chuyện tâm tình mơ ước, Liên rót thuốc vào bát chiết yêu, dặ dò con vài điều, rồi rón rén bước xuống cầu thang. Thằng Tuấn gần một năm nay đ học tận trong một thành phố phía Nam mới về thăm nhà tối hôm qua đang ngồi vừ nhặt rau vừa đọc sách vội chạy lên khi nghe Nhĩ gọi. Anh ngắm đứa con, thấy nó càn lớn càng có nhiều nét giống anh. Người cha sắp từ giã cõi đời đang giấu một điều tâm sự bí mật gì đó trong cái vẻ lúng túng, chợt hỏi con: *"Đã bao giờ Tuấn... sang bên ki chưa hả?"* Theo lời yêu cầu khẩn khoản của Nhĩ, đứa con trai mặc quần áo, đội chiế mũ nan rộng vành, giắt vào người mấy đồng bạc ra đi sang bên kia sông.

Nhĩ mệt lử, đau nhức..., anh cất tiếng gọi yếu ớt, *"Huệ ơi!"*. Một cô bé rất xin đẹp chạy sang. Cô bé lễ phép hỏi Nhĩ, rồi cất tiếng gọi. Cả một lũ trẻ ở tầng dưới lầ lượt chạy lên. Chúng xúm vào và rất nương nhẹ giúp Nhĩ từ mép tấm nệm nằm ra mé tấm phản độ năm chục phân mà anh tưởng đi một nửa vòng trái đất. Anh càng yêu l trẻ trong ngôi nhà mình.

Ngồi cạnh bậu cửa, sau lưng chồng gối kê cao, Nhĩ được nhìn thấy cánh buồm con đò, khách qua lại bến sông. Nhĩ nghĩ về vợ anh, đứa con trai của anh. Anh đã tìn thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày đau ốm.

Ông giáo Khuyến, cụ già hàng xóm lại sang thăm Nhĩ. Cụ hốt hoảng chợt thấy mặ mũi Nhĩ đỏ rựng lên một cách khác thường. Ngay lúc ấy con đò ngang cũng vừa cập bến.

BÀI SỐ 146

Đề bài: Những cảm nhận về truyện "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu.

Truyện *"Bến quê"* thấm một nỗi buồn và tình thương khi ta bắt gặp một nhâ vật ốm đau bệnh tật nằm liệt giường. Nhĩ là người chồng, người cha, người láng giềng người bạn bị bệnh đã nhiều, không có thể đi lại được nữa, muốn ngồi dậy cũng phải c người nâng đỡ; có lúc anh phải *"thu hết tàn lực"* mới *"lết dần lết dần"* ra khỏi phiế nệm nằm, mà anh cảm thấy *"như mình vừa bay được một nửa vòng Trái Đất"*. Ốn nặng liệt giường đã nhiều tháng ngày, cơ thể anh bị tàn phá nặng nề *"phiến lưng đã c nhiều mảng da thịt vừa chai cứng, vừa lở loét"*.

Truyện *"Bến quê"* ghi lại những gì nhìn, nghe thấy, những suy ngẫm và mơ ước những quan hệ của Nhĩ khi nằm trên giường bệnh, qua bốn cảnh: Nhĩ được Liên să sóc; Nhĩ sai thằng Tuấn đi sang bên kia sông; Nhĩ được các cháu nhỏ (Huệ, Vân Tam, Hùng...) đến nương nhẹ, lót chăn, kê gối cho anh; ông giáo Khuyên chống gậ đi qua tạt vào hỏi thăm Nhĩ.

Cốt truyện của *"Bến quê"* rất bình dị, *"bằng phẳng"* nhưng lại mang hàm nghĩ triết lí sâu sắc. Qua nhân vật Nhĩ, một bệnh nhân *"sắp từ giã cõi đời"*, Nguyễn Min Châu nói lên những suy ngẫm về con người, về cuộc đời và cách sống, thức tỉnh, khơ dậy ở đồng loại hãy biết nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp, những giá trị bình dị, gầ gũi, quen thuộc của cuộc sống, của quê hương.

1. Nhĩ là một con người từng trải và có địa vị, đi rộng biết nhiều: *"Suốt đời Nh đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên Trái Đất"*; *"anh đã từng in gót châ*

khắp mọi chân trời xa lạ..."; mới hai năm trước đây, anh còn đi công tác sang một nước bên Mĩ La-tinh. Có thể nói, bao cảnh đẹp những nơi phồn hoa đô hội gần xa, những miếng ngon nơi đất khách quê người, anh đều được thưởng thức, được hưởng thụ. Nhưng những cảnh đẹp gần gũi, những con người tình nghĩa thân thuộc, thân yêu nơi quê hương cho đến những tháng ngày ốm đau nằm trên giường bệnh khi sắp từ giã cõi đời, anh mới cảm thấy một cách sâu sắc, cảm động.

Hoa bằng lăng quê kiểng có gì là đẹp ? Lúc mới nở *"màu sắc đã nhợt nhạt"*. Vòm trời và con sông Hồng, bờ bãi, bến đò... có gì xa lạ đối với nhiều người trong chúng ta, nhất là đối với Nhĩ, khi nhà anh ở gần dòng sông ấy. Sớm nay, Nhĩ vừa ngồi để cho vợ bón từng thìa thức ăn vừa nghĩ: Anh cảm thấy hoa bằng lăng trong tiết lập thu đẹp hơn, *"đậm sắc hơn"*. Sông Hồng *"màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra"*. Bãi bồi phù sa lâu đời ở bên kia sông Hồng dưới những tia nắng sớm đầu thu đang phô ra *"một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non - những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ"*. Và bầu trời, vòm trời quê nhà *"như cao hơn"*.

Nhìn qua cửa sổ ngôi nhà mình, Nhĩ xúc động trước những cảnh đẹp bình dị của quê nhà. Tại sao trước đây, anh ít nhìn thấy, cảm thấy ? Phải chăng vì cuộc sống bận rộn tất tả ngược xuôi ? Hay tại bởi vô tình? Qua đoạn miêu tả thiên nhiên ở phần đầu truyện, Nguyễn Minh Châu muốn nhắc khẽ mọi người đừng vô tình mà phải biết gắn bó, trân trọng cảnh vật quê hương xứ sở vì những cái đó là máu thịt, là tâm hồn của mỗi chúng ta. Phải biết phát hiện ra vẻ đẹp bình dị, thân thuộc của quê nhà để nâng niu, yêu quý.

2. Bị ốm đau nằm liệt giường đã lâu ngày, được vợ con săn sóc, trong lòng anh nảy nở bao ý nghĩ, bao tình cảm đằm thắm, sâu nặng, thiết tha. Nghe Liên nói: *"Anh cứ yên tâm. Vất vả, tốn kém đến bao nhiêu em với các con cũng chă[illegible] o cho anh được"*, thì Nhĩ *"lần đầu tiên để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá"*. Hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh làm cho Nhĩ cảm động, thoáng ân hận về sự vô tình của mình: *"Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm... mà em vẫn nín thinh"*.

Chưa bao giờ mà Nhĩ nghe rõ thế, những tiếng bình dị thân thương: tiếng vợ đi lại dọn dẹp và dặn dò con..., Liên hãm nước thuốc và tiếng nước rót ra lẫn mùi thuốc bắc bay vào nhà, *"tiếng bước chân rón rén quen thuộc"* của người vợ hiền thảo trên *"những bậc gỗ mòn lõm"*. Đó là tiếng lòng, tiếng thân thương, không phải lúc nào Nhĩ cũng nghe được, Nhĩ cũng cảm được !

Tuấn là đứa con trai thứ hai của vợ chồng Nhĩ và Liên. Một năm nay vắng nhà, Tuấn đi học xa, tận một thành phố phía Nam và vừa mới trở về đêm qua. Bố ốm nặng, Tuấn về thăm bố, thăm mẹ và thăm nhà ? Nằm trên giường bệnh ngắm con, Nhĩ xúc động *"thấy càng lớn thằng con anh càng có nhiều nét giống anh"*. Nhĩ sai con đi sang bên kia sông *"qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loanh quanh... một lát rồi về"*. Với Tuấn thì đó là *"cái việc gì lạ thế"* mà bố sai làm, khi cậu đang mải mê xem cuốn truyện địch. Đứa con trai chưa hiểu được *"cái điều ham muốn cuối cùng"* của đời bố, mà Nhĩ muốn nói ra. Nhĩ muốn đứa con trai thân thương thay mặt mình đi dạo bước qua sông, để ngắm nhìn những cảnh vật thân quen, bình dị mà hầu như suốt cuộc đời bố đã lãng quên.

Qua khung cửa sổ ngôi nhà, Nhĩ dõi theo hình bóng đứa con đội cái mũ cói vành rộng, mặc chiếc áo sơ mi màu trứng sáo, cắp cuốn sách bên nách *"đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố"*. Cái say mê của con bây giờ cũng giống như cái say mê của bố ngày xưa: *"Suốt đời Nhĩ cũng đã từng chơi phá cờ thế trên nhiều hè phố, thật là không dứt ra được"*. Nhĩ trầm ngâm suy nghĩ, lo lắng vẩn vơ:

"Không khéo thằng con trai anh lại trễ mất một chuyến đò trong ngày". Những trò chơi phá cờ thế, những việc làm vô vị nhạt nhẽo sẽ làm tốn mất bao thời gian, bao tâm trí, bao sức lực... Những trò chơi ấy, việc làm ấy sẽ làm cho tuổi trẻ của nhiều người *"trễ mất chuyến đò trong ngày"*, sẽ làm chậm bước, làm lỡ nhịp một thời trai trẻ. Bằng kinh nghiệm xương máu của mình, *"Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình, vả lại nó đã thấy có gì đang hấp dẫn ở bên kia sông đâu ?"*. ý nghĩ ấy mang hàm nghĩa một triết lí nhân sinh sâu sắc về đường đời và mục tiêu cuộc sống. Người xưa có nói: *"Thế lộ nan"* (Lý Bạch), *"người ta đi mãi mà thành đường"* (Lỗ Tấn), v.v... Con đường trong tâm thức của Nhĩ là *"vòng vèo"*, là *"chùng chình"*, vì nhiều người bị lạc đường, lạc hướng, thiếu trí tuệ, không bền chí, hay nản lòng. Tuổi trẻ và thời gian bị lãng phí. Tâm hồn nông cạn, sống thiếu lí tưởng, không có mục tiêu, tầm nhìn hạn hẹp, sao không khỏi vòng vèo, chùng chình, và sẽ không bao giờ tìm thấy cái *"hấp dẫn"* ở phía trước trên đường đời.

Cuộc sống và cảnh vật ở quanh ta, ở quê ta rất đẹp rất đáng yêu, đó là *"sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp"*, thậm chí cả *"những nét tiêu sơ"*, nhưng phải trải nghiệm, phải sống hết mình mới có thể khám phá, mới có thể phát hiện, mới tìm thấy. Và còn phải có một tấm lòng gắn bó yêu thương.

Có người do tài trí, thời cơ, vận may mà thành đạt. Có người sớm phát hiện ra sự lạc hướng, lạc đường mà điều chỉnh, mà khắc phục. Có nhiều người, rất nhiều người đi suốt hành trình cuộc đời mới nhận ra cái vòng vèo, cái chùng chình, sự lạc đường, lạc hướng của mình, nhưng quỹ thời gian đã vung phí, đã gần đất xa trời... Đời người đầy bi kịch, vì thế, một con người như Nhĩ *"đã từng in gót chân khắp mọi chân trời"*, mãi đến lúc nằm liệt trên giường bệnh, trong những *"điều riêng mới khám phá"* anh cảm thấy *"như một niềm say mê pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn"* mà *"lời lẽ không bao giờ giải thích hết"*. Cuộc đời là một ẩn số, đường đời là một bài toán khó, nên *"không bao giờ giải thích hết"*. Thế lộ nan, hành lộ nan là như vậy. Vì thế, phải có trí tuệ, có chí khí, giàu lòng kiên nhẫn, sống có lí tưởng đẹp, mới bớt được rủi ro, mới tránh được vòng vèo, chùng chình, thất bại.

Những cảm nhận, những suy nghĩ của Nhĩ về Liên thật sâu sắc, đầy ân tình ân nghĩa. Từ một cô gái chân quê *"mặc áo nâu chít khăn mỏ quạ"* rồi thành *"một người đàn bà thị thành"*. Thế nhưng *"tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa"*. Nhĩ đã trải qua những ngày tháng *"bôn tẩu, tìm kiếm"*, nếm trải bao ngọt bùi, cay đắng, Nhĩ *"đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình"*, là vợ con mình. Với Nhĩ, gia đình là bến đậu, bến tình thương, bến hạnh phúc.

Cảnh những đứa trẻ (Huệ, Vân, Tam, Hùng) xinh tươi, ngoan ngoãn, nghe Nhĩ gọi, chúng ríu rít chạy lên, xúm vào, nương nhẹ giúp anh xê dịch từ mép tấm nệm ra mép tấm phản, lấy gối đặt sau lưng Nhĩ, làm cho anh như trẻ lại *"toét miệng cười với tất cả, tận hưởng sự thích thú được chăm sóc và chơi với"*. Hạnh phúc ở đâu, hạnh phúc đâu phải cái gì cao siêu, mà rất bình dị, rất nho nhỏ, có khi chỉ là một ánh mắt, một nụ cười trẻ thơ, một bàn tay nhỏ bé *"chua lòm mùi nước dưa"*,...

Hình ảnh ông cụ giáo Khuyến sáng nào đi qua cũng tạt vào thăm Nhĩ là một hình ảnh ân tình ân nghĩa nuôi dưỡng tâm hồn. Một câu hỏi thăm về sức khỏe, một lời an ủi, động viên ân cần: *"Hôm nay ông Nhĩ có vẻ khỏe ra nhỉ ?"*. Còn gì cao quý hơn, ấm áp hơn, tình nghĩa hơn ? Được sống trong tình yêu thương của đồng loại mới thật hạnh phúc. Và đó là sắc màu ý vị trong cuộc đời mỗi chúng ta, là *"bến quê"* của tâm hồn mỗi chúng ta.

Cụ Khuyến hốt hoảng khi phát hiện ra mặt mũi Nhĩ *"đỏ rựng một cách khá thường"*, hai mắt thì *"long lanh chứa một mẻ say đầy đau khổ"*, và mười đầu ngón tay Nhĩ *"đang bấu chặt vào cái bậu cửa sổ, những ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩ bẩy"*.... Đó là *"chút sức lực cuối cùng còn sót lại..."* của Nhĩ. Nhĩ sắp ra đi. Con đò chở khách trên sông Hồng cập bến, mang ý nghĩa một biểu tượng, con đò sẽ đưa Nhĩ tớ cõi hư không của một kiếp người...

"Bến quê" là một truyện ngắn thấm đẫm ý vị triết lí về con người và cuộc đời Những năm cuối đời, Nguyễn Minh Châu đã trải qua nhiều tháng ngày đau ốm. *"Bến quê"* ít nhiều mang tính tự truyện và dự báo nên rất chân thật chân thành. Bài học v tình yêu và lẽ sống được đặt ra một cách cảm động. Có gì hạnh phúc hơn khi được sống trong tình thương với gia đình, quê hương. Phải biết nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, thân thuộc của cuộc sống, của quê hương. Như thế mới thậ sự hạnh phúc. Đó là tiếng lòng trang trải của Nguyễn Minh Châu.

BÀI SỐ 147

Đề bài: Tóm tắt truyện "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

Tổ trinh sát mặt đường gồm có ba cô gái: Thao, Nho và Phương Định. Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước cửa hang bị bom đạn đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Không có lá xanh, thân cây bị tước khô cháy Những tảng đá to, một vài thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất.

Việc làm của họ chẳng đơn giản. Khi có bom nổ thì chạy lên cao điểm, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ nếu cần thì phá bom. Bị bom vùi luôn, c ngày chạy và bò trên cao điểm lúc về hang chỉ thấy hai con mắt lấp lánh, hàm răng loá lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, các cô gọi nhau là *"những con quỷ mắt đen"*.

Trời nóng trên 30 độ.Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruộ những quả bom. Thần kinh căng như chão. Đất bốc khói. Tiếng máy bay ầm ì. Chun quanh có những quả bom chưa nổ. Khát nước. Cứ chạy về hang là tu nước suối pha đường nằm dài trên nền ẩm nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ chạy pin.

Phương Định là một cô gái Hà Nội, mới bị một vết thương ở đùi chưa lành miệng. Cô mê hát từ nhỏ, bím tóc dài và mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài ho loa kèn. Các anh lái xe bảo cô có cái nhìn sao mà xa xăm. Nhiều anh pháo thủ, lái x hay hỏi thăm cô, hoặc viết những bức thư gửi đường dây.

Thao hay tỉa đôi lông mày, áo lót nào cũng thêm chỉ màu, hễ thấy máu, thấy vắt th nhắm mắt lại, mặt tái mét, nhưng trong công việc thì cương quyết, táo bạo ai cũng phải gờm

Nho người bé nhỏ, có cái cổ tròn, trông nhẹ,*"mát mẻ như một que kem trắng"* lúc nào cũng đòi ăn kẹo.

Mỗi ngày, tổ trinh sát mặt đường phá bom đến năm lần, ngày nào ít ba lần. Mộ buổi trưa im ắng, Phương Định đang hát thì thấy máy bay trinh sát rè rè, phản lực gầm gà lao theo sau. Máy bay rít, bom nổ. Thao cầm thước, Nho chụp mũ sắt đội lên đầu lao lê cao điểm. Phương Định phải ở lại hang trực điện thoại. Bom gào thét chung quanh. Cao x bắn; tiếng 12 li 7 của tiểu đoàn công binh vang lên. Phương Định cảm thấy bên mình c một sự che chở đồng tình. Nửa giờ sau, Thao trở về. Bình thản, mệt lả và cáu kỉnh, vừa t nước trong bi đông đầy vừa nói: *"Hơn nghìn khối!"* Phương Định quay điện thoại về đơ vị báo cáo tình hình. Nho tắm ở khúc suối hay có bom nổ chậm...

Tình hình rất khẩn trương. Đơn vị đang làm đường cho một trung đoàn tên lử qua rừng. Đêm đến, tổ trinh sát lại ra đường, bám cao điểm, đi phá bom. Định, mộ

ıả bom trên đồi. Nho, hai quả bom lòng đường . Thao một quả dưới chân cái hầm ı-ri-e cũ. Vắng lặng đến phát sợ. Đất nóng, khói đen vật vờ. Phương Định dùng xẻng ıỏ đào đất dưới quả bom. Cô rùng mình khi lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Vỏ quả ɔm nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hai mươi phút trôi qua, Thao thổi còi, Phương ịnh cận thẩn bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi khoả đất, rồi chạy về ıỗ ẩn nấp. Hồi còi thứ hai của Thao cất lên, bốn quả bom nổ liên tiếp. Váng óc mắt ıy, mùi thuốc bom buồn nôn.

Nho bị thương, máu túa ra từ cánh tay, da xanh đi, mắt nhắm nghiền, quần áo đầy ıi. Thao và Phương Định phải moi đất, bế Nho lên. Vết thương được rửa bằng nước ống, bông băng trắng. Phương Định tiêm thuốc cho Nho và pha sữa cho Nho uống,..

Máy bay trinh sát vẫn nạo vét sự yên lặng của núi rừng. Thao giục Phương ịnh hát đi rồi Thao hát: *"Đây Thăng Long, đây Đông Đô... Hà Nội,.."*.

Một trận mưa đá ào tới. Phương Định nhặt mấy viên nước mưa đá nhỏ bỏ vào bàn tay ho dang xoè ra, rồi vui thích chạy ra cuống cuồng. Tâm trí cô xao động bao nỗi nhớ...

BÀI SỐ 148

Đề bài: Phát biểu cảm nghĩ về những cô gái trong tổ trinh sát mặt đường được nói đến trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

"Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tổ inh sát mặt đường trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ.

Tổ trinh sát mặt đường gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương ịnh, và chị Thao. Họ ở trong một hang dưới chân cao điểm. Ở đó, máy bay giặc Mĩ ánh phá dữ dội. Đường bị đánh *"lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn"*. Tưởng như sự ống bị hủy diệt: *"không có lá xanh"* hai bên đường, *"thân cây bị tước khô cháy"*. Có iết bao thương tích vì bom đạn giặc: những cây rễ nằm lăn lóc, ngổn ngang những ɔn đá to, một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất.

Công việc của họ vô cùng nguy hiểm và gian khổ. Khi có bom nổ thì chạy lên ɔ khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ, phá bom. Họ bị bom vùi luôn. hần chết *"lẩn trong ruột những quả bom"*. Thần kinh căng như chão. Trong lúc đơn ị thanh niên xung phong thường *"ra đường vào lúc mặt trời lặn, và làm việc có khi ıốt đêm"* thì tổ trinh sát lại *"chạy trên cao điểm cả ban ngày"* dưới cái nóng trên 30 ộ. Từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy *"hai con mắt lấp lánh"*, *"hàm răng ıa lên"* khi cười, khuôn mặt thì *"lem luốc"*.

Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái ể lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta. Phương Định, con gái Hà Nội *"hai bím tóc ày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn"*. Đôi mắt Định ược các anh lái xe bảo là *"có cái nhìn sao mà xa xăm"*. Nhiều pháo thủ và lái xe hay *hỏi thăm"* hoặc *"viết những bức thư dài gửi đường dây"* cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, ım *"điệu"* khi tiếp xúc với một anh bộ đội *"nói giỏi"* nào đấy, nhưng trong suy nghĩ ủa cô thì *"những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những gười mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ"*.

Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay át. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình *"hát say sưa ầm ĩ"*. àn học lúc nào cũng *"bày bừa bãi lên"*, để đến nỗi bà mẹ phải *"nguyền rủa"*: *"Con ái gì cái của mày. Lấy chồng rồi mà no đòn... No đòn...!"*. Vì thế ngay từ lúc còn ở hà, cô đã thề là *"không lấy chồng"*.

Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Nhữn bài hành khúc, những điệu dân ca Quan họ, bài ca Ca-chiu-sa của Hồng quân Liê Xô, bài dân ca ý... Định còn biết bịa ra những lời hát, thế mà chị Thao vẫn *"say mê* chép vào sổ tay. Định hát trong những khoảnh khắc *"im lặng"* khi máy bay trinh sá bay *"rè rè"*, cơn bão lửa sắp ụp xuống cao điểm. Định hát để động viên Nho, chị Tha và động viên mình. Hát khi *"máy bay rít, bom nổ; nổ trên cao điểm, cách cái han này khoảng 300m"*. Hát trong không khí ngột ngạt: *"Khói lên và cửa hang bị che lấp"* Đúng là *"tiếng hát át tiếng bom"* của những người con gái trong tổ trinh sát mặ đường, những con người *"khao khát làm nên những sự tích anh hùng"*.

Trong kháng chiến chống Mĩ, ở hai miền Nam, Bắc của Tổ quốc đã có hàn vạn, hàng triệu chàng trai lên đường ra trận với dũng khí và quyết tâm *"đánh cho M cút, đánh cho ngụy nhào"* để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tiền tuyế vẫy gọi, hàng ngàn hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong r tiền tuyến. Con đường chiến lược Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xươn máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

"Những ngôi sao xa xôi" đã ghi lại một cách chân thực những chiến tích thầr lặng của tổ trinh sát mặt đường. Trọng điểm đang chìm trong mưa bom bão lửa. Tiến Định lại cất lên: *"Tôi, một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Cl Thao, một quả dưới chân cái hầm ba-ri-e cũ"*. Cảnh tượng chiến trường trở nên *"vắn lặng đến phát sợ"*. Cảnh vật bị hủy diệt: cây xơ xác, đất nóng, khói đen vật vờ từn cụm trong không trung: Phương Định dũng cảm và bình tĩnh tiến đến gần quả bon *"đàng hoàng mà bước tới"*. Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trê một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Thần chết đang đợi chờ. Vỏ quả bom nóng Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Có lúc Định *"rùn mình"* vì cảm thấy tại sao mình làm quá chậm thế! Hai mươi phút đã trôi qua. Tiến còi chị Thao rúc lên. Định cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngò vào dây mìn. Cô khỏa đất rồi chạy nhanh về chỗ nấp... Tiếng còi của chị Thao lại thổ lên. Quả bom nổ. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Mảnh bom xé không khí. Đất rơi lộp bộ Bom nổ váng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm và môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết. Chị Tha vấp ngã, vết sẹo bóng lên, mảnh dù bay trên lưng, chị cười, *"răng trắng, đôi mắt m to..."*. Nho bị thương. Bom nổ, hầm sập. Chị Thao và Định phải moi đất, bế Nho lên Máu túa ra, ngấm vào đất. Chị Thao nghẹn ngào. Định rửa vết thương cho Nho, tiêi thuốc cho Nho, pha sữa cho Nho... Rồi chị Thao lại giục: *"Hát đi, Phương Định, mà thích bài gì nhất, hát đi!"*. Đó là cuộc sống chiến đấu thường nhật của họ.

Mỗi ngày, tổ trinh sát mặt đường phá bom đến năm lần; ngày nào ít: ba lần. Phươn Định cho biết: *"Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể..."*.

Đoạn văn tả cảnh phá bom trên cao điểm là đoạn văn xuất sắc nhất trong truyệ *"Những ngôi sao xa xôi"*. Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực nghiêm ngã tái hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm, dựng nên một tượng đài về khí phác anh hùng của tổ trinh sát mặt đường. Chị Thao, Nho và Phương Định đã sáng ngời lê trong khói lửa bom đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòn người. Tổ quốc và nhân dân có bao giờ quên những nữ anh hùng Đồng Lộc, những n anh hùng trên con đường chiến lược Trường Sơn:

... "Đất nước mình nhân hậu
Có nước trời xoa dịu vết thương đau
Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sáng
Những vì sao ngời chói, lung linh..."

("*Khoảng trời hố bom*" - Lâm Thị Mỹ Dạ)

Định, cô gái Hà Nội xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng ɩi. Cô cũng thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa ỉm cười vừa vuốt tóc. Định *"thích ngắm"* đôi mắt mình trong gương. Cô tự hào về cặp ắt mình *"nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng"*. Tâm hồn của Định rất trong ng mộng mơ. Cô đã gửi lòng mình theo tiếng hát; hát trong bom đạn. Định, trái tim dào ıt thương yêu. Cứ sau mỗi trận chiến đấu ác liệt, chị Thao cất tiếng hát, Nho vừa tắm ưới suối lên đã đòi ăn kẹo. Còn Định thì *"niềm vui con trẻ... nở tung ra, say sưa, tràn ấy"* khi nhặt được những hạt mưa đá trên cao điểm. Và hình bóng mẹ, cái cửa sổ, những ;ôi sao to trên bầu trời thành phố, chiếc xe chở đầy thùng kem, con đường nhựa ban êm, cái vòm tròn nhà hát... tất cả những cái đó *"xoáy mạnh như sóng"* trong lòng cô gái ột thời đạn bom. Đôi mắt của Định, của Nho, của Thao, của hàng vạn cô thanh niên ıng phong trên những cao điểm, những trọng điểm của con đường chiến lược Trường ơn, và trái tim rực đỏ của họ, của những người con gái Việt Nam anh hùng là *"Những ;ôi sao xa xôi"* mãi mãi lung linh, tỏa sáng.

Truyện *"Những ngôi sao xa xôi"* của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong lòng hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của ịnh, Nho, của chị Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời ıống Mĩ. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội là bài ca anh hùng.

Chiến tranh đã đi qua. Sau ba thập kỉ, đọc truyện *"Những ngôi sao xa xôi"*, ta ıư được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Những Phương Định gần ı vẫn tỏa sáng hồn ta với bao ngưỡng mộ.

BÀI SỐ 149

Để bài: Cảm nhận của em về hồi IV kịch "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng.

Chủ đề cách mạng in đậm trong "*Kịch Bắc Sơn*" của Nguyễn Huy Tưởng. Xung ột kịch thể hiện tập trung trong hồi 4 đã dựng nên một hình tượng bi tráng về người ıụ nữ dân tộc Tày, tiêu biểu cho hàng nghìn, hàng vạn quần chúng được giác ngộ ong đấu tranh, trong mất mát đau thương đã đứng hẳn về phía cách mạng.

Ta có thể lấy câu nói này của Thơm để làm nhan đề cho hồi IV kịch "*Bắc ơn*": "*Tôi chết thì chết, chứ tôi không báo hại ông đâu*". Sự việc diễn ra, xung đột ịch nổ ra tại nhà vợ chồng Ngọc, có đủ bốn nhân vật : Ngọc, Thơm, Thái, Cửu.

Ngọc dẫn Tây truy đuổi sắp bắt được hai cán bộ cách mạng là anh Cửu và giáo hái. Bị dồn nguy kịch, Cửu dẫn Thái chạy trốn vào nhà anh Điếc người quen, ai ngờ ó là nhà Ngọc mới tậu được. Cửu rút súng toan bắn Thơm vì anh cho rằng: "*Vợ Việt ian thì cũng là Việt gian*". Nhưng Thái đã giữ tay lại và bảo: "*đừng bắn*", vì anh tin ıng Thơm mang "*dòng máu cụ Phương*", đó là dòng máu yêu nước, cách mạng. Khi ếng chó sủa râm ran, tiếng người chạy rầm rập, Cửu vừa thất vọng vừa hối hận, lo ıng thì Thơm đã nói như thế: "*Chết nỗi, hai ông bị chúng nó đuổi phải không? Làm ıế nào bây giờ?... Tôi không báo hại ông đâu. Tôi chết thì chết, chứ tôi không báo ai ông đâu*". Ngọc dẫn Tây đi khám nhà bà Lục, nhà bác Chui. Tiếng chân đi, tiếng ậy lộc cộc càng gần . Thái và Cửu định chạy ra thì Thơm đã ngăn lại, đẩy hai cán bộ ào buồng và nói: "*Có lối thông ra ngoài đấy, khép cửa buồng lại*".

Tình huống này đầy kịch tính, căng thẳng, hồi hộp. Vợ Việt gian đã che giấ bảo vệ cán bộ cách mạng. Thơm đã đứng hẳn về phía cách mạng. Đó là sự thật tl hiện tấm lòng của nhân dân đối với cách mạng.

Bình diện thứ hai là xung đột giữa Thơm và Ngọc. Ngọc mỗi ngày một lộ nguyê hình một con chó săn đắc lực cho bọn Tây. Đêm nào hắn cũng đi suốt đêm, tay cầm đè bấm và gậy gộc để lùng bắt cán bộ. Lời đồn đến tai Thơm: *"anh thằng Sáng dắt Tây về đánh Vũ Lăng"*. Ngọc có nhiều tiền. Hắn mơ cái hàm cửu phẩm. Hắn tự than thân: *"C. mình là đen, không có danh phận gì, lép vế trong làng quá!"*. Ông Thái đối với Thơm một người rất tốt: *"bỏ cả cửa nhà đi làm cách mạng"*, *"cả vùng này, có ai ghét ông đâu!"*. Trái lại, lúc thì Ngọc bịa đặt vu khống ông Thái là: *"mật thám cho Tây đấy"*, lı thì lại bảo, anh Cửu và ông Thái là *"hai cái thằng tướng cướp... Bắt được hai thằng ấy t cũng được vài ngàn đồng"*... Hắn đi suốt đêm, hắn đi lùng sục bắt ông Thái, bắt anh Cử nộp cho Tây là để được thưởng nhiều tiền mà mua nhà, mà tậu mấy mẫu ruộng nữa, n chạy cái hàm cửu phẩm, mà ăn khao một chuyến *"thế mới thích"*!.

Trong lúc ông Thái, anh Cửu đang trốn trong buồng nhà Thơm thì ở dưới châ cầu thang lại có lí trưởng, bọn tay sai, bọn lính Tây đang lùng sục, đang chờ Ngọ Ngọc đi đi về về. Hắn cứ ngồi nán lại mãi nói với Thơm đủ chuyện, hắn đếm tiền, hà tính toán, hắn cười, ngắm vợ. Có lúc nó thốt lên: *"Chắc là nó còn ở đấy,... nhất địı là nó còn ở đấy!..."*. Thơm nhìn trộm chồng, vô cùng sốt ruột nhưng chị đã khéo dà kín tâm trạng lo lắng của mình. Thơm ăn nói nhẹ nhàng, tình cảm lúc thì nhắc chồn *"Mai thì ở nhà mà ngủ cho nó lại sức"*, lúc thì giục giã: *"Thế nào có đi không?"*. Lı Ngọc nghe tiếng quan gọi, chạy ra khỏi nhà thì Thơm thở dài, khoan khoái nhìn the phía Ngọc ra, mỉm cười, thầm nghĩ: *"May thế!"*. Đúng là Thơm đóng kịch giỏi, (qua mắt được tên Việt gian, mà tên Việt gian ấy lại là chồng mình. Nguyễn Hı Tưởng đã thể hiện một tính cách tinh tế tâm trạng nhân vật Thơm đầy tính kịch - tír kịch của một tâm trạng bi kịch.

Nhân vật Thơm là một hình tượng bi tráng về người phụ nữ Tày hơn 60 năm ' trước. Vượt qua mọi cảnh ngộ đau thương, Thơm đã đến với cách mạng, sẵn sàng xả thâ vì cách mạng. Tinh thần của các chiến sĩ trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đời đời bất t Hình tượng nhân vật Thơm trong kịch *"Bắc Sơn"* vô cùng chói lọi, một thành công đầ sắc của Nguyễn Huy Tưởng khi viết về cách mạng và người phụ nữ Việt Nam.

Cũng cần nhắc lại, nghe lại lời của Thơm vạch mặt Ngọc trước khi chị bị tê Việt gian này bắn:

... "Thôi, đến lúc này tôi cũng chẳng cần úp mở làm gì nữa. Tôi biết anh lắ rồi. Tôi biết anh từ khi em tôi chết, chú tôi chết, từ hôm mẹ tôi dở người. Anh giấu c chú giấu tôi thế nào được? Ba tháng nay, tôi ăn chung, ở chung với anh, tôi khổ : biết là chừng nào! Anh giết chú tôi, anh giết em tôi, anh làm tan cửa nát nhà tôi, aı làm hại bao nhiêu người, anh tưởng tôi không biết nhục à? Vợ một thằng chó săn (...) Tôi đố anh phá nổi quân du kích, tôi thách thằng Tây phá nổi quân du kích! M mắt ra: Nó sai như con chó, nó khinh như con chó, mà không biết đời à?... Các ôı đồng chí đâu! Bắt lấy nó! Nó đây rồi! Bắt cả tôi nữa, mà báo thù cho các đồng c Bắc Sơn. Nó đây rồi, đừng thương nó!".

(Lớp III, hồi IV *"Bắc Sơn"*)

BÀI SỐ 150

Đề bài: Cảm nghĩ của em về Cảnh 3 trong vở kịch "Tôi và chúng ta" của Lưu Quang V

Đổi mới tư duy trong làm ăn là một cái khó đâu dễ vượt qua ? Lề thói cũ, (chế cũ, con người cũ là những lực cản ghê gớm trong bước phát triển đi lên của xã h

đất nước. ấn tượng sâu sắc ấy đã để lại trong tâm trí chúng ta khi đọc Cảnh 3 vở ch *"Tôi và chúng ta"* của Lưu Quang Vũ.

Hoàng Việt - Giám đốc và Nguyễn Chính - Phó giám đốc - là hai đối thủ trong ộc xung đột giữa hai phái mới và cũ này.

Nguyễn Chính cho rằng muốn sản xuất thì phải theo đúng kế hoạch *"cấp trên"*, yển công nhân phải theo chỉ tiêu biên chế, bà Trưởng phòng tài vụ cho biết *"không có ỹ lương cho thợ hợp đồng"*, muốn mua sắm nguyên liệu, vật tư *"phải làm đúng những y định"*. Giám đốc Hoàng Việt tuyên bố: chúng ta phải chủ động đặt ra kế hoạch, phải yển thêm thợ hợp đồng, mức sản xuất của xí nghiệp sẽ tăng lên năm lần, lương mỗi ng nhân sẽ tăng bốn lần. Phải dừng việc xây nhà khách để trả lương công nhân trong hai áng, sau đó sẽ hoàn lại. Công nhân sẽ không phải lo *"bện thừng gia công kiếm thêm ra"*. Muốn tăng sản xuất thì phải đầu tư, trước tiên là con người, để chấm dứt tình trạng lí, bất công: *"người chăm và kẻ lười được đối xử như nhau, người tài năng và kẻ dốt nát u hưởng chung một mức quyền lợi, thậm chí có những kẻ không làm gì cả, chỉ ngồi phán ôi, lại được vị nể hơn những người đã vất vả cống hiến"*. Những chức vô tích sự như ức Quản đốc Trương thì sẽ được bố trí làm nhiệm vụ khác, bởi lẽ: *"Không có chức vụ o quan trọng cả. Chỉ có hiệu quả công việc là quan trọng"*. Ai làm được nhiều sản ẩm sẽ được hưởng lương cao, ai làm tồi sẽ bị phạt bằng tiền.

Muốn phát triển sản xuất thì cần mua thêm máy móc, nhiên liệu, nguyên liệu, ải sửa chữa các máy móc hỏng. Phải dùng séc, tiền mặt để mua sắm. Giám đốc lệnh o phòng tài vụ phải cấp tiền cho tổ sửa chữa mua sắm và khẳng định: *"Tôi chịu ách nhiệm"*. Nhưng bà Trưởng phòng tài vụ không chịu chi. Phó giám đốc Nguyễn hính đã phê phán Giám đốc: *"Đồng chí bất chấp các quy định nghiêm ngặt của cả ột hệ thống các cơ quan tài chính, ngân hàng, lao động, vật tư..."*.

Phái bảo thủ Nguyễn Chính chống trả rất quyết liệt. Có lúc là bằng nguyên tắc, ghị quyết Đảng uỷ, có khi lại lên giọng đạo đức ân tình: *"Cái cơ chế mà đồng chí mạt t ấy tồn tại bền vững mấy chục năm nay. Nhờ nó mà chúng ta hôm nay có chủ nghĩa xã ội như ngày hôm nay, hạt gạo đồng chí ăn, cái áo đồng chí mặc và cả chính con người ồng chí nữa đã được rèn luyện và trưởng thành trong cơ chế ấy. Đừng vội phủ nhận"*.

Quan điểm của Hoàng Việt rất mới mẻ tiến bộ, rất biện chứng. Anh đã chỉ cho guyễn Chính và phe bảo thủ biết: *"Sự vật không đứng yên, cuộc sống không đứng ên một chỗ, có cái hôm qua đúng, hôm nay nó là vật cản. Phải tìm cách phá bỏ..."*

Qua đó, ta thấy tư tưởng bảo thủ, cơ chế bao cấp quan liêu đã bị tư tưởng đổi ới giáng cho những đòn mạnh mẽ, quyết liệt. Nhưng thế lực bảo thủ đâu đã chịu đầu àng. Nguyễn Chính, một kẻ vô cùng xảo quyệt *"từng đánh đổ bốn đời giám đốc"*. ắn thuộc loại người nham hiểm, ghê gớm, *"loại người nếu bắt tay mình, mình phải em lại tay kia còn đủ năm ngón không?"*. Vả lại sau lưng hắn vẫn còn có bao thế lực, ó là Trần Khắc, đại diện Ban thanh tra của Bộ!

Thật đáng buồn cho một cơ chế bao cấp bảo thủ *"làm giả thì được huân hương, còn làm thật thì lại... no đòn!"*

Cái *"tôi"* mà Giám đốc Hoàng Việt nêu lên là một thái độ dứt khoát, rõ ràng: i làm, tôi chịu trách nhiệm; *"chúng ta"* là một tư tưởng lớn: chúng ta hăng say lao ộng, vì sự ấm no hạnh phúc của chúng ta, vì sự giàu đẹp của đất nước.

"Tôi và chúng ta" là đổi mới. Hơn 20 năm sau, trước sự đổi mới tốt đẹp của đất ước, ta càng thấy rõ vở kịch của Lưu Quang Vũ là một vở kịch hay và sâu sắc.

PHẦN THỨ NĂM
VĂN THƠ NƯỚC NGOÀI

Bài số 151

Đề bài: Hãy nêu cảm nhận của em về bài "Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten"

Văn bản "*Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten*" là của Hi-pô-lít Ten (1828-1893), viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp, nhà nghiên cứu văn học, vị triết gia, sử gia lỗi lạc của Pháp trong thế kỉ XIX.

Qua văn bản này, tác giả đã chỉ ra sự khác nhau giữa Buy-phông (1707-1788) nhà vạn vật học và La Phông-ten (1621-1695), nhà thơ ngụ ngôn Pháp khi nói về con chó sói và con cừu.

1. Phần thứ nhất nói về con cừu

Buy-phông trong công trình khoa học của mình, ông đã mô tả và chỉ ra những đặc tính tự nhiên của con cừu như ngu ngốc và sợ sệt, hay tụ tập thành bầy, co cụm lại với nhau, sợ sệt và đần độn. Chỉ biết đứng nguyên trong mưa hay trên tuyết. Chỉ biết làm theo con đầu đàn; nếu không bị gã chăn cừu thôi thúc hay bị chó xua đi.

Còn La Phông-ten trong bài thơ ngụ ngôn của mình, ông đã chỉ ra đời sống tâm hồn của con cừu. Con cừu rất "*thân thương và tốt bụng*". Nghe tiếng cừu con kêu thì cừu mẹ liền chạy tới, nó có thể nhận ra con mình trong đàn cừu, nó đứng yên trên miền đất lạnh và bùn lầy cho con bú xong, với vẻ nhẫn nhục, mắt nhìn lơ đãng. Có thể nói, hình tượng con cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten còn ngụ ý về tình mẫu tử và đức hi sinh của người mẹ trong cuộc đời. Đúng như Hi-pô-lít Ten đã nói: "*La Phông-ten đã động lòng thương cảm với bao nỗi buồn rầu và tốt bụng như thế...*".

2. Phần thứ hai nói về con sói.

Chó Sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten là một tên trộm cướp nhưng khốn khổ và bất hạnh. Mắt thì lấm lét, cơ thể gầy gò, bị truy đuổi. Nó là "*một gã vô lại luôn luôn đói dài và luôn luôn bị ăn đòn*".

Buy-phông đã nói lên bản năng của chó sói, một thú dữ, hoang dã. Chúng chỉ biết kết bầy lúc săn mồi, khi cuộc chinh chiến đã xong xuôi thì mỗi con một nơi, sống lặng lẽ và cô đơn. Bộ mặt lấm lét, dáng vẻ hoang dã, tiếng hú rùng rợn, mùi hôi gớm ghiếc... là đặc tính tự nhiên của loài sói.

Sói trong thơ La Phông-ten là một bạo chúa. Hắn vu khống đặt điều. Hắn gầm lên. Và cuối cùng "*Sói nhai Chiên nhỏ, chẳng cần đôi co*". Nếu nhà bác học Buy-phông chỉ nhìn thấy sói là con vật có hại thì nhà thơ với đầu óc phóng khoáng và trí tưởng tượng đã phát hiện ra những khía cạnh khác: con sói độc ác mà khổ sở, thường bị mắc mưu, vụng về, bị đói meo, và vì đói mà hoá rồ!

Buy-phông "*dựng một vở bi kịch về sự độc ác*" (thú dữ hoang dã), còn La Phông-ten "*dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc*" (bị đói khát, mắc mưu và ăn đòn).

Qua sự so sánh và khám phá, văn bản của Hi-pô-lít Ten đã chỉ ra sự khác biệt giữa hai loại văn bản khoa học và văn bản nghệ thuật. Văn bản khoa học đi sâu nghiên cứu những đặc điểm tự nhiên, rút ra những phán đoán về đặc tính, về tính chất của sự vật. Văn bản nghệ thuật xây dựng hình tượng, miêu tả đời sống tâm hồn, sự vật bằng tưởng tượng.

"Chó sói và cừu" trong thơ ngụ ngôn là một văn bản nghệ thuật. Chó Sói là một ạo chúa, độc ác, quỷ quyệt. Cừu là một thần dân, một vật tế thần đau khổ, đáng thương.

Học thơ văn, ta cần nắm rõ đặc trưng của văn bản nghệ thuật, đó là ngôn ngữ ình tượng và biểu cảm được tưởng tượng, hư cấu.

BÀI SỐ 152

Đề bài: Tóm tắt "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang".

Rô-bin-xơn là một thanh niên cường tráng, dũng cảm ưa mạo hiểm, khao khát li tới những miền đất lạ, thích vượt trùng dương. Chàng đi xuống tàu tại thương cảng Ion, theo bạn đi Luân Đôn. Tàu bị đắm tại Yác-mao. Chẳng nhụt chí trước tai họa, chẳng mềm lòng trước lời kêu khóc của mẹ cha, Rô-bin-xơn làm quen với một thuyền rưởng tàu buôn đi sang Ghi-nê. Chuyến đầu tốt đẹp, chuyến thứ hai gặp cướp biển, bị ắt làm nô lệ ở Xa-lê. Hai năm sau trốn thoát, lưu lạc sang Bra-xin lập đồn điền. Có nột tí vốn, 4 năm sau lại cùng bạn xuống tàu buôn đi Ghi-nê. Tầu gặp bão, bị đắm. Iầu hết đều chết, chỉ còn Rô-bin-xơn may mắn sống sót. Tàu đắm dạt vào một nơi gần đảo hoang. Chàng tìm cách lên đảo, làm lán trại, chuyên chở mọi thứ còn lại trên àu đắm, từ khẩu súng, viên đạn đến lương thực lên đảo. Chàng săn bắn, kiếm ăn, rồng trọt, nuôi dê, làm đủ nghề như đan lát, nặn gốm v.v... để duy trì cuộc sống đơn lộc trên đảo hoang.

Đến năm thứ 25, Rô-bin-xơn do tình cờ cứu được một tù binh da đen bị thổ dân đưa ên đảo toan hành hình. Chàng đặt tên cho nạn nhân là Thứ Sáu. Ít lâu sau, chàng lại cứu lược 2 tù binh, một người Tây Ban Nha và một da đen chính là người cha của Thứ Sáu, khi bọn thổ dân sắp hành hình. Hoang đảo đã có 4 người, cuộc sống đỡ cô đơn.

Một hôm có một chiếc tầu ghé đến đậu ở cái vịnh nhỏ gần đảo hoang. Bọn thủy hủ nổi loạn trói thuyền trưởng thuyền phó giải lên bờ định cho chết trên đảo. Chàng cứu giúp vị thuyền trưởng thu hồi được tầu. Chàng trở về Tổ quốc có Thứ Sáu cùng đi. Tính ra đã 28 năm, hai tháng, 19 ngày Rô-bin-xơn đã sống trên hoang đảo.

BÀI SỐ 153

Đề bài: Phân tích và nêu cảm nghĩ về nhân vật Rô-bin-xơn trong đoạn "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang" trích trong tác phẩm "Rô-bin-xơn Cru-xô" của nhà văn Anh quốc Đi-phô.

"Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang" trích Chương 10 tiểu thuyết *"Rô-bin-xơn Cru-xô"* của nhà văn Đi-phô người Anh trong thế kỉ XVIII. Tác phẩm lúc đầu mang một cái tên dài *"Cuộc đời và những chuyện phiêu lưu kì lạ của Rô-bin-xơn Cru-xô"*. Phiêu lưu và tự truyện là hai tính chất nổi bật của tác phẩm này. Đoạn trích *"Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang"* cũng như toàn bộ cuốn tiểu thuyết thấm nhuần một vẻ đẹp nhân văn, vừa cảm thông với sự rủi ro, bất hạnh của một con người, vừa ca ngợi sức sống mạnh mẽ, đầy nghị lực và sáng tạo của một thanh niên giữa một thiên nhiên hoang dã ngoài hoang đảo.

Nhiều năm tháng đã trôi qua, Rô-bin-xơn đã sống một mình giữa đảo hoang. Trước mắt vẫn là những chặng đường đầy thử thách. Anh nói: *"Tôi sống yên ổn trên đảo và chịu đựng số phận của mình hơn một năm nữa"*. Ta như đang nghe tiếng anh thầm thì kể lại những nếm trải cay đắng ngọt bùi. Tiếng anh như chìm đi trong sóng gió đại dương đang bủa vây hoang đảo.

Anh đã nói với chúng ta những gì anh đã làm và anh đã sống trong ngót ba thập . Cô đơn, thú dữ, bệnh tật, thiếu thốn. Không thể chết được! Phải sống và biết cách ống. Vốn là một thanh niên ưa mạo hiểm, thích làm giàu, giờ đây hoàn cảnh khắc ghiệt đã rèn luyện anh trở thành một con người *"lành nghề trong nhiều ngành thủ ông"*. Anh làm việc không mệt mỏi để không còn thì giờ *"nghĩ ngợi vẩn vơ"*. Đó ũng là một phương pháp tư tưởng đúng đắn, tích cực. Nhờ thế, anh đã trở thành một ợ nặn rất khéo, nặn được đủ thứ vật dụng, từ chum vại, bình vò đến bát đĩa. Anh đã ồng được thuốc để hút, giờ đây lại nặn được cái tẩu *"tuyệt mĩ"* nữa, vì thế anh vô ùng *"thích thú"*. Anh dùng cây miên liễu để đan lát. Đan thúng để quảy mồi săn ược, dựng hoa trái kiếm được. Đan bồ dựng thóc, đan được nhiều đồ dùng khác nữa. ói lao động là sáng tạo, lao động là phát triển năng khiếu thẩm mĩ của con người, ong trường hợp này đối với Rô-bin-xơn là hoàn toàn đúng.

Ở đời, những kẻ yếu hèn dễ bị khó khăn quật ngã. Với Rô-bin-xơn, anh đã trải ua một vạn ngày cô đơn trên hoang đảo rồi! Tuổi trẻ đã trôi qua. Thể lực và chí khí ĩ hao mòn. Chặng cuối cùng bao giờ cũng vậy, khó khăn, thử thách như được nhân n một cách ghê gớm! *"Thuốc đắng cạn liều càng thấy đắng - Đường gay cuối chặng ¡ thêm gay"* (Hồ Chí Minh). Đó là quy luật. Rô-bin-xơn cho biết hoàn cảnh mình: *Thuốc đạn ngày càng khan, thực phẩm cũng vơi dần"*. Bước sang năm thứ 11 ở trên ảo, anh đã bắt tay vào việc chăn nuôi, sau khi đã trồng lúa, trồng mạch thành công. nh đánh bẫy dê rừng, làm chuồng và nuôi nấng, thuần dưỡng dê. Chỉ hai năm sau, nh đã có một đàn dê lên tới 43 con để giết thịt ăn dần. Vừa giàu chí khí, vừa giàu ing tạo và khéo tay, anh đã biết vắt sữa, làm bơ, làm pho mát, thuộc da dê may áo uần, trồng hoa quả. Anh đã nói về đời sống vật chất của mình trên hoang đảo sau hững năm dài vật lộn với tất cả niềm vui ánh lên tự hào:

"Các bạn thử nghĩ, một mình trên một hòn đảo hoang vắng mà bữa sáng có sữa ươi, bữa ăn thường ngày có bánh mì, bánh bột gạo tẻ, thịt dê, trứng rùa, bơ và phó át; tráng miệng thì có các thứ hoa quả, nhất là nho tươi, nho khô, thiết tưởng cũng ịnh soạn không kém ở những khách sạn bình thường tại các thành phố lớn".

Rô-bin-xơn đã không bị thiên nhiên khuất phục. Trái lại, anh biết dùng trí tuệ, ôi bàn tay và ý chí của mình - của con người - để cải tạo thiên nhiên, bắt thiên nhiên hục vụ đời sống cho mình. Việc nuôi dưỡng và thuần dưỡng dê rừng của Rô-bin-xơn một kì công. Sữa tươi, phó mát, bơ, áo da mà anh làm ra là thành quả lao động trong ian khổ và cô đơn. Người đọc gần 300 năm nay trên Trái Đất vô cùng khâm phục anh một con người bất hạnh mà vĩ đại.

Phần sau của chương 10 nói về *"Một vài nét hình thù ông "chúa đảo" khi đi hu du trong vương quốc của mình"*. Đây là bức chân dung tự họa rất hóm hỉnh và iàu giá trị nhân bản. Có một điều rất thú vị là trên cái *"vương quốc"* hoang đảo này, hi có một vị *"chúa đảo"* là Rô-bin-xơn, chỉ có một thần dân, đó cũng là Rô-bin-xơn. nh đã nói về trang phục, về mày râu của mình. Ta có thể đi theo vị *"chúa đảo"* mà hiêm ngưỡng. Bộ áo quần bằng da rất kì lạ, có thể làm *"kinh sợ"* hay *"bò ra mà ười"* với ai đó khi lần đầu bắt gặp. Cái mũ bằng da dê *"cao lêu đêu"*. Một cái áo hẽn cũng cắt bằng da dê *"tà áo chấm ngang đầu gối"* rất quý tộc; cái quần ngắn may ằng da dê xồm, lông dê dài lê thê, buông thõng đến mắt cá, thành ra quần đùi mà hông khác quần dài! Cái thắt lưng cũng bằng da dê để giắt cưa và búa. Hai cái túi ằng da dê *"hình dáng lạ lùng"* để đựng đạn ghém và đựng thuốc súng, đeo lủng lẳng ằng một dây da vòng qua cổ. Đây là những nét miêu tả rất hiện thực nói lên cuộc

sống của con người nơi hoang đảo về mặt trang phục, hình hài đã trở nên *"cổ quái"* kì dị. Vì thế chàng trai Rô-bin-xơn càng ngày càng *"rám nắng, đen sạm lại"*. Râ thỉnh thoảng được cạo nhưng vẫn *"đâm ra tua tủa như chổi xể"*. Trên mép là một cặ ria theo kiểu người Thổ Nhĩ Kì *"vừa dài vừa rậm khác thường"*. Chó vốn là một vậ nuôi vô cùng tinh khôn. Rô-bin-xơn có một con chó như một người bạn, một vệ sĩ rấ trung thành với chủ, từng chia ngọt sẻ bùi với chủ, mà nay, có lúc nhìn *"lệ bộ"* da dẻ râu ria của Rô-bin-xơn, nó có vẻ *"kinh ngạc khiếp sợ"*, nó *"nghi nghi hoặc hoặc"*, s hãi, dò xét *"cái con quái vật kỳ dị kia là bạn hay là thù"*. Đó là chất hoang dã lấ chiếm, hoang dã hóa con người. Phải có một sức mạnh to lớn lắm mới chế ngự và hạ chế được sức mạnh ghê gớm của thiên nhiên nơi hoang đảo.

Nhân vật *"Tôi"* tự kể chuyện mình. Một giọng văn trầm, có lúc thoáng một nỗ buồn, có lúc hài hước. Một trang đời vất vả, cay đắng nhưng cũng có khoảnh khắ *"thịnh soạn"* đàng hoàng. Cái rủi ro phải trả giá cả một thời thanh xuân trong cô đơ và gian nan. Rô-bin-xơn hiện lên với tất cả sức mạnh của con người. Anh đã khẳn định và cho mọi người một bài học: Dám sống và biết cách sống; sống một cách mạn mẽ, dũng cảm và sáng tạo trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Có người đã từng ngợi ca, đoạn văn *"Rô-bin-xơn ngoài hoang đảo"* là bài c lao động sáng tạo hào hùng của con người. Rô-bin-xơn đã phiêu lưu và mạo hiểm. Cá vĩ đại và đáng quý nhất ở anh là anh đã sống đẹp như một con người chân chính.

BÀI SỐ 154

Đề bài: Tóm tắt chương IX "Thời thơ ấu" của Go-rơ-ki

- ... Ba đứa trẻ chiều nào cũng chơi trong sân đến tối mịt. Chúng có khuôn m. tròn, mắt xám, cùng mặc áo cánh, quần dài màu xám, rất giống nhau, chỉ có thể phâ biệt theo tầm vóc mỗi đứa. Qua khe hở hàng rào, tôi thấy chúng chơi những trò ch rất thú vị, vui vẻ. Hai đứa lớn săn sóc một thằng bé ngộ nghĩnh và lanh lợi. Mỗi lầ trong lúc chơi, đứa em ngã, hai đứa anh lại cười vui rồi xúm vào lấy khăn tay hoặc ngưu bàng lau tay cho em. Thằng anh nói một cách hiền hậu: *"Em lóng ngóng quá!"*

Có một lần tôi leo lên cây, huýt sáo gọi chúng. Chúng túm lại, đưa mắt nhìn t và thì thầm bàn bạc gì với nhau. Chúng lại mải mê chơi, cho đến lúc có người gọi v Chúng đi thong thả và ngoan ngoãn như những chú ngỗng.

Nhiều lần tôi trèo lên cây, hy vọng chúng nó gọi tôi xuống chơi với chúng. I anh em vẫn chơi với nhau. Một lần chúng chơi trò ú tim, thằng em ngồi vào gá không, rơi xuống giếng biến mất. Tôi sững sờ nhìn thấy, vội kêu to: *"Ngã xuống giến rồi!"* Tôi cùng hai thằng anh đã kéo được thằng em lên. Nó bị ướt, bàn tay rớm má má bị sây sát, mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười. Thằng anh lớn gật đầu, chìa tay cl tôi và nói: *"Cậu chạy đến nhanh lắm!"* Chúng bàn với nhau là nói đứa em bị ngã và vũng nước rồi kéo nhau vào nhà. Gần một tuần sau chúng mới xuất hiện trên sân. Ch nhìn thấy tôi trên cây, thằng anh lớn thân mật gọi: *"Xuống đây chơi với chúng tớ* Chúng tôi leo lên cái xe trượt tuyết cũ để dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm ngh nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu. Tôi hỏi chúng có bị đánh không. Thằng bé nhất h tôi sao lại bắt chim. Nó hỏi chim gì hót vui. Chúng cũng muốn nuôi chim nhưng lại : bị mèo bắt mất, nghĩ là bố chúng chẳng cho nuôi. Tôi hỏi ba anh em về mẹ chún biết là mẹ chúng đã chết, đang ở với dì ghẻ. Tôi nhớ lại những chuyện kể của bà tôi mụ dì ghẻ phù thuỷ và kể lại cho chúng nghe.

Trời bắt đầu tối, bỗng một lão già với bộ ria trắng, đội chiếc mũ xù lông, vận chiếc áo nâu dài lùng thùng như một giáo sĩ xuất hiện chỉ vào tôi và hỏi: "*Đứa nào đây?*" Nghe thằng anh lớn trả lời, lão nắm chặt lấy vai tôi, đẩy tôi qua sân ra cổng, giơ ngón tay dọa tôi và nói: "*Cấm không được đến chỗ tao!*" Tôi cáu tiết: "*Tôi có thèm đến với lão đâu, đồ quỷ già!*" Vì chuyện đó mà tôi bị ông tôi cho một trận đòn. Tôi bị ném ra sân, vào trong chiếc xe của bác Pi-ốt; qua bác mà tôi biết tên lão già đại tá quý tộc.

Tôi với bác Pi-ốt xảy ra bất hòa, bác đặt điều nói với bà tôi, may mà bà tôi bênh che cho tôi. Từ hồi đó, một cuộc chiến tranh âm thầm và gay gắt giữa bác Piốt và tôi. Bác ta tìm mọi cách giả như vô tình để xô đẩy tôi, lấy dây cương quật tôi, thả chim của tôi ra, đem chim của tôi cho mèo vồ. Còn tôi thì tháo giày gai của bác ra, bí mật gỡ và cứa đứt những sợi gai... hoặc đổ hạt tiêu vào mũi bác, làm cho bác ta hắt hơi hàng giờ. Mỗi lần bắt gặp tôi nói chuyện với mấy đứa con lão đại tá, bác Piốt lại đi tố cáo với ông tôi.

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé, mỗi ngày một trở nên thích thú. Tôi bí mật khoét một lỗ nhỏ hình bán nguyệt ở hàng rào. Tôi vẫn kể chuyện cho chúng nghe, có chỗ nào quên lại chạy về hỏi lại bà, điều đó làm cho bà tôi rất hài lòng. Có một lần thằng lớn thở dài nói: "*Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt*". Cả ba anh em đều rất đáng yêu. Đặc biệt thằng lớn có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon, người mảnh dẻ, cặp mắt rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Tôi rất ưa thằng lớn và luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích.

BÀI SỐ 155

***Đề bài:** Phân tích và nêu cảm nghĩ về "Những đứa trẻ" trích trong "Thời thơ ấu" của Go-rơ-ki.*

Bộ ba tự truyện của Go-rơ-ki (*Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi*) là những trang văn có chỗ thấm đẫy lệ, có nơi có những tiếng thở dài, cũng có nụ cười tiếng hát, có những dặm đường đầy thử thách của một chú bé, một chàng trai,.. có những tấm lòng tràn đầy nhân hậu mênh mông.

Đọc chương 9 tập *"Thời thơ ấu"*, dõi theo hành trình của cậu bé Pê-scốp, lòng chúng ta xôn xao rung động trước vẻ đẹp của một tâm hồn thơ bé. Tình bạn, tình yêu bà của bé A-li ô-sa Pê-scốp nhiều rung động, chứa chan.

1. *Một tình bạn trong sáng tươi đẹp.*

Pê-scốp đã sớm nếm trải nhiều cay đắng, bất hạnh. Lên mười tuổi thì cả cha lẫn mẹ đều lần lượt qua đời. Ông ngoại dữ đòn. Chỉ có bà ngoại dịu hiền, yêu thương đứa cháu côi cút hết mực. Những chuyện cổ tích bà kể, những bài thánh ca bà hát như hương hoa ngào ngạt ướp vào tâm hồn tuổi thơ A-li-ô-sa. Cháu chỉ còn biết tìm đến thế giới loài chim, cháu bẫy chim, nuôi chim để nghe chim hót. Khao khát tình thương và tình bạn. Nhà nghèo, ít được đến trường nên A-li-ô-sa ngồi vắt vẻo trên cành cây nhìn sang một cái sân rộng, có lúc qua khe hở hàng rào nhìn ba anh em nhà láng giềng chơi. Khuôn mặt tròn, mắt xám với màu áo xanh cùng những trò chơi lạ của ba anh em đã làm chú ta rất thích. Chúng chơi rất thú vị, vui vẻ và không bao giờ cãi nhau. A-li-ô-sa thích cách ăn vận, thích thái độ săn sóc của chúng đối với nhau... Mỗi khi đứa em nhỏ, một thằng bé *"ngộ nghĩnh và lanh lợi"* bị ngã thì hai thằng anh lại cười vui, rồi xúm vào đỡ em dậy, hoặc lấy khăn tay, lấy lá cây ngưu bàng lau các ngón tay và quấn cho em. Tiếng nói của đứa anh thứ hai, nói một cách hiền hậu *"Em lóng ngóng quá"* làm cho A-li-ô-sa chú ý. Cả ba anh em đều khỏe mạnh, rất nhanh nhẹn,

chan hòa yêu thương, không bao giờ cãi nhau hoặc gian lận cả! A-li-ô-sa đã ngắm nhìn say mê, tưởng như chú đang cùng chơi vui vẻ với chúng. Chú phải leo lên cành cây; lúc thì *"huýt sáo gọi chúng"*, lúc thì *"hét lên hoặc cười thật to"* để ba anh em nhà nọ nhìn thấy..., chúng thì thầm bàn bạc gì với nhau, chúng nói khẽ với nhau điều gì,... nên đã làm cho Aliôsa *"ngượng quá bèn tụt xuống đất"*. Có một cái gì ngăn cách hai thế giới tâm hồn tuổi thơ, hay là hàng rào, hay là..., điều đó làm cho A-li-ô-sa cảm thấy tủi và *"cô đơn"* nhiều lắm!

Go-rơ-ki đã kể lại một cách tỉ mỉ kỉ niệm xa xưa ấy, đã làm cho mỗi chúng ta cảm động nhớ lại những chuyện vui buồn thời bé thơ, nhớ lại những kỉ niệm ấm áp về tình bạn dưới mái trường Tiểu học ngày nào...

Một cơ hội đã đến để ba anh em nhà kia mời A-li-ô-sa cùng sang chơi. Một lần chơi trò ú tim, đứa em út non nớt ngây thơ và khờ dại đã ngồi vào gầu và rơi xuống giếng. A-li-ô-sa chợt nhìn thấy, nhảy phắt xuống sân và kêu to: *"Ngã xuống giếng rồi!"*. Chú đã đến kịp thời để cùng hai đứa anh kéo thằng em út lên, thoát hiểm. Thằng bé ướt sũng, bàn tay rớm máu, *"mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười"*. Chúng bàn nhau cách nói dối *"em ngã vào vũng nước"*. Trước lúc đưa em vào nhà, thằng anh lớn đã *"gật đầu"* và *"chìa tay"* cho A-li-ô-sa và nói: *"Cậu chạy đến nhanh lắm!"*. Sự việc diễn ra quá nhanh, đến nỗi A-li-ô-sa lúc nhìn lại cành cây mà từ đó, chú nhảy xuống cứu bạn *"vẫn còn rung rung và một chiếc lá vàng rụng xuống"*. Có thể nói, sự nhanh nhẹn và tấm lòng của A-li-ô-sa trong việc ứng cứu đứa bé là một *"chiến công"* một thử thách cho tình bạn của chú với anh em nhà nọ một tuần sau đó.

Hàng rào ngăn cách vô hình đã bị lũ trẻ phá tung. Và chỉ mấy ngày sau, ba anh em lại kéo nhau ra sân chơi, thằng anh lớn nhìn thấy A-li-ô-sa trên cây đã thân mật gọi *"Xuống đây chơi với chúng tớ"*. Đó là tiếng gọi của bạn bè. Là niềm thương yêu tin cậy Là phần thưởng, là giây phút hạnh phúc nhất đối với A-li-ô-sa mà chú mong đợi bấy nay.

Vốn tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, bốn đứa bé như bốn con chim non ríu rít chơi với nhau. A-li-ô-sa hỏi chúng nó có bị đánh không. Chúng trao đổi với nhau về chuyện bẫy chim nuôi chim, về chim Bạch yến... Chúng nói với nhau về mẹ và dì ghẻ. Cả bốn đứa bé đều cùng cảnh ngộ *"mồ côi mẹ"*, sự đồng cảm về cảnh ngộ đã gắn bó tâm hồn tuổi thơ A-li-ô-sa kể cho chúng nghe *"Chuyện mụ dì ghẻ phù thủy"*... Bốn đứa bé *"ngồi sát vào nhau như những chú gà con"*. Đây là những khoảnh khắc thần tiên của chúng. Thằng bé nhất thì *"mím chặt môi và phồng má lên"*. Một đứa thì *"chống khuỷu tay lên đầu gối..."* và quàng lên vai em nó. Chúng im lặng lắng nghe cổ tích.

Ở đời, xưa và nay, tình bạn luôn luôn được thử thách qua cảnh giàu nghèo, sang hèn, lúc thành đạt, v.v... ở người lớn và trẻ em có tình bạn thủy chung, có thứ tình bạn *"nắng sớm, chiều mưa"*, v.v... Bốn đứa trẻ này đang chơi thân với nhau, bỗng người lớn đã xông vào *"phá đám"*. Lão đại tá già xuất hiện với bộ ria trắng, đầu đội chiếc mũ xù lông đã thô bạo *"nắm lấy vai"* và đuổi A-li-ô-sa ra khỏi cổng với lời đe dọa *"Cấm không được đến chỗ tao!"*. Rồi trận đòn của ông ngoại. Sự đặt điều mách lẻo sự để ý *"theo dõi"* của bác Pi-ốt. Ông ngoại đã nghiêm cấm cháu không được chơi với mấy đứa con lão đại tá, v.v... Nhưng tuổi thơ và tình bạn trong sáng của tuổi thơ, ai có thể ngăn cấm và li gián được? Vì thế A-li-ô-sa vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa chúng nó *"càng ngày càng trở nên thích thú"*. Chẳng có *"ải quan"* *"bức tường thành"* nào ngăn cách được bốn đứa trẻ! Mọi định kiến giai cấp, mọi sự ngăn cấm và đòn roi đối với chúng nó chẳng có nghĩa lí gì. Giữa bức tường và hàng rào nhà ông đại tá, có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mọc rậm rạp, *"mộ*

ỗ hổng hình bán nguyệt" đã được bí mật khoét ra. Chính tại đây ba đứa con trai đại á, một đứa đứng canh, hai đứa *"ngồi xổm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau"*. Chúng nói về cuộc sống buồn, về những con chim, nhiều chuyện trẻ con khác,... Chúng nghe A-li-ô-sa kể chuyện cổ tích. Có một chi tiết rất thú vị là mỗi lần kể chuyện, nửa chừng quên mất chỗ nào, A-li-ô-sa lại chạy về hỏi bà... Chúng vẫn chơi vui, vẫn tâm tình, vẫn chan hòa trong niềm thơ âu cổ tích. Một tình bạn trong sáng, hồn nhiên.

2. *Và tình yêu thương của bà.*

Ba anh em con nhà đại tá mồ côi mẹ, chịu cảnh dì ghẻ, chúng lại không còn bà. Còn A-li-ô-sa, tuy thỉnh thoảng vẫn bị ông ngoại đánh đòn, nhưng em còn có bà ngoại. Bà là dòng sữa cổ tích ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn em. Bà là chỗ dựa tinh thần bảo vệ che chở cháu khi bị người lớn đặt điều. Ta hãy nghe bà trả lời dứt khoát bác Piốt:

"ối chà, bác Pi-ốt, tự bác đặt điều ra thì có, nó không chửi bác như vậy đâu!". Mỗi lần A-li-ô-sa quên một tình tiết nào đó trong cổ tích, chạy về hỏi bà, em đã làm cho bà *"rất hài lòng"*. Chú đã tự hào kể bao nhiêu chuyện tốt đẹp về bà ngoại mình, đã làm cho ba anh em nhà đại tá xúc động. Cả ba anh em đều buồn và thằng anh lớn đã *"thở dài"* nói: *"Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước đây cũng rất tốt"*. Đó là một câu nói giản dị của một em bé đã trải qua nhiều bất hạnh. Những bạn nhỏ nào đó đã từng được nghe bà ru, bà kể chuyện cổ tích, từng được bà ôm ấp gãi lưng cho ? Những bạn nhỏ nào đó trong cơn mơ từng thấy bà hiền hậu đang cầm *"quả thị Tấm Cám"* trên tay? Và những ai đó khi cất tiếng chào đời chưa một lần nào được nhìn thấy mái tóc bà, nụ cười hiền hậu của bà sẽ xúc động biết bao khi nghe một đứa bé *"thở dài"* nói trong ngao ngán *"bà mình trước cũng rất tốt"*...

Có thể nói tình bạn và tình yêu thương bà là những tình cảm đậm đà, trong sáng, thiêng liêng của tuổi thơ. Đọc những dòng tự thuật trên đây, ta thấy chất thơ dào dạt trên trang văn của Go-rơ-ki. Ta biết yêu bà, yêu bạn. Ta lớn lên và được sống tin cậy trong tình yêu thương mênh mông. Thiếu tình thương, tuổi thơ buồn lắm vì phải trải qua những tháng ngày u ám cô đơn. Từ khi có bạn, được chơi trong tình bạn, những em bé mồ côi như có ánh nắng đem lại sự ấm áp cho tâm hồn. Go-rơ-ki đã nói rất cảm động điều đó. Tính chân thực, hồn nhiên và truyền cảm tạo nên vẻ đẹp văn chương đích thực của *"Thời thơ ấu"*.

BÀI SỐ 156

Đề bài: Tóm tắt truyện "Cố hương" của Lỗ Tấn.

Sau 20 năm trời đi xa, tôi phải vượt qua hai nghìn dặm về thăm quê. Đang độ giữa đông, trời lạnh giá. Gió lùa khoang thuyền vi vu. Gần về đến làng cũ trời càng u ám, xa gần thấp thoáng xóm thôn tiêu điều, hoang vắng,... im lìm nằm dưới vòm trời vàng úa. Lòng tôi se lại.

Có phải là làng cũ tôi không ? Làng cũ tôi đẹp hơn kia ! Về thăm chuyến này, lòng mình vốn không vui, nên tôi mới thấy thê lương như vậy. Về thăm chuyến này là để từ giã ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đã mấy đời ở chung với nhau. Ngôi nhà cũ đã bán cho người ta rồi, tôi từ giã làng cũ thân yêu đem gia đình đến sinh sống nơi đất khách quê người.

Tinh mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Tôi vừa bước vào gian nhà cũ yêu dấu thì mẹ tôi và cháu Hoàng mới lên 8 tuổi chạy ra đón. Mẹ tôi mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ bảo tôi ngồi xuống nghỉ ngơi, uống trà. Cháu Hoàng đứng đằng xa, nhìn tôi chòng chọc.

Sau đó, mẹ và tôi bàn đến chuyện dọn nhà, bán đồ đạc. Mẹ nhắc tôi nghỉ ngơi vài hôm rồi đi thăm bà con trước lúc lên đường. Mẹ nhắc đến anh Nhuận Thổ, quê ở vùng biển. Tôi bồi hồi nhớ lại cách đây khoảng chừng 30 năm, tháng giêng năm ấy đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Giỗ to, lễ vật nhiều, đồ tế rất sang, người đến lễ rất đông. Người ở quá bận, xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ tế cho.

Gần Tết thì Nhuận Thổ đến. Đã bao ngày đêm tôi mong vì nghe nói hắn bẫy chim sẻ tài lắm. Hắn đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ deo vòng bạc sáng loáng. Hắn bẽn lẽn. Khi vắng người hắn nói chuyện với tôi. Chỉ nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau. Hắn bảo lên tỉnh, hắn được trông thấy bao nhiêu điều mới lạ. Hôm sau, tôi rủ Nhuận Thổ đi bẫy chim. Hắn bảo phải chờ tuyết xuống mới bẫy chim được. Hắn nói với tôi bẫy chim: sẻ đồng, chào mào, "*bột cỏ*", sẻ xanh lưng...

Nhuận Thổ mời tôi đến mùa hè xuống chơi vùng biển, quê hắn, đi nhặt vỏ sò màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Còn có cả sò "*mặt quỷ*", sò "*tay phật*" lạ lắm. Hắn kể chuyện những đêm trăng đi canh dưa hấu, cầm đinh ba để đâm con "*tra*", con vật này ăn dưa, tinh khôn lắm, lông và da trơn như mỡ. Hắn kể chuyện vùng biển, hắn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm mà bạn bè tôi không ai biết cả. Hết tháng giêng năm ấy Nhuận Thổ về quê. Sau đó hắn gửi cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hắn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp nhau nữa. Bây giờ nghe mẹ tôi nhắc đến, ký ức tôi bỗng sáng bừng lên trong chốc lát tôi cảm thấy tìm được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi hỏi mẹ về Nhuận Thổ hiện nay, mẹ bảo tình cảnh anh ta cũng chẳng ra gì.

Đang dở câu chuyện thì thím Ba Dương đến, một người đàn bà trên dưới 50 tuổi, môi mỏng dính, lưỡng quyền nhô ra... Tôi không nhận ra được, một lúc sau nghe mẹ tôi nói là thím Ba Dương bán đậu phụ ở xế cửa nhà tôi; hồi đó, người ta vẫn gọi là "*nàng Tây Thi đậu phụ*". Thím ta trách tôi, khích bác tôi là bây giờ làm quan, có nàng hầu, đã giàu có lại không dám rời một đồng xu. Cuối cùng thím Ba Dương giật đôi bít tất tay của mẹ tôi, rồi quay gót, cút thẳng.

Sau 3, 4 ngày vừa tiếp khách đến thăm vừa sửa soạn hành lý, một hôm trời rét lắm, vào lúc quá trưa, Nhuận Thổ đến. Tôi nhận ra ngay, nhưng không phải là Nhuận Thổ trong ký ức tôi. Mặt vàng xạm, thêm những nếp nhăn sâu hóm, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm. Bàn tay thô kệch, nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông. Lâu ngày gặp tôi, anh "*vừa hớn hở vừa thê lương*", mấp máy mãi rồi cung kính chào "*Bẩm ông !*". Tôi điếng người đi. Giữa chúng tôi đã có một bức tường ngăn cách. Thật là bi đát, tôi cũng nói không nên lời. Tiếp đó, Nhuận Thổ gọi một đứa bé lại và bảo "*Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa !*". Mẹ tôi và cháu Hoàng từ trên gác nghe tiếng đi xuống. Nhuận Thổ cung kính chào mẹ tôi, rồi nói: "*... biết ông về chơi, thật mừng quá!*". Mẹ tôi nhẹ nhàng bảo: "*Sao lại khách tình thế, trước kia vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà?...*". Thủy Sinh rụt rè nhưng sau đó đã chơi thân với cháu Hoàng.

Mẹ tôi và tôi hỏi thăm gia đình Nhuận Thổ. Anh than thở: "*Bẩm, vất vả lắm Nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu ! Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng c*

...lộ gì cả, như đã nói... Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Anh xuống bếp rang cơm ăn. Mẹ tôi và tôi đều cảm cảnh cho gia đình anh: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đày đọa thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi ! Mẹ tôi bảo tôi: cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết, tùy ý chọn lấy cái nào thì lấy. Anh chọn xin mấy thứ: hai cái bàn dài, một bộ tam sự, một cái cân, xin một đống tro để về bón ruộng.

Chín ngày sau, chúng tôi lên đường. Khách đến tiễn và lấy đồ rất đông. Gần tối, chúng tôi xuống thuyền thì tất cả đồ đạc trong ngôi nhà cũ, hư hỏng, to nhỏ, xấu tốt đều mang đi sạch trơn như quét. Ngồi tựa mạn thuyền, bỗng cháu Hoàng hỏi bao giờ trở về vì Thủy Sinh đã hẹn đến nhà nó chơi. Mẹ tôi buồn nhắc đến Nhuận Thổ, nhắc đến chị Hai Dương, lùn, chân bé tí teo thế mà cũng chạy nhanh đáo để.

Ngôi nhà cũ xa dần, phong cảnh làng cũ cũng mờ dần. Lòng tôi áo não.

Nằm trong thuyền nghe nước chảy róc rách vỗ vào mạn thuyền, biết là tôi đang đi theo con đường của tôi. Tôi nghĩ đến Nhuận Thổ, đến Thủy Sinh và cháu Hoàng. Tôi nghĩ đến mọi "*thứ tượng gỗ*", mọi hy vọng, đâu là thực là hư. Nghĩ đến những con đường trên mặt đất; kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

BÀI SỐ 157

***Đề bài:** Cảm nhận của em về hình bóng quê nhà và con người nơi quê cha đất tổ trong truyện "Cố hương" của Lỗ Tấn.*

Lỗ Tấn (1881 - 1936) là nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc. Truyện "*Cố hương*" là một truyện ngắn hay và xúc động. Nó man mác một tình quê vơi đầy. Nó ghi lại một cách chân thực và cảm động kí ức tuổi thơ. Nó phản ánh số phận những con người quê hương với bao nỗi buồn thương và hi vọng.

Các nhân vật như tôi, mẹ tôi, cháu Hoàng, Nhuận Thổ, Thủy Sinh, chị Hai Dương - là những con người của quê hương, gợi ra bao nỗi buồn vui về nơi chôn nhau cắt rốn sâu nặng nghĩa tình.

Sau hơn 20 năm xa cách "*tôi*" về thăm quê. Phải vượt qua 2000 dặm giữa một mùa đông lạnh giá. Lòng "*tôi*" bồi hồi khôn kể xiết. Gió lạnh vi vu thổi vào khoang thuyền. Gần về đến làng, trời càng u ám, xóm thôn xa dần, thấp thoáng tiêu điều, hoang vắng..., lòng "*tôi*" se lại. Về quê thì phải vui sao lại buồn? "*Tôi*" tự hỏi có phải đây là làng cũ thân yêu trong kí ức nữa không?

Chuyến về thăm quê này rất đặc biệt. Về để bán nhà, giao nhà lại cho chủ mới. Về để từ giã ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình "*chúng tôi*" đời đời ở chung với nhau. Sao không buồn được, vì sau 20 năm đi xa, lần này "*tôi*" trở về là để "*vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn sinh sống*".

Quê hương thường gắn liền với phần mộ tổ tiên ông bà. Trong "*Cố hương*" không thấy nói đến. Tác giả chỉ xúc động nói đến kí ức tuổi thơ khoảng chừng 30 năm về trước. Một tình bạn đẹp tuổi thơ độ lên mười với Nhuận Thổ, con trai của một người làm thuê cho gia đình "*tôi*". Nhờ Nhuận Thổ mà "*tôi*" được biết bao chuyện kì lạ: cách bẫy chim trên tuyết, con "*tra*" lông da trơn như mỡ biết ăn dưa; bên bờ biển quê hương có nhiều vỏ sò đẹp và lạ: sò "*mặt quỷ*" và sò "*tay phật*". Nhờ Nhuận Thổ mà tôi cảm nhận được vẻ đẹp quê hương với bao cảnh tượng thần tiên: "*Một vầng*

trăng tròn vàng thắm treo lơ lửng trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ *biển, trồng toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn"*.

Quê hương cũ với bao kỉ niệm thời thơ bé. Đó là những ngày mà *"thầy tôi hãy còn"*, cảnh nhà sung túc... Năm ấy nhà tôi đến lượt lo giỗ tổ. Giỗ vào tháng giêng. Lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cúng rất đông...

Quê hương trong kí ức bao giờ cũng cảm động. Lỗ Tấn đã nói về hình ảnh quê hương trong hiện tại và trong quá khứ, lúc trên đường trở về, lúc gặp lại bạn cũ, người xưa. Có niềm vui nỗi buồn, 30 năm đã trôi qua, nhưng không bao giờ có thể quên được quê hương và tuổi thơ.

Mẹ đã già. *"Tôi"* đã trưởng thành, đi làm ăn xa, lưu lạc 20 năm trời nay mới về thăm quê, thăm mẹ. Lâu nay chỉ *"gặp mẹ"* và hỏi thăm mẹ qua những cánh thư. Con vừa bước vào nhà, mẹ *"đã chạy ra đón"*. Mẹ già *"rất mừng rỡ"* gặp lại con trai sau những năm dài xa cách, thế nhưng *"nét mặt vẫn ẩn nỗi buồn thầm kín"*. Chắc là mẹ buồn vì thương nhớ người đã khuất, mẹ buồn vì cảnh nhà sa sút, phải bán nhà, theo con trai đến nơi đất khách quê người? Mẹ vẫn hiền hậu, săn sóc *"tôi"* như ngày *"tôi"* còn thơ bé: *"Mẹ bảo tôi ngồi xuống nghỉ ngơi, uống trà..."*.

Mẹ nói với con trai chuyện dọn nhà... Mẹ vẫn hiền từ như xưa: *"Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường"*. Nhắc đến Nhuận Thổ... *"Mẹ tôi"* động lòng. Gặp hai bố con Nhuận Thổ, mẹ ân cần vồn vã. Mẹ thở than cho cảnh nhà anh ta, mẹ bàn với *"tôi"*: *"Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy!"*. Thương con cháu và thương người, đó là hình ảnh người mẹ trong *"Cố hương"*.

Có một nhà thơ Việt Nam đã viết: *"Quê hương là cầu tre nhỏ - Mẹ về nón lá nghiêng che"*. Đọc *"Cố hương"* của Lỗ Tấn, nếu ai đó không hiểu được người mẹ thì làm sao cảm nhận được hình ảnh quê hương thân yêu. Bởi lẽ mẹ là quê hương, quê hương là mẹ! Tình yêu quê hương luôn luôn gắn liền thiết tha với người mẹ hiền mà ta yêu quý.

Nhuận Thổ là người bạn tuổi thơ. Ba mươi năm trước, *"tôi"* và Nhuận Thổ đã sống với nhau trong suốt một tháng giêng mà suốt đời *"tôi"* không thể nào quên được. Hình ảnh hắn thuở lên 10, lần đầu gặp tôi: *"Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng..."*. Hắn *"bẽn lẽn"* với mọi người, nhưng *"không bẽn lẽn"* với chỉ riêng tôi. Hắn nói lên tỉnh, hắn được trông thấy những điều hắn chưa bao giờ trông thấy cả. Cũng như *"tôi"* nghe hắn nói chuyện bẫy chim sẻ, chuyện cầm đinh ba đâm con *"tra"* khi đi canh dưa, chuyện vỏ sò, vỏ ốc, v.v... là những chuyện lí thú, kì lạ. Ba mươi năm rồi, *"tôi"* nhớ đến Nhuận Thổ là nhớ đến gói quà hắn gửi cho tôi: một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp.

Không có tuổi thơ thì không có quê hương. Tình bạn tuổi thơ làm cho tình yêu quê hương mãi mãi tươi thắm. Đúng như Lỗ Tấn đã viết:

"Bây giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kí ức tôi bỗng dưng sáng bừng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi". Hình ảnh Nhuận Thổ thời ấu thơ là hình ảnh quê hương, là *"vành trăng non trên bầu trời xanh miền thơ ấu"*. Nhuận Thổ là một phần rất nhỏ của *"Cố hương"*, là tình yêu quê hương.

Hình ảnh Nhuận Thổ trong hiện tại là nỗi đau, nỗi buồn về quê hương. Sau những năm dài xa cách nay gặp lại, Nhuận Thổ thay đổi quá nhiều. Nước da *"vàng*

sạm", có những nếp nhăn trên mặt "*sâu hoắm*". Cặp mắt, mi mắt "*viền húp đỏ mọng lên*". Đầu đội một cái mũ lông chiên "*rách tươm*", mặc một cái áo bông "*mỏng dính*" giữa lúc trời rét dữ! Người "*co ro cúm rúm*", đôi bàn *tay "vừa thô kệch, vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông*". Thời gian đã tàn phá một con người về mặt ngoại hình. Sự nghèo khổ và vất vả làm tàn tạ một con người vốn cường tráng và dẻo dai. Gặp lại bạn cũ, Nhuận Thổ "*vừa hớn hở vừa thê lương*" mấp máy đôi môi nói không ra tiếng, sau mới "*cung kính*" nói được hai tiếng: "*Bẩm ông!*". Lễ giáo và tôn ti trật tự của xã hội phong kiến đã tạo nên giữa đôi bạn "*một bức tường khá dày ngăn cách*". "*Tôi*" như bị "*điếng người*" khi nghe anh ta nói. Nhìn người và nghe Nhuận Thổ nói "*tôi*" nặng trĩu trong lòng "*trông anh ta phảng phất như một pho tượng đá*" vô hồn và vô cảm.

Hình ảnh Nhuận Thổ trong hiện tại là hình ảnh một xứ sở, một miền quê xơ xác, tiêu điều, *người nông dân bị bần cùng hóa, bị áp bức và bóc lột đến tận xương tủy: "mất mùa, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào...", "chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có luật lệ gì cả"*.

Thông qua việc tường thuật chuyến về quê lần cuối cùng của "*tôi*", thông qua những rung cảm của "*tôi*" trước sự thay đổi, tàn tạ ghê gớm của làng quê, đặc biệt là Nhuận Thổ, tác giả đã lên án tội ác của chế độ phong kiến đối với nông dân, từ đó đặt ra vấn đề quyền sống và hạnh phúc của nhân dân trên con đường đi tới.

Nói đến con người quê hương trong "*Cố hương*" không thể nào không nhắc tới hình ảnh chị Hai Dương - "*Tây Thi đậu phụ*", ngày xưa "*phấn son*" nổi danh tài sắc bây giờ đã trở thành một "*bỉ vỏ*" trơ tráo, lúc thì ăn cướp đôi tất tay, lúc thì lấy cái "*cẩu khí sát*" rồi chạy biến. Cũng không thể không nghĩ tới cháu Hoàng và Thủy Sinh, con trai thứ năm của Nhuận Thổ. Trẻ con xưa nay vẫn hồn nhiên và đáng yêu. Nghĩ đến những con người quê hương, "*tôi*" mong muốn những em bé quê hương sẽ không còn "*phải khốn khổ và tàn nhẫn...*", mong mỏi chúng nó được sống "*một cuộc đời mà chúng tôi chưa từng được sống*".

Phần cuối truyện "*Cố hương*" tác giả viết một câu văn rất lạ mà hay. Sau khi ông nói đến mọi thứ "*tượng gỗ*" và "*sùng bái tượng gỗ*", nói đến mong ước "*gần gũi*" và "*xa vời*", nói đến "*thực*" và "*hư*" trong "*hi vọng*", rồi ông hạ bút. Đó là suy ngẫm của "*tôi*":

"*Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi*". Có con đường mưu sinh phải xa quê. Có con đường tình nghĩa, không quản xa xôi, cách trở đã về thăm lại quê. Có con đường khổ ải. Có con đường hạnh phúc. Con đường gần, con đường xa, con đường hi vọng đi lên phía trước. Có con đường mòn... Cũng có chuyện phá lối mở đường. Con đường đến với mỗi người là con đường số phận. Con đường của mỗi dân tộc là con đường cách mạng. Phải chăng đó là ý tưởng sâu sắc về hình tượng con đường trong "*Cố hương*".

Ca dao có câu:

"Quê hương nghĩa nặng tình sâu,
Bể dâu biến đổi biết đâu là nhà"

Đọc "*Cố hương*" của Lỗ Tấn, tôi bâng khuâng mãi về tiếng hát ấy từng vang vọng khắp miền Trung thân yêu của quê mẹ...

Đề bài: Phân tích nhân vật Phi- líp trong truyện ngắn "Bố của Xi- mông" của nhà văn Guy đờ Mô-pa-xăng.

"*Bố của Xi-mông*" là một truyện ngắn hiện thực khá hay của Guy đờ Mô-pa-ăng. Truyện này nói lên nỗi đau khổ của em bé Xi-mông và mẹ em vì những thành iến, thói tục cổ lỗ, khi Xi-mông không rõ bố em là ai và niềm sung sướng tràn ngập hi em được nhận chú Phi-líp làm bố. Đặc biệt, truyện đã đề cao tấm lòng nhân hậu ủa Phi-líp, người thợ rèn đáng quý mến.

Hành động nhận làm bố Xi-mông của chú bị một số người cười chê là khờ dại. hật ra, đó là một việc làm nhân đạo, cao cả. Vì chính việc làm này đã mang lại nhiều ung sướng, hạnh phúc cho Xi-mông, cứu em thoát khỏi cái chết. Bởi lẽ, ngay từ hững ngày đầu tiên học ở trường, Xi-mông đã bị đám bạn bè độc ác, vô ý thức đùa ợt, trêu chọc về việc em không có bố. Bị chế giễu, bị đánh đập, Xi-mông tức giận nên ém đá vào bọn chúng rồi bỏ đi ra bờ sông. Em đã khóc ròng và nghĩ đến việc nhảy uống sông cho chết đuối. Em ngắm đàn cá bơi lội, em bắt con nhái chơi, nhưng cái ý ịnh tự tử ấy cứ lởn vởn mãi. "*Em lại khóc, người em cứ run lên, em quỳ xuống và đọc inh cầu nguyện như trước khi đi ngủ. Nhưng em không đọc hết được bài kinh vì hững cơn nức nở lại trở lại dồn dập, xốn xang, choán ngợp lấy em*". Đang lúc đau hổ như thế thì Xi-mông gặp chú Phi-líp, biết được tình cảnh của em, chú ấy đã dẫn m về nhà. Trước mặt mẹ Xi-mông, chú đã trả lời câu hỏi của em này: "*Chú có muốn àm bố cháu không?*", bằng lời khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát: "*Có chứ, chú có nuốn*". Thế là lần thứ nhất chú Phi-líp đã cứu Xi-mông ra khỏi cơn tuyệt vọng, giành m khỏi tay thần chết.

Tuy nhiên đối với chú Phi-líp, lúc đầu chú nghĩ đây là một việc làm nhất thời, ốt để an ủi cho Xi-mông trong phút giây thoát khỏi cơn tuyệt vọng. Nhưng sau đó, Ki-mông đến nói với chú tại lò rèn: "*Bố Phi-líp này, lúc nãy thằng con bác Micốt bảo ho rằng bố không phải là bố của con hắn hoi vì bố không phải là chồng của mẹ*". úc này, không còn là nhất thời nữa rồi! Vấn đề đặt ra trước chú Phi-líp lúc này là ột vấn đề nghiêm túc. Xi-mông lại có thể đứng trước tình thế tuyệt vọng một lần ữa, nếu như chú Phi-líp xem lời nói lần trước của mình là lời nói đùa. Chính các bác ợ rèn đồng nghiệp của chú Phi-líp, những vị thần khổng lồ ấy đã giúp chú vượt qua ịnh kiến đối với mẹ Xi-mông. Chị ta lầm lỗi không phải do lỗi ở chị ta, để đi đến uyết định cuối cùng: ngỏ lời cầu hôn với người phụ nữ đáng thương mến này. Việc àm của chú Phi-líp đã mang lại cho Xi-mông hạnh phúc thật sự, cậu bé nhờ có đủ ghị lực để tuyên bố với các bạn cùng lớp: "*Bố tớ là Phi-líp Rèmi (bác thợ rèn) và bố ý hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ*".

Chú Phi-líp và các bác thợ rèn trong truyện ngắn này được Guy đờ Mô-pa-xăng iêu tả như các vị phúc thần. Chú đã giải thoát cho Xi-mông khỏi nỗi đau khổ của em và ang lại cho em hạnh phúc. Việc làm ấy cũng giúp cho mẹ Xi-mông thoát khỏi khổ đau o lầm lỡ. Chú Phi-líp và các bác thợ đã nói và làm theo tiếng gọi của lương tri, thoát khỏi hững thành kiến hẹp hòi, cổ hủ. Việc làm của họ như là đại diện cho sự công bằng, cho òng nhân ái, giúp cho các nhân vật bị đau khổ, bất hạnh thoát khỏi đau khổ và có hạnh húc. Hình ảnh của họ thật đẹp, thật hào hùng mà cũng nhân hậu xiết bao.

Có ý kiến cho rằng việc làm của chú Phi-líp: nhận làm bố của Xi-mông và làm hồng của mẹ em bé này thật là khờ dại. Không đúng. Phải nói đây là một việc làm

đối với cảnh ngộ đáng thương của Xi-mông và của mẹ em bé này. Chú đã khơi dậy trong lòng người đọc tình cảm quý mến đối với việc làm tốt đẹp, thấm đẫm tình người của một người lao động nhân hậu, cao cả.

Nguyễn Lê Tuyết Mai

BÀI SỐ 159

***Đề bài:** Phân tích nhân vật em bé Xi- mông qua đoạn trích trong truyện ngắn "Bố của Xi- mông" của nhà văn Mô- pa- xăng.*

Với hàng chục tiểu thuyết, khoảng 300 truyện ngắn, tên tuổi Mô-pa-xăng, nhà văn vĩ đại Pháp cuối thế kỷ XIX trở thành bất tử. Cuộc đời nhà văn là những trang buồn. Có lẽ vì thế nên ông mới viết về thân phận con người với nhiều cảm thương thân thiết thế?

Truyện ngắn "*Bố của Xi-mông*" kể về nỗi tủi nhục của một em bé "*không có bố*" với bao tình yêu thương, chứa chan tinh thần nhân đạo.

Bé Xi-mông và mẹ em - chị Blăng-sốt thật đáng thương; cuộc đời hai mẹ con để lại trong lòng độc giả nhiều thương cảm.

1. Xi-mông là đứa con ngoài giá thú. Mẹ em là "*một cô gái đẹp nhất vùng*" đã bị lầm lỡ tình yêu... Hai mẹ con sống âm thầm trong một ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng hết sức sạch sẽ. Người đàn bà này tên là Blăng-sốt "*cao lớn, xanh xao*" phải lao động cực nhọc để nuôi con trước cái nhìn ghẻ lạnh của người đời.

Tuổi thơ của Xi-mông là những chuỗi ngày cô đơn trong ngôi nhà nhỏ, lạnh lẽo. Em thiếu tình thương và sự chăm sóc của bố.

Trường học cũng không phải là cái nôi hạnh phúc của em. Tám tuổi, em mới được đến trường. Lớp học là nơi hội tụ của những đứa trẻ thô lỗ, cục cằn; cái ác cái xấu sớm ngự trị trong tâm hồn chúng. Xi-mông đau khổ, cay đắng bị lũ trẻ hạ lưu dùng những lời "*ác độc*" nhất, những tiếng cười khả ố nhất, giễu cợt nhất đẩy dồn em đến chân tường. Xi-mông phải tự vệ và đã bị lũ trẻ "*quỷ quái*" hành hạ suốt ngày này qua ngày khác. Người đọc đã hơn một thế kỷ nay không khỏi buồn phiền xót xa khi nghĩ về em Xi-mông bị bạn học cùng lớp làm cho đau đớn cả thể xác lẫn tâm hồn.

Bị bọn trẻ "*xua đuổi*", bị đánh tơi tả, bé Xi-mông đau khổ, bế tắc hoàn toàn. Em phải chết. Em không thể sống trong tủi nhục vì "*không có bố*". Dòng sông, nơi em sẽ đến tự tử có thể xoa dịu nỗi đau khổ và cô đơn của em? Một đứa bé 8 tuổi cảm thấy không thể sống trong nỗi đau khổ, nỗi nhục, phải nhảy xuống sông tự tử, thì bi kịch về thân phận con người đã lên đến cực điểm. Tình tiết này rất cảm động và điển hình cho nỗi đau khổ cô đơn của những em bé trên cõi đời vì một lí do nào đó mà "*không có bố*".

2. Xi-mông với bãi cỏ xanh, với chú nhái cạnh dòng sông được miêu tả đầy chất thơ. Thiên nhiên rất đẹp. Trời ấm. Ánh nắng êm đềm sưởi nóng cỏ. Nước lấp lánh như gương. Bãi cỏ xanh như chiếc nôi xoa dịu nỗi đau khổ cô đơn của em. Xi-mông ngắm dòng sông, em rất thèm được nằm ngủ trên bãi cỏ dưới nắng ấm. Con nhái màu xanh "*giương tròn con mắt có vành vàng*" hình như đã níu giữ chân em trước tử thần? Xi-mông được sống hồn nhiên trước cảnh sắc thiên nhiên. Nhưng nỗi đau về thân phận quá lớn. Đây là hình ảnh Xi-mông: "*Người em rung lên, em quỳ xuống và em đọc kinh cầu nguyện như trước khi đi ngủ*". Em khóc nức nở. Em "*chỉ khóc mà thôi*" Em chẳng nhìn thấy gì nữa. Em đi dần đến tuyệt vọng. Mô-pa-xăng đã miêu tả tâm l

: Xi-mông với tất cả tình thương xót. Ông chỉ cho mọi người thấy rằng, dù thiên iên có đẹp đến đâu, ngoại cảnh có đẹp đến đâu con người vẫn bất hạnh, khó sống ối trong cảnh ngộ cô đơn và thiếu tình thương, nhất là những đứa bé "*không có bố*".

3. Một tình huống bất ngờ đã xảy đến. Chú thợ rèn "*cao lớn, râu tóc đen ıăn... nhân hậu*" đã đến với Xi-mông. Chú đã "*lau khô*" đôi mắt đẫm lệ của em. Chú i an ủi em với tình thương của một con người "có phép lạ": "*Thôi nào, nguôi đi nào, ıáu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố*". Một câu nói ản dị sẽ xoa dịu buồn cô đơn cho bé Xi-mông, và cả cho mẹ em là Blăng-sốt.

Cảnh bé Xi-mông bất ngờ gặp chú thợ rèn bên bờ sông là cảnh rất cảm động. m bé thơ ngây được sống, và người ta sẽ cho em "*một ông bố*". Đoạn đối thoại giữa ıú thợ rèn và bé Xi-mông thấm đẫm tình cảm nhân đạo. Nước mắt khô dần trên má n; em đã được chú thợ rèn dắt tay đưa về với mẹ.

Tính cách bé Xi-mông được khắc hoạ đậm nét khi em gặp lại mẹ. Em hỏi chú ıợ rèn: "*Chú có muốn làm bố cháu không?*". Khi được chú thợ rèn nhấc bổng lên, ôn vào má em và nói: "*Có chứ, chú có muốn*" thì tâm hồn em "*hoàn toàn khuây ıoả*" và em đã khắc cái tên Phi-líp vào lòng, với niềm tự hào "*có bố*". Câu nói của i-mông như một lời nguyền hẹn ước: "*Chú Phi-líp, chú là bố cháu đấy nhé!*". Có bố, ó là niềm hạnh phúc của mỗi em bé trên cõi đời. Có bố là có nơi nương tựa. "*Con có ıa như nhà có nóc*" (Tục ngữ). Có bố tức là có quyền làm người. Có bố, tuổi thơ mới ıực sự được sống hạnh phúc. Xi-mông đã hãnh diện tuyên bố với lũ bạn "*như ném ột hòn đá*":

"*Bố tao đấy, bố tao là Phi-líp*".

Em đã có bố. Em cảm thấy mình đã lớn lên! Đó là niềm vui và hạnh phúc tuổi thơ!

Đọc truyện "*Bố của Xi-mông*", ai mà không xúc động? Mô-pa-xăng đã từng ếm bao cay đắng về thân phận mồ côi từ độ lên mười, nên ông đã dành cho bé Xi-ıông và chị Blăng-sốt bao cảm thông về tình thương san sẻ. Tình cảm nhân đạo dào ạt trang văn của ông. Cái hay của đoạn văn là ở bút pháp tinh tế lấy cảnh để tả tình, ở nghệ thuật đối thoại, là ở tình huống chú thợ rèn gặp bé Xi-mông ở bờ sông, chú ıợ rèn gặp chị Blăng-sốt.

"*Không có bố thì đau khổ!*", "*Có bố thì hạnh phúc!*". Như một chân lý giản dị, ıàu nhân bản. Bé Xi-mông thật đáng thương và đáng yêu !

BÀI SỐ 160

Đề bài: Hãy phân tích và nêu cảm nghĩ của em khi đọc "Con chó Bấc" trích tiểu thuyết "Tiếng gọi nơi hoang dã" của G. Lân-đơn.

Như được đi theo đoàn người đi đào vàng lên vùng A-la-xca, Bắc cực mênh ıông tuyết trắng, với những cảnh, những con người với bao ấn tượng mạnh mẽ, dữ ội không cùng. Đặc biệt những trang viết về con chó Bấc, viết về mối quan hệ cảm ộng giữa Giôn Thoóc-tơn với con chó Bấc là hay nhất, cảm động nhất. Nhà văn hông miêu tả ngoại hình, sinh hoạt bản năng của con chó Bấc mà đi sâu vào thế giới ên trong - thế giới tâm hồn - của con vật, hình như mang nặng tình người hiếm có, ảm động. Đoạn văn "*Con chó Bấc*" là một đoạn văn ngọt ngào chất thơ khi nói về ıột tình thương giao cảm thắm thiết giữa người với vật nuôi.

Có lẽ vì đã trải qua những tháng ngày kéo xe trượt tuyết nặng nhọc, gặp phải hững ông chủ độc ác, con chó Bấc mới hiểu sâu sắc thế nào là tình người. Miếng ăn

của nó kiếm được là roi vọt, là sự bố thí của những con người tàn nhẫn và đang khát vàng. Cho nên từ ngày con chó Bấc được Giôn Thoóc-tơn cứu sống, nó mới được sống trong *"một tình yêu thương thực sự và nồng nàn lần đầu tiên phát sinh ra bên trong nó"*. Nó cũng đã một lần ít ỏi được hưởng hương vị của tình thương khi chưa bị bắt cóc lên Bắc cực, đó là những ngày sống trong nhà ông Thẩm phán Mi-lơ giữa thung lũng Xan-ta Cla-ra mơn man ánh nắng. Con Bấc chẳng bao giờ quên những ngày tháng êm đẹp và ngắn ngủi ấy. Những lần đi săn, đi lang thang với mấy cậu con trai ông Thẩm *"tình cảm của Bấc cũng chỉ là thứ tình cảm làm ăn cùng hội cùng phường"*. Với các cháu nhỏ của ông Thẩm *"đó là một thứ trách nhiệm hộ vệ trong niềm kiêu hãnh tự cao tự đại"*. Còn với ông Thẩm *"là thứ tình bạn trịnh trọng và đường hoàng"*.

Lân-đơn đã có một cách nói rất đặc sắc về mối quan hệ của Bấc với những thành viên trong gia đình Thẩm phán Mi-lơ. Bấc chỉ là một con chó săn, một con chó giữ nhà, và là một con chó cảnh. Thế thôi!

Còn từ ngày nó được sống với Giôn Thoóc-tơn, được ông chủ, ông bạn mới *"khơi dậy"* lên trong lòng Bấc những tình thương yêu, những tình cảm chưa hề được hưởng, chưa hề có: *"sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến mức tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt..."*.

Tình cảm vui, buồn, thương yêu, giận dữ cũng tựa như dòng nước có độ tràn, có hẹp và mênh mông, có sức chảy nhanh, chậm. Mọi dòng nước đều có nguồn cũng như mọi tình cảm đều có nguồn. Cái nguồn tình cảm sâu xa mà Bấc tìm thấy ở Giôn Thoóc-tơn là anh đã *"cứu sống nó"*, anh là *"ông chủ lí tưởng"*. Những người khác nuôi Bấc là xuất phát từ nghĩa vụ và lợi ích kinh doanh để Bấc đi săn, giữ nhà, là vật nuôi làm cảnh... và để kéo xe trượt tuyết đi tìm vàng. Còn Giôn Thoóc-tơn đã coi Bấc là *"con cái của anh"* vậy. Cái nguồn gốc ấy mới sâu sắc và cao quý làm sao, vì nó đã vượt hẳn lên trên mối quan hệ con vật với con người, đi tới mối quan hệ của tình thương, tình người. Mối quan hệ tình cảm ấy, con Bấc đã cảm nhận được bằng trực giác, bằng cảm xúc, bằng sự tinh nhạy, khôn ngoan mà chỉ có những con chó như con Bấc mới có.

Giôn Thoóc-tơn *"đã chăm sóc"*, lúc là một lời chào *"hồn hở"*, lúc là một cử chỉ *"thân ái"*, lúc là anh ngồi xuống rất lâu *"nói chuyện"* với Bấc mà cả hai đều tương thân, đều đồng cảm, đều *"thích thú"*. Giôn Thoóc-tơn *"có thói quen túm chặt lấy đầu Bấc rồi dựa đầu anh vào đầu nó, hoặc lắc nó đảo qua đảo lại, vừa lắc vừa khe khẽ thốt lên những tiếng rủa mà đối với nó lại là những lời nói nựng âu yếm"*. Với con Bấc, đó là những giây phút thần tiên mà chỉ có Giôn Thoóc-tơn mới trao cho nó trong sự vuốt ve, yêu thương. Lúc đó, con Bấc cảm thấy *"không có gì vui sướng bằng cái ôm ghì mạnh mẽ"*, *"tiếng rủa rì rì bên tai"*. Sự vui sướng của Bấc đến cực độ, có lúc nó cảm thấy *"quả tim mình nhảy tung ra khỏi lồng ngực"*.

Tình yêu thương giữa người và vật nuôi cũng có *"cho"* có *"nhận"* trong mối giao cảm, giao hòa, tương tác. Đây là một đoạn văn tuyệt bút nói về mối quan hệ sâu sắc, đẹp đẽ và hiếm có ấy:

"Khi được buông ra, nó bật đứng dậy thẳng lên, miệng cười, mắt lúng liếng diễn cảm, họng rung lên những âm thanh không thốt nên lời, và cứ như vậy trong tư thế đứng yên bất động. Những lúc ấy, Giôn Thoóc-tơn lại kêu lên, trân trọng: "Trời đất! Đằng ấy hầu như biết nói đấy!".

Bấc như một đứa trẻ giàu tình cảm, nó *"có một kiểu biểu lộ tình thương yêu gần ·iống như làm đau người ta"*. Nó hay cắn vào tay Giôn Thoóc-tơn *"ép răng xuống ·nạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc sau mới mất"*. Và chỉ có anh mới cảm ·hận một cách hạnh phúc rằng *"cái cắn vờ ấy là cử chỉ âu yếm, yêu thương"*.

Lân-đơn với tình yêu thương loài vật, với cái tài quan sát và diễn tả, đặc biệt ·ng đã phát hiện ra, đã *"sống"* với những rung động, với những biến thái tâm tình, ·ng đã *"hiểu được"* ngôn ngữ riêng của một vật nuôi đã được thuần dưỡng và gắn bó ·âu đời với con người, một vật nuôi khôn nhất, trung thành nhất và giàu tình cảm nhất, ·ể nói lên một cách xúc động về mối quan hệ *"sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến ·ức tôn thờ, thương yêu đến mức cuồng nhiệt"* giữa Giôn Thoóc-tơn và con Bấc.

Nếu như phần đầu, nhà văn đã lấy mối quan hệ giữa con Bấc với gia đình Thẩm ·hán Mi-lơ để làm nổi bật mối tình yêu thương đặc biệt giữa con Bấc với Giôn Thoóc-·ơn, thì ở phần giữa ông lại so sánh cách biểu hiện tình cảm của con Bấc và những con ·hó khác đối với chủ, mỗi con một vẻ. *"Xơ-kít có thói quen thọc cái mũi của nó vào ·ưới bàn tay của Thoóc-tơn rồi hích hích mãi cho đến khi được vỗ về...Ních thì... tựa ·ái đầu to lớn của nó lên đầu gối của Thoóc-tơn"*. Còn Bấc thì diễn đạt tình thương ·êu bằng *"sự tôn thờ"*, sung sướng đến *"cuồng lên"* khi được Thoóc-tơn *"vuốt ve"* ·oặc *"nói chuyện"* với nó... Thế giới loài vật được Lân-đơn nhìn nhận và miêu tả như ·hế giới con người tràn ngập tình yêu thương và biết sống trong sự giao cảm đầy hạnh ·húc! Con Bấc *"thường nằm phục ở chân Thoóc-tơn hàng giờ, mắt háu háu, tỉnh táo, ·inh lợi, ngước nhìn thẳng vào mặt anh, chăm chú vào đấy, xem xét kĩ nét mặt, theo ·õi với một mối quan tâm đặc biệt từng biểu hiện thoáng qua, mọi cử động hoặc đổi ·hay trên thần sắc"*. Có lúc con Bấc ngắm nhìn chủ từ phía sau, và bằng linh cảm, ·giao cảm giữa người và chó, anh quay đầu nhìn lại, đôi mắt Thoóc-tơn *"tỏa rạng tình ·ảm tự đáy lòng"*, còn *"tình cảm của Bấc cũng ngời ánh lên qua đôi mắt nó"*.

Cách ngồi, cái ngước nhìn, cái lắng nghe và theo dõi cặp mắt và ánh mắt... của ·on chó Bấc hiện lên trên trang văn như một linh hồn người, trong biểu cảm có chiều ·âu lí trí, trong tâm hồn có cả chiều cao của tư duy. Con chó Bấc không chỉ có tình ·êu thương mà còn có cả những suy nghĩ sống bên *"ông chủ lí tưởng"*.

Con chó Bấc cũng có nỗi lo. Cuộc đời ba chìm bảy nổi đã qua luôn luôn ám ảnh ·ó, *"nó không muốn rời Thoóc-tơn ra một bước"*. Nó luôn luôn sợ, Thoóc-tơn cũng ·ại biến khỏi cuộc đời của nó như Pê-rôn và Phơ-răng-xoa và anh chàng người lai Ê-·ốt đã đi qua rồi biến mất trước đây. Cả trong giấc mơ, nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ·nh. Đêm nào nó cũng tỉnh giấc giữa chừng, rồi trườn qua giá lạnh đến đứng ở mép ·ều *"lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ"*. Chi tiết ấy là một nét vẽ cảm động gợi lên ·rong lòng ta nhiều cảm thương xót xa. À ra thế đó, không chỉ riêng ở con người, mà ·ả những vật nuôi như con chó Bấc tinh khôn, cũng sợ li biệt! Nhà văn Lân-đơn đã nói ·ược điều đó và diễn đạt bằng những hình ảnh giàu giá trị nhân bản.

Tóm lại, Lân-đơn đã lấy tình thương để tả loài vật. Ông đã miêu tả sống động, ·hấp dẫn một con chó mang tình người. Nó đã sống tình nghĩa thủy chung như con ·gười. Chúng ta học tập ở Lân-đơn nghệ thuật tinh tế, biểu cảm trong miêu tả loài vật. ·Con chó Bấc nhân hậu, tình nghĩa đã làm cho thế giới tâm hồn chúng ta trở nên phong ·hú đối với những vật nuôi trong gia đình. Biết sống trong tình người, trong tình ·hương là cách sống đẹp nhất.

BÀI SỐ 161

Đề bài: Phân tích bài "Mây và sóng" của Ta-go.

Mây và Sóng

Ta-go (1861-1941)

Mẹ ơi, kìa ai đang gọi con trên mây cao.
Họ bảo: "Chúng ta vui chơi từ tinh mơ đến tối ngày.
Chúng ta giỡn với sớm vàng rồi lại đùa cùng trăng bạc"
Con hỏi: "Nhưng mà làm thế nào tôi lên trên ấy được?"
Họ trả lời: "Con hãy đi đến hết cõi đất, rồi đưa tay lên trời,
con sẽ bay bổng lên mây"
Nhưng con nói: "Mẹ đợi tôi ở nhà, tôi có lòng nào
bỏ được mẹ tôi"
Họ bèn mỉm cười, và lửng lơ họ bay đi mất.
Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ:
Con làm mây nhé, mẹ làm mặt trăng
Hai bàn tay con ôm mặt mẹ, còn mái nhà ta là trời xanh.
Mẹ ơi, kìa những ai đang gọi con dưới sóng rì rào:
"Chúng ta ca hát sớm chiều, chúng ta đi mãi mãi,
không biết là đi qua những đâu"
Con hỏi: "Nhưng mà làm thế nào tôi đuổi được theo bây giờ?"
Họ bảo: "Cứ đi, con cứ đi đến bờ biển, đứng im,
con nhắm mắt lại, sóng sẽ cuốn con đi"
Con trả lời: "Nhưng đến tối, mẹ tôi nhớ thì sao,
tôi làm thế nào mà rời mẹ tôi được?"
Họ bèn mỉm cười, và nhảy nhót, họ dấn đi xa.
Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ.
Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển.
Con lăn, lăn như làn sóng vỗ, tiếng con cười giòn tan
vào gối mẹ.
Và không ai trên đời này biết là mẹ con ta đang ở đâu.

(Nguyễn Đình Thi *dịch*)

..."Mẹ ơi, kìa ai đang gọi con trên mây cao
... Mẹ ơi, kìa những ai đang gọi con dưới sóng rì rào..."

Hãy lắng nghe tiếng thơ ngọt ngào như tiếng hát của Ta-go, đại thi hào của Ấn Độ. Năm 1913, với tập *"Thơ Dâng"*, ông được giải thưởng Nô-ben về văn chương. Thơ của Ta-gor là *"bài ca về tình nhân ái"*, là *"ước mơ và khát vọng về tự do, hạnh phúc"*. Thế giới thơ của Ta-go đã dành cho *"miền thơ ấu"* một vị trí ấm áp và sang trọng, hồn nhiên và đậm đà.

Bài thơ *"Mây và Sóng"* nói về *tình yêu mẹ và mơ ước kì diệu của tuổi thơ.* Nó là bài thơ kiệt tác rút trong tập *"Trăng non"* (1915) của thi hào. Bài thơ mang sắc điệu trữ tình như một khúc đồng dao thể hiện niềm giao cảm thần tiên của tâm hồn tuổi thơ với mây và sóng, với thiên nhiên kì diệu.

1. Em bé ngước mắt nhìn trời xanh, lắng nghe mây trên chín tầng cao vẫy gọi. Mây ân cần rủ em bé cùng du ngoạn *"giỡn với sớm vàng"*, và đùa *"cùng trăng bạc"* từ

nh minh đến lúc trăng lên. Mây được nhân hóa, có gương mặt, nụ cười và giọng nói ủ thỉ tâm tình:

"Họ bảo: chúng ta vui chơi từ tinh mơ đến tối ngày,
Chúng ta giỡn với sớm vàng rồi lại đùa cùng trăng bạc".

Cuộc đối thoại giữa mây với em bé không chỉ nói lên tâm hồn bay bổng hồn nhiên ıa tuổi thơ mà còn khẳng định, ngợi ca tình yêu mẹ của tuổi thơ rất đẹp và mãnh liệt:

"Mẹ đợi tôi ở nhà, tôi có lòng nào bỏ được mẹ tôi".

Yêu mẹ hiền, yêu mái nhà êm ấm... là những tình cảm trong sáng, đằm thắm ıa em bé. Có gì hạnh phúc hơn khi được sống bên mẹ hiền:

"Con làm mây nhé, mẹ làm mặt trăng
Hai tay con ôm mặt mẹ, còn mái nhà ta là trời xanh".

Trí tưởng tượng diệu kì và tình yêu thiếu nhi nồng nàn của Ta-gor đã sáng tạo ːn vần thơ đẹp nói về hạnh phúc tuổi thơ. Ở đây, tình mẫu tử được nâng lên ngang m với vũ trụ!

2. Ngắm mây bay... rồi em bé nghe sóng reo, sóng hát. Sóng như sứ giả của đại ương xa vời đến với em bé. Sóng reo rì rầm. Sóng vẫy gọi chào mời em bé. Tuổi thơ io mà chẳng khao khát, ước mơ? Sóng thủ thỉ cùng em về một cuộc viễn du: *"Chúng ca hát sớm chiều, chúng ta đi mãi mãi"*. Và rồi cứ đi đến bờ biển... sóng sẽ cuốn ɔn đi đến mọi bến bờ, mọi chân trời xa lạ... Mơ ước muốn đi xa, nhưng em bé lại đắn ɔ băn khoăn: *"Nhưng đến tối, mẹ tôi nhớ thì sao?"*. Sóng liếm vào bãi cát rồi lại rút . xa, lại vỗ vào... Em bé bâng khuâng nhìn theo con sóng xa vời trên trùng dương:

..."tôi làm thế nào mà rời mẹ tôi được?
Họ bèn mỉm cười, và nhảy nhót, họ dần đi xa...".

Mơ ước được đi xa, nhưng rồi em bé lại băn khoăn, lưỡng lự. Em đã không thể ı du ngoạn cùng mây (bay cao) nên em cũng không thể đi chơi với sóng (đi xa). Với n chỉ có mẹ hiền yêu thương, nguồn vui ấm áp cao cả, thiêng liêng mà tạo hóa đã ành cho phần hơn: *tình mẫu tử*. Em mơ ước đến với mọi chân trời góc biển, nhưng n không nỡ để mẹ nhớ, mẹ buồn. Trong hiện tại, em không thể nào *"rời mẹ"* trong hoảnh khắc. Niềm vui về mẹ hiền cứ chói ngời mãi hồn em thơ:

"Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển
Con lăn, lăn như làn sóng vỗ, tiếng con cười giòn tan vào gối mẹ.
Và không ai trên đời này biết được là mẹ con ta đang ở đâu".

Câu thơ *"Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển"* là một câu thơ hàm nghĩa, giàu nh triết lí. Không có biển thì không có sóng. Có biển mới có sóng, cũng như có mẹ ıới có em thơ. Lúc sóng vỗ cũng là lúc biển reo, biển hát. Lúc *"con cười giòn tan vào ối mẹ"* là lúc mẹ hạnh phúc. Vì thế, con ngoan, vui chơi là mẹ hạnh phúc. Nhà thơ ượn sóng và biển để nói cùng tuổi thơ gần xa với bao điều.

Tính độc đáo của bài thơ là hai mẩu đối thoại giữa em bé với mây, giữa em bé ới sóng, đan xen vào lời con thủ thỉ với mẹ hiền. Một bài thơ trong sáng, hồn hậu của a-go nói về miền ấu thơ. Yêu thiên nhiên, sống hồn nhiên, thích phiêu lưu mạo hiểm, í tưởng tượng phong phú, hiếu thảo... là đời sống tinh thần và tâm hồn tuổi thơ. Em é được nói trong *"Mây và Sóng"* rất yêu thương mẹ hiền.

"Mây và Sóng" là một bài thơ hay nói về hạnh phúc tuổi thơ. Hình tượng sóng, ıây và mẹ thấm đượm vẻ đẹp nhân văn về chủ đề ấy.

BÀI SỐ 162

Đề bài: Phân tích bài "Bàn về đọc sách" của Chu Quang Tiềm.

Bài *"Bàn về đọc sách"* của học giả Chu Quang Tiềm, văn bản này in trong cuố *"Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách."*

Tác giả đã nêu lên ba luận điểm cơ bản: *mục đích của việc đọc sách, cái kh của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.*

Hai đoạn văn đầu nói về mục đích của việc đọc sách: "Học vấn không chỉ l chuyện đọc sách, nhưng đọc sách rốt cuộc là một con đường quan trọng của học vấn. Học vấn là vốn kiến thức tích lũy được; người có học vấn là người giàu chữ nghĩa, họ rộng, biết nhiều, có vốn trí tuệ giàu có để làm ăn, để thi thố, để hiến dâng và phục vụ Có nhiều cách để có học vấn, nhưng Chu Quang Tiềm đã khẳng định *"đọc sách rố cuộc là một con đường quan trọng của học vấn"*.

Sách là gì? Sách là *"kho tàng quý báu của di sản tinh thần nhân loại"* đã đượ *"ghi chép mà lưu truyền lại"*. Sách là *"những cột mốc trên con đường tiến hóa họ thuật"*. Ví dụ, từ thơ ca dân gian mà có thơ quốc âm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉn Khiêm, thơ nôm của Hồ Xuân Hương, *"Truyện Kiều"* của Nguyễn Du, v.v...

Tại sao phải đọc sách? Để xây dựng nên một sự nghiệp lẫy lừng, có thi sĩ đờ Đường đã *"độc thư phá vạn quyển"*; Ức Trai phải trải nghiệm, nung nấu *"thập tải độ thư bẩn đáo cốt"*; nhà bác học Lê Quý Đôn đã suốt đời *"mắt không rời trang sách, ta không ngơi cuốn sách"*,... Chu Quang Tiềm có một cách nói khá hay về mục đích củ việc đọc sách. Đọc sách để *"làm điểm xuất phát"* để vươn lên, tiến lên từ văn hóa họ thuật. Không biết đọc sách có nghĩa là *"xóa bỏ hết"* thành tựu văn hóa của quá khứ chẳng khác nào *"đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu"*. Đọc sách là để kế thừa tri thức nhân loạ Đọc sách là để *"trả món nợ chung"*, là để *"ôn lại"* những thành tựu, những kin nghiệm, tư tưởng của nhân loại trong mấy nghìn năm. Đọc sách là để *"thu nhận"* v *"hưởng thụ"* những kiến thức, lời dạy của người xưa, để tự vũ trang cho mình một tầ cao trí tuệ, một bề dày học vấn, có thể *"làm cuộc trường chinh vạn dặm trên co đường học vấn, đi phát hiện thế giới mới"*.

Cái khó của việc đọc sách là luận điểm thứ hai mà tác giả nói đến trong đoạ văn thứ ba của bài *"Bàn về đọc sách"*. Sách ngày một nhiều, đầy ắp trong các cử hàng, chất cao trong các thư viện, vì thế người đọc sách thường đứng trước hai cái kh (cái hại).

"Một là sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu". Ngày xưa có người đọ đến bạc đầu mới học hết một quyển kinh (Tứ thư, Ngũ kinh), họ đã *"miệng đọc, tâ ghi, nghiền ngẫm đến thuộc lòng, thấm vào xương tủy, biến thành một nguồn động lự tinh thần, cả đời dùng mãi không cạn"*. Chu Quang Tiềm châm biếm một *"học giả tr* khoe đọc hàng vạn cuốn sách; cách đọc *"liếc qua"* tuy nhiều mà *"lưu tâm"* thì rất í *"hư danh nông cạn"* khác nào *"ăn sống nuốt tươi"*...

"Thứ hai, sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng". Trước hàng biển sác hàng núi sách, nhiều người vì *"tham nhiều mà không vụ thực chất"*, không phân bi

ọc *"những tác phẩm cơ bản đích thực"* với những *"cuốn sách vô thưởng vô phạt"*, c vấn chẳng được nâng cao, tâm hồn chẳng được bồi đắp, trái lại chỉ *"lãng phí thời n và sức lực"*. Tác giả đưa ra một so sánh, với chuyện đọc sách, làm học vấn chỉ *á bên đông, đấm bên tây"*, *"tự tiêu hao lực lượng"*, mà không biết *"đánh vào thành kiên cố, đánh bại quân địch tinh nhuệ, chiếm cứ mặt trận xung yếu"*. Qua đó, ta ng thấy rõ, đọc sách để làm học vấn, đọc sách để tự học thật không dễ.

Ba đoạn văn cuối bài, tác giả nêu lên phương pháp đọc sách. "Đọc sách không u nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ". Chỉ đọc *"lướt qua"* 10 yển sách thì không bằng *"đọc mười lần"* một quyển sách. Đọc 10 quyển sách *hông quan trọng"* thì chẳng bằng đọc 1 quyển sách *"thật sự có giá trị"*. Một câu thơ a cổ nhân được nhắc lại rất ý vị, thấm thía:

"Sách cũ trăm lần xem không chán,
Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay".

Đọc nhiều chưa hẳn là *"vinh dự"*, đọc ít cũng không phải là *"xấu hổ"*. Phải *"đọc "*, tập thành nếp *"suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức n đổi thay khí chất"*. Chu Quang Tiềm đưa ra so sánh *"cưỡi ngựa đi qua chợ..."*, *"kẻ ọc phú khoe của"* để châm biếm những kẻ *"đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu"*, thể ện *"phẩm chất tầm thường, thấp kém"*.

Sách đọc có thể chia thành mấy loại, một loại là thường thức, một loại đọc để n học vấn chuyên sâu. Loại sách thường thức thì ai cũng phải biết. Các bài học ở ng học và năm đầu đại học, nếu người học chăm chỉ học tập *"thì cũng đủ dùng"*. ọc thuộc giáo trình *"chẳng có lợi gì"*, mỗi môn cần phải *"chọn kĩ từ 3 đến 5 quyển m cho kĩ"*. Nếu thiếu lựa chọn hoặc đọc qua loa thì người đọc sách sẽ *"không thu ận được lợi ích thực sự"*.

Sách thường thức *"không chỉ cần cho công dân thế giới hiện tại"* mà đối với các à học giả chuyên môn *"cũng không thể thiếu được"*. Phải chuyên sâu, uyên bác. ên đời không có học vấn nào là cô lập, không có liên hệ kế cận, vì thế trong quá nh học tập, nghiên cứu *"không thể tách rời"*. Các bộ môn, các chuyên ngành như: ăn, Sử, Triết, Ngoại giao, Quân sự, Chính trị... đều có *"quan hệ"* đến nhau. Nếu ông biết đến các học vấn liên quan thì *"giống như con chuột chui vào sừng trâu, ng chui sâu càng hẹp, không tìm ra lối thoát"*. Tác giả nêu lên phương châm trong c vấn: *"không biết thông thì không thể chuyên, không biết rộng thì không thể nắm u"*; phải biết rộng rồi sau mới nắm chắc. Người có thành tựu lớn trong một lĩnh vực c vấn nào cũng *đều phải có cơ sở sâu sắc của nhiều môn học vấn khác"*. Đó là uyên sâu và uyên bác trong học vấn.

Vấn đề *"Bàn về đọc sách"* không có gì là mới. Đã có nhiều nhà khoa học, nhà n, nhà thơ... nói về đọc sách và kinh nghiệm đọc sách. Nhưng cách viết nhẹ nhàng, lẽ xác đáng, cách lập luận chặt chẽ của Chu Quang Tiềm có sức thuyết phục sâu sắc. ết cách đọc sách để xây dựng học vấn là những ý kiến gợi mở cách đọc sách, cách học, cách suy nghĩ cho mỗi chúng ta. Đó là bài học, là lời khuyên chí lí, chân ành. Một nét đặc sắc trong bài *"Bàn về đọc sách"* là tác giả đã sử dụng khá hóm nh một số so sánh khi nói về phương pháp đọc sách, làm cho lí lẽ thêm phần gợi m, thấm thía.

Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua cái kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ở ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng đêm dài. Do từng trải nhiều hay ít mà sở đắc nhiều hay ít.

Có thể đọc những cuốn sách không có chữ (chẳng hạn cuốn sách ngoài đời) thì mới được những câu kinh nhân; có thể hiểu những điều giảng không được thì mới thấu được cái huyền vi nhất của đạo Phật.

Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ.

Văn chương là sơn thủy trên án thư, sơn thủy là văn chương trên đất.

Thú nhất là đọc sách; đọc sử thì vui ít mà giận nhiều, nhưng chỗ giận đó cũng là chỗ vui.

Nên đọc *Kinh thư* vào mùa đông, để tinh thần được chuyên nhất; nên đọc *Sử* vào mùa hè vì ngày dài, nên đọc *Chư tử* [1] vào mùa thu vì có nhiều ý lạ; nên đọc *Chư tập* [2] vào mùa xuân vì thời tiết đổi mới.

Văn nhân mà bàn về binh thư, phần nhiều là bàn luận trên giấy (nghĩa là trên lý thuyết); vũ tướng mà bàn về văn chương, một nửa là nghe lỏm.

Người biết đọc sách thì cái gì cũng là sách; sơn thủy cũng là sách, cờ rượu cũng là sách, hoa nguyệt cũng là sách. Người biết đi coi phong cảnh thì cái gì cũng là sơn thủy: thư sử cũng là sơn thủy, thơ rượu cũng là sơn thủy, hoa nguyệt cũng là sơn thủy. Người xưa muốn đọc sách mười năm, du ngoạn sơn thủy mười năm, rồi mười năm kiểm điểm lại kinh nghiệm. Tôi nghĩ kiểm điểm chẳng cần tới mười năm, chỉ hai ba năm cũng đủ, còn đọc sách và du ngoạn sơn thủy thì gấp hai, gấp năm lần mười năm cũng chưa mãn nguyện. Có lẽ "phải sống ba trăm năm" như Hoàng Cửu Yên nói, may mới đủ chăng ?

Cổ nhân nói: *"Thơ, có khổ rồi mới khéo"* (Thi tất cùng nhi hậu công) vì có khốn khổ thì giọng mới có nhiều cảm khái mà dễ có sở trường. Còn hạng người phú quý đã không lo buồn về cảnh nghèo hèn, thì chỉ vịnh về phong vân tuyết lộ, thơ có gì mà hay ? Muốn thay đổi đi chỉ còn có cách đi du lịch, để được thấy núi sông, phong thổ, sản vật, nhân tình, hoặc thấy cái khổ của dân chúng sau những cuộc binh đao trong những năm mất mùa vì hạn, vì lụt, rồi tả trong thơ. Thế là mượn cái cùng sầu của người để cung cấp cho sự ngâm vịnh của ta. Vậy thơ cũng bất tất phải khổ rồi mới khéo.

Lâm Ngữ Đường (Trung Quốc)

MỤC LỤC

162 BÀI VĂN CHỌN LỌC 9 TRUNG HỌC CƠ SỞ

Bài	Đề bài	Trang
	PHẦN THỨ NHẤT: VĂN THUYẾT MINH	
Bài số 1	Thuyết minh một loài hoa, quả: Quả phật thủ	5
Bài số 2	Thuyết minh một loài hoa, quả: Quả xoài	5
Bài số 3	Thuyết minh một loài hoa, quả: Quả vải	6
Bài số 4	Thuyết minh về một loại cây ăn quả: Cây dừa	6
Bài số 5	Thuyết minh về một loại hoa, trái: Cây mơ, quả mơ	7
Bài số 6	Thuyết minh về một loại cây trồng nơi vườn quê: Cây cau, quả cau	7
Bài số 7	Thuyết minh về một loài ngũ cốc: Cây lúa	8
Bài số 8	Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích: Con ong	9
Bài số 9	Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích: Con rết	9
Bài số 10	Thuyết minh về những con vật nhỏ bé mà có ích: Con rắn	10
Bài số 11	Thuyết minh về một loại cá nước ngọt: Cá lòng tong nấu dọt cóc	10
Bài số 12	Thuyết minh về một loại hoa trái: Quả bưởi	11
Bài số 13	Thuyết minh về một bãi tắm đẹp trên đất nước ta: Biển Nha Trang	11
Bài số 14	Hãy thuyết minh một di tích văn hoá, lịch sử hay một danh lam thắng cảnh trên quê hương đất nước thân yêu: Tam Cốc - Bích Động	12
Bài số 15	Thuyết minh về một thắng cảnh của đất nước: Yên Tử - miền đất thiêng.	13
Bài số 16	Thuyết minh về một chiến công của Giải phóng quân: Chiếc xe tăng 390 và bốn anh hùng Giải phóng quân	15
Bài số 17	Thuyết minh về một loài thú hoang dã: Chó sói	16
Bài số 18	Thuyết minh về một nhạc cụ dân tộc: Đàn bầu	16
Bài số 19	Thuyết minh về một lễ hội dân gian: Lễ hội Đống Nhân	17
Bài số 20	Thuyết minh về một lễ hội dân gian: Hội bơi trải Việt Trì, Bạch Hạc (Vĩnh Phúc)	18
Bài số 21	Thuyết minh về một cảnh quan: Vịnh Bái Tử Long	19
Bài số 22	Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh: Thác Trắng quê em	20
Bài số 23	Thuyết minh về một cảnh đẹp trên đất nước ta : Hồ Thác Bà	21
Bài số 24	Thuyết minh về một thắng cảnh của đất nước: Ngũ Hành Sơn	21
Bài số 25	Thuyết minh về một miền đất giàu tiềm năng của đất nước ta: Rừng U Minh	23
Bài số 26	Thuyết minh về một di tích văn hóa cổ của đất nước : Tháp Chàm ở Phan Thiết	24
Bài số 27	Thuyết minh về một thắng cảnh trên đất nước ta: Hội An, phố cổ miền Trung	25
Bài số 28	Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh: Côn Sơn và Kiếp Bạc	25
Bài số 29	Thuyết minh về một làng quê đáng yêu, đáng nhớ: Chốn làng quê của bác Tôn	27
Bài số 30	Thuyết minh về một chiến công chống ngoại xâm của dân tộc ta: Chiến thắng Vân Đồn đông xuân 1287 - 1288	28
Bài số 31	Giới thiệu một vùng quê đẹp: Bạc Liêu một vùng quê đáng yêu và đáng nhớ	28
Bài số 32	Giới thiệu về những kì quan cổ đại: Bảy kì quan thế giới cổ đại	29
	PHẦN THỨ HAI: VĂN TỰ SỰ	
Bài số 33	Kể về một người thân yêu của em : Thầy giáo thương binh	30
Bài số 34	Kể về một người thân yêu của em: Người bạn yêu thương	31
Bài số 35	Kể lại một kỉ niệm mà em không bao giờ quên: Về thăm trường cũ	32
Bài số 36	Kể lại một kỉ niệm mà em không bao giờ quên: Thanh minh đi tảo mộ	33
Bài số 37	Kể lại một câu chuyện cảm động của gia đình em: Đêm nay mẹ lại thắp hương lên bàn thờ	35
Bài số 38	Kể về một người thân thiết gần gũi với gia đình em: Người láng giềng quý hoá	36
Bài số 39	Kể về một người đáng kính, đáng yêu: Người thầy giáo cũ của bố em	37
Bài số 40	Kể về một người thương yêu của em : Bà ngoại của em	38
Bài số 41	Giới thiệu một miền đất, một miền quê đáng nhớ : Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt	39
Bài số 42	Giới thiệu một miền đất, một miền quê đáng nhớ: Làng chài Cửa Vạn	41

Bài số 43	Tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi đối với bạn	41
Bài số 44	Kể lại một câu chuyện đáng nhớ của bản thân, trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.	42
Bài số 45	Kể lại một tấm gương, một nghị lực làm ta khâm phục và ngưỡng mộ: Cô gái mù Pa Cô đoạt giải thưởng quốc tế	43
Bài số 46	Vua là người như thế nào	44
	PHẦN THỨ BA: NGHỊ LUẬN, VĂN HÓA, XÃ HỘI, CHÍNH TRỊ	
Bài số 47	Bình luận về thói ăn chơi đua đòi	46
Bài số 48	Bình luận câu tục ngữ: "Có chí thì nên"	47
Bài số 49	Bình luận về hiện tượng vứt bừa bãi các thứ rác thải khắp mọi nơi	48
Bài số 50	Nêu lên suy nghĩ của em từ câu ca dao: "Công cha như núi thái sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".	48
Bài số 51	Suy nghĩ của em về câu ca dao: "Ai ơi bưng bát cơm đầy, Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần".	50
Bài số 52	Em hãy bình luận câu tục ngữ: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".	51
Bài số 53	Hãy bình luận câu tục ngữ: "Lá lành đùm lá rách".	52
	PHẦN THỨ TƯ: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	
Bài số 54	Phân tích một cách ngắn gọn bài "Phong cách Hồ Chí Minh"	54
Bài số 55	Phân tích và nêu cảm nghĩ của em sau khi học bài "Phong cách Hồ Chí Minh" của Lê Anh Trà	54
Bài số 56	Bài đọc tham khảo: Ở đời và làm người	56
Bài số 57	Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Đấu tranh cho một thế giới hoà bình".	57
Bài số 58	Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Tuyên bố thế giới về sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em".	58
Bài số 59	Tóm tắt tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ	60
Bài số 60	Cảm nhận của em về tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ	61
Bài số 61	Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Dữ và tác phẩm "Truyền kì mạn lục".	63
Bài số 62	Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ và nói lên cảm nghĩ của em	63
Bài số 63	Phân tích tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" trong "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ	65
Bài số 64	Giới thiệu một vài nét về Phạm Đình Hổ và tác phẩm "Vũ trung tuỳ bút".	67
Bài số 65	Phát biểu cảm nghĩ của em về tác phẩm "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" qua tác phẩm "Vũ trung tuỳ bút" của Phạm Đình Hổ	68
Bài số 66	Bài đọc tham khảo: Chuyện cũ trong phủ Chúa	69
Bài số 67	Giới thiệu một vài nét về tác giả, tác phẩm và chủ đề của "Hoàng Lê nhất thống chí"	70
Bài số 68	Tóm tắt hồi thứ mười bốn trích trong tác phẩm "Hoàng Lê nhất thống chí".	70
Bài số 69	Cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ qua Hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí"	71
Bài số 70	Cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ qua Hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí"	73
Bài số 71	Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về hồi thứ mười bốn "Hoàng Lê nhất thống chí"	74
Bài số 72	Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Du, về nguồn gốc và giá trị của "Truyện Kiều".	76
Bài số 73	Tóm tắt "Truyện Kiều" của Nguyễn Du	77
Bài số 74	Phân tích hình ảnh Thuý Kiều qua đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều, rồi nêu lên nhận xét của em về nghệ thuật tả người của thi hào Nguyễn Du trong "Truyện Kiều"	78
Bài số 75	Phân tích đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều"	80
Bài số 76	Phân tích tài sắc của Thuý Vân và Thuý Kiều qua đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều"	82
Bài số 77	Phân tích đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều" trích trong "truyện Kiều" của thi hào dân tộc Nguyễn Du	83
Bài số 78	Cảm nhận của em về bức tranh "Cảnh ngày xuân" trong "Truyện Kiều"	85
Bài số 79	"... Dưới cầu nước chảy trong veo, Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha...". Hãy phân tích hai câu thơ trên và phát biểu ý kiến của em về nghệ thuật tả cảnh trong "Truyện Kiều".	87
Bài số 80	Bài đọc tham khảo: Thanh minh trong tiết tháng ba	90
Bài số 81	Bình giảng đoạn thơ "Mã Giám Sinh mua Kiều"	91
Bài số 82	Phân tích nhân vật Mã Giám Sinh trong đoạn thơ "Mã Giám Sinh mua Kiều"	94

Bài số 83	Phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật Mã Giám Sinh qua đoạn trích "Mã Giám Sinh mua kiều"	9
Bài số 84	Phân tích đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích"	9
Bài số 85	Phân tích đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích"	9
Bài số 86	Phân tích đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích"	10
Bài số 87	Có ý kiến cho rằng đoạn thơ "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Em hãy phân tích đoạn thơ để làm rõ ý kiến trên.	10
Bài số 88	Phân tích đoạn thơ 8 câu sau đây: "Buồn trông cửa bể chiều hôm, ..., ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".	10
Bài số 89	Trong đoạn thơ nói về tâm trạng Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du có tả bốn bức tranh Kiều "buồn trông" rất hay. Em hãy phân tích cái hay đó.	10
Bài số 90	Cảm nghĩ của em về nhân vật Kim Trọng qua đoạn thơ "Kiều gặp Kim Trọng" trích trong "Truyện Kiều" của thi hào Nguyễn Du.	11
Bài số 91	Cảm nghĩ của em về nhân vật Từ Hải qua đoạn thơ "Kiều gặp Từ Hải" trích trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du.	11
Bài số 92	Phân tích đoạn thơ "Thuý Kiều báo ân báo oán".	11
Bài số 93	Đề bài: Bình luận ý thơ sau: "Đau đớn thay phận đàn bà, Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".	11
Bài số 94	Phân tích một số câu thơ trong "Truyện Kiều" để làm sáng tỏ giá trị nhân đạo của áng thơ kiệt tác này.	11
Bài số 95	Giới thiệu một vài nét về Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm "Truyện Lục Vân Tiên".	12
Bài số 96	Tóm tắt "Truyện Lục Vân Tiên"	12
Bài số 97	Phân tích đoạn thơ "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga" và nói lên cảm nghĩ của em.	12
Bài số 98	Tính cách hiệp nghĩa của Lục Vân Tiên qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga".	12
Bài số 99	Bình luận ý thơ sau: "Nhớ câu kiến ngãi bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"	12
Bài số 100	Phân tích nhân vật Lục Vân Tiên qua đoạn thơ "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"	12
Bài số 101	Bình giảng đoạn thơ sau đây trong "Truyện Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu: "...Thưa rằng: Tôi Kiều Nguyệt Nga... Làm người thế ấy cũng phi anh hùng."	13
Bài số 102	Phân tích nhân vật ông Ngư trong đoạn thơ "Lục Vân Tiên gặp nạn"	13
Bài số 103	Phân tích đoạn thơ "Lục Vân Tiên gặp nạn"	13
Bài số 104	Phân tích đoạn thơ "Kiều Nguyệt Nga bị bắt đi cống giặc Ô Qua".	13
Bài số 105	Phân tích bài thơ "Chạy giặc" của Nguyễn ĐìnhChiểu.	13
Bài số 106	Bình giảng bài thơ "Chạy giặc" của N.Đ.Chiểu.	14
Bài số 107	Nhà thơ Bảo Định Giang đã ca ngợi:" Mắt Nguyễn Đình Chiểu mù lòa, nhưng tấm lòng ông vằng vặc như sao Bắc đẩu". Hãy giải thích và chứng minh ý kiến ấy.	14
Bài số 108	Phân tích bài thơ "Chạy giặc" của Nguyễn Đình Chiểu để làm sáng tỏ ý kiến sau đây: "Sáng tác của ông sống dậy và hướng tới chúng ta như những bài ca yêu nước...".	14
Bài số 109	Phân tích bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.	14
Bài số 110	Phân tích bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.	14
Bài số 111	Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.	15
Bài số 112	Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.	15
Bài số 113	Phân tích bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận.	15
Bài số 114	Bình giảng hai khổ thơ cuối bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận	16
Bài số 115	Bình giảng đoạn đầu trong bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt.	16
Bài số 116	Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài "Bếp lửa" của Bằng Việt: .. "Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen... kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!".	16
Bài số 117	Phân tích bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt.	16
Bài số 118	Cảm nhận về bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm.	16
Bài số 119	Phân tích bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm.	17
Bài số 120	Phân tích ngắn gọn đoạn thơ sau trong bài "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm: ..."Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi! ...Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng...".	17
Bài số 121	Bình giảng bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.	17
Bài số 122	Phân tích bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.	17
Bài số 123	Tóm tắt truyện "Làng" của Kim Lân.	17

Bài số 124	Phân tích truyện "Làng" của Kim Lân.	178
Bài số 125	Hãy nói lên cảm nghĩ về nhân vật ông Hai trong truyện "Làng" của Kim Lân.	180
Bài số 126	Hãy tóm tắt truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long	181
Bài số 127	Phân tích truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.	182
Bài số 128	Cảm nhận về một số nhân vật đáng yêu được nói đến trong truyện "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.	183
Bài số 129	Hình ảnh anh thanh niên trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long.	185
Bài số 130	Tóm tắt truyện "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.	186
Bài số 131	Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu trong truyện "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng.	187
Bài số 132	Cảm nhận của em về Thu - cô nữ giao liên trong truyện "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.	188
Bài số 133	Cảm nhận về bài "Tiếng nói văn nghệ" của Nguyễn Đình Thi.	189
Bài số 134	Hãy phát biểu cảm nghĩ của em khi đọc bài "Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" của Vũ Khoa.	191
Bài số 135	Phân tích bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên.	192
Bài số 136	Phân tích bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải.	194
Bài số 137	Phân tích đoạn thơ sau trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải: "Mùa xuân người cầm súng... Cứ đi lên phía trước".	197
Bài số 138	Bình giảng đoạn đầu bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải.	199
Bài số 139	Phân tích bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương.	201
Bài số 140	Em hãy phân tích một bài thơ viết về Bác Hồ đã gây cho em nhiều xúc động hơn cả.	203
Bài số 141	Phân tích bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh.	205
Bài số 142	Bình giảng hai khổ thơ đầu "Sang thu" của Hữu Thỉnh	208
Bài số 143	Bình giảng bài thơ "Nói với con" của Y Phương.	209
Bài số 144	Bình giảng đoạn thơ sau trong bài "Nói với con" của nhà thơ Y Phương: "Người đồng mình thương lắm con ơi... Nghe con".	212
Bài số 145	Tóm tắt truyện "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu.	213
Bài số 146	Những cảm nhận về truyện "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu.	214
Bài số 147	Tóm tắt truyện "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.	217
Bài số 148	Phát biểu cảm nghĩ về những cô gái trong tổ trinh sát mặt đường được nói đến trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.	218
Bài số 149	Cảm nhận của em về hồi IV kịch "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng.	220
Bài số 150	Cảm nghĩ của em về Cảnh 3 trong vở kịch "Tôi và chúng ta" của Lưu Quang Vũ.	221
	PHẦN THỨ NĂM: VĂN THƠ NƯỚC NGOÀI	
Bài số 151	Hãy nêu cảm nhận của em về bài "Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La phông-ten"	223
Bài số 152	Tóm tắt "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang"	224
Bài số 153	Phân tích và nêu cảm nghĩ về nhân vật Rô-Bin-xơn trong đoạn "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang" trích trong tác phẩm "Rô-bin-xơn Crui-xô" của nhà văn Anh quốc Đi-phô.	224
Bài số 154	Tóm tắt chương IX "Thời thơ ấu" của Go-rơ-ki	226
Bài số 155	Phân tích và nêu cảm nghĩ về "Những đứa trẻ" trích trong "Thời thơ ấu" của Go-rơ-ki.	227
Bài số 156	Tóm tắt truyện "Cố hương" của Lỗ Tấn.	229
Bài số 157	Cảm nhận của em về hình bóng quê nhà và con người nơi quê cha đất tổ trong truyện "Cố hương" của Lỗ Tấn.	231
Bài số 158	Phân tích nhân vật Phi-líp trong truyện ngắn "Bố của Xi-mông" của nhà văn Guy đơ Mô-pa-xăng.	234
Bài số 159	Phân tích nhân vật em bé Xi-mông qua đoạn trích trong truyện ngắn "Bố của Xi-mông" của nhà văn Mô-pa-xăng.	235
Bài số 160	Hãy phân tích và nêu cảm nghĩ của em khi đọc "Con chó Bấc" trích tiểu thuyết "Tiếng gọi nơi hoang dã " của G- Lân-đơn.	236
Bài số 161	Phân tích bài "Mây và sóng" của Ta-go.	239
Bài số 162	Phân tích bài "Bàn về đọc sách" của Chu Quang Tiềm.	241

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715011; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: THU HUYỀN

Chế bản: Nhà sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa: Nhà sách HỒNG ÂN

Đơn vị / Người liên kết xuất bản:
Nhà sách HỒNG ÂN

SÁCH LIÊN KÍ

162 ĐỀ & BÀI LÀM VĂN CHỌN LỌC 9

Mã số: 2L - 299ĐH2008
In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Min
Số xuất bản: 1140 - 2008/CXB/11 – 200/ĐHQGHN, ngày 23/12/2008.
Quyết định xuất bản số: 299 LK-XH/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2009.